NELSON DEMILLE

"Một bậc thầy về tiểu thuyết Trinh thám"
DAN BROWN

ĐẢO PLUM

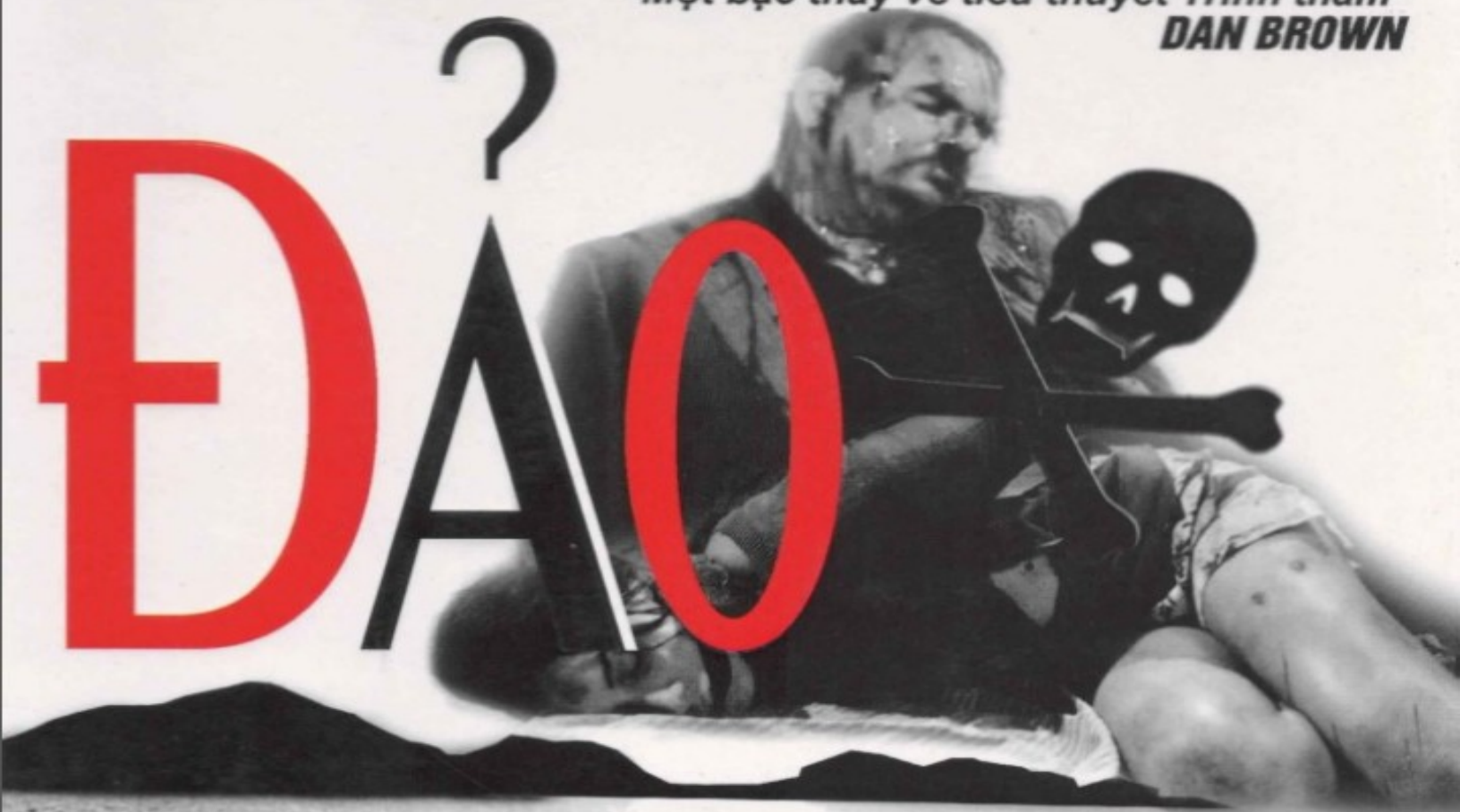

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

NELSON DEMILLE

Đỗ Thúy *dịch*

—★—

ĐẢO PLUM

• PLUM ISLAND •

(John Corey, #1)

NXB VĂN HÓA THÔNG TIN

ebook©vctvegroup | 03-07-2021

TÁC GIẢ

Nelson DeMille sinh năm 1943 tại thành phố New York. Ông lớn lên lại Long Island và tốt nghiệp trường đại học Hofstra về Khoa học và Lịch sử Chính trị. Sau khi làm sĩ quan bộ binh tại Việt Nam, DeMille vừa làm phóng viên vừa là nhà văn chuyên viết truyện ngắn. Ông đã viết cuốn tiểu thuyết lớn đầu tiên của mình là Bên dòng sông ở Babylon (By the Rivers of Babylon) với tổng số bản bán ra là hơn 55 triệu bản và được dịch ra 24 thứ tiếng, và sau đó ông tiếp tục viết 11 cuốn tiểu thuyết khác đều bán chạy trên khắp thế giới. Ông sống tại Long Island.

“Một cuốn tiểu thuyết kinh dị thật tài tình. Bạn sẽ thấy được cảm giác vui vẻ với những nút thắt là những đỉnh điểm của cuốn truyện”.

- Timeout

“Ớn lạnh... Cảm giác xuyên suốt cả cuốn tiểu thuyết hồi hộp này và sẽ khiến bạn luôn luôn trong suy nghĩ ngay cả khi bạn cười thật to”.

- New day

“Sức lôi cuốn... Nhờ sự kết hợp hoàn hảo từ y học, huyền bí, các thủ tục trong ngành cảnh sát, và khám phá đại dương... Cuốn sách đã đạt được thành công lớn trong việc chuyển hướng tới một kết thúc hoàn toàn bất ngờ... Một cái kết nhẹ nhàng đối với một nhà văn già đầy kinh nghiệm”.

- Tuần báo Publishers

“Ly kỳ, thú vị”.

- Kirkus Reviews

“Một cuốn tiểu thuyết đầy thú vị”.

- Tạp chí Associated

“Một cuốn sách thành công trong việc tạo tiếng cười giải trí... Kết hợp thông minh giữa thảm hoạ về sinh học và những truyền thuyết kỳ lạ về hải tặc”.

- Tạp chí Associated

CHƯƠNG 1

Tôi nhìn qua ống nhòm. Một chiếc tàu dài hơn chục mét đậu cách bờ biển chừng vài trăm thước. Trên boong, hai cặp nam nữ độ ba mươi tuổi đang cười đùa, tắm nắng, uống bia hay thứ gì đó. Hai người phụ nữ mặc quần lót bé xíu, ngực để trần. Một trong hai gã đang ở mũi tàu trút bỏ bộ đồ tắm, đứng đó một lát, khom người rồi nhảy tùm xuống nước và bơi quanh con tàu. Đất nước này vĩ đại thật. Tôi bỏ ống nhòm và nhấp một ngụm Budweiser.

Đó là cuối mùa nghỉ hè, không phải là cuối tháng Tám, mà là tháng Chín, trước Thu phân. Đã qua ngày nghỉ lễ Lao động, sắp sang nửa kia của mùa thu.

Tôi là John Corey, nghề nghiệp cảnh sát đang dưỡng thương, khi đó đang ngồi dưới mái hiên sau nhà của ông cậu ruột, ngả mình trên chiếc ghế bằng liễu gai, đầu óc miên man với những ý nghĩ hời hợt thoáng qua trong đầu. Với tôi, vấn đề của sự nhàn rỗi là không biết đến khi nào cuộc đời mình kết thúc.

Hiên nhà được làm theo kiểu cũ, bao bọc ba bề của ngôi nhà trong trang trại xây từ những năm 1890, thời Victoria. Tất cả đều làm vách gỗ, có trang trí, chóp nhọn, đầu hồi, đủ mọi thứ. Từ chỗ tôi ngồi có thể nhìn về phía nam tới Vịnh Great Peconic qua một bãi cỏ xanh dốc. Mặt trời đã xuống thấp ở chân trời phía tây, vị trí lúc 6 giờ 45 chiều. Tôi sống ở thành phố, nhưng lại thực sự thích những gì ở nông thôn, bầu trời và mọi thứ ở đó. Cuối cùng, cách đây vài tuần, tôi đã thấy được chòm Đại hùng tinh.

Tôi mặc chiếc áo phông đơn màu và quần jean ngắn mà trước đây khi chưa sút cân còn vừa vặn. Hai chân tôi gác lên lan can, khoảng giữa hai ngón chân cái phía đằng xa chính là con tàu khi nãy.

Thời gian này trong ngày là lúc ta bắt đầu nghe thấy tiếng dế, tiếng côn trùng. Nhưng tôi không hâm mộ gì những tiếng ồn ã đó của tự nhiên nên đã để một chiếc đài quay băng xách tay trên chiếc bàn con bên cạnh và nghe nhạc của nhóm *The Big Chill,* chai Budweiser đặt bên trái, chiếc ống nhòm để trên bụng. Trên sàn gần tay phải tôi là khẩu Smith & Wesson .38 với nòng dài năm phân, vừa khít với chiếc ví của tôi. Chỉ để đùa thôi.

Trong cái khoảng hai giây chuyển từ bài *When a Man Loves a Woman* sang bài *Dancing in the Street,* tôi nghe, hay linh cảm thấy, tiếng bước chân ai đó trên ván sàn đi quanh hiên. Vì sống một mình và cũng không mong chờ ai đó đến thăm, tôi với khẩu súng bên tay phải đặt vào bọc. Các bạn đừng cho rằng tôi mắc bệnh hoang tưởng, vì tôi đang điều trị, không phải bệnh tật mà là ba vết thương do đạn bắn, hai viên loại 9 li và một viên Magnum nòng 44. Kích cỡ của lỗ đạn không thành vấn đề. Cũng như trong mua bán nhà đất, quan trọng là vị trí, vị trí và vị trí. Rõ ràng mấy vết thương này ở những chỗ không đáng ngại, vì tôi đang phục hồi, chứ không rữa ra.

Tôi nhìn sang phía phải nơi góc hiên quanh qua mặt phía tây của ngôi nhà. Một người đàn ông xuất hiện và dừng lại cách tôi dăm mét, đôi mắt dõi theo những bóng dài của mặt trời sắp lặn. Kỳ thực, bóng anh ta phủ cả lên người tôi nên có vẻ như không nhìn thấy tôi. Với mặt trời phía sau lưng người đàn ông, tôi rất khó mà nhìn ra khuôn mặt hay phán đoán ý định của người đó. Tôi nói, "Có thể giúp gì được anh không?"

Người đàn ông quay lại phía tôi. "Ô, John, tôi không nhìn thấy cậu ở đó".

“Mời sếp ngồi”. Tôi nhét khẩu súng vào cạp quần dưới áo và vặn nhỏ tiếng của bài *Dancing in the Street*.

Đó là Sylvester Maxwell, gọi tắt là Max, cảnh sát trưởng của thị trấn này. Max bước đến phía tôi và tựa vào lan can, đối diện với tôi. Anh mặc chiếc áo khoác màu xanh da trời mang phù hiệu, sơ mi trắng cài khuy thấp, quần màu nâu, đi giày không tất, kiểu của dân đi tàu. Không thể biết anh đang làm nhiệm vụ hay không. Tôi nói, “Có nước ngọt trong thùng lạnh đấy.”

“Cám ơn”. Anh cúi xuống lấy một chai Budweiser ra khỏi thùng đá. Max thích gọi bia là nước ngọt.

Anh nhấp một chút, đôi mắt đăm chiêu nhìn vào khoảng không trước mặt. Tôi hướng lại ra phía vịnh và nghe bài *Too Many Fish in the Sea* của nhóm Marvelettes. Vì là ngày thứ hai nên khách đi nghỉ cuối tuần đã về hết, ơn Chúa. Nhu tôi đã nói, sau ngày lễ Lao động, hầu hết những người thuê nhà nghỉ đã đi khỏi và bạn có thể cảm nhận sự yên tĩnh trở lại. Max là người bản xứ mà lại không đi thẳng vào chuyện, nên tôi chỉ còn cách là chờ đợi. Cuối cùng, anh hỏi tôi: “Cậu là chủ nhà ở đây à?”.

“Là của cậu tôi. Ông ấy đang muốn tôi mua chỗ này.”

“Đừng mua bất cứ thứ gì. Phương châm của tôi là, nếu nay đây mai đó thì chỉ thuê thôi.”

“Cám ơn anh.”

“Cậu sẽ ở đây một thời gian chứ?”

“Tới khi nào không có gió thổi qua ngực tôi nữa.”

Anh mỉm cười, nhưng rồi đăm chiêu trở lại. Max có khổ người to lớn, trạc tuổi tôi, khoảng trên dưới bốn mươi lăm, tóc vàng hoe hơi gợn sóng, nước da đỏ khỏe mạnh và đôi mắt màu xanh. Dường như trong mắt phụ nữ,

anh là người điển trai. Điều này rất có lợi cho một cảnh sát trưởng Maxwell độc thân lại không mắc bệnh đồng tính.

Max nói, "Cậu cảm thấy thế nào rồi ?"

"Không tệ lắm."

"Cậu có thấy giống như bài tập cho tinh thần không?"

Tôi không đáp. Tôi đã quen biết Max mười năm nay, nhưng vì không sống ở đây nên tôi chỉ thi thoảng mới gặp anh. Cũng phải nói thêm, tôi là điều tra viên ở thành phố New York chuyên về các vụ án giết người, trước đây làm ở Bắc Manhattan cho tới khi tôi bị thương. Đó là vào ngày 12 tháng Tư. Trong khoảng hai chục năm chưa có điều tra viên nào bị bắn ở New York nên vụ của tôi gây chú ý lớn. Phòng Thông tin Công chúng của Sở Cảnh sát New York tiếp tục đưa tin vì vẫn đang trong thời gian hợp đồng. Với bề ngoài khá được của tôi, hay đại loại như vậy, họ cũng có chút lợi, với sự hợp tác của báo chí, và chúng tôi cứ tiếp tục như vậy. Trong lúc đó, hai tên thủ phạm đã bắn tôi thì vẫn nhởn nhơ bên ngoài. Vì thế, tôi mất một tháng ở Trung tâm y tế Columbia Presbyterian, sau đó nghỉ vài tuần trong căn hộ của tôi ở Manhattan trước khi cậu Harry gợi ý căn nhà nghỉ mùa hè của ông là nơi thích hợp với một người hùng. Sao lại không nhỉ? Tôi đến đây vào cuối tháng Năm, ngay sau ngày Tưởng niệm Liệt sỹ*.

Max nói, "Chắc cậu biết Tom và Judy Gordon."

Tôi nhìn anh. Ánh mắt hai người gặp nhau. Tôi hiểu. Tôi hỏi, "Cả hai người à?"

Anh gật đầu. "Cả hai." Sau một thoáng yên lặng kính cẩn, anh nói, "Tôi muốn cậu đến xem hiện trường."

"Tại sao lại là tôi?"

"Tại sao lại không? Coi như giúp tôi. Trước khi có người khác lần ra được điều gì đó. Tôi đang thiếu điều tra viên án giết người."

Kỳ thực, cảnh sát thị trấn Southold không có lấy một điều tra viên án giết người nào và điều này cũng chẳng sao vì rất ít khi có ai đó bị giết. Mà nếu có thì cảnh sát quận Suffolk sẽ nhảy vào cuộc, còn Max đứng ngoài. Max không thích điều này.

Cần nói thêm một chút về nơi này. Đây là vùng North Fork của đảo Long Island, bang New York. Theo một tấm bảng trên đường cao tốc, thị trấn Southold được một số người từ New Haven, bang Connecticut dựng lên vào những năm 1640. Theo tất cả những gì được biết, những người này đang trên đường chạy trốn khỏi sự truy đuổi của nhà vua. Vùng South Fork của đảo Long Island nằm ở phía bên kia của vịnh Peconic là một Hamptons đầy sành điệu: các nhà văn, nghệ sĩ, diễn viên, các hạng người được công chúng biết đến và đủ thứ hỗn tạp khác. Còn ở North Folk này, dân cư hầu hết là nông dân, ngư dân hay đại loại như vậy. Và có lẽ có một kẻ sát nhân.

Ngôi nhà của cậu Harry nằm ngay trong thôn Mattituck, khoảng một trăm dặm đường bộ từ Đường 102 Tây, nơi hai quý ông trông như dân Latinh xả mười bốn, mười lăm phát đạn chào tạm biệt, ba phát trúng vào mục tiêu di động cách chừng dăm sáu mét. Không phải là một màn trình diễn ấn tượng, nhưng tôi không chê bai hay phàn nàn gì.

Thị trấn Southold chiếm phần lớn vùng North Fork, bao gồm tám thôn và một ngôi làng, có tên là Greenport. Lực lượng cảnh sát gồm khoảng bốn mươi sỹ quan có tuyên thệ và Sylvester là cảnh sát trưởng.

Max nói, "Trông cậu không có vẻ đau đớn."

"Có chứ. Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi có trát đòi ra làm chứng ngoài này vào một thời điểm không mấy dễ chịu? Tôi không được trả tiền để làm điều này."

"Tôi đã gọi cho giám viên của thị trấn và được chấp nhận cho thuê cậu về làm chính thức với tư cách cố vấn. Một trăm đô la mỗi ngày."

“Chà. Nghe như thứ công việc mà tôi phải tiết kiệm để có được.”

Max tự cho mình nở nụ cười. “Này, nhưng bao cả tiền gas và điện thoại của cậu. Với lại hiện giờ cậu cũng không làm gì.”

“Tôi đang cố chữa lành vết thương ở phổi bên phải.”

“Công việc này cũng không nặng nhọc gì lắm.”

“Làm sao anh biết.”

“Đây là cơ hội để cậu trở thành công dân tốt của thị trấn Southold đấy.”

“Tôi là người New York. Không ai bắt tôi phải làm công dân tốt.”

“Này, cậu có biết rõ nhà Gordon không? Họ là bạn của cậu à?”

“Đại loại thế.”

“Vậy còn gì nữa? Đó là động cơ cho cậu. Thôi nào, John. Đứng dậy. Chúng ta đi. Tôi sẽ nợ cậu chuyện này. Đặt một vé nhé.”

Quả thật, tôi đã chán ngán, nhưng vợ chồng nhà Gordon là những người tốt... Tôi đứng dậy và đặt chai bia xuống. “Tôi sẽ nhận công việc với mức lương một đô la mỗi tuần để làm chính thức.”

“Tốt. Cậu sẽ không tiếc đâu.”

“Đương nhiên là sẽ tiếc.” Tôi tắt nhạc bài *Jeremiah Was a Bullfrog* và hỏi Max, “Có nhiều máu không.”

“Ít thôi, vết thương ở đầu.”

“Anh nghĩ tôi có cần xỏ dép không?”

“Ồ... một ít óc và xương sọ vỡ phía sau...”

“Được.” Tôi xỏ dép rồi cùng Max đi vòng theo hiên ra đường xe phía trước. Tôi ngồi vào chiếc xe cảnh sát không phù hiệu của Max, chiếc Jeep Cherokee màu trắng có lắp điện đài cảnh sát với thứ âm thanh loạc xoạc.

Chúng tôi đi dọc theo con đường dài từ nhà ra. Con đường được phủ bằng vỏ sò và hến cá từ trăm năm nay do cậu Harry và những người trước đó trải chúng lên đường cùng với tro và xỉ than của lò sưởi để tránh bùn và bụi. Dù sao đi nữa, chỗ này trước đây đã từng được gọi là trang trại của vịnh, giờ vẫn nằm phía trước vịnh, nhưng hầu hết diện tích của trang trại đã bị bán hết. Cây cối ở đây hơi quá lứa, chủ yếu là những thứ không còn dùng đến, như cây đầu xuân, liễu tơ và những hàng rào thủy lạp. Ngôi nhà sơn màu kem với những đường trang trí màu xanh, mái nhà cũng màu xanh. Tất cả đều rất đẹp, thực sự đẹp. Có lẽ tôi sẽ mua nó nếu mấy tay bác sĩ của cảnh sát nói tôi phải nghỉ hẳn. Tôi phải tập ho ra máu mất thôi.

Về chuyện vết thương, tôi được trả lương hưu miễn thuế suốt đời vì tỉ lệ thương tật ba phần tư. Chuyện này ở Sở Cảnh sát New York chẳng khác gì đến thành phố Atlantic, sà vào sòng bạc Trump's Castle, chúi đầu vào một chiếc máy đánh bạc trước sự chứng kiến của một luật sư chuyên về nợ. Độc đắc rồi!

"Cậu nghe thấy tôi nói không?"

"Gì cơ?"

"Tôi nói, một người láng giềng phát hiện ra họ lúc 5 giờ 45 chiều."

"Tôi được tính lương ngay lúc này đấy à?"

"Chắc chắn rồi. Mỗi người bị bắn một phát vào đầu. Người láng giềng phát hiện ra họ nằm ở hiên sau nhà."

"Max, tôi sẽ xem xét toàn bộ hiện trường. Còn người láng giềng kia thì sao?"

"Đó là Edgar Murphy, một ông già. Ông ta nghe tiếng tàu của vợ chồng Gordon về lúc 5 giờ 30. Khoảng mười lăm phút sau ông ta đi qua thì thấy họ đã bị giết. Không nghe thấy tiếng súng nào."

"Ông ta dùng máy trợ thính à?"

“Không. Tôi đã hỏi ông ta. Edgar nói bà vợ ông ta cũng vẫn thính tai. Vì thế, có thể là súng giảm thanh. Cũng có thể tai họ không được tốt như họ nghĩ.”

“Nhưng họ đã nghe thấy tiếng con tàu. Edgar chắc chắn về thời gian à?”

“Rất chắc chắn. Ông ta gọi cho chúng tôi lúc 5 giờ 51 chiều, tức là gần thời điểm đó.”

“Đúng.” Tôi nhìn đồng hồ. Lúc này là 7 giờ 10 phút. Chắc hẳn ngay sau khi đến hiện trường, Max đã có ý tưởng sáng suốt là tìm tôi. Tôi đoán các nhân viên điều tra án mạng của quận Suffolk hiện đang ở đó. Có lẽ họ đến từ một thị trấn nhỏ có tên là Yaphank, nơi đặt trụ sở của cảnh sát quận và cách chỗ vợ chồng Gordon sống khoảng một giờ lái xe.

Max nói đủ thứ dài dòng, còn tôi cố tập trung suy nghĩ. Nhưng đã năm tháng nay tôi chưa phải nghĩ đến những điều như thế này. Tôi định ngắt lời, “Chỉ các sự kiện chính thôi, Max!”, nhưng tôi lại để anh tiếp tục lải nhải. Cùng lúc đó, âm điệu của bài hát *Jeremiah Was a Bullfrog* vẫn luẩn quẩn trong đầu tôi. Các bạn biết đấy, thật sự rất khó chịu khi không thể dứt hẳn một điệu nhạc ra khỏi đầu. Nhất lại là thứ này.

Tôi nhìn ra ngoài qua cửa xe. Chúng tôi chạy dọc theo con đường chính theo hướng đông-tây có cái tên nghe dễ chịu là đường Main Road, tới một nơi gọi là Nassau Point, nơi vợ chồng Gordon sống - hoặc đã từng sống. North Folk gần giống như Cape Cod, vùng đất gió lộng nhô ra biển, ba bề là nước, một nơi có nhiều sự kiện lịch sử.

Dân cư bản địa không nhiều, chỉ khoảng hai mươi nghìn, nhưng lượng người đi nghỉ hè và nghỉ cuối tuần đến đây rất đông. Những xưởng sản xuất rượu vang cũng thu hút khách đến rồi đi trong ngày. Cứ thử mở một xưởng rượu, bạn sẽ có cả chục nghìn tay ăn chơi từ thành thị gần nhất đến nhâm nhi. Đố bao giờ sai.

Chúng tôi rẽ theo hướng nam tới Nassau Point. Nơi đây là một dải đất dài hai dặm giống như một lưỡi dao cắt vào vịnh Great Peconic. Từ cầu tàu ở nhà tôi tới nhà Gordon khoảng bốn dặm.

Nassau Point trở thành một điểm nghỉ hè từ khoảng những năm 1920. Nhà cửa ở đây từ những căn nhà gỗ đơn giản đến những tòa nhà hoành tráng. Albert Einstein cũng đã từng đến đây nghỉ hè, và chính từ đây, vào khoảng những năm 1930, ông đã biết "Bức thư Nassau Point" nổi tiếng gửi Roosevelt thúc giục ngài tổng thống tiến hành việc nghiên cứu chế tạo bom nguyên tử. Phần còn lại, như người ta nói, là cả lịch sử.

Một điều thú vị là Nassau Point vẫn là nơi ở của một số nhà khoa học. Một số người làm việc tại Phòng Thí nghiệm Quốc gia Brookhaven, cơ quan nghiên cứu hạt nhân bí mật hay gì đó cách đây khoảng ba mươi lăm dặm. Một số nhà khoa học làm việc trên Đảo Plum, khu vực tuyệt mật nghiên cứu sinh học đáng sợ tới mức phải đặt nó trên một hòn đảo. Đảo Plum cách khoảng hai dặm từ mũi Orient Point, điểm cuối cùng trên đất liền ở North Folk - điểm dừng tiếp theo là châu Âu.

Không phải ngẫu nhiên, Tom và Judy Gordon là hai nhà nghiên cứu sinh học làm việc trên Đảo Plum. Bạn có thể đánh cược là cả Sylvester Maxwell và John Corey đều đang nghĩ đến điều đó. Tôi hỏi Max. "Anh đã gọi cho cơ quan liên bang chưa?"

Anh lắc đầu.

"Sao lại không?"

"Giết người không phải là tội phạm cấp liên bang."

"Anh biết tôi đang nói gì mà, Max."

Maxwell không đáp.

CHƯƠNG 2

Chúng tôi đến ngôi nhà của Gordon nằm bên một con đường nhỏ trên bờ phía tây của mũi đất. Ngôi nhà là kiểu mẫu trang trại điển hình của những năm 1960, sau đó được tu sửa lại cho hợp với mốt đương đại của những năm 1990. Vợ chồng nhà Gordon gốc gác từ một nơi nào đó ở miền Trung Tây và tôi cũng không rõ lắm về con đường sự nghiệp của họ. Hai người thuê căn nhà này và có ý định mua nó, như đã có lần họ nói với tôi. Nếu tôi mà làm việc với những người đồng nghiệp như của họ, tôi sẽ chẳng có kế hoạch lâu dài nào hết. Tôi thậm chí còn không mua cả chuối xanh.

Tôi chợt để ý đến quang cảnh bên ngoài xe. Trên con đường dễ chịu đầy bóng râm, một nhóm người hàng xóm và trẻ con trên xe đạp đang đứng xung quanh dưới những bóng cây dài màu tía. Họ nói chuyện và nhìn về phía ngôi nhà của Gordon. Ba chiếc xe cảnh sát của thị trấn Southold đỗ phía trước ngôi nhà cùng với hai chiếc khác không mang phù hiệu. Một chiếc xe tải nhỏ phục vụ cho khám nghiệm hiện trường đỗ giữa đường xe ra vào ngôi nhà. Một điều cần làm là không lái xe hoặc đỗ xe tại khu vực hiện trường để tránh làm mất chứng cứ. Tôi cũng phấn khởi khi thấy lực lượng cảnh sát nhà quê của Max đến lúc này cũng đã vào cuộc.

Trên đường còn có hai chiếc xe của truyền hình, một của hãng tin địa phương tại đảo Long Island, một của hãng NBC News.

Tôi còn thấy một đám phóng viên đang nói chuyện với những người láng giềng, chĩa micrô vào bất cứ ai mở miệng, vẫn chưa đến màn xiếc của

báo chí, khi phần còn lại của những tay chuyên nặn tin nảy mò đến Long Island.

Dây băng màu vàng bảo vệ hiện trường được chăng vào cây cối xung quanh, cách ly ngôi nhà và nền. Max đỗ sau chiếc xe khám nghiệm và chúng tôi đi ra. Mấy chiếc máy ảnh nháy sáng, sau đó là một loạt ánh sáng từ những chiếc máy quay lớn. Chúng tôi đang được ghi hình cho bản tin lúc 11 giờ đêm. Tôi mong sao hội đồng giám định thương tật không xem bản tin này, chưa kể mấy tên đã cho tôi ăn đạn dạo trước, chúng sẽ biết tôi đang ở đâu.

Một sỹ quan mặc đồng phục đứng trên đường xe vào nhà với một cặp giấy trên tay, đó là người ghi biên bản hiện trường. Max báo cho anh ta tên, vị trí và thông tin về tôi. Vậy là tôi đã chính thức vào cuộc. Bây giờ là có thể phải chịu trát đòi của ủy viên công tố quận và các luật sư bào chữa. Đây là điều tôi thực sự không muốn chút nào, nhưng tôi đã trở lại khi số phận bắt phải thế.

Chúng tôi đi theo con đường trải sỏi qua một chiếc cổng vòm ra sân sau. Sân lát bằng gỗ tuyết tùng, nhiều bậc và thấp dần ra phía vịnh, nơi có bãi đậu và con tàu của vợ chồng Gordon. Một buổi tối thật đẹp. Giá như Tom và Judy vẫn còn sống để nhìn thấy cảnh đó.

Tôi quan sát đội khám nghiệm hiện trường làm việc, cộng thêm với ba viên cảnh sát của thị trấn Southold mặc đồng phục và một người phụ nữ mặc áo vét và váy đồng bộ, áo cánh màu trắng đi giày loại bền tốt. Đầu tiên tôi tưởng đó là người nhà được mời đến để nhận diện thi thể, nhưng sau thấy cô ta cầm một cuốn sổ và cây bút, trông có vẻ là người của chính quyền.

Tom và Judy nằm cạnh nhau trên nền sàn gỗ tuyết tùng màu xám bạc, lưng quay vào nhau, chân hướng về ngôi nhà, đầu quay ra phía vịnh. Chân

tay họ ở tư thế xiên như thể hai người đang nặn thiên thần tuyết. Một viên sỹ quan cảnh sát đang chụp ảnh thi thể. Ánh đèn flash chớp sáng chiếu lên sàn gỗ tạo ra một thứ ma quái trên những xác chết, khiến họ trông ghê sợ trong một phần nghìn giây, giống như trong phim *Đêm của người chết đang sống*.

Tôi nhìn trân trân vào những thi thể. Tom và Judy Gordon đang ở độ tuổi trên dưới ba mươi lăm, rất đẹp, ngay cả lúc đã chết, đến mức họ đôi khi bị nhầm với những người nổi tiếng khi đi ăn tối tại những nơi sành điệu hơn.

Cả hai đều mặc quần bò màu xanh, đi giày chạy bộ, áo phông có cổ. Chiếc áo của Tom màu đen với biểu trưng thủy quân lục chiến phía trước. Áo của Judy màu xanh sành điệu hơn với hình chiếc thuyền buồm màu vàng in trên ngực trái.

Tôi đoán Max không nhìn thấy nhiều người bị giết trong một năm, nhưng có lẽ đã thấy đủ kiểu người chết: tự nhiên, tự tử, đâm xe để không đến nỗi tái xanh mặt. Trông anh nghiêm nghị, lo lắng, trầm tư và rất chuyên nghiệp, nhưng anh nhìn vào những thi thể kia như thể không tin rằng lại có người bị giết đang nằm đó ngay trên chiếc sàn gỗ đẹp.

Còn tôi, chẳng giấu gì các bạn, làm việc ở một thành phố có khoảng 1.500 vụ giết người mỗi năm, chẳng còn xa lạ gì với cái chết, như người ta vẫn nói. Tôi không thấy cả 1.500 người bị giết, nhưng cũng đủ để không còn ngạc nhiên, ghê tởm, sốc hay buồn. Nhưng khi đó là người mà ta thân quen và yêu mến, mọi chuyện lại khác.

Tôi bước ngang qua sàn gỗ đến gần Tom Gordon. Tom bị một lỗ đạn ở giữa sống mũi. Judy có một lỗ ở thái dương bên trái.

Nếu xác định thủ phạm là một tên duy nhất thì Tom, một người lực lưỡng, có lẽ bị bắn trước, chỉ một phát vào đầu. Sau đó Judy sững sờ quay

sang phía chồng và lãnh viên đạn thứ hai vào thái dương. Cả hai viên đạn có lẽ đã xuyên qua xương sọ của họ và rơi ra phía vịnh. Rủi thay cho khoa đạn đạo học.

Tôi chưa bao giờ đến hiện trường một vụ giết người không bốc mùi - kinh khủng đến không thể tin được, nếu nạn nhân đã chết được một thời gian. Nếu ở đó có máu, tôi luôn ngửi thấy được mùi của nó. Còn nếu ổ bụng của thi thể đã bị làm thủng thì luôn có mùi đặc trưng của ruột. Đó là thứ mùi mà tôi không muốn thấy lại. Lần gần nhất tôi ngửi thấy mùi máu là của chính tôi. Dù sao đi nữa, vụ này xảy ra ở ngoài trời cũng đỡ hơn.

Tôi nhìn quanh và không thấy một chỗ nào gần đó mà hung thủ có thể nấp. Chiếc cửa kéo bằng kính của ngôi nhà còn mở và có thể kẻ giết người đã ở bên trong, nhưng cũng cách vị trí của thi thể sáu mét, trong khi không mấy người có thể bắn chính xác vào đầu như vậy từ khoảng cách đó bằng một khẩu súng ngắn. Tôi là bằng chứng sống của điều này. Ở khoảng cách sáu mét, trước hết phải bắn vào người, sau đó tiến đến gần và kết thúc bằng một phát vào đầu. Vì vậy có hai khả năng: kẻ giết người sử dụng súng dài chứ không phải súng ngắn, hoặc đã tiến đến gần hai người mà không làm họ cảnh giác. Một người trông bình thường, không có vẻ gì là đe dọa, thậm chí có thể là người quen của họ. Vợ chồng Gordon đã bước ra khỏi tàu, đi lên sân và nhìn thấy người này ở một điểm nào đó và tiếp tục tiến đến. Người kia giơ súng lên từ khoảng cách không quá mét rưỡi và bắn chết cả hai vợ chồng.

Tôi quan sát xung quanh hai thi thể và thấy những lá cờ nhỏ có màu được gắn nhiều chỗ trên sàn gỗ tuyết tùng. "Màu đỏ là chỉ máu à?"

Max gật đầu. "Màu trắng là xương sọ, màu xám là..."

"Hiểu rồi." May mà tôi đã đi dép.

Max thông báo cho tôi, "Lỗ đạn ra rất to, gần mất cả phần nửa sau của đầu. Và như anh thấy, lỗ đạn vào cũng to. Tôi đoán là loại nòng 45. Hiện vẫn chưa tìm thấy hai đầu đạn, có lẽ chúng đã bay ra và rơi xuống vịnh."

Tôi không đáp.

Max đi tới phía chiếc của trượt bằng kính. Anh thông báo, "Cửa trượt bị phá, ngôi nhà bị lục tung. Đồ đạc lớn không bị mất - tivi, máy tính, đầu đĩa, tất cả mọi thứ vẫn còn. Nhưng có thể đồ trang sức và các vật dụng nhỏ bị mất."

Tôi suy nghĩ về điểm này trong giây lát. Cũng giống như những người trí thức khác làm việc cho cơ quan của chính phủ, vợ chồng Gordon không có nhiều đồ trang sức, tác phẩm nghệ thuật hay bất cứ thứ gì giống như vậy. Một gã nghiện thì sẽ khuân các thứ đồ điện tử đắt tiền hay na ná như thế rồi chuồn.

Max nói, "Tôi đoán thế này - một hoặc nhiều tên trộm đang lục lọi trong nhà, chúng nhìn thấy vợ chồng Gordon đang tiến đến gần qua cửa kính, chúng bước ra sân và nổ súng rồi tẩu thoát." Anh nhìn tôi hỏi, "Đúng không?"

"Nếu anh nói như vậy."

"Đúng thế."

"Tôi hiểu." Như thế nghe tốt đẹp hơn là căn nhà của các nhà khoa học nghiên cứu chiến tranh vi trùng tuyệt mật bị lục soát và các nhà khoa học bị sát hại.

Max tiến gần đến tôi và nói nhỏ, "Cậu nghĩ gì, John?"

"Một trăm đô la mỗi giờ đấy à?"

"Thôi nào, anh bạn. Đừng chọc tôi nữa. Có thể đây là vụ án mạng đôi tầm cỡ thế giới đấy."

Tôi đáp, "Nhưng chẳng phải anh nói đây có thể đơn giản như chuyện chủ nhà đến hiện trường và chết sao."

"Đúng nhưng hóa ra chủ nhà lại là... là cái gì cũng được." Anh nhìn tôi rồi nói, "Dựng lại nhé."

"Được. Anh hiểu rằng hung thủ không bắn từ chỗ cửa kính. Hắn đứng ngay trước mặt họ. Cái cửa mà anh thấy đang mở khi đó được đóng lại để vợ chồng Gordon không phát hiện ra điều gì bất thường lúc tiến gần đến ngôi nhà. Hung thủ có thể đang ngồi đây trên một trong những chiếc ghế này. Có thể gã đi đến bằng thuyền vì không muốn đỗ xe ở trước nhà để cho cả thiên hạ nhìn thấy. Hoặc cũng có thể đồng bọn đưa hắn đến đây. Trong cả hai trường hợp, vợ chồng Gordon hoặc đã biết gã hoặc không thấy phiền quá mức với sự xuất hiện của người này ở sân sau nhà mình. Và có thể đây là phụ nữ, một người xinh đẹp và hấp dẫn, vợ chồng Gordon tiến đến gần ả và ả tiến về phía họ. Hai bên có thể trao đổi một vài lời và ngay lập tức sau đó, hung thủ rút súng bắn chết họ."

Cảnh sát trưởng Maxwell gật đầu.

"Nếu hung thủ đang tìm kiếm gì đó ở bên trong, có thể là đồ trang sức, tiền mặt hoặc giấy tờ tài liệu. Anh biết rồi, những thứ liên quan đến vi trùng. Gã giết vợ chồng Gordon không phải vì bất ngờ đụng với họ mà vì muốn họ chết. Gã đã chờ họ về. Anh biết tất cả những điều này mà."

Anh gật đầu.

Tôi nói tiếp, "Một lần nữa, Max, tôi đã thấy nhiều vụ trộm vụng về và không thành công, trong đó chủ nhà bị giết, còn tên trộm thì chẳng lấy được gì. Nếu là trường hợp của một tên nghiện ma túy thì mọi việc chẳng có nghĩa gì cả."

Cảnh sát trưởng Maxwell xoa cằm suy nghĩ về cái khác nhau giữa một gã nghiện với khẩu súng trong tay và một kẻ ám sát lạnh lùng, hay một

hạng nào đó giữa hai thứ ấy.

Trong khi anh đang suy nghĩ, tôi quỳ bên cạnh hai thi thể, sát chỗ Judy. Đôi mắt cô mở rất to, trông còn nét thảng thốt. Mắt của Tom cũng mở, nhưng trông anh bình thản hơn người vợ. Đám ruồi đã đánh hơi thấy mùi máu xung quanh các vết thương. Tôi định xua chúng đi, nhưng điều đó không quan trọng.

Tôi xem xét hai thi thể kỹ càng nhưng không để chạm vào bất cứ thứ gì mà đội khám nghiệm hiện trường sẽ làm việc. Tôi quan sát tóc, móng tay, da, quần áo, giày và mọi thứ. Tôi vỗ nhẹ vào má Judy và đứng dậy.

Maxwell hỏi tôi, "Cậu quen biết họ bao lâu rồi?"

"Từ khoảng tháng Sáu."

"Trước đây cậu đã đến ngôi nhà này lần nào chưa?"

"Rồi. Anh phải hỏi tôi thêm một câu."

"Ồ... Tôi phải hỏi... Cậu ở đâu lúc 5 giờ 30 chiều?"

"Cùng bạn gái anh."

Anh mỉm cười, nhưng không có ý vui vẻ.

Tôi hỏi Max, "Anh biết rõ về họ không?"

Ngập ngừng một lát, anh trả lời, "Chỉ xã giao thôi. Cô bạn gái kéo tôi đến các cuộc thi nếm rượu vang và những sự kiện đại loại như thế."

"Cô ấy ư? Và tại sao anh lại biết tôi quen họ?"

"Họ có nói là đã gặp một cảnh sát New York đang dưỡng thương. Tôi nói là tôi biết cậu."

"Thế giới nhỏ bé thật," tôi nói.

Anh không đáp.

Tôi nhìn quanh sân. Phía đông của sân là ngôi nhà. Phía nam là một dãy hàng rào cao dày, bên kia hàng rào là nhà của Edgar Murphy, người láng

giềng đã phát hiện ra các thi thể. Phía bắc là một khu đầm mở chạy dài vài trăm thước đến ngôi nhà tiếp theo vừa đủ tầm mắt nhìn. Phía tây, sân chia thành ba bậc thấp dần ra phía vịnh nơi bãi đỗ tàu chạy ra khoảng ba chục mét tới vùng nước sâu hơn. Ở cuối bãi đỗ là con tàu của nhà Gordon. Đó là loại tàu cao tốc làm bằng sợi thủy tinh, màu trắng bóng lộn, kiểu Formula 3 gì đó, dài độ chín mét. Con tàu được đặt tên là *Spirochete,* như chúng ta biết từ Phòng Thí nghiệm Sinh học 101 là tên loại vi trùng khủng khiếp gây ra bệnh giang mai. Vợ chồng Gordon thật có khiếu hài hước.

Max nói, "Edgar Murphy cho biết rằng vợ chồng Gordon thỉnh thoảng dùng tàu riêng để đi lại tới Đảo Plum. Họ đi bằng phà của chính phủ khi thời tiết xấu hoặc vào mùa đông."

Tôi gật đầu. Tôi biết điều này.

Anh nói tiếp, "Tôi sẽ gọi cho Đảo Plum xem người ta có biết thời gian họ rời đảo hay không. Biển lặng, thủy triều đang lên, gió thổi từ phía đông, nên họ có thể mất thời gian nhiều nhất để đi từ đảo về đây."

"Tôi không phải là thủy thủ."

"Tôi thì biết nghề này. Có thể họ chỉ mất một giờ để đi từ Đảo Plum về đây, nhưng thường là một giờ rưỡi, tối đa là hai giờ. Ông bà Murphy nghe tiếng tàu của Gordon về khoảng lúc 5 giờ 30. Ta phải xem có thể biết được thời gian họ rời Đảo Plum hay không, sau đó sẽ có thể chắc chắn hơn một chút tiếng tàu mà ông bà Murphy nghe thấy lúc 5 giờ 30 có phải là của nhà Gordon hay không."

"Đúng." Tôi nhìn quanh sân. Một hiên nhà và những đồ đạc bình thường - bàn, ghế, quầy bar ngoài trời, ô che nắng, và những thứ khác. Những bụi cây và cây nhỏ mọc qua các khe gỗ trên sàn, nhưng cơ bản là không có chỗ nào để một người có thể nấp và phục kích hai người đang ở ngoài sân.

“Cậu đang nghĩ gì thế?” Max hỏi.

“Tôi đang nghĩ đến chiếc sàn gỗ tuyệt vời kiểu Mỹ. Gỗ to, không cần tu sửa, nhiều bậc, có trang trí. Không giống như cái hiên hẹp lỗi mốt của tôi lúc nào cũng cần tô vẽ. Nếu tôi mua căn nhà của ông chú, tôi có thể làm một chiếc sân gỗ thấp dần ra phía vịnh giống như cái này. Nhưng sau đó tôi sẽ không còn nhiều vạt cỏ nữa.”

Max để một vài giây trôi qua rồi hỏi, “Đó là điều cậu nghĩ sao?”

“Đúng. Còn anh đang nghĩ gì?”

“Tôi đang nghĩ về một vụ giết hai mạng người.”

“Tốt. Vậy cho tôi biết những điều khác anh phát hiện được ở đây đi.”

“Được.” Anh chỉ ngón tay cái về phía con tàu “Khi vừa đến tôi sờ vào động cơ và thấy vẫn còn nóng, cũng như hai thi thể.”

Tôi gật đầu. Mặt trời bắt đầu lặn xuống vịnh, trời tối dần và trở nên mát hơn. Tôi bắt đầu thấy lạnh với chiếc áo phông và quần soóc, lại không mặc quần lót.

Tháng Chín thực sự là thời gian vàng ở vùng bờ biển Đại Tây Dương, từ Outer Banks tới Newfoundland. Ban ngày trời dịu, ban đêm dễ ngủ. Đó là mùa hè mà không nóng, không ẩm, mùa thu không có những cơn mưa lạnh. Những đàn chim mùa hè vẫn chưa rời đi, những con chim di cư đầu tiên từ phương bắc đang nghỉ lại trên đường xuống phương nam. Nếu tôi rời Manhattan và sống ở đây, tôi sẽ hòa vào thiên nhiên này, sẽ đi thuyền, câu cá và làm mọi thứ như thế.

Max nói tiếp, “Và một điều nữa - sợi dây được quấn quanh cái cọc.”

“Ồ, có một điểm đột phá trong vụ này rồi. Sợi dây nào?”

“Là sợi dây buộc tàu. Dây không buộc chặt vào mấu cọc trên bãi mà chỉ quấn tạm vào những chiếc cột lớn nhô khỏi mặt nước. Tôi đoán là họ định

đi tiếp ra ngoài bằng tàu ngay sau đó."

"Nhận xét tốt đấy."

"Cậu có ý tưởng nào không?"

"Không."

"Bất cứ nhận định nào của riêng cậu?"

"Tôi nghĩ anh đã có trước tôi rồi, thưa Cảnh sát trưởng."

"Giả thuyết, ý nghĩ, linh cảm. Có thứ gì không?"

"Không."

Maxwell dường như muốn nói điều gì khác, kiểu như "Cậu bị sa thải", nhưng thay vào đó lại bảo "Tôi phải đi gọi điện." Anh đi khuất vào trong ngôi nhà.

Tôi nhìn lại những thi thể. Người phụ nữ với bộ đồ nâu nhạt đang dùng phấn vẽ xuống sàn xung quanh Judy. Ở thành phố New York, người làm việc này là phải là nhân viên điều tra, và tôi đoán ở đây cũng thế. Mục đích là để cho người điều tra viên theo đuôi vụ án tới khi kết thúc và làm việc với ủy viên công tố quận phải biết và làm việc trong toàn bộ vụ án ở phạm vi có thể. Vì thế, tôi kết luận, người phụ nữ trong bộ đồ nâu nhạt là một điều tra viên và được phân công điều tra vụ án này. Tôi kết luận thêm rằng tôi sẽ đi đến chỗ phải đối phó với cô nàng nếu quyết định giúp Max trong vụ này.

Hiện trường của một vụ giết người là một trong những nơi thú vị nhất trên thế giới nếu bạn biết mình đang tìm kiếm gì và đang quan sát cái gì. Hãy xem những người như Tom và Judy, họ quan sát những con vi trùng dưới kính hiển vi và có thể nói tên của lũ vi trùng, hiện chúng đang làm gì, chúng có khả năng tác động như thế nào đối với người đang quan sát chúng, v.v... Nhưng nếu tôi mà nhìn vào đám vi trùng thì cái mà tôi thấy

chỉ là những đường vạch ngoằn ngoèo nhỏ. Tôi không có cái đầu hay đôi mắt được đào tạo để nghiên cứu vi trùng.

Tuy nhiên, khi nhìn vào xác chết và hiện trường xung quanh cái xác đó, tôi thấy được những điều mà đa số mọi người không nhìn thấy. Max chạm vào động cơ của con tàu và những thi thể rồi nhận ra rằng cả hai còn ấm. Anh thấy con tàu được buộc như thế nào và cả chục chi tiết nhỏ khác mà một người bình thường không nhận ra được. Nhưng Max chưa phải một điều tra viên thực thụ, anh vẫn thuộc loại hạng hai, trong khi giải quyết một vụ án mạng như thế này cần phải có tầm cao hơn nhiều. Anh biết vậy, và đó là lí do tại sao anh gọi tôi.

Ngẫu nhiên tôi lại có quen biết với nạn nhân. Đối với một điều tra viên thì đây là một lợi thế lớn. Ví dụ, tôi biết rằng vợ chồng Gordon thường mặc quần soóc, áo phông cộc tay, đi giầy da mềm ở trên tàu tới Đảo Plum. Khi làm việc, họ mặc quần áo của phòng thí nghiệm hoặc bộ đồ chống nguy hiểm sinh học hay thứ gì đó. Còn nữa, Tom trông không giống Tom trong chiếc áo phông màu đen, còn Judy như tôi nhớ là người ưa màu lạt hơn. Tôi đoán rằng họ ăn mặc như vậy là để ngụy trang, còn giầy thể thao là để chạy cho nhanh. Nhưng cũng phải nói lại, có thể chính tôi đang dựng ra manh mối. Phải rất cẩn thận mới tránh được việc này.

Nhưng trên dây giầy của họ còn có vết đất đỏ. Vậy là từ đâu ra? Không phải là từ phòng thí nghiệm, có lẽ cũng không phải là ở đường đi bộ ra bãi đỗ tàu phà của Đảo Plum, không phải trên tàu của họ, cũng không phải ở bãi đỗ và sàn sân nhà này. Có vẻ như họ đã ở đâu đó ngày hôm nay, cách họ ăn mặc cũng khác, và đương nhiên, ngày hôm nay cũng kết thúc theo cách khác. Còn có điều gì khác đang diễn ra ở đây. Tôi không biết là cái gì, nhưng rõ ràng là có một điều khác.

Tuy nhiên, vẫn còn khả năng họ tình cờ đụng phải một vụ trộm, nghĩa là vụ này không liên quan gì đến công việc của họ. Vấn đề là Max lo ngại về

điều đó và nhạy cảm với nó, và nó đã lây sang tôi, xin lỗi các bạn về cách chơi chữ này. Và trước nửa đêm, Cục Điều tra Liên bang FBI, Tình báo Quân đội và cả CIA sẽ viếng thăm nơi này. Trừ khi Max tóm được một tên trộm nghiện ngập trước lúc đó.

"Xin lỗi."

Tôi quay về phía phát ra giọng nói. Đó là người phụ nữ mặc đồ nâu nhạt. Tôi nói, "Không có gì."

"Xin lỗi, anh có nhiệm vụ ở đây à?"

"Tôi ở đây với đội."

"Anh là sỹ quan cảnh sát?"

Rõ ràng chiếc áo phông và quần soóc của tôi không hợp với hình ảnh của một nhân viên thực thi pháp luật. Tôi đáp, "Tôi đi cùng Cảnh sát trưởng Maxwell."

"Tôi thấy rồi. Anh đã ghi tên vào hiện trường chưa?"

"Sao cô không đi kiểm tra?" Tôi quay người và bước xuống tầng sân gỗ phía dưới, tránh đụng vào những lá cờ nhỏ in màu. Tôi hướng ra phía bãi đỗ tàu. Cô nàng đi theo tôi.

"Tôi là điều tra viên Penrose từ đội điều tra án mạng quận Suffolk. Tôi phụ trách điều tra vụ này."

"Xin chúc mừng."

"Và trừ khi anh có trách nhiệm ở đây..."

"Cô phải nói với cảnh sát trưởng." Tôi bước xuống bãi đỗ tàu ra tới chỗ buộc con tàu của vợ chồng Gordon. Gió thổi lộng và mặt trời đã khuất hẳn. Lúc này tôi không còn thấy chiếc thuyền nào ngoài vịnh, trừ một vài con tàu gắn động cơ chạy qua với đèn pha bật sáng. Một vầng trăng khuyết đã mọc lên từ phía đông nam, tỏa ánh sáng lung linh trên mặt nước.

Thủy triều đã lên cao và con tàu dài mười mét ở gần ngang với cầu tàu. Tôi nhảy lên boong.

"Anh làm cái gì đấy? Anh không được làm thế."

Nàng rất đẹp, tất nhiên rồi, nếu xấu thì tôi đã tử tế hơn nhiều. Cách ăn mặc của nàng, như tôi thấy, khá đơn giản, nhưng cơ thể dưới lớp quần áo nghiêm chỉnh kia là một bản giao hưởng của những đường cong, một giai điệu của da thịt đang cố thoát tác. Quả thực, trông nàng như một kẻ buôn lậu giấu trong mình những trái bóng căng phồng. Điều thứ hai tôi nhận ra là trên tay nàng không có nhẫn cưới. Điền vào phần còn lại trong mẫu: tuổi hơn ba mươi một chút; tóc dài trung bình, màu nâu đồng; mắt xanh pha giữa màu da trời và màu lá cây; da trắng, không nhiều ánh nắng cho mùa này trong năm; trang điểm nhẹ; môi khêu gợi; không tì vết hoặc sẹo nhìn thấy được; không khuyên tai; không đánh móng tay; nét tức giận thể hiện trên mặt.

"Anh có *nghe* tôi nói không?"

Nàng còn có giọng nói ngọt ngào ngay cả với âm điệu như lúc này. Tôi đoán có lẽ vì gương mặt xinh đẹp, cơ thể tuyệt vời và giọng nói mềm mại nên điều tra viên Penrose khó mà làm người khác suy nghĩ nghiêm túc, và vì thế mà nàng cố bù lấp bằng thứ quần áo trông như của đàn ông. Có lẽ nàng còn có một cuốn sách tựa đề là *Ăn mặc để làm nổ bóng*.

"Anh có nghe tôi nói không?"

"Tôi đang *nghe*. Cô có nghe tôi nói không? Tôi bảo cô đi nói chuyện với ông cảnh sát trưởng."

"Tôi phụ trách ở đây. Trong các vụ giết người, cảnh sát quận..."

"Thôi được, chúng ta sẽ cùng đi gặp cảnh sát trưởng. Chỉ một phút thôi."

Tôi quan sát nhanh xung quanh con tàu, nhưng trời đã tối nên tôi không thấy gì nhiều. Tôi cố tìm một chiếc đèn pin. Tôi nói với Penrose, "Cô nên cử một nhân viên ở đây suốt đêm."

"Cám ơn vì đã chia sẻ ý nghĩ của anh. Xin hãy ra khỏi chiếc tàu."

"Cô có mang theo đèn pin không?"

"Ra khỏi tàu! Ngay lập tức."

"Được." Tôi bước lên thành tàu. Điều ngạc nhiên với tôi là nàng lại đưa tay cho tôi nắm. Da nàng mát rượi. Nàng kéo tôi lên cầu tàu và cùng một lúc, nhanh như một con mèo, tay phải nàng thò vào dưới áo tôi chộp ngay khẩu súng bên hông. *Ái chà*.

Nàng lùi lại, tay cầm khẩu súng của tôi. "Đứng nguyên tại chỗ."

"Vâng, thưa cô."

"Anh là ai?"

"Điều tra viên John Corey, Sở Cảnh sát New York, chuyên điều tra án mạng, thưa quí cô."

"Anh làm gì ở đây."

"Giống như cô thôi."

"Không. Vụ này tôi làm. Không phải anh."

"Có đấy, thưa cô."

"Anh có tư cách chính thức gì ở đây không?"

"Có, thưa cô. Tôi được thuê làm cố vấn."

"Cố vấn? Trong một vụ án mạng? Tôi chưa bao giờ nghe thấy cái này."

"Tôi cũng vậy."

"Ai thuê anh."

"Thị trấn này."

"Vớ vẩn."

"Đúng." Nàng dường như không biết phải làm gì tiếp theo, nên để tỏ sự sẵn lòng giúp đỡ, tôi nói, "Cô có muốn khám người tôi không?"

Tôi nghĩ là mình nhìn thấy dưới ánh trăng một nụ cười thoáng qua trên đôi môi nàng. Trái tim tôi đang oằn lên vì nàng, hay có thể là cái lỗ thủng trong phổi tôi đang kiếm chuyện.

Nàng hỏi tôi, "Vừa nãy anh nói tên anh là gì?"

"John Corey."

Nàng tìm kiếm trong trí nhớ mình. "Ồ... anh là anh chàng..."

"Chính là tôi. May cho tôi."

Nàng dường như dịu lại, quay khẩu súng một vòng rồi đưa cho tôi, báng súng chìa ra trước. Nàng quay người bước đi.

Tôi đi theo nàng dọc theo cầu tàu qua ba bậc sân lên nhà. Những ánh đèn bên ngoài chiếu sáng cả khu vực xung quanh các cửa kính. Những con bướm đêm vây quanh các bóng đèn.

Max đang nói chuyện với một người trong đội kỹ thuật hình sự. Anh quay sang tôi và Penrose rồi hỏi, "Hai bạn đã gặp nhau chưa?"

Penrose bật lại, "Sao lại có anh ta tham gia vụ này?"

Max đáp, "Vì tôi muốn cậu ấy tham gia."

"Đó không phải là quyết định của anh, thưa cảnh sát trưởng."

"Và cũng không phải của cô."

Hai người cứ lời qua tiếng lại, còn tôi thì phát ngán. Tôi nói, "Cô ấy đúng, thưa cảnh sát trưởng. Tôi ra khỏi chỗ này. Cho tôi đi nhờ xe về nhà." Tôi quay người bước ra phía chiếc cổng vòm, rồi với một chút đóng kịch có chuẩn bị trước, tôi quay đầu lại phía Maxwell và Penrose nói, "Tiện thể, xin hỏi có ai lấy chiếc thùng nhôm ở đằng sau con tàu không."

Max hỏi, "Thùng nhôm nào?"

"Vợ chồng Gordon có một chiếc thùng nhôm lớn họ dùng để chứa những thứ lặt vặt, có khi dùng làm thùng đá để bia và mồi câu."

"Nó ở đâu?"

"Đấy là điều tôi muốn hỏi anh."

"Tôi sẽ tìm."

"Ý tưởng hay đấy." Tôi quay người bước qua cổng ra bãi cỏ phía trước, xa hẳn những chiếc xe cảnh sát. Những người láng giềng đã tụ tập bởi sự hiếu kỳ một cách bệnh hoạn khi tin tức về vụ giết hai mạng người lan đi trong cộng đồng nhỏ bé này.

Một vài chiếc máy quay hướng về phía tôi, sau đó ánh đèn chiếu bật lên, soi sáng cả tôi và phần trước của ngôi nhà. Máy quay bắt đầu chạy, các phóng viên hướng về phía tôi. Giống y như dạo trước. Tôi đưa tay lên miệng giả vờ ho, nhỡ đâu có người trong hội đồng giám định thương tật đang ngồi xem truyền hình, chưa kể đến cô vợ cũ của tôi.

Một viên cảnh sát mặc đồng phục từ sân sau tiến ra phía tôi. Chúng tôi lên một chiếc xe mang hiệu của cảnh sát thị trấn Southold và đi ra. Anh chàng cảnh sát tên là Bob Johnson. Anh ta hỏi tôi, "Anh nghĩ thế nào, điều tra viên?"

"Họ bị giết."

"Ồ, không đùa đâu." Anh chàng ngập ngừng rồi hỏi, "Này, anh có nghĩ chuyện này có liên quan đến Đảo Plum không?"

"Không."

"Nói anh biết nhé - Tôi đã chứng kiến nhiều vụ trộm, còn đây không phải trộm. Mọi thứ trông có vẻ giống như một vụ trộm, nhưng đó là lục lọi - anh hiểu không? Bọn chúng tìm kiếm thứ gì đó."

“Tôi không nhìn vào bên trong.”

“Vi trùng.” Anh ta liếc sang tôi. “Vi trùng. Vi trùng trong chiến tranh vi trùng. Tôi nghĩ vậy. Có đúng không?”

Tôi không đáp.

Johnson nói tiếp, “Đó là điều xảy ra với chiếc thùng đá. Tôi nghe thấy anh nói thế.”

Tôi vẫn không đáp.

“Có nhiều lọ thủy tinh nhỏ hay thứ gì đó ở trong chiếc thùng. Đúng không? Ý tôi là, lạy Chúa, có thể có đủ thứ đó để quét sạch cả đảo Long Island... cả thành phố New York.”

Có lẽ là cả hành tinh này, Bob, tùy thuộc đó là loại vi trùng nào và khả năng phát triển của chúng từ số lượng ban đầu.

Tôi nghiêng người về phía sỹ quan Johnson, nắm lấy cánh tay để khiến anh ta chú ý hơn. Tôi nói, “Đừng có hé một tiếng thối tha nào về chuyện này. *Anh hiểu không?”*

Anh ta gật đầu.

Chúng tôi lái xe trong im lặng trở về nơi ở của tôi.

CHƯƠNG 3

Ai cũng cần có một chỗ để lui tới thường xuyên, ít nhất là với cánh mày râu. Khi ở thành phố, tôi thường đến câu lạc bộ Nghệ thuật Quốc gia và nhấm nháp rượu se-ri cùng những người có văn hóa và tao nhã. Cô vợ cũ của tôi cũng không thể nào tin được điều đó.

Còn ở đây, tôi thường tới một nhà hàng có tên là Olde Towne Taverne*, dù tôi thường tránh những nơi có nhiều chữ "e" câm ở cuối như vậy. Tôi nghĩ chính phủ phải phân phối một nghìn chữ "e" câm cho cả New England và Long Island, và khi đã sử dụng hết thì không ai được dùng thêm nữa. Dù sao đi nữa, Olde Towne Taverne cũng nằm trong khu thương mại Mattituck dài chừng một con phố và thực sự rất đẹp. Quán OTT này khá tốt, làm theo kiểu phục vụ khách đi tàu sớm, mặc dù đó là một quán rượu và cách biển đến một dặm. Quán làm bằng gỗ màu rất sẫm, sàn lát ván gỗ sồi. Thứ mà tôi thích là những chiếc đèn lồng kính màu hổ phách tỏa thứ ánh sáng dịu dàng khắp xung quanh làm thay đổi tâm trạng con người.

Vì thế tối nay tôi cũng đang ở quán OTT, lúc đó đã gần 10 giờ. Đám đông tối thứ hai đang xem chương trình *Trận đấu* - đội Dallas gặp New York trên sân Medowlands. Đầu óc tôi nhảy nhót qua mọi thứ, trận đấu, vụ án mạng, đồ ăn, và cả cô hầu bàn có cái mông như để quảng cáo cho máy tập NordicTrack.

Tôi ăn vận lịch sự hơn hồi chiều, mặc đồ buổi tối với quần bò Levi's, áo phông có cổ của hãng Ralph, giày Sperry xịn, đồ lót Hanes một trăm

phần trăm cốt tông. Trông tôi giống như đi quảng cáo cho một hãng thời trang nào đó.

Tôi ngồi bên một chiếc bàn cao tới ngực ở gần quầy bar. Chỗ ngồi xem ti vi rất tốt và món ăn tôi thích ở trước mặt - thịt băm có lẫn phó mát, khoai tây chiên, cánh gà rán và một chai bia Budweiser, một sự hài hòa giữa những thứ màu nâu và màu vàng.

Điều tra viên Penrose của cảnh sát quận cứ như chui lên từ đằng sau tôi, và điều tiếp theo tôi biết là cô nàng đang ngồi trên chiếc ghế đối diện tôi, tay cầm cốc bia, đầu chắn cả màn hình tivi. Nàng nhìn chăm chú bữa tối của tôi, đôi lông mày nàng cong lên.

Nàng nhìn tôi rồi nói, "Max nghĩ tôi có thể tìm anh ở đây."

"Cô có muốn một ít khoai tây chiên không?"

"Không, cám ơn." Nàng do dự, rồi nói, "Tôi nghĩ chúng ta đã làm quen với nhau theo cách không được hay lắm."

"Nói sai rồi. Tôi không để tâm chuyện bị người khác cầm súng của mình chĩa vào người đâu."

"Này, tôi đã nói chuyện với Max, và tôi nghĩ rằng ... nếu cảnh sát thị trấn muốn anh làm cố vấn, điều đó không có vấn đề gì với tôi. Và nếu anh muốn chuyển cho tôi thứ gì đó mà anh nghĩ là có ích, xin cứ gọi cho tôi." Nàng đưa cho tôi danh thiếp. Tôi đọc, "Điều tra viên Elizabeth Penrose." Bên dưới là dòng chữ "Đội Điều tra án mạng", sau đó là địa chỉ văn phòng, số fax, điện thoại, v.v... Ở bên trái là con dấu của quận Suffolk với dòng chữ "Tự do và Độc lập" quanh một con bò trông gớm ghiếc. Tôi bình luận, "chân dung cô không được giống cho lắm."

Nàng chìn chằm chằm vào tôi, quai hàm nàng như nghiến lại, hai lỗ mũi mở to khi nàng hít một hơi dài. Nàng giữ được bình tĩnh, một điều đáng khâm phục. Có thể tôi là người khó chịu.

Tôi nhoài người qua bàn cho tới khi mũi hai người cách nhau bằng một trái bóng đá. Mùi của nàng dễ chịu, giống mùi xà bông và sạch sẽ. Tôi nói, "Nghe đây, Elizabeth, bỏ mấy chuyện tào lao đi. Cô biết rằng tôi quen vợ chồng Gordon, trước đây tôi đã tới nhà họ, đã đi ra ngoài trên con tàu của họ, có thể tôi đã gặp bạn bè, đồng nghiệp của họ, có thể họ đã tiết lộ cho tôi đôi chút về công việc của họ vì tôi là cảnh sát, có thể tôi biết nhiều hơn cô và Max cộng lại, và có thể cô đúng về điều đó. Vì thế, cô nhận ra là đã làm phật ý tôi, còn Max khó chịu với cô, rồi cô tới đây để xin lỗi, và cô cho phép tôi được gọi cho cô, nói với cô những điều tôi biết. Chà, một cơ hội tuyệt vời cho tôi đây. Tuy nhiên, nếu tôi không gọi cho cô trong một hai ngày tới, cô sẽ gọi tôi tới văn phòng của cô để thẩm vấn. Vậy khỏi cần giả đò để tôi làm cố vấn, là cộng sự của cô, là bạn cô, hay một người cung cấp tin tự nguyện. Xin cho biết địa điểm và thời gian cô cần lấy lời khai của tôi." Tôi ngồi trở lại và để ý đến món khoai tây.

Penrose yên lặng một lúc, rồi nói, "Ngày mai, tại văn phòng của tôi." Nàng vỗ nhẹ vào tấm danh thiếp, "Chín giờ sáng. Đừng đến muộn." Nàng đứng dậy, đặt cốc bia xuống và rời khỏi quán.

Đội New York có bóng ở vị trí số ba và số sáu, nhưng cái gã tiền vệ ngu ngốc kia lại ném trái bóng lên năm chục thước. Gặp ngọn gió chết tiệt, trái bóng cứ lơ lửng ở đó như một quả khí cầu Chúc mừng năm mới, ba cầu thủ nhận bóng và ba tay bên đội Dallas đứng phía dưới giơ tay lên nhảy múa như thể họ đang cầu mưa hay thứ gì đó.

"Xin lỗi."

"Ngồi xuống đi."

Nàng ngồi, nhưng đã quá muộn, tôi đã bỏ mất pha đánh chặn. Đám đông trên sân vận động và trong quán OTT đang sắp phát điên, mấy tay ở quầy bar hô lên, "Chạy qua hàng rào!" mặc dù không có lá cờ vàng nào ở

đó nhưng anh chàng của đội Dallas vẫn chạy về phía vòng năm mươi. Tôi xem lại pha quay chậm. Không chạy qua hàng rào. Đôi khi tôi ao ước có thể quay chậm lại những quãng đời mình giống thế này. Như cuộc hôn nhân của tôi, đó là một chuỗi những quyết định sai lầm.

Nàng nói, "Tôi sẽ trở lại hiện trường ngay bây giờ. Có người từ bộ Nông nghiệp tới gặp tôi lúc mười một giờ. Ông ta đến từ Manhattan. Anh có muốn đến đó không?"

"Cô không có một cộng sự nào để gây khó chịu à?"

"Anh ta đang đi nghỉ. Thôi nào, điều tra viên, bắt đầu lại từ đầu nhé." Nàng đưa tay ra.

Tôi nhắc nàng, "Lần trước cầm tay cô, tôi bị mất súng và cả sỹ diện đàn ông."

Nàng cười, "Thôi nào, bắt tay."

Tôi bắt tay nàng. Da nàng ấm. Trái tim tôi như bén lửa. Hay món khoai tây rán đang chạy ngược lên trên. Khó mà nói khi đã ngoài bốn mươi tuổi.

Tôi nắm tay nàng một lát rồi nhìn vào khuôn mặt tuyệt vời của nàng. Bốn mắt nhìn nhau, một ý nghĩ không đàng hoàng cùng chạy qua trong đầu hai chúng tôi. Nàng thôi nhìn trước. Đó là điều phải làm, nếu không sẽ thành dở hơi.

Cô hầu bàn xinh xắn bước tới, tôi gọi hai bia. Cô hỏi tôi, "Ông có cần bát ớt đã gọi nữa hay thôi ạ?"

"Cần hơn bao giờ hết."

Cô dọn một số bát đĩa rồi đi lấy bia và ớt. Tôi yêu đất nước này.

Điều tra viên Penrose bình luận, "Anh chắc phải có dạ dày bằng thép."

"Nói thật là toàn bộ dạ dày tôi đã bị lấy ra sau khi tôi bị bắn. Thực quản được nối trực tiếp với ruột."

"Ý anh là miệng anh được nối thẳng tới hậu môn?"

Tôi nhướng mày.

Nàng nói, "Tôi xin lỗi vì sự thô lỗ. Chúng ta sẽ bắt đầu lại chứ."

"Chẳng ích gì. Quay người lại mà xem trận đấu."

Nàng quay người lại, chúng tôi xem trận đấu và uống bia. Đến giờ nghỉ giữa hiệp với tỉ số hòa 7-7, nàng nhìn đồng hồ rồi nói, "Tôi phải đi gặp người của bộ Nông nghiệp."

Nếu các bạn đang băn khoăn về cái thứ bộ Nông nghiệp này, tôi xin nói thêm, Đảo Plum về danh nghĩa là một cơ sở của bộ Nông nghiệp, nghiên cứu về bệnh động vật, bệnh than và tất cả những thứ đó. Nhưng có tin đồn rằng nơi này không chỉ có vậy. Tôi nói, "Đừng để người của bộ Nông nghiệp phải chờ."

"Anh có muốn đi cùng không?"

Tôi suy nghĩ về lời mời này. Nếu đi cùng, tôi sẽ tham gia sâu hơn vào vụ án, dù nó là cái gì đi nữa. Một mặt, tôi thích khám phá các vụ giết người, và tôi quý vợ chồng Gordon. Trong vòng mười năm trong nghề điều tra án mạng, tôi đã tống cổ hai mươi sáu kẻ giết người vào tù, trong đó hai gã mới nhất đủ tiêu chuẩn để được ưu tiên theo luật tử hình mới, những quy định đã đưa đến một góc độ khác cho các vụ án mạng hiện nay. Nhưng đây lại là một vụ rất khác, và tôi thì ở xa đất của mình. Còn nữa, người của bộ Nông nghiệp, giống như hầu hết các công chức chính phủ, không bị tóm đi làm việc ban đêm, thế nên cái gã kia có lẽ là CIA hoặc FBI, Tình báo Bộ Quốc phòng hay cơ quan nào đó kiểu như vậy. Điều này không quan trọng gì. Sẽ có thêm những người như thế đến trong đêm nay hoặc ngày mai. Không, tôi không cần vụ này với một đô la mỗi tuần hay một nghìn đô la mỗi ngày, hay bất cứ cái giá nào.

"Này? Xin chào?"

Tôi nhìn nàng. Làm sao có thể nói không với một người phụ nữ đáng điểm 10? Tôi nói, "Tôi sẽ gặp cô ở đó."

"Tốt. Tôi nợ anh thế nào vì chỗ bia nhỉ?"

"Để tôi trả."

"Cám ơn. Gặp anh sau nhé." Nàng bước ra phía cửa. Với trận đấu đang nghỉ giữa hiệp, năm chục gã đàn ông trong cái quán OTT này cuối cùng cũng nhận ra có một cô nàng xinh đẹp không thể tin được ở đây. Một vài tiếng huýt sáo và lời mời mọc nàng ở lại.

Tôi ngó qua một chút chương trình giữa hai hiệp đấu. Tôi ước gì họ đã cắt béng cái dạ dày tôi đi vì lúc này nó đang bơm axit vào những vết viêm loét. Món ớt được mang đến, nhưng tôi khó mà ăn hết bát. Tôi uống hai viên Zantac, rồi một viên Maalox, mặc dù bác sỹ chuyên khoa dạ dày nói không nên uống chung.

Thực sự là sức khỏe một thời tráng kiện của tôi đã xuống dốc rõ kể từ vụ hôm 12 tháng Tư. Thói quen ăn uống, ngủ của tôi chưa bao giờ tốt. Chuyện ly hôn và công việc cũng tác động không nhỏ. Tôi đã bắt đầu cảm thấy mình ở tuổi tứ tuần, bắt đầu cảm thấy sự kết thúc của mình. Đôi khi trong giấc ngủ, tôi nhớ lại mình nằm trong rãnh nước, người đầy máu và nghĩ, "Mình đang xoay tròn quanh chiếc cống, mình đang tụt xuống cống."

Rồi dần dần, tôi bắt đầu cảm thấy những thứ như cô hầu bàn với bộ mông NordicTrack, và khi Elizabeth Penrose bước vào quầy bar, thằng nhỏ của tôi ngóc dậy và căng lên. Đúng là tôi đang hồi phục, và chắc chắn là tôi còn ở hình dạng tốt hơn vợ chồng Gordon.

Tôi thoáng nghĩ về Tom và Judy. Tom là anh chàng tiến sỹ không ngại giết tế bào thần kinh của mình bằng bia và rượu vang, và tôi nhớ khi anh nướng thịt bò trên lò. Anh là người thực tế, đến từ bang Indiana hay Illinois hay một nơi nào đó nói nhiều giọng mũi. Anh ít nói về công việc

của mình và thường pha trò với mối nguy hiểm, như tuần trước khi một cơn bão nhiệt đới đang hướng đến khu vực này, anh bảo, "Nếu nó vào Đảo Plum, anh có thể gọi nó là cơn bão Bệnh Than, và chúng ta có thể hôn mông mình tạm biệt." Ha, ha, ha!

Giống như chồng, Judy cũng là một tiến sỹ. Cô người vùng Trung Tây, không kiêu căng, bản chất tốt, mạnh mẽ, hài hước và đẹp. John Corey hay bất cứ người đàn ông nào gặp cô cũng đều có cảm tình.

Judy và Tom dường như đã gắn bó với cái tỉnh gần biển này trong hai năm kể từ khi họ đến đây. Họ có vẻ cũng thích đi tàu và tham gia vào hội Lịch sử Peconic. Ngoài ra, họ còn bị mê hoặc bởi những xưởng sản xuất rượu vang và trở thành những người sành sỏi về loại rượu này của Long Island. Họ đã trở thành bạn với một số nhà sản xuất rượu vang, trong đó có Fredric Tobin, người đã tổ chức các buổi dạ tiệc hậu hĩ tại lâu đài của mình. Tôi đã tham dự một buổi như vậy với tư cách là khách của vợ chồng Gordon.

Là một cặp vợ chồng, Tom và Judy có vẻ hạnh phúc, đằm thắm, chu đáo, biết sẻ chia và hội tụ của tất cả những gì tốt đẹp của thập kỷ 1990. Tôi thực sự chưa bao giờ nhận ra điều gì không phù hợp giữa hai người. Nhưng điều đó không có nghĩa họ là những con người hoàn hảo, một cặp vợ chồng hoàn hảo.

Tôi lục lọi trong trí nhớ xem có thứ gì đó như một sai sót chết người, những thứ đôi khi khiến người ta bị giết. Ma túy? Có lẽ không. Không chung thủy? Cũng có thể, nhưng ít khả năng. Tiền? Họ không có nhiều để bị lấy cắp. Vì thế chỉ còn lại một là thứ công việc kia.

Tôi nghĩ về điều đó. Nhìn bề ngoài, có vẻ như vợ chồng Gordon đang bán những con siêu vi trùng và có điều gì đó xảy ra không như ý muốn, và họ bị khử. Theo dòng suy nghĩ đó, tôi nhớ lại có lần Tom tâm sự với tôi

rằng nỗi lo sợ lớn nhất của anh, ngoài việc bị nhiễm bệnh, là một ngày nào đó anh và Judy bị bắt cóc khỏi tàu, một chiếc tàu ngầm của Iran hay nước nào đó xuất hiện và mang họ đi, và sẽ không còn ai nhìn thấy hay nghe thấy họ một lần nào nữa. Điều này có vẻ hơi cường điệu đối với tôi, nhưng tôi nhớ đã từng nghĩ rằng vợ chồng Gordon phải có nhiều thứ trong đầu mà một số người muốn có. Vì vậy có thể vụ giết người ban đầu là một vụ bắt cóc nhưng không thành. Tôi suy nghĩ về điều này. Nếu vụ giết người liên quan đến nghề nghiệp, phải chăng vợ chồng Gordon là những nạn nhân vô tội, hay họ là những kẻ phản bội dám bán sự chết chóc vì hám của? Họ bị giết bởi một thế lực nước ngoài hay do một ai đó gần nhà giết?

Tôi nghiền ngẫm về điều này bằng khả năng tốt nhất có thể trong cái quán OTT ồn ào với những câu chuyện tào lao trong giờ nghỉ giữa hiệp, với men bia trong đầu, với axit trong dạ dày. Tôi gọi thêm một cốc bia và uống thêm một viên Maalox. Bác sỹ dạ dày chưa bao giờ nói *tại sao* tôi lại không được uống lẫn.

Tôi cố gắng nghĩ về những điều không thể tưởng tượng được, về anh chàng Tom điển trai, hạnh phúc và Judy xinh đẹp, hoạt bát đang bán thứ bệnh tật kinh khủng cho những kẻ điên rồ. Tôi nghĩ về những hồ chứa nước mang đầy mầm bệnh tật, hay có thể là những chiếc bình phun trên máy bay reo rắc cho khắp New York hoặc Washington, nghĩ về hàng triệu người ốm, thoi thóp và chết...

Tôi không thể tưởng tượng vợ chồng Gordon lại có thể làm điều đó. Mặt khác, mỗi người đều có một cái giá. Trước đây tôi tự hỏi làm sao họ có đủ tiền để thuê căn nhà sát biển và mua con tàu đắt tiền đó. Giờ có thể tôi đã biết, và cả lý do tại sao họ lại cần một con tàu cao tốc và một căn nhà với cầu tàu riêng. Tất cả đều có lý do, và bản năng mách bảo tôi không được tin vào những gì rõ ràng.

Tôi boa hậu hĩnh cho cô nàng NordicTrack và quay trở lại hiện trường vụ án.

CHƯƠNG 4

Hơn mười một giờ đêm, tôi lái xe dọc theo con đường nhỏ dẫn đến ngôi nhà của vợ chồng Gordon, vầng trăng khuyết soi sáng bầu trời đêm. Một làn gió nhẹ dễ chịu mang theo hơi biển lùa qua cửa chiếc xe Jeep Grand Cherokee Limited màu xanh rêu của tôi. Nó là niềm đam mê trị giá 40.000 đô la mà John Corey suýt chết hụt nghĩ là gã mang nợ chính mình.

Tôi dừng lại cách ngôi nhà năm chục thước, cho xe "đỗ" và lắng nghe thêm một vài phút tường thuật trận đấu Giants-Dallas rồi mới tắt máy. Một giọng nói cất lên, "Đèn trước của bạn vẫn còn bật."

"Cám mồm." Tôi đáp lại, "Cám." Tôi tắt đèn trước.

Có rất nhiều lựa chọn trong cuộc sống, nhưng có một thứ mà bạn không bao giờ được chọn, đó là "Chức năng Cảnh báo và Nhắc nhở bằng Âm thanh."*

Tôi mở cửa. "Chìa khóa xe của bạn vẫn để trên ổ. Bạn chưa kéo phanh tay." Đó là giọng phụ nữ, và tôi thề có Chúa là nghe giống hệt giọng cô vợ cũ của tôi. "Cám ơn, cưng." Tôi rút chìa khóa, bước xuống và đóng mạnh cửa xe.

Những chiếc xe và đám đông trên con phố nhỏ đã thưa bớt, và tôi đoán rằng hai thi thể đã được mang đi. Một sự thật của cuộc sống là sự xuất hiện của chiếc xe chở xác thường làm thỏa mãn hầu hết khán giả và báo hiệu kết thúc *màn một*. Còn nữa, tất cả bọn họ đều muốn được thấy mình trên bản tin lúc mười một giờ.

So với lần trước tôi đến đã có thêm người của cảnh sát: một chiếc xe lưu động của cảnh sát quận Suffolk đỗ trước ngôi nhà gần chiếc xe kỹ thuật hình sự. Chiếc xe mới này là một đài chỉ huy có thể mang theo nhân viên điều tra, điện đài, máy fax, điện thoại, thiết bị ghi hình và các thứ đồ công nghệ cao khác tạo thành kho vũ khí trong cuộc chiến chống tội phạm không bao giờ kết thúc.

Tôi nhận ra một chiếc trực thăng trên đầu, và dưới ánh trăng, tôi biết đó là của cảnh sát. Mặc dù không nghe thấy giọng của người phóng viên, tôi đoán có lẽ họ đang nói gì đó đại loại như. "Bi kịch đã xảy ra đối với cộng đồng trên đảo Long Island đặc biệt này vào đầu giờ tối nay." Sau đó là một đoạn phim về Đảo Plum, vân vân và vân vân.

Tôi đi qua đám những người đến muộn nhất, cố tránh bất cứ ai trông giống phóng viên. Tôi bước qua dải băng vàng và ngay lập tức làm một viên cảnh sát của Southold chú ý. Tôi ra hiệu cho anh chàng và được chào lại.

Người ghi biên bản hiện trường mặc đồng phục đến gần tôi với một chiếc cặp giấy và tờ ghi mốc thời gian. Một lần nữa tôi cho anh ta tên, nghề nghiệp, cùng những thứ được yêu cầu. Đây là thủ tục bắt buộc và được thực hiện trong suốt quá trình điều tra tội phạm, bắt đầu từ khi nhân viên đầu tiên đến hiện trường và tiếp tục cho đến khi nhân viên cuối cùng rời đi và hiện trường được trả lại cho người chủ sở hữu. Dù thế nào đi nữa, họ đã ghi tên tôi hai lần và tôi càng dính sâu hơn vào vụ này.

Tôi hỏi người nhân viên mặc đồng phục, "Anh đã ghi tên một người của bộ Nông nghiệp chưa?"

Anh ta đáp lại mà không cần nhìn vào biên bản, "Chưa."

"Nhưng có một người của bộ Nông nghiệp ở đây. Đúng không?"

"Anh phải hỏi cảnh sát trưởng Maxwell."

“Tôi đang hỏi tại sao anh vẫn chưa ghi tên người này vào.”

“Anh phải hỏi cảnh sát trưởng Maxwell.”

“Tôi sẽ hỏi.” Thực ra, tôi đã biết câu trả lời. Họ không gọi những gã ma mãnh đó đến mà chẳng để làm gì cả.

Tôi đi quanh tới sân sau, trên chiếc sàn gỗ. Ở vị trí vợ chồng Gordon nằm lúc trước là hai hình vẽ bằng phấn, trông rất ma quái dưới ánh trăng. Một tấm nhựa trong mềm phủ lên chiếc đĩa lớn ở phía sau hai hình vẽ nơi sự sống ra đi.

Về điều này, như tôi đã nói, may là vụ này xảy ra ở ngoài nhà và không có mùi tử khí còn vương lại. Tôi ghét thứ mùi này mỗi khi tôi trở lại hiện trường của một vụ giết người xảy ra trong nhà và vẫn còn mùi ở đó. Tại sao tôi không thể gạt thứ mùi đó ra khỏi đầu óc tôi? Ra khỏi khứu giác tôi? Ra khỏi cổ họng tôi? Tại sao lại thế?

Hai viên cảnh sát Southold mặc đồng phục ngồi bên chiếc bàn tròn dưới hiên, uống những ly cà phê Styrofoam đang bốc khói. Tôi nhận ra một trong hai người là Johnson, người có lòng tốt chở tôi về nhà và tôi đã đáp lại hơi sỗ với anh ta. Thế giới quả là nghiệt ngã, và tôi là một trong những người làm cho nó như thế. Johnson nhìn tôi hơi khó chịu.

Bước xuống phía cầu tàu, tôi nhận ra bóng một nhân viên mặc đồng phục khác. Tôi mừng vì có ai đó nghe lời khuyên của tôi cử người đứng gác cạnh chiếc tàu.

Không còn ai khác xung quanh, tôi đi vào ngôi nhà qua chiếc cửa trượt, bên trong cửa là một phòng khách lớn và phòng ăn ghép chung. Tôi đã đến đây, tất nhiên, và nhớ lại Judy nói rằng hầu hết đồ đạc đều có sẵn cùng ngôi nhà thuê mà cô tả là theo kiểu Scandinavi xuất xứ từ Đài Loan.

Một vài người trong nhóm khám nghiệm vẫn quanh quẩn ở đó. Tôi hỏi một trong số họ, một quý cô trông gợi cảm chuyên về vân tay đang âm

thầm làm việc, "Cảnh sát trưởng Maxwell?"

Cô nàng chỉ ngón tay cái qua vai nói, "Bếp. Đừng chạm vào bất cứ thứ gì từ đây tới đó."

"Vâng, thưa quý cô." Tôi bước nhẹ qua tấm thảm Berber vào trong bếp, nơi dường như đang diễn ra một cuộc thảo luận. Có mặt trong đó gồm Max, đại diện cho thị trấn Southold có chủ quyền, Elizabeth Penrose, đại diện cho quận Suffolk tự do và độc lập, một người đàn ông trong bộ đồ tối màu không cần phù hiệu FBI, một người đàn ông khác ăn mặc giản dị hơn với áo khoác vải bông chéo và quần bò, áo sơ mi đỏ tươi, giày ống đi bộ, cố bắt chước cho giống một viên chức của bộ Nông nghiệp đã từng rời nhiệm sở và phải đi thăm một trang trại.

Tất cả mọi người đều đứng, như thể họ đang tạo ra ấn tượng theo nghĩa đen là nghĩ trên đôi chân của mình. Có một chiếc hộp bằng bìa các tông cứng đựng các cốc cà phê Styrofoam, và mỗi người cầm một cốc trên tay. Tôi nghĩ một điều đáng chú ý và rất quan trọng là những người này không nhóm họp trên chiếc xe chỉ huy lưu động mà lại đứng khuất trong bếp.

Điều bất ngờ là Max lại cố đỏm dáng trước các nhân viên của cơ quan liên bang hoặc cả báo chí bằng một chiếc cà vạt ngớ ngẩn có in hình cờ hàng hải. Elizabeth vẫn mặc bộ đồ sẫm, nhưng đã bỏ chiếc áo khoác ngoài, để lộ một khẩu 38 và hai khẩu 36 D để trong bao da.

Một chiếc tivi đen trắng nhỏ đặt trên giá, đang bật một trong các kênh thời sự, tiếng để nhỏ. Bản tin đang phát về chuyến thăm của tổng thống tới một nơi kỳ lạ gồm toàn người lùn.

Max nói với hai gã kia, "Đây là điều tra viên John Corey, án giết người..." rồi để lửng như thế mà không nhắc đến chuyện địa bàn thuộc thẩm quyền của tôi bắt đầu và kết thúc cách đây khoảng một trăm dặm về phía tây. Max chỉ vào gã mặc đồ tối và nói, "John, đây là Goerge Foster,

FBI...” Anh nhìn vào gã mặc quần bò xanh nói, “... còn đây là Ted Nash, bộ Nông nghiệp.”

Chúng tôi bắt tay một vòng. Tôi thông báo cho Penrose, “Những gã Khổng lồ ghi bàn trong phút đầu tiên của hiệp ba.”

Nàng không đáp.

Max chỉ về phía chiếc hộp đựng ly cà phê và hỏi, “Cà phê?”

“Không, cám ơn.”

Penrose là người đứng gần tivi nhất và nghe thấy gì đó trên bản tin thời sự, nàng mở to thêm tiếng. Tất cả chúng tôi đều chú ý lên màn hình.

Một nữ phóng viên đang đứng trước ngôi nhà của Gordon. Chúng tôi bỏ mất đoạn mào đầu và nghe thấy, “Hai nạn nhân trong vụ giết người đã được xác định là các nhà khoa học làm việc lại phòng thí nghiệm bệnh động vật tuyệt mật của chính phủ trên Dảo Plum cách đây vài dặm.”

Một cảnh quay từ trên không ghi hình Đảo Plum ở khoảng cách sáu trăm mét. Hình ảnh quay vào ban ngày, nên chắc chắn là lấy trong kho tư liệu. Từ trên không, hòn đảo trông giống hệt như một miếng sườn lợn, và tôi đoán nếu bạn muốn có ý mỉa mai về bệnh sốt ở lợn ... Ngoài ra, Đảo Plum lớn khoảng ba dặm ở đoạn dài nhất và khoảng một dặm ở đoạn rộng nhất. Người phóng viên bằng giọng thuyết minh nói, “Đây là Đảo Plum vào mùa hè vừa qua khi đài chúng tôi làm một phóng sự về những tin đồn liên tục rằng hòn đảo này là nơi nghiên cứu chiến tranh vi trùng.”

Ngoài những cụm từ đã nhàm chán, cô ta nói đúng về những tin đồn. Tôi nhớ một bức tranh biếm họa mà tôi từng xem trên tờ *Nhật báo Phố Wall,* trong đó cố vấn giáo dục ở trường học nói với bố mẹ của một học sinh rằng, “Con trai ông bà là đứa bất lương, đầu óc bần tiện, không trung thực và thích phao tin đồn. Tôi khuyên nên theo nghề báo chí.” Đúng. Và

tin đồn có thể dẫn đến sự hoảng loạn. Tôi chợt nghĩ vụ này phải được nhanh chóng bịt kín.

Người phóng viên đã trở lại và xuất hiện phía trước ngôi nhà của Gordon và thông báo, "Chưa có ai khẳng định vụ giết vợ chồng Gordon có liên quan đến công việc của họ trên Đảo Plum, nhưng hiện cảnh sát đang điều tra."

Trở lại phòng thu hình.

Penrose tắt tiếng và hỏi Foster, "FBI có muốn công khai can dự vào vụ này không?"

"Không phải lúc này." Foster nói thêm, "Điều đó làm mọi người nghĩ là có chuyện thực sự."

Nash nói, "Bộ Nông nghiệp không quan tâm chính thức tới vụ này vì *không* có sự liên quan giữa công việc của vợ chồng Gordon và cái chết của họ. Bộ sẽ không ra công bố công khai, trừ việc thể hiện sự đau buồn trước việc hai nhân viên được yêu mến và tận tụy bị giết hại."

Amen. Tôi nói với Nash, "À này, anh quên ký vào đây."

Gã nhìn tôi, hơi ngạc nhiên và rất khó chịu, đáp lại, "Tôi sẽ ... cám ơn anh vì nhắc tôi."

"Bất cứ lúc nào. Trong mọi lần."

Sau một phút tán gẫu kiểu quan hệ công chúng, Max nói với hai quý ông Foster và Nash, "Điều tra viên Corey có quen biết với hai người chết."

Quý ông FBI tỏ ra quan tâm và hỏi tôi, "Anh quen biết họ như thế nào?"

Bắt đầu trả lời các câu hỏi không phải là một ý hay - nó tạo cho người ta ý nghĩ rằng bạn là một người cộng tác, mà tôi thì không phải. Tôi không đáp.

Max trả lời hộ tôi, "Corey biết vợ chồng Gordon vì quan hệ xã hội, chỉ khoảng ba tháng. Tôi đã quen John khoảng mười năm."

Foster gật đầu. Rõ ràng gã có thêm các câu hỏi khác và trong lúc đang do dự hỏi tiếp, Penrose nói, "Điều tra viên Corey đang biết một báo cáo đầy đủ những điều mình biết về vợ chồng Gordon. Tôi sẽ trao đổi báo cáo đó với tất cả các cơ quan hữu quan."

Tin mới đối với tôi.

Nash đang đứng dựa vào một thành bếp nhìn tôi. Chúng tôi, hai gã đàn ông nổi nhất trong căn phòng, nhìn nhau chằm chằm. Chúng tôi kết luận rằng hai bên không ưa gì nhau, và một trong hai người phải đi. Ý tôi là không khí đặc chất hoóc môn đàn ông đến mức giấy dán tường cũng đang ướt dần.

Tôi quay sang Max và Penrose hỏi, "Chúng ta đã xác định được đây không đơn giản là một vụ giết người chưa. Tôi đã bỏ lỡ một cuộc họp hay gì đó."

Ngài Ted Nash cuối cùng cũng đáp lạnh lùng, "Chúng ta đang nghi vấn, thưa điều tra viên. Chúng ta không có bằng chứng cụ thể nào chứng minh vụ giết người này có liên quan đến vấn đề... thôi, nói thẳng ra, vấn đề an ninh quốc gia."

Tôi nhận xét, "Tôi chưa bao giờ biết là bộ Nông nghiệp lại tham gia vào chuyện an ninh quốc gia. Các anh có bò mật vụ không?"

Nash tặng tôi một nụ cười kiểu "đ. mẹ mày" và nói, "Chúng tôi có những con sói trong bộ lốt của cừu."

"Trúng rồi." Ngu như lợn!

Foster xen vào trước khi câu chuyện đi đến chỗ không mấy hay ho và nói, "Chúng tôi đến đây như một biện pháp phòng ngừa, thưa điều tra viên. Sẽ rất là tắc trách nếu chúng tôi không kiểm tra chuyện này. Tất cả chúng

tôi đều hy vọng đây chỉ là một vụ giết người không liên quan đến Đảo Plum."

Tôi nhìn qua George Foster. Gã chừng ba mươi tuổi, mắt sáng, tóc cắt gọn, điển hình của một nhân viên FBI. Gã mặc bộ đồ FBI màu tối, sơ mi trắng, cà vạt sẫm màu, đi giày đen cứng.

Tôi quay sang gã Ted Nash mặc quần bò. Gã gần với tuổi tôi hơn, da rám nắng, tóc quăn muối tiêu, mắt pha màu xanh và xám, dáng khá ấn tượng, tất cả kết hợp trong một thứ mà các quý cô gọi là *anh chàng lực lưỡng*. Đó là lí do tôi không thích gã, tôi đoán thế. Ý tôi là nên có bao nhiêu *anh chàng lực lưỡng* trong một căn phòng.

Đáng ra tôi đã có thể dễ chịu hơn với gã nếu gã không nhìn chằm chặp vào Elizabeth Penrose, mà nàng lại đang nhận những ánh mắt đó và đưa đẩy trở lại. Tôi không có ý nói là họ đang đưa tình và ngây dại nhìn nhau. Chỉ là mắt chạm mắt trong khoảnh khắc và thể hiện vừa phải, nhưng mà chỉ có mù thì mới không đoán được cái gì đang diễn ra trong những cái đầu đen tối của họ. Hừm, cả cái hành tinh khốn nạn này sắp nhiễm bệnh than và chết hết, vậy mà hai kẻ kia lại như chó động đực, làm tình bằng mắt với nhau khi đang có một việc quan trọng phải giải quyết. Thật là khó chịu.

Max cắt ngang luồng suy nghĩ của tôi và nói, "John, chúng ta vẫn chưa tìm ra hai đầu đạn bắn vào đầu họ, nhưng có thể giả định rằng chúng bay ra ngoài vịnh. Sáng sớm mai chúng ta sẽ dùng lưới vét và cử người lặn xuống tìm." Anh ta nói thêm, "Cũng không tìm thấy vỏ đạn."

Tôi gật đầu. Súng lục tự động sẽ đẩy vỏ đạn ra, còn súng ổ quay thì không. Nếu vũ khí sử dụng là loại tự động thì hung thủ đã đủ bình tĩnh để cúi xuống nhặt hai vỏ đạn.

Cho đến lúc này, chúng tôi cơ bản vẫn chưa có được dấu vết gì. Hai phát bắn vào đầu, không đầu đạn, không vỏ đạn, hàng xóm không nghe

tiếng nổ.

Tôi lại nhìn về phía Nash. Gã có vẻ của một người đang lo lắng, và tôi mừng là giữa những ý nghĩ nhảy nhót về Penrose, gã vẫn còn nghĩ đến chuyện cứu hành tinh này. Thực ra, mọi người trong bếp dường như đều đang nghĩ đến những điều gì đó, có lẽ là những con vi trùng, và có lẽ họ đang tự hỏi không biết lúc thức dậy họ có những nốt chấm đỏ hay gì đó trên người hay không.

Ted Nash đến chỗ chiếc hộp các tông và hỏi Penrose, "Một cốc nữa nhé, Beth?"

Beth? Cái tên chết tiệt gì...?

Nàng mỉm cười, "Không, cám ơn anh."

Dạ dày của tôi đã dịu xuống. Tôi đến chỗ tủ lạnh kiếm một chai bia. Giá để đồ trong tủ gần như trống trơn. Tôi hỏi, "Max, anh lấy hết đồ trong này đi rồi à."

"Phòng thí nghiệm đã lấy mọi thứ không có nhãn mác của nhà sản xuất."

"Mọi người muốn uống bia không?" Không ai trả lời. Tôi lấy một chai Coors Light, bật nắp và tợp một ngụm.

Tôi nhận ra tám con mắt nhìn vào mình, như thể họ đang chờ đợi điều gì xảy ra. Mọi người trở nên kỳ quặc khi họ nghĩ mình đang ở trong một môi trường bị nhiễm độc. Tôi có một ý muốn điên rồ là ôm lấy cổ mình, ngã xuống sàn rồi co giật liên hồi. Nhưng không phải tôi đang ở cùng đám bạn bè ở Bắc Manhattan, những người sẽ cười chảy nước mắt vì sợ bệnh tật. Vì vậy tôi bỏ qua cơ hội để pha chút khôi hài vào câu chuyện nghiêm túc này. Tôi nói với Max, "Cứ nói tiếp đi."

Max nói, "Chúng tôi đã tìm kiếm toàn bộ ngôi nhà và không phát hiện thấy bất cứ thứ gì không bình thường hoặc quan trọng, ngoại trừ một nửa

số ngăn kéo vẫn còn nguyên vẹn, một số thậm chí trông còn không giống là đã bị lục soát, sách ở trên giá không bị kéo ra. Việc làm giả cho giống vụ trộm khá nghiệp dư."

Tôi nói, "Cũng có thể là một tên nghiện đang lên cơn và không thực sự tập trung. Hoặc có thể thủ phạm bị phá ngang, hoặc thủ phạm muốn tìm kiếm gì đó và đã tìm được."

"Có thể." Max nói.

Mọi người trông đều trầm ngâm, cái vẻ bề ngoài hợp lý cho việc chưa tìm ra manh mối.

Điều đáng chú ý trong vụ án mạng đôi này vẫn là chuyện bắn người ở ngoài nhà, pằng, pằng, ngay trên sàn sân mà không có khúc mở đầu dài. Kẻ giết người không cần hoặc muốn thứ gì khác từ vợ chồng Gordon, ngoại trừ cái chết của họ. Vì thế, đúng, hoặc là hắn đã lấy được thứ mình cần ở trong nhà, hoặc vợ chồng Gordon đang mang theo cái hắn muốn, nhìn thấy ngay được, tức là chiếc thùng đá lạnh. Vậy lại trở lại với chiếc thùng đá bị mất.

Và kẻ giết người quen biết vợ chồng Gordon, và họ cũng biết hắn. Tôi tin là vậy. *Chào Tom, Chào Judy. Pằng, pằng*. Họ ngã xuống, chiếc thùng rơi xuống... không, trong đó có những lọ nhỏ đựng các loại virut chết người. *Chào Tom, chào Judy. Để cái thùng xuống. Pằng, pằng*. Họ gục xuống. Hai viên đạn xuyên qua đầu họ bay ra vịnh.

Còn nữa, hắn phải *dùng* ống giảm thanh. Không có gã chuyên nghiệp nào lại bắn hai phát súng nổ to đùng ở ngoài trời. Súng có lẽ là loại tự động, vì súng ổ quay không khớp lắm với ống giảm thanh.

Tôi hỏi Max, "Nhà Murphy có nuôi chó không."

"Không."

“Được... Anh có tìm thấy tiền, ví, hay bất cứ thứ gì trên người nạn nhân không?”

“Có. Họ mang ví kiểu thể thao. Mỗi người có một thẻ nhân viên của Đảo Plum, giấy phép lái xe, thẻ tín dụng và các thứ khác. Tom có ba mươi bảy đô la tiền mặt, Judy có mười bốn đô la.” Rồi anh nói thêm. “Mỗi người có một tấm ảnh của người kia.”

Đôi khi, chính những thứ nhỏ nhặt lại trở nên quan trọng, làm cho nó trở thành cái riêng của từng người. Nên bạn phải nhớ *nguyên tắc thứ nhất:* không được để tình cảm xen vào - điều đó không thành vấn đề, Correy, nếu đó là một đứa bé bị giết, hay một bà già tốt bụng, hay một Judy xinh đẹp đã từng nháy mắt với bạn, và một anh chàng Tom muốn bạn yêu các loại rượu vang mà anh thích và đã nướng thịt bò cho bạn. Trong một vụ giết người, điều quan trọng không phải nạn nhân là ai mà là kẻ giết người là ai.

Max nói, “Tôi đoán cậu đã biết chúng tôi chưa tìm được cái thùng đá đó. Cậu có chắc về chiếc thùng không?”

Tôi gật đầu.

Foster cho tôi nghe quan điểm thận trọng của gã. “Chúng tôi nghĩ vợ chồng Gordon mang theo chiếc thùng và kẻ giết người muốn có thứ ở bên trong, mà thứ bên trong là cái anh biết.” Gã nói thêm, “Tôi nghĩ vợ chồng Gordon đang bán những thứ đó và hợp đồng đổ bể.”

Tôi nhìn quanh cuộc họp trong phòng bếp. Thật khó mà đọc được gì trên khuôn mặt của những người chuyên đọc ý nghĩ của người khác trên mặt. Tuy nhiên, tôi vẫn có cảm giác rằng lời nói của George Foster là điều mọi người đều đồng ý.

Vì vậy, nếu mọi người suy nghĩ đúng, sẽ có hai giả định - thứ nhất, vợ chồng Gordon thực sự ngu ngốc, không bao giờ nghĩ đến chuyện có người

muốn có đủ virut và vi khuẩn để giết chết hàng tỉ người lại có thể giết họ không chút do dự; thứ hai là giả định rằng vợ chồng Gordon hoàn toàn không quan tâm đến hậu quả của việc họ bán thứ hàng chết người lấy tiền. Điều tôi biết chắc chắn là Tom và Judy không hề ngu ngốc, cũng không phải người nhẫn tâm.

Tôi cũng giả định rằng kẻ giết người không hề ngu ngốc, và tôi tự hỏi liệu hắn có biết hoặc có thể khẳng định thứ chứa trong thùng là đồ thật hay không. Làm sao hắn có thể biết được? *Chào Tom, Chào Judy. Có mang virut đấy không? Tốt. Pằng, pằng.*

Có? Không? Tôi tưởng tượng các tình huống có và không có chiếc thùng, có và không có người mà vợ chồng Gordon chắc phải biết, v.v... Ngoài ra, gã hoặc những gã giết người kia đi đến nhà Gordon bằng phương tiện gì? Tàu? Xe hơi? Tôi hỏi Max, "Có phương tiện gì lạ không?"

Max đáp, "Trong số những người chúng tôi hỏi không có ai nhìn thấy bất cứ phương tiện lạ nào. Hai chiếc xe của vợ chồng Gordon vẫn ở trong gara." Anh nói thêm, "Ngày mai đội kỹ thuật hình sự sẽ mang hai chiếc xe cùng con tàu về phòng giám định."

Penrose lần đầu tiên nói trực tiếp với tôi, "Có khả năng kẻ giết người đến bằng tàu. Đó là giả thuyết của tôi."

Tôi nói với nàng, "Cũng có khả năng, Elizabeth, kẻ giết người đến bằng một trong những chiếc xe của Gordon mà hắn hoặc bọn chúng đã mượn. Tôi thật sự nghĩ là hai bên *biết* nhau."

Nàng nhìn chằm chặp vào tôi rồi nói hơi cộc lốc, "Tôi nghĩ đó là *tàu,* thưa điều tra viên Corey."

"Có thể tên giết người đi bộ tới đây, hoặc đi xe đạp, hoặc xe máy. Cũng có thể hắn bơi đến đây, hoặc được chở tới. Cũng có thể lướt ván hoặc nhảy dù. Có thể kẻ giết người là Edgar Murphy và vợ ông ta."

Nàng nhìn tôi chòng chọc, tôi chắc là nàng nổi cáu. Tôi biết ánh mắt đó. Tôi đã lấy vợ rồi mà.

Max xen vào, "Còn có điều này đáng chú ý, John, theo nhân viên an ninh của Đảo Plum, vợ chồng Gordon ra ngoài vào buổi trưa, lên tàu và rời đảo.

Bạn có thể nghe thấy tiếng chiếc tủ lạnh trong sự im lặng.

Foster nói, "Có khả năng vợ chồng Gordon đã giấu thứ gì đó mà họ định bán ở trong một cái vịnh hay lạch nhỏ trên Đảo Plum, họ đi tàu tới đó để lấy lại. Hoặc có thể họ ra khỏi phòng thí nghiệm với chiếc thùng đá trong tay, mang nó lên tàu và rời đảo. Sau đó họ gặp bên mua ở ngoài vịnh và giao chiếc thùng đựng các lọ thủy tinh nhỏ trên biển, vì vậy khi họ trở lại đây đã không mang theo chiếc thùng, nhưng họ lại có tiền. Họ đụng tên giết người ở đây, hắn bắn chết hai người và lấy tiền mang đi."

Tất cả chúng tôi đều cân nhắc tình huống đó. Tất nhiên sẽ phải đặt câu hỏi, nếu đã giao hàng trên biển thì tại sao chúng lại không giết họ ngay trên biển? Khi những người điều tra án mạng nói về một vụ giết người hoàn hảo, thường đó là một vụ giết người trên biển ngoài khơi xa - không có hoặc có rất ít dấu vết chứng cứ, thường không ai nghe tiếng nổ, không nhân chứng, trong hầu hết các trường hợp không có thi thể. Và nếu được thực hiện một cách hoàn hảo, nó còn giống một vụ tai nạn.

Điều hiển nhiên đối với mọi người là những kẻ sát thủ chuyên nghiệp khi vừa mới có được trong tay một thứ vi trùng giết người sẽ không gây sự chú ý bằng việc giết hai người của Đảo Plum trên sân sau nhà họ. Mọi việc vẫn có vẻ giống như thể vợ chồng Gordon tình cờ bắt gặp một vụ trộm. Nhưng bất cứ ai dựng ra nó đều không thực sự thuyết phục. Tất cả đều có vẻ hơi nghiệp dư, hoặc có thể được thực hiện bởi những người nước ngoài

ít khi xem các chương trình của cảnh sát Mỹ trên tivi. Hay còn điều gì khác?

Vậy còn thời gian năm tiếng rưỡi từ khi vợ chồng họ rời Đảo Plum vào buổi trưa cho đến khi ông Murphy nghe thấy tiếng tàu của vợ chồng Gordon lúc 5 giờ 30 thì sao? Họ đã ở đâu?

Max nói, "Đó là tất cả những gì chúng ta có cho đến lúc này, John. Chúng ta sẽ có báo cáo của phòng giám định vào ngày mai, và có những người ta sẽ phải nói chuyện trong ngày mai. Cậu có nghĩ ra ai chúng ta nên gặp không? Bạn bè của vợ chồng Gordon?"

"Tôi không biết ai là bạn của nhà Gordon, và theo hiểu biết tốt nhất của tôi, họ không có kẻ thù." Tôi nói với Nash, "Trong khi đó, tôi muốn nói chuyện với người trên Đảo Plum."

Nash đáp, "Anh có thể nói chuyện với một số người làm việc trên Đảo Plum." Gã nói thêm, "Nhưng vì lợi ích an ninh quốc gia, tôi phải có mặt trong tất cả các cuộc phỏng vấn."

Tôi đáp bằng cái giọng New York nanh nọc nhất của mình, "Đây là một vụ điều tra giết người, nhớ chưa? Đừng có giở cái giọng đó với tôi."

Không khí trong bếp hơi căng thẳng. Tôi thỉnh thoảng có làm việc với các nhân viên FBI và cơ quan Phòng chống ma túy, họ khá dễ chịu - vì họ là cớm. Còn những kẻ ma cà rồng như gã Nash này thực sự như cái gai ở mông. Gã thậm chí không nói mình là người của CIA, Tình báo bộ Quốc phòng, Tình báo Quân đội hay một cơ quan huyền bí nào đó. Điều tôi biết chắc chắn là gã không phải người của bộ Nông nghiệp.

Max cảm thấy mình là chủ nhà trong cuộc họp của những con người khác biệt này, có lẽ vậy, nên anh lên tiếng, "Tôi không thấy có vấn đề gì với chuyện Ted Nash có mặt trong các cuộc phỏng vấn hoặc thẩm vấn." Anh nhìn sang Penrose.

Cô nàng thân mến Beth liếc tôi một cái rồi nói với Nash, cái gã làm tình bằng mắt, "Tôi cũng thấy không có vấn đề gì."

George Foster nói, "Bất cứ cuộc gặp, phỏng vấn, thẩm vấn hay buổi làm việc nào Ted có mặt, FBI cũng sẽ có mặt."

Tôi thực sự lộn ruột, tự hỏi không biết Max có định bơm thêm hay không.

Gã Foster có lý tiếp tục, "Lĩnh vực quan tâm của tôi là khủng bố trong nội địa. Ted Nash quan tâm đến hoạt động gián điệp nước ngoài." Gã nhìn tôi, Max và Penrose rồi nói, "Các bạn đang điều tra một vụ giết người theo luật của bang New York. Nếu tất cả chúng ta đều không cản đường của nhau thì sẽ không có chuyện gì. Tôi sẽ không làm điều tra viên án giết người nếu các bạn không làm những người bảo vệ của thế giới tự do. Công bằng? Hợp lý? Khả thi? Hoàn toàn như vậy."

Tôi nhìn Nash và hỏi thẳng, "Anh làm việc cho ai?"

"Tôi không được phép nói vào lúc này." Gã thêm, "Không phải bộ Nông nghiệp."

"Lừa tôi." Tôi mỉa mai. "Các anh ghê thật."

Penrose đề nghị, "Điều tra viên Corey, chúng ta có thể ra ngoài nói chuyện?"

Tôi lờ không để ý đến nàng và tiếp tục dồn Nash. Tôi cần có bảy điểm cần tìm hiểu, và tôi biết làm cách nào để có được. Tôi nói với Nash, "Chúng tôi muốn đến Đảo Plum đêm nay."

Gã tỏ vẻ ngạc nhiên. "Đêm nay? Không còn chuyến phà nào hoạt động..."

"Tôi không cần phà của nhà nước. Chúng tôi sẽ đi bằng tàu cảnh sát của Max."

“Chuyện này không được.” Nash nói.

“Tại sao?”

“Hòn đảo là nơi cấm người ngoài.” Gã nói.

“Đây là một cuộc điều tra án mạng,” tôi nhắc gã. “Chẳng phải chúng ta vừa đồng ý rằng cảnh sát trưởng Maxwell, điều tra viên Penrose và tôi đang điều tra một vụ án mạng hay sao?”

“Nhưng không phải trên Đảo Plum.”

“Có chứ.” Tôi thích cái trò này. Thực sự thích. Tôi hy vọng là Penrose đang nhận ra gã này ngu cỡ nào.

Nash nói, “Giờ này không có ai trên Đảo Plum.”

Tôi đáp, “Có nhân viên an ninh trên đảo, và tôi muốn nói chuyện với họ. Ngay bây giờ.”

“Sáng mai và không phải trên đảo.”

“Bây giờ và ở trên đảo, hoặc là tôi sẽ đánh thức một ông thẩm phán dậy và lấy lệnh khám.”

Nash nhìn chằm chằm vào tôi và nói, “Khó có chuyện một thẩm phán địa phương lại ra lệnh khám xét một cơ sở của chính phủ Mỹ. Anh cũng cần có một trợ lý công tố viên và một thẩm phán liên bang. Có lẽ anh biết mình là một điều tra viên về các vụ án mạng, và anh biết rằng không có luật sư hay thẩm phán liên bang nào hào hứng với chuyện ký một lệnh khám như vậy nếu liên quan đến an ninh quốc gia. Vì vậy, không phải dọa nhau.”

“Nếu tôi dọa thì sao?”

Cuối cùng, Max cũng hiểu đủ về Nash khi cái lốt cừu của gã đang bị lột ra. Max nói với Nash, “Đảo Plum có thể là của chính phủ, nhưng nó là một phần của thị trấn Southold, quận Suffolk, bang New York. Tôi muốn anh

lấy giấy phép cho chúng tôi lên đảo vào ngày mai, hoặc là chúng tôi sẽ xin lệnh của tòa án."

Nash lần này cố lấy giọng dễ chịu. "Thực sự là không cần phải tới đảo mà, ông cảnh sát trưởng."

Điều tra viên Penrose tự thấy nàng đứng về phía tôi, tất nhiên rồi, và nói với người bạn mới của nàng, "Chúng tôi phải giữ quyết định đó, Ted."

Ted? Chà, tôi đã bỏ lỡ một đoạn trong thời gian tối tệ tôi đến muộn.

Ted và Beth nhìn nhau, những tâm hồn bị tra tấn, giằng xé giữa sự đối nghịch và chuyện tục tĩu kia. Cuối cùng, Ted Nash, người của cơ quan An ninh Sinh học hay gì đó, nói, "Thôi được .... tôi sẽ gọi điện về chuyện này."

"Ngày mai, buổi sáng." Tôi nói. "Không muộn hơn."

Foster không bỏ lỡ cơ hội để vặn thêm Nash, "Tôi nghĩ là chúng đã đồng ý với nhau rằng sẽ tới đó vào sáng ngày mai, Ted."

Nash gật đầu. Lúc này gã đã thôi nháy mắt với Beth Penrose và đang tập trung những cảm xúc của hắn về phía tôi. Gã nhìn tôi, nói, "Đến một lúc nào đó, điều tra viên Corey, nếu chúng tôi xác định rằng đã có một vụ phạm tội cấp liên bang, có lẽ chúng tôi sẽ không cần thêm sự phục vụ của anh."

Tôi đã khiến gã Ted ngu ngốc này bộc lộ tính nhỏ nhen, và tôi biết khi nào thì rời sàn đấu trong chiến thắng. Tôi đã phản công bằng một loạt đòn mồm miệng, hạ gục gã Ted bóng mượt và giành lại tình yêu của Penrose. Tôi tuyệt thật. Tôi thực sự cảm thấy khá lên, cảm thấy giống như cái tính không mấy dễ chịu ngày trước một lần nữa. Tuy nhiên, những tính cách này cũng cần phải châm lửa vào mông. Đối đầu là chuyện tốt. Cạnh tranh mới là Mỹ. Điều gì sẽ xảy ra nếu các cầu thủ của hai đội Dallas và New York là bạn thân của nhau?

Bốn nhân vật kia giờ đang nói chuyện phiếm, khua khoắng chiếc hộp các tông và uống cà phê, cố gắng lấy lại sự thân thiện và cân bằng mà họ

có trước khi Corey này đến. Tôi lấy thêm một chai bia trong tủ lạnh, sau đó nói với Nash bằng một giọng rất chuyên nghiệp. Tôi hỏi gã, "Thứ vi trùng mà họ nghiên cứu ở Đảo Plum là loại gì vậy? Ý tôi là, tại sao có ai đó, một thế lực nước ngoài nào đó, lại muốn có loại vi trùng gây bệnh lở mồm long móng hoặc bệnh bò điên? Cho tôi biết tôi phải lo lắng điều gì để nếu tối nay tôi không ngủ được, tôi có một cái tên cho nó."

Nash im lặng hồi lâu, sau gã hắng giọng nói, "Tôi nghĩ anh biết mức độ nghiêm trọng ở đây như thế nào..." Gã nhìn tôi, Max và Penrose rồi nói, "Bất kể mọi người ở đây đủ hay không đủ tiêu chuẩn về an ninh thì cũng đều là sỹ quan cảnh sát có tuyên thệ, nên..."

Tôi nhã nhặn, "Những thứ anh nói sẽ không lọt khỏi phòng này." Trừ khi nó thích hợp cho tôi ba hoa với ai đó.

Nash và Foster nhìn nhau và Foster gật đầu. Nash nói với chúng tôi, "Tất cả các bạn đều biết, hoặc đều đã đọc đâu đó rằng nước Mỹ không còn nghiên cứu hoặc phát triển chiến tranh vi trùng. Chúng ta đã ký một hiệp ước có hiệu lực về điều này."

"Đó là lí do tôi yêu đất nước này, Nash. Ở đây không có bom vi trùng."

"Đúng. Tuy nhiên... có một số loại bệnh nhất định nằm giữa phạm vi nghiên cứu sinh học hợp pháp và vũ khí sinh học tiềm tàng. Bệnh Than là một trong số đó. Như các bạn biết" - gã nhìn Max, Penrose và tôi - "luôn có những tin đồn rằng Đảo Plum không chỉ là một cơ sở nghiên cứu bệnh động vật, mà là một thứ khác."

Không ai có phản ứng gì.

Gã nói tiếp, "Thực ra, đó không phải là một trung tâm nghiên cứu chiến tranh vi trùng. Ở Mỹ không có trung tâm nào như vậy. Tuy nhiên, sẽ là không trung thực nếu tôi không nói rằng các chuyên gia chiến tranh vi trùng thi thoảng đến thăm đảo này để nghe trình bày và đọc các báo cáo về

một số thí nghiệm. Nói cách khác, có một khoảng chung giữa bệnh động vật và bệnh ở người, giữa chiến tranh vi trùng để tấn công và chiến tranh vi trùng phục vụ phòng thủ."

Những khoảng chung thật tiện lợi, tôi nghĩ.

Nash nhấp một ngụm cà phê, cân nhắc, rồi nói tiếp, "Chẳng hạn, bệnh sốt lợn châu Phi đã được chứng minh có liên quan đến virut HIV. Chúng tôi nghiên cứu bệnh này trên Đảo Plum và báo chí thêu dệt chuyện này thành... bất cứ thứ gì. Tương tự là bệnh sốt Rift Valley, virut Hanta và các loại retrovirus*, cùng các loại virut hình sợi như Ebola Zaire và Ebola Marburg..."

Căn phòng bếp thực sự yên tĩnh, như thể mọi người đều biết đây là chủ đề đáng sợ nhất trong vũ trụ. Với vũ khí hạt nhân, người ta tin vào định mệnh hoặc không bao giờ tin nó sẽ xảy ra. Với vũ khí sinh học hoặc khủng bố sinh học, nó là không thể tưởng tượng được. Nếu loại bệnh thích hợp được giải phóng, nó reo rắc cho cả thế giới, không phải trong một tiếng chớp lóe sáng, mà từ từ, khi nó lây từ người bệnh sang người khỏe mạnh, và người chết thối rữa ngay chỗ họ gục xuống, một cuốn phim hạng B sẽ sớm diễn ra ngay trên khu nhà của bạn.

Nash tiếp tục với cái giọng nửa như miễn cưỡng, nửa như *này, xem tôi biết chuyện các người chẳng biết tí gì nhé*. Gã nói, "... các loại bệnh này có thể nhiễm sang động vật, nên việc nghiên cứu hợp pháp chúng thuộc thẩm quyền của bộ Nông nghiệp. Bộ đang cố gắng tìm ra phương thuốc cho các loại bệnh này, để bảo vệ đàn gia súc của nước Mỹ và rộng hơn là bảo vệ công chúng Mỹ, vì mặc dù thường có sự ngăn cách về loài liên quan đến các loại bệnh động vật lây sang người, chúng tôi phát hiện ra rằng một số bệnh này có thể chuyển từ loài này sang loài khác ... ví dụ với bệnh bò điên gần đây ở Anh, có một số bằng chứng rằng con người cũng bị nhiễm loại bệnh này."

Có lẽ cô vợ cũ của tôi nói đúng về thịt. Tôi cố tưởng tượng một cuộc sống với bánh ham-bơ-gơ bằng đậu nành, bánh không có nhân thịt, món xúc xích làm từ rong biển. Tôi thà chết còn hơn. Tự dưng tôi thấy có cảm tình với bộ Nông nghiệp.

Tôi cũng nhận ra điều mà Nash nói ra là thứ tào lao chính thức - chuyện về các loại bệnh động vật vượt qua ranh giới loài và những thứ như thế. Thực ra, nếu tin đồn là có thật, Đảo Plum cũng còn là nơi mà các loại bệnh truyền nhiễm ở người được nghiên cứu cụ thể và có mục đích như một phần trong chương trình chiến tranh vi trùng không còn chính thức tồn tại. Mặt khác, có thể đó là tin đồn, và cũng có thể cái mà người ta đang làm là để phòng thủ chứ không phải đi gây chiến.

Tôi tin rằng chỉ có một ranh giới rất mong manh giữa tất cả những thứ này. Vi trùng là vi trùng. Chúng đâu biết phân biệt giữa bò với lợn hay với người. Chúng đâu biết nghiên cứu phòng thủ với nghiên cứu để gây chiến khác nhau thế nào. Chúng đâu phân biệt được những liều vác xin phòng bệnh với những trái bom nổ trên không. Chết tiệt, chúng thậm chí còn không biết mình tốt hay xấu. Nếu tôi mà nghe Nash nói đủ dài, khéo tôi còn tin rằng Đảo Plum đang nuôi cấy loại vi khuẩn làm sữa chua mới thú vị.

Nash nhìn chằm chằm vào cốc cà phê Styrofoam của mình như thể nhận ra cà phê và nước có thể đã bị nhiễm bệnh bò điên. Nash tiếp tục, "Tất nhiên, vấn đề là các mẫu vi khuẩn và virut này có thể... Ý tôi là, nếu ai đó có được các vi sinh vật này và có kiến thức để phát triển số lượng của chúng từ những mẫu ban đầu, sau đó, sẽ có được một số lượng lớn sinh sản, và bằng cách nào đó để chúng lây vào người dân... sẽ gây ra một vấn đề lớn về sức khỏe cộng đồng."

Tôi hỏi, "Anh nói giống như một loại bệnh nào đó ở tận cùng của thế giới khiến người chết chất đống trên đường phố?"

"Đúng, dạng vấn đề sức khỏe cộng đồng như vậy."

Im lặng.

"Vì vậy," Nash nói giọng nghiêm trọng, "trong khi tất cả đều lo tìm ra danh tính của thủ phạm giết ông bà Gordon, chúng ta còn lo hơn việc tìm hiểu liệu vợ chồng Gordon đã mang thứ gì đó ra khỏi đảo và chuyển nó cho những người không được phép hay không."

Không ai nói gì một lúc lâu, sau đó Beth hỏi, "Anh có thể... có ai đó trên đảo có thể xác định có thứ gì bị mất khỏi các phòng thí nghiệm hay không?"

Ted Nash nhìn Beth Penrose với ánh mắt của một vị giáo sư nhìn một học trò cưng vừa mới hỏi một câu rất thông minh. Thực ra, đó không phải một câu hỏi hay - nhưng để cởi quần áo nàng thì việc gì cũng được, đúng không, Ted?

Anh ta điềm tĩnh đáp lại *người mới được mình che chở,* "Như cô có thể nghi ngờ, Beth, có thể không xác định được có thứ gì đó bị mất hay không. Điều rắc rối là các vi sinh vật có thể được nhân lên bí mật tại một bộ phận nào đó trong phòng thí nghiệm của Đảo Plum hoặc ở nơi khác trên đảo, sau đó được mang ra khỏi đảo mà không ai biết. Nó không giống như các chất hóa học hay phóng xạ được tính từng gam. Vi khuẩn và virut thích sinh sản."

Thật đáng sợ, nếu bạn nghĩ về nó... những con vi khuẩn nhỏ bé thuộc hàng công nghệ thấp so với sự phân hạch hạt nhân hoặc khí nhân tạo gây độc hệ thần kinh. Đây là thứ trong phòng thí nghiệm, chi phí sản xuất rẻ, tự sinh sản trong - chúng ta dùng cái gì trong phòng thí nghiệm sinh học nhỉ? Canh thịt bò? Không còn bánh ham-bơ-gơ pho mát cho tôi rồi.

Nàng Penrose tự hào với câu hỏi của mình hỏi người *Cái gì cũng biết,* "Liệu chúng ta có thể giả định rằng những vi sinh vật nghiên cứu ở Đảo Plum là đặc biệt nguy hiểm hay không? Ý tôi là, họ có xử lý gen các vi sinh vật đó để chúng trở nên nguy hiểm hơn trạng thái tự nhiên của mình hay không?"

Nash không thích câu hỏi đó và đáp, "Không." Sau đó nói thêm, "Phòng thí nghiệm ở Đảo Plum có khả năng tác động gen, nhưng việc họ làm là lấy các virut và thay đổi gen để chúng không thể gây bệnh, nhưng có thể kích thích hệ thống miễn dịch sinh ra kháng thể trong trường hợp bị virut thật lây nhiễm. Đây là một dạng vác xin, được sản xuất không phải bằng cách làm yếu các thể lây nhiễm và tiêm vào cơ thể, điều có thể gây nguy hiểm, mà bằng cách thay đổi gen của vi sinh vật. Trả lời câu hỏi của cô một cách ngắn gọn, bất cứ công việc tác động gen nào được thực hiện trên Đảo Plum đều là để làm yếu một loại virut hoặc vi khuẩn, không phải để tăng khả năng gây bệnh của chúng."

Tôi nói, "Tất nhiên là không. Nhưng điều đó cũng có thể làm được với việc tác động gen."

"Có thể. Nhưng không phải trên Đảo Plum."

Tôi có ý nghĩ rằng Nash đang làm biến đổi gen của thông tin - lấy vi khuẩn của sự thật, làm yếu nó đi để chúng ta có một liều nhẹ của tin xấu. Gã khôn thật.

Tôi mệt mỏi với thứ lập luận khoa học rác tai đó nên quay sang hỏi câu tiếp theo với Foster. "Các anh có làm gì để chặn đường chưa? Sân bay, đường cao tốc, tất cả mọi nơi?"

Foster đáp, "Chúng tôi cho *người* ngoài đó tìm kiếm... bất cứ thứ gì. Tất cả mọi sân bay, bến cảng, bến tàu đều có người của chúng tôi, cảnh sát địa phương và hải quan theo dõi, lực lượng bảo vệ bờ biển chặn và kiểm

tra mọi tàu thuyền, chúng tôi thậm chí yêu cầu cơ quan Chống ma túy sử dụng tàu và máy bay của họ. Rắc rối là thủ phạm đã có ba giờ đi trước, vì xin nói thẳng là chúng tôi đã không được thông báo kịp thời..." Foster nhìn cảnh sát trưởng Maxwell, khi đó tay để bắt chéo, mặt làm điệu bộ.

Xin được nói thêm về Sylvester Maxwell. Anh là một cảnh sát trung thực, không phải người thông minh nhất trong phòng, nhưng cũng không phải gã ngu nhất. Anh có lúc bướng bỉnh, dường như đó là một đặc tính của người vùng North Folk chứ không phải của riêng cảnh sát trưởng. Phụ trách một lực lượng cảnh sát nhỏ ở nông thôn mà phải làm việc với lực lượng cảnh sát quận lớn hơn nhiều và đôi khi với cả cảnh sát bang, anh biết khi nào phải bảo vệ lãnh địa của mình, khi nào nên rút lui.

Một điểm nữa: điều kiện địa lý ở vùng biển tại khu vực có đường vận chuyển ma túy đã đặt Max ở vị trí gần kề với cơ quan Chống ma túy (DEA) và lực lượng bảo vệ bờ biển. DEA luôn cho rằng cảnh sát địa phương có thể tham gia việc buôn bán ma túy; những người địa phương như Max thì lại cho rằng DEA làm chuyện đó. Lực lượng bảo vệ bờ biển và FBI được coi là không dính đến, nhưng họ nghi ngờ DEA và cảnh sát địa phương. Hải quan thì hầu như trong sạch, nhưng chắc chắn phải có một số gã tồi nhận tiền để quay mặt đi. Tóm lại, ma túy là chuyện tồi tệ nhất xảy ra với các cơ quan thực thi pháp luật Mỹ từ sau thời cấm nấu và bán rượu.*

Điều này đưa suy nghĩ của tôi từ Max đến ma túy, đến con tàu Formula dài chín mét của vợ chồng Gordon với động cơ lớn và khỏe. Vì những căn cứ có vẻ không phù hợp với việc vợ chồng Gordon bán vi trùng gây bệnh lấy tiền, có thể lại phù hợp với việc vận chuyển ma túy. Có thể tôi đang lần ra điều gì. Có thể tôi sẽ chia sẻ điều này với mọi người ngay khi tôi nghĩ tới trong đầu. Cũng có thể là không.

Foster choảng thêm một vài câu trách móc tới Maxwell vì việc anh thông báo chậm cho FBI, cốt để mọi người ghi nhận điều gã nói. Kiểu như, "Ồ, Max, giá như anh gọi cho tôi sớm hơn. Giờ mọi thứ đã vuột mất, đó là lỗi của anh."

Max nói với Foster, "Tôi gọi cho đội điều tra án mạng của cảnh sát quận trong vòng mười phút sau khi biết có vụ giết người. Đến lúc đó tôi hết trách nhiệm".

Penrose cảm thấy như cả tám con mắt đang nhìn vào mông nàng. Nàng nói, "Tôi không biết nạn nhân là người của Đảo Plum."

Max nói, nhẹ nhàng nhưng chắc nịch, "Tôi báo cáo điều đó với người trả lời điện thoại, Beth. Trung sĩ... gì đó. Kiểm tra băng ghi âm thì biết."

"Tôi sẽ kiểm tra." Điều tra viên Penrose đáp. Nàng nói thêm, "Anh có thể đúng, Max, nhưng đừng bàn đến việc này." Nàng nói với Foster, "Hãy cùng giải quyết vụ án."

Foster đáp, "Một lời khuyên hợp lý." Gã nhìn xung quanh căn phòng rồi nói, "Một khả năng nữa là kẻ lấy được thứ đó sẽ không mang nó ra khỏi nước Mỹ. Chúng lập một phòng thí nghiệm ngay trong nước, hành động kín đáo để tránh bị chú ý và không đòi hỏi phải có những thứ nguyên liệu hoặc chất hóa học không bình thường có thể bị lần theo. Tình huống xấu nhất là các vi sinh vật đó, dù là loại nào, được nuôi cấy và nhân lên, sau đó đưa ra cho tiếp xúc với người dân bằng nhiều con đường khác nhau. Một số loại vi sinh vật này rất dễ phát tán theo nguồn nước, một số theo đường từ trên không, một số truyền qua người và động vật. Tôi không phải chuyên gia, nhưng tôi đã gọi cho một số người ở Washington lúc trước và được biết rằng khả năng truyền nhiễm qua tiếp xúc là rất cao." Gã nói thêm, "Một bộ phim tài liệu trên tivi đã có lần nói rằng một chiếc thùng cà phê chứa đầy vi khuẩn bệnh than được phát tán vào không khí chỉ bởi một

tên khủng bố đi quanh Manhattan trên một con tàu có thể giết chết ít nhất hai trăm nghìn người."

Căn phòng im lặng trở lại.

Dường như đang tận hưởng sự chú ý của mọi người, Foster tiếp tục, "Nó có thể còn tồi tệ hơn. Khó mà đánh giá được. Bệnh than do vi khuẩn gây ra. Virut còn có thể kinh khủng hơn."

Tôi hỏi, "Phải chăng chúng ta đang nói về một vụ trộm chỉ lấy một loại vi khuẩn hoặc virut?"

George Foster đáp, "Nếu anh lấy cắp vi khuẩn bệnh than, , anh có thể lấy cả Ebola và bất cứ thứ gì khác mà anh có thể lấy được. Điều này sẽ gây ra một mối đe dọa nhiều mặt, kiểu nguy cơ không bao giờ thấy trong tự nhiên, và sẽ không thể ngăn chặn hoặc kiểm soát."

Chiếc đồng hồ trên lò sưởi trong phòng khách điểm mười hai tiếng. Với cảm giác muốn gây xúc động và ấn tượng cho chúng tôi với học vấn của gã, rõ ràng là từ một trường nổi tiếng ở miền Đông, Ted Nash mượn cả Shakespeare, thành "Giờ đã là lúc canh khuya huyền hoặc, khi những nghĩa địa mở ra và từ địa ngục phun lên căn bệnh lây nhiễm cho thế giới này."

Vào lúc cao trào đó, tôi nói, "Tôi ra ngoài hít thở không khí một chút."

CHƯƠNG 5

Tôi không đi thẳng ra ngoài để hít thở không khí mà vòng qua phía tây của ngôi nhà nơi Tom và Judy đặt phòng làm việc tại vị trí trước đây từng là phòng ngủ.

Một chuyên gia máy tính đang ngồi trước chiếc máy tính cá nhân, chỗ mà tôi định ngồi. Tôi tự giới thiệu trước, người kia tự giới thiệu lại là điều tra viên Mike Resnick, chuyên gia tội phạm tin học thuộc cảnh sát quận.

Máy in chạy o o và hàng chồng giấy nằm la liệt trên mặt bàn.

Tôi hỏi Mike, "Anh đã tìm thấy kẻ giết người chưa?" .

"Rồi, tôi đang chơi trò Jeopardy."

Mike quả là người khôi hài. Tôi hỏi, "Chúng ta đã có được gì đến lúc này?"

"Ồ... hầu hết là... khoan đã, cái gì đây? Không có gì... chúng ta... cái gì nhỉ?"

"Tìm được gì rồi." Tôi thích nói chuyện với tay nghiện máy tính. "*Tìm được gì rồi.*"

"Ồ... chủ yếu là thư từ... thư từ cá nhân cho bạn bè và người thân, một số thư công việc... một số... cái gì đây? Không có gì..."

"Có thứ gì nói đến Đảo Plum không?"

"Không."

"Có điều gì đáng chú ý hay đáng nghi không?"

"Không."

"Tài liệu khoa học - ?"

"Không. Tôi sẽ dừng lại và báo cho bộ phận điều tra án mạng biết ngay khi tôi nghĩ là tìm được điều gì đó."

Giọng Mike nghe hơi gắt, như thể anh ta đã làm việc này một vài giờ và lúc này đã quá giờ đi ngủ. Tôi hỏi, "Những thứ về tài chính thì sao? Đầu tư, sổ séc, ngân quỹ gia đình ?"

Mike rời mắt khỏi màn hình nhìn lên. "Có. Đó là thứ đầu tiên tôi tải xuống. Họ viết séc trên máy tính. Đây là bản in tất cả các hoạt động trên sổ séc của họ trong hai mươi lăm tháng qua, từ khi họ mở tài khoản." Anh chỉ vào một xấp giấy tờ gần chiếc máy in.

Tôi cầm xấp giấy và nói, "Anh có phiền nếu tôi xem qua thứ này?"

"Không, nhưng đừng mang đi đâu xa. Tôi phải kẹp cùng báo cáo của tôi."

"Tôi chỉ mang ra phòng khách thôi, ở đó đèn sáng hơn."

"Được..." Mike quay lại với chiếc máy tính, thứ anh ta thấy thú vị hơn tôi. Tôi đi ra.

Ngoài phòng khách, cô chuyên gia vân tay ít lời vẫn đang phủi bụi và lấy vân tay. Cô nhìn tôi hỏi, "Anh không chạm vào đâu đấy chứ?"

"Không, thưa cô."

Tôi bước đến mấy kệ sách để hai bên lò sưởi. Ở bên trái là tiểu thuyết hư cấu, chủ yếu là sách bìa mềm, một sự pha trộn hài hòa giữa những thứ bỏ đi và báu vật. Ở bên phải, tôi nhìn qua tiêu đề thì từ sách về kỹ thuật sinh học đến các loại linh tinh về sức khỏe và tập luyện thân thể. Ngoài ra còn có một ngăn gồm toàn sách địa phương xuất bản về đảo Long Island, động thực vật, lịch sử, v.v...

Trên chiếc giá dưới cùng là một hàng sách về đi biển và hải đồ. Như tôi đã nói, đối với những người vùng Trung Tây xung quanh chỉ là đất liền, vợ chồng Gordon thực sự đã thích đi tàu biển. Mặt khác, tôi đã từng ra biển với họ một vài lần, thậm chí còn biết họ không phải là những thủy thủ giỏi. Họ không câu cá, bắt sò, bắt cua, thậm chí còn không bơi. Họ chỉ thích thỉnh thoảng tăng tốc. Điều này đưa tôi trở lại với ý nghĩ rằng vụ này có thể dính đến ma túy.

Với ý nghĩ đó trong đầu, tôi đặt tập giấy vừa in ra xuống và dùng khăn tay lót lấy một cuốn hải đồ to quá khổ từ trên giá và để dựa lên trên lò sưởi. Tôi lật qua các trang, ngón tay lót dưới chiếc khăn. Tôi cố tìm các tần số điện đài, số điện thoại di động hay bất cứ thứ gì khác mà một kẻ vận chuyển ma túy có thể ghi trong sách hải đồ của mình.

Mỗi trang của cuốn hải đồ thể hiện một khu vực rộng chừng bốn nhân bốn dặm. Đất liền vẽ trên hải đồ không có gì nổi bật, ngoại trừ các điểm mốc có thể thấy được từ dưới nước. Tuy nhiên, biển lại được đánh dấu với các vỉa đá ngầm, đá nổi, độ sâu, các ngọn hải đăng, xác tàu đắm, phao, tất cả mọi thứ hỗ trợ và báo nguy cho người đi biển.

Tôi lật qua từng trang để tìm những dấu "X", điểm hẹn, các tọa độ theo ô kẻ, hoặc những cái tên như Juan và Pedro hay bất cứ thứ gì, nhưng các hải đồ dường như sạch nguyên ngoại trừ một đường vẽ bằng bút đánh dấu màu vàng nối từ bãi đỗ của nhà Gordon đến bãi đỗ của Đảo Plum. Đây là chu trình họ theo để đi làm, vượt qua giữa bờ phía nam của North Folk và Đảo Trú ẩn, giữ đường đi trong vùng nước sâu và an toàn của eo biển. Đây chưa phải manh mối để tìm ra điều gì đó.

Tôi nhận ra trên hình vẽ Đảo Plum được in màu đỏ là dòng chữ, "Khu vực cấm - Cơ quan Chính phủ - Không cho phép người ngoài."

Khi tôi sắp gấp cuốn sách lớn lại thì nhìn thấy cái gì đó suýt bị chiếc khăn tay che mất - ở gần cuối của trang sách, ở vùng biển phía nam của Đảo Plum, viết bằng bút chì "44106818". Theo sau là một dấu chấm hỏi, tương tự như dấu hỏi vừa xuất hiện trong đầu - *44106818?* Hãy đặt hai dấu hỏi chấm và một dấu chấm than.

Vậy phải chăng đây là một tọa độ theo tiêu chuẩn gồm tám chữ số? Hay tần số radio? Một trò đùa để ngụy trang? Ma túy? Vi trùng? Là cái gì?

Có một điều quan trọng trong điều tra các vụ án mạng khi ta bắt đầu ghép nhiều manh mối hơn số mà ta biết phải xử lý như thế nào. Manh mối giống như các thành phần trong một công thức nấu ăn mà không có hướng dẫn. Nếu ta kết hợp chúng với nhau đúng cách, ta sẽ có bữa tối. Còn nếu không biết phải làm gì với chúng, ta sẽ còn ở lâu trong bếp, lúng túng và đói bụng.

Tôi cầm cuốn hải đồ với chiếc khăn tay để lót và mang đến chỗ cô chuyên gia vân tay. Tôi hỏi, "Cô có thể xem xét thật tỉ mỉ cuốn sách này cho tôi được không?" Tôi cười hiền.

Cô nhìn tôi hơi khó chịu rồi cầm cuốn sách với bàn tay đi găng và kiểm tra. "Giấy bản đồ này khó làm đấy... nhưng cái bìa bóng lại giữ dấu vân tay tốt... tôi sẽ làm những gì có thể." Cô nói thêm, "Bạc nitorát hoặc ninhydrin. Cái này phải làm trong phòng thí nghiệm."

"Cám ơn cô, người phụ nữ đầy năng lực chuyên môn."

Cô nàng nở một nụ cười và hỏi, "Ai có nhiều dấu vân tay nhất? FBI, CIA hay MEP?"

"MEP là cái gì? Ý cô là Cơ quan bảo vệ môi trường?"

"Không. Là Mông Elizabeth Penrose." Cô cười to. "Cả cơ quan đều biết. Anh chưa nghe thấy bao giờ à?"

"Tôi nghĩ là chưa."

Cô chìa tay ra. "Tôi là Sally Hines."

"Tôi là John Corey." Tôi bắt tay cô nàng và nhận xét, "Tôi thích cảm giác của cao su chạm vào da. Còn cô?"

"Không bình luận." Cô dừng lại, rồi hỏi, "Anh có phải là người của Sở Cảnh sát New York làm việc với đội điều tra án mạng của quận trong vụ này không?"

"Đúng."

"Vậy quên chuyện đùa về Penrose đi nhé."

"Chắc chắn rồi." Tôi hỏi, "Đã thấy được gì chưa, Sally?"

"Ngôi nhà mới được quét dọn nên bề mặt mọi thứ còn sạch. Tôi không nghiên cứu sâu các dấu vết, nhưng tôi thấy hầu hết là của hai nhóm, có lẽ là của Ông và Bà. Có một vài nhóm khác, và nếu anh muốn biết nhận xét của tôi, thưa điều tra viên, hung thủ dùng găng tay. Đây không phải là một tên nghiện để nguyên cả năm đầu ngón tay lên tủ rượu.

Tôi gật đầu rồi nói, "Cố gắng làm điều tốt nhất có thể với cuốn sách này."

"Tôi làm việc chỉ có hoàn hảo thôi. Còn anh?" Cô lấy một chiếc túi nhựa trong bộ đồ nghề và nhét cuốn sách vào trong. Cô nói, "Tôi cần bộ mẫu vân tay của anh."

"Lấy trên mông Elizabeth Penrose sau."

Cô nàng cười, nói, "Đặt tay anh lên chiếc bàn uống cà phê bằng kính này cho tôi."

Tôi làm theo cô yêu cầu và hỏi, "Cô đã lấy vân tay của hai gã đi cùng với Maxwell chưa?"

"Tôi được bảo là việc đó sẽ tính sau."

“Này, Sally, nhiều người giống như mấy gã trong bếp kia sẽ chìa những tấm thẻ hạng nhất cho cô xem. Cô chỉ nên báo cáo với đội điều tra án mạng của quận, tốt nhất là với riêng Penrose.”

“Tôi nghe anh.” Cô nhìn quanh rồi hỏi tôi, “Này, vậy chuyện vi trùng thì sao?”

“Vụ này chẳng liên quan gì đến vi trùng. Ngẫu nhiên nạn nhân lại làm việc trên Đảo Plum, nhưng đó chỉ là sự trùng hợp.”

“Ừ, đúng.”

Tôi lấy lại xấp giấy in từ máy tính và bước về phía chiếc cửa trượt bằng kính.

Sally nói với theo, “Tôi không thích cách xử lý hiện trường vụ này.”

Tôi không đáp.

Tôi bước ra phía vịnh, nơi có chiếc ghế dài xinh xắn đặt quay ra biển. Tôi quẳng đống giấy vừa xoáy được lên ghế và nhìn ra vịnh.

Gió thổi mát đủ để lũ muỗi bạt đi không quấy rầy tôi. Những con sóng nhỏ cưỡi trên mặt vịnh xô vào chiếc tàu của nhà Gordon dưới bãi đậu. Những đám mây trắng trôi bồng bềnh qua mặt trăng to và sáng. Không khí mang mùi của đất liền hơn là mùi của biển khi làn gió nhẹ chuyển hướng thổi đến từ phương bắc.

Ở nơi nào đó, bằng cách nào đó, có lẽ là ngấm dần, tôi đã bắt đầu cảm nhận được sức mạnh mãnh liệt của đất và biển xung quanh mình. Tôi cho rằng nếu bạn trải qua tất cả các kỳ nghỉ hè hai tuần ở đây khi tôi còn nhỏ và những ngày nghỉ cuối tuần của mùa thu, bạn sẽ không ngạc nhiên nếu thấy có điều gì đó đã ngấm vào bộ óc thành thị của tôi.

Cũng có những lúc tôi muốn rời xa thành phố, và tôi nghĩ đến một nơi như ở đây. Tôi nghĩ mình nên ra ngoài này vào mùa đông và ở một vài

tháng trong căn nhà lớn lộng gió của cậu Harry để xem tôi có thành người nghiện rượu hoặc ẩn sĩ hay không. Chết tiệt, nếu vẫn có người bị bòm ở quanh đây, rồi Hội đồng Thị trấn Southold nhận tôi làm cố vấn điều tra án mạng với mức lương một trăm đô la mỗi ngày và tất cả những con sò mà tôi có thể ăn.

Tôi vẫn phân vân về việc trở lại với nghề. Tôi đã sẵn sàng để thử nghiệm một thứ gì mới mẻ, nhưng tôi muốn đó là quyết định của chính tôi chứ không phải của bác sỹ. Nhưng nếu mấy gã lang băm đó nói tôi không làm việc được nữa thì tôi không thể tìm được hai gã đã bắn tôi. Đó là một công việc nghiêm túc còn dang dở. Tôi không mang trong mình dòng máu Italia, nhưng anh chàng cộng sự của tôi, Dominic Fanelli, là người đảo Sicil đã dạy tôi toàn bộ lịch sử và nghi thức của sự trả thù. Anh bắt tôi xem phim *Bố Già* ba lần. Tôi nghĩ là tôi đã hiểu. Hai gã Latinh đó phải chết. Dominic đang cố tìm ra chúng và sẽ gọi cho tôi khi tìm được.

Nhắc đến chuyện thương tật, tôi cảm thấy hơi mệt mỏi và ngồi xuống ghế. Tôi không còn giống siêu nhân như trước khi bị bắn.

Tôi ngả người ra sau và nhìn bầu trời đêm hồi lâu. Trên vạt cỏ nhỏ ở bên trái cầu tàu của nhà Gordon là một cột cờ cao màu trắng với một thanh gỗ buộc chéo, gọi là thanh chống, từ đó căng hai sợi dây, gọi là dây néo. Xem tôi học lỏm từ của ngành hàng hải nhanh chưa. Vợ chồng Gordon đã tìm được một bộ cờ hiệu và cờ đuôi nheo trong một chiếc tủ có khóa ở gara, thỉnh thoảng họ treo cờ hiệu trên dây néo cho vui - chẳng hạn như cờ báo "Chuẩn bị lên tàu" hoặc "Thuyền trưởng đang lên bờ".

Tôi đã nhận ra từ lúc trước ở trên đỉnh của chiếc cột, vợ chồng Gordon đã treo chiếc cờ Nguy hiểm, và tôi nghĩ thật mỉa mai khi lá cờ cuối cùng họ treo là cờ đầu lâu xương chéo.

Tôi cũng nhận ra trên mỗi sợi dây néo có một lá cờ hiệu. Tôi chỉ có thể thấy mờ mờ trong đêm tối, nhưng điều đó không quan trọng vì tôi không hiểu gì về các tín hiệu hàng hải.

Penrose ngồi xuống cuối ghế bên trái. Nàng đã mặc lại chiếc áo khoác, một điều đáng thất vọng. Tay nàng ôm quanh người như thể đang lạnh. Phụ nữ lúc nào chẳng lạnh. Nàng không nói gì mà đã bỏ giầy, cọ bàn chân xuống nền cỏ và ngọ nguậy hai ngón chân cái. Đôi giầy nàng đi cũng không mấy thoải mái gì với chúng.

Sau mấy phút yên lặng làm thân - hay có thể là đứng yên trong giá lạnh - tôi phá băng và nói, "Có thể cô nói đúng. Thủ phạm tới bằng tàu."

"Anh có mang súng không."

"Không."

"Tốt. Tôi sắp cho cái thứ óc chết tiệt của anh bay khỏi đầu."

"Này, Beth - "

"Gọi tôi là điều tra viên Penrose."

"Đừng căng thẳng thế."

"Sao anh lại khó chịu với Ted Nash như thế?"

" Anh ta là ai chứ?"

"Anh thừa biết đó là ai. Anh có vấn đề gì?"

"Vấn đề của đàn ông."

"Anh tự biến mình thành gã ngốc, mọi người đều nghĩ anh là một kẻ ngu ngốc hợm hĩnh và hoàn toàn vô dụng. *Và* anh đã đánh mất sự tôn trọng của tôi."

"Vậy tôi cho rằng tình dục không được bàn đến."

"Tình dục? Tôi còn không muốn thở chung không khí với anh."

“Nó làm đau đấy, Beth.”

“Đừng gọi tôi là Beth.”

“Ted Nash gọi cô - ”

“Này Corey, tôi được giao vụ này vì đã quỳ xuống và cầu xin đội trưởng đội điều tra án mạng cho làm. Đây là vụ giết người thực sự đầu tiên mà tôi điều tra. Trước đây tất cả những việc tôi làm đều là vớ vẩn - những gã nghiện làm thịt nhau, những ông bố và bà mẹ giải quyết mâu thuẫn gia đình bằng dao kéo, những thứ vớ vẩn như thế. Và cũng không có nhiều. Tỉ lệ án giết người ở quận này thấp.”

“Tôi rất tiếc khi biết chuyện này.”

“Vâng. Anh làm chuyện này thường xuyên nên anh phát ngán, anh giễu cợt và tinh tướng.”

“Ồ, tôi không - ”

“Nếu anh đến đây để làm tôi xấu hổ thì xin anh đi cho.” Nàng đứng lên.

Tôi cũng đứng dậy. “Thôi nào. Tôi đến đây để giúp.”

“Vậy hãy giúp đi.”

“OK. Nghe đây. Mấy lời khuyên của tôi. Đừng nói quá nhiều với Foster và anh bạn thân Ted của cô.”

“Tôi biết điều đó. Xin bỏ chữ “bạn thân Ted” vớ vẩn đó đi.”

“Này... tôi có thể gọi cô là Beth không?”

“Không.”

“Nghe này, điều tra viên Penrose, tôi biết cô nghĩ là tôi bị cô hấp dẫn và có lẽ cô nghĩ tôi đang đến với cô... và cô nghĩ điều đó có thể khó xử...”

Nàng quay mặt đi và nhìn ra phía vịnh.

Tôi tiếp tục, "... điều này thật sự rất khó nói, nhưng ... cô không phải lo về điều đó... về tôi..."

Nàng quay lại và nhìn tôi.

Tôi gần như che mặt bằng bàn tay phải và xoa lên trán. Tôi tiếp tục với khả năng tốt nhất có thể. "Cô biết đấy... một trong những viên đạn bắn vào tôi... Chúa ơi, nói thế nào nhỉ...? Nó làm tôi bị thương ở chỗ đáng buồn cười, được chưa? Giờ cô biết rồi nhé. Vì thế chúng ta có thể như... những người bạn, cộng sự... anh trai với em gái... ý tôi là như chị em gái với nhau..." Tôi liếc sang và thấy nàng lại nhìn chăm chú ra biển.

Cuối cùng, nàng nói. "Tôi nghĩ anh đã nói rằng anh bị bắn vào dạ dày."

"Đúng, cả chỗ đó nữa."

"Max nói anh bị một vết thương nghiêm trọng ở phổi."

"Cũng đúng."

"Có tổn thương não không?"

"Có thể."

"Và anh muốn tôi tin rằng anh đã bị mất khả năng đàn ông bởi một viên đạn khác."

"Đó là điều không gã đàn ông nào nói dối bao giờ."

"Nếu cái lò đã tắt, sao vẫn còn lửa trong mắt?"

"Chỉ là hồi ức, Beth - Tôi gọi cô là Beth được không? Hồi ức sống về cái thời tôi có thể nhảy qua chiếc xe của mình."

Nàng đặt tay lên mặt, tôi không biết nàng đang cười hay khóc.

Tôi nói, "Xin đừng nói với ai."

Cuối cùng, nàng điềm tĩnh trở lại và đáp, "Tôi sẽ cố không để nó trên giấy tờ."

“Cám ơn.” Tôi để một vài giây trôi qua, rồi hỏi nàng, “Cô có sống gần đây không?”

“Không. Tôi sống ở phía tây Suffolk.”

“Đi xa đấy. Cô sẽ lái xe về nhà hay ở lại gần đây?”

“Tất cả chúng tôi đều ở nhà nghỉ Soundview ngoài Greenport.”

“ “Chúng tôi” là ai?”

“Tôi, George, Ted, một số người của DEA, một số người đã có mặt ở đây từ trước... người của bộ Nông nghiệp. Tất cả chúng tôi đều phải làm việc cả ngày lẫn đêm, hai mươi bốn giờ trong ngày, bảy ngày mỗi tuần. Trông phải đàng hoàng trước báo chí và công chúng... phòng trường hợp có tin đồn xấu làm chấn động người xem. Anh biết đấy, trường hợp người ta lo lắng về bệnh dịch.”

“Ý cô là sự hỗn loạn khắp nơi về một thứ bệnh nguy hiểm.”

“Bất cứ điều gì.”

“Này, tôi có một nơi rất tốt ở gần đây và cô cứ việc đến đó ở.”

“Dù sao cũng cám ơn.”

“Đó là một biệt thự ấn tượng kiểu thời Victoria nằm sát biển.”

“Không tác dụng gì.”

“Cô sẽ được thoải mái hơn. Tôi đã nói với cô, tôi an toàn mà. Chết tiệt, nhân viên sở cảnh sát New York còn nói tôi được phép vào phòng vệ sinh nữ trong trụ sở cơ quan.”

“Thôi đi.”

“Nói nghiêm túc, Beth, tôi có một tập giấy tờ in từ máy tính theo dõi vấn đề tài chính của họ trong vòng hai năm. Chúng ta có thể nghiên cứu tối nay.”

“Ai cho phép anh lấy nó?”

"Cô cho phép. Đúng không?"

Nàng ngập ngừng rồi gật đầu nói, "Tôi muốn lấy lại vào sáng mai."

"Được. Tôi sẽ thức cả đêm với cái này. Giúp tôi nhé."

Nàng dường như cân nhắc rồi nói, "Cho tôi số điện thoại và địa chỉ của anh."

Tôi lục khắp các túi tìm giấy bút, nhưng nàng đã lấy cuốn sổ nhỏ ra và nói, "Đọc đi."

Tôi cho nàng thông tin, còn chỉ cả đường.

Nàng nói, "Nếu đến, tôi sẽ gọi trước."

"Được."

Tôi ngồi trở lại xuống ghế, nàng ngồi ở đầu kia, xấp giấy tờ ở giữa. Chúng tôi im lặng, kiểu như đang lấy lại tinh thần, có lẽ thế.

Cuối cùng, Beth lên tiếng, "Tôi hy vọng anh thông minh hơn vẻ bề ngoài và cách ăn nói của anh."

"Để tôi giải thích thế này - điều khôn ngoan nhất mà cảnh sát trưởng Maxwell đã làm trong sự nghiệp là đến kéo tôi vào vụ này."

"Và khiêm tốn."

"Không có lý do gì phải khiêm tốn. Tôi là một trong những người giỏi nhất. Nói thật, kênh truyền hình CBS đang làm một chương trình có tên là Hồ sơ Corey."

"Anh không đùa chứ?"

"Tôi có thể để cô cùng tham gia."

"Cám ơn. Nếu tôi có thể đáp lại lòng tốt của anh, xin cứ cho tôi biết."

"Được thấy cô trong chương trình Hồ sơ Corey đã là đủ rồi."

"Chắc chắn rồi. Nghe này... Tôi có thể gọi anh là John?"

“Xin cứ gọi như thế.”

“John, điều gì đang xảy ra ở đây? Ý tôi là với vụ này. Anh biết điều gì đó mà không nói ra.”

“Tình trạng hiện nay của cô là gì?”

“Xin lỗi?”

“Đã đính hôn, ly hôn, ly thân hay có quan hệ với ai đó?”

“Ly hôn. Anh biết hoặc nghi ngờ điều gì về vụ này mà anh chưa đề cập tới?”

“Không bạn trai?”

“Không bạn trai, không con cái, mười một người ngưỡng mộ, năm đã có gia đình, ba người gia trưởng, hai người có khả năng đi xa thêm, và một gã đần độn.”

“Tôi quá tục mạch à?”

“Đúng.”

“Nếu tôi có một cộng sự là nam và tôi hỏi anh ta những câu hỏi này thì sẽ là hoàn toàn bình thường.”

“Nhưng... chúng ta không phải cộng sự.”

“Cô muốn theo cả hai cách. Rất điển hình.”

“Này... nói về anh đi. Ngắn gọn thôi.”

“Được. Ly hôn, không có con, hàng tá người ngưỡng mộ, nhưng không có ai đặc biệt.” Tôi nói thêm, “Không mắc bệnh hoa liễu.”

“Và không có bộ phận bị hoa liễu.”

“Đúng.”

“Được rồi, John, vụ này thế nào?”

Tôi ngồi lại lên ghế và đáp, "Beth... điều đang xảy ra đối với vụ này là những thứ rõ ràng lại đang dẫn đến những điều khó có khả năng xảy ra, và mọi người đang cố làm cho điều khó xảy ra khớp với những thứ rõ ràng. Nhưng nó không phải như vậy, thưa cộng sự."

Nàng gật đầu rồi nói, "Ý anh là vụ này không liên quan gì đến cái mà chúng ta nghĩ là phải có liên quan."

"Tôi bắt đầu nghĩ có điều gì đó khác đang diễn ra ở đây."

"Tại sao anh lại nghĩ như vậy."

"Ờ... một số chứng cứ có vẻ không phù hợp."

"Có thể sẽ phù hợp trong một vài ngày nữa, khi có tất cả các báo cáo từ phòng thí nghiệm và đã lấy lời khai từ tất cả mọi người. Chúng ta vẫn còn chưa nói chuyện với người của Đảo Plum."

Tôi đứng dậy nói, "Chúng ta xuống cầu tàu nhé."

Nàng xỏ giầy và chúng tôi đi về phía bãi đỗ tàu. Tôi nói, "Cách đây vài trăm thước dọc xuống theo bờ biển, Albert Einstein đã đấu tranh với vấn đề đạo đức của bom nguyên tử và quyết định đó là sự thử nghiệm. Người tốt thì không có sự lựa chọn nào vì những kẻ xấu đã quyết định rằng đó là thử nghiệm không cần phải băn khoăn với những vấn đề đạo đức." Tôi nói thêm, "Tôi biết vợ chồng Gordon."

Nàng thoáng suy nghĩ rồi nói, "Ý anh là anh không nghĩ vợ chồng Gordon có khả năng - khả năng về đạo đức - bán những thứ vi sinh vật chết người."

"Đúng, tôi không nghĩ như vậy. Giống như các nhà khoa học về hạt nhân, họ đánh giá cao sức mạnh của vị thần trong chiếc bình. Tôi không biết chính xác họ làm gì ở Đảo Plum, và có thể chúng ta sẽ không bao giờ biết, nhưng tôi nghĩ tôi hiểu đủ về họ để nói rằng họ không bán vị thần ở trong bình."

Nàng không đáp.

Tôi nói tiếp, "Tôi nhớ Tom có một lần nói với tôi rằng Judy đang có một ngày tồi tệ vì con bê mà cô ấy gắn bó đã bị cho nhiễm bệnh có chủ ý và sắp chết. Đó không phải là hạng người muốn nhìn thấy trẻ em chết vì bệnh tật. Khi cô hỏi các nhân viên trên Đảo Plum, cô sẽ tự nhận ra điều này."

"Đôi khi người ta còn có mặt trái."

"Tôi chưa bao giờ thấy một biểu hiện nào trong nhân cách của vợ chồng Gordon có thể gợi lên chuyện họ sẽ bán một thứ gây bệnh chết người."

"Đôi khi người ta hợp lý hóa hành vi của mình. Những người Mỹ đã bán bí mật bom nguyên tử cho người Nga thì sao? Họ là những người nói rằng mình làm vậy là vì niềm tin, rằng để không bên nào có được tất cả sức mạnh."

Tôi liếc nhìn nàng và nàng cũng nhìn tôi khi hai người đang bước đi. Tôi mừng vì phát hiện ra Beth Penrose có khả năng suy nghĩ sâu hơn, và tôi biết nàng cũng nhẹ nhõm khi thấy tôi không phải là kẻ đần độn như nàng từng nghi ngờ.

Tôi nói, "Nói về các nhà khoa học hạt nhân, đó lại là một thời điểm khác và một bí mật khác. Ý tôi là, nếu không có gì khác, tại sao vợ chồng Gordon có thể bán thứ vi khuẩn và virut có thể giết chết *họ* và gia đình mình ở Indiana hay chỗ nào đó, và giết hết tất cả mọi người trên đường đi."

Beth Penrose trầm ngâm suy nghĩ điều đó một lát rồi đáp, "Có thể họ được trả mười triệu đô la, tiền gửi trong ngân hàng Thụy Sỹ, và họ có một lâu đài trên một ngọn núi chứa đầy sâm panh và đồ hộp, và họ mời bạn bè, người thân tới thăm. Tôi không biết, John ạ. Tại sao người ta làm những

chuyện điên rồ? Họ có lý do biện hộ, họ tự thuyết phục mình làm chuyện đó. Họ tức giận về điều gì hoặc với ai đó. Mười triệu đô la. Hai mươi triệu. Hai trăm triệu đô la. Mỗi người đều có một cái giá."

Chúng tôi bước ra cầu tàu. Một viên cảnh sát Southold mặc quân phục đang ngồi trên một chiếc ghế. Penrose nói với anh ta, "Nghỉ một lát đi."

Anh ta đứng dậy đi về phía ngôi nhà.

Những đợt sóng nối đuôi nhau xô vào tàu của vợ chồng Gordon, con tàu dập dềnh va vào khung chắn bằng cao su trên những chiếc cọc. Thủy triều đã rút, tôi nhận ra con tàu giờ đã được buộc vào mấy chiếc ròng rọc cho sợi dây được lỏng ra. Con tàu giờ đã hạ xuống thấp hơn cầu tàu gần mét rưỡi. Tôi nhận ra dòng chữ trên vỏ tàu "Formula 303" mà theo Tom có nghĩa là dài ba mươi fit và ba in-xơ.

Tôi nói với Beth, "Tôi tìm thấy một cuốn sách trên giá sách của nhà Gordon - hải đồ định hướng - với một con số có tám chữ số viết bằng bút chì trong một trang của cuốn sách. Tôi đã nhờ Sally Hines lấy dấu vân tay trên cuốn sách và sẽ báo cáo lại với cô. Cô nên lấy cuốn sách và cất ở một nơi an toàn. Chúng ta nên cùng xem lại. Có thể có những dấu hiệu khác trong cuốn sách."

Nàng nhìn chằm chằm vào tôi trong vài giây rồi hỏi, "Được, anh nghĩ vụ này thế nào?"

"Nếu cô quay bánh xe đạo đức xuống một nửa vòng, cô sẽ đi từ chỗ bán bệnh tật lấy tiền đến chỗ bán ma túy lấy tiền."

"Ma túy."

"Đúng. Sự nửa vời về đạo đức ở một số người, số tiền lớn trong đầu tất cả mọi người. Cô thấy thế nào? Ma túy ấy."

Nàng nhìn vào con tàu động cơ lớn và gật đầu rồi nói, "Có lẽ chúng ta đã đâm hoảng với sự liên quan tới Đảo Plum."

“Có lẽ vậy.”

“Chúng ta nên nói chuyện với Max và những người kia về việc này.”

“Không nên.”

“Tại sao không?”

“Vì chúng ta mới chỉ suy đoán. Cứ để họ theo đuổi giả thuyết về bệnh tật. Nếu đó là giả thuyết đúng, tốt nhất là giữ kín chuyện.”

“Được, nhưng đó không phải là lí do để không nói với Max và những người kia.”

“Hãy tin tôi.”

“Không. Anh phải có lý do thuyết phục tôi.”

“Chính tôi cũng không có lý do thuyết phục. Chúng ta có hai khả năng lớn nhất ở đây - vi trùng lấy tiền và ma túy lấy tiền. Hãy để xem Max, Foster và Nash có kết luận nào của riêng họ không, và họ có chia sẻ với chúng ta không.”

“Được... Tôi sẽ theo cách của anh.”

Tôi đi về phía con tàu. “Cô nghĩ con tàu này để làm gì?”

Nàng nhún vai. “Tôi không chắc... chiếc Formula là loại đắt tiền... anh tính cứ ba nghìn đô la cho mỗi ba mươi phân, vị chi cho chiếc tàu còn mới này là khoảng 100.000 đô la.”

“Còn tiền thuê ngôi nhà này? Khoảng hai nghìn?”

“Tôi đoán khoảng thế, cộng với đồ dùng sinh hoạt.” Nàng nói thêm, “Chúng ta sẽ tìm ra tất cả những thứ này.”

“Còn chuyện đi làm bằng tàu? Mất khoảng hai giờ cho một chiều đi hoặc về, và một khoản tài sản nhỏ dùng cho nhiên liệu. Đúng không?”

“Đúng.”

“Mất khoảng ba mươi phút lái xe từ đây tới bến phà ở Orient Point. Đi phà mất khoảng bao lâu nhỉ? Có thể là hai mươi phút, những lời chúc tụng của Chú Sam. Tổng cộng mất khoảng một tiếng, so với gần hai tiếng đi bằng tàu cao tốc. Nhưng vợ chồng Gordon vẫn đi tàu riêng từ đây tới Đảo Plum, và tôi biết có những hôm họ không thể đi tàu về nhà vì thời tiết trở nên xấu đi trong ngày. Họ sẽ phải đi bằng phà về Orient và đi nhờ xe ai đó về nhà. Việc này trước đây không có ý nghĩa gì với tôi, nhưng tôi thừa nhận là chưa bao giờ nghĩ nhiều về điều đó. Đáng ra tôi nên nghĩ từ trước. Giờ có lẽ nó lại quan trọng.”

Tôi nhảy xuống tàu và đáp mạnh lên sàn. Tôi giơ tay lên. Nàng nhảy xuống và tóm lấy tay tôi. Chẳng hiểu sao mà chúng tôi lại thấy mình ở trên sàn, tôi nằm ngửa, còn Penrose nằm trên người tôi. Chúng tôi giữ nguyên như thế khoảng một giây dài hơn cần thiết rồi đứng dậy. Chúng tôi nhìn nhau cười ngượng nghịu, giống như những người xa lạ khác giới khi vô tình va vào nhau.

Nàng hỏi tôi, “Anh không sao chứ?”

“Không sao...” Kỳ thực, gió đã bị ép bật ra khỏi lá phổi ốm yếu của tôi, và tôi đoán là nàng có thể nhận ra.

Tôi hít thở trở lại và đi ra phần đuôi tàu, nơi chiếc Formula có một chiếc ghế băng dài để ngồi. Tôi chỉ xuống boong chỗ gần chiếc ghế và nói với nàng, “Đây là chỗ để chiếc thùng. Đó là chiếc thùng lớn, dài khoảng mét hai, rộng chín mươi phân, cao chín mươi phân. Thể tích bên trong khoảng tám tấc, có phủ lớp nhôm bảo vệ. Mấy lần ngồi trên chiếc ghế này, tôi gác chân lên thùng uống bia.”

“Sao nữa?”

“Và sau giờ làm việc, vào những ngày định trước, vợ chồng Gordon rời Đảo Plum theo thời gian đã sắp xếp và mở tốc lực chạy ra biển. Ở đó, trên

Đại Tây Dương, họ đến điểm hẹn với một con tàu lớn, có thể là tàu chở hàng của Nam Mỹ, có thể là một chiếc thủy phi cơ hay gì đó. Họ chất lên tàu khoảng một trăm kí lô chất trắng và quay lại vào đất liền. Nếu họ bị DEA hoặc lực lượng bảo vệ bờ biển phát hiện ra vị trí, trông họ lại giống như *ông bà trong sạch* chạy ra biển chơi một vòng. Thậm chí nếu bị chặn, họ chìa thẻ nhân viên Đảo Plum và huyên thuyên đủ điều. Thực tế, họ có thể chạy vượt bất cứ thứ gì trên mặt nước. Phải dùng máy bay mới đuổi được thứ này. Hơn nữa, có bao nhiêu tàu thuyền bị chặn lại để kiểm tra? Có hàng nghìn chiếc tàu giải trí và ngư dân thương mại ở đó. Trừ khi lực lượng bảo vệ bờ biển hoặc hải quan có cách làm nghiêm túc, hoặc có ai đó làm điều gì khác thường, còn thì họ không lên tàu để kiểm tra. Đúng không?"

"Thường là như vậy. Hải quan có toàn quyền để làm điều đó và thỉnh thoảng họ có làm." Nàng nói thêm, "Tôi sẽ xem có báo cáo nào với DEA, bảo vệ bờ biển hoặc hải quan liên quan đến con tàu *Spirochete*."

"Tốt." Tôi thoáng suy nghĩ rồi nói, "Được rồi nhé, sau khi vợ chồng Gordon lấy hàng, họ cập vào một điểm hẹn trước với một chiếc tàu nhỏ và chuyển chiếc thùng đá cho các nhà phân phối dược phẩm địa phương, những người kia chuyển lại cho họ một chiếc thùng khác với một bó tiền trong đó. Nhà phân phối sau đó chạy xe đến Manhattan, và kết thúc một vụ nhập khẩu miễn thuế. Diễn ra hàng ngày. Câu hỏi đặt ra là, vợ chồng Gordon có tham gia hay không, và nếu có thì phải chăng đó là lí do khiến họ bị giết? Tôi hy vọng như vậy. Vì khả năng kia làm tôi sợ, mà tôi thì không dễ bị làm cho sợ."

Nàng suy nghĩ điều tôi nói và nhìn ra xung quanh con tàu. Nàng nói, "*Có thể* hợp lý. Nhưng cũng có thể chỉ là tưởng tưởng."

Tôi không đáp.

Nàng nói tiếp, “Nếu có thể xác định đây là chuyện ma túy, chúng ta có thể nghỉ ngơi yên tâm hơn. Cho tới lúc đó, chúng ta vẫn phải tiếp tục với giả thuyết vụ này liên quan đến bệnh tật, vì nếu đúng như vậy chúng ta không kiểm soát được, có thể tất cả chúng ta sẽ chết.”

CHƯƠNG 6

Hai giờ sáng, tôi vẫn đang căng mắt đọc tập giấy tờ in từ máy tính của nhà Gordon. Tôi có một bình cà phê trong phòng bếp cũ và rộng của cậu Harry. Tôi ngồi bên chiếc bàn tròn cạnh cửa sổ quay ra vịnh theo hướng đông để hứng ánh mặt trời buổi sáng.

Cậu Harry và mợ June khôn khéo không bao giờ nhận cả dòng họ Corey làm khách trong nhà, nhưng thi thoảng để tôi và em trai tôi, Jim, hoặc em gái tôi là Lynne ở trong căn phòng dành cho khách, trong khi phần còn lại của gia đình ở trong căn phòng khó chịu kiểu những năm 1950 dành cho khách du lịch.

Tôi còn nhớ đã ngồi bên chiếc bàn này khi còn nhỏ cùng với hai người em con cậu là Harry con và Barbara, ngốn thật nhanh bánh yến mạch hoặc bánh bột mì để được chạy ra ngoài chơi đùa. Mùa hè thần tiên. Khi đó, tôi nghĩ mình không có gì phải lo lắng trên thế gian này.

Giờ đây, sau mấy chục năm, vẫn là chiếc bàn đó, nhưng tôi có bao nhiêu thứ trong đầu.

Tôi chú ý trở lại với bản theo dõi sổ séc. Lương của vợ chồng Gordon được chuyển trực tiếp vào tài khoản của họ. Thu nhập chung của hai người sau khi bị các cơ quan liên bang và của bang New York đè ra bắt đóng thuế còn khoảng chín mươi nghìn. Không tệ lắm, nhưng cũng không coi là khá với hai vị tiến sỹ khoa học làm việc trí óc với những thứ nguy hiểm. Tom có thể kiếm được nhiều hơn nếu chơi bóng chày trong một liên đoàn nhỏ,

còn Judy có thể làm trong một quán bar ăn chơi ở khu phố cũ của tôi và cũng kiếm khá hơn. Đất nước này thật lạ lùng.

Dù sao, cũng không mất nhiều thời gian để tôi nhận ra vợ chồng Gordon chi tiêu rộng quá mức. Sống ở vùng Bờ Đông không hề rẻ, điều chắc chắn họ đã biết. Họ phải chi tiêu cho hai chiếc xe hơi, con tàu, tiền thuê nhà, các loại bảo hiểm cho những thứ đó, đồ dùng trong nhà, năm chiếc thẻ tín dụng, chi tiêu sinh hoạt. Ngoài ra còn khoản tiền lớn 10 nghìn đô la chi trả ban đầu cho chiếc Formula 303 hồi tháng Tư năm trước nữa.

Bên cạnh đó, vợ chồng Gordon còn đóng góp vào một số quỹ từ thiện có giá trị, điều làm cho tôi cũng cảm thấy có lỗi. Họ còn tham gia vào một câu lạc bộ sách và âm nhạc, thường xuyên dùng đến thẻ ATM, gửi séc cho các cháu gái, cháu trai, và là thành viên của hội Lịch sử Peconic. Họ có vẻ như không gặp khó khăn lớn nào, nhưng cũng gần đến giới hạn. Nếu kiếm được nhiều tiền thu nhập thêm từ buôn bán ma túy thì họ có đủ khôn ngoan để cất tiền mặt ở nơi nào đó và cho phép mình tiêu xài như tất cả những người Mỹ sung túc không lo sợ về tài chính. Nếu vậy thì câu hỏi đặt ra là số tiền kiếm được họ để đâu?

Tôi không phải là một kiểm toán viên, nhưng đã làm nhiều phân tích tài chính như thế này đủ để tìm ra những chỗ phải kiểm tra lại. Chỉ có một chỗ duy nhất như thế trong hai mươi lăm tháng vừa qua trên những tờ in sổ séc của vợ chồng Gordon - một khoản lớn, một tấm séc 25.000 đô la chuyển cho một người tên là Margaret Wiley. Tờ séc được đảm bảo với khoản phí 10 đô la, và khoản tiền cho tấm séc đó được chuyển theo đường điện tử từ tài khoản của vợ chồng Gordon. Thực tế, số tiền này chiếm gần hết khoản tiết kiệm của họ. Tấm séc đề ngày 7 tháng Ba năm nay và không có ghi chú về mục đích của khoản tiền. Vậy Margaret Wiley là ai? Tại sao vợ chồng Gordon lại đưa cho bà ta một tấm séc có đảm bảo của ngân hàng cho hai mươi lăm nghìn đô la? Sẽ sớm tìm ra thôi.

Tôi nhấp một ngụm cà phê và gõ gõ chiếc bút chì lên bàn theo nhịp chiếc đồng hồ treo trên bức tường phía xa. Tôi suy nghĩ về tất cả những gì của vụ án.

Tôi đến chỗ chiếc tủ bếp bên cạnh máy điện thoại treo tường và tìm cuốn danh bạ điện thoại địa phương trong đống sách dạy nấu ăn. Tôi tìm danh mục chữ "W" và thấy có một người tên là Margaret Wiley sống ở đường Hải Đăng trong làng Southold. Tôi thực sự biết đó là chỗ nào. Giống như cái tên, đó là con đường dẫn tới một ngọn hải đăng, chính xác là Hải đăng Horton Point.

Tôi rất muốn gọi điện cho Margaret, nhưng có thể bà ấy cảm thấy khó chịu với một cú điện thoại lúc hai giờ sáng. Có thể chờ tới sáng. Nhưng kiên nhẫn không phải là đức tính tốt của tôi. Mà thực ra, theo tôi hiểu, tôi làm gì có đức tính tốt nào. Tuy nhiên, tôi lại có cảm giác rằng không phải tất cả FBI và CIA đều đang ngủ vào giờ này và họ đang đi trước tôi trong vụ án. Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, đây không phải là một vụ giết người bình thường; thậm chí nếu tôi do dự đánh thức Margaret Wiley, một căn bệnh hủy diệt cả nên văn minh có thể đang lan rộng khắp đất nước. Tôi không muốn nó xảy ra.

Tôi bấm số. Chuông điện thoại reo và máy tự động trả lời. Tôi gác máy và bấm lại lần nữa. Cuối cùng, bà chủ nhà bị đánh thức và nghe máy, "Xin chào?"

"Xin cho gặp bà Margaret Wiley."

"Tôi đây. Ai đấy?" Giọng nói yếu ớt và già nua hỏi.

"Tôi là điều tra viên Corey, thưa bà. Là cảnh sát." Tôi để bà tưởng tượng đến điều xấu nhất trong một hai giây. Điều đó thường khiến họ tỉnh ngủ hẳn.

"*Cảnh sát?* Có chuyện gì xảy ra vậy?"

“Bà Wiley, bà đã nghe bản tin thời sự về vụ giết người ở Nassau Point?”

“Ồ... có. Thật kinh khủng - ”

“Bà có biết vợ chồng Gordon?”

Bà hắng giọng cho hết tiếng khàn khàn trong cổ rồi trả lời, “Không... à, tôi có gặp họ một lần. Tôi bán cho họ một mảnh đất.”

“Hồi tháng Ba?”

“Đúng.”

“Giá 25.000 đô la?”

“Đúng... nhưng chuyện đó có liên quan gì đến-”

“Mảnh đất đó ở đâu, thưa bà?”

“Ồ... đó là một khu đất đẹp và dốc, hướng ra biển Sound.”

“Tôi hiểu. Họ muốn xây nhà ở đó à?”

“Không. Họ không thể xây nhà ở đó. Tôi đã bán quyền xây dựng cho quận.”

“Nghĩa là sao?”

“Nghĩa là... vì kế hoạch bảo tồn. Anh bán quyền xây dựng trên đất, nhưng anh vẫn sở hữu mảnh đất đó. Nó phải giữ nguyên trạng. Trừ trường hợp làm nông nghiệp.”

“Tôi hiểu. Vậy là nhà Gordon không được xây nhà trên miếng đất đó.”

“Không được. Nếu mảnh đất được phép xây dựng thì giá của nó phải là trên 100.000 đô la. Quận đã trả tiền cho tôi để không xây dựng trên đó. Đó là một thỏa thuận hạn chế đi kèm với mảnh đất. Đây là một kế hoạch hay.”

“Nhưng bà có thể bán mảnh đất?”

"Đúng, và tôi đã bán. Với giá 25.000 đô la." Bà nói thêm, "Nhà Gordon biết là mảnh đất không được phép xây dựng."

"Họ có thể mua lại quyền xây dựng từ quận không?"

"Không. Tôi đã bán quyền đó vĩnh viễn. Đó là mục đích của kế hoạch."

"OK..." Tôi đã hiểu việc mà vợ chồng Gordon đã làm - họ đã mua một mảnh đất đẹp nhìn ra biển Sound, với giá thấp hơn giá thị trường do không thể xây dụng trên đó. Nhưng họ có thể trồng cây trên mảnh đất, và tôi nhận ra rằng niềm say mê của Tom với nghề trồng nho ở đây đã đưa anh đến sở thích cao nhất - những vườn nho Gordon. Vì vậy, rõ ràng không có mối liên quan nào giữa vụ mua bán này với việc họ bị giết. Tôi nói, "Tôi xin lỗi vì làm bà thức giấc, bà Wiley. Cám ơn vì sự giúp đỡ của bà."

"Không có gì. Tôi hy vọng các anh sớm tìm ra thủ phạm."

"Chắc chắn chúng tôi sẽ tìm ra." Tôi gác máy, đi ra rồi lại quay vào và bấm máy một lần nữa. Bà nghe máy, tôi nói, "Tôi xin lỗi, còn một câu hỏi nữa. Mảnh đất đó có thích hợp để trồng nho không?"

"Chúa ơi, không. Nó ngay ở sát biển Sound, quá nhiều nắng gió và lại quá nhỏ. Nó chỉ rộng bốn nghìn mét vuông và cách bờ biển mười lăm mét. Nơi đó tuy đẹp nhưng không có thứ cây nào trồng được, trà các loại cây dại."

"Tôi hiểu... họ có nói vì sao họ muốn mua không?"

"Có... họ nói là muốn có một quả đồi riêng nhìn ra mặt nước. Một nơi để ngồi và ngắm biển. Họ là một cặp vợ chồng đáng yêu. Thật tội tệ."

"Vâng, thưa bà. Cám ơn bà." Tôi gác máy.

Vâng. Họ muốn có một nơi để ngồi và ngắm biển. Với hai mươi lăm nghìn đô la họ có thể trả tiền phí đỗ xe tại Công viên Orient Beach của bang năm nghìn lần và ngắm nhìn tất cả vùng biển họ muốn hàng ngày

trong tám năm mà vẫn còn tiền để mua xúc xích và bia. Thật không biết tính toán gì cả.

Tôi nghiền ngẫm một chút. Nghiền ngẫm, nghiền ngẫm. Ồ, cũng có thể có tính toán đấy. Họ là một cặp lãng mạn. *Nhưng hai mươi lăm nghìn đô la?* Gần như toàn bộ tiền tiết kiệm của họ. Và nếu chính phủ chuyển họ đi làm việc ở nơi khác thì làm sao họ có thể mang theo bốn nghìn mét vuông đất không có giá trị để xây dựng hoặc làm nông nghiệp? Có ai khác đủ điên rồ để bỏ ra 25.000 đô la cho một thứ tài sản công kềnh như thế?

Vậy thì nó phải có liên quan đến chuyện vận chuyển ma túy trên biển. Như thế sẽ hợp lý. Tôi sẽ phải đến xem mảnh đất đó. Tôi tự hỏi không biết đã có ai tìm thấy tờ hợp đồng mua đất trong đống giấy tờ của vợ chồng Gordon hay chưa. Tôi cũng tự hỏi không biết nhà Gordon có một chiếc két an toàn hay không và trong đó có gì. Thật khó khi bạn có nhiều câu hỏi vào lúc hai giờ sáng, bạn lại đang căng lên vì chất cà phê và không có ai muốn nói chuyện với bạn.

Tôi rót thêm một ly cà phê. Cửa sổ bên trên chiếc chậu rửa để mở, và tôi có thể nghe thấy những sinh vật đêm đang cất lên những bài ca của tháng Chín, những tiếng ca cuối cùng của châu chấu và ếch. Một con cú rúc lên ở gần đó, một chú chim đêm cất tiếng kêu trong màn sương tràn đến từ vịnh Great Peconic.

Mùa thu ở đây được giữ ấm nhờ những vùng nước lớn mang trong mình hơi nóng của mùa hè cho tới tháng Chín. Thật tuyệt vời cho cây nho. Với khí hậu đó có thể đi lại bằng tàu cho đến khoảng lễ Tạ ơn. Có những cơn bão nhiệt đới thi thoảng xuất hiện vào tháng Tám, Chín và Mười, cùng thứ gió đông bắc kì quặc vào mùa đông. Nhưng cơ bản khí hậu là ôn hòa, có nhiều vịnh nhỏ và lối ra vào, sương mù khá thường xuyên, một nơi lý tưởng cho bọn buôn lậu, cướp biển, vận chuyển rượu lậu, và gần đây hơn là những kẻ vận chuyển ma túy.

Điện thoại trên tường reo vang, và trong một giây kém minh mẫn tôi lại nghĩ đó có thể là Margaret gọi. Sau tôi nhớ ra là Max sẽ gọi thông báo về chuyện đi đến Đảo Plum. Tôi nhấc máy, nói, "Nhà hàng Pizza Hut xin nghe."

Sau một thoáng bối rối, Beth Penrose nói, "Xin chào..."

"Xin chào."

"Tôi có làm anh thức giấc không?"

"Không có gì, dù sao tôi cũng đã phải dậy nghe máy."

"Trò cũ rồi. Max bảo tôi gọi. Chúng ta sẽ đi chuyến phà tám giờ sáng."

"Có chuyến sớm hơn không?"

"Có, nhưng..."

"Sao chúng ta lại muốn nhóm giấu mặt kia tới đảo trước chúng ta?"

Nàng không trả lời câu hỏi mà nói, "Chúng ta sẽ có giám đốc an ninh của đảo đi cùng, tên là Paul Stevens."

"Ai sẽ đi chuyến phà trước đó?"

"Tôi không biết... Này, John, nếu họ giấu mặt, chúng ta không làm gì được họ đâu. Họ có một số vấn đề trong quá khứ, và họ làm việc giấu mặt thực sự tốt. Anh sẽ chỉ thấy cái họ muốn anh thấy, nghe cái họ muốn anh nghe và nói chuyện với những người họ muốn anh nói chuyện. Đừng quá coi trọng về chuyến đi này."

"Ai sẽ đi?"

"Tôi, anh, Max, George Foster và Ted Nash." Nàng hỏi, "Anh có biết chỗ bến phà chứ?"

"Tôi sẽ tìm được. Cô đang làm gì đấy?"

"Tôi đang nói chuyện với anh."

“Đến đây đi. Tôi đang nghiên cứu mấy mẫu giấy dán tường. Tôi cần ý kiến của cô.”

“Muộn rồi.”

Câu này nghe gần như là đồng ý, điều làm tôi ngạc nhiên. Tôi nhấn tiếp, “Cô có thể ngủ ở đây rồi chúng ta cùng lái xe ra bến phà.”

“Sao anh không thế.”

“Có lẽ đó là cách tốt nhất.”

“Tôi sẽ nghĩ về điều đó. Này, anh đã tìm thấy gì từ đám giấy tờ in ra từ máy tính chưa đấy?”

“Qua đây đi, tôi sẽ cho cô xem công việc nặng nhọc của tôi.”

“Quên chuyện này đi.”

“Tôi sẽ đón cô.”

“Muộn quá rồi. Tôi cũng đã mệt. Tôi đang mặc - tôi đã mặc đồ ngủ.”

“Tốt. Chúng ta có thể chơi trò giấu súng.”

Tôi nghe nàng thở một tiếng dài và nhẫn nại rồi nói, “Đáng lẽ tôi đã nghĩ sẽ có một manh mối nào đó trong giấy tờ tài chính của họ. Có thể anh chưa làm việc đủ nặng. Hoặc cũng có thể anh không biết mình đang làm gì.”

“Cũng có thể.”

Nàng nói, “Tôi tưởng chúng ta đã đồng ý chia sẻ thông tin.”

“Đúng, với nhau. Không phải với cả thế giới.”

“Cái gì... À... tôi hiểu.”

Cả hai chúng tôi đều biết rằng khi làm việc với các cơ quan liên bang, họ sẽ cài máy nghe vào đường điện thoại của bạn chỉ trong năm phút sau khi được giới thiệu với bạn. Họ còn không buồn dùng đến lệnh của tòa án

khi nghe trộm các trận giao hữu. Tôi lấy làm tiếc vì đã gọi cho bà Margaret Wiley.

Tôi hỏi Beth, "Ted đang ở đâu?"

"Làm sao tôi biết được?"

"Nhớ luôn đóng chốt của đấy. Gã có ngoại hình giống một kẻ hiếp dâm-giết người mà tôi đang truy tìm."

"Nghỉ đi, John." Nàng gác máy.

Tôi ngáp. Dù thất vọng vì Penrose không muốn đến đây, nhưng tôi cũng nhẹ nhõm một chút. Tôi thực sự nghĩ là các cô y tá đã cho muối nitrat kali vào trong món thạch cho đàn ông hay thứ gì đó. Có thể tôi cần nhiều thịt đỏ hơn trong bữa ăn.

Tôi tắt chiếc bình cà phê, búng công tắc đèn và ra khỏi bếp. Tôi đi trong bóng tối qua ngôi nhà lớn vắng vẻ, qua chiếc cửa vòm bằng gỗ sồi được đánh bóng, đi lên chiếc cầu thang cuốn kêu cọt kẹt rồi theo hành lang dài tới căn phòng có trần cao mà tôi đã ngủ ở đó khi còn nhỏ.

Khi cởi đồ để đi ngủ, tôi nhớ lại những gì xảy ra trong ngày và cố trả lời liệu tôi có thực sự muốn đi chuyến phà tám giờ đó hay không.

Một mặt, tôi thích Max, và anh đã nhờ tôi giúp. Thứ hai, tôi quý vợ chồng Gordon và tôi muốn làm điều gì đó cho họ, như để đáp lại việc họ đã ở bên tôi, với rượu vang và món thịt bò vào lúc tôi không khỏe. Thứ ba, tôi không thích Ted Nash và tôi có ý muốn trẻ con phải chơi hắn một vố thật đau. Thứ tư, tôi *thực sự* thích Penrose, và tôi có cái ước muốn của người lớn được... gì cũng được. Và sau đó còn là tôi, tôi đã chán ngán... Không, không phải là như thế. Tôi đang cố chứng minh rằng tôi vẫn còn sức. Cho đến lúc này, sức còn tốt. Cuối cùng, và tất nhiên không kém phần quan trọng là cái chuyện bệnh tật kia, cái chết đen, cái chết đỏ, mối đe dọa

nhiều phía, hay bất cứ thứ gì; biết đâu đây sẽ là mùa thu cuối cùng của tất cả loài người chúng ta trên trái đất này.

Vì tất cả những lí do này, tôi biết là mình nên đi chuyến phà tám giờ sáng tới Đảo Plum, chứ không phải nằm trên giường với tấm chăn trùm kín đầu giống như hồi còn nhỏ khi có điều gì đó tôi không muốn đối mặt...

Tôi trần truồng đứng bên chiếc cửa sổ lớn và ngắm nhìn làn sương bay lên từ vịnh giống như một bóng ma trắng lớn vởn dưới ánh trăng, trườn qua bãi cỏ màu sẫm về phía ngôi nhà. Những đám sương này đã từng làm tôi sợ xón qua quần. Bây giờ vẫn thế. Tôi thấy mình nổi da gà.

Bàn tay phải tôi vô thức đặt lên ngực, ngón tay sờ vào vết thương của viên đạn thứ nhất. Bàn tay tôi dịch xuống bụng nơi viên đạn thứ hai, hoặc có thể là viên thứ ba, đã xuyên qua những múi cơ trước đây còn rắn chắc, đâm thủng ruột, làm vỡ xương chậu và bay ra phía sau. Viên còn lại xuyên qua bắp chân trái không gây thương tổn nhiều lắm. Bác sỹ phẫu thuật nói tôi thật may mắn. Và ông nói đúng. Tôi đã tung đồng xu cược với người cộng sự Dom Fanelli xem ai sẽ vào cửa hàng thức ăn để mua cà phê và bánh rán. Anh ta thua, thiệt mất bốn đô. Đúng là ngày may mắn của tôi.

Ở nơi nào đó ngoài vịnh, một tiếng còi tàu rúc lên, và tôi tự hỏi không biết ai còn ở ngoài đó vào giờ này trong thời tiết như thế.

Tôi rời cửa sổ, xem lại đồng hồ hẹn giờ và kiểm tra băng đạn còn đầy của khẩu súng tự động .45 để trên chiếc bàn đầu giường.

Tôi nằm phịch lên giường, và giống như Beth Penrose, Sylvester Maxwell, Ted Nash, George Foster cùng nhiều người khác trong đêm nay, tôi nhìn lên trần nhà và nghĩ về vụ án mạng, về cái chết, về Đảo Plum và bệnh dịch. Tôi thấy trong đầu hiện ra hình ảnh chiếc cờ đầu lâu xương chéo bay trong trời đêm, chiếc đầu trắng trợt và nhe nhởn cười.

Tôi chợt nghĩ người duy nhất nằm nghỉ bình yên trong đêm nay là Tom và Judy Gordon.

CHƯƠNG 7

Tôi thức dậy lúc sáu giờ sáng, tắm rửa rồi mặc quần soóc, áo phông, đi giầy da mềm: những thứ có thể thay nhanh khi cần mặc đồ chống lây nhiễm sinh học hay bất cứ cái tên gì người ta dùng để gọi.

Tôi làm thủ tục hàng ngày với thứ đồ của tôi - mang theo hay không mang theo, đó là câu hỏi. Cuối cùng tôi quyết định mang theo. Ai mà biết được điều gì sẽ đến trong ngày. Đây có thể là ngày đẹp trời để vẽ Ted Nash màu đỏ.

6 giờ 45 phút sáng, tôi đang chạy xe về phía đông trên đường Main Road, qua trung tâm của xứ sở rượu vang.

Một ý nghĩ chợt đến khi tôi lái xe là không dễ dàng gì có thể kiếm sống từ đất hay biển như nhiều người dân địa phương ở đây. Nhưng những vườn nho đã thành công đến ngạc nhiên. Khi tôi chạy qua ngôi làng Peconic, bên trái tôi là vườn nho và xưởng sản xuất rượu nho thành công nhất, vườn nho Tobin, do Fredric Tobin làm chủ. Đó là người mà tôi đã gặp qua một lần và là bạn của vợ chồng Gordon. Tôi ghi nhớ trong đầu sẽ gọi cho quý ông này xem có manh mối gì cho vụ án hay không.

Mặt trời đã lên quá ngọn cây ở phía trước, bên phải tôi. Chiếc nhiệt kế trong xe báo 16 độ C, con số tôi chẳng hiểu gì cả. Chẳng biết bằng cách nào mà tôi lại làm đảo chiếc máy tính để rồi phải dùng hệ đếm mét. Mười sáu độ C nghe có vẻ lạnh, nhưng tôi biết là trời không lạnh. Dù sao thì mặt trời cũng đang làm tan đi làn sương trên mặt đất, ánh nắng tràn ngập chiếc xe thể thao đắt tiền của tôi.

Con đường hơi cong. Những vườn nho trông đẹp hơn cánh đồng khoai tây tôi nhớ cách đây ba mươi năm. Đây đó một vườn cây ăn quả hay ruộng ngô khiến cho những vườn nho đỡ đơn điệu. Những con chim lớn chao mình rồi bay vút lên trên những luồng hơi ẩm của buổi sáng. Lũ chim nhỏ líu lo trên cánh đồng và những ngọn cây. Tất cả vẫn bình thường với thế giới này, chỉ trừ có Tom và Judy đang nằm trong nhà xác của quận sáng nay, và rất có thể một căn bệnh trong không khí đang bay lên và hạ xuống cùng những làn hơi nhiệt, mang theo cơn gió của đại dương tràn qua những trang trại, những vườn nho, mang theo trong máu của nhiều người và động vật. Nhưng sáng nay, mọi thứ vẫn có vẻ bình thường, kể cả tôi.

Tôi bật đài dò một kênh chuyên về thời sự của thành phố New York và lắng nghe bản tin thường giờ, chờ đợi ai đó nói điều gì về một sự bùng phát bí hiểm. Nhưng vẫn còn quá sớm cho điều này. Tôi chuyển sang sóng của đài địa phương duy nhất và chộp được bản tin lúc bảy giờ. Phát thanh viên nói, "Chúng tôi đã nói chuyện với cảnh sát trưởng Maxwell qua điện thoại sáng nay, và đây là những gì anh nói với chúng tôi."

Giọng nói có vẻ gắt gỏng của Max phát ra từ chiếc loa, "về cái chết của hai cư dân Nassau Point là Tom và Judy Gordon, chúng tôi gọi đây là một vụ án mạng đôi, cướp và trộm. Vụ việc không liên quan gì đến công việc của nạn nhân trên Đảo Plum, và chúng tôi muốn chấm dứt những lời phỏng đoán này. Chúng tôi kêu gọi tất cả mọi người dân đề cao cảnh giác, phát hiện những người lạ mặt và báo bất cứ điều gì đáng nghi cho cảnh sát thị trấn. Không cần phải hoang tưởng, nhưng có ai đó ở bên ngoài với một khẩu súng đã giết người, cướp và trộm. Vì vậy các bạn phải chú ý cảnh giác. Chúng tôi đang làm việc với cảnh sát quận trong vụ này, và chúng tôi nghĩ rằng đã có một số đầu mối. Đó là tất cả những gì tôi có thể nói vào thời điểm này. Tôi sẽ nói chuyện anh sau trong ngày hôm nay, Don."

"Xin cám ơn cảnh sát trưởng." Don nói.

Đó là điều tôi thích về nơi này - rất thực tế và thoải mái như ở trong nhà. Tôi tắt đài. Cảnh sát trưởng Maxwell quên không nói là anh đang trên đường tới Đảo Plum, nơi anh bảo chẳng liên quan gì tới vụ án mạng. Anh cũng quên không nhắc đến FBI và CIA. Tôi khâm phục một người biết làm cách nào và khi nào thì thắp ánh sáng lạc quan cho công chúng. Điều gì sẽ xảy ra nếu Max nói, "Có khả năng năm mươi-năm mươi là vợ chồng Gordon bán virut gây bệnh cho bọn khủng bố, những kẻ có thể đang âm mưu hủy diệt toàn bộ sự sống ở Bắc Mỹ"? Nó sẽ gây ra một sụt giảm nhẹ của chỉ số Dow Jones ngay lúc rung chuông mở cửa, chưa kể dòng người tháo chạy ồạt đến các sân bay và gia tăng đột ngột lượng người đi nghỉ ở Nam Mỹ.

Dù sao, cho đến lúc này vẫn là một buổi sáng đẹp trời. Tôi nhìn thấy một cánh đồng bí ngô ở bên phải và nhớ lại những ngày nghỉ cuối tuần vào mùa thu ở đây khi tôi còn nhỏ, chúng tôi chạy như điên qua những thửa ruộng bí ngô để tìm trái bí to nhất, tròn nhất, vàng nhất và hoàn hảo nhất. Tôi nhớ đã có bất đồng với cậu em trai Jimmy của tôi về sự lựa chọn hàng năm, nhưng chúng tôi giải quyết một cách công bằng bằng một trận đấm bốc mà tôi luôn là người chiến thắng vì lúc đó tôi to hơn chú ấy rất nhiều.

Thôn tiếp theo Peconic là Southold được lấy làm tên của cả thị trấn. Đây là nơi kết thúc của những vườn nho và đất liền thu hẹp giữa vùng biển Sound và con vịnh. Mọi thứ trông hơi táp gió và hoang dại hơn. Tuyến đường sắt Long Island bắt đầu từ ga Penn ở Manhattan chạy song song bên trái con đường cao tốc một quãng, sau đó đường bộ và đường sắt giao nhau rồi tách ra.

Không có nhiều xe cộ trên đường vào giờ này ngoại trừ một vài chiếc xe nông trang. Tôi chợt nghĩ nếu có ai trong số đi cùng tôi đến Đảo Plum đang trên đường thì tôi có thể nhìn thấy họ ở một chỗ nào đó.

Tôi lái xe vào làng Greenport, khu thương mại chính của North Fork với số dân theo ghi trên bảng là 2.100 người. Nếu so sánh, đảo Manhattan nơi tôi làm việc, sống và chết hụt, nhỏ hơn North Fork nhưng có tới hai triệu người chen chúc. Lực lượng cảnh sát mà tôi phục vụ có ba mươi nghìn người, đông hơn toàn bộ dân cư của thị trấn Southold. Max, như tôi đã nói, có khoảng bốn mươi nhân viên, kể cả tôi và anh. Làng Greenport thực sự cũng từng có lực lượng cảnh sát riêng, khoảng dăm sáu người nhưng chẳng hiểu sao họ làm dân chúng bực mình và bị bỏ phiếu xóa bỏ. Tôi không nghĩ điều đó có thể xảy ra ở thành phố New York, nhưng cũng không phải là một ý tưởng tồi.

Có lúc tôi nghĩ là nên để Max thuê tôi - các bạn biết đấy, một điều tra viên có tên tuổi từ thành phố đến, cảnh sát trưởng địa phương gắn huy hiệu vào ngực anh ta và nói, "Chúng tôi cần một người có kinh nghiệm, được đào tạo và có thành tích như anh," hoặc câu gì đó đại loại như thế. Ý tôi là, liệu tôi có là rồng trong ao tù hay không, hay là cái gì? Liệu có các quý cô nhìn trộm tôi và đánh rơi khăn tay trên vỉa hè hay không?

Trở lại với thực tại. Tôi đang đói. Hầu như không có cửa hàng bán đồ ăn nhanh nào ở đây. Điều đó là một phần làm nên vẻ đẹp nơi đây, nhưng cũng như cái gai đâm vào mông. Tuy vậy cũng có một vài cửa hàng tạp hóa. Tôi dừng lại trước một cửa hàng ở rìa Greenport để mua một ly cà phê bánh sandwich và pho mát gói trong giấy nhựa. Tôi thề là bạn có thể ăn cả giấy gói và ly Styrofoam mà không nhận ra sự khác nhau. Tôi lấy một tờ báo tuần miễn phí và ngồi ăn sáng trong xe. Tờ báo tình cờ lại có một bài viết về Đảo Plum. Điều này cũng không có gì lạ lùng vì người dân địa phương dường như rất tò mò về hòn đảo bí hiểm sương mờ bao phủ và tất cả những gì liên quan. Trong nhiều năm, tất cả những thông tin về Đảo Plum mà tôi lượm được đều từ những nguồn tin ở địa phương. Thi thoảng Đảo Plum được đưa tin khắp cả nước, nhưng có thể chắc chắn rằng cứ

mười người Mỹ thì chín người chưa bao giờ nghe đến nơi này. Điều này có thể thay đổi nhanh đây.

Bài báo tôi đang đọc nói về bệnh Lyme*, thêm một nỗi ám ảnh của người dân ở phía đông Long Island và bang Connecticut gần đó. Căn bệnh này mang trên mình loài ve kí sinh trên hươu, có nhiều biểu hiện giống loại bệnh dịch chết người. Tôi biết những người mắc bệnh Lyme; mặc dù rất hiếm khi gây chết người nhưng nó có thể làm người bệnh mất một đến hai năm điều trị. Dù thế nào người dân địa phương cũng tin rằng căn bệnh này là từ Đảo Plum và là một thử nghiệm chiến tranh vi trùng đã bị lọt ra ngoài do sơ suất hay gì đó. Tôi sẽ không quá lời nếu nói rằng người dân địa phương muốn Đảo Plum chìm xuống biển. Nói thật, tôi tưởng tượng trong đầu, giống như trong phim *Frankenstein,* cảnh những người nông dân, ngư dân địa phương cầm chĩa rơm và lao đánh cá, phụ nữ cầm đuốc, đi đến hòn đảo và hô lên, "Cút đi cùng thí nghiệm khoa học phi tự nhiên của các người! Chúa cứu rỗi chúng ta! Quốc hội điều tra!" hay thứ gì đó giống như thế. Tôi đặt tờ báo xuống và nổ máy.

Ngồi ngay ngắn và thắt dây an toàn, tôi tiếp tục cho xe chạy, mắt vẫn để ý tìm những người đồng nghiệp mới của mình.

Thôn tiếp theo tôi đi qua là Đông Marion, mặc dù quanh đó dường như không có chỗ nào là Marion - tôi nghĩ là nó ở Anh, cũng như với rất nhiều nơi có chữ "Đông" ở Long Island. Southold một thời có tên là Southwold, lấy theo một địa danh ở Anh nơi có rất nhiều người sớm di cư đến đây, nhưng họ để mất chữ "w" trên Đại Tây Dương hay một nơi nào đó, hoặc họ đã đổi lấy một loạt chữ "e". Ai biết? Mợ June là thành viên của hội Lịch sử Peconic ngày trước thường nhồi vào cái đầu bé nhỏ của tôi bằng những câu chuyện như thế. Và tôi nghĩ một phần trong đó khá thú vị. Một phần được chấp nhận, nhưng có lẽ là được chấp nhận ở vỉa hè.

Đất liền hẹp dần chỉ còn là bề rộng của một con đường đắp cao, hai bên là nước - biển Long Island Sound ở bên trái, Orient Habor ở bên phải. Trên trời và dưới nước đầy những vịt, ngỗng Canada, diệc bạch tuyết và mòng biển, đó là lý do tôi không bao giờ mở cửa mái. Những loài chim này ăn mận chín hay thứ gì đó, chúng lao vào như máy bay ném bom bổ nhào, và chúng *biết* khi nào bạn để mở cửa mái.

Đất liền lại rộng ra, tôi chạy xe qua ngôi làng Orient với vẻ đẹp cổ kính và kỳ bí. Sau mười phút, cuối cùng tôi cũng đến Orient Point.

Tôi chạy qua lối vào Công viên Orient Beach và đi chậm lại.

Phía trước bên phải, tôi nhìn thấy một cột cờ, trên đó là quốc kỳ Mỹ treo rủ. Tôi đoán vị trí của lá cờ có liên quan đến vợ chồng Gordon, và vì thế chiếc cột cờ nằm trên vùng đất thuộc liên bang, chắc chắn là bến phả Đảo Plum rồi. Bạn có thể thấy bộ óc của một điều tra viên vĩ đại làm việc như thế nào, ngay cả vào lúc hơn bảy giờ sáng và trước đó ngủ rất ít.

Tôi tấp xe vào lề đường phía trước một nhà hàng và dừng xe, lấy ống nhòm từ ngăn đựng đồ ra rồi hướng vào một tấm biển lớn màu đen trắng gần cột cờ, phía dưới con đường khoảng ba chục thước. Trên biển đề, "Trung tâm nghiên cứu bệnh động vật Đảo Plum." Không có dòng chữ "Chào mừng", cũng không đề là "Bến phà," nhưng nước ở ngay kia, và tôi suy luận đây đúng là bến phà. Người thường thì phỏng đoán, còn điều tra viên thì suy luận. Cũng xin nói thật là tôi đã đi qua nơi này hàng chục lần trong nhiều năm khi trên đường tới bến phà New London, ngay qua bến phà Đảo Plum. Mặc dù tôi chưa bao giờ nghĩ nhiều đến nó, nhưng tôi luôn tò mò về Đảo Plum huyền bí. Tôi không thích những điều huyền bí, đó là lý do tại sao tôi muốn tìm hiểu chúng. Tôi lấy làm bực khi có những thứ mà mình lại không biết.

Bên trái chiếc bảng và cột cờ là tòa nhà một tầng xây bằng gạch, có vẻ là một trung tâm quản lý và thường trực. Phía sau bên kia tòa nhà là bãi đỗ xe trải nhựa kéo dài tới tận mép nước. Bãi đỗ xe vây quanh bằng hàng rào xích nối cao, trên đỉnh có dây thép gai.

Cuối bãi đỗ xe gần tới mặt nước là nhiều nhà kho liền với những cầu cảng lớn. Một vài chiếc xe tải đỗ gần bãi chuyển hàng. Tôi đoán - chứ không phải suy luận - rằng đây là nơi họ chuyển động vật di chuyển một chiều tới Đảo Plum.

Bãi đỗ xe chạy dọc theo vịnh khoảng một trăm thước. Ở đầu xa nhất, qua làn sương mờ, tôi có thể thấy chừng ba chục chiếc xe chở khách đỗ gần bến phà. Không thấy có người nào ở đó.

Tôi đặt ống nhòm xuống và nhìn đồng hồ điện tử trên bảng điều khiển trong xe. Lúc đó là 7 giờ 29, nhiệt độ 17 độ C. Tôi thực sự phải bỏ hệ đo mét trong chiếc xe này mới được. Cái máy tính chết tiệt hiện lên toàn những từ tiếng Pháp quái dị, như "kilometres", "litres" và tất cả mọi thứ của Pháp. Tôi sợ phải bật chiếc máy sưởi ghế ngồi lên.

Tôi đến sớm nửa giờ trước chuyến phà ra Đảo Plum, nhưng lại đúng giờ của chuyến phà từ Đảo Plum về, và điều này nằm trong ý định của tôi. Như cậu Harry ngày trước thường nói khi đánh thức tôi dậy lúc sáng sớm, "Chim sớm thì bắt được sâu, Johnny." Còn tôi lém lỉnh nói với chú, "Sâu sớm thì bị *chén*." Tính cách tôi là thế.

Từ trong màn sương hiện ra một chiếc tàu màu xanh-trắng đang chạy về bến. Tôi nâng ống nhóm lên. Trên mũi tàu là biển hiệu cơ quan nào đó của chính phủ, có lẽ là bộ Nông nghiệp, và tên của con tàu - *Plum Runner* - gợi lên đôi chút khôi hài.

Tôi phải đến gần hơn nên lái xe về phía tấm biển hiệu, chiếc cột cờ và tòa nhà gạch. Bên phải tòa nhà, những chiếc cổng bằng xích sắt để mở,

không thấy có người bảo vệ xung quanh nên tôi lái xe vào bãi đỗ và hướng về phía dãy nhà kho. Tôi đỗ gần mấy chiếc xe tải và xe công ten nơ cho khuất trong đám lộn xộn đó. Tôi chỉ còn cách hai bến phà chừng năm chục thước. Tôi nhìn qua ống nhòm khi chiếc phà quay đầu và lùi vào điểm gần nhất trên bến. Chiếc *Plum Runnner* trông còn khá mới và bóng loáng, dài khoảng mười tám mét với một boong trên đầu, trên boong có nhiều ghế ngồi. Đuôi tàu chạm vào vách ngăn, thuyền trưởng tắt máy khi người phụ lái nhảy xuống và buộc dây vào cọc. Tôi để ý không thấy ai trên cầu tàu.

Tôi nhìn qua ống nhòm, một nhóm người đi ra từ khoang hành khách qua boong phía sau rồi lên bờ thẳng tới bãi đỗ xe. Tôi đếm được mười người đàn ông, tất cả đều mặc một kiểu đồng phục màu xanh da trời. Hoặc họ là ban nhạc của bộ Nông nghiệp được cử đến để đón tôi, hoặc là những người bảo vệ làm ca đêm được thay bằng những người đã đi chuyến phà 7 giờ đến Đảo Plum. Tất cả mười người bảo vệ đều mang thắt lưng đeo súng, dù tôi không thấy có cái bao súng nào gắn trên đó.

Người tiếp theo rời tàu là một gã to lớn mặc áo khoác cộc màu xanh và đeo cà vạt. Gã nói chuyện với mười người bảo vệ như thể gã biết họ, và tôi đoán gã có thể là Paul Stevens, giám đốc an ninh.

Tiếp theo là bốn người ăn mặc bảnh bao, buộc tôi phải nghĩ điều này có chút không bình thường. Ý tôi là tôi nghi ngờ không biết bốn anh chàng ăn diện này có ở qua đêm trên đảo hay không. Vì vậy tôi phải đoán là họ đã đi chuyến phà lúc bảy giờ. Nhưng như vậy thì họ chỉ có vài phút trên đảo. Vậy là họ đã đi sớm hơn, hoặc trên một chuyến phà đặc biệt, hoặc đi bằng tàu khác, hoặc bằng trực thăng.

Cuối cùng và không kém phần quan trọng, nhảy tung tăng ra khỏi tàu trong bộ đồ thường phục là George Foster và Ted Nash, điều không hoàn toàn làm tôi ngạc nhiên. Chà, đây rồi nhé - đi ngủ sớm, dậy sớm, lén lút và đầy dối trá. Lũ chết tiệt... Tôi đã mong chúng sẽ chơi tôi đấy.

Khi tôi quan sát, Nash, Foster và bốn người kia đang mải nói chuyện, còn gã mặc áo khoác màu xanh lễ phép đứng sang một bên. Nhìn vào cử chỉ có thể đoán Ted Nash là người cao nhất ở đó. Bốn người kia có lẽ là từ Washington D.C đến, và ai biết cơ quan chết tiệt nào cử họ đến. Tất cả đều khó nhận đoán có chuyện gì với FBI, CIA, bộ Nông nghiệp, đương nhiên cả bộ Quốc phòng và bất cứ cơ quan nào khác đang cuống lên. Theo tôi nghĩ, họ đều là người của liên bang và họ nghĩ về tôi - nếu có - như một cục trĩ khó chịu ở mông.

Tôi đặt ống nhòm xuống và cầm tờ báo lên cùng ly cà phê phòng khi tôi phải làm trò giấu mặt. Vì thế, tất cả những gã khôn ngoan kia đang làm *chim sớm* với tôi, và bọn họ còn không buồn ngó ngàng xung quanh xem có ai theo dõi hay không. Họ dành tất cả sự coi thường cho cánh cảnh sát hèn mọn, và điều này làm tôi khó chịu.

Gã mặc áo khoác xanh nói gì đó với mười người bảo vệ rồi cho giải tán. Những người này đến xe của mình, lên xe và chạy qua chỗ tôi. Gã áo xanh sau đó trở lại boong và mất hút trong con tàu.

Bốn người kia chào Nash và Foster rồi lên chiếc xe Chevy Caprice màu đen và đi về phía tôi. Chiếc Caprice chậm lại ngang chỗ tôi, gần như dừng hẳn rồi đi tiếp, chạy ra ngoài chiếc cổng có xích sắt mà lúc nãy tôi đi vào.

Đến lúc này, tôi nhìn thấy Nash và Foster đã nhận ra chiếc xe của tôi, tôi liền cho xe chạy về phía bến phà như thể vừa mới đến. Tôi đỗ cách cầu tàu và vờ nhấp một ngụm vào ly cà phê đã cạn, cầm tờ báo đọc bài về sự trở lại của loài cá xanh, cố tình lờ Nash và Foster khi đó đang đứng gần chiếc tàu.

Khoảng tám giờ kém mười, một chiếc xe bán tải cũ xuất hiện phía sau tôi và Max bước ra. Anh mặc quần bò, áo gió, mũ kéo thấp trước trán. Tôi hạ cửa kính và hỏi, "Anh hóa trang à, hay là thay đồ trong phòng tối?"

Anh nhíu mày, "Nash và Foster đề nghị tôi không nên để người khác nhìn thấy tôi đến Đảo Plum."

"Tôi nghe thấy anh trên đài sáng nay."

"Nghe tôi nói thế nào?"

"Chẳng thuyết phục tí nào. Tàu, máy bay và ô tô đã và đang rời khỏi Long Island. Sự hỗn loạn khắp nơi trên toàn Bờ Đông."

"Bậy nào."

"Đúng đấy." Tôi tắt ổ khóa và chờ chiếc xe Jeep bảo tôi điều gì đó, nhưng tôi đoán là lần này tôi không mắc lỗi gì. Tôi rút chìa khóa khỏi ổ, một giọng phụ nữ cất lên, "Votre fenetre est ouverte."* Giờ sao một chiếc xe đẹp của Mỹ lại nói thế này? Ồ, vì lúc cố tắt cái giọng nói ngớ ngẩn ấy đi, chẳng hiểu sao tôi lại chuyển nó sang nói tiếng Pháp. Những chiếc xe loại này được xuất khẩu sang vùng Quebec*, nên đồng hồ dùng hệ đo mét. "Votre fenetre est ouverte."

"Mangez merde*," tôi đáp lại bằng thứ tiếng Pháp tốt nhất có thể mà tôi học hồi ở trường và bước ra khỏi xe.

Max hỏi tôi, "Ai ở trong xe đấy?"

"Không."

"Có ai đó nói chuyện mà."

"Bỏ qua đi."

Tôi định nói với Max rằng đã nhìn thấy Nash và Foster từ chiếc tàu từ Đảo Plum đi lên, nhưng vì Max không nghĩ đến việc đến đây sớm hoặc bảo tôi làm việc đó, nên anh không đáng được biết điều tôi biết.

Những chiếc xe hơi bắt đầu đến và những người thường đi lại tới Đảo Plum có mặt ở bến chính xác đến từng giây khi còi tàu vang lên.

Ted Nash gọi với Max và tôi, "Này, tất cả lên tàu!"

Tôi nhìn quanh tìm Beth Penrose và lẩm bẩm một câu chán chường về chuyện phụ nữ đi muộn.

Max nói, "Cô ấy kia rồi."

Và nàng xuất hiện, bước ra từ một chiếc Ford màu đen, có thể là xe cảnh sát không mác của nàng, đậu ở đó trước cả lúc tôi đến. Có thể có người lại khôn như tôi hay sao? Khó lắm. Tôi nghĩ là mình đã gieo vào đầu nàng ý tưởng phải đến sớm.

Max và tôi bước qua bãi đỗ xe còn hơi sương đi về phía cầu tàu khi còi tàu rúc lên lần thứ hai. Penrose gặp Nash cùng Foster và đứng nói chuyện với họ gần con tàu khi chúng tôi đến. Nash nhìn lên và làm một cử chỉ thiếu kiên nhẫn giục chúng tôi nhanh chân.

Khi Max và tôi đến cầu tàu, Nash không cần một lời như "xin chào" mà nhìn vào chiếc quần soóc của tôi hỏi, "Anh không lạnh chứ, John?"

Tôi nghĩ trong đầu, *đ. mẹ mày, Ted*. Gã có cái giọng kẻ cả của bề trên với bầy tôi. Phải sửa cho thằng cha này một trận. Tôi đáp lại, rất hợp với chiếc quần đánh gôn màu hoa hồng trông rất ngố của gã, "Cái này có kèm băng vệ sinh không đấy?"

George cười ồ, còn Ted Nash nhìn màu chiếc quần của gã. Max giả đò không nghe thấy gì, còn Beth nhướn mắt lên.

Foster nói muộn màng, "Xin chào, sẵn sàng lên tàu chưa?"

Năm người chúng tôi quay ra phía tàu. Đi ngang qua phía đuôi bước về phía chúng tôi là quý ông mặc áo khoác xanh lúc trước. Gã nói, "Xin chào. Tôi là Paul Stevens, phụ trách an ninh của Đảo Plum." Giọng hắn nghe như phát ra từ máy tính.

Gã Quần Đỏ nói, "Tôi là Ted Nash, bộ Nông nghiệp."

Đúng là bãi phân. Không chỉ chuyện ba thằng hề này vừa mới cùng nhau từ Đảo Plum về, mà cái gã Nash còn lôi ra cả chuyện phân bón nông nghiệp.

Stevens cầm một bìa kẹp trong tay. Gã trông giống một người huýt còi và cầm bìa kẹp: tóc ngắn vàng hoe, mắt xanh lạnh lùng, người làm-được-mọi-việc, cựu vận động viên, ăn mặc vừa vặn và gọn gàng, sẵn sàng tổ chức một sự kiện thể thao hoặc bố trí người vào các toa hàng, bất cứ thứ gì cần làm.

Còn Beth vẫn mặc bộ đồ hôm trước, và tôi suy luận là nàng đã không biết sẽ ở ngoài này qua đêm khi nghe thông báo về vụ giết người, điều có thể hợp lý trong trường hợp này... Các bạn biết đấy, trung tâm bệnh dịch động vật, bệnh sốt xuất huyết lợn, hòn đảo hình miếng sườn lợn...

Stevens nhìn vào chiếc bìa kẹp nói với Max, "Anh là Gorge Foster?"

"Không, tôi là cảnh sát trưởng Maxwell."

"Đúng," Stevens nói, "Hân hạnh."

Tôi nói với Stevens, "Tôi là Beth Penrose."

Gã nói với tôi, "Không, anh là John Corey."

"Đúng. Tôi lên tàu được chưa?"

"Không, thưa ông. Phải đến khi chúng ta kiểm tra hết." Gã nhìn Beth nói, "Xin chào, Điều tra viên Penrose," rồi quay sang George Foster nói, "Xin chào, ngài Foster của FBI. Đúng không?"

"Đúng."

"Xin mời lên tàu. Xin hãy đi theo tôi."

Chúng tôi lên chiếc *Plum Runner,* và chỉ trong một phút, con tàu rời bến hướng tới Đảo Plum, hay như những tờ báo khổ nhỏ đôi khi gọi nó là Đảo Bí hiểm, hay gọi bằng cách ít trách nhiệm hơn là Đảo Bệnh dịch.

Chúng tôi đi theo Stevens vào cabin có vách gỗ rộng và thoải mái, nơi khoảng ba chục người cả nam lẫn nữ ngồi trên những chiếc ghế bọc kiểu trên máy bay, nói chuyện, đọc sách báo hoặc ngủ gật. Chỗ ngồi có vẻ như đủ cho một trăm người, và tôi đoán chuyến tiếp theo sẽ chở phần lớn người làm việc trên Đảo Plum.

Chúng tôi không ngồi cùng hành khách mà đi theo Stevens xuống cầu thang tới một buồng nhỏ, dường như làm buồng chỉ huy hoặc buồng sinh hoạt hay gì đó. Ở giữa phòng có chiếc bàn tròn và một bình đựng cà phê. Stevens mời mọi người ngồi và dùng cà phê, nhưng không ai muốn thứ gì. Ở dưới boong khá ngột ngạt và âm thanh của động cơ ngập trong phòng.

Stevens lấy ra từ bìa kẹp đưa cho chúng tôi mỗi người một tờ in sẵn và một bản sao bằng giấy than kèm theo. Gã nói, "Đây là thủ tục bắt buộc các bạn phải ký trước khi lên Đảo Plum. Tôi biết các bạn đều là những người bảo vệ pháp luật, nhưng nguyên tắc là nguyên tắc." Gã nói thêm, "Xin hãy đọc và ký vào đây."

Tôi nhìn xuống tờ giấy, tiêu đề của nó là, "Bản khai có tuyên thệ của khách thăm." Đây là một trong số ít mẫu giấy tờ của chính phủ,viết bằng tiếng Anh đơn giản, về cơ bản, tôi đồng ý ở cùng với nhóm và luôn có một nhân viên của Đảo Plum đi cùng. Tôi cũng đồng ý tuân thủ tất cả các quy định về an toàn, và tôi còn đồng ý thêm sẽ tránh đến gần động vật sau khi rời đảo trong ít nhất bảy ngày. Tôi hứa sẽ không kết giao với trâu bò, cừu, dê, lợn, ngựa, v.v... Tôi sẽ không đến thăm một trang trại, vườn thú, rạp xiếc hay thậm chí một công viên, cộng thêm tôi phải tránh xa các nông trang, bãi chăn gia súc, phòng thí nghiệm động vật, xưởng đóng đồ hộp, sở thú, các bầy thú và các triển lãm động vật như ở các hội chợ. Chà. Trong bảy ngày tới cuộc sống của tôi hạn chế lắm đây.

Đoạn cuối cùng khá thú vị, viết rằng:

Trong trường hợp khẩn cấp, giám đốc Trung tâm hoặc Phụ trách An ninh có quyền giữ khách trên Đảo Plum trong khi tiến hành các biện pháp phòng ngừa an toàn sinh học cần thiết. Quần áo cá nhân và các vật dụng khác có thể bị giữ tạm thời trên Đảo Plum để khử trùng và khách được cấp quần áo thay thế để khách có thể rời Đảo sau khi tắm khử trùng. Các vật dụng quần áo bị giữ sẽ được trả lại trong thời gian sớm nhất.

Và để thêm phần thích thú cho chuyến thăm, tôi đồng ý với bất kỳ sự cách ly và cầm giữ cần thiết nào. Tôi nói với Stevens, "Tôi đoán đây không phải chuyến phà tới Connecticut."

"Không, thưa ngài, không phải."

Ngài Stevens đầy năng lực chìa ra mấy cây bút của chính phủ cấp. Chúng tôi đặt tờ giấy lên bàn và trong khi vẫn đứng, chúng tôi cào, nhảy quãng rồi vo viên tên mình trên đó. Stevens thu lại các bản cam kết, sau đó đưa cho chúng tôi bản sao giấy than làm vật lưu niệm.

Sau đó Stevens đưa ra mấy tấm thẻ màu xanh có kẹp và chúng tôi cài một cách đầy trách nhiệm lên áo. Gã hỏi chúng tôi, "Mọi người có ai mang súng không?"

Tôi đáp "Tôi tin là tất cả chúng tôi đều mang, nhưng thực sự anh không nên yêu cầu lấy súng của chúng tôi."

Stevens nhìn tôi nói, "Đó chính là cái tôi sẽ yêu cầu. Vũ khí nóng bị cấm tuyệt đối trên đảo." Gã nói thêm, "Tôi có một chiếc hộp có khóa ở đây để các bạn có thể để súng an toàn trong đó."

Tôi nói, "Súng của tôi đang ở chỗ an toàn rồi."

Max thêm vào, "Đảo Plum nằm trong địa phận quản lý của thị trấn Southold. *Tôi* là người có quyền về pháp luật trên Đảo Plum."

Stevens phân vân một lúc rồi nói, "Tôi cho rằng lệnh cấm không áp dụng với các nhân viên pháp luật."

Beth nói, "Anh có thể chắc chắn là không."

Với chút quyền lực nhỏ nhoi bị làm hỏng, Stevens nhận thua bằng một vẻ nhã nhặn và mỉm cười. Tuy nhiên, đó là nụ cười của các nhân vật phản diện trong phim ảnh cười trước khi nói, "ông đã thắng trận này, nhưng tôi hứa với ông, chúng ta sẽ gặp lại." Giậm gót, quay đầu, lao đi.

Nhưng Stevens hiện thời đang bị kẹt với chúng tôi. Gã nói "Tại sao chúng ta không lên boong nhỉ?"

Chúng tôi theo gã lên cầu thang, đi qua cabin ra ngoài tới một thang gác dẫn đến một khoang sàn đẹp bên trên cabin. Trên sàn không có ai khác.

Stevens chỉ một dãy ghế. Con tàu đang chạy với tốc độ mười lăm dặm mỗi giờ. Gió thổi nhẹ trên boong làm giảm hẳn tiếng động cơ. Sương mờ đang tan nhanh và mặt trời đột nhiên ló sáng.

Tôi có thể nhìn vào buồng lái có kính chắn nơi viên thuyền trưởng đứng trước bánh lái và nói chuyện với người phụ tàu. Từ góc đuôi phía sau, một lá cờ Mỹ bay phần phật trong gió.

Tôi ngồi quay mặt về mũi tàu, Beth ngồi bên phải, Max bên trái, Stevens chéo góc với tôi, còn Nash và Foster ngồi hai bên gã. Stevens nói, "Các nhà khoa học nghiên cứu về kiểm soát gen sinh học thường ngồi đây trừ khi thời tiết thật sự xấu. Các bạn biết đấy, họ không thấy ánh mặt trời tám đến mười tiếng mỗi ngày." Rồi gã nói thêm, "Tôi đã đề nghị họ để chúng ta có chỗ riêng trong buổi sáng nay."

Ở bên trái, tôi nhìn thấy ngọn hải đăng Orient Point. Đó không phải là một trong những chiếc tháp bằng đá kiểu cổ xây trên một mũi đất mà là một khung thép hiện đại dựng trên đá. Biệt hiệu của ngọn hải đăng này là "Bình Cà phê" vì người ta thấy nó giống như vậy, nhưng tôi thì không. Các bạn biết đấy, cánh thủy thủ nhầm lợn biển thành tiên cá, nhầm cá heo với

rắn biển, nhìn mây thành những con tàu ma, nhẩm đủ thứ. Nếu ai đi biển nhiều, chắc cũng sẽ thành hơi gàn.

Tôi nhìn Stevens và gã cũng nhìn tôi. Khuôn mặt gã như nặn bằng sáp, hiếm có, đã gặp là không thể quên được. Trên mặt gã không có thứ gì cử động trừ cái mồm. Đôi mắt gã nhìn như xoáy vào người khác đây khó chịu.

Paul Stevens nhìn các vị khách của mình và nói, "Trước hết, tôi xin nói rằng tôi có biết Tom và Judy Gordon. Họ được tất cả mọi người trên Đảo Plum tôn trọng và yêu mến - từ các nhân viên, nhà khoa học, người huấn luyện động vật, nhân viên phòng thí nghiệm, nhân viên bảo quản, bảo vệ - tất cả mọi người. Họ đối xử với tất cả mọi đồng nghiệp bằng sự nhã nhặn và tôn trọng." Miệng gã nở một nụ cười quái dị. "Chúng tôi sẽ rất nhớ họ."

Đột nhiên tôi có ý nghĩ rằng gã này là một kẻ giết người thuê của chính quyền. *Đúng rồi*. Nếu chính quyền thủ tiêu Tom và Judy thì sao? Hừm, tôi chợt nghĩ biết đâu vợ chồng Gordon biết hoặc nhìn thấy điều gì đó, hoặc họ sắp lên tiếng về một chuyện gì đó... Như cộng sự của tôi Dom Fanelli thường nói, "ôi mẹ ơi!". Đây là một khả năng hoàn toàn mới. Tôi nhìn Stevens và cố gắng đọc ra điều gì đó trong đôi mắt lạnh lẽo kia, nhưng gã là một tay diễn tốt, như gã đã thể hiện lúc trên cầu tàu.

Stevens nói tiếp, "Ngay khi nghe tin về cái chết của họ đêm qua, tôi đã gọi trung úy an ninh của tôi trên đảo để xác định xem có thứ gì bị mất trong các phòng thí nghiệm hay không - không phải vì tôi nghi ngờ ông bà Gordon về chuyện đó mà vì cái cách tôi được thông tin về vụ giết người... ở đây chúng tôi có các nguyên tắc bắt buộc."

Tôi nhìn Beth, ánh mắt hai người gặp nhau. Tôi chưa có lúc nào để nói câu gì đó với nàng trong sáng nay, nên tôi nháy mắt với nàng. Nàng có vẻ như không tin vào trực giác của mình nên quay đi.

Stevens tiếp tục, "Tôi lấy một chiếc tàu tuần tra an ninh đến Đảo Plum rất sớm sáng nay và đã tiến hành kiểm tra ban đầu. Tôi có thể xác định đến thời điểm này là không có gì bị mất trong số các loại vi sinh vật được lưu trữ hay các mẫu mô, máu và mẫu hữu cơ, sinh học khác."

Khẳng định này thật tự mãn và ngớ ngẩn đến mức không ai buồn nhếch miệng cười. Nhưng Max liếc sang tôi và lắc đầu. Còn hai quý ông Nash và Foster lại gật gật như thể đang tin vào câu chuyện vớ vẩn của Stevens. Như được động viên và với ý nghĩ là mình đang ở cùng những người bạn đồng nghiệp làm việc cho chính phủ, Stevens tiếp tục nhả chuyện.

Bạn có thể tưởng tượng có bao nhiêu thứ vớ vẩn như phân bò mà tôi phải nghe trong cuộc đời làm việc của mình - những kẻ tình nghi, nhân chứng, người cung cấp tin, và thậm chí cả những người cùng đội với tôi, như các trợ lý công tố viên, sỹ quan cao cấp, những hạ sỹ quan không năng lực, những cảnh sát cấp thấp, v.v... Nó như phân bò đực và bò cái. Phân bò đực là sự bóp méo sự thật rất nặng mùi và rất chủ động. Còn phân bò cái nhẹ mùi hơn, thụ động hơn. Đó là chuyện thường đối với công việc của cảnh sát. Phân bò đực và bò cái. Sẽ không có ai nói với bạn sự thật. Đặc biệt nếu bạn đang muốn đưa họ lên ghế điện hay bất cứ thứ gì mà người ta dùng ngày nay.

Tôi lắng nghe một chút khi Stevens giải thích lý do tại sao không ai có thể lấy một con virut hay vi khuẩn ra khỏi đảo, ngay cả trường hợp có nốt ngứa ở mông, nếu chúng tôi tin Pinocchio Stevens*.

Tôi nắm tai bên phải và vặn. Đó là cách tôi làm khi không muốn nghe những gã đần độn. Tránh được cái giọng của Stevens, tôi nhìn ra bầu trời xanh rất đẹp của buổi sáng. Chuyến phà New London đang chạy về ở phía trái chúng tôi, tôi tình cờ biết cái này gọi là phía cảng. Đoạn đường biển dài một dặm rưỡi giữa Orient Point và Đảo Plum gọi là Eo Ruột Plum, một

thuật ngữ hàng hải nữa. Có rất nhiều thuật ngữ hàng hải ở đây, đôi lúc làm tôi đau cả đầu. Ý tôi là tiếng Anh thông thường thì có gì là sai chứ?

Dù sao, tôi cũng biết rằng eo biển này là nơi các dòng hải lưu trở nên xấu đi vì biển Long Island Sound và Đại Tây Dương hợp lưu tại đây. Tôi đã đi cùng với vợ chồng Gordon một lần trên chiếc tàu cao tốc của họ, khi chúng tôi ở vào tình thế ngay tại đây với gió, thủy triều và các dòng nước đập vào xung quanh con thuyền. Tôi thực sự không cần một ngày như vậy trên biển, nếu bạn hiểu tôi muốn nói gì.

Nhưng hôm nay không có chuyện gì. Eo biển vẫn êm sóng và con tàu khá lớn. Tàu hơi lắc lư, nhưng tôi đoán đó là điều không thể tránh khỏi trên biển, nơi chỉ có nước và không có chỗ nào ở gần vững chắc như mặt đường rải nhựa.

Phong cảnh nhìn từ đây thật đẹp, và trong khi Stevens đang lải nhải, tôi ngắm nhìn một con ưng biển lớn đang chao mình. Những thứ này thật kỳ quặc, ý tôi là những con chim hoàn toàn điên dại. Tôi nhìn nó bay lượn, kiếm tìm bữa sáng. Nó nhận ra con mồi, bắt đầu lao bổ nhào xuống nước và kêu thét lên như thể bị đốt. Nó lao xuống nước, biến mất rồi lại lao vút lên như thể gắn tên lửa ở mông. Trong móng vuốt của nó là một con cá màu bạc vừa mới đây còn bơi lội bên dưới, nhai rào rạo những con cá con hay thứ gì đó, và *chụp,* nó đã ở trên không và sắp chui vào cổ họng con chim điên kia. Ý tôi là, con cá bạc có thể có vợ, có con và bất cứ thứ gì, nó ra ngoài kiếm một bữa sáng nhỏ nhoi, và trước khi có thể chớp mắt, nó đã biến thành bữa sáng. Sự sống sót thuộc về kẻ mạnh nhất. Thật đáng sợ. Rất đáng sợ.

Chúng tôi còn cách Đảo Plum một phần tư dặm khi một tiếng động lạ nhưng quen thuộc khiến chúng tôi chú ý. Sau đó, chúng tôi nhìn thấy nó - một chiếc trực thăng màu trắng mang hình hiệu của lực lượng bảo vệ bờ biển bay ngang qua phía mạn phải của tàu. Chiếc máy bay đang bay thấp

và chậm. Một người đàn ông nghiêng ra khỏi cửa chiếc trực thăng, trên mình có dây an toàn. Người này mặc đồng phục, đội mũ có điện đài và mang súng dài.

Stevens bình luận, "Đó là máy bay tuần tra hươu." Gã giải thích, "Đây là biện pháp hoàn toàn mang tính phòng ngừa. Chúng tôi tìm hươu bơi ra vào Đảo Plum."

Không ai nói gì.

Stevens nghĩ gã nên nói thêm về chủ đề này. Gã tiếp, "Hươu là loài bơi khỏe đến khó tin, và chúng tôi được biết là bơi tới Đảo Plum từ Orient và thậm chí tới đảo Gardiers và Đảo Trú ẩn cách xa tới bảy dặm. Chúng tôi ngăn chặn loài hươu đến cư trú hoặc dù chỉ là đến thăm trên Đảo Plum."

"Trừ khi chúng kí vào mẫu giấy cam kết." Tôi nói.

Stevens lại cười. Gã thích tôi. Gã thích cả vợ chồng Gordon, và hãy xem điều gì xảy ra với họ.

Beth hỏi Stevens, "Tại sao các anh không cho loài hươu bơi đến Đảo Plum?"

"À... chúng tôi có quy định gọi là "Không bao giờ rời". Tức là, bất cứ thứ gì ở trên đảo đều không bao giờ được rời đảo trừ khi được tẩy trùng. Điều này áp dụng với cả chúng ta khi rời đảo. Những vật lớn không thể tẩy trùng được như xe hơi, xe tải, thiết bị phòng thí nghiệm, chất thải xây dựng, rác, vân vân không bao giờ rời khỏi đảo."

Một lần nữa, không ai nói gì.

Nhận ra mình đã làm các du khách sợ hãi, Stevens nói, "Tôi không có ý nói là hòn đảo đã bị nhiễm độc."

"Tôi cứ tưởng thật," tôi thừa nhận.

“Tôi nên giải thích - có năm mức nguy hiểm sinh học trên đảo, hay còn gọi là năm vùng. Mức một hay Vùng một là không gian xung quanh, tất cả các nơi bên ngoài các phòng thí nghiệm kiểm soát gen vi trùng, hiện an toàn. Vùng hai là khu vực tắm giữa các phòng có khóa và các phòng thí nghiệm cùng một số nơi làm việc có khả năng lây nhiễm thấp. Các bạn sẽ thấy vùng này sau. Vùng ba là các phòng thí nghiệm nơi họ làm việc với các căn bệnh truyền nhiễm. Vùng bốn ở sâu hơn trong tòa nhà, gồm những nơi nuôi nhốt các con vật bị nhiễm bệnh, cũng là khu vực có các lò thiêu và phòng mổ.” Gã nhìn từng người để xem chúng tôi có chú ý hay không, dĩ nhiên là có, rồi tiếp tục, “Gần đây, chúng tôi đã có thêm Cấp năm là cấp kiểm soát gen sinh học cao nhất. Không có nhiều cơ sở Cấp năm trên thế giới. Chúng tôi có thêm cấp này là vì một số vi sinh vật mà chúng tôi nhận được từ những nơi như châu Phi hay rừng rậm Amazon lại độc hại hơn mọi người nghĩ.” Gã nhìn từng người chúng tôi và nói như thì thầm, “Nói cách khác, chúng tôi đã có các mẫu máu và mô bị nhiễm Ebola.”

Tôi nói, “Tôi nghĩ lúc này chúng ta có thể quay lại.”

Mọi người mỉm cười và cố cười thành tiếng. Ha, ha. Chẳng có gì đáng buồn cười.

Stevens tiếp tục, “Phòng thí nghiệm mới là một cơ sở kiểm soát gen sinh học hiện đại, nhưng có thời chúng tôi đã sử dụng cơ sở cũ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, và không may là nó lại không an toàn. Vì vậy, vào lúc đó, chúng tôi đề ra quy định “Không bao giờ rời” như một biện pháp ngăn ngừa lây nhiễm vào đất liền. Quy định này vẫn chính thức có hiệu lực, nhưng đã nới lỏng đôi chút. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn không muốn vật và người ra vào quá tự do giữa đảo và đất liền mà không được khử trùng. Tất nhiên, trong đó có cả loài hươu.”

Beth lại hỏi, “Nhưng *tại sao?*"

"Tại sao? Vì chúng có thể mang theo gì đó lên đất liền."

"Chẳng hạn như cái gì?" Tôi hỏi. "Một thái độ tồi."

Stevens cười đáp, "Có thể là chứng cảm lạnh."

Beth hỏi, "Các anh có giết lũ hươu không?"

"Có."

Không ai nói gì một lúc lâu, sau tôi hỏi, "Còn chim thì sao?"

Stevens gật đầu đáp lại, "Chim cũng có thể gây rắc rối."

Tôi hỏi câu tiếp theo, "Còn muỗi."

"Ồ, có, muỗi cũng có thể là vấn đề. Nhưng anh phải nhớ rằng tất cả các động vật thí nghiệm đều được giữ trong phòng kín, và mọi thí nghiệm đều được thực hiện trong các phòng kiểm soát gen sinh học. Không thứ gì có thể lọt ra được."

Max hỏi, "Làm sao anh biết?"

Stevens đáp, "Vì tôi vẫn còn sống."

Với nhận xét lạc quan đó, trong khi Sylvester Maxwell suy ngẫm việc được so sánh với một chú chim hoàng yến ở một mỏ than, Stevens nói, "Khi chúng ta lên đảo, xin hãy luôn ở cạnh tôi bất cứ lúc nào."

Này, Paul, tôi sẽ không hiểu nó theo cách khác đâu.

CHƯƠNG 8

Khi chúng tôi đến gần đảo, chiếc *Plum Runner* chạy chậm lại. Tôi đứng lên đi về phía mạn trái và tựa vào lan can. Bên trái tôi, ngọn hải đăng Đảo Plum cũ bằng đá đang hiện ra trước mắt. Tôi nhận ra nó vì đó là vật mẫu yêu thích của các họa sỹ vẽ tranh màu nước rởm đời quanh đây. Bên phải ngọn hải đăng, ở gần bờ hơn là một tấm biển lớn đề, "CHÚ Ý! CÓ DÂY CÁP! KHÔNG VÉT LƯỚI! KHÔNG KÉO LƯỚI!"

Thế này nếu bọn khủng bố muốn phá nguồn cấp điện và đường dây liên lạc của Đảo Plum thì chính quyền đã chỉ đường cho chúng. Mặt khác, nói cho công bằng, tôi cho rằng Đảo Plum có máy phát điện dự phòng và điện thoại di động cùng điện đài riêng.

Chiếc *Plum Runner* lách qua eo biển hẹp vào một vịnh nước nhỏ, dường như được tạo ra không phải bởi thượng đế vạn năng mà là quân đoàn xây dựng, những người thích đặt những nét hoàn thiện vào những công trình của tạo hóa.

Không có nhiều nhà cửa quanh bến, chỉ một vài tòa kiểu nhà kho có lẽ đã bị bỏ hoang từ thời quân đội đóng ở đây.

Beth đến cạnh tôi và nói nhỏ, "Trước khi anh đến bến phà, tôi nhìn thấy..."

"Tôi cũng ở đó. Tôi có thấy. Cám ơn."

Con tàu quay một trăm tám mươi độ và lùi vào bến.

Các đồng nghiệp của tôi đang đứng cạnh lan can. Stevens nói, "Chúng ta sẽ đợi cho đến khi các nhân viên lên hết."

Tôi hỏi gã, "Bến cảng này là nhân tạo à?"

Gã đáp, "Đúng. Quân đội xây dựng cảng này khi họ lập các khẩu đội pháo ở đây trước cuộc chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha."

Tôi gợi ý, "Có thể anh muốn bỏ tấm biển báo có dây cáp chạy qua kia."

Gã đáp, "Chúng tôi không có cách nào khác. Chúng tôi phải để cho tàu thuyền biết. Dù sao thì nó cũng có trong các hải đồ."

"Nhưng nó có thể đề là 'Đường ống nước ngọt'. Anh không nhất thiết phải kể hết ra thế."

"Đúng." Gã liếc nhìn tôi và định nói gì đó nhưng lại thôi. Có thể gã muốn mời tôi làm việc ở đây.

Người nhân viên cuối cùng đã lên bờ. Chúng tôi xuống cầu thang và ra khỏi tàu qua lối cửa ở đuôi lan can. Và giờ đây chúng tôi đặt chân lên Đảo Plum huyền bí. Trên bãi tàu có gió và nắng, trời mát. Những con vịt lạch bạch quanh bờ, và tôi mừng khi thấy chúng không có răng nanh, mắt chúng không đỏ ngầu hay bất cứ thứ gì.

Như tôi đã nói, hòn đảo có hình giống như một miếng sườn lợn - có lẽ là một miếng sườn cừu non - còn cái vịnh ở phần cuối nhiều mỡ của miếng sườn, như thể có ai đó đã cắn một miếng nhỏ vào đó, nếu tiếp tục sự so sánh đầy ngớ ngẩn này.

Chỉ có một con tàu duy nhất cột ở bến. Chiếc tàu dài khoảng chục mét, có cabin, đèn pha và một động cơ đặt bên trong. Tên của con tàu này là *Prune*. Có ai đó đã khôi hài đặt tên cho chiếc phà và con tàu này, và tôi không nghĩ đó là Paul Stevens, người có ý tưởng đi biển hài hước có lẽ là xem những con tàu như bệnh viện bị tàu ngầm Đức phóng ngư lôi.

Tôi nhìn thấy một tấm biển bằng gỗ dãi dầu mưa nắng, trên đó đề "Trung tâm nghiên cứu bệnh dịch động vật Đảo Plum." Phía sau tấm biển là một cột cờ và lá cờ Mỹ trên đó cũng treo rủ.

Các nhân viên rời phà lên một chiếc xe buýt màu trắng rồi xe chạy. Chiếc phà rúc còi, nhưng tôi không thấy ai lên phả trở về Orient.

Stevens nói, "Hãy ở đây." Gã sải bước đi rồi dừng lại nói chuyện với một người đàn ông mặc bộ áo liền quần màu da cam.

Có một thứ cảm giác kì lạ ở nơi này - những người mặc áo liền quần màu da cam, đồng phục màu xanh, xe buýt màu trắng, rồi tất cả những câu như "hãy ở đây" và "ở cùng nhau." Ý tôi là, tôi đang ở đây trên một hòn đảo cấm với cái gã tóc vàng trông như Đức quốc xã, một chiếc trực thăng trang bị súng lượn xung quanh, bảo vệ mang vũ khí có mặt khắp mọi nơi. Tôi có cảm giác như thể đã bước vào một bộ phim của James Bond, ngoại trừ nơi này là thật. Tôi nói với Max, "Khi nào chúng ta gặp Ông Không đấy?"

Max cười lớn, ngay cả Beth cùng Nash và Foster cũng mỉm cười.

Beth nhìn sang Max. "Tôi vừa nhớ ra, làm sao mà anh lại chưa bao giờ gặp Paul Stevens?"

Max đáp, "Bất cứ khi nào có một cuộc họp chung các cơ quan thực thi pháp luật, chúng tôi đều mời giám đốc an ninh của Đảo Plum cho phải phép. Họ chưa bao giờ có mặt. Tôi nói chuyện với Stevens một lần qua điện thoại, nhưng chưa bao giờ nhìn thấy anh ta cho tới sáng nay."

Ted Nash nói với tôi, "À này, John Corey, tôi đã biết anh không phải điều tra viên của quận Suffolk."

"Tôi đã bao giờ nói thế đâu."

"Ồ, thôi đi, anh bạn. Anh và cảnh sát trưởng Maxwell làm tôi và George tin thế đấy."

Max nói, "Điều tra viên Corey đã được thị trấn Southold thuê làm cố vấn trong vụ án này."

"Thật à," Nash hỏi. Gã nhìn tôi và nói, "Anh là một điều tra viên án giết người của thành phố New York, bị thương trong khi làm nhiệm vụ ngày mười hai tháng Tư. Anh hiện đang trong thời gian nghỉ dưỡng thương."

"Ai hỏi anh?"

Foster chuyên hòa giải xen vào, "Chúng tôi không quan tâm, John. Chúng tôi chỉ muốn xác lập khả năng và thẩm quyền."

Beth nói với Nash và Foster, "Được rồi, vậy đây là thẩm quyền của *tôi* và vụ án của tôi, và tôi thấy không có vấn đề gì với sự có mặt của John Corey ở đây."

"Tốt," Foster nói.

Nash không tỏ ý đồng tình. Điều này khiến tôi tin là gã có vấn đề, mà thế cũng tốt.

Beth nhìn Ted Nash và yêu cầu, "Giờ thì chúng ta đã biết John Corey làm việc cho ai, còn anh làm cho ai?"

Nash ngập ngừng một chút rồi nói, "CIA."

"Cám ơn." Nàng nhìn George Foster và Ted Nash rồi nói, "Nếu một trong hai anh còn quay lại hiện trường vụ án mà không đăng kí vào sổ theo dõi, tôi sẽ thông báo cho ủy viên công tố. Các anh sẽ phải tuân thủ tất cả các thủ tục giống như những người khác, hiểu chưa?"

Họ gật đầu. Tất nhiên, họ không có ý đó.

Paul Stevens trở lại và nói, "Ngài giám đốc hiện chưa có ở đây. Tôi được cảnh sát trưởng Maxwell cho biết là các bạn muốn đi thăm hòn đảo một chút, vậy chúng ta có thể đi một vòng. Xin đi theo..."

“Khoan đã,” Tôi nói và chỉ vào chiếc tàu *Prune*. “Đó là tàu của các anh à?”

“Đúng. Đó là tàu tuần tra.”

“Nhưng nó đang không đi tuần tra.”

“Chúng tôi có một chiếc khác đang ở ngoài.”

“Vợ chồng Gordon đỗ tàu ở đây à?”

“Vâng. Xin đi theo...”

“Anh có phương tiện tuần tra đi quanh đảo không?” Tôi hỏi.

Rõ ràng là gã không thích bị người khác hỏi, nhưng vẫn đáp lại, “Có, chúng tôi có phương tiện đi tuần tra quanh đảo.” Gã nhìn tôi và sốt ruột hỏi, “Còn câu hỏi nào nữa không, thưa điều tra viên?”

“Còn. Việc một nhân viên sử dụng tàu riêng của mình đi làm có bình thường không?”

Gã để một vài giây trôi qua rồi đáp, “Khi chính sách ‘không bao giờ rời’ được thực hiện nghiêm túc thì chuyện đó bị cấm. Hiện chúng tôi đã nới lỏng các quy định thêm một chút, vì thế thỉnh thoảng cũng có nhân viên đi làm bằng tàu riêng. Chủ yếu là vào mùa hè.”

“Các anh có cho phép ông bà Gordon đi làm bằng tàu không?”

Gã đáp, “Ông bà Gordon là nhân viên cấp cao và là các nhà khoa học lương thiện. Chỉ cần họ thực hiện các biện pháp tẩy trùng và tuân thủ các quy định về an toàn và an ninh thì chúng tôi không có vấn đề gì thực sự với việc họ đi lại bằng tàu riêng.”

“Tôi hiểu.” Tôi hỏi tiếp, “Đã bao giờ anh nghĩ ông bà Gordon có thể dùng tàu của họ để mang các vi sinh vật chết người ra khỏi đây chưa?”

Gã suy nghĩ một hai giây rồi trả lời vòng vo, “Đây là một nơi làm việc chứ không phải nhà tù. Nhiệm vụ chính của tôi ở đây là ngăn không cho

người lạ vào. Chúng tôi tin tưởng vào người của mình, nhưng để chắc chắn, tất cả các nhân viên đều trải qua các cuộc kiểm tra lý lịch của FBI." Stevens nhìn đồng hồ và nói, "Chúng ta còn nhiều việc phải làm. Hãy đi theo tôi."

Chúng tôi đi theo gã Stevens tức tối tới một chiếc xe buýt nhỏ và lên xe. Người lái xe mặc bộ đồng phục màu xanh giống như các nhân viên an ninh và tôi nhận ra anh ta mang súng ngắn để trong bao.

Tôi ngồi phía sau người lái xe và vỗ vỗ chiếc ghế bên cạnh dành cho Beth, nhưng chắc hẳn nàng đã không nhìn thấy động tác của tôi vì nàng lại ngồi vào chiếc ghế đôi bên kia lối đi đối diện với tôi. Max ngồi sau tôi, Nash và Foster ngồi tách ra ở đằng sau.

Stevens vẫn đứng và nói, "Trước khi đến thăm khu vực chính, chúng ta sẽ đi một vòng quanh đảo để các bạn có thể có một chút cảm giác về nơi này và nghĩ đúng hơn về những khó khăn cho công tác bảo vệ an ninh của một hòn đảo kích thước như thế này với mười dặm bờ biển và không có hàng rào." Gã nói thêm, "Chưa bao giờ có sai sót nào về an ninh trong lịch sử của hòn đảo."

Tôi hỏi Stevens, "Loại súng các nhân viên bảo vệ của anh đeo ở sườn là loại gì vậy?"

Gã đáp, "Súng ngắn tự động Colt 45 do quân đội sản xuất." Gã nhìn quanh khắp xe rồi hỏi, "Tôi nói điều gì làm mọi người chú ý à?"

Max bảo gã, "Chúng tôi nghĩ vũ khí trong vụ án mạng là một khẩu 45."

Beth nói, "Tôi muốn thống kê vũ khí của các anh và kiểm tra đạn đạo của từng khẩu."

Paul Stevens không hào hứng trả lời.

Beth hỏi, "Các anh có bao nhiêu khẩu súng ngắn 45."

Gã nói, "Hai mươi."

Max hỏi tiếp, “Anh có mang khẩu nào theo người không.” Stevens vỗ vỗ vào áo và gật đầu.

Beth hỏi, “Anh luôn mang cùng một khẩu à.”

“Không.” Gã đáp, “Tôi lấy một khẩu từ kho hàng ngày trong tuần.” Gã nhìn Beth nói, “Nghe giống như tôi đang bị thẩm vấn.”

“Không,” Beth đáp, “Chúng tôi chỉ hỏi anh với tư cách một nhân chứng thân thiện. Nếu anh bị thẩm vấn, anh sẽ được thông báo.”

Nash từ đằng sau tôi nói, “Có lẽ chúng ta nên để ngài Stevens bắt đầu chương trình. Chúng ta sẽ có thời gian để hỏi sau.”

Beth nói, “Xin cứ tiếp tục.”

Stevens vẫn đứng và nói, “Vâng. Trước khi chúng ta bắt đầu, tôi sẽ có vài lời mà tôi thường nói với các nhà khoa học, các vị cao cấp và báo chí.” Gã liếc xuống chiếc cặp bìa tẻ nhạt và bắt đầu bằng giọng đều đều như học thuộc lòng, “Đảo Plum rộng 840 mẫu Anh* gồm hầu hết là rừng và đồng cỏ cùng một bãi diễu binh mà lát nữa chúng ta sẽ thấy. Hòn đảo được nêu trong các cuốn sách hướng dẫn đi biển đầu tiên của các thủy thủ Hà Lan và Anh. Người Hà Lan gọi tên hòn đảo theo loại cây mận mọc ven biển - tiếng Hà Lan cổ là Pruym Eyland, nếu ai đó muốn quan tâm. Hòn đảo thuộc tộc người da đỏ Montauk India và được một người có tên là Samuel Wyllys mua năm 1654 từ tộc trưởng Wyandanch. Wyllys và những người di cư khác đến sau đã sử dụng hòn đảo làm nơi chăn cừu và gia súc, một điều rất trớ trêu nếu so sánh với mục đích sử dụng hiện nay.”

Tôi ngáp.

Stevens tiếp tục, “Dù sao cũng không có ai định cư lâu dài trên đảo này. Vì vậy các bạn có thể hỏi làm thế nào mà những người di cư đến đây lại nuôi gia súc trên một hòn đảo không thể sinh sống được? Theo những gì được ghi chép lại, eo biển giữa Orient và Đảo Plum ở thế kỉ mười bảy và

mười tám nông đến mức gia súc có thể lội qua khi thủy triều xuống thấp. Một trận bão nhiệt đới vào cuối thế kỉ mười tám đã làm cho eo biển sâu hơn và chấm dứt khả năng sử dụng đảo làm nơi chăn thả gia súc. Tuy nhiên, từ khi bắt đầu có sự hiện diện của người Anh, hòn đảo liên tục có bọn cướp biển viếng thăm vì chúng thấy sự tách biệt của hòn đảo thật tiện lợi."

Tôi đột nhiên đâm hoảng. Ở đây tôi bị kẹt trong một chiếc xe buýt con với cái gã thiểu năng giọng đều đều đang bắt đầu với quyển một của kinh thánh, còn chúng tôi mới đến năm một nghìn bảy trăm bao nhiêu đó với ba trăm năm để đi, trong khi chiếc xe chết tiệt thậm chí còn chưa nhúc nhích, còn tôi thì không thể rời đi trừ khi phải mở đường máu. Tôi đã làm gì để phải chịu đựng thế này? Mợ June đang nhìn xuống tôi từ trên thiên đường và cười rũ rượi. Tôi như vẫn nghe bà nói, "Này, Johnny, nếu cháu có thể nói lại điều mợ nói với cháu hôm qua về người da đỏ Montaik Indian, mợ sẽ mua cho cháu một cây kem hình chóp." *Không, không, không! DỪNG LẠI!*

Stevens tiếp tục, "Trong thời kỳ chiến tranh Cách mạng, những người Mỹ yêu nước từ Connecticut sử dụng hòn đảo để tổ chức các cuộc tập kích vào các đồn lũy của quân Anh ở Southold. Sau đó George Washington, người đã đến thăm North Fork

Tôi đưa tay lên bịt tai, nhưng vẫn nghe thấy tiếng ậm ừ trầm thấp.

Cuối cùng, tôi giơ tay và hỏi gã, "Anh là thành viên của hội Lịch sử Peconic à?"

"Không, nhưng họ giúp chúng tôi viết sử."

"Có thứ gì đại loại như sách nhỏ hay thứ gì đó để chúng tôi có thể đọc sau, còn anh có thể để dành bài phát biểu này nói với một nghị sỹ quốc hội?"

Beth nói, "Tôi thấy nó hấp dẫn."

Nash và Foster lên tiếng đồng tình.

Max cười nói, "Anh thấp phiếu hơn rồi, John."

Stevens lại mỉm cười với tôi lần nữa. Tại sao tôi lại nghĩ gã muốn rút khẩu Colt 45 và tương cả băng đạn vào tôi nhỉ? Gã nói, "Hãy kiên nhẫn, ngài điều tra viên. Dù sao chúng ta cũng cần giết thời gian một chút." Gã tiếp tục, nhưng tôi nhận ra hắn nói nhanh hơn trước. "Ngay đêm trước của cuộc chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha, chính phủ đã mua một 130 mẫu đất trên đảo để sử dụng cho mục đích phòng thủ bờ biển và pháo đài Terry được dựng lên. Chúng ta sẽ thấy pháo đài Terry bị bỏ hoang sau."

Tôi liếc nhìn Beth và thấy nàng đang nhìn chăm chú vào Paul Stevens, rõ ràng nàng mải mê với bài diễn văn của gã. Khi tôi đang nhìn Penrose, nàng chợt quay về phía tôi và ánh mắt hai người gặp nhau. Nàng dường như bối rối vì bị tôi bắt gặp nàng nhìn tôi, nàng mỉm cười nhanh rồi quay lại phía Stevens. Tim tôi hẫng mất một nhịp. Tôi lại yêu mất rồi.

Stevens vẫn tiếp tục, "Tôi phải nói với các bạn rằng trên hòn đảo này có những hiện vật của ba trăm năm lịch sử, và nếu đây không phải là hòn đảo cấm thì sẽ có nhiều nhà khảo cổ học đến đào bới ở các khu vực hầu hết còn nguyên vẹn. Chúng tôi hiện đang thương lượng với hội Lịch sử Peconic xem có thể dàn xếp cho một cuộc đào tìm kiếm thử nghiệm. Thực tế, ông bà Gordon là thành viên của hội Lịch sử Peconic và họ là đầu mối quan hệ giữa bộ Nông nghiệp, hội Lịch sử và một số nhà khảo cổ học ở đại học Stony Brook. Ông bà Gordon và tôi đã xác định được một số điểm mà chúng tôi cho rằng sẽ không ảnh hưởng đến an toàn và an ninh của đảo."

Đột nhiên tôi quan tâm đến điều này. Thi thoảng một từ hoặc cụm từ hay một cái tên xuất hiện trong một cuộc điều tra, và khi xuất hiện lần thứ hai, nó trở thành cái cần phải nghĩ đến. Chẳng hạn như hội Lịch sử

Peconic. Ý tôi là bà mợ tôi cũng tham gia tổ chức ấy, và bạn thấy những tờ rơi, những bản tin ngắn xung quanh nó, rồi họ tổ chức tiệc cốc-tai, gây quỹ, nói chuyện, vân vân, và điều đó khá bình thường. Rồi vợ chồng Gordon, những người không biết đến địa danh Plymouth Rock từ một người Xcốt-len sống ở đó, tham gia vào, để giờ đây Oberfuhrer* Stevens lôi vào bài diễn văn lê thê của gã. Đáng để tâm đấy.

Stevens tiếp tục huyên thuyên, "Năm 1929, dịch lở mồm long móng bùng phát khủng khiếp ở Mỹ, bộ Nông nghiệp mở cơ sở đầu tiên của mình trên hòn đảo này. Việc này mở đầu cho phần lịch sử hiện đại của đảo liên quan đến nhiệm vụ hiện nay. Ai có câu hỏi gì không?"

Tôi có một vài câu hỏi về việc vợ chồng Gordon rình mò quanh hòn đảo cách xa nơi họ được cho là đang làm việc trong phòng thí nghiệm. Họ là những người khôn ngoan, tôi kết luận. Chiếc tàu cao tốc, rồi hội Lịch sử Peconic, rồi vỏ bọc là những cuộc đào bới khảo cổ để họ có thể theo dõi hòn đảo. Cũng có thể những điều này không liên quan gì đến nhau mà chỉ là sự trùng hợp. Nhưng tôi không tin vào sự trùng hợp. Tôi không tin rằng các nhà khoa học được trả lương không xứng đến từ miền Trung Tây lại có sở thích chơi tàu cao tốc tốn kém và tham gia các hội khảo cổ và lịch sử. Những thứ này không phù hợp với thu nhập, với tính cách, với khí chất và những mối quan tâm trong quá khứ của Tom và Judy Gordon. Khổ nỗi những câu hỏi tôi dành cho Stevens lại không thể hỏi được nếu tôi không nói ra nhiều hơn những điều tôi muốn biết.

Stevens đang nói về bộ Nông nghiệp, tôi có thể yên tâm bỏ ngoài tai và làm trò bắt cá tay không. Tôi nhận ra rằng trước khi Stevens đề cập đến sở thích khảo cổ của vợ chồng Gordon, gã nói về một thứ gì đó làm bộ não của tôi rung động. Ý tôi là nó giống như sóng siêu âm truyền dưới nước, đập vào vật gì đó và phản xạ trở lại ống nghe. *Ping*. Có điều gì đó Stevens nói đã đập như thế, nhưng lúc gã nói thì tôi đang ngán ngẩm không để ý

đến. Tôi đã để mất và bây giờ muốn quay lại, nhưng tôi không thể nhớ là cái gì.

Stevens thông báo, "Chúng ta sẽ đi một vòng quanh đảo."

Người lái xe sực tỉnh và cho xe chạy. Tôi nhận thấy con đường được lát khá tốt, nhưng không có chiếc xe hay người nào khác trên đường.

Chúng tôi chạy quanh khu vực tòa nhà chính khổng lồ. Stevens chỉ cho chúng tôi tháp nước, xưởng tẩy độc nước thải, trạm điện, các xưởng máy và các xưởng hơi. Nơi đây dường như tự cung cấp mọi thứ, làm tôi lại nghĩ đến hang ổ của một nhân vật hung ác trong phim của James Bond, nơi một kẻ điên khùng âm mưu hủy diệt cả hành tinh. Chung qui lại đây là một hoạt động gì đó, và chúng tôi còn chưa nhìn thấy bên trong của tòa nhà nghiên cứu chính.

Đây đó chúng tôi gặp một tòa nhà mà Stevens không giới thiệu, và nếu ai đó trong chúng tôi hỏi thì gã chỉ nói, "Kho sơn," hoặc "Kho thức ăn" hay thứ gì đó. Cũng có thể là những thứ ấy thật, nhưng gã không làm mọi người tin. Kỳ thực, tôi có cảm giác rất rõ rằng gã thích thú với những điều bí mật và tiêu khiển bằng cách làm cho chúng tôi tò mò.

Trừ tòa nhà chính phục vụ nghiên cứu, gần như tất cả các tòa nhà khác đều là kiến trúc quân sự cũ, hầu hết làm bằng gạch đỏ hoặc bê tông cốt thép. Phần lớn các tòa nhà đều bỏ hoang. Tóm lại là đã từng có một căn cứ quân sự lớn nằm trong tuyến phòng thủ bảo vệ thành phố New York trước một lực lượng hải quân thù địch chưa bao giờ xuất hiện.

Chúng tôi tới một dãy nhà bê tông có cỏ mọc xuyên qua các lớp xi măng trên vỉa hè. Stevens nói, "Tòa nhà lớn gọi là 257 theo tên của đơn vị quân đội cũ. Mấy năm trước, đó là phòng thí nghiệm chính. Sau khi chuyển đi, chúng tôi đã khử trùng bằng khí độc, sau đó đóng cửa vĩnh viễn phòng trường hợp có thứ gì đó bên trong vẫn còn sống."

Không ai nói gì trong một hai giây, rồi Max hỏi, "Đây không phải là nơi đã để lọt vi trùng ra ngoài một lần đấy chứ?"

"Đó là trước thời tôi phụ trách," Stevens nói. Gã nhìn tôi và nở nụ cười như tượng sáp. "Nếu ngài điều tra viên muốn xem bên trong, tôi có thể lấy chìa khóa cho anh."

Tôi cười đáp từ và hỏi, "Tôi đi một mình được không?"

"Đó là cách duy nhất anh có thể vào tòa nhà 257. Sẽ không có ai vào đó cùng anh."

Nash và Foster cười. Này anh bạn, tớ chưa lúc nào vui vẻ như thế từ cái hôm giẫm phải đám nước bầy nhầy và ngã vào cái xác chết đã mười ngày đâu nhé. Tôi nói, "Này, Paul, tôi sẽ vào nếu anh cũng vào."

"Tôi rất không muốn chết." Stevens đáp.

Khi chiếc xe chạy đến gần tòa nhà 257, tôi nhận ra có ai đó đã vẽ trên nền bê tông hình đầu lâu xương chéo khổng lồ màu đen. Ý nghĩ chợt đến với tôi là chiếc đầu người chết này thực sự có hai nghĩa - Jolly Roger, lá cờ của cướp biển mà vợ chồng Gordon đã treo trên cột cờ của họ, và nó còn là biểu tượng của chất độc hoặc nhiễm độc. Tôi nhìn chằm chằm vào chiếc đầu lâu và hai khúc xương màu đen trên nền tường trắng, cho đến khi tôi quay đi, hình ảnh đó vẫn như hiện ra trước mắt. Và khi tôi nhìn vào Stevens, cái đầu lâu kia như đặt khít lên khuôn mặt gã, cả hai cùng cười nhe nhởn. Tôi dụi mắt cho tới khi ảo giác kia mất dần. Chà, nếu không phải giữa thanh thiên bạch nhật và có người xung quanh thì chắc tôi đã sởn gai ốc rồi.

Stevens tiếp tục, "Năm 1946, quốc hội cấp ngân sách cho xây dựng một cơ sở nghiên cứu. Pháp luật quy định các loại bệnh truyền nhiễm nhất định không được phép nghiên cứu trong lục địa của Mỹ. Điều này là cần thiết vào thời điểm mà công nghệ kiểm soát biến đổi gen sinh học chưa được

tiên tiến cho lắm. Vì thế, Đảo Plum vốn hoàn toàn do chính phủ sở hữu và ngẫu nhiên lại do bộ Nông nghiệp và quân đội sử dụng chung trở thành một địa điểm đương nhiên cho việc nghiên cứu các bệnh dịch động vật độc hại."

Tôi hỏi, "Ý anh là ở đây chỉ nghiên cứu các loại bệnh động vật."

"Đúng như vậy."

"Ông Stevens, trong khi chúng ta sẽ thất vọng nếu ông bà Gordon đánh cắp virut bệnh lở mồm long móng và các đàn gia súc của Mỹ, Canada và Mexico bị chết sạch, đó không phải là lí do chúng tôi tới đây. Có loại bệnh nào trong phòng thí nghiệm của Đảo Plum - các loại bệnh nhiễm ở cả người và động vật - có thể lây sang người được không?"

Gã nhìn tôi đáp, "Câu đó thì anh phải hỏi ông giám đốc, Tiến sĩ Zollner."

"Tôi đang hỏi anh."

Stevens thoáng suy nghĩ rồi nói, "Tôi sẽ nói điều này - do sự tình cờ bộ Nông nghiệp sử dụng chung hòn đảo này trong một thời gian với quân đội nên có nhiều phỏng đoán và tin đồn rằng đây là một trung tâm chiến tranh vi trùng. Tôi đoán là mọi người ở đây đều biết chuyện đó."

Max lên tiếng, "Có nhiều bằng chứng về việc binh đoàn Hóa học quân đội đã nghiên cứu ra các loại bệnh dịch vào thời kỳ đỉnh cao của chiến tranh Lạnh để tiêu diệt toàn bộ đàn gia súc của Liên Xô. Thậm chí tôi còn biết rằng bệnh Than và các loại bệnh động vật khác có thể được sử dụng làm vũ khí sinh học chống loài người. Anh cũng biết điều đó."

Paul Stevens hắng giọng rồi giải thích, "Tôi không có ý nói là không có bất cứ nghiên cứu nào về chiến tranh vi trùng được thực hiện ở đây. Hiển nhiên đã có trong một thời gian vào đầu thập kỉ 1950. Nhưng đến năm 1954, nhiệm vụ nghiên cứu chiến tranh vi trùng phục vụ tấn công đã chuyển thành phục vụ phòng thủ. Tức là, quân đội chỉ nghiên cứu các cách

thức để ngăn chặn ngành chăn nuôi gia súc bị phía bên kia gây bệnh. Gã nói thêm, "Tôi sẽ không trả lời câu hỏi nào nữa về vấn đề này... nhưng cách đây vài năm, người Nga có cử một nhóm chuyên gia chiến tranh vi trùng đến đây và họ không tìm thấy thứ gì có thể khiến họ phải lo lắng."

Tôi luôn nghĩ các đoàn thanh sát việc chấp hành tự nguyện lệnh cấm vũ khí giống như kiểu một kẻ giết người dẫn tôi đi thăm nhà của hắn. *Không, thưa ngài điều tra viên, không có thứ gì đáng xem trong căn phòng ấy đâu. Để tôi dẫn ngài đi xem hiên nhà.*

Chiếc xe rẽ vào một con đường sỏi hẹp. Stevens vẫn tiếp tục bài nói đã được chuẩn bị trước, trong đó có đoạn, "Vì vậy, kể từ giữa năm 1950, Đảo Plum trở thành trung tâm quan trọng nhất trên thế giới cho việc nghiên cứu, cứu chữa và ngăn chặn bệnh dịch động vật." Gã nhìn tôi nói, "Không tồi đến thế phải không, điều tra viên Corey?"

"Tôi đã sống sót qua cả những điều tệ hơn đấy."

"Tốt. Giờ chúng ta sẽ để lại lịch sử phía sau và đi tham quan một chút. Ngay phía trước chúng ta là ngọn hải đăng cũ, đầu tiên do George Washington đặt. Ngọn hải đăng hiện nay được xây dựng vào giữa năm 1850. Nó không còn được sử dụng và trở thành một dấu mốc lịch sử."

Tôi nhìn qua cửa sổ của xe thấy một tòa kiến trúc bằng đá nằm trên một cánh đồng cỏ. Ngọn hải đăng trông giống như một ngôi nhà hai tầng với ngọn tháp mọc lên trên nóc. Tôi hỏi, "Các anh có dùng nó vào mục đích an ninh không?"

Gã nhìn tôi rồi nói, "Lúc nào cũng nghĩ đến công việc, phải không? Thỉnh thoảng tôi cử người đến đó với một kính viễn vọng hoặc thiết bị quan sát ban đêm khi thời tiết quá xấu không thể đi máy bay hoặc tàu tuần tra. Khi đó ngọn hải đăng là phương tiện duy nhất của chúng tôi có thể

quan sát 360 độ." Gã nhìn tôi hỏi, "Anh còn muốn biết điều gì khác về ngọn hải đăng nữa không?"

"Không, tạm vậy đã."

Chiếc xe rẽ sang một con đường trải sỏi khác. Chúng tôi đi về hướng đông dọc theo bờ bắc của đảo, bên trái là bờ biển, bên phải là những cây cối xương xẩu. Bãi biển trải dài với cát và đá gần như còn nguyên vẹn. Nếu không có chiếc xe và con đường, bạn có thể tưởng tượng mình là một người Hà Lan hay người Anh ở thế kỉ mười bảy lần đầu tiên đặt chân lên bờ, bước dọc theo bãi biển và cố nghĩ cách để đẩy người da đỏ ra khỏi hòn đảo. *Ping*. *Ping*.

Lại là nó. Nhưng là cái gì? Đôi khi nếu ta đừng cố ép nó, nó sẽ tự quay lại.

Stevens đang huyên thuyên về hệ sinh thái và việc giữ cho hòn đảo càng nguyên vẹn và hoang sơ càng tốt. Trong khi hắn nói, chiếc trực thăng bay qua đi tìm diệt bọn hươu.

Con đường chạy dọc theo bờ biển và không có nhiều thứ để nhìn, nhưng tôi lại ấn tượng với sự vắng vẻ của nơi này, với ý nghĩ rằng không một linh hồn cô quả sống nơi đây, và bạn chắc sẽ không gặp ai trên bãi biển hay những con đường dường như chẳng đi đến đâu, chẳng để làm gì, trừ con đường chạy giữa bến tàu và phòng thí nghiệm chính.

Như đọc được ý nghĩ của tôi, Stevens nói, "Những con đường này đều được quân đội xây dựng để nối pháo đài Terry với các khẩu đội pháo bờ biển. Các đội tuần tra hươu sử dụng những con đường này, nếu không thì không còn ai trên đường." Gã nói thêm, "Vì chúng tôi đã tập hợp toàn bộ cơ sở nghiên cứu vào một tòa nhà nên hầu hết hòn đảo đều không có người."

Tôi chợt nghĩ, đương nhiên rồi, đội tuần tra hươu và tuần tra an ninh đều là một. Trực thăng và tàu có thể tìm kiếm những con hươu đang bơi, nhưng cũng có thể đang tìm kiếm bọn khủng bố hay những kẻ đáng nghi khác. Tôi có cảm giác lo lắng là nơi đây có thể bị xâm nhập. Nhưng đó không phải là điều tôi quan tâm, không phải lí do tôi tới đây.

Đến lúc này, hòn đảo hóa ra không đến nỗi ma quái như tôi nghĩ. Tôi thực sự là không biết mình mong đợi điều gì, nhưng giống như nhiều nơi khác có tiếng xấu đi trước, hòn đảo này không đến nỗi quá tệ một khi bạn đã thấy nó.

Khi nhìn hòn đảo trên bản đồ hoặc hải đồ định hướng sẽ không thấy được bất kì đặc điểm nào thể hiện trên đảo - không đường, không có pháo đài Terry, không thứ gì khác ngoài dòng chữ, "Đảo Plum - Nghiên cứu bệnh động vật - Chính phủ Mỹ - Khu vực cấm." Hòn đảo được vẽ màu vàng - màu cảnh báo. Ngay cả trên bản đồ nó cũng không có vẻ mời mọc. Còn nếu bạn quan sát hòn đảo từ dưới nước, như tôi đã làm một số lần cùng vợ chồng Gordon, nó như được bao bọc trong sương, dù tôi tự hỏi không biết bao nhiêu là thực và bao nhiêu trong tưởng tượng.

Và nếu bạn đi xa hơn với việc vẽ hòn đảo cho giống vẻ bề ngoài của nó theo bạn nghĩ, bạn sẽ có hình ảnh của một vùng Thule như trong truyện của Poe*, cảnh tăm tối của gia súc và cừu bị chết, trương phồng và thối rữa trên những cánh đồng, những con chim kền kền tìm ăn trên những xác thối và rồi cũng chết vì những khúc thịt nhiễm bệnh. Đó là điều bạn nghĩ, nếu bạn nghĩ tới nó. Nhưng đến lúc này, nơi đây trông vẫn đầy ánh nắng và dễ chịu. Mối nguy hiểm ở đây, nỗi kinh hoàng có thật đã được đóng kín trong những khu nghiên cứu sinh học ở Vùng ba và bốn, và ngôi đền Chết* - Vùng năm. Những mẫu vật nhỏ li ti, những ống nghiệm và đĩa nuôi cấy nhung nhúc những thể sống nguy hiểm và độc hại nhất mà hành tinh này đã tạo ra. Nếu tôi là một nhà khoa học nhìn vào những thứ đó, có lẽ tôi nghi

ngờ về Chúa - không phải về sự tồn tại của Người, mà về ý định của Người.

Dù sao, đó cũng là mức tôi có thể nghĩ được mà không phải đau đầu.

Beth hỏi Paul Stevens, "Làm sao những người đi tàu biết không đỗ ở đây?"

"Mọi bản đồ và hải đồ đều có cảnh báo," Stevens đáp. "Ngoài ra còn có các biển báo dọc theo tất cả các bờ biển. Đồng thời các đội tuần tra có thể xử lí những con tàu neo đậu hoặc lên cạn."

Beth hỏi, "Các anh làm gì với những người xâm phạm?"

Stevens đáp, "Chúng tôi cảnh báo những người đi tàu không đến gần hoặc lên đảo thêm lần nào nữa. Những người tái phạm sẽ bị giữ lại và chuyển cho cảnh sát trưởng Maxwell." Gã nhìn Max. "Đúng không?"

"Đúng. Có một hai người mỗi năm."

Paul Stevens thử đùa và nói, "Chỉ có lũ hươu là bị bắn khi phát hiện."

Stevens nghiêm túc giải thích, "Nếu có người bị lạc trên đảo thì đó không phải là xâm phạm an ninh hay kiểm soát sinh học nguy hiểm. Như tôi đã nói, tôi không có ý tạo ấn tượng rằng hòn đảo bị nhiễm độc. Ví dụ, chiếc xe này không phải là phương tiện kiểm soát sinh học. Nhưng do ở gần kề với các khu vực kiểm soát sinh học nên chúng tôi phải ngăn chặn những người không có thẩm quyền và mọi động vật lên đảo."

Tôi không thể nhịn được phải nói ra, "Theo những gì tôi thấy, Stevens, một chiếc tàu chở bọn khủng bố thậm chí bán chuyên nghiệp cũng có thể đổ bộ lên đảo vào một đêm nào đó, hạ gục tất cả đám bảo vệ của anh, lấy đi tất cả những thứ đáng sợ từ các phòng thí nghiệm hoặc cho nổ tung chỗ này lên cao, giải phóng các loại vi trùng chết người vào môi trường. Thực ra khi mặt vịnh đóng băng thì chúng còn không cần đến tàu - các anh nối liền với đất liền."

Stevens đáp, "Tôi chỉ có thể nói với anh là ở đây có nhiều nhân viên an ninh hơn là anh nhìn thấy."

"Tôi hy vọng là thế."

"Hãy tin như vậy." Gã nhìn tôi và nói, "Sao anh không thử vào một đêm nào đó?"

Tôi thích bị thách thức và đáp, "Tôi cá với anh một trăm đô là tôi có thể vào phòng làm việc của anh, lấy cắp bằng bổ túc trung học của anh từ trên tường và treo ở văn phòng của tôi sáng hôm sau."

Stevens vẫn nhìn tôi chằm chặp, khuôn mặt người chết như nặn bằng sáp của gã không cử động. *Ghê quá*.

Tôi nói với gã, "Xin được hỏi anh câu hỏi mà tất cả chúng tôi ở đây đều muốn hỏi - Liệu Tom và Judy Gordon có thể đã mang các vi sinh vật ra khỏi đảo này không? Hãy nói với chúng tôi sự thật."

Paul Stevens đáp, "về lý thuyết, chuyện đó là có thể."

Không ai trên xe nói gì, nhưng tôi nhận ra người lái xe quay đầu lại và lộ vẻ sững sờ.

Stevens hỏi, "Nhưng đó là vì lí do gì?"

"Tiền." Tôi đáp.

"Họ thực sự không giống hạng người đó." Stevens nói. "Họ yêu động vật. Sao họ lại muốn giết sạch động vật trên thế giới?"

"Có thể họ muốn giết sạch *loài người* trên thế giới để động vật có thể sống cuộc sống hạnh phúc."

"Vớ vẩn," Stevens nói. "Ông bà Gordon không lấy thứ gì khỏi đây có thể làm hại một sinh linh nào. Tôi sẽ lấy vị trí của tôi để đánh cược chuyện này."

"Anh cược rồi đấy. Cả tính mạng của anh nữa."

Tôi để ý thấy Ted Nash và George Foster im lặng, và tôi biết họ đã được nghe báo cáo trước lâu rồi. Có lẽ họ sợ bật ra những câu kiểu như, "Đã ở đó, đã làm việc đó, đã lấy áo phông."

Stevens quay lại phía kính chắn gió đằng trước và nói, "Chúng ta đang đến gần pháo đài Terry. Chúng ta có thể xuống xe ở đây và ngắm cảnh xung quanh."

Chiếc xe dừng lại và chúng tôi ra khỏi xe."

CHƯƠNG 9

Là một buổi sáng đẹp, mặt trời mang đến những tia nắng ấm áp hơn ở giữa hòn đảo này. Paul Stevens dẫn chúng tôi đi quanh pháo đài. Pháo đài Terry không có tường thành và thực sự giống như một thị trấn bị bỏ hoang. Nó mang vẻ lập dị không ngờ với một nhà tù xây bằng gạch, một nhà ăn cũ, một doanh trại hai tầng bằng gạch có hành lang và trải rộng ra nhiều hướng, nhà của sỹ quan chỉ huy, một vài tòa nhà khác xây từ khoảng chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, một nhà thờ nhỏ ốp gỗ trắng nằm trên một quả đồi.

Stevens chỉ về phía một tòa nhà gạch khác và nói, "Đó là tòa nhà duy nhất còn sử dụng - trạm cứu hỏa."

Max nhận xét, "Chỗ này nằm khá xa phòng thí nghiệm."

"Đúng," Stevens đáp, "nhưng phòng thí nghiệm mới hầu như không thể bén lửa và có hệ thống chữa cháy riêng bên trong." Gã nói thêm, "Những chiếc xe cứu hỏa này chủ yếu để chữa cháy rừng và cháy trong các tòa nhà không sử dụng vào thí nghiệm sinh học."

Max đã sống cả đời khi đầu gió, lúc cuối gió của hòn đảo này. Anh nói với Stevens, "Nhưng một đám cháy hoặc một cơn bão có thể phá hủy các trạm phát điện sử dụng cho các khu vực kiểm soát sinh học. Đúng không?"

"Mọi thứ đều có thể." Gã nói thêm, "Nhiều người sống gần các lò phản ứng hạt nhân. Đây là một thế giới hiện đại - đầy những nỗi kinh hoàng

không thể tưởng tượng được - những cơn ác mộng hóa học, sinh học và hạt nhân đang chờ xóa sạch cơ sở cho loài tiến hóa tiếp theo."

Tôi nhìn Stevens với cách nghĩ khác. Có lẽ thằng cha này dở người rồi.

Phía trước doanh trại là một bãi cỏ trải dài xuống gần bờ nước cách đó một quãng. Từng đàn ngỗng Canada bước đi oai vệ quanh bãi cỏ, cất tiếng kêu quàng quạc hay là điều khỉ gió gì đó mà chúng làm nếu không phải là đang ỉa. Stevens giải thích, "Đó là sân duyệt binh. Chúng tôi thường xuyên cắt cỏ để máy bay có thể nhìn thấy những dòng chữ bằng bê tông trên bãi cỏ. Dòng chữ đó là 'Đảo Plum - Khu vực Cấm'. Chúng tôi không muốn những chiếc máy bay nhỏ đỗ ở đây." Gã pha trò, "Dòng chữ đó để đuổi bọn khủng bố bằng máy bay đi."

Chúng tôi đi bộ một vòng rồi Stevens nói, "Trước khi chúng tôi xây tòa nhà chính, nhiều văn phòng quản lý đặt tại pháo đài Terry này. Giờ thì hầu như tất cả mọi thứ - phòng thí nghiệm, an ninh, nhà kho, ban quản lý, động vật - đều chung trong một tòa nhà, một điều rất tốt dưới góc độ an ninh." Gã nói với tôi, "Vì vậy, ngay cả khi an ninh vòng ngoài bị phá vỡ thì tòa nhà chính vẫn hầu như không thể xâm phạm được."

"Anh thực sự đang kích tôi đấy." Tôi nói.

Stevens lại mỉm cười. Tôi thích khi gã cười với tôi. Gã nói, "Để thông tin cho anh, tôi có một bằng đại học của bang Michigan, tôi treo trên tường phía sau chiếc bàn làm việc của tôi, nhưng anh sẽ không bao giờ thấy nó."

Tôi cười đáp lại. Chúa ơi, tôi thích chọc giận những người làm tôi khó chịu. Tôi thích Max, tôi thích George Foster, tôi yêu Beth, nhưng tôi không thích Ted Nash và Paul Stevens. Thích ba trong năm người thực sự là điều tốt với tôi - bốn trên sáu, nếu tính cả tôi. Dù sao, tôi cũng không thể tha thứ cho những kẻ nói dối, những tên lừa lọc, những tay khoác lác và những gã

thích quyền lực. Tôi nghĩ là hồi chưa bị bắn tôi giàu lòng vị tha hơn. Có lẽ điều này phải hỏi Dom Fanelli.

Chiếc sân duyệt binh cũ chạy dài và kết thúc đột ngột ở một điểm dốc đứng, bên dưới là bãi biển đầy đá. Chúng tôi đứng trên mép nhìn ra phía biển. Cảnh đẹp đến nghẹt thở, nhưng nó làm tăng thêm sự hiu quạnh của nơi này, cái cảm giác như ở thế giới bên kia và tận cùng của thế giới gắn với mọi hòn đảo nói chung và nơi này nói riêng. Đây chắc hẳn đã từng là một trạm gác rất biệt lập, một tiền đồn cực kỳ tẻ ngắt nơi người ta không có gì khác để làm ngoài ngắm biển. Có lẽ các pháo thủ ở đây còn mong được nhìn thấy một hạm đội địch.

Stevens nói, "Bãi biển này là nơi loài hải cẩu đến vào cuối mùa thu hàng năm."

Tôi hỏi, "Các anh có bắn chúng không?"

"Tất nhiên là không. Miễn là chúng ở trên bãi biển."

Khi chúng tôi đi bộ trở lại từ bãi biển, Stevens chỉ cho chúng tôi một tảng đá lớn ở cuối bãi duyệt binh. Trên một khe nứt của tảng đá là một viên đạn súng thần công đã hoen gỉ. Gã nói, "Đó là từ thời chiến tranh Cách mạng - của Anh hoặc Mỹ. Đây là một trong những thứ mà ông bà Gordon đã đào lên."

"Họ tìm thấy ở đâu?"

"Ngay quanh đây thôi, tôi đoán thế. Họ đào rất nhiều quanh bãi biển hải cẩu và ở sân duyệt binh này."

"Họ đào ư?"

"Họ dường như có biệt tài biết nên đào chỗ nào. Họ đào được nhiều đạn súng hỏa mai đủ để trang bị cho một trung đoàn đấy."

"Không đùa đấy chứ?" Cứ nói đi, Stevens.

“Họ sử dụng một trong những chiếc máy dò kim loại.”

“Hay đấy.”

“Đó là một sở thích thú vị.”

“Đúng là như thế. Bà mợ tôi cũng là một tay đào bới giỏi. Tôi không biết là vợ chồng Gordon lại thích đào. Trước đây tôi chưa bao giờ nhìn thấy thứ gì mà họ phát hiện được.”

“Ồ, họ phải để lại mọi thứ ở đây.”

“Vì nhiễm độc?”

“Không, vì đây là đất đai của liên bang.”

Điều này đáng chú ý. Nash và Foster cũng bắt đầu lắng nghe, điều mà tôi không muốn. Vì thế tôi chuyển đề tài nói với Stevens, “Hình như cậu tài xế đang gọi anh.”

Stevens nhìn về phía chiếc xe, nhưng người lái xe vẫn đang nhìn chăm chú vào một đàn ngỗng. Stevens liếc nhìn đồng hồ rồi nói, “Thôi ta đi xem những chỗ khác trên đảo rồi sau đó có cuộc gặp với Tiến sĩ Zollner.”

Chúng tôi lên xe và chạy về phía đông nơi mặt trời đang lên, hướng ra dải đất của hòn đảo như chiếc xương cong của miếng sườn lợn. Bãi biển tuyệt đẹp với một dải cát dài hai dặm được những làn nước của biển Long Island Sound làm sạch, không rác rưởi, không vết chân người. Không ai nói được lời nào trước cảnh đẹp tráng lệ của tự nhiên. Cả tôi cũng vậy.

Stevens vẫn đứng, thi thoảng liếc nhìn tôi và tôi mỉm cười với gã. Gã cười lại. Đó không thực sự là nụ cười vui vẻ.

Cuối cùng, chiếc xe dừng lại ở đầu hẹp của dải đất. Stevens nói, “Chúng ta chỉ đi xe đến được chỗ này. Giờ mọi người phải đi bộ.”

Chúng tôi xuống xe và thấy mình ở giữa một đống đổ nát hoang tàn kinh ngạc. Nhìn chỗ nào tôi cũng thấy những công sự bê tông lớn với dây

leo và cây cỏ mọc chằng chịt - những công sự ngầm, boong ke, ụ súng, kho đạn, những địa đạo, những con đường gạch và bê tông và những bức tường khổng lồ dày chín mươi phân với những cánh cửa sắt hoen gỉ.

Stevens nói, "Một trong những con đường ngầm này dẫn đến một phòng thí nghiệm bí mật nơi các nhà khoa học của Đức Quốc xã vẫn đang làm việc để tìm ra một loại virut tối thượng, không thể tiêu diệt được và sẽ xóa sạch loài người trên thế giới."

Gã để một hai giây trôi qua trong im lặng rồi nói tiếp, "Trong một phòng thí nghiệm khác dưới lòng đất là thi thể được bảo quản của bốn người ngoài hành tinh được mang về từ vụ va chạm UFO* ở Roswell, bang New Mexico."

Tất cả lại im lặng. Cuối cùng, tôi nói, "Chúng tôi có thể gặp các nhà khoa học Đức Quốc xã trước được không?"

Mọi người cười ồ- đại loại như vậy.

Stevens nở nụ cười chiến thắng nói, "Đây là hai trong số những câu chuyện hoang đường ngớ ngẩn nhất về Đảo Plum." Gã nói thêm, "Nhiều người cho biết đã nhìn thấy những chiếc máy bay hình dáng kì lạ lên xuống sau nửa đêm ở bãi duyệt binh. Họ cho là bệnh AIDS có nguồn gốc ở đây và bệnh Lyme cũng vậy." Gã nhìn quanh và nói, "Tôi đoán là những công sự cũ này cùng với các đường ngầm và phòng ốc dưới lòng đất có thể khiến người ta có những tưởng tượng phong phú. Xin mọi người cứ đi xem xung quanh và đến bất kỳ chỗ nào nếu muốn. Nếu có thấy người ngoài hành tinh, xin hãy báo cho tôi biết." Gã lại mỉm cười. Gã có nụ cười thực sự quái dị, và tôi nghĩ biết đâu gã lại là người hành tinh khác. Stevens nói, "Nhưng tất nhiên, chúng ta phải đi cùng nhau. Tất cả mọi người phải luôn trong tầm quan sát của tôi."

Cái này thì không được ăn nhập cho lắm. "Đến bất kỳ chỗ nào nếu muốn," nhưng lại hạn chế vừa đủ. Vì thế, John, Max, Beth, Ted và George trở lại thời niên thiếu và vui vẻ với việc trèo lên những đống đổ nát, những cầu thang gác, những bờ công sự và tất cả mọi thứ với Stevens luôn ở bên cạnh. Chúng tôi bước dọc theo một con đường lát gạch dài và dốc dẫn xuống hai cánh cửa sắt. Cửa khép hờ và chúng tôi đi cả vào trong. Bên trong tối, mát, ẩm và biết đâu nhung nhúc những thứ gì đó.

Stevens đi theo chúng tôi và nói, "Con đường này dẫn đến một kho đạn khổng lồ." Giọng gã vọng vào khoảng không đen ngòm. "Có một đoạn đường ray hẹp trên đảo để vận chuyển đạn dược và thuốc súng từ cảng vào trong các kho dưới lòng đất. Đó là một hệ thống rất phức tạp. Nhưng, như mọi người thấy, nó hầu như bỏ không. Không còn gì là bí mật đang diễn ra ở nơi này." Gã nói, "Nếu tôi có một chiếc đèn pin thì chúng ta có thể đi sâu thêm và các bạn sẽ thấy không có ai sống, làm việc, chơi đùa hay được mai táng ở trong này."

"Thế mấy tên phát xít và người ngoài hành tinh ở đâu?" Tôi vặn hỏi.

"Tôi đưa cả đến chỗ ngọn hải đăng rồi," Stevens đáp.

Tôi hỏi gã, "Nhưng anh có thể thấy điều lo ngại của chúng tôi là vợ chồng Gordon có thể đã lập một phòng thí nghiệm bí mật ở một nơi như thế này."

Stevens đáp, "Như tôi đã nói, tôi không nghi ngờ ông bà Gordon về bất cứ điều gì. Nhưng vì khả năng này đã được đặt ra nên tôi đã cho người tìm kiếm toàn bộ khu vực này. Ngoài ra còn có chín mươi tòa nhà quân sự trên mặt đất bị bỏ hoang trên khắp đảo. Chúng tôi còn phải tìm kiếm rất nhiều."

Tôi nói, "Bảo người lái xe về lấy mấy chiếc đèn pin. Tôi muốn xem xung quanh nơi này."

Một khoảng im lặng trong bóng tối, rồi Stevens nói, "Sau khi anh gặp tiến sĩ Zollner, chúng ta có thể quay lại đây và khám phá các căn phòng và đường ngầm dưới lòng đất nếu anh muốn."

Chúng tôi quay trở ra ngoài sáng và Stevens nói, "Đi theo tôi."

Chúng tôi theo chân gã tới một con đường hẹp hướng về mũi phía đông của Đảo Plum - điểm tận cùng của mẩu xương cong. Trong lúc đi, Stevens nói, "Nếu nhìn ra xung quanh, mọi người có thể nhìn thấy thêm nhiều ụ súng. Chúng tôi đã từng sử dụng các bức tường vây tròn này làm nơi nhốt động vật, nhưng hiện chúng được nuôi ở trong nhà."

Beth nhận xét, "Nghe độc ác quá."

Stevens đáp, "Nó an toàn hơn."

Cuối cùng, chúng tôi tới điểm tận cùng phía đông của hòn đảo, một dốc đá dựng đứng cách bãi biển rải rác đá phía dưới hơn chục mét. Một boong ke bê tông đã bị nước xói làm vỡ thành nhiều mảnh nằm dưới vách đá, một số rơi xuống nước.

Cảnh tượng thật tráng lệ với vệt bờ biển Connecticut hiện ra mờ mờ phía bên trái, cách khoảng hai dặm về phía trước là đảo Great Gull.

Stevens chỉ về phía nam và nói, "Các bạn có nhìn thấy hòn đảo đá đằng kia không? Chỗ đó trước đây được sử dụng để tập ném bom và bắn pháo. Nếu các bạn là lái tàu thì biết phải tránh xa nơi đó vì có nhiều bom và đạn pháo chưa nổ trên đó. Qua hòn đảo đó là bờ bắc của đảo Gardiners mà như ngài cảnh sát trưởng Maxwell biết là tài sản riêng của dòng họ Gardiner và người ngoài không được lui tới. Qua đảo Great Gull là đảo Fishers. Cũng giống như Đảo Plum, nơi đó thường có bọn cướp biển viếng thăm vào thế kỷ mười bảy. Vì vậy, từ bắc tới nam chúng ta có đảo Cướp biển, đảo Bệnh dịch, đảo Nguy hiểm và Đảo Tư." Gã mỉm cười với sự dí dỏm của mình. Nói đúng hơn, đó là nửa nụ cười.

Đột nhiên, chúng tôi thấy một chiếc tàu tuần tra chạy quanh mũi đất. Nhóm thủy thủ ba người phát hiện ra chúng tôi, một người nâng ông nhòm lên. Nhận ra Stevens, tôi đoán thế, người kia vẫy tay và Stevens cũng vẫy lại.

Tôi nhìn từ vách đá xuống bãi biển phía dưới và nhận ra cát ở đây có những dải ngang màu đỏ, giống như chiếc bánh ngọt trắng nhiều lớp với những quả mâm xôi lấp đầy.

Một giọng người gọi với phía sau và tôi nhìn thấy người lái xe đang đi bộ lên trên con đường hẹp. Stevens nói với chúng tôi, "Cứ ở đây," rồi đi gặp người lái xe. Anh ta đưa cho Stevens chiếc điện thoại di động. Đây là cảnh trong phim lúc người đưa đường biến mất và chúng ta thấy chiếc xe chạy đi, chỉ còn Bond một mình với cô gái, nhưng rồi đám người nhái xuất hiện từ dưới nước với những khẩu súng từ tàu ngầm và nhả đạn, rồi chiếc trực thăng.

"Điều tra viên Corey."

Tôi nhìn Beth, "Có gì không?"

"Anh nghĩ được gì đến lúc này?"

Tôi nhận ra Max, Nash, Foster đang trèo lên và đi xung quanh những ụ súng, và là những bậc trượng phu, họ đang bàn về tầm pháo, về nòng súng và những chuyện của bậc nam nhi.

Chỉ còn tôi đứng một mình với Beth. Tôi nói, "Tôi nghĩ cô được đấy."

"Anh nghĩ gì về Stevens?"

"Gàn dở."

"Anh nghĩ gì về những điều chúng ta nhìn và nghe thấy cho đến giờ?"

"Chuyến đi sắp đặt trước. Nhưng thi thoảng tôi cũng phát hiện được điều gì đó."

Nàng gật đầu rồi hỏi, "Vậy cái chuyện khảo cổ này là thế nào? Anh có biết chuyện đó không?"

"Không." Tôi nói thêm, "Tôi biết về hội Lịch sử Peconic, nhưng không biết về chuyện đào bới khảo cổ ở đây. Về chuyện này vợ chồng Gordon chưa bao giờ nói là họ đã mua một mẫu đất vô dụng nhìn ra biển Sound."

"Mẫu đất gì vô dụng ở biển Sound?"

"Tôi sẽ nói với cô sau." Tôi nói, "Nó cũng giống như tất cả những thứ này, cô biết đấy, và họ có thể sử dụng vào việc vận chuyển ma túy, nhưng cũng có thể không. Có điều gì khác đang diễn ra ở đây... Đã bao giờ cô nghe thấy như có tiếng bật trong đầu chưa?"

"Gần đây thì không. Anh có à?"

"Có, giống như tiếng phản hồi của sóng siêu âm."

"Nghe giống như bị thương tật ba phần tư."

"Không, là sóng siêu âm. Sóng phát đi, gặp vật cản và phản hồi trở lại. Bật."

"Lần sau anh nghe thấy thì giơ tay lên nhé."

"Đúng. Tôi được cho là đang nghỉ ngơi, và cô đang làm tôi lộn nhào lên từ khi tôi gặp cô."

"Tôi cũng thế." Nàng chuyển đề tài và nói, "Anh biết đấy, an ninh ở đây không được tốt như tôi nghĩ nếu xem những gì trên đảo này. Nếu đây là một cơ sở hạt nhân, anh sẽ thấy nhiều nhân viên an ninh hơn nhiều."

"Đúng. An ninh vòng ngoài rất tệ, nhưng có thể an ninh bên trong phòng thí nghiệm tốt hơn. Và có thể như Stevens nói ở đây có nhiều người và phương tiện an ninh hơn chúng ta nhìn thấy. Tuy nhiên, về cơ bản tôi vẫn có cảm giác rằng Tom và Judy Gordon có thể tung tăng ra khỏi đây với bất cứ thứ gì họ muốn. Tôi chỉ hy vọng là họ không muốn thứ gì."

“Tôi nghĩ chúng ta sẽ tìm ra ngay sau ngày hôm nay hoặc có thể ngày mai họ đã lấy cắp thứ gì đó và chúng ta sẽ được cho biết nó là thứ gì.”

“Ý cô là gì?” Tôi hỏi.

“Tôi sẽ nói với anh sau.”

“Nói với tôi trong bữa tối hôm nay nhé.”

“Tôi đoán là tôi phải cho qua chuyện này.”

“Nó thực sự sẽ không tệ thế đâu.”

“Tôi có giác quan thứ sáu với các cuộc hẹn hò chẳng ra gì.”

“Với tôi thì tốt đấy. Tôi chưa bao giờ rút súng ra trong cuộc hẹn đâu.”

“Vẫn chưa hết hào hoa nhỉ.”

Nàng quay người bước đi. Nàng dừng bên mép vách đá và nhìn ra sóng nước. Bên trái là biển Sound, bên phải là Đại Tây Dương. Cũng giống như với eo biển ở phía bên kia của hòn đảo, gió và những luồng hải lưu gặp nhau ở đây. Những con mòng biển như đứng im trên không. Những con sóng bạc đầu va vào nhau làm biển như sôi lên. Nàng trông thật đẹp khi đứng đó trong làn gió, hòa giữa trời xanh và mây trắng, những con chim, biển và mặt trời. Tôi tưởng tượng nàng đang khỏa thân ở tư thế đó.

Stevens nghe điện xong quay lại nói, “Chúng ta quay lại xe được rồi.”

Chúng tôi đi dọc theo con đường chạy lướt bên trên vách đá. Mấy phút sau chúng tôi trở lại khu công sự đổ nát.

Tôi nhận ra một trong những gò dốc có xây ụ pháo bên trên mới bị xói, để lộ ra những vỉa đất còn mới. Tầng trên cùng là lớp mùn hữu cơ mà bạn có thể đoán ra, bên dưới là cát trắng, một điều cũng bình thường. Nhưng lớp tiếp theo là vỉa đất màu đo đỏ trông như gỉ sắt, tiếp theo là cát rồi đến một lớp nữa màu đỏ, giống hệt như trên bãi biển. Tôi nói với Stevens, “Này, mót quá. Tôi quay lại ngay.”

“Đừng để lạc,” Stevens nói, không hẳn là câu đùa.

Tôi đi quanh chân gò, nhặt một cành cây khô và chọc mạnh vào bề mặt đứng của lớp cỏ. Lớp mùn và cỏ rơi ra, để lộ lớp vỉa màu trắng và đỏ. Tôi bốc một nắm đất màu nâu đỏ và thấy đó thực ra là đất sét trộn với cát và có thể thêm một ít ôxít sắt. Trông nó rất giống với vết đất dính trên giày thể thao của Tom và Judy. Đáng chú ý đây.

Tôi cho một nắm vào túi và quay đầu nhìn quanh, chỉ thấy Stevens đứng đó quan sát tôi.

Gã nói, “Hình như tôi đã nói đến quy định ‘Không bao giờ rời’ rồi thì phải.”

“Tôi nghĩ là anh có nói.”

“Anh vừa đút cái gì vào túi?”

“Chim.”

Chúng tôi đứng nhìn nhau chằm chặp, cuối cùng gã nói, “Trên đảo này tôi là người có quyền, điều tra viên Corey. Không phải anh, không phải điều tra viên Penrose, thậm chí không phải Maxwell, và cũng không phải hai quý ông đi cùng anh.” Gã nhìn tôi với cặp mắt lạnh băng rồi nói, “Tôi có thể xem anh đút gì trong túi được không?”

“Tôi có thể cho anh xem, nhưng sau đó tôi phải giết anh.” Tôi mỉm cười.

Gã thoáng suy nghĩ, tính toán mọi lựa chọn, rồi đi đến quyết định đúng và nói, “Xe sắp chạy rồi.”

Tôi đi qua gã và gã tụt lại phía sau. Tôi nửa chờ đợi một sợi dây quàng qua cổ xiết chặt, một cú đánh vào đầu, cảm giác ớn lạnh nơi sống lưng – nhưng Stevens dễ chịu hơn. Có thể lúc nào đó gã sẽ mời tôi một ly cà phê mang bệnh than.

Chúng tôi lên xe và đi khỏi.

Tất cả mọi người vẫn ngồi đúng ghế lúc trước, còn Stevens vẫn đứng. Chiếc xe hướng về phía tây, trở lại chỗ bến tàu và phòng thí nghiệm chính. Một chiếc xe tải đưa đón chạy vượt qua chúng tôi trên con đường đối diện, bên trên là hai người mặc đồng phục màu xanh và mang súng dài.

Nhìn chung, tôi đã tìm hiểu được nhiều hơn mong đợi, thấy được nhiều thứ hơn tôi nghĩ, và nghe thấy đủ để tôi càng ngày càng tò mò hơn. Tôi tin rằng câu trả lời về nguyên nhân Tom và Judy Gordon bị giết nằm trên hòn đảo này. Và như tôi đã nói, một khi đã biết lý do thì cuối cùng tôi sẽ biết kẻ sát nhân là ai.

George Foster hầu như im lặng từ đầu lên tiếng hỏi Stevens, "Anh có chắc chắn ông bà Gordon rời đảo trên tàu riêng của họ vào trưa hôm qua không?"

"Chắc chắn. Theo sổ theo dõi, họ đã làm việc trong bộ phận kiểm soát sinh học vào buổi sáng, đăng xuất, tắm rồi lên một chiếc xe như thế này chở họ ra bến tàu. Có ít nhất hai người nhìn thấy họ lên tàu, chiếc *Spirochette,* và chạy ra khỏi đảo về phía eo Ruột Plum."

Foster hỏi, "Có ai ở trên trực thăng hoặc tàu tuần tra nhìn thấy họ khi họ đã ra tới eo biển không?"

Stevens lắc đầu, "Không. Tôi đã hỏi rồi."

Beth chất vấn, "Dọc bờ biển ở đây có chỗ nào có thể dấu tàu không?"

"Hoàn toàn không. Đảo Plum không có vũng nước sâu, không có lạch. Bãi biển chạy thẳng, chỉ trừ vũng nước nhân tạo nơi chiếc phà ra vào."

Tôi hỏi, "Nếu chiếc tàu tuần tra của các anh nhìn thấy tàu của nhà Gordon đậu đâu đó gần đảo thì người của anh có đuổi họ đi không?"

“Không. Thực ra ông bà Gordon thi thoảng neo tàu lại để câu cá hoặc bơi ngoài khơi Đảo Plum. Các đội tuần tra đều biết họ rất rõ.”

Tôi không biết là vợ chồng Gordon lại là những người ham thích câu cá như vậy. Tôi hỏi, “Đã bao giờ người của anh thấy họ đậu tàu ở gần bờ biển vào ban đêm chưa?”

Stevens nghĩ một chút rồi đáp, “Chỉ có đúng một lần là tôi để ý.” Gã nói tiếp, “Hai người của tôi trên tàu tuần tra cho biết họ bắt gặp tàu của nhà Gordon đang đậu gần bãi biển phía nam vào một đêm tháng Bảy, khoảng nửa đêm. Người của tôi thấy trên tàu không có ai, và họ chiếu đèn pin lên bờ. Hai vợ chồng Gordon đang trên bãi biển...” Gã húng hắng trong cổ với cái cách khiến mọi người hiểu vợ chồng Gordon đang làm gì. Stevens nói, “Chiếc tàu tuần tra bỏ đi để họ yên.”

Tôi thoáng suy nghĩ về điều này. Tom và Judy tạo cho tôi ấn tượng rằng họ là một cặp sẵn sàng làm tình ở bất kì chỗ nào, vì thế có làm chuyện ấy ở một bãi biển vắng người thì cũng không có gì là lạ. Tuy vậy, làm tình trên bãi biển của Đảo Plum lại khiến tôi vừa nhướng mày, vừa đặt câu hỏi. Tôi đã từng có lần mơ tưởng chuyện làm tình với Judy trên một bãi biển sạch sẽ. Có lẽ là hơn một lần. Mỗi khi có ý nghĩ ấy trong đầu, tôi lại tự tát vào mặt. Đồ đê tiện, đồ đê tiện. Đồ con lợn, đồ con lợn.

Chiếc xe chạy qua bãi đỗ tàu, hướng về phía nam và dừng lại ở một con đường hình ô van trước tòa nhà nghiên cứu chính.

Mặt trước hình cong của tòa nhà mới hai tầng thiết kế theo phong cách trang trí làm từ loại đá khối màu nâu hồng. Một tấm biển lớn dựng trên bãi cỏ đề, “Bộ Nông nghiệp,” và một cột cờ khác với lá cờ treo rủ.

Chúng tôi xuống xe, Paul Stevens nói, “Tôi hy vọng các bạn thích thú với chuyến đi thăm Đảo Plum và có suy nghĩ tốt về bố trí an ninh của chúng tôi.”

Tôi hỏi, “An ninh nào?”

Stevens nhìn tôi khó chịu nói, “Tất cả mọi người làm việc ở đây đều ý thức rõ về nguy cơ xảy ra thảm họa. Tất cả chúng tôi đều luôn ý thức về an ninh, mọi người đều cống hiến cho công việc và đảm bảo những tiêu chuẩn về an toàn cao nhất hiện có ở đây. Nhưng anh thì biết gì? Chẳng có chuyện cứt gì xảy ra cả.”

Sự tục tĩu và khiếm nhã của gã làm mọi người ngạc nhiên. Tôi nói, “Đúng. Nhưng có phải chuyện đó xảy ra hôm qua không?”

“Chúng tôi sẽ biết sớm thôi.” Gã nhìn đồng hồ rồi nói, “Được rồi, chúng ta có thể vào bên trong. Hãy đi theo tôi.”

CHƯƠNG 10

Hành lang hình bán nguyệt của phòng thí nghiệm Đảo Plum với một gác lửng chạy xung quanh cầu thang trung tâm. Không gian sáng sủa và thoáng mát, dễ chịu và đón mời. Lũ động vật đáng thương có lẽ được nhốt ở phía sau.

Trên bức tường bên trái là những bức ảnh các quan chức chính phủ từ cao xuống thấp - tổng thống, bộ trưởng nông nghiệp, và tiến sỹ Karl Zollner, một đường khá ngắn đối với một cơ quan chính phủ. Điều đó khiến tôi tin rằng Tiến sĩ Zollner là người rất gần gũi với Phòng Bầu dục*.

Ở quầy lễ tân, chúng tôi phải đăng nhập và đổi những tấm thẻ xanh kẹp trên áo bằng thẻ trắng với một sợi dây nhựa quàng qua cổ. Một thủ tục an ninh tốt, tôi nghĩ - hòn đảo được phân chia giữa tòa nhà này và tất cả mọi thứ khác. Và trong tòa nhà này là các Vùng. Tôi không nên đánh giá thấp Stevens.

Một cô gái trẻ đẹp mặc váy đến gối đã xuống tới thang gác trước khi tôi có cơ hội nhìn ngược lên cặp đùi. Cô gái tự giới thiệu là Donna Alba, trợ lý của tiến sĩ Zollner. Cô mỉm cười nói, "Tiến sĩ Zollner sẽ gặp mọi người ngay thôi. Trong lúc chờ, tôi sẽ dẫn các bạn đi xem quanh đây."

Paul Stevens nói với tôi, "Tôi sẽ tranh thủ lúc này về văn phòng kiểm tra xem có gì mới không." Gã nói thêm, "Donna sẽ phục vụ mọi người chu đáo." Gã nhìn tôi nói, "Xin nhớ luôn ở cạnh cô Alba."

"Nếu tôi đi vệ sinh thì sao?"

“Anh đã đi rồi.” Gã đi lên cầu thang, dừng lại. Tôi chắc là gã dừng ở phòng của tiến sĩ Zollner để báo cáo về năm kẻ xâm phạm.”

Tôi nhìn Donna Alba. Cô chừng hai nhăm, hai sáu tuổi, da trắng tóc đen, khuôn mặt dễ nhìn, cơ thể đẹp, váy xanh, áo bờ lu trắng, đi giày thể thao. Nếu bạn nghĩ đến chuyện đi lại bằng tàu hàng ngày đến nơi làm việc và khả năng phải đi đâu đó trên đảo thì giày cao gót quả không tiện cho lắm. Thực sự là nếu ai đó thích đi về hàng ngày đúng giờ và một ngày làm việc trung bình ở văn phòng thì Đảo Plum không phải nơi phù hợp.

Dù thế nào, Donna cũng đủ hấp dẫn để tôi nhớ ra cô đã đi trên chuyến phà lúc 8 giờ với chúng tôi sáng nay. Vì thế, cô chưa biết Nash và Foster và có lẽ không phải tay trong của gã mật vụ nào.

Donna yêu cầu chúng tôi tự giới thiệu. Chúng tôi làm theo, không sử dụng mấy cái mác khiến người khác lo lắng như “điều tra viên án giết người”, “FBI” hay “CIA.”

Cô bắt tay một vòng vào trao cho Nash một nụ cười đặc biệt. Phụ nữ là những thẩm phán tồi trong đánh giá tính cách.

Donna bắt đầu, “Chào mừng mọi người đã đến với Trung tâm nghiên cứu bệnh dịch động vật. Tôi chắc rằng Paul đã giới thiệu qua với các bạn và kể về lịch sử của hòn đảo cùng một chuyến du ngoạn vòng quanh đảo.” Cô liếc nhìn xung quanh như thể đang ở một nước độc tài và nói, “Tôi không được bàn luận hay nhận xét bất cứ điều gì trong chuyện đó. Nhưng tôi nghĩ tôi nên nói ra cảm xúc của mình.”

Beth liếc nhìn tôi. Có lẽ nàng đã nhìn thấy một yếu điểm trên chiếc áo giáp của Đảo Plum. Nàng nói với Donna, “John và Max là bạn tốt của Tom và Judy.”

Tôi nhìn vào mắt Donna Alba và nói, “Chúng tôi đánh giá cao mọi sự giúp đỡ và hợp tác mà chúng tôi nhận được từ các nhân viên ở đây.” Cho

đến giờ, điều này có cả việc Stevens tặng chúng tôi một chuyến du lịch năm mươi xen tới những đống đổ nát và hoang tàn. Nhưng điều quan trọng là làm cho Donna tin rằng cô có thể nói tự do, tất nhiên không phải ở đây, vào lúc này, mà là khi chúng tôi đến thăm nhà cô.

Donna nói, "Tôi sẽ đưa mọi người đi xem một vòng. Xin đi theo tôi."

Chúng tôi đi quanh dãy hành lang. Donna giới thiệu những thứ trên tường, có cả những bài báo, những câu chuyện hãi hùng từ khắp nơi trên thế giới về bệnh bò điên và thứ gì đó gọi là Rinderpest và bệnh sốt xuất huyết lợn cùng những thứ bệnh ghê gớm khác. Có những tấm bản đồ về sự bùng phát của bệnh này bệnh kia, những biểu đồ, đồ thị và hình ảnh về gia súc với cái môi phồng rộp, nước dãi chảy dài như sợi dây từ trong miệng, về loài lợn với những vết lở loét rỉ nước trông hãi hùng. Không thể nhầm được với hành lang của một nhà hàng chuyên thịt bò nướng.

Donna hướng sự chú ý của chúng tôi vào những cánh cửa ở phía sau hành lang. Chúng được sơn màu vàng cảnh báo đặc biệt, giống màu của Đảo Plum trên bản đồ, khiến chúng nổi bật trên nền của hành lang chủ yếu là màu xám. Cánh cửa bên trái có tấm biển đề "Phòng thay đồ - Nữ" và bên phải là "Phòng thay đồ - Nam." Cả hai cửa đều có tấm biển, "Chỉ dành cho người có thẩm quyền."

Donna nói, "Những cánh cửa này dẫn đến các khu vực kiểm soát sinh học. Hành lang này cùng với các phòng hành chính thực ra là một tòa nhà riêng biệt với khu kiểm soát sinh học, dù bề ngoài trông như liền làm một. Hai phòng thay đồ chính là nơi nối khu này với khu kiểm soát sinh học."

Max hỏi, "Vậy có đường nào khác ra vào khu kiểm soát sinh học không?"

Donna đáp, "Anh có thể đi vào theo lối dành cho nhân viên phục vụ động vật, đưa thức ăn và mọi thứ khác vào. Nhưng anh không thể đi ra theo

lối đó. Bất cứ thứ gì và bất cứ ai đi ra đều phải qua khu khử trùng, trong đó có các phòng tắm."

Foster hỏi, "Vậy các sản phẩm mổ xẻ - những thứ bỏ đi và mọi thứ khác - thì xử lí ra sao?"

"Qua lò thiêu hoặc ống dẫn tới xưởng khử trùng nước và chất thải," Donna đáp. Cô nói thêm, "Tất cả có vậy - hai chiếc cửa này đi vào, một cửa sau, ống thoát nước và lò thiêu hủy, trên nóc nhà có thiết bị lọc không khí có thể chặn được các loại virut nhỏ nhất. Đây là tòa nhà rất kín."

Mỗi người chúng tôi đều theo đuổi những ý nghĩ riêng về vợ chồng Gordon, về chuyện mang vi sinh vật ra khỏi phòng thí nghiệm.

Donna nói tiếp, "Các phòng thay quần áo vẫn là Vùng một, giống như hành lang này. Nhưng khi đi từ phòng thay quần áo là các bạn đã vào Vùng hai và phải mặc quần áo trắng của phòng thí nghiệm. Trước khi ra khỏi Vùng hai, ba, bốn và trở lại Vùng một, các bạn phải tắm. Phòng tắm thuộc Vùng một."

"Phòng tắm dùng chung cả nam và nữ à?" Tôi hỏi.

Cô bật cười. "Tất nhiên là không." Cô nói thêm, "Tôi hiểu là mọi người đều đã được chấp nhận vào Vùng hai, ba, bốn nếu muốn."

Ted Nash cười ngớ ngẩn và hỏi, "Cô có đi cùng chúng tôi không?"

Cô lắc đầu. "Tôi không được trả lương cho việc đó."

Tôi cũng có được trả xu nào đâu. Tôi hỏi Donna "Sao chúng tôi không được vào Vùng năm?"

Cô nhìn tôi, vẻ như ngạc nhiên. "Vùng năm? Sao anh lại muốn vào đó?"

"Tôi không biết. Vì nó ở đó."

Cô lắc đầu. "Chỉ có khoảng mười người được quyền vào Vùng năm. Khi vào phải mặc bộ đồ như của nhà du hành vũ trụ này-"

“Ông bà Gordon có được vào Vùng năm không?”

Cô gật đầu.

“Có thứ gì trong Vùng năm?”

“Anh nên hỏi tiến sĩ Zollner câu đó.” Cô liếc nhìn đồng hồ rồi nói, “Xin đi theo tôi.”

“Hãy ở cùng nhau.” Tôi thêm vào.

Chúng tôi lên cầu thang, tôi tụt lại phía sau vì cái chân tệ hại của tôi đang bắt đầu kéo lê và cũng vì tôi muốn ngắm chân và mông của Donna. Tôi biết tôi là giống lợn - tôi có thể nhiễm bệnh sốt xuất huyết lợn.

Chúng tôi bắt đầu cuộc dạo thăm hai bên của hành lang hai tầng. Mọi thứ đều được sơn cùng một màu xám bồ câu hoặc xám pha tối mà tôi đoán là đã thay thế thứ màu xanh trông buồn nôn của các tòa nhà liên bang cũ. Trên tường của các hành lang là ảnh của các vị giám đốc, nhà khoa học và nhà nghiên cứu trước đây của phòng thí nghiệm.

Tôi nhận ra hầu hết các cánh cửa trên những hàng lang dài này đều đóng và có đánh số, nhưng không có tên của người hay chức năng trên đó, trừ các phòng vệ sinh. An ninh tốt đấy, tôi nghĩ, và một lần nữa tôi có ấn tượng với cái đầu hoang tưởng của Paul Stevens.

Chúng tôi vào thư viện nghiên cứu nơi một vài nhà nghiên cứu đang tìm kiếm trên giá sách hoặc đang ngồi đọc trước bàn. Donna nói, “Đây là một trong những thư viện tốt nhất thuộc loại này trên thế giới.”

Tôi không thể tưởng tượng có quá nhiều thư viện về bệnh động vật trên vũ trụ này, nhưng vẫn nói với Donna, “Chà!”

Donna lấy ra một tập sách nhỏ, tài liệu báo chí phát hành và các sách báo tuyên truyền khác từ một chiếc bàn dài và đưa cho chúng tôi. Những cuốn sách nhỏ gập ba có tiêu đề như, “Bệnh dịch tả ở lợn”, “Bệnh sốt lợn

châu Phi", "Bệnh ngựa châu Phi" và thứ gì đó gọi là "Bệnh bướu da" mà cứ theo những bức ảnh đáng sợ từ cuốn sách thì tôi nghĩ là một cô bạn gái cũ của tôi đã mắc chứng bệnh này. Tôi không thể chờ về nhà và đọc mấy thứ này, tôi nói với Donna, "Cho tôi thêm hai cuốn về bệnh rinderpest được không?"

"Hai cuốn nữa...? Tất nhiên là được..." Cô lấy hai cuốn đưa cho tôi. Cô này tốt thật. Sau đó cô lấy cho chúng tôi mỗi người một cuốn tạp chí hàng tháng có tên là *Nghiên cứu nông nghiệp,* ngoài bìa có một tiêu đề nóng bỏng "Pheromone kích thích tố đánh lừa loài sâu hại quả Nam Việt quất". Tôi hỏi Donna, "Cho tôi một tờ giấy gói màu nâu để bọc cái này nhé?"

"Ờ... ồ, anh lại đùa rồi. Phải không?"

George Foster nói với cô gái, "Đừng để ý quá tới anh ấy."

Ngược lại, Foster - chú mày nên rất để ý tới tao mới phải. Nhưng nếu chú mày nhầm sự khôi hài ngớ ngẩn của tao với sự cẩu thả hay lơ đễnh, thế lại càng tốt.

Chúng tôi tiếp tục chuyến du lịch năm mươi xen. Chúng tôi thấy thính phòng, quầy ăn tự phục vụ ở tầng hai, một căn phòng đẹp, sạch sẽ và hiện đại với những cửa sổ to từ đó có thể nhìn thấy ngọn hải đăng, eo biển và Orient Point. Donna mời chúng tôi dùng cà phê. Chúng tôi ngồi bên một chiếc bàn tròn trong khu vực ăn uống gần như không có ai.

Chúng tôi nói chuyện phiếm một lát, rồi Donna nói, "Các nhà nghiên cứu trong khu vực kiểm soát sinh học gửi fax đặt bữa trưa cho nhà bếp. Họ không muốn mất thời gian tắm để ra ăn trưa. Một ai đó sẽ mang đồ ăn cho tất cả mọi người trong Vùng hai, dù là ai mang tới cũng phải tắm khi đi ra. Các nhà khoa học rất miệt mài. Họ làm việc tám đến mười tiếng mỗi ngày trong phòng kiểm soát sinh học. Tôi không biết họ làm cách nào."

Tôi hỏi Donna, "Họ có gọi bánh hăm-bơ-gơ không?"

“Xin lỗi?”

“Các nhà khoa học ấy. Họ có gọi thịt bò, giăm bông, thịt cừu hay những thứ đại loại như thế từ nhà bếp không?”

“Tôi đoán... Tôi có hẹn với một trong số nhà nghiên cứu. Anh ấy thích món thịt bò.”

“Anh ta có mổ xẻ những con bò bị bệnh và thối rữa không?”

“Có. Tôi đoán anh quen với thứ đó.”

Tôi gật đầu. Vợ chồng Gordon cũng làm việc mổ xẻ, và họ vẫn thích món thịt bò. Tài thật. Ý tôi là tôi không thể nào quen được với những xác người chết đã bốc mùi. Dù sao, có lẽ với động vật nó cũng khác. Khác loài, khác mọi thứ.

Tôi biết đây có thể là cơ hội duy nhất để tôi tách khỏi những người đi cùng. Tôi liếc nhìn Max và đứng lên hỏi, “Phòng vệ sinh nam ở đâu.”

“Ở đằng kia,” Donna chỉ tới một lối cửa. “Đừng rời khỏi phòng ăn nhé.”

Tôi đặt tay lên vai Beth và ấn xuống, ngầm để nàng biết nàng nên ở đây với hai gã người của liên bang kia. Tôi nói với nàng, “Đừng để Stevens quay lại thả vi trùng bệnh than vào cà phê của tôi đấy nhé.”

Tôi đi tới chỗ có hai phòng vệ sinh. Max đi cùng tôi và chúng tôi đứng ở cuối hành lang. Phòng vệ sinh dễ bị nghe trộm hơn ở hành lang nhiều. Tôi nói, “Họ có thể nói là đã hợp tác đầy đủ, đã đưa chúng ta đi xem mọi nơi trên đảo, và toàn bộ cơ sở nghiên cứu trừ Vùng năm. Thực ra phải mất vài ngày để kiểm tra hết tòa nhà này, tính cả tầng hầm, và sẽ mất cả một tuần để thẩm vấn các nhân viên.”

Max gật đầu. Anh nói, “Chúng ta phải giả định rằng mọi người ở đây đều lo lắng khi chúng ta sắp tìm ra thứ gì bị mất nếu có.” Anh nói thêm, “Cứ tin tưởng họ về điểm này.”

Tôi đáp, "Ngay cả nếu họ phát hiện ra hoặc biết vợ chồng Gordon đã lấy cắp thứ gì, họ sẽ không nói với ta. Họ sẽ nói với Foster và Nash."

"Thế thì sao? Chúng ta đang điều tra một vụ án mạng."

"Khi tôi biết nguyên nhân là gì và tại sao, tôi sẽ tìm ra thủ phạm là ai." Tôi nói.

"Đó là các vụ thông thường - còn với các vụ về an ninh quốc gia, nếu họ nói cho anh điều gì đã là may lắm rồi. Trên đảo này không có thứ gì cho chúng ta. Họ kiểm soát hòn đảo, tức nơi làm việc của nạn nhân. Chúng ta kiểm soát hiện trường vụ án, tức nhà của nạn nhân. Chúng ta có thể trao đổi một vài thông tin với Nash và Foster. Nhưng tôi không nghĩ họ lại quan tâm tới chuyện ai giết vợ chồng Gordon. Họ muốn chắc chắn rằng vợ chồng Gordon không giết phần còn lại của đất nước này. Anh hiểu chứ?"

"Tôi hiểu, Max. Nhưng bản năng cảnh sát của tôi mách bảo-"

"Này, sẽ ra sao nếu chúng ta bắt được kẻ giết người nhưng không thể đưa hắn ra tòa vì không có đủ mười hai người còn sống ở cả bang New York này để lập một bồi thẩm đoàn?"

"Thôi đừng cường điệu thế." Tôi suy nghĩ một chút rồi nói, "Vụ này có thể không liên quan gì đến vi trùng. Anh nghĩ tới ma túy chưa?"

Anh gật đầu. "Tôi đã nghĩ đến rồi. Tôi thích khả năng đó."

"Đúng vậy. Anh nghĩ thế nào về Stevens?"

Max nhìn qua vai tôi. Tôi quay lại và thấy một người bảo vệ mặc đồng phục màu xanh đi tới chỗ chúng tôi. Gã nói, "Tôi có thể giúp các ngài tìm gì không?"

Max từ chối lời đề nghị và chúng tôi trở lại bàn. Khi họ cho người tới phá một cuộc nói chuyện riêng thì có nghĩa là họ không thể nghe trộm được.

Sau vài phút uống cà phê và chuyện phiếm, Alba nhìn đồng hồ và báo, "Chúng ta có thể xem phần còn lại của chỗ này rồi tới văn phòng của tiến sĩ Zollner."

"Cô nói câu này cách đây nửa giờ rồi, Donna." Tôi nhắc khéo.

"Sáng nay ông ấy rất bận," cô đáp. "Điện thoại chưa lúc nào ngừng. Washington, rồi các cơ quan truyền thông trên *toàn quốc*." Cô dường như ngạc nhiên và nghi ngờ. Cô nói, "Tôi không tin điều họ nói về ông bà Gordon. Không tin dù chỉ là một phút. Không có cách nào."

Tất cả chúng tôi rời phòng ăn và đi quanh những hành lang màu xám âm u một lúc. Cuối cùng, trong lúc đang xem phòng máy tính, tôi thấy đã đủ và nói với Donna, "Tôi muốn đến phòng thí nghiệm nơi ông bà Gordon làm việc."

"Đó là khu kiểm soát sinh học. Anh có thể xem chỗ đó sau."

"Thôi được. Vậy đâu là phòng của Tom và Judy trong khu hành chính này?"

Cô ngập ngừng rồi nói, "Anh có thể hỏi tiến sĩ Zollner. Ông ấy không bảo tôi dẫn mọi người đến phòng của ông bà Gordon."

Tôi không muốn làm căng với Donna, vì thế tôi liếc nhìn Max theo kiểu cảnh sát hiểu nhau - Max, anh đang là cảnh sát tới đấy.

Max nói với Alba, "Với tư cách là cảnh sát trưởng của thị trấn Southold, trong đó hòn đảo này là một bộ phận, tôi yêu cầu cô ngay bây giờ đưa chúng tôi đến phòng của Tom và Judy Gordon, hai nạn nhân trong vụ giết người mà tôi đang điều tra."

Không tới lắm, Max, dù câu cú và ngữ pháp hơi vụng về.

Donna Alba tội nghiệp trông như thể sắp ngất xỉu.

Beth nói với cô, "Việc này không có gì. Cứ làm theo những gì cảnh sát trưởng Maxwell yêu cầu."

Giờ đến lượt Foster và Nash và tôi biết họ sắp nói gì. George Foster hóa ra lại là một gã đần đất được giao việc. Gã nói, "Do tính chất công việc của vợ chồng Gordon và khả năng văn phòng của họ có giấy tờ và tài liệu-"

"Liên quan đến an ninh quốc gia," tôi xen vào, "vân vân, và đủ thứ."

Gấu bông Ted Nash nghĩ gã nên xuất hiện và nói, "Ông bà Gordon được phép tiếp cận bí mật, và vì thế giấy tờ của họ là tài liệu mật."

"Vớ vẩn."

"Xin lỗi, điều tra viên Corey - Tôi đang nói." Gã ném ánh mắt thực sự khó chịu về phía tôi, rồi nói, "Tuy nhiên, vì những mối quan tâm chung và để tránh những tranh cãi về quyền hạn pháp lý, tôi sẽ gọi một cuộc điện thoại mà tôi tin rằng sẽ cho phép chúng ta được quyền vào phòng của ông bà Gordon." Gã nhìn tôi, Max, Beth và hỏi, "Được chứ?"

Họ gật đầu.

Tất nhiên phòng làm việc của vợ chồng Gordon đã được kiểm tra kỹ lưỡng và dọn dẹp sạch sẽ tối qua hoặc sáng sớm nay. Như Beth đã nói, chúng tôi sẽ chỉ thấy những gì họ muốn chúng tôi thấy. Nhưng tôi đã cho George và Ted hửng mũi mà nghĩ đến chuyện làm mình làm mẩy về điều này, như thể chúng tôi sẽ tìm được những thứ thực sự hay ho trong phòng của vợ chồng Gordon.

Donna Alba dường như trút được gánh nặng và nói với Nash, "Tôi sẽ gọi cho tiến sĩ Zollner." Cô nhấc điện thoại và bấm nút gọi nội mạng. Cùng lúc đó, Ted Nash rút điện thoại di động và đi ra chỗ cách xa chúng tôi, quay lưng lại nói chuyện hoặc làm ra vẻ đang nói chuyện với những ông trùm bộ máy an ninh quốc gia ở thủ đô vĩ đại của đế chế Rối ren.

Hết màn kịch, gã trở lại với đám người trần mắt thịt chúng tôi vừa đúng lúc Donna kết thúc cuộc gọi cho tiến sĩ Zollner. Donna gật đầu bảo được, Nash cũng gật đầu.

Donna nói, "Hãy đi theo tôi."

Chúng tôi đi theo cô vào trong hành lang và hướng ra sườn phía đông của tòa nhà, đi qua cầu thang mà chúng tôi đến lúc trước. Chúng tôi đến phòng 265, Donna mở cửa bằng chìa khóa vạn năng.

Trong phòng có hai chiếc bàn làm việc, mỗi chiếc có một máy tính cá nhân, một bộ modem, giá sách và một chiếc bàn dài để sách báo, giấy tờ bên trên. Không có thiết bị thí nghiệm hay bất cứ thứ gì như vậy - chỉ có đồ văn phòng, trong đó có một máy fax.

Chúng tôi tìm kiếm một hồi quanh hai chiếc bàn của vợ chồng Gordon, mở ngăn kéo, xem xét các loại giấy tờ. Nhưng như tôi đã nói, căn phòng đã bị dọn sạch từ lúc trước. Trong bất kỳ trường hợp nào, những người dính líu đến một âm mưu nào đó không đời nào ghi chép hoặc để lại thư báo tố tội quanh đó.

Tuy nhiên, bạn sẽ không bao giờ biết bạn có thể tìm được gì. Tôi xem cuốn lưu danh thiếp của họ, để ý thấy họ quen biết nhiều người từ khắp nơi trên thế giới, hầu hết là trong giới khoa học, có vẻ như vậy. Tôi tìm vào mục Gordon và thấy một tấm danh thiếp của cha mẹ Tom và tên của những người chắc hẳn là của anh chị em và những người trong gia đình Tom. Tất cả đều ở bang Indiana. Tôi không biết tên thời con gái của Judy.

Tôi tìm "Corey, John" và thấy tên tôi, dù tôi không nhớ là họ đã bao giờ gọi cho tôi từ nơi làm việc chưa. Tôi tìm "Maxwell, Sylvester" và thấy số điện thoại văn phòng và nhà riêng của anh. Tôi tìm "Wiley, Margaret" nhưng không thấy, cũng không ngạc nhiên. Rồi tôi tìm đến "Murphy", người láng giềng ngay cạnh nhà của Gordon, thấy có họ trong đó, là Edgar

và Agnes, một điều đáng chú ý. Tôi tìm thấy "Tom, Fredric" và nhớ lại lần tôi đi cùng vợ chồng Gordon tới xưởng rượu của Fredric Tobin trong một buổi lễ nếm rượu vang. Tôi tìm và thấy số điện thoại của hội Lịch sử Peconic và số máy nhà riêng của chủ tịch hội, một người tên là Emma Whitestone.

Tôi lật đến hàng "D" để tìm *người vận chuyển ma túy,* Pedro, và "C" để tìm *tập đoàn ma túy Colombia,* nhưng không thấy gì. Tôi thử lật đến hàng "T" tìm những tên khủng bố và "A" để tìm *khủng bố người Arập,* cũng không hơn gì. Tôi không thấy có "Stevens" hay "Zollner", nhưng tôi đoán là có danh mục riêng của tất cả mọi nhân viên trên đảo và định kiếm một bản.

Nash say sưa với chiếc máy tính của Tom, Foster với chiếc máy của Judy. Đây có lẽ là thứ họ không có thời gian kiểm tra hết sáng sớm nay.

Tôi để ý hầu như không có thứ đồ cá nhân nào trong phòng, không một tấm ảnh, một tác phẩm nghệ thuật, thậm chí không có gì ngoài những thứ do chính phủ phát. Tôi hỏi Donna về điều này, cô trả lời, "Không có quy định cấm mang đồ cá nhân trong Vùng một. Nhưng mọi người thường không mang nhiều đồ trên phà để đưa vào văn phòng của mình, có lẽ trừ mỹ phẩm, thuốc thang và những thứ như vậy. Tôi không biết tại sao. Thực ra, chúng tôi có thể đòi hỏi hầu như bất cứ thứ gì chúng tôi muốn, miễn là có lí do. Chúng tôi hơi được chiều chuộng theo cách đó."

"Tiền thuế của tôi được sử dụng đấy."

Cô mỉm cười. "Chúng tôi phải được vui vẻ trên hòn đảo điên rồ này."

Tôi bước tới một chiếc bảng lớn nơi Beth và Max đang đọc những đoạn báo cắt ra đính trên ghim. Ở khoảng cách hai gã kia không nghe được, tôi nói, "Chỗ này đã bị dọn dẹp sạch rồi."

Max hỏi, "Ai dọn?"

Beth nói, "John và tôi đã thấy hai anh bạn của chúng ta từ dưới phà đi lên sáng nay. Họ đã ở đây rồi, đã gặp Stevens, đã xem căn phòng này rồi."

Max tỏ vẻ ngạc nhiên, rồi khó chịu. Anh nói, "Chết tiệt... làm vậy là trái luật."

Tôi nói, "Anh không nên nói gì. Nhưng anh có thể hiểu được tại sao tâm trạng tôi không được vui."

"Tôi không nhận ra điều gì khác thường, nhưng lúc này *tôi* rất cáu."

Với giọng nói dễ chịu nhất, Donna xen vào cắt ngang cuộc nói chuyện của chúng tôi và bảo "Chúng ta đã hơi muộn rồi. Mọi người có thể quay lại đây sau."

Beth nói với Donna, "Điều tôi muốn cô làm là thấy căn phòng này được khóa lại. Tôi sẽ cử người của cảnh sát quận tới đây xem xét."

Nahs nói, "Tôi đoán ý cô nói xem xét có nghĩa là thu giữ các thứ đồ trong này."

"Anh có thể đoán như vậy."

Foster nói, "Tôi tin rằng luật liên bang đã bị vi phạm, và tôi có ý định lấy bất cứ bằng chứng nào tôi cần từ nơi thuộc sở hữu của liên bang, Beth. Nhưng tôi sẽ để cảnh sát quận Suffolk được xem mọi thứ."

Beth nói, "Không, George, *Tôi* sẽ thu giữ toàn bộ phòng này và cho phép anh được xem."

Cảm thấy sắp có tranh cãi, Donna nói nhanh, "Chúng ta đi xem phòng thường trực thôi. Sau đó sẽ gặp tiến sĩ Zollner."

Chúng tôi trở lại hành lang và đi theo Donna tới một căn phòng đánh số "237". Cô nhập mã số vào chiếc bàn phím nhỏ và mở cửa, bên trong là một căn phòng lớn không có cửa sổ. Cô nói, "Đây là phòng thường trực, trung tâm chỉ huy, kiểm soát và liên lạc của toàn bộ Đảo Plum."

Chúng tôi vào cả bên trong, tôi nhìn xung quanh. Những chiếc bệ chạy dọc theo các bức tường. Một người đàn ông còn trẻ đang ngồi quay lưng lại phía chúng tôi và nói chuyện qua điện thoại.

Donna nói, "Đó là Kenneth Gibbs, trợ lý của Paul Stevens. Kenneth hôm nay đang trực."

Kenneth Gibbs xoay chiếc ghế lại và vẫy chúng tôi.

Tôi nhìn quanh căn phòng. Trên những chiếc bàn là máy thu, máy phát radio các loại, một bộ máy tính, một bộ ti vi, hai chiếc máy fax, điện thoại bàn, điện thoại cầm tay, một máy điện báo đánh chữ và một vài thiết bị điện tử khác. Hai máy quay phim trên trần nhà quét trọn căn phòng.

Trên tường là các loại bản đồ, tần số radio, sổ ghi, bảng phân công trực, vân vân. Đây là hoạt động của Paul Stevens - Chỉ huy, kiểm soát, liên lạc, còn gọi là CCC hay 3C. Nhưng tôi không thấy cánh cửa nào có thể dẫn đến phòng làm việc riêng của Stevens.

Donna nói, "Từ đây, chúng tôi liên lạc trực tiếp với Washington và các cơ sở nghiên cứu khác trên toàn nước Mỹ, ở Canada, Mexico và cả thế giới. Chúng tôi cũng nối với các trung tâm kiểm soát bệnh dịch ở Atlanta. Ngoài ra, chúng tôi có đường dây trực tiếp với bộ phận cứu hỏa và các nơi trọng yếu khác trên đảo, cộng thêm cơ quan Thời tiết quốc gia và nhiều cơ quan, tổ chức khác hỗ trợ cho Đảo Plum."

"Như quân đội?" Tôi hỏi.

"Đúng. Đặc biệt là lực lượng bảo vệ bờ biển."

Gibbs đặt điện thoại xuống và tới chỗ chúng tôi. Mọi người giới thiệu với nhau.

Gibbs vóc người cao, khoảng trên ba mươi tuổi, mắt xanh, tóc vàng ngắn giống ông chủ, quần áo là lượt cẩn thận, thắt cà vạt xanh. Một chiếc áo khoác xanh có phù hiệu treo trên ghế. Tôi chắc rằng Gibbs là sản phẩm

của phòng thí nghiệm nơi này, được nhân bản vô tính từ chỗ kín của Stevens hay thứ gì đó. Gibbs nói, "Tôi có thể trả lời bất kì câu hỏi nào của các bạn về văn phòng này."

Beth nói với Donna, "Cô có phiền nếu chúng tôi nói chuyện riêng với ông Gibb đây một lát?"

Cô nhìn Gibbs, gã gật đầu.

Donna đi ra hành lang.

Là người duy nhất trong chúng tôi ở gần Đảo Plum, Max có tính toán riêng của mình. Anh hỏi Gibbs, "Các anh đối phó thế nào nếu có một trận gió đông bắc lớn hoặc một cơn bão sắp đổ vào?"

Gibbs đáp, "Trong giờ làm việc, chúng tôi sơ tán."

"Tất cả mọi người?"

"Một số phải ở lại để trông coi kho. Trong số này có tôi, cả ông Stevens, một số nhân viên an ninh khác, nhân viên cứu hỏa và một hai nhân viên sửa chữa để đảm bảo cho các máy phát điện và thiết bị lọc không khí duy trì hoạt động. Ngoài ra có thể có một hoặc hai nhà khoa học để theo dõi đám vi trùng. Tôi đoán là tiến sĩ Zollner cũng muốn xuống tàu của ông." Gã cười.

Có thể đó chính là tôi, nhưng tôi không thể tham dự vào cái phần khôi hài của những căn bệnh chết người bay theo gió ở khắp nơi này.

Gibbs tiếp tục, "Trong thời gian không làm việc, khi hòn đảo gần như không còn ai, chúng tôi sẽ phải để những người chủ chốt trên đảo. Sau đó, chúng tôi sẽ phải đưa các tàu thuyền tới các bến tàu ngầm ở New London để đảm bảo an toàn. Các tàu ngầm sẽ ra ngoài đại dương và lặn xuống độ sâu an toàn." Gã nói thêm, "Chúng tôi biết mình đang làm gì ở đây. Chúng tôi được chuẩn bị để đối phó với những tình huống khẩn cấp."

Max nói, "Nếu có một sự cố rò rỉ sinh học ở đây thì liệu các anh có gọi cho tôi không?"

“Anh sẽ hầu như là người đầu tiên được biết.” Gibbs khẳng định với cảnh sát trưởng.

Max đáp, “Tôi biết điều đó. Nhưng tôi muốn được báo qua điện thoại hoặc điện đài chứ không phải đến lúc ho ra máu hoặc thứ gì đó.”

Gibbs dường như hơi phật ý và nói, “Tài liệu hướng dẫn của tôi chỉ rõ tôi phải gọi cho ai và theo thứ tự nào. Anh nằm trong số những người đầu tiên.”

“Tôi đã yêu cầu lắp một hệ thống loa báo động ở đây để trong đất liền có thể nghe được.”

“Khi tôi gọi cho anh, anh có thể phát trên loa báo động cho người dân nếu anh muốn.” Gibbs nói thêm, “Tôi không nghĩ sẽ có bất cứ sự rò rỉ sinh học nào, vì vậy chuyện này không cần quan tâm.”

“Không, điều đáng quan tâm là nơi này làm tôi sợ đến vãi cả ra quần, và lúc này khi đã thấy tận mắt tôi cũng không thấy bớt lo hơn tí nào.”

“Anh không có gì phải lo lắng.”

Tôi mừng khi nghe điều này. Tôi hỏi Gibbs, “Vậy nếu có những kẻ xâm nhập có vũ trang đến đây thì sao?”

Gibbs nhìn tôi hỏi, “Ý anh là bọn khủng bố?”

“Đúng, chẳng hạn như khủng bố. Hoặc tệ hơn, các nhân viên bưu điện bất mãn.”

Gã không thích thú gì và đáp lại, “Nếu nhân viên an ninh của chúng tôi không thể giải quyết được, chúng tôi sẽ gọi cho lực lượng bảo vệ bờ biển. Từ chính căn phòng này.” Gã hướng ngón tay cái về phía một chiếc điện đài.

“Nhưng nếu căn phòng này bị chiếm đầu tiên thì sao?”

“Vẫn còn một hệ thống CCC khác trong tòa nhà này.”

“Ở t`ầng ng`ầm?”

“Có thể. Tôi tưởng các anh đang đi`ều tra một vụ giết người?”

Tôi thích những gã làm bảo vệ ăn nói xấc xược với tôi. Tôi nói, “Đúng vậy. Anh ở đâu lúc 5 giờ 30 tối qua?”

“*Tôi*?”

“Đúng, là *anh*"

“Ồ... để tôi nhớ-"

“Khẩu súng tự động nòng 45 của anh đâu?”

“Ờ... trong ngăn kéo đằng kia.”

“G`ần đây anh có bắn l`ần nào không?”

“Không... à, tôi thỉnh thoảng mang đến bãi tập bắn-"

“L`ần cuối cùng anh nhìn thấy ông bà Gordon là lúc nào?”

“Để tôi nhớ-"

“Anh có thân với ông bà Gordon không?”

“Không thân lắm.”

“Đã bao giờ anh uống chút gì đó với họ chưa?”

“Chưa.”

“Ăn trưa? Ăn tối?”

“Không. Tôi nói-"

“Anh đã bao giờ có dịp nói chuyện chính thức với họ chưa?”

“Không... à...”

“À?”

“Một vài l`ần. V`ề con tàu của họ. Họ thích sử dụng các bãi biển của Đảo Plum. Thỉnh thoảng họ đến đây vào sáng chủ nhật hoặc ngày nghỉ, neo tàu ở ngoài một trong các bãi biển vắng ở phía nam của đảo r`ồi bơi vào bờ,

kéo theo một chiếc xuồng cao su. Họ làm picnic trên xuồng. Chúng tôi thấy điều này không có vấn đề gì. Thực ra, có lần chúng tôi đã tổ chức picnic ngày 4/7 cho tất cả mọi nhân viên và gia đình. Đó là lần duy nhất chúng tôi cho phép những người không phải là nhân viên ở đây lên đảo, nhưng sau đó chúng tôi chấm dứt ngay vì những lo ngại về trách nhiệm..."

Tôi cố tưởng tượng ra một ngày nghỉ như vậy, giống như hoạt động kiểm soát sinh học trùm cả bãi biển.

Gibbs tiếp tục, "Ông bà Gordon không bao giờ đưa theo người khác vì điều này trái qui định. Nhưng chiếc tàu của họ lại là một vấn đề."

"Vấn đề gì?"

"Ví dụ, vào ban ngày, nó sẽ khiến những người đi tàu giải trí khác nghĩ rằng họ cũng có thể vào bờ và sử dụng hòn đảo này. Còn vào ban đêm, nó khiến cho các tàu tuần tra của chúng tôi có thể gặp nguy hiểm. Vì thế tôi nói chuyện với họ và chúng tôi đã cố giải quyết việc này."

"Các anh giải quyết bằng cách nào?"

"Giải pháp đơn giản nhất là để họ vào trong một vũng nước nhỏ và sử dụng một trong những chiếc xe của chúng tôi đi tới chỗ xa nhất của đảo. Ông Stevens không thấy có vấn đề gì với cách làm này mặc dù nó không đúng lắm với quy định về việc sử dụng xe công. Như vậy vẫn còn hơn. Nhưng họ không muốn vào trong vũng nước sâu hay sử dụng xe. Họ muốn làm theo cách của họ - đưa tàu đến một trong các bãi biển, xuồng cao su và bơi. Họ bảo như vậy thích hơn. Thoải mái hơn và mạo hiểm hơn."

"Ai là người cao nhất ở hòn đảo này? Stevens, Zollner hay vợ chồng Gordon.?"

"Chúng tôi phải chiều ý các nhà khoa học ở đây, nếu không họ sẽ thất vọng. Câu chuyện đùa của những người không làm khoa học ở đây là nếu

ai đó làm một nhà khoa học phật ý hoặc cãi cọ với họ về bất cứ điều gì, người đó sẽ lâm bệnh một cách bí hiểm với một loại virut ba ngày."

Mọi người tủm tỉm cười.

Kenneth Gibbs tiếp tục, "Dù sao, chúng tôi cũng buộc họ phải bật đèn vận hành, còn tôi báo cho các máy bay trực thăng và tàu của lực lượng bảo vệ bờ biển nhận biết tàu của họ. Chúng tôi cũng yêu cầu họ cam đoan chỉ neo tàu ở những nơi có tấm biển lớn đề "Khu vực cấm" trên bãi biển. Đó là để những kẻ nhát gan không lại gần."

"Ông bà Gordon làm gì ở trên đảo?"

Gibbs nhún vai. "Picnic, tôi đoán vậy. Đi bộ." Gã nói thêm, "Họ làm chủ gần chín trăm mẫu đất bỏ không trong những ngày nghỉ và sau giờ làm việc."

"Tôi được biết họ là những nhà khảo cổ học không chuyên."

"Ồ, đúng. Họ dành rất nhiều thời gian cho những đống đổ nát. Họ đang sưu tập những thứ đồ cho một viện bảo tàng Đảo Plum."

"Bảo tàng?"

"Chỉ là một gian trưng bày. Hình như được dự kiến đặt ở hành lang. Các thứ đồ được cất trong tầng ngầm."

"Là những thứ đồ gì?"

"Hầu hết là đạn súng hỏa mai và đầu mũi tên. Một chiếc chuông đeo cổ bò... một chiếc cúc áo quân phục bằng đồng của quân đội Đại lục, một số thứ lặt vặt từ thời chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha... một chai whisky... vân vân. Hầu hết là những thứ bỏ đi. Tất cả đều được ghi lại và lưu giữ ở tầng ngầm. Mọi người có thể xem nếu muốn."

Beth nói, "Có thể sẽ xem sau." Nàng hỏi, "Tôi được biết ông bà Gordon đang định tổ chức một cuộc khai quật chính thức. Anh có biết chuyện này

không?"

"Có. Chúng tôi không cần một đám người từ trường Stony Brook hoặc hội Lịch sử Peconic đến đào bới khắp hòn đảo. Nhưng họ cố giải quyết với bộ Nông nghiệp và bộ Nội vụ." Gã nói thêm, "Bộ Nội vụ có ý kiến cuối cùng về chuyện khảo cổ."

Tôi hỏi Gibbs, "Đã bao giờ anh có ý nghĩ rằng ông bà Gordon dính líu đến chuyện gì đó chưa? Chẳng hạn như lén mang đồ ra khỏi tòa nhà chính và giấu ở một bãi biển trong cái gọi là một cuộc khai quật khảo cổ, rồi lấy lại sau với chiếc tàu của họ?"

Kenneth Gibbs không đáp.

Tôi gợi ý, "Đã bao giờ anh nghĩ chuyện đi picnic và khảo cổ là cái cớ che đậy cho một điều gì khác?"

"Tôi... nghĩ lại và đoán... này, mọi người đều chỉ trích tôi, nói tôi đáng lẽ phải nghi ngờ điều gì đó. Mọi người quên rằng hai người đó là vàng. Họ có thể làm bất cứ điều gì họ muốn, bằng như ấn mặt ông Zollner vào một đống phân bò. Tôi không cần Monday morning quarterbacking." Gã nói thêm, "Tôi làm phận sự của tôi."

Có thể là gã làm. Và một lần nữa, tôi lại nghe tiếng bật trong đầu.

Beth đang nói chuyện với Gibbs, nàng hỏi, "Anh hoặc có ai đó trong số nhân viên ở đây nhìn thấy con tàu của nhà Gordon sau khi tàu rời đảo trưa hôm qua hay không?"

"Không. Tôi đã hỏi rồi."

"Nói cách khác, anh có thể chắc chắn rằng con tàu không neo bên ngoài đảo vào trưa hôm qua?"

"Không, tôi không thể biết chắc điều đó."

Max hỏi, “Tàu của các anh có thường xuyên tuần tra quanh đảo không?” Gibbs trả lời, “Chúng tôi thường sử dụng một trong hai chiếc tàu. Một vòng đi quanh đảo dài tám, chín dặm. Với tốc độ mười đến mười hai hải lý sẽ mất khoảng bốn mươi đến sáu mươi phút một vòng, trừ khi họ chặn ai đó lại vì lí do gì đó.”

Beth nói, “Vậy nếu một chiếc tàu nằm cách Đảo Plum khoảng nửa dặm và một người ở trên tàu quan sát bằng ống nhòm thì có thể thấy được chiếc tàu tuần tra của các anh - chiếc *Prune,* đúng không?”

“Chiếc *Prune* và chiếc *Plum Pudding*"

“Đúng, người đó sẽ thấy một trong hai chiếc tàu tuần tra đó, và nếu biết được chu trình đi lại, họ sẽ có bốn mươi tới sáu mươi phút để chạy vào bờ, neo tàu, lên bờ bằng một chiếc xuồng cao su, lấy bất cứ thứ gì rồi trở lại tàu mà không có ai nhìn thấy.”

Gibbs hắng giọng nói, “Có thể, nhưng cô quên mất là có những chiếc trực thăng và xe tuần tra quanh bãi biển. Trực thăng và xe tuần tra bất kì lúc nào.”

Beth gật đầu và nhận xét, “Chúng tôi vừa đi một vòng quanh đảo, và trong gần hai giờ đồng hồ, tôi chỉ nhìn thấy trực thăng của lực lượng bảo vệ bờ biển một lần, xe đưa đón trên đảo một lần và tàu tuần tra đúng một lần.”

“Như tôi đã nói, nó không theo quy luật. Cô định thử một lần chứ?”

“Có thể,” Beth nói. “Tùy thuộc vào mức lương.”

Gibbs thông tin cho chúng tôi, “Có tàu của lực lượng bảo vệ bờ biển chạy bất chợt, và nếu muốn tôi thật cởi mở, tôi xin nói là chúng tôi có các thiết bị điện tử làm hầu hết mọi công việc.”

Tôi hỏi Gibbs, “Vậy máy móc theo dõi ở đâu?” Tôi nhìn quanh căn phòng.

“Dưới tầng ngầm.”

“Các anh có những gì? Máy quay ti vi? Máy cảm biến chuyển động? Máy cảm biến âm thanh?”

“Tôi không được phép nói.”

“Thôi được,” Beth nói. “Hãy viết tên, địa chỉ và số điện thoại của anh. Anh sẽ được yêu cầu đến để thẩm vấn.”

Gibbs dường như khó chịu, nhưng cũng thấy nhẹ nhõm vì đã thoát được gánh nợ. Còn tôi lại cảm thấy rất nghi ngờ rằng Gibbs, Foster và Nash đã quen biết nhau trước vào sáng nay.

Tôi bước tới quan sát mấy thứ đồ trên tường gần những chiếc máy điện đài. Trên đó có một tấm bản đồ lớn của vùng phía đông đảo Long Island, biển Sound và phía nam Connecticut. Trên bản đồ là một loạt các vòng tròn đồng tâm với vùng New London của bang Connecticut ở trung tâm. Trông nó giống như một tấm bản đồ chỉ mức độ phá hủy của bom nguyên tử cho biết bạn bị nướng cháy đến mức độ nào tương quan với khoảng cách từ chỗ bạn đến khu vực số không. Trên tấm bản đồ, Đảo Plum nằm trong vòng tròn cuối cùng, điều tôi đoán vừa là tin tốt, vừa là tin xấu, tùy thuộc vào nội dung của bản đồ là về cái gì. Bản đồ lại không giải thích, nên tôi hỏi Gibbs, “Cái gì đây?”

Gã nhìn theo tay tôi chỉ và nói, “Ồ, có một lò phản ứng hạt nhân ở New London. Các vòng tròn này thể hiện các vùng nguy hiểm khác nhau nếu có một vụ nổ hoặc lõi lò bị chảy tan.”

Tôi nghĩ về sự trớ trêu của một lò hạt nhân ở New London trở thành một mối nguy hiểm đối với Đảo Plum, và chính Đảo Plum lại là mối nguy hiểm đối với mọi người ở New London, tùy thuộc vào hướng gió. Tôi hỏi Kenneth Gibbs, “Anh có nghĩ là những người bên lò phản ứng hạt nhân

cũng có một tấm bản đồ thể hiện mối nguy hiểm đối với họ từ một vụ rò rỉ kiểm soát sinh học trên Đảo Plum?"

Dù mặt lạnh, Stevens cũng đã phải cười vì câu hỏi của tôi, dù đó là một nụ cười bí hiểm. Gibbs và Stevens có lẽ đã cùng nhau tập cười kiểu đó. Gibbs nói, "Thật sự là bên chỗ lò hạt nhân người ta cũng có một tấm bản đồ như anh tả." Gã nói thêm, "Đôi khi tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu có một trận động đất làm rò rỉ kiểm soát sinh học và rò rỉ hạt nhân đồng thời. Liệu các tia phóng xạ có giết chết các vi trùng hay không?" Gã lại mỉm cười. Bí hiểm, bí hiểm. Gã triết lý, "Thế giới hiện đại đầy rẫy những điều kinh hoàng không thể tưởng tượng được."

Có lẽ đây là câu thần chú của Đảo Plum. Tôi góp ý với tinh thần xây dựng, "Nếu tôi là anh, tôi sẽ chờ gió nam thổi tới và thả vi khuẩn bệnh than ra. Phải thịt chúng trước khi chúng thịt anh."

"Ý kiến hay đấy."

Tôi hỏi Gibbs, "Phòng của ông Stevens ở đâu?"

"Phòng 250."

"Cám ơn."

Điện thoại nội bộ kêu, một giọng phụ nữ phát ra từ loa, "Tiến sĩ Zollner sẽ gặp các vị khách ngay bây giờ."

Chúng tôi cám ơn Gibbs đã dành thời gian, còn gã cám ơn chúng tôi vì đã đến đây, và cả hai bên đều nói dối. Beth nhắc là sẽ gặp gã tại văn phòng của nàng.

Chúng tôi gặp Donna ở hành lang và chúng tôi cùng đi. Tôi nói với cô, "Những chiếc cửa này đều không có tên hay tước vị gì nhỉ."

"An ninh." Cô đáp cụt ngủn.

"Phòng nào là phòng của ông Stevens?"

“Phòng 225.” Cô trả lời.

Một lần nữa chứng tỏ rằng biện pháp an ninh tốt nhất là nói dối. Cô dẫn chúng tôi đến cuối một hành lang và mở cửa phòng số 200.

CHƯƠNG 11

Donna nói, “Xin mời ngồi. Thư kí của tiến sĩ Zollner là June sẽ ra ngay."

Tất cả chúng tôi ngồi xuống, còn Donna vẫn đứng chờ June.

Một phút sau, một phụ nữ trung niên vẻ mặt cau có bước ra từ cửa bên. Donna nói, “June, đây là các vị khách của tiến sĩ Zollner.”

June chỉ khẽ gật rồi ngồi xuống trước bàn làm việc của mình.

Donna chúc chúng tôi một ngày tốt lành và đi ra. Tôi nhận ra là chúng tôi không lúc nào không có người ở cùng, dù chỉ là một giây. Tôi là người ủng hộ nhiệt thành chuyện canh gác an ninh chặt chẽ, trừ khi lại nhắm vào tôi.

Dù sao, tôi đã nhớ Donna mất rồi. Cô nàng thật sự tốt bụng. Không thiếu gì phụ nữ tốt ở đó, những khoảng thời gian giữa lần ly dị gần đây và thời gian phải nhập viện rồi hồi phục sức khỏe, tôi chưa từng có gì.

Tôi nhìn Beth Penrose chăm chú. Nàng nhìn tôi, gần như cười, rồi lại quay đi.

Tôi nhìn tiếp sang George Foster. Gã dường như lúc nào cũng điềm tĩnh. Tôi đoán phía sau đôi mắt đờ đẫn kia là một bộ óc không tồi. Tôi hy vọng thế.

Sylvester Maxwell đang gõ ngón tay lên thành ghế với vẻ sốt ruột. Tôi nghĩ anh nói chung là hài lòng với việc thuê tôi, nhưng có thể đang tự hỏi

làm thế nào để kiểm soát được gã cố vấn độc lập lương một đô la mỗi tuần mà hầu như ai cũng bị gã làm khó chịu.

Phòng chờ cũng được sơn màu xám bồ câu với những đường viền màu xám pha tối và thảm màu xám. Bạn có thể bị mất cảm giác khi ở trong này.

Về phòng số 250, tôi biết chắc chắn là cả Stevens và cái bằng tốt nghiệp của gã đều không có trong đó. Có thể có hai chục con chó dại trong phòng 250 đang chờ làm thịt hai hòn đạn của tôi. Về phòng 225 thì tôi không chắc... Không có thứ gì trên đảo này là minh bạch, không một người nào là hoàn toàn trung thực.

Tôi nói với mụ thư ký, "Bà mợ tôi tên là June."

Mụ ngước lên nhìn chằm chặp vào tôi.

Tôi tiếp tục, "Đó là một cái tên hay*. Nó làm tôi nhớ đến cuối mùa xuân, đầu mùa hè, vì lí do gì đó. Hạ chí, bà biết chứ?"

June vẫn nhìn tôi chằm chặp, cặp mắt hơi nheo lại. Sợ quá đi mất.

Tôi nói với June, "Gọi cho tiến sĩ Zollner qua máy nội bộ và bảo ông ấy có mười giây để ra tiếp chúng tôi, nếu không chúng tôi sẽ lấy lệnh bắt vì cản trở pháp luật. Chín giây."

Mụ bấm nút gọi nội bộ và nói, "Tiến sĩ Zollner, đến đây đi. Ngay bây giờ."

"Năm giây."

Cánh cửa bên phải mở ra, một người đàn ông to béo để râu, mặc áo sơ mi trắng, thắt cà vạt xanh xuất hiện. Lão nói, "Vâng? Có chuyện gì vậy?"

June chỉ thẳng vào tôi nói, "Anh ta."

Lão béo nhìn tôi, "Có gì không?"

Tôi đứng. Tất cả mọi người khác cũng đứng. Tôi nhận ra tiến sĩ Zollner từ những bức ảnh chụp với cấp trên ở hành lang. Tôi nói, "Chúng tôi đã

vượt biển và đi nhiều dặm đường rồi, thưa tiến sĩ, và vượt qua nhiều trở ngại để tìm thấy ngài, để rồi ngài đáp lại bằng cách xóc chúng tôi."

"Anh nói gì?"

June xen vào, "Có cần gọi bảo vệ không, tiến sĩ?"

"Không, không." Ông ta nhìn các vị khách của mình và nói, "Mời vào, mời vào."

Chúng tôi đi vào.

Căn phòng ở góc nhà của tiến sĩ Zollner khá lớn, nhưng đồ đạc, tường và thảm cũng giống tất cả các phòng khác. Trên tường phía sau bàn làm việc của lão là một dãy toàn đồ đóng khung rất ấn tượng. Trên các bức tường còn lại là những thứ trừu tượng dở ẹc, như những đồ linh tinh mà người ta thấy ở các bảo tàng tốt nhất.

Vẫn ở nguyên tư thế đứng, chúng tôi tự giới thiệu, lần này thì có thêm cả địa vị. Tôi ngờ ngợ - và một lần nữa lại phải đoán - rằng Zollner đã gặp Nash và Foster.

Tất cả chúng tôi bắt tay, Zollner mỉm cười nhẹ nhàng. Lão nói, "Chào mừng mọi người đã đến. Tôi tin là ông Stevens và cô Alba đã giúp đỡ được quý vị?"

Lão nói giọng hơi nặng, có lẽ là của người Đức, nếu cái tên cho thấy điều đó. Như tôi đã nói, lão to béo, tóc trắng, râu trắng kiểu Van Dyke*, đeo cặp kính dày cộp. Thực ra, trông lão giống Burl Ives* thì đúng hơn.

Zollner mời chúng tôi - "Ngồi, ngồi" - và chúng tôi ngồi. Lão bắt đầu, "Tôi vẫn còn bị sốc về thảm kịch này. Tối qua tôi không thể nào ngủ được."

Beth hỏi, "Ai đã gọi báo tin cho ngài, thưa tiến sĩ?"

“Là Stevens. Anh ấy nói là được cảnh sát báo.” Zollner tiếp tục, “Vợ chồng Gordon là những nhà khoa học xuất sắc và được đồng nghiệp rất trọng nể.” Lão nói thêm, “Tôi hy vọng các vị sẽ giải quyết vụ này thật nhanh chóng.”

Beth đáp, “Chúng tôi cũng mong vậy.”

Zollner tiếp tục, “Tôi xin lỗi vì đã để các vị đợi lâu. Tôi bận trả lời điện thoại suốt từ sáng.”

Nash nói, “Tôi nghĩ là ngài đã được nhắc không trả lời bất cứ cuộc phỏng vấn nào, thưa tiến sĩ.”

Zollner gật đầu, “Đúng, đúng. Tất nhiên. Tôi không cung cấp bất cứ thông tin nào, nhưng tôi có đọc một thông cáo. Là thông cáo từ Washington.”

Foster hỏi, “Ngài có thể đọc cho chúng tôi không?”

“Tất nhiên là được.” Lảo lật bới quanh chiếc bàn và tìm thấy một tờ giấy, chỉnh lại kính và đọc, “‘Bộ trưởng bộ Nông nghiệp lấy làm tiếc về cái chết thương tâm của hai tiến sĩ Thomas và Judith Gordon thuộc bộ Nông nghiệp. Chúng tôi không có phỏng đoán nào về nguyên nhân của vụ việc. Mọi câu hỏi liên quan đến quá trình điều tra nên được gửi đến cho cảnh sát địa phương để được trả lời xác đáng hơn.’”

Tiến sĩ Zollner kết thúc bài đọc chẳng có nghĩa lý gì cả.

Max nói với Zollner, “Đề nghị ngài gửi thông cáo này qua fax cho cảnh sát thị trấn Southold để chúng tôi đọc trước báo chí sau khi chuyển vụ này từ cảnh sát địa phương cho FBI.”

Foster nói, “FBI không tham gia vụ này, thưa cảnh sát trưởng.”

“Đúng. Tôi quên mất. Cả CIA cũng không.” Anh nhìn Beth. “Còn cảnh sát quận thì sao? Người của cô có tham gia không?”

Beth trả lời, "Tham gia và chịu trách nhiệm chính." Nàng nói với tiến sĩ Zollner, "Ngài có thể cho chúng tôi biết về nhiệm vụ chính của ông bà Gordon không?"

"Được... Họ chủ yếu là... nghiên cứu gen. Thay đổi gen của các loại virut làm cho chúng không còn khả năng gây bệnh, nhưng có thể kích thích hệ thống miễn dịch của cơ thể."

"Một loại vác xin?" Beth hỏi.

"Đúng, một kiểu vác xin mới. An toàn hơn rất nhiều so với sử dụng các loại virut đã bị làm yếu."

"Và trong công việc, họ được tiếp cận với tất cả các loại virut và vi trùng?"

"Đúng, tất nhiên rồi. Hầu hết các loại virut."

Beth tiếp tục với những câu hỏi thường thấy trong các vụ điều tra án mạng về bạn bè, kẻ thù, nợ nần, những mối đe dọa, các mối quan hệ với đồng nghiệp, các cuộc nói chuyện với nạn nhân trước đây, thái độ xử sự của nạn nhân trong một tuần trước khi bị hại, vân vân và vân vân. Những câu hỏi hay trong điều tra án mạng, nhưng có lẽ không hoàn toàn phù hợp. Tuy nhiên, đó là những câu hỏi phải hỏi, không chỉ một lần mà sẽ còn lặp lại với hầu hết những người mà vợ chồng Gordon quen biết, rồi lặp lại với chính những người đã được hỏi để xem có sự thiếu thống nhất nào trong lời khai của họ hay không. Nếu giả định đã có một vụ đánh cắp những con virut chết người thì điều mà chúng tôi cần trong vụ này là một điểm đột phá lớn, là lá bài "Tiến lên", một thứ để vượt lên những thủ tục rườm rà trước khi thế giới này diệt vong.

Tôi nhìn vào những thứ loằng ngoằng trên tường và nhận ra đó không phải là các bức tranh, mà là những bức ảnh màu... Tôi có cảm giác đó là các loại bệnh - vi trùng và vi sinh vật lây nhiễm vào máu và tế bào được chụp

qua kính hiển vi. Bí hiểm. Nhưng thực ra, chúng không đến nỗi kinh khủng như thế.

Zollner thấy tôi đang chăm chú nhìn, lão bỏ dở trả lời một câu hỏi nào đó quay sang nói với tôi, "Ngay cả những vi sinh vật gây bệnh trông cũng rất đẹp."

"Vâng, đẹp thật." Tôi đồng ý. "Tôi có một bộ quần áo in hình đó. Những hình thù nguệch ngoạc xanh đỏ."

"Thế à? Đó là filo-virut - thực ra là Ebola. Tất nhiên là nhuộm màu rồi. Các sinh vật nhỏ bé đó có thể giết chết anh trong bốn mươi tám giờ. Vô phương cứu chữa."

"Và chúng có trong tòa nhà này."

"Có lẽ thế."

"Cảnh sát không thích từ đó, thưa tiến sĩ. Có hay không?"

"Có. Nhưng được lưu giữ an toàn - bị đông lạnh và có khóa." Lão nói thêm, "Và chúng tôi chỉ nghiên cứu Ebola nhiễm ở khỉ, không có loại Ebola nhiễm ở người."

"Ngài đã làm thống kê chi tiết về các loại vi sinh vật ở đây chưa?"

"Có. Nhưng xin nói thật là không có cách nào để chúng tôi có thể kiểm soát được tất cả các mẫu xét nghiệm. Vì thế các vị mới nghĩ đến chuyện có ai đó nhân ra những loại vi sinh vật nhất định tại một nơi không được phép. Vâng, vâng. Tôi biết các vị đang nghĩ đến điều gì. Các vị tin rằng hai vợ chồng Gordon đã lấy đi một số vi sinh vật ngoại lai rất nguy hiểm và bán chúng cho... cứ cho là một thế lực nước ngoài nào đó. Nhưng tôi đảm bảo với các vị, họ sẽ không làm như vậy."

"Tại sao không?"

"Vì điều đó kinh khủng đến mức không ai dám nghĩ tới."

“Nghe chắc chắn nhỉ.” Tôi nói. “Này, chúng ta về được rồi.”

Tiến sĩ Zollner nhìn tôi. Có lẽ lão không quen với kiểu khôi hài của tôi. Lão có ánh mắt rất giống với Burl Ives. Tôi phải xin ảnh và chữ kí của lão mới được.

Cuối cùng, Zollner nhoài người qua bàn về phía tôi và nói, “Điều tra viên Corey, nếu anh có chìa khóa để mở cánh cổng đi xuống địa ngục, anh có mở ra không? Nếu mở thì chắc anh phải là một người chạy cực nhanh.”

Tôi thoáng suy nghĩ rồi trả lời, “Nếu mở cửa địa ngục mà khủng khiếp như vậy thì tại sao ông lại cần khóa và chìa khóa?”

Lão gật đầu đáp, “Tôi cho là để bảo vệ chúng ta khỏi những kẻ điên rồ.” Lão nói thêm, “Tất nhiên, vợ chồng Gordon không hề điên.”

Không ai đáp lời. Tất cả chúng tôi đều đã nghĩ đến điều này, hoặc nói ra hoặc để trong đầu, cả chục lần từ tối qua.

Cuối cùng, Zollner lên tiếng, “Tôi có một giả thuyết khác để chia sẻ với các vị và tôi tin rằng sẽ chứng tỏ là đúng trong ngày hôm nay. Đây là giả thuyết của tôi - niềm tin của tôi. Vợ chồng Gordon tuy là những con người tuyệt vời nhưng lại vô tư và rất hám tiền. Họ đã đánh cắp một trong các loại vác xin mới mà họ đang nghiên cứu. Tôi tin rằng họ đã tiến thêm trong việc nghiên cứu ra một loại vác xin xa hơn mức mà họ cho chúng tôi biết. Đáng tiếc đây là điều đôi khi xảy ra trong khoa học. Họ có thể đã có những ghi chép riêng, thậm chí những chuỗi gen riêng - đây là các đĩa trong suốt nơi những biến đổi gen đưa vào các virut gây bệnh diễn ra... một thứ tương tự như các mã vạch.” Lão giải thích.

Không ai nói một lời nào. Lão tiếp tục, “Vì vậy, hãy nghĩ đến tình huống vợ chồng Gordon có thể đã tìm ra một loại vác xin mới tuyệt vời cho một loại virut gây bệnh khủng khiếp cho động vật, người, hoặc cả hai, và giữ bí mật về phát hiện này. Trong nhiều tháng liền, họ kết hợp các ghi

chép, các chuỗi gen và thứ vác xin này ở một nơi bí mật trong phòng thí nghiệm, hoặc trong một tòa nhà bỏ hoang trên đảo. Tất nhiên, mục đích của họ là để bán, có lẽ là cho một công ty dược nước ngoài. Có thể họ định sẽ thôi việc ở đây rồi vào làm cho một công ty tư nhân và giả vờ như đã phát hiện ra loại vác xin này ở đó. Sau đó họ kiếm được một phần hoa hồng hậu hĩnh tới hàng triệu đô la, cộng với tiền bản quyền sáng chế có thể tới hàng chục triệu đô la, tùy thuộc vào loại vác xin."

Không ai nói gì. Tôi liếc nhìn Beth. Thực ra nàng đã đoán điều này khi chúng tôi đứng ở mỏm đá lúc trước.

Zollner tiếp tục, "Điều này hợp lý. Không ư? Những người làm việc với sự sống và cái chết thì thích bán sự sống hơn. Nếu không vì lý do gì khác là nó an toàn hơn và được lợi nhiều hơn. Cái chết thì rẻ lắm. Tôi có thể giết một người chỉ với một làn hơi mang bệnh than. Sự sống thì khó bảo vệ và giữ gìn hơn nhiều. Vì thế, nếu cái chết của vợ chồng Gordon có chút gì đó liên quan đến công việc của họ ở đây thì nó liên quan như tôi nói. Tại sao các vị lại nghĩ đến các loại virut và vi trùng gây bệnh? Tại sao đầu óc các vị lại suy nghĩ theo cách đó? Như chúng ta thường nói, nếu công cụ duy nhất của các vị là một chiếc búa thì mọi vấn đề đều giống như cái đinh. Sao? Nhưng tôi không đổ lỗi cho các vị. Chúng ta đều nghĩ đến cái xấu nhất. Và đây lại là công việc của các vị."

Một lần nữa, không ai nói gì.

Zollner nhìn lần lượt từng người rồi tiếp tục, "Nếu vợ chồng Gordon làm điều này thì đó là việc làm trái đạo đức và trái pháp luật. Và bất kể ai làm trung gian cho họ thì đó đều là kẻ vô đạo đức và tham lam, và hắn có lẽ là kẻ giết người."

Có lẽ tiến sĩ Zollner sáng suốt đã nghĩ kĩ về điều này.

Lão tiếp tục, "Đây sẽ không phải là lần đầu tiên các nhà khoa học làm việc cho chính phủ hoặc công ty có âm mưu đánh cắp chính phát minh của mình và trở thành triệu phú. Thật là khó chịu khi các bậc thiên tài nhìn thấy người khác kiếm hàng triệu đô la từ chính kết quả nghiên cứu của mình. Lợi nhuận là rất lớn. Chẳng hạn nếu loại vác xin này có thể sử dụng cho một loại bệnh đang lan rộng như AIDS, thì con số đó là hàng trăm triệu đô la, thậm chí là hàng tỉ đô la cho người phát minh."

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau. *Hàng tỉ đấy.*

"Đấy, là như thế. Vợ chồng Gordon muốn giàu có, nhưng hơn thế, họ muốn nổi tiếng. Họ muốn được công nhận, họ muốn thứ vác xin đó mang tên mình, giống như vác xin bại liệt Salk. Ở đây sẽ không có chuyện đó. Những gì chúng tôi làm ở đây sẽ không công bố rộng, chỉ trừ trong giới khoa học. Vợ chồng Gordon là những người hơi lòe loẹt đối với các nhà khoa học. Họ còn trẻ và họ muốn có vật chất. Họ muốn Giấc mơ Mỹ, và họ chắc rằng mình đã đạt được. Mà các vị biết đấy, họ đã đạt được thật sự. Họ là những người xuất sắc, làm việc miệt mài, nhưng được trả lương quá thấp. Vì thế họ tìm cách xoay sở. Tôi chỉ băn khoăn không biết họ đã phát hiện ra cái gì, và tôi lo là chúng tôi sẽ không lấy lại được thứ đó. Tôi cũng băn khoăn là ai đã giết họ, mặc dù tôi biết chắc về nguyên nhân. Vậy các vị nghĩ gì? Có? Không?"

Ted Nash lên tiếng trước, "Tôi nghĩ đúng là như thế, thưa tiến sĩ. Ngài nói đúng."

George Foster gật đầu. "Chúng tôi đã nghĩ đúng, nhưng sai về virut. Là vác xin. Tất nhiên rồi."

Max cũng gật đầu nói, "Nghe hoàn toàn hợp lý. Tôi nhẹ cả người. Phù."

Beth nói, "Tôi vẫn phải tìm ra kẻ giết người. Nhưng tôi nghĩ chúng ta có thể thôi tìm kiếm những kẻ khủng bố và bắt đầu tìm những hạng người

khác."

Tôi nhìn Zollner trong giây lát, và lão cũng nhìn lại tôi. Cặp kính của lão dày cộp, nhưng người ngoài vẫn có thể thấy đôi mắt xanh chớp chớp. Có lẽ không giống Burl Ives, mà giống đại tá Sanders*. Đúng rồi. Sao hợp thế không biết. Người đứng đầu phòng thí nghiệm nghiên cứu bệnh động vật lớn nhất thế giới trông giống Đại tá Sanders.

Lão nói với tôi, "Điều tra viên Corey? Anh có ý nghĩ ngược lại chăng?"

"Ồ, không. Tôi giống mọi người. Tôi có quen biết vợ chồng Gordon, và có lẽ ngài cũng thế, thưa tiến sĩ. Ngài hoàn toàn đúng." Tôi nhìn các đồng nghiệp và nói, "Tôi không thể tin được là chúng ta lại chưa hề nghĩ đến điều này. Không phải cái chết mà là sự sống. Không phải bệnh tật mà là thuốc chữa."

"Vác xin." Zollner nói. "Thuốc phòng bệnh, không phải thuốc chữa. Vác xin kiếm được nhiều tiền hơn. Nếu đó là một loại vác xin cúm chẳng hạn, thì sẽ có hàng trăm triệu liều được sử dụng mỗi năm chỉ riêng ở Mỹ. Vợ chồng Gordon đang thực hiện công trình nghiên cứu xuất sắc với các loại vác xin từ virut."

"Đúng. Vác xin." Tôi hỏi Zollner, "Và ngài nói là họ phải có kế hoạch cho việc này được một thời gian rồi đúng không?"

"Ồ, đúng. Ngay khi họ nhận ra đã sắp tìm được một thứ gì đó, họ bắt đầu có những ghi chép giả, kết quả thử nghiệm giả, đồng thời giữ lại những ghi chép xác thực. Điều này trong khoa học giống như một nhân viên kế toán có hai loại sổ sách khác nhau."

"Và sẽ không ai biết điều gì đã diễn ra? Không kiểm tra, không kiểm soát?"

"Tất nhiên phải có. Nhưng vợ chồng Gordon là cộng sự của nhau và họ có vị trí rất cao. Hơn nữa, lĩnh vực chuyên môn của họ là điều khiển gen

virut lại rất xa lạ và người khác không dễ gì kiểm tra. Cuối cùng, khi có ý định thì sẽ có một bộ óc vĩ đại thực hiện và sẽ có cách làm."

Tôi gật đầu, "Thật không thể tưởng tượng được. Nhưng làm thế nào mà họ có thể mang những thứ đó ra? Ý tôi là một chiếc đĩa chứa mẫu to chừng nào?"

"Đĩa nuôi cấy gen."

"Đúng. Nó to chừng nào?"

"Ờ... rộng khoảng bốn lăm phân, dài bảy lăm phân."

"Làm sao mà ngài mang nó ra khỏi khu vực kiểm soát sinh học được?"

"Tôi không biết."

"Còn các ghi chép của họ?"

"Fax. Tôi sẽ cho các vị xem sau."

"Còn vác xin?"

"Thứ đó dễ hơn nhiều. Hậu môn và âm đạo."

"Tôi không muốn thô tục, thưa tiến sĩ, nhưng tôi không nghĩ là họ có thể giấu một chiếc đĩa bảy mươi lăm phân vào mông và không gây chú ý."

Zollner hắng giọng đáp, "Anh thực ra không cần đến các đĩa gen nếu có thể sao chép hoặc chụp ảnh chúng với bằng một trong những chiếc máy ảnh theo dõi nhỏ bé này."

"Thật không thể tin được." Tôi nghĩ đến chiếc máy fax trong phòng của vợ chồng Gordon.

"Đúng. Bây giờ ta cùng đi để có thể tìm điều gì đã xảy ra và xảy ra như thế nào không." Lão đứng lên. "Nếu có ai không muốn vào khu vực kiểm soát sinh học thì có thể ngồi ở hành lang hoặc trong phòng ăn." Lão nhìn quanh, nhưng không ai nói gì. Lão mỉm cười, có lẽ giống Burl Ives hơn là đại tá Sanders. Lão nói, "Mọi người đều có gan cả. Vậy xin đi theo tôi."

Chúng tôi đứng dậy, tôi nói, "Luôn ở cùng nhau đấy."

Tiến sĩ Zollner nhìn tôi cười và nói, "Khi anh đã ở trong khu kiểm soát sinh học, anh bạn ạ, anh tự nhiên sẽ muốn ở càng gần tôi càng tốt."

Đáng lẽ tôi nên đến vùng Caribbean để dưỡng thương mới phải.

CHƯƠNG 12

Chúng tôi trở lại hành lang và đến trước hai chiếc cửa màu vàng.

Tiến sĩ Zollner nói với Beth, "Donna chờ cô ở phòng thay đồ. Hãy làm theo hướng dẫn của cô ấy, chúng tôi sẽ gặp lại cô ở cửa sau phòng thay đồ nữ." Zollner nhìn theo nàng đi qua chiếc cửa màu vàng rồi nói với chúng tôi, "Các quý ông hãy đi theo tôi."

Chúng tôi đi theo lão vào phòng thay đồ nam. Căn phòng hóa ra lại là một nơi gớm ghiếc, nhưng cũng giống như bất kì phòng thay đồ điển hình nào. Một người giúp việc đưa cho chúng tôi mấy chiếc khóa mở sẵn nhưng không có chìa và mấy bộ quần áo trắng mới giặt dùng trong phòng thí nghiệm. Trong một chiếc túi nhựa là quần lót, bít tất và dép vải.

Zollner chỉ cho chúng tôi một dãy buồng trống và nói, "Hãy bỏ hết mọi thứ ra, kể cả quần áo lót và đồ trang sức."

Thế là chúng tôi trút bỏ hết để trở về với bộ trang phục lúc sinh ra. Tôi nóng lòng được gặp Beth để nói với nàng rằng Ted Nash mang theo một khẩu 38 với nòng dài bảy phân rưỡi và nòng súng còn dài hơn cái kia của gã.

George Foster thấy vết thương trên ngực tôi, nói, "Gần tim nhỉ."

"Tôi làm gì có tim."

Zollner mặc bộ đồ trắng quá khổ của lão, lúc này trông lão giống đại tá Sanders hơn.

Tôi móc khóa vào lỗ cửa và mặc chiếc quần lót giấy vào.

Zollner nhìn chúng tôi và nói, "Mọi người sẵn sàng cả chưa? Xin hãy đi theo tôi."

"Khoan đã." Max nói. "Chúng ta không có mặt nạ phòng độc hoặc khẩu trang hay thứ gì đó sao?"

"Không cần ở Vùng hai, ngài Maxwell. Có thể phải dùng ở Vùng bốn, nếu anh muốn đi tới đó. Đi thôi. Theo tôi."

Chúng tôi đi ra cửa sau phòng thay đồ. Zollner mở một cánh cửa màu đỏ có đánh dấu kí hiệu nguy hiểm sinh học trông rất bí hiểm, bên dưới biểu tượng là dòng chữ "Vùng hai". Tôi nghe thấy tiếng hút không khí. Tiến sĩ Zollner giải thích, "Đó là áp suất không khí âm. Ở trong này thấp hơn bên ngoài khoảng sáu mươi gam một centimet vuông để cho không thứ mầm bệnh nào có thể thoát ra ngoài ý muốn."

"Tôi ghét chuyện đó xảy ra."

"Ngoài ra, các máy lọc không khí bằng hoạt chất trên nóc nhà làm sạch toàn bộ khí thoát ra từ đây."

Max trông vẫn còn nghi hoặc, giống như một người không muốn bất cứ tin tốt lành nào làm mất suy nghĩ lâu nay của mình rằng Đảo Plum nguy hiểm tương đương với cả Đảo Three Mile và Chemobyr* cộng lại.

Chúng tôi đi vào một hành lang bằng xi măng liền khối. Zollner hỏi, "Cô Penrose đâu?"

Tôi đáp, "Này tiến sĩ, ngài có vợ chưa?"

"Có. À... tất nhiên rồi, cô ấy thay đồ có thể mất nhiều thời gian hơn."

"Không có chuyện 'có thể' về cái đó được, ông bạn ạ."

Cuối cùng, từ cánh của có biểu tượng "Nữ", Penrose xuất hiện trong bộ đồ trắng rộng lùng thùng, đi dép vải. Trông nàng vẫn gợi cảm, có lẽ trông giống nữ thần ái tình hơn trong bộ đồ trắng.

Nàng nghe tiếng hút không khí. Zollner giải thích về áp suất không khí âm và hướng dẫn chúng tôi phải cẩn thận để không va vào những chiếc xe hoặc giá để những lọ thủy tinh, hoặc những chiếc bình đựng các loại vi rút hay chất hóa học nguy hiểm chết người, v.v...

Zollner nói, "Được rồi, theo tôi. Tôi sẽ chỉ cho các vị thấy những gì diễn ra ở đây để các vị có thể kể lại cho bạn bè và đồng nghiệp rằng chúng tôi không chế tạo bom vi trùng than." Lão cười rồi nói với giọng nghiêm túc, "Vùng năm là không được phép vì các vị cần phải được tiêm phòng đặc biệt và huấn luyện sử dụng quần áo chống nguy cơ sinh học và mặt nạ khí. Ngoài ra, tầng ngầm cũng không được phép đến."

"Tại sao tầng ngầm lại không được?" Tôi hỏi.

"Vì đó là nơi chúng tôi giấu những người ngoài hành tinh đã chết và các nhà khoa học của Đức quốc xã." Lão lại cười to.

Tôi thích được làm *người ngay thẳng** đối với một tiến sĩ béo với giọng nói của *Bác sĩ Strangelove**. Thật đấy. Nói đúng hơn, tôi biết rằng Stevens thực sự đã nói chuyện với Zollner. Giá như tôi làm con ruồi tsetse* đậu trên bức tường đó.

Foster cố pha trò, "Tôi nghĩ là những người ngoài hành tinh và các nhà khoa học Đức quốc xã đang ở trong hầm ngầm."

"Không, những người ngoài hành tinh ở trong ngọn hải đăng." Zollner nói, "Chúng tôi đã đưa các nhà khoa học Đức quốc xã ra khỏi hầm khi họ phàn nàn về những con ma cà rồng."

Mọi người đều bật cười - ha, ha, ha. Chuyện khôi hài trong khu kiểm soát sinh học. Tôi phải viết chuyện này cho tạp chí *Reader's Digest** mới được.

Khi chúng tôi cùng đi, Zollner nói, "Khu vực này khá an toàn - chúng tôi đặt các phòng thí nghiệm điều khiển gen, một số văn phòng, kính hiển vi

điện tử - công việc ở đây có mức độ rủi ro thấp, ít nguy cơ lây bệnh."

Chúng tôi đi qua những hành lang bằng xi măng liền khối. Lúc lúc Zoller lại mở một cánh cửa sắt màu vàng, chào một người nào đó trong một văn phòng hay một phòng thí nghiệm và hỏi thăm công việc của họ.

Có đủ các loại phòng không có cửa sổ rất bí hiểm, trong đó có một nơi trông như một hầm chứa rượu vang, chỉ trừ những chai lọ trên giá chứa đầy những thứ mà Zollner cho biết là mẫu nuôi cấy tế bào sống.

Zollner đưa ra nhận xét khi dẫn chúng tôi đi qua những hành lang màu xám như vỏ tàu chiến. "Có những loại virut mới phát sinh có tác động tới cơ thể người hoặc động vật hoặc cả hai. Con người chúng ta và các loài động vật bậc cao khác không có phản ứng miễn dịch trước nhiều loại bệnh chết người này. Các loại thuốc chống virut hiện nay không hiệu quả lắm, và vì thế cách tốt nhất để tránh một thảm họa trên phạm vi toàn thế giới trong tương lai là vác xin chống virut, và cách tốt nhất để có các loại vác xin mới là điều khiển biến đổi gen."

Max hỏi, "Thảm họa gì?"

Zollner tiếp tục bước đi và nói chuyện rất hào hứng. Lão nói, "Về các loại bệnh động vật, ví dụ như sự bùng phát dịch lở mồm long móng, có thể làm chết phần lớn gia súc của cả quốc gia này và làm mất nguồn sinh sống của hàng triệu người. Giá các loại thực phẩm khác có thể tăng gấp bốn lần. Virut lở mồm long móng có lẽ là loại virut dễ lây lan nhất và độc hại nhất. Vì thế những người theo đuổi chiến tranh vi trùng luôn rất quan tâm đến nó. Một ngày đẹp trời đối với những người ủng hộ chiến tranh vi trùng là ngày khi các nhà khoa học của họ có thể điều khiển gen của vi rút lở mồm long móng để nó có thể gây bệnh cho con người. Nhưng có lẽ tồi tệ hơn là khi một số loại virut này tự biến thể và trở nên nguy hiểm đối với con người."

Không ai có bình luận hay đặt câu hỏi gì thêm. Chúng tôi kín đáo liếc qua các phòng thí nghiệm. Zollner thỉnh thoảng nói những câu động viên với những nhà khoa học trông xanh xao trong bộ đồ màu trắng. Họ làm việc giữa những thứ mà chỉ nhìn thôi cũng đã làm tôi bất an. Zollner nói những câu như, "Hôm nay có tìm ra điều gì chưa? Có phát hiện ra điều gì mới không?" v.v... Có vẻ như lão được các nhà khoa học kia quý mến, hoặc ít nhất cũng không chấp.

Khi chúng tôi đi tiếp trong chuỗi những hành lang dường như không bao giờ hết, Zollner tiếp tục bài giảng. "Ví dụ như năm 1983, một loại bệnh cúm có tính chất lây nhiễm cao và nguy hiểm bùng phát ở Lancaster, bang Pennsylvania. Chết mất mười bảy triệu. Gà, ý tôi là gà. Gia cầm. Nhưng quý vị biết là tôi đang nói điều gì. Dịch cúm lớn gây chết người gần nhất trên thế giới là vào năm 1918. Khi đó, cả thế giới có hai mươi triệu người chết, trong đó nước Mỹ có năm trăm nghìn. Với dân số như hiện nay, con số này sẽ là một triệu rưỡi người chết. Quý vị có thể tưởng tượng đến một điều như thế hiện nay không? Năm 1918 virut chưa thực sự độc hại, đồng thời đi lại chậm hơn và ít thường xuyên hơn nhiều. Còn hiện nay các đường cao tốc và đường hàng không có thể phát tán một loại virut lây nhiễm đi khắp nơi trên thế giới trong thời gian tính bằng ngày. Tin tốt lành về các loại virut nguy hiểm nhất, chẳng hạn như Ebola, là có thể làm người chết rất nhanh, chúng chỉ có vừa đủ thời gian để rời khỏi một ngôi làng châu Phi trước khi tất cả mọi người trong làng chết hết."

Tôi hỏi, "Có chuyến tàu rời đảo lúc một giờ không?"

Tiến sĩ Zollner bật cười. "Anh đang cảm thấy hơi lo lắng, đúng không? Ở đây không có gì phải sợ. Chúng tôi rất thận trọng. Rất kính nể những sinh vật nhỏ bé trong tòa nhà này."

"Nghe như thể 'chó nhà tôi không cắn đâu' ấy nhỉ."

Tiến sĩ Zollner không để ý đến tôi và tiếp tục, "Bộ Nông nghiệp có nhiệm vụ ngăn chặn các loài gây bệnh động vật từ nước ngoài không để chúng đến những bờ biển này. Công việc của chúng tôi tương tự như ở các Trung tâm kiểm dịch động vật ở Atlanta. Như quý vị có thể tưởng tượng ra, chúng tôi hợp tác chặt chẽ với Atlanta vì các loại bệnh này có thể lây từ động vật sang người và ngược lại. Chúng tôi có một tổ hợp kiểm dịch không lô ở New Burgh, New York. Tất cả các loại động vật nhập vào Mỹ đều phải cách ly ở đó một thời gian. Quý vị biết đấy, chẳng hạn như một chuyến tàu Noah's Ark chở động vật đến hàng ngày - ngựa đua ngoại nhập, thú diễn xiếc, động vật cho sở thú, gia súc gây giống, các loại động vật thương mại ngoại lai như đà điểu châu Phi, lạc đà không bướu, hay các loại vật nuôi cảnh nhập ngoại như lợn ỉn của Việt Nam, các loại chim mang từ rừng về.. Hai triệu rưỡi động vật mỗi năm." Lão nhìn chúng tôi và nói, "New Burgh đã được gọi là đảo Ellis của vương quốc động vật. Đảo Plum được gọi là Alcatraz. Không có thứ động vật nào đưa đến cho chúng tôi từ New Burgh hay bất cứ nơi nào có thể rời khỏi đây mà còn sống. Tôi phải nói với quý vị rằng, các loại động vật nhập vào đất nước này để phục vụ giải trí và tiêu khiển đã đẩy đến cho chúng tôi bao nhiêu là việc và cả sự lo lắng. Đó chỉ là vấn đề thời gian..." Lão nói thêm, "Quý vị có thể suy diễn từ vương quốc động vật tới con người."

Tất nhiên là tôi có thể.

Lão dừng lại một chút rồi nói tiếp, "Những khẩu thần công trên Đảo Plum đã có thời canh giữ bờ biển của đất nước, giờ trung tâm này đang làm việc tương tự."

Khá thi vị đối với một nhà khoa học, tôi nghĩ vậy. Tôi nhớ là đã đọc dòng đó từ một trong những thông cáo báo chí mà Donna đưa cho tôi.

Zollner thích nói, còn việc của tôi là nghe, nên mọi thứ diễn ra êm xuôi.

Chúng tôi bước vào một căn phòng mà Zollner nói là phòng thí nghiệm tinh thể học X-quang, còn tôi thì cũng không có ý tranh luận với lão.

Một người phụ nữ đang chúi đầu vào kính hiển vi. Zollner giới thiệu đó là tiến sĩ Chen, đồng nghiệp và là bạn tốt của Tom và Judy. Tiến sĩ Chen chừng ba mươi tuổi, khá hấp dẫn, mớ tóc đen dài buộc gọn trong một cái mạng, hợp với khi làm việc gần kính hiển vi, tôi đoán vậy, còn ai mà biết ban đêm thế nào khi bỏ tóc xuống. Cư xử cho phải phép, Corey. Đây là một nhà khoa học, cô ấy thông minh hơn mi nhiều đấy.

Tiến sĩ Chen chào chúng tôi. Trông cô khá nghiêm túc, nhưng có lẽ vì cô vừa hẫng hụt và buồn trước cái chết của hai người bạn.

Một lần nữa, Beth lại giới thiệu tôi là bạn của vợ chồng Gordon. Đó là lí do tôi đang kiếm một đô la mỗi tuần đấy, nếu không phải vì lí do khác. Ý tôi là, người ta không thích bị một đám cớm trút câu hỏi xuống đầu, nhưng nếu một trong những tay cớm kia là bạn của người đã mất thì đó lại là một chút lợi thế. Dù sao, tất cả chúng tôi đều đồng ý rằng cái chết của vợ chồng Gordon là một bi kịch và chúng tôi đều nói tốt về người đã mất.

Chủ đề câu chuyện chuyển sang công việc của tiến sĩ Chen. Cô giải thích bằng ngôn ngữ thông thường để tôi hiểu được, "Tôi có thể chụp X quang các tinh thể virut để từ đó có thể lập sơ đồ phân tử của chúng. Khi đã làm được điều này, chúng tôi có thể thử nghiệm thay đổi gen của virut để chúng mất khả năng gây bệnh, nhưng nếu chúng tôi tiêm loại virut bị biến đổi này vào một động vật, động vật đó có thể sản sinh ra các kháng thể mà chúng tôi hy vọng sẽ tấn công được loại virut gốc gây bệnh."

Beth hỏi, "Có phải đây là thứ ông bà Gordon cũng làm không?"

"Vâng."

"Vậy cụ thể là họ đang làm với cái gì? Loại virut nào?"

Tiến sĩ Chen liếc nhìn Zollner. Tôi không thích các nhân chứng làm việc đó. Việc này giống như khi cầu thủ ném bóng được huấn luyện viên ra hiệu ném theo đường cong hoặc lăn trượt hay gì đó. Zoller hẳn đã phải ra hiệu về trái bóng cuối cùng vì tiến sĩ Chen nói thẳng tuột, "Ebola."

Tất cả im lặng, rồi tiến sĩ Zollner nói, "Tất nhiên là Ebola ở khỉ." Lão nói thêm, "Đáng ra tôi phải nói trước với quý vị, nhưng tôi nghĩ quí vị muốn được giải thích đầy đủ hơn bởi một trong các đồng nghiệp của vợ chồng Gordon." Lão gật đầu với tiến sĩ Chen.

Tiến sĩ Chen tiếp tục, "Ông bà Gordon đang cố gắng thay đổi gen của một virut Ebola khỉ để nó không còn khả năng gây bệnh, nhưng lại tạo ra phản ứng miễn dịch trong con vật. Có rất nhiều chuỗi virut Ebola, và chúng tôi thậm chí không biết chắc các chuỗi nào có thể vượt qua ranh giới loài."

"Ý cô là nhiễm sang người?" Max hỏi.

"Vâng, nhiễm sang người. Nhưng đây là một bước đi quan trọng đầu tiên để tìm ra vác xin Ebola ở người."

Tiến sĩ Zollner nói, "Hầu hết công việc của chúng tôi ở đây được thực hiện theo truyền thống với gia súc - tức các loại động vật nuôi lấy thịt và lấy da. Tuy nhiên, qua nhiều năm, một số cơ quan chính phủ đã tài trợ cho các hoạt động nghiên cứu khác."

Tôi hỏi, "Chẳng hạn như bên quân đội tài trợ cho nghiên cứu chiến tranh vi trùng phải không?"

Tiến sĩ Zollner không trả lời thẳng mà nói, "Hòn đảo này là môi trường có một không hai, tách biệt nhưng lại ở gần các trung tâm vận tải và giao thông chính, gần các trường đại học tốt nhất trong cả nước, và ở gần với một loạt các nhà khoa học được đào tạo cao cấp. Ngoài ra, trung tâm này được trang bị phương tiện kỹ thuật hiện đại. Vì thế, ngoài quân đội, chúng tôi còn làm việc với nhiều cơ quan khác, cả ở đây và nước ngoài, bất cứ

khi nào có thứ gì đó không bình thường hoặc tiềm ẩn... nguy hiểm đối với con người xuất hiện. Chẳng hạn như Ebola."

"Nói cách khác là ngài cho thuê phòng ở đây?" Tôi nói.

"Đây là một cơ sở lớn," lão đáp.

"Vậy vợ chồng Gordon có làm việc cho bộ Nông nghiệp Mỹ không?" Tôi hỏi.

"Tôi không được phép trả lời."

"Thế séc trả lương cho họ là từ đâu?"

"Tất cả séc trả lương đều từ bộ Nông nghiệp."

"Nhưng không phải cứ nhà khoa học nào nhận lương từ bộ Nông nghiệp đều là nhân viên của bộ Nông nghiệp, đúng không?"

"Tôi không có ý tranh cãi về ngữ nghĩa với anh, Corey." Lão nhìn sang tiến sĩ Chen. "Cứ tiếp tục đi."

Cô nói, "Có nhiều phần việc và công đoạn cho loại công việc này đến mức không ai có thể nhìn toàn cảnh bức tranh trừ người giám sát dự án. Đó là Tom. Judy là trợ lý giám sát dự án. Ngoài ra, bản thân họ là các nhà nghiên cứu xuất sắc. Bây giờ nhớ lại, tôi có thể thấy những điều họ làm, đó là yêu cầu các cuộc kiểm tra dựa trên những thủ tục bắt buộc để đánh lạc hướng chú ý. Thỉnh thoảng họ bảo ai đó trong nhóm dự án chúng tôi rằng họ đã đi tới ngõ cụt. Họ giám sát chặt chẽ các thử nghiệm lâm sàng trên khỉ, trong khi những người nuôi giữ động vật không được thông báo đầy đủ. Tom và Judy là những người duy nhất được cung cấp mọi loại thông tin."

Cô suy nghĩ một lát rồi nói tiếp, "Tôi không tin là họ có ý định lừa mọi người ngay từ đầu... Tôi nghĩ chỉ khi họ phát hiện ra đã đi gần đến đích một loại vác xin hiệu quả với Ebola khỉ, họ mới thấy khả năng chuyển giao công nghệ cho một phòng thí nghiệm tư, nơi bước đi tiếp theo đương nhiên

là vác xin dùng cho người. Có thể họ tin rằng đó là điều tốt nhất phục vụ cho lợi ích của nhân loại. Có thể họ nghĩ rằng mình sẽ sản xuất được loại vác xin này nhanh hơn và hiệu quả hơn khi đưa ra khỏi nơi này. Giống như các cơ quan chính phủ khác, nơi này cũng mắc vào những thủ tục hành chính rườm rà và chậm chạp."

Max nói, "Vậy cứ theo giả thuyết về động cơ lợi nhuận, tiến sĩ Chen. Lợi ích của nhân loại không trừ tôi ra."

Cô nhún vai.

Beth tiến gần đến chiếc kính hiển vi. "Tôi xem một chút được không?"

Tiến sĩ Chen nói, "Đây là Ebola đã chết, tất nhiên rồi. Virut Ebola sống chỉ có ở Vùng năm. Nhưng tôi có thể cho các vị xem virut Ebola sống một cách an toàn qua băng video." Cô bật một màn hình ti vi và bấm nút đầu quay. Trên màn hình hiện ra bốn tinh thể gần như trong suốt, màu phớt hồng, ba chiều, khiến tôi nghĩ đến một chiếc lăng kính. Nếu còn sống thì hẳn chúng đang làm trò giả chết.

Tiến sĩ Chen nói, "Tôi đang lên sơ đồ cấu trúc phân tử, như tôi đã nói, để các chuyên gia về gen có thể cắt và ghép nối các đoạn với nhau, sau đó virut bị biến đổi được cho sinh sản và tiêm vào một cơ thể khỉ. Con khỉ sẽ có một trong ba phản ứng - nhiễm Ebola và chết, không nhiễm Ebola nhưng không sản sinh ra kháng thể chống Ebola, hoặc không nhiễm Ebola và sản sinh ra kháng thể. Đây chính là loại phản ứng mà chúng tôi đang cố đạt được. Nó có nghĩa là chúng tôi có được vác xin. Nhưng không nhất thiết là vác xin an toàn hay hiệu quả. Con khỉ sau đó có thể làm Ebola phát triển, hoặc thường gặp hơn là khi chúng tôi tiêm vào nó loại virut Ebola tự nhiên, kháng thể không đủ hiệu quả để chống chọi với bệnh. Phản ứng miễn dịch là quá yếu. Hoặc phản ứng miễn dịch không chống lại được tất cả mọi dạng virut. Đây là loại công việc rất dễ làm nản lòng. Những con

virut rất đơn giản, chúng chỉ là phân tử và gen, nhưng lại khó đối phó hơn so với vi trùng vì chúng dễ biến thể, khó tìm hiểu, và khó tiêu diệt. Thực chất, câu hỏi đặt ra là - phải chăng những tinh thể này thực sự sống như cách chúng ta hiểu về sự sống? Quý vị hãy nhìn. Trông chúng như những miếng khoai tây đông lạnh."

Tất cả chúng tôi đều nhìn chăm chú lên những tinh thể trên màn hình. Trông chúng giống như thứ gì đó đang thả ra một chiếc đèn trùm. Thật khó mà tin được những thứ kia cùng các anh chị em họ nhà chúng lại gây ra nhiều đau khổ và chết chóc cho con người đến thế, đó là chưa kể đến động vật. Có thứ gì đó đáng sợ về một vi sinh vật trông như đã chết nhưng lại hồi sinh khi xâm nhập vào những tế bào sống, rồi sản sinh nhanh tới mức có thể giết chết một người đàn ông khỏe mạnh nặng chín mươi cân chỉ trong bốn mươi tám giờ. Không biết Chúa đang nghĩ gì?

Tiến sĩ Chen tắt màn hình ti vi.

Beth hỏi tiến sĩ Chen về thái độ của vợ chồng Gordon trong buổi sáng hôm qua. Chen trả lời họ dường như có gì đó hơi căng thẳng. Judy kêu đau đầu và họ quyết định về nhà. Điều này không làm ai trong chúng tôi ngạc nhiên.

Tôi hỏi thẳng tiến sĩ Chen, "Cô có nghĩ hôm qua họ đã đem thứ gì ra khỏi đây không?"

Cô thoáng suy nghĩ rồi trả lời, "Tôi không biết. Làm sao tôi biết được?"

Beth nói, "Việc lén mang thứ gì đó ra khỏi đây có khó lắm không? Nếu chị muốn mang thì chị làm thế nào?"

"Ồ... Tôi có thể lấy bất cứ ống nghiệm nào ở đây, hoặc thậm chí là ở một phòng thí nghiệm khác, mang vào phòng vệ sinh và cho ống nghiệm vào một lỗ nào đó trên cơ thể. Sẽ không ai để ý đến việc mất một ống nghiệm nhỏ, nhất là nó lại không được đánh số hay ghi nhớ đặc điểm

riêng. Sau đó tôi vào phòng tắm, cho quần áo vào thùng, tắm, rồi vào phòng thay đồ. Đến lúc này thì tôi có thể lấy chiếc ống ra và bỏ vào túi xách. Tôi mặc quần áo, đi ra qua hành lang, lên xe ra bến tàu rồi về nhà. Không có ai theo dõi khi tắm. Không có camera. Các anh chị sẽ thấy khi ra khỏi đây."

Tôi hỏi, "Còn với những thứ to hơn. Những thứ quá to không thể cho vào... vâng, quá to."

"Bất kể thứ gì giấu được vào quần áo phòng thí nghiệm là có thể mang ra phòng tắm. Ở đó sẽ phải khôn ngoan một chút. Thí dụ, nếu tôi mang một chiếc đĩa chứa các chuỗi gen vào phòng tắm, tôi có thể giấu vào khăn tắm."

Beth nói, "Chị cũng có thể giấu nó vào trong thùng cùng với quần áo của phòng thí nghiệm thay ra."

"Không, ta không bao giờ có thể quay lại. Quần áo sẽ được khử trùng. Thực ra sau khi đã dùng khăn tắm xong sẽ phải để nó vào một chiếc thùng riêng. Chính đây là chỗ nếu có ai đó quan sát sẽ thấy ta có mang gì ra hay không. Nhưng nếu tắm để ra vào giờ khác thường lệ thì chắc không có ai ở đó."

Tôi cố tưởng tượng tình huống này, Tom và Judy mang thứ có Chúa mới biết là thứ gì ra khỏi tòa nhà này chiều qua khi không có ai khác trong phòng tắm. Tôi hỏi tiến sĩ Chen, "Nếu giả định mọi thứ ở đây đều ở mức độ nhiễm khuẩn nào đó thì tại sao cô lại muốn đút một lọ thủy tinh đụng thứ gì đó vào chỗ nào đó trong người?"

Cô đáp, "Tất nhiên anh sẽ khử trùng cơ bản trước. Rửa tay với xà phòng đặc biệt trong nhà vệ sinh, anh có thể dùng một chiếc bao cao su để gói chiếc lọ thủy tinh hay ống nghiệm kia, hoặc dùng găng tay cao su hay giấy bóng cho những vật lớn hơn. Phải thật cẩn thận, nhưng không hoang tưởng."

Tiến sĩ Chen tiếp tục, "Với thông tin trên máy tính, nó có thể được truyền qua đường điện tử từ khu kiểm soát sinh học ra các văn phòng ở khu hành chính. Vì thế không cần phải đánh cắp đĩa hay băng." Cô nói thêm, "Với các bản ghi nhớ , đồ thị, bảng biểu... được viết tay hoặc đánh máy, quy định là phải gửi fax tất cả những thứ đó tới phòng làm việc riêng bên ngoài. Chỗ nào cũng có máy fax, các anh chị có thể thấy, và mỗi văn phòng ở khu hành chính ngoài kia có một máy fax cá nhân. Đó là cách duy nhất có thể đưa các ghi chép ra khỏi đây. Nhiều năm trước, chúng tôi phải dùng loại giấy đặc biệt, rửa trong dung dịch khử trùng, để khô rồi hôm sau đến lấy. Bây giờ có máy fax thì cứ về phòng riêng là có sẵn rồi."

Hay thật, tôi nghĩ. Tôi dám cá là những người phát minh ra máy fax không bao giờ nghĩ đến điều này. Tôi có thể làm một chương trình quảng cáo trên truyên hình - "Những ghi chép trong phòng thí nghiệm bám đầy vi sinh vật? Fax chúng ra văn phòng của bạn. *Bạn* sẽ phải tắm, còn chúng thì không." Hay đại loại thế.

Beth nhìn tiến sĩ Chen hỏi thẳng, "Chị có nghĩ là ông bà Gordon đã lấy thứ gì đó ra khỏi đây mà có thể gây nguy hiểm không?"

"Ồ, không. Không, không. Dù họ có lấy thứ gì đi nữa thì đó cũng không phải là thứ gây bệnh. Dù là thứ gì thì nó cũng là thuốc chữa, có ích, giải độc, tùy theo cách mà chúng ta gọi. Đó là một thứ tốt. Tôi có thể đánh cược cả mạng sống của mình."

Beth nói, "Tất cả chúng ta đều đánh cược mạng sống của mình vào đó."

Chúng tôi tạm biệt tiến sĩ Chen và phòng X-quang để tiếp tục chuyến thăm.

Khi chúng tôi đang đi, tiến sĩ Zollner nhận xét, "Như tôi đã nói lúc trước và cả tiến sĩ Chen chắc cũng đồng ý, nếu vợ chồng Gordon có đánh cắp thứ gì đó thì chỉ có thể là một loại vác xin từ virut biến đổi gen. Khả năng

nhiều nhất là vác xin phòng Ebola vì đó là trọng tâm nghiên cứu chính của họ."

Mọi người dường như đều đồng ý với điều này. Riêng tôi có ý nghĩ là nhận xét của tiến sĩ Chen lại quá nhanh và hoàn hảo, thứ hai là cô này không biết rõ về vợ chồng Gordon như cả cô lẫn Zollner nói ra.

Tiến sĩ Zollner làm một tràng bình luận khi chúng tôi đi theo các hành lang rối rắm như mê cung. Lão nói, "Trong số các loại bệnh do virut gây ra mà chúng tôi nghiên cứu có bệnh tiêu chảy ác tính, bệnh sốt xuất huyết Congo Crimean, bệnh lưỡi xanh. Chúng tôi cũng nghiên cứu các chủng bệnh viêm phổi, các bệnh do trùng rận gây ra, như bệnh phù tim, bệnh do vi trùng, và bệnh do các vật kí sinh gây ra."

"Này tiến sĩ, tôi bị điểm C môn sinh học và đó là vì tôi gian lận. Ngài còn quên nói đến bệnh hoa liễu. Nhưng cho tôi hỏi ngài câu này - ngài phải làm ra rất nhiều những thứ này để nghiên cứu. Đúng không?"

"Đúng, nhưng tôi đảm bảo với anh là chúng tôi có khả năng sản xuất vi sinh vật với số lượng đủ để phục vụ chiến tranh, nếu đó là điều anh muốn biết."

Tôi nói, "Tôi đang nghĩ đến những hành động khủng bố hú họa. Các ngài có sản xuất đủ vi trùng hay virut cho việc đó không?"

Lão nhún vai, "Có thể."

"Lại câu đó rồi, tiến sĩ."

"Có, đủ cho một hành động khủng bố."

Tôi hỏi, "Phải chăng một chiếc thùng cà phê đầy vi khuẩn than phun vào không khí quanh đảo Manhattan có thể giết chết hai trăm nghìn người?"

Lão thoáng suy nghĩ rồi đáp, "Điều đó là có thể. Ai biết được cơ chứ? Nó phụ thuộc vào gió. Vào mùa hè? Vào giờ ăn trưa?"

"Chẳng hạn như giờ cao điểm tối mai."

"Đúng... hai trăm nghìn. Ba trăm nghìn. Một triệu. Điều đó không quan trọng vì không ai biết và không ai có đủ một thùng cà phê chứa đầy vi khuẩn bệnh than, về điều này thì tôi có thể chắc chắn với anh. Chúng tôi có thống kê cụ thể về cái này."

"Tốt. Nhưng không cụ thể lắm về các thứ khác?"

"Tôi đã nói với anh, nếu có mất thứ gì thì đó là vác xin virut. Đó là thứ mà vợ chồng Gordon nghiên cứu. Anh sẽ thấy thôi. Ngày mai tỉnh dậy anh sẽ thấy mình vẫn còn sống. Rồi ngày kia, ngày kìa. Nhưng sáu, bảy tháng nữa sẽ có một công ty dược phẩm hoặc một chính phủ nước ngoài nào đó công bố tìm ra vác xin Ebola, rồi tổ chức Y tế thế giới sẽ mua hai trăm triệu liều ban đầu, và khi tìm ra ai kiếm được nhiều tiền nhất từ vác xin này, anh sẽ tìm ra kẻ giết người."

Không ai đáp lại trong mấy giây, sau Max nói, "Ngài được nhận vào làm, thưa tiến sĩ."

Mọi người mỉm cười. Kỳ thực, tất cả chúng tôi đều muốn tin, chúng tôi *thực sự* tin. Chúng tôi nhẹ nhõm đến độ như đi trên mây, lâng lâng trước tin tốt lành, run lên vì biết sẽ không có cảnh một sáng kia thức dậy thấy mình bị lưỡi xanh hay thứ bệnh gì đó, và thật sự là không còn ai nghĩ nhiều đến vụ án như lúc trước. Trừ tôi.

Zollner tiếp tục chỉ cho chúng tôi mọi loại phòng ốc, nói về những chẩn đoán và sản xuất chất thử phản ứng, nghiên cứu kháng thể đơn tính, điều khiển gen, các loại vi rút sinh ra từ vật kí sinh, sản xuất vác xin, v.v... Toàn những thứ thật khó mà nghĩ ra được.

Phải là người kỳ quặc mới có thể làm thứ công việc này, tôi nghĩ thế. Còn vợ chồng Gordon, những người mà tôi cho là bình thường, chắc hẳn đã bị đồng nghiệp coi là thích chơi trội, như Zollner đã nói về họ. Tôi nói

điều này với Zollner thì lão đáp, "Đúng, các nhà khoa học của tôi ở đây khá hướng nội... giống hầu hết những người làm khoa học. Anh có biết cái khác nhau giữa một nhà sinh vật học hướng nội và một nhà sinh vật học hướng ngoại là gì không?"

"Không."

"Nhà sinh vật học hướng ngoại nhìn xuống giày của anh khi nói chuyện với anh." Zollner cười vui vẻ, ngay cả tôi cũng cười, dù tôi không thích người khác hướng mọi người chú ý vào mình. Nhưng dù sao đây cũng là chỗ của lão.

Chúng tôi được thấy nhiều nơi trong dự án của vợ chồng Gordon và cả phòng thí nghiệm của chính họ.

Bên trong phòng thí nghiệm nhỏ của vợ chồng Gordon, tiến sĩ Zollner nói, "Với tư cách là giám đốc dự án, vợ chồng Gordon chủ yếu là giám sát. Tuy nhiên họ cũng tự tay làm một số công việc."

Beth nói, "Không có ai khác làm trong phòng thí nghiệm này sao?"

"Họ có các trợ lý. Nhưng căn phòng này là chỗ riêng của hai tiến sĩ Gordon. Cô có thể chắc chắn là tôi mất một giờ ở đây sáng nay để tìm xem có gì không ổn, nhưng họ không để lại thứ gì đáng ngờ quanh đây."

Tôi gật đầu. Thực ra, có thể đã có bằng chứng buộc tội vào bất cứ thời điểm nào trước đó. Nhưng nếu hôm qua là đỉnh điểm trong công việc bí mật của vợ chồng Gordon và là vụ đánh cắp cuối cùng thì họ đã dọn dẹp sạch nơi này sáng qua hoặc từ ngày hôm trước. Nhưng đó là nếu tôi tin vào toàn bộ giả thuyết về vác xin Ebola, mà tôi thì không chắc là tôi đã tin.

Beth nói với tiến sĩ Zollner, "Ngài đáng ra không được vào nơi làm việc của các nạn nhân của vụ án mạng và xem xét xung quanh, lấy đi thứ gì đó hay chạm vào bất cứ thứ gì."

Zollner nhún vai, như thể lão nên làm thế trong những tình huống đó. Lão nói, "Thế làm sao mà tôi biết đáng ra phải làm thế? Cô có biết gì về công việc của *tôi* không?"

Beth nói, "Tôi chỉ muốn ngài biết "

"Cho lần sau ấy à? Được, nếu lần sau có nhà khoa học hàng đầu nào của tôi bị giết, tôi sẽ biết chắc rằng không được vào phòng thí nghiệm của người đó."

Beth Penrose đủ thông minh để biết nên bỏ qua và không nói gì thêm.

Rõ ràng cô nàng theo sách vở xử lý không tốt lắm những tình huống đặc biệt kiểu này. Nhưng tôi tin là nàng đang cố làm cho đúng cách. Nếu nàng mà là thành viên của thủy thủ đoàn trên con tàu *Titanic,* chắc hẳn nàng đã bắt mọi người kí nhận áo phao.

Chúng tôi quan sát xung quanh phòng thí nghiệm, nhưng không thấy có sổ ghi chép, không có chiếc cốc thủy tinh nào dán chữ "Tìm ra rồi", không có dòng chữ khó hiểu nào trên chiếc bảng đen, không có xác chết nào trong chiếc buồng nhỏ chứa đồ, và thực ra là không có điều gì mà một người bình thường có thể hiểu được. Nếu có thứ gì đáng chú ý hoặc có thể làm chứng cứ buộc tội ở đây thì nó đã mất rồi, những lời khen ngợi vợ chồng Gordon, hay Zollner, hay thậm chí cả Nash là Foster nếu họ đã đi đến tận đây lúc sáng sớm nay.

Tôi đứng đó, cố liên hệ với những linh hồn có thể vẫn quanh quẩn trong căn phòng này - *Judy, Tom... chỉ cho tôi một manh mối, một dấu hiệu gì đó đi*.

Tôi nhắm mắt chờ đợi. Fanelli nói là người chết nói chuyện với anh ta. Họ kể về đặc điểm của kẻ giết người, nhưng họ toàn nói tiếng Ba Lan hoặc tiếng Tây Ban Nha, đôi khi cả tiếng Hy Lạp, vì thế nên anh ta không hiểu họ nói gì. Tôi biết anh ta nói phét. Anh chàng này khùng hơn cả tôi.

Không may, phòng thí nghiệm của vợ chồng Gordon lại là nơi đã bị khám xét, và giờ chúng tôi tiếp tục công việc đó.

Chúng tôi nói chuyện với cả chục nhà khoa học làm việc với vợ chồng Gordon hoặc giúp việc cho họ. Có mấy điều rõ ràng là: (a) mọi người đều yêu mến Tom và Judy; (b) Tom và Judy rất giỏi; (c) Tom và Judy không làm hại một con ruồi nếu không phải vì sự nghiệp khoa học để phục vụ cho con người và động vật; (d) vợ chồng Gordon tuy là những người được yêu mến và kính trọng nhưng lại khác người; (e) vợ chồng Gordon dù rất thực thà trong những ứng xử cá nhân nhưng có lẽ đã chơi lại chính phủ và đánh cắp một loại vác xin trị giá bằng trọng lượng của nó tính theo vàng, như theo cách gọi của một ai đó. Tôi có cảm giác rằng tất cả mọi người đều đọc những điều này từ cùng một thứ ghi sẵn.

Chúng tôi tiếp tục đi và leo lên cầu thang tới tầng hai. Cái chân khốn khổ của tôi phải kéo đi, lá phổi tồi tệ đang khò khè đến mức tôi nghĩ là mọi người đều nghe thấy. Tôi nói với Max, "Tôi cứ tưởng là việc này không đến nỗi vất vả."

Anh nhìn tôi và gượng cười. Anh nói nhỏ với tôi, "Có lúc tôi sợ bị giam đấy."

"Tôi cũng thế." Thật ra, không phải cảm giác sợ bị giam giữ làm anh e dè. Giống như hầu hết những người đàn ông bạo gan và thích hành động, trong đó có tôi, Max không muốn phải đối mặt với một mối nguy hiểm mà không thể chĩa súng vào nó.

Tiến sĩ Zollner đang nói về các chương trình đào tạo được thực hiện tại đây, về các nhà khoa học đến làm việc ngắn hạn, các nghiên cứu sinh, các bác sĩ thú y từ khắp nơi trên thế giới đến học tập và giảng dạy. Lão cũng nói về các chương trình hợp tác quốc tế của trung tâm ở những nơi như Israel, Mexico, Canada, Anh. Lão nói, "Vợ chồng Gordon đến Anh khoảng

một năm trước. Phòng thí nghiệm Pirbright, phía nam London. Đó là phòng thí nghiệm cùng loại với chỗ chúng tôi."

Tôi hỏi tiến sĩ Zollner, "Ngài có khách thăm từ quân đoàn Hóa học của quân đội không?"

Zollner nhìn tôi nói, "Tôi nói bất cứ điều gì anh cũng tìm ra câu để hỏi. Tôi rất vui biết là anh đang lắng nghe."

"Tôi đang lắng nghe câu trả lời cho câu hỏi của tôi."

"Câu trả lời là không phải việc của anh, Corey."

"Có đấy, thưa tiến sĩ. Nếu chúng tôi nghi ngờ rằng vợ chồng Gordon đã lấy cắp các vi sinh vật có thể sử dụng cho chiến tranh vi trùng và đó là nguyên nhân khiến họ bị giết, thì chúng tôi phải biết liệu các vi sinh vật đó có tồn tại ở đây hay không. Nói cách khác, có hay không các chuyên gia chiến tranh vi trùng trong tòa nhà này? Họ có làm việc ở đây không?"

Tiến sĩ Zollner liếc nhìn Foster và Nash rồi nói, "Nếu bảo là không có người của quân đoàn Hóa học ở đây thì cũng không đúng lắm. Họ cực kỳ quan tâm đến các loại vác xin và thuốc chữa bệnh cho các trường hợp nguy hiểm từ sinh học... Chính phủ Mỹ không nghiên cứu, thúc đẩy hoặc sản xuất các tác nhân phục vụ cho chiến tranh vi trùng tấn công. Nhưng sẽ là một cuộc tự sát của cả quốc gia nếu không nghiên cứu các biện pháp phòng thủ. Vì thế, một ngày nào đó, nếu một kẻ xấu với một thùng đựng vi khuẩn bệnh than chạy canô quanh đảo Manhattan thì chúng ta có thể sẵn sàng để bảo vệ dân chúng." Tiến sĩ Zollner nói thêm, "Tôi chắc chắn với các vị rằng vợ chồng Gordon không làm việc cùng bất cứ ai của quân đội, không làm việc trong khu vực đó, và thực tế không được tiếp cận với bất cứ thứ gì nguy hại như vậy".

"Trừ Ebola."

“Đúng là anh có lắng nghe. Nhân viên của tôi nên tập trung như thế. Nhưng tại sao lại nghĩ đến đến một thứ vũ khí Ebola? Chúng ta có bệnh than. Việc cải tiến từ bệnh than cũng giống như cải tiến từ thuốc súng. Vi khuẩn than dễ sinh sản, dễ kiểm soát, chúng phán tán nhẹ nhàng vào không khí, giết người đủ chậm để cho những người bị nhiễm mang chúng lan ra thêm, chúng làm nhiều người tàn tật ngang với số người chết và gây ra sự sụp đổ cho hệ thống y tế của kẻ thù. Nhưng, về danh nghĩa, chúng ta không có bom hay đạn pháo chứa bệnh than, vấn đề là ở chỗ, nếu vợ chồng Gordon đang cố chế tạo một loại vũ khí sinh học để bán cho một thế lực nước ngoài nào đó, họ sẽ không nghĩ đến Ebola. Họ đủ thông minh để không làm điều đó. Vì thế hãy gạt mối nghi ngờ này sang một bên.”

“Vậy tôi yên tâm rồi. À này, vợ chồng Gordon tới Anh khi nào?”

“Để xem... tháng Năm năm ngoái. Tôi nhớ là đã ghen tị với việc họ đi Anh vào tháng Năm.” Lão hỏi tôi, “Sao anh lại hỏi?”

“Này tiến sĩ, các nhà khoa học có biết là họ lúc nào cũng đặt câu hỏi không?”

“Không phải mọi lúc.”

“Tôi đoán là chính phủ trả mọi chi phí cho chuyến đi Anh của vợ chồng Gordon.”

“Tất nhiên. Đó là việc công.” Lão thoáng suy nghĩ rồi nói, “Thực ra thì họ ở London một tuần bằng tiền riêng. Đúng rồi, tôi nhớ là như vậy.”

Tôi gật đầu. Thứ mà *tôi* không nhớ là có khoản thanh toán lớn bất thường nào qua thẻ tín dụng vào tháng Năm hay tháng Sáu năm ngoái. Tôi băn khoăn không biết họ tiêu tiền ở đâu vào tuần đó. Không phải trong một khách sạn ở London, trừ khi họ giấu không để trong hóa đơn. Tôi cũng không nhớ họ có rút khoản tiền mặt lớn nào đó không. Chỗ này phải nghĩ đây.

Cái khó khi đặt ra những câu hỏi thực sự không khôn ngoan trước mặt Foster và Nash là họ sẽ biết câu trả lời. Ngay cả nếu không biết câu hỏi ở đâu ra thì họ vẫn đủ thông minh để biết - ngược lại với điều tôi nói với Zollner - rằng hầu hết mọi câu hỏi đều có mục đích.

Chúng tôi đi xuống một hành lang rất dài. Mọi người im lặng một lúc lâu rồi tiến sĩ Zollner lên tiếng, "Quý vị có nghe thấy gì không?" Lão dừng lại, đứng im và đưa tay lên tai. "Quý vị có nghe thấy nó không?"

Tất cả chúng tôi đứng im và dỏng tai nghe ngóng. Cuối cùng Foster hỏi, "Cái gì thế?"

"Tiếng ì ầm. Đó là tiếng ì ầm. Đó là..."

Nash quỳ xuống đặt lòng bàn tay lên sàn. "Động đất?"

"Không," Zollner nói, "Là cái bụng tôi. Tôi đang đói." Lão cười và vỗ vỗ vào bụng. "Thư giãn đi". Lão nói bằng giọng Đức, làm câu đó nghe còn buồn cười hơn. Tất cả mọi người đều cười, trừ Nash. Gã đứng thẳng lên và phủi hai tay cho sạch.

Zollner đi tới một cánh cửa sơn màu đỏ tươi, trên có gắn sáu tấm biển kiểu tiêu chuẩn của cơ quan quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, gồm: nguy hiểm sinh học, phóng xạ, chất thải hóa học, điện cao thế, chất độc nguy hiểm, và cuối cùng, chất thải con người chưa xử lí. Lão mở cửa và thông báo, "phòng ăn."

Bên trong căn phòng xi măng trắng đơn màu là một chục chiếc bàn trống, một chiếc chậu rửa, một tủ lạnh, một lò vi sóng, những bảng tin đầy các mẩu thông báo và ghi nhắn, một chiếc thùng ướp lạnh và một chiếc máy pha cà phê, nhưng không có máy bán tự động, sự thể là không có ai muốn vào trong này để tiếp đồ cho máy. Trên một chiếc bệ có máy fax, thực đơn những món ăn trong ngày, giấy và bút chì. Tiến sĩ Zollner nói, "Bữa trưa là tôi chi." Lão gọi cho mình một suất khá nhiều, tôi thấy có cả

món súp du juor, tức là thịt bò. Tôi thậm chí còn không muốn nghĩ đến thịt bò lấy từ đâu.

Lần đầu tiên từ khi xuất viện, tôi gọi món thạch, và lần đầu tiên trong đời, tôi bỏ qua các món thịt.

Những người khác dường như không ai thật sự đói, tất cả họ đều gọi món xa-lát.

Tiến sĩ Zollner gửi báo ăn qua fax và nói, "Giờ ăn trưa ở đây thường tới một giờ mới bắt đầu, nhưng họ sẽ mang tới nhanh thôi vì tôi đã yêu cầu rồi."

Tiến sĩ Zollner đề nghị chúng tôi rửa tay. Chúng tôi rửa trong chiếc chậu với một thứ xà phòng nước màu nâu trông kì quặc có mùi như I-ốt.

Chúng tôi lấy cà phê và ngồi xuống. Một vài người khác đi vào phòng, lấy cà phê và mang đồ ra khỏi chiếc tủ lạnh hoặc gửi báo ăn qua fax. Tôi nhìn đồng hồ để xem giờ nhưng chỉ thấy cái cổ tay.

Zollner nói, "Nếu anh mang đồng hồ vào thì tôi sẽ phải khử trùng và cách ly nó trong mười ngày."

"Đồng hồ của tôi sẽ không chạy được sau một lần khử trùng đâu." Tôi liếc nhìn chiếc đồng hồ trên tường. Một giờ kém năm phút chiều.

Chúng tôi ngồi chuyện phiếm mấy phút. Cánh cửa mở ra và một người đàn ông mặc quần áo trắng bước vào, đẩy theo một chiếc xe bằng thép không gỉ trông cũng giống như những chiếc xe mang đồ ăn trưa khác, ngoại trừ nó được phủ bằng một lớp giấy bóng.

Tiến sĩ Zollner kéo bỏ lớp giấy bóng, đưa suất ăn cho từng người trong chúng tôi rồi cho người phục vụ đi ra cùng chiếc xe. Chủ nhà thật tuyệt vời.

Max hỏi, "Anh ta có phải tắm không?"

"Ồ, có. Chiếc xe đẩy được đưa vào phòng khử trùng trước và lấy ra sau."

Tôi hỏi, "Liệu có thể dùng chiếc xe ấy để lén mang những thứ đồ lớn ra khỏi đây không?"

Tiến sĩ Zollner đang sắp xếp đồ án để trước mặt với sự thành thạo của một kẻ háu ăn thực thụ. Lão rời mắt khỏi niềm đam mê của mình, ngước lên nói, "Anh nhắc đến, tôi xin trả lời là có. Chiếc xe đó là thứ duy nhất thường xuyên ra vào từ khu hành chính đến khu kiểm soát sinh học. Nhưng nếu muốn dùng nó để lén mang đồ ra, anh sẽ phải có thêm hai người khác giúp. Một người đẩy vào và đẩy ra, rồi một người rửa sạch xe và mang trở lại bếp. Anh thông minh lắm, anh Corey."

"Tôi nghĩ giống như một tên tội phạm."

Lão bật cười rồi lại vục đầu vào bát súp bò. Khiếp quá.

Tôi nhìn tiến sĩ Zollner khi tôi xì xụp với món thạch màu vàng chanh. Tôi thích lão. Lão khôi hài, dễ gần, mến khách và khôn khéo. Lão nói dối dẻo quẹo, tất nhiên rồi, nhưng có người khác bắt lão phải nói dối. Có lẽ hai gã ngồi bên kia bàn, là những người đầu tiên, và Chúa mới biết ai khác ở Washington đã trao đổi với lão qua điện thoại suốt cả buổi sáng trong lúc chúng tôi đang ngao du quanh những nơi tàn tích, lấy những cuốn sách mỏng về bệnh rinderpest và tiền liệt tuyến hay thứ gì đó. Zollner lại nói với tiến sĩ Chen và cô này thì hơi trôi chảy quá. Ý tôi là, trong tất cả những người mà chúng tôi có thể đã hỏi, Zollner đã dẫn chúng tôi đến với tiến sĩ Chen, mà công việc của người này chỉ có liên quan chút ít ở vòng ngoài với công việc của vợ chồng Gordon. Cô được giới thiệu với chúng tôi là bạn thân của vợ chồng Gordon, nhưng thực tế không phải, tôi chưa bao giờ nghe nhắc đến tên cô trước đây. Sau đó có các nhà khoa học khác mà chúng

tôi được tiếp chuyện ngắn ngủi, trước khi tiến sĩ Zollner đưa chúng tôi đi - cả họ cũng nói toàn những điều giống như tiến sĩ Chen.

Trong bếp có nhiều khói và cả những chiếc gương. Tôi chắc là ở đây lúc nào cũng thế. Tôi nói với Zollner, "Tôi không tin vào câu chuyện vác xin Ebola. Tôi *biết* các ngài đang giấu gì và đang che đậy điều gì."

Zoller đang nhai dở ngừng lại, một điều khó chịu với lão. Lão nhìn chằm chằm vào tôi.

Tôi nói, "Đó là những người ngoài hành tinh ở Roswell, đúng không, tiến sĩ? Vợ chồng Gordon sắp tìm ra bí mật của những người ngoài hành tinh ở Roswell."

Căn phòng hoàn toàn im lặng. Cả mấy nhà khoa học khác có mặt ở đó cũng liếc nhìn tôi. Cuối cùng, tôi cười nói, "Đó chính là món thạch này - óc của người ngoài hành tinh. Tôi đang chén mất bằng chứng đấy."

Mọi người đều cười. Zollner cười to đến nghẹt cả thở. Này anh bạn, tôi vui tính lắm mà. Zollner và tôi có thể làm một chương trình hay thường xuyên trên ti vi: Corey và Zollner. Có thể còn hay hơn chương trình *Hồ sơ Corey*.

Tất cả mọi người quay lại với bữa ăn trưa và nói chuyện phiếm. Tôi liếc nhìn những người đồng hành với mình. George Foster trông hơi hoảng lúc tôi nói không tin vào chuyện vác xin Ebola, nhưng giờ lại bình thản và đang ăn món búp linh lăng. Ted Nash lúc trước không hoảng đến như vậy nhưng lại đáng sợ hơn. Ý tôi là, bất kể điều gì đang diễn ra trong này, thì đây không phải lúc và không phải nơi để nói chuyện linh tinh hay dối trá. Beth và tôi đưa mắt nhìn nhau, và cũng như mọi lần, tôi không thể biết là nàng thích thú với những câu đùa của tôi hay lại khó chịu. Con đường tới trái tim phụ nữ là qua óc khôi hài của họ. Phụ nữ thích những người đàn ông làm họ cười. Tôi nghĩ thế.

Tôi nhìn Max. Anh dường như ít lo sợ hơn trong căn phòng gần như bình thường này. Có vẻ như anh đang thưởng thức món xa-lát của mình, không phải thứ nên có trên thực đơn trong một không gian kín.

Chúng tôi tiếp tục ăn và câu chuyện trở lại với thứ vác xin có thể đã bị đánh cắp kia. Tiến sĩ Zollner nói, "Có ai đó đã nói lúc trước là loại vác xin này có giá trị bằng trọng lượng của nó tính theo vàng, điều này làm tôi nhớ lại - một vài loại vác xin mà vợ chồng Gordon đang thử có màu của vàng. Tôi nhớ vợ chồng Gordon đã có lần nói về loại vác xin này là vàng nước. Tôi nghĩ điều này hơi lạ, có lẽ thế, vì chúng tôi không bao giờ nói đến tiền bạc hay lợi nhuận ở đây...".

"Tất nhiên là không," tôi nói. "Chỗ của ngài là cơ quan chính phủ. Nó không phải là tiền của ngài, và ngài không bao giờ phải chứng tỏ lợi nhuận."

Tiến sĩ Zollner mỉm cười. "Cả công việc của ngài cũng thế, thưa ngài."

"Rất giống nhau. Dù đã xảy ra bất cứ chuyện gì, giờ chúng ta tin rằng vợ chồng Gordon đã sáng ra và không còn thỏa mãn khi làm việc vì lợi ích của khoa học với mức lương của chính phủ, họ phát hiện ra chủ nghĩa tư bản và đi theo tiếng gọi của vàng."

"Đúng." Lão nói thêm, "Anh đã nói chuyện với các đồng nghiệp của họ, anh đã thấy họ làm gì ở đây, và đến giờ anh chỉ có thể rút ra một kết luận duy nhất. Vậy sao anh còn hoài nghi?"

"Tôi có nghi ngờ gì đâu," tôi nói dối. Tất nhiên là tôi phải nghi ngờ. Tôi là dân New York và tôi là cớm. Nhưng vì không muốn làm mếch lòng tiến sĩ Zollner hay Foster và Nash nên tôi nói, "Tôi chỉ tìm cách để làm cho các sự kiện trở nên hợp lý. Theo cách tôi nhìn nhận, hoặc việc vợ chồng Gordon bị giết không liên quan gì đến công việc của họ ở đây, và tất cả chúng tôi đã đi sai đường - hoặc nếu có liên quan đến công việc của họ thì

khả năng nhiều nhất là vì việc lấy cắp một loại vác xin trị giá đến hàng triệu đô la. Vàng nước. Và dường như vợ chồng Gordon đã bị lừa, hoặc có thể họ đã cố lừa đối tác kia, để rồi bị giết-" *Ping*.

Lại là âm thanh đó trong đầu. Cái gì...? Nó đang ở đây. Tôi không thể thấy nó, nhưng tôi có thể nghe thấy tiếng vọng của nó, tôi có thể cảm giác được sự hiện diện của nó. Nhưng nó là cái gì?

"Anh Corey?"

"Gì cơ?"

Đôi mắt xanh chớp chớp của tiến sĩ Zollner đang soi vào tôi qua cặp kính gọng nhỏ. Lão nói, "Anh đang nghĩ gì trong đầu à?"

"Không. À, có. Nếu tôi phải bỏ đồng hồ đeo tay ở ngoài thì tại sao ngài lại được mang kính vào?"

"Đó là một ngoại lệ. Có chỗ để rửa kính trên đường đi ra. Nó khiến anh có ý tưởng hay giả thuyết gì mới à?"

"Đĩa mang chuỗi gen ngụy trang là kính mắt."

Lão lắc đầu. "Ngớ ngẩn. Tôi nghĩ những chiếc đĩa đó được mang ra bằng xe đẩy."

"Đúng."

Tiến sĩ Zollner nhìn đồng hồ trên tường rồi nói, "Chúng ta tiếp tục chứ?"

Tất cả chúng tôi đứng dậy và nhặt những đồ giấy, nhựa vào một chiếc thùng rác con màu đỏ có lót một túi nhựa cũng màu đỏ.

Ra đến ngoài hành lang, tiến sĩ Zollner nói, "Giờ chúng ta sẽ vào Vùng ba. Tất nhiên đó là vùng có mức độ nguy hiểm cao hơn, vì vậy nếu có ai không muốn vào thì tôi sẽ cử người đưa trở lại phòng tắm."

Tất cả mọi người dường như đều muốn đi sâu thêm vào tận cùng của địa ngục. Nói thế thì có vẻ hơi quá so với phản ứng của mọi người. Hiện giờ, chúng tôi đi qua một cánh cửa màu đỏ có dòng chữ "Vùng ba." Ở đây, Zollner giải thích, các nhà nghiên cứu của lão làm việc với các nguồn bệnh còn sống - kí sinh trùng, virut, vi trùng, nấm và đủ thứ đáng sợ khác. Zollner chỉ cho chúng tôi một phòng thí nghiệm, bên trong là một người phụ nữ đang ngồi trên chiếc ghế đẩu cạnh lỗ thông trên tường. Cô này đeo mặt nạ, đi găng tay cao su. Trước mặt cô là một tấm chắn bằng nhựa, giống như tấm chắn hắt xì hơi ở một quay bar bán xa-lát, chỉ khác là cô ta không gắp rau. Zollner nói, "Lỗ thông trên tường chỗ đặt các nguồn bệnh có máy hút khí nên khả năng có thứ gì đó lọt vào phòng này là thấp."

Max hỏi, "Tại sao cô ấy có mặt nạ còn chúng ta thì không?"

"Câu hỏi hay đấy." Tôi nói.

Zollner nói, "Cô ấy ở gần nguồn bệnh hơn chúng ta nhiều. Nếu anh muốn đến gần để xem thì tôi sẽ lấy mặt nạ cho anh."

"Bỏ qua." Tôi nói.

"Bỏ qua." Tất cả mọi người đồng ý.

Tiến sĩ Zollner tiến gần đến chỗ người phụ nữ và trao đổi một vài câu nhỏ với cô. Lão quay ra, đi gần đến chỗ chúng tôi và nói, "Cô ấy đang nghiên cứu loại virut gây ra bệnh lưỡi xanh." Lão thoáng suy nghĩ rồi nói, "Có lẽ tôi đã đến quá gần." Lão lè lưỡi ra, lưỡi lão đúng là màu xanh thật, rồi lão nhìn xuống mũi. "Đức Chúa nơi thiên đàng ... hay đó là món bánh việt quất mà tôi ăn trong bữa trưa?" Lão cười to. Chúng tôi cũng cười. Kỳ thực, những trò đùa xúi quẩy càng lúc càng không hợp lắm, kể cả với tôi, nhưng tôi luôn sẵn lòng tha thứ cho những trò đùa ngu ngốc.

Tất cả chúng tôi rời khỏi căn phòng.

Nơi này trong tòa nhà trông vắng vẻ hơn ở Vùng hai, những người tôi gặp trông cũng ít vui vẻ hơn.

Zollner nói, "Ở đây không có gì nhiều để xem, nhưng nếu tôi nói thế thì anh Corey lại nằng nặc đòi xem mọi ngóc ngách chỗ này."

"Ồ, tiến sĩ Zollner," tôi nói, "tôi đã làm gì để ngài phải nói những điều như thế về tôi sao?"

"Đúng."

"Được, thế thì hãy xem từng ngõ ngách của chỗ này nhé."

Tôi nghe thấy một vài tiếng than, nhưng Zollner nói, "Rất tốt, xin đi theo tôi."

Chúng tôi mất khoảng nửa giờ xem xét từng ngõ ngách, và thật ra hầu như chỗ nào trong Vùng ba này cũng giống nhau - phòng nối tiếp phòng với những con người đang chúi đầu vào kính hiển vi, lấy những bản kính ra khỏi chất lỏng, những mẫu vật từ máu và mô của các động vật sống và chết, v.v... Một số còn mang bữa trưa vào và ăn trong khi làm việc cùng những thứ ghê người kia.

Chúng tôi nói chuyện với khoảng hơn chục người nữa có biết hoặc làm việc cùng Tom và Judy, và dù chúng tôi hình dung được một bức tranh rõ ràng hơn, đầy đủ hơn về công việc của họ, chúng tôi không tìm hiểu thêm được gì nhiều về đầu óc của họ.

Tuy nhiên, tôi vẫn nghĩ đây là bài tập không thừa - tôi muốn xây dựng trong đầu mình đầy đủ hoàn cảnh của người đã chết, sau đó tôi thường nghĩ tới điều gì đó sáng sủa để đi tiếp theo hướng đó. Đôi khi những lúc chuyện phiếm với bạn bè, gia đình, đồng nghiệp lại xuất hiện một hai từ có thể dẫn đến cách giải quyết.

Zollner giải thích, "Hầu hết các loại virut và vi trùng không thể vượt qua ranh giới loài. Các vị có thể uống một ống nghiệm đầy virut gây bệnh

lở mồm long móng mà không hề hấn gì ngoài một chút khó chịu trong bụng, mặc dù một con bò sẽ chết với một lượng chỉ bằng chiếc đầu kim."

"Tại sao?"

"Tại sao ư? Vì cấu trúc gen của virut phải có khả năng... khớp vào một tế bào để lây nhiễm vào nó. Tế bào của người không khớp với virut lở mồm long móng."

Beth nói, "Nhưng có một số bằng chứng cho thấy bệnh bò điên có lây sang người."

"Bất cứ điều gì cũng có thể. Đó là lý do tại sao chúng tôi phải thận trọng." Lão nói thêm, "Vi sinh vật cắn đấy."

Thật ra, chúng mút.

Chúng tôi vào một căn phòng sáng sủa khác, Zollner nói, "Trong này chúng tôi làm việc với các kí sinh trùng. Tệ nhất là loài sâu xoắn. Chúng tôi đã tìm ra một biện pháp rất hay để kiểm soát loại bệnh này. Chúng tôi biết rằng sâu xoắn đực và cái chỉ giao phối duy nhất một lần trong đời, vì thế chúng tôi làm mất khả năng sinh sản của hàng triệu con đực bằng tia gamma và dùng máy bay thả chúng vào miền Trung Mỹ. Khi con đực giao phối với con cái, chúng không sinh sản được. Hay đấy chứ?"

Tôi buộc phải hỏi, "Nhưng con cái có thỏa mãn không?"

"Phải thỏa mãn," Zollner đáp. "Nó sẽ không bao giờ giao phối lại."

Beth góp ý, "Còn một cách khác để nhìn nhận việc này."

Zollner phì cười. "Đúng, cách nhìn của loài cái."

Trò giễu cợt qua đi, chúng tôi lần lượt nhìn vào ấu trùng sâu xoắn dưới kính hiển vi. Ghê thật.

Và chúng tôi cứ như vậy, vào các phòng thí nghiệm, những căn phòng nơi các loại vi trùng, vi khuẩn và kí sinh trùng đáng sợ được nuôi lớn và

cất trữ. Chúng tôi vào tất cả những nơi bí hiểm mà mục đích và chức năng của chúng thì tôi chỉ hiểu lờ mờ.

Tôi luôn tưởng tượng trong đầu hai người bạn Tom và Judy của tôi bước đi trên những hành lang này, vào những căn phòng này hàng ngày. Thế nhưng họ không bị trầm cảm hay lo lắng gì. Ít nhất là tôi không nhận ra.

Cuối cùng, tiến sĩ Zollner nói, "Đó là tất cả Vùng ba. Giờ một lần nữa tôi phải hỏi các vị là có muốn đi tiếp hay thôi. Vùng bốn là vùng nhiễm khuẩn cao nhất trong tất cả các vùng, thực ra là hơn cả Vùng năm. Ở Vùng năm, mọi người luôn ở trong bộ đồ chống nguy hiểm sinh học và sử dụng ống thở, mọi thứ đều được khử trùng thường xuyên. Thật ra còn có một phòng tắm riêng cho Vùng năm. Nhưng Vùng bốn là chỗ các vị sẽ thấy các chuồng nhốt động vật, những con vật ốm và sắp chết, rồi cả các phòng thiêu hủy và mổ xẻ, nếu các vị muốn. Vì vậy, mặc dù chúng tôi chỉ xử lí lâm sàng ở đây đối với các loại bệnh động vật, nhưng có thể có các mầm bệnh khác trong môi trường xung quanh." Lão nói thêm, "Nghĩa là vi trùng trong không khí."

Max hỏi, "Chúng tôi có mặt nạ không?"

"Nếu anh muốn." Lão nhìn quanh rồi nói, "Được, đi theo tôi."

Chúng tôi lại đến một cánh cửa màu đỏ khác, lần này là dòng chữ "Vùng bốn" cùng một biểu tượng nguy hiểm sinh học. Một tay hề nào đó đã đính một tấm đề can đầu lâu xương chéo ghê rợn vào cánh cửa - chiếc đầu lâu nứt miếng, một con rắn thò ra từ vết nứt và tự xâu mình qua một hốc mắt của chiếc đầu. Một con nhện đang bò ra từ cái mồm đang nhe nhởn. Tiến sĩ Zollner nói, "Tôi tin Tom là người làm cái trò kinh khủng đó. Vợ chồng Gordon tạo cho nơi này một chút bông đùa."

"Đúng." Cho đến khi họ chết.

Vị chủ nhà của chúng tôi mở cánh cửa đỏ, bên trong là một căn phòng kiểu phòng chờ. Một chiếc xe đẩy bằng kim loại đặt trong phòng, bên trên có một hộp đựng găng tay cao su và một hộp đựng mặt nạ giấy. Tiến sĩ Zollner nói, "Ai muốn thì cứ dùng."

Nghe cứ như bảo dù và áo phao là không bắt buộc, nghĩa là có thể cần những thứ đó hoặc không.

Zollner giải thích thêm, "Thứ này không bắt buộc. Dù sao thì khi ra chúng ta cũng phải tắm. Cá nhân tôi không cần đến găng tay hay mặt nạ. Chỉ vướng víu. Nhưng quý vị có thể cảm thấy yên tâm hơn nếu dùng."

Tôi có cảm giác rất rõ là lão đang hù chúng tôi, kiểu như, "Tôi toàn đi đường tắt qua nghĩa trang, nhưng nếu các vị thích đi đường xa thì tôi cũng sẵn lòng. Đồ nhát gan."

Tôi nói, "Chỗ này không thể bẩn hơn phòng tắm của tôi được."

Zollner cười, "Chắc phải sạch hơn nhiều chứ."

Rõ ràng không ai muốn mình trông như dở hơi bằng việc mang trên mình những thứ đồ phòng bệnh, và đó là con đường để những sinh vật nhỏ bé tấn công chúng ta. Vì thế chúng tôi đi tiếp, qua chiếc cửa màu đỏ thứ hai đến một hành lang xây bằng bê tông cũng một màu xám như ở những chỗ khác trong khu kiểm soát sinh học. Có điều khác là những chiếc cửa ở đây rộng hơn, trên mỗi chiếc đều có một chiếc then cài lớn. Zollner giải thích, "Đó là cửa khóa không khí."

Tôi cũng nhận ra trên mỗi cánh cửa đều có một ô cửa sổ nhỏ, một chiếc bìa kẹp treo trên bức tường bên cạnh.

Tiến sĩ Zollner đưa chúng tôi tới cánh cửa gần nhất và nói, "Tất cả các phòng này đều là chỗ nhốt động vật và đều có cửa sổ để quan sát từ bên ngoài. Điều mà các vị nhìn thấy có thể sẽ không mấy dễ chịu, hoặc sẽ làm cho bữa ăn trưa lợm miệng. Vì thế các vị không bắt buộc phải nhìn." Lão

xem chiếc bìa kẹp treo trên tường bê tông và nói, "Bệnh sốt lợn châu Phi..." Lão nhìn qua cửa sổ rồi nói, "Chú này không tệ lắm. Chỉ hơi bơ phờ một chút. Cứ xem đi."

Chúng tôi lần lượt ghé mắt nhìn vào chú ngựa đen xinh đẹp bên trong căn phòng đóng kín như nhà tù. Quả thật trông nó hoàn toàn bình thường, chỉ trừ thỉnh thoảng thở hổn hển như thể có vấn đề về hô hấp.

Zollner giải thích, "Tất cả các động vật ở đây đều được thử thách với một loại virut hoặc vi trùng."

"Thử thách?" Tôi hỏi. "Phải chăng là cho lây nhiễm."

"Đúng, chúng tôi gọi là thử thách."

"Sau đó thì điều gì xảy ra? Chúng trở nên yếu hơn, rồi rơi vào tình trạng không thở ngoài ý muốn?"

"Đúng. Chúng ốm và chết. Tuy nhiên, đôi khi chúng tôi phải hy sinh chúng. Tức là giết chết chúng trước khi căn bệnh phát triển lên đỉnh điểm." Lão nói thêm, "Tôi nghĩ mọi người làm việc ở đây đều yêu mến động vật, đó là lý do tại sao họ thích thứ công việc này. Không ai trong trung tâm này muốn thấy những sinh linh này phải chịu đau đớn, nhưng nếu các vị đã từng thấy hàng triệu gia súc bị nhiễm bệnh lở mồm long móng, các vị sẽ hiểu tại sao việc hy sinh một vài chục con là cần thiết." Lão đặt tấm bảng trở lại và nói, "Đi thôi."

Ở đây vô khối những căn phòng bất hạnh như vậy, và chúng tôi đi từ phòng này đến phòng khác nơi đủ loại động vật đang ở những giai đoạn khác nhau gần đến cái chết. Trong một phòng nhốt, con bò thấy chúng tôi liền đi dặt dẹo tới cửa và nhìn chúng tôi đang chăm chú vào nó. Tiến sĩ Zollner nói, "Chú này bị nặng rồi. Lở mồm long móng giai đoạn cuối - các vị có thấy dáng đi của nó không? Nhìn những vết phồng rộp trên miệng nó. Nước dãi đặc trông như sợi dây thừng. Đây là loại bệnh đáng sợ và là kẻ

thù cũ. Có những ghi chép về loại bệnh này trong những văn tự cổ. Như tôi đã nói, bệnh này có tính lây lan cao. Một lần bệnh dịch nổ ra ở Pháp đã lan sang tận Anh qua đường gió qua eo biển Măng-xơ. Đó là một trong những virut nhỏ bé nhất phát hiện được từ trước đến giờ. Nó dường như có khả năng sống ở trạng thái ngủ trong thời gian rất dài." Lão im lặng một lát rồi nói tiếp, "Một ngày nào đó, một thứ gì đó như thế này có thể biến thể và bắt đầu lây nhiễm trên cơ thể người..."

Cho đến lúc này, tôi nghĩ, tất cả chúng tôi đều đã bị "thử thách" về tinh thần lẫn thể xác, theo cách nói của tiến sĩ Zollner. Nói cách khác, đầu óc chúng tôi đã mụ đi, mông thì ê ẩm rồi. Nhưng tệ hơn là tinh thần của chúng tôi đã nhụt đi, và nếu tôi có linh hồn thì nó đã bị trục trặc rồi.

Cuối cùng, tôi nói với tiến sĩ Zollner, "Tôi không biết gì về bất cứ ai khác, nhưng tôi đã thấy đủ rồi."

Mọi người đều đồng tình.

Tuy vậy, tôi lại có một ý nghĩ cuối cùng và ngu ngốc, tôi nói, "Liệu chúng tôi có thể xem vợ chồng Gordon làm việc với cái gì không? Tức là virut Ebola ở khỉ ấy?"

Lão lắc đầu. "Đó là Vùng năm." Lão suy nghĩ một lúc rồi nói, "Nhưng tôi có thể cho anh xem một con lợn bị bệnh sốt lợn châu Phi. Nó cũng giống như Ebola, đều là sốt xuất huyết. Rất giống nhau."

Lão dẫn đường đưa chúng tôi đến một hành lang khác và dừng lại trước một cánh cửa đề số "1130". Lão kiểm tra bảng ghi chép trên tường và nói, "Con lợn này đang ở giai đoạn cuối... giai đoạn xuất huyết... nó sẽ đi trong sáng nay... nếu đã đi trước đó thì nó được đặt trong một chiếc thùng ướp lạnh, rồi được giải phẫu những bộ phận đầu tiên vào ngày mai, sau đó đem thiêu hủy. Đây là một thứ bệnh cực kỳ ghê sợ đã giết chết gần như toàn bộ loài lợn ở nhiều nơi tại châu Phi. Hiện chưa có loại vác xin hay thuốc chữa

nào. Như tôi đã nói, đó là thể bệnh rất gần với Ebola...” Lão nhìn tôi và bước tới chỗ ô cửa sổ. “Nhìn đi.”

Tôi bước tới chiếc cửa sổ và nhìn vào bên trong. Sàn của căn phòng được sơn đỏ, điều ban đầu làm tôi ngạc nhiên, nhưng sau liền hiểu ra. Giữa căn phòng là một con lợn khổng lồ đang nằm trên sàn, gần như bất động, quanh mồm, mũi và cả hai bên tai đầy máu. Cho dù sàn nhà được sơn đỏ, tôi vẫn nhận ra một vũng máu tươi gần hai chân sau của nó.

Phía sau tôi, tiến sĩ Zollner nói, “Anh thấy nó đang ra máu, đúng không? Sốt xuất huyết thật kinh khủng. Các bộ phận nội tạng trở thành đặc sệt... Giờ anh có thể hiểu tại sao Ebola đáng sợ như vậy.”

Tôi nhận ra một ống thoát nước bằng kim loại ở giữa sàn nhà và máu đang chảy vào trong đường ống. Tôi không thể tránh được cảnh này, và tôi nhớ lại cảnh bên rãnh nước trên Phố 102 Tây, sự sống của tôi đang chảy vào trong đường thoát nước thải và diễn ra ngay trước mắt tôi. Tôi biết con lợn kia cảm thấy ra sao khi nhìn máu của mình rỉ ra khỏi cơ thể, âm thanh ù ù bên tai, tiếng đập trong ngực khi huyết áp tụt nhanh và tim cố bù lại bằng nhịp đập mỗi lúc một nhanh hơn cho đến khi biết rằng nó sắp dừng lại.

Tôi nghe giọng Zollner vọng từ phía xa. “Anh Corey? Anh Corey? Tránh ra được rồi. Để cho người khác nhìn. Anh Corey?”

CHƯƠNG 13

Chúng tôi không muốn có bất kì thứ virut hay vi khuẩn nào bám theo người về đất liền," tiến sĩ Zollner nói, một điều không cần thiết. Chúng tôi cởi đồ, cho quần áo và dép vào một chiếc hòm, bỏ quần lót giấy vào một chiếc thùng đựng rác.

Tôi không hẳn tập trung, chỉ là làm những việc mà mọi người khác cũng đang làm.

Chúng tôi theo Zollner vào phòng tắm - tôi, Max, Nash và Foster - chúng tôi đứng dưới vòi hoa sen gội đầu với một loại dầu đặc biệt, đánh sạch móng tay bằng bàn chải và chất tẩy trùng. Tất cả chúng tôi đều súc miệng bằng một thứ nước kinh khủng, súc súc rồi nhổ ra. Tôi cứ thoa xà phòng rồi lại cọ rửa đến khi Zollner nói, "Thế đủ rồi. Anh sẽ bị hoang tưởng mà chết đấy." Lão cười to.

Tôi lau khô người bằng khăn rồi quẳng nó vào một chiếc hòm và đi ra, trần như nhộng, quay lại buồng thay đồ của tôi, da dẻ sạch sẽ xin xít, không còn thứ vi sinh vật gì bám trên người, ít nhất là ở bên ngoài.

Ngoài những người tôi đi cùng vào đây không còn ai khác trong phòng. Ngay cả người phục vụ cũng không thấy đâu. Tôi hiểu một người làm thế nào để có thể mang những vật lớn ra khỏi phòng thí nghiệm vào phòng thay đồ. Nhưng tôi không nghĩ đó là điều đã xảy ra, vì thế việc có thể mang được ra hay không cũng không quan trọng gì.

Zollner đã đi đâu đó và quay về với mấy chiếc chìa khóa buồng thay đồ đưa cho mọi người.

Tôi mở buồng của mình và lấy quần áo mặc. Một anh chàng rất cẩn thận nào đó, rất có thể là Stevens, đã tốt bụng tới mức giặt sạch cả chiếc quần soóc của tôi và vô tình rũ sạch luôn cả nắm đất đỏ khỏi túi quần. Ái chà. Được đấy, Corey.

Tôi kiểm tra lại khẩu 38 và nó trông vẫn bình thường, nhưng ai mà biết được khi một tay nghịch ngợm nào đó rũa mất kim hỏa, làm tắc nòng súng hay lấy thuốc nổ ra khỏi vỏ đạn. Tôi tự nhắc phải nhớ kiểm tra lại súng và đạn cẩn thận hơn khi về nhà.

Max đang ở buồng thay đồ sát buồng tôi nói nhỏ, "Đó là một kinh nghiệm."

Tôi gật đầu và hỏi, "Giờ anh yên tâm hơn sống ở cuối ngọn gió từ Đảo Plum rồi chứ?"

"À, ừ, tôi thấy sợ kinh khủng."

"Tôi thấy ấn tượng với khu kiểm soát sinh học," tôi nói. "Thật hiện đại."

"Ừ. Nhưng tôi đang nghĩ về một trận bão hoặc một vụ tấn công khủng bố."

"Ông Stevens sẽ bảo vệ Đảo Plum khỏi bị tấn công khủng bố."

"Đúng. Nhưng còn bão thì sao?"

"Y như một vụ tấn công hạt nhân - cúi người xuống, chui đầu qua chân và hôn lên mông tạm biệt."

"Đúng." Anh nhìn tôi và hỏi, "Này, anh không sao chứ?"

"Không sao."

"Ra đến ngoài này trông anh như người say thuốc."

“Mệt. Phổi tôi đang khò khè.”

“Tôi cảm thấy có trách nhiệm vì đã lôi anh vào vụ này.”

“Tôi không thể tưởng tượng là tại sao.”

Anh cười nói, “Anh mà cưa được cô nàng Mông Căng là phải cảm ơn tôi đấy.”

“Tôi không hiểu anh đang nói gì.” Tôi xỏ giày và đứng lên. Tôi nói với Max, “Chắc là anh dị ứng với xà phòng rồi. Mặt anh nổi nốt đỏ kìa.”

“Cái gì?” Anh sờ hai tay lên má và chạy đến chỗ chiếc gương gần nhất. Anh soi thật kỹ và cúi sát thêm qua chiếc chậu rửa. “Anh nói cái khỉ gì thế? Da tôi vẫn bình thường mà.”

“Chắc là tại ánh sáng ở đây.”

“Thôi cái trò ấy đi, Corey. Không phải chuyện để đùa.”

“Đúng.” Tôi đi ra cửa phòng thay đồ nơi tiến sĩ Zollner đang chờ. Tôi nói với lão, “Dù tôi có xấu tính nhưng tôi vẫn rất ấn tượng với cách làm việc của ngài. Cám ơn ngài vì đã dành thời gian.”

“Hân hạnh được đi cùng anh, Corey. Tôi lấy làm tiếc là đã gặp anh trong tình huống không vui như thế này.”

George Foster đến chỗ chúng tôi và nói với tiến sĩ Zollner, “Tôi định sẽ làm một báo cáo tốt về những thủ tục kiểm soát sinh học của ngài.”

“Cám ơn anh.”

“Nhưng tôi nghĩ là an ninh vòng ngoài có thể tăng cường thêm, và tôi cũng sẽ đề nghị tổ chức một cuộc nghiên cứu.”

Zollner gật đầu.

Foster tiếp tục, “Điều may mắn là dường như vợ chồng Gordon không đánh cắp thứ gì nguy hiểm, và nếu họ có lấy cắp thứ gì thì đó là một thứ vác xin thử nghiệm.”

Tiến sĩ Zollner lại gật đầu.

Foster kết luận, "Tôi sẽ đề nghị đặt một lực lượng thủy quân lục chiến lâu dài tại pháo đài Terry."

Tôi sốt ruột muốn ra khỏi căn phòng thay đồ màu da cam và được thấy ánh sáng mặt trời. Tôi đi ra cửa và mọi người đi theo.

Ra đến chỗ hành lang to và sáng bóng, tiến sĩ Zollner nhìn quanh tìm Beth, vẫn chưa thấy cô.

Chúng tôi bước đến quầy lễ tân đổi những tấm thẻ trắng có dây đeo băng lại thẻ kẹp trên áo màu xanh. Tôi nói với Zollner, "Ở đây có cửa hảng bán đồ lưu niệm cho chúng tôi mua ít đồ và áo phông không?"

Zollner bật cười. "Không. Nhưng tôi sẽ đề nghị chuyện này tới Washington. Đồng thời, anh cũng nên cầu nguyện vì đã không mang theo một thứ quà lưu niệm khác."

"Cám ơn tiến sĩ."

Tiến sĩ Zollner nhìn đồng hồ và nói, "Các vị có thể đi chuyến tàu 3 giờ 45 nếu muốn, cũng có thể vào phòng của tôi nếu có đầu gì muốn tìm hiểu thêm."

Tôi đã muốn quay lại chỗ những ụ pháo trên đảo và khám phá những đường ngầm dưới lòng đất. Nhưng nếu tôi mà nói ra thì chắc sẽ bị phản đối. Mà nói thật, tôi cũng không hào hứng gì với một chuyến đi vất vả quanh đảo nữa.

Tôi nói với Zollner, "Chúng tôi chờ sếp. Chúng tôi không muốn quyết những chuyện quan trọng mà không có cô ấy."

Zoller gật đầu và mỉm cười.

Tôi thấy dường như Zollner không có vẻ gì là lo lắng về bất cứ điều gì trong chuyện này - về việc mọi người đặt câu hỏi về vấn đề an ninh hay

những thủ tục quy định về kiểm soát sinh học, hay thậm chí về khả năng hai nhà khoa học hàng đầu của lão đã đánh cắp thứ gì đó tốt và có giá trị, hay thứ gì đó đáng sợ. Tôi chợt nghĩ Zollner không lo lắng là vì ngay cả trường hợp lão bị lừa hoặc lão bị đổ trách nhiệm về chuyện lừa của người khác, lão đã thoát khỏi chiếc lưỡi câu - lão đã thôi không phải làm việc với chính phủ, lão đang hợp tác trong một vỏ bọc để đổi lấy việc không phải chịu trách nhiệm về vụ việc. Cũng có một khả năng, dù hơi xa, là tiến sĩ Zollner đã giết vợ chồng Gordon hoặc biết ai đã giết họ. Như cách nhìn của tôi thì bất cứ ai gần gũi với vợ chồng Gordon đều là kẻ tình nghi.

Beth đi ra từ phòng thay đồ nữ và đến chỗ chúng tôi ở quầy lễ tân. Tôi nhận ra nàng không trang điểm kĩ, hai má nàng vẫn còn hơi đỏ vì mới kì cọ.

Nàng đổi thẻ, rồi Zollner nhắc lại lời đề nghị và lựa chọn của chúng tôi.

Beth nhìn chúng tôi nói, "Tôi đã thấy đủ rồi, trừ khi các anh muốn xuống dưới đường ngầm hay làm gì khác."

Tất cả chúng tôi đều lắc đầu.

Nàng nói với tiến sĩ Zollner, "Chúng tôi vẫn có quyền tới thăm lại đảo bất cứ lúc nào cho tới khi xong vụ này."

"Về phần tôi, các vị được chào đón bất cứ lúc nào." Lão nói thêm, "Nhưng đó không phải là quyết định của tôi."

Một hồi còi rúc lên bên ngoài. Tôi nhìn qua những cánh cửa kính. Một chiếc xe buýt đang đợi phía trước, một vài nhân viên đang lên xe.

Tiến sĩ Zollner nói, "Xin thứ lỗi cho tôi vì không tiễn được các vị ra tàu." Lão bắt tay mọi người và chào tạm biệt, không một cử chỉ nào của người vừa tống khứ được gánh nợ. Một quý ông thật sự.

Chúng tôi ra bên ngoài dưới ánh nắng mặt trời. Tôi hít một hơi thật sâu không khí trong lành trước khi lên xe. Người lái xe là một nhân viên an

ninh khác, tôi đoán là người hộ tống chúng tôi.

Chỉ có sáu nhân viên trên xe, và tôi không nhận ra đã gặp người nào trong chuyến đi vào bên trong lúc trước.

Chiếc xe mất năm phút chạy ra bến tàu và dừng lại.

Tất cả chúng tôi xuống xe và bước tới phía con tàu sơn hai màu xanh, trắng. Chiếc *Plum Runner*. Chúng tôi vào trong cabin lớn, một hồi còi rúc lên và con tàu rời đảo.

Năm người chúng tôi vẫn đứng nói chuyện phiếm. Một người trong số thủy thủ với vẻ mặt chai sạn đi quanh và thu thẻ của chúng tôi. Anh nói, "Các vị thích hòn đảo của tiến sĩ Moreau* chứ?"

Câu trích văn học này khiến tôi ngạc nhiên vì do một thủy thủ lão luyện nói ra. Chúng tôi nói chuyện với anh chàng một lát và biết tên anh ta là Pete. Pete cũng nói với chúng tôi rằng anh khá buồn về chuyện của nhà Gordon.

Pete xin lỗi rồi đi lên cầu thang dẫn tới sàn thượng và đài chỉ huy. Tôi đi theo, và trước khi anh mở cửa phòng, tôi nói, "Xin anh một phút được không?"

"Tất nhiên là được."

"Anh có quen vợ chồng Gordon không?"

"Có chứ. Chúng tôi đi cùng nhau trên tàu này hai năm nay mà."

"Tôi được biết là họ sử dụng tàu riêng để đi làm."

"Thỉnh thoảng. Một chiếc Formula 303. Động cơ Mercs đôi. Nhanh kinh khủng."

Đến lúc phải nói thẳng ra. Tôi hỏi, "Liệu có khả năng họ dùng chiếc tàu đó để vận chuyển ma túy không?"

"Ma túy? Ồ, không. Họ không thể tìm được một hòn đảo chứ đừng nói gì đến một con tàu lớn chở ma túy."

"Làm sao anh biết?"

"Đã có lần tôi nói chuyện với họ một lúc về các loại tàu. Họ không hề biết định hướng. Họ thậm chí còn không có hệ thống định vị trên tàu. Anh hiểu chứ?"

"Đúng." Giờ anh chàng thủy thủ nhắc tới tôi mới nhớ chưa bao giờ thấy một thiết bị định vị vệ tinh trên con tàu của họ. Nhưng nếu bạn vận chuyển ma túy thì bạn *cần* phải có một thiết bị định vị vệ tinh. Tôi nói với Pete, "Có thể họ lừa anh đấy. Biết đâu họ là những nhà hàng hải giỏi nhất từ thời Magellan."

"Ai cơ?"

"Sao anh lại nghĩ là họ không biết định hướng?"

"Tôi đã cố kéo họ tham gia khóa học Power Squadron. Anh biết cái này chứ? Nhưng họ không mấy hào hứng."

Pete hơi chậm hiểu. Tôi thử lại. "Có thể họ *làm cho anh tưởng* rằng họ không biết định hướng. Tức là để không ai nghĩ rằng họ lại vận chuyển ma túy."

"Ừ nhỉ." Anh gãi đầu. "Có thể. Nhưng tôi không nghĩ thế. Họ không thích ra nơi mênh mông nước. Nếu họ đang trên tàu mà nhìn thấy chiếc phà này thì họ sẽ chạy gần ngay bên cạnh hướng dưới gió và theo chúng tôi suốt chặng đường. Họ không bao giờ muốn để đất liền vượt tầm mắt. Anh nghe thế có giống một kẻ vận chuyển ma túy không?"

"Tôi đoán là không. Vậy Pete, ai giết họ và tại sao lại giết?"

Anh sững lại một chút như đóng kịch rồi nói, "Tôi làm sao biết được."

“Anh biết là anh đã nghĩ về nó mà, Pete. Ai và tại sao? Anh nghĩ đến điều gì trước tiên? Mọi người nói gì?”

Anh ấp úng một chút rồi trả lời, “Tôi đoán, tôi nghĩ là họ đã lấy cắp thứ gì đó từ phòng thí nghiệm. Anh biết chứ? Một thứ gì đó có thể nhấn chìm cả thế giới. Và họ định bán nó cho một thế lực nước ngoài nào đó. Rồi chuyện không thành và họ bị thủ tiêu.”

“Và anh không nghĩ thêm chút gì về điều này hay sao?”

“A, tôi có nghe nói về một chuyện khác.”

“Là cái gì?”

“Thứ họ lấy cắp là một loại vác xin trị giá hàng triệu đô.” Anh nhìn tôi, “Phải thế không?”

“Là nó đấy.”

“Họ muốn giàu sớm nhưng hóa ra lại chết sớm.”

“Cái giá của tội lỗi là cái chết.”

“Vâng.” Anh xin lỗi và đi vào phòng lái.

Một điều thú vị là Pete, và có lẽ tất cả mọi người khác, trong đó có cả các bạn, đều có phản ứng ban đầu giống nhau về cái chết của vợ chồng Gordon. Sau đó, tôi thì nghĩ đến chuyện vận chuyển ma túy. Giờ chúng tôi đang nghĩ đến chuyện vác xin. Nhưng đôi khi phản ứng đầu tiên, phản ứng từ bản năng, lại đúng. Trong bất cứ trường hợp nào, cả ba giả thuyết đều có điểm chung là *tiền*.

Tôi đứng trên sàn thượng và nhìn ngắm phía bờ màu xanh của Đảo Plum đang lùi dần ra xa. Mặt trời vẫn còn trên cao ở hướng tây mang lại cảm giác dễ chịu trên da thịt. Tôi đang tận hưởng cảm giác đi tàu, hương vị của biển, thậm chí cả những lắc lư của con tàu. Tôi có ý nghĩ chợt đến là

mình đang trở thành dân bản địa. Việc tiếp theo là tôi sẽ ngồi gỡ vỏ trai, bất kể điều này nghĩa là gì.

Beth Penrose lên sàn thượng, ngắm nhìn con tàu rẽ nước một lúc, rồi quay lại tựa lưng vào lan can, mặt hướng về phía mặt trời.

Tôi nói với nàng, "Cô đã đoán được Zollner sẽ nói gì."

Nàng gật đầu. "Điều đó có lý và phù hợp với các sự kiện. Nó giải quyết vấn đề của chúng ta khi cho rằng vợ chồng Gordon có khả năng đánh cắp những vi sinh vật chết người, và cả vấn đề nghi ngờ họ vận chuyển ma túy." Nàng nói thêm, "Vợ chồng Gordon đã lấy cắp một thứ gì đó không gây hại. Một thứ kiếm ra tiền. Tiền. Tiền là động cơ. Vàng làm thánh lóa mắt, Shakespeare nói thế."

"Tôi nghĩ tôi đã có đủ Shakespeare cho cả năm nay rồi." Tôi trầm ngâm một lát rồi nói, "Không biết tại sao tôi không bao giờ nghĩ tới điều đó... Ý tôi là chúng ta bị ám ảnh với những thứ bệnh tật và vi trùng, không bao giờ nghĩ đến thuốc - vác xin, kháng sinh, kháng virut và mọi thứ. *Đó* là thứ mà các nhà khoa học đang nghiên cứu tại Đảo Plum, và đó là thứ mà vợ chồng Gordon đánh cắp. Chà, tôi sắp thành ngớ ngẩn mất rồi."

Nàng cười nói, "Nói thật với anh, tôi đã bắt đầu nghĩ đến chuyện vác xin và tất cả mọi chuyện từ tối qua - sau đó khi Stevens nhắc đến vác xin lở mồm long móng thì tôi biết là nó đang đi tới đâu."

"Đúng. Giờ mọi người có thể yên tâm nghỉ ngơi. Không còn hoảng loạn, không kích động, không báo động khẩn cấp toàn quốc. Chà, thế mà tôi cứ *tưởng* là tất cả chúng ta không sống được đến lễ Halloween đấy."

Chúng tôi nhìn nhau, rồi Beth nói, "Đó toàn là nói dối, tất nhiên rồi."

"Đúng. Nhưng là một lời nói dối tốt. Nó giải tỏa sức ép lên Đảo Plum và các cơ quan liên bang nói chung. Trong khi đó, FBI và CIA có thể lặng

lẽ giải quyết vụ việc không cần chúng ta và không bị cơ quan truyền thông chú ý. Cô, Max và tôi đã làm xong phần việc với Đảo Plum của vụ án."

"Đúng. Dù chúng ta vẫn phải giải quyết tiếp vụ án mạng đôi. Tự chúng ta."

"Đúng vậy," tôi nói với Beth, "và có lẽ tôi sẽ nhớ Ted Nash."

Nàng mỉm cười rồi nhìn tôi với vẻ nghiêm túc và nói, "Tôi sẽ không chọc vào một người như thế."

"Cho gã một vố."

"Thì anh là kẻ cứng đầu."

"Này, tôi ăn mười phát đạn mà còn uống nốt cà phê trước khi đi bộ đến bệnh viện."

"Ba thôi, anh ở một tháng trong bệnh viện và hiện giờ vẫn chưa hoàn toàn bình phục."

"Cô đã nói chuyện với Max. Ngọt ngào làm sao."

Nàng không đáp. Tôi nhận ra nàng khó mà mắc bẫy. Tôi phải nhớ điều này.

Nàng hỏi tôi, "Anh nghĩ gì về Stevens?"

"Rất hợp với công việc của anh ta."

Nàng hỏi, "Anh ta có nói dối không?"

"Tất nhiên."

"Còn Zollner thì sao?"

"Tôi thích ông ấy."

"Ông ấy có nói dối không?"

"Không phải bản chất, cũng giống như cách của Stevens. Nhưng ông ấy được nhắc. Có tập trước."

Nàng gật đầu rồi hỏi, "Ông ấy có lo sợ không?"

"Không."

"Tại sao không?"

"Chẳng có gì để ông ấy phải sợ. Tất cả đều ở trong vòng kiểm soát. Stevens và Zollner đã dàn xếp được với chính phủ."

Nàng gật đầu hiểu ý. "Đó là ấn tượng của tôi. Câu chuyện ngụy tạo được sáng tác, viết ra và dàn dựng trong đêm qua và sáng sớm nay. Đèn bật sáng cả đêm ở Washington và trên Đảo Plum. Sáng nay chúng ta được thấy màn diễn."

"Cô hiểu rồi đấy." Tôi nói thêm, "Tôi đã nói với cô đừng tin vào hai thằng cha kia mà."

Nàng lại gật đầu rồi nói, "Tôi chưa bao giờ ở tình thế mà tôi không tin những người làm việc cùng tôi."

"Tôi thì có rồi. Đó thực sự là một thách thức - giữ mồm giữ miệng, che mông cho kín, mở to mắt ở đằng sau gáy, đánh hơi lũ chuột và lắng nghe những điều không nói ra."

Nàng liếc nhìn tôi và hỏi, "Khi quay ra anh có cảm thấy ổn không."

"Tôi thấy khỏe."

"Anh cần được nghỉ ngơi."

Tôi không thèm để ý và nói với nàng, "Cái của Nash bé tẹo."

"Cám ơn anh vì cho tôi biết điều đó."

"Tôi muốn cô biết vì tôi thấy cô để ý đến hắn, mà tôi thì không muốn cô mất thời gian với một gã có ngón tay út thứ ba mọc giữa hai chân."

"Anh chu đáo quá. Sao anh không để tâm vào việc của mình? "

"Được thôi."

Ra giữa eo biển sóng có to hơn một chút và tôi tựa chắc vào lan can. Tôi nhìn Beth, nàng đang nhắm mắt, đầu hơi ngửa về phía sau để hứng nắng. Tôi có thể nói rằng nàng có khuôn mặt của thần ái tình, vừa ngây thơ, vừa gợi cảm. Nàng hơn ba mươi một chút, như tôi đã nói, và từng có chồng, như nàng nói. Tôi không biết chồng cũ của nàng có là cảnh sát hay không hay anh ta ghét nàng làm cảnh sát, hay là có chuyện gì khác. Ở tuổi nàng người ta có chút hành lý, còn ở tuổi tôi người ta có hẳn một kho đầy va li hòm xiểng.

Đôi mắt nàng vẫn nhắm, Beth hỏi tôi, "Anh sẽ làm gì nếu được cho nghỉ hưu vì thương tật?"

"Tôi không biết." Tôi ngập ngừng, rồi trả lời, "Max sẽ thuê tôi."

"Tôi không nghĩ là anh sẽ được làm công việc của cảnh sát với mức thương tật ba phần tư, đúng không?"

"Tôi đoán là không được. Tôi không biết sẽ làm gì. Manhattan thì đắt đỏ. Đó là nơi tôi sống. Chắc tôi phải đi chỗ khác. Có thể là ra ngoài này."

"Anh sẽ làm gì ở ngoài này?"

"Trồng rượu vang."

"Nho chứ. Anh trồng nho và làm rượu vang."

"Ừ đúng."

Nàng mở đôi mắt màu xanh và nhìn tôi. Ánh mắt hai người gặp nhau, dò xét và xoáy sâu vào nhau. Sau đó nàng nhắm mắt lại.

Không ai nói gì trong khoảng một phút, rồi nàng mở mắt ra và hỏi, "Tại sao chúng ta không tin rằng vợ chồng Gordon đánh cắp một loại vác xin kì diệu để kiếm một khoản kha khá nhỉ."

"Vì giả thuyết này vẫn còn quá nhiều câu hỏi chưa trả lời được. Đầu tiên là con tàu cao tốc để làm gì? Không ai cần đến một chiếc tàu cả trăm

nghìn đô la để dùng một lần cho thứ vác xin quý như vàng kia. Đúng không?"

"Có thể họ biết là sẽ đánh cắp loại vác xin đó nên tin là cuối cùng sẽ có đủ tiền trả mua chiếc tàu, và họ được vui vẻ. Họ mua chiếc tàu khi nào nhỉ?"

"Tháng Tư năm ngoái." Tôi đáp. "Ngay trước mùa đi tàu. Trả trước mười nghìn và đang trang trải phần còn lại."

"Được rồi, vậy còn lý do nào khác để chúng ta không tin vào câu chuyện của Đảo Plum?"

"Ồ, tại sao các khách hàng mua vác xin kia lại phải giết hai người đó? Đặc biệt là nếu người ở trên sân nhà Gordon không thể biết chắc vợ chồng Gordon mang đến giao thứ gì ở trong chiếc thùng đá."

Nàng nói, "Đối với các vụ án mạng, cả anh và tôi đều biết là người ta bị giết vì những lí do rất nhỏ nhặt. Còn đối với thứ hàng trong thùng ... sẽ ra sao nếu vợ chồng Gordon có người đồng lõa trên Đảo Plum và người này đã đưa vác xin lên tàu của họ? Người đó gọi điện cho người hoặc những người đang chờ vợ chồng Gordon nói rằng hàng đang trên đường đến. Thử nghĩ đến kẻ đồng lõa trên Đảo Plum. Nghĩ đến Stevens. Hay tiến sĩ Zollner. Hay tiến sĩ Chen. Hay Kenneth Gibbs. Hay bất cứ ai trên đảo."

"Được... tôi sẽ tính thêm khả năng này."

"Còn gì khác nữa?" Nàng hỏi.

"Tôi không phải là chuyên gia về địa chính trị, nhưng Ebola là thứ bệnh khá hiếm, và cơ hội để Tổ chức y tế thế giới hay các chính phủ châu Phi bị ảnh hưởng đặt mua loại vác xin này với số lượng lớn dường như khó xảy ra. Những người đang sắp chết ở châu Phi chủ yếu là từ đủ các loại bệnh có thể phòng chống được, như sốt rét và lao, và sẽ không có ai mua hai trăm triệu liều vác xin gì đó của họ đâu."

"Đúng... nhưng chúng ta không hiểu được những phức tạp trong chuyện mua bán thuốc chữa bệnh hợp pháp, dù là thuốc đánh cắp, chợ đen, bắt chước hay thứ gì khác."

"Được, nhưng cô có đồng ý rằng chuyện vợ chồng Gordon lấy cắp loại vác xin này nghe bất hợp lí không?"

Nàng đáp, "Không. Nó *hợp lí*. Tôi chỉ cảm thấy đó là lời nói dối."

"Đúng, đó là một lời nói dối hợp lí."

"Một lời nói dối đáng sợ."

"Một lời nói dối đáng sợ," tôi đồng tình. "Nó làm thay đổi vụ án."

"Chắc chắn rồi. Còn gì khác nữa không?"

"À, còn cuốn hải đồ. Không nhiều lắm, nhưng tôi muốn biết con số 44106818 nghĩa là gì."

"Được. Còn cả chuyện khảo cổ trên Đảo Plum thì sao?" Nàng hỏi.

"Đúng. Điều đó hoàn toàn làm tôi ngạc nhiên và đưa đến tất cả mọi loại câu hỏi."

"Tại sao Stevens lại cho chúng ta biết điều đó?"

"Vì đó là thông tin nhiều người biết, và chúng ta sẽ biết điều đó sớm."

"Đúng. Vậy chuyện khảo cổ có ý nghĩa gì?"

"Tôi không biết." Tôi nói thêm, "Nhưng nó không liên quan gì đến môn khảo cổ học. Đó chỉ là cái vỏ che đậy điều gì đó, là cái cớ để đến những chỗ xa nhất của đảo."

Nàng nói, "Hoặc có thể nó chẳng có nghĩa gì."

"Có thể lắm. Và rồi chúng ta có thứ đất sét đỏ mà tôi nhìn thấy trên giày thể thao của vợ chồng Gordon và thứ đất tôi thấy trên Đảo Plum. Nếu đi từ phòng thí nghiệm chính ra bãi đỗ xe, lên xe rồi tới cầu tàu không có chỗ nào có thể dính loại đất đỏ đó trên dây giày được."

Nàng gật đầu nói, "Tôi đoán là anh đã lấy một ít đất lúc đi giải, đúng không?"

Tôi mỉm cười. "Đúng là tôi có lấy. Nhưng khi để quần áo trong phòng thay đồ, có ai đó đã tử tế đến độ giặt cả quần soóc của tôi rồi."

Nàng bật cười, "Giá họ cũng làm thế cho tôi."

Cả hai chúng tôi cùng cười.

Nàng nói, "Tôi sẽ yêu cầu lấy mẫu đất. Họ có thể khử trùng nếu cứ nhất quyết thực hiện quy định "Không bao giờ rời." Nàng nói thêm, "Anh thường có cách tiếp cận trực tiếp, tôi biết, chẳng hạn như chôm tập giấy tờ tài chính, rồi trộm đất của chính phủ, và ai mà biết anh đã làm chuyện gì. Anh nên học cách tuân theo các quy định và thủ tục, thưa điều tra viên Corey. Nhất là vì đây lại không phải địa bàn của anh hay vụ án của anh. Anh sẽ gặp rắc rối đấy, mà tôi thì không giơ đầu chịu báng cho anh đâu."

"Có chứ. Mà này, tôi thường tuân thủ khá tốt các quy định về chứng cứ, về quyền của người bị tình nghi, về tổ chức chỉ huy và tất cả mọi thứ khi đó là một vụ án mạng thông thường. Còn đây đã có thể - hoặc vẫn có thể - là thứ bệnh kết thúc mọi căn bệnh. Vì thế tôi phải làm tắt một vài chỗ. Thời gian là điều cốt yếu, đó là học thuyết về truy tìm khẩn cấp. Nếu tôi cứu được hành tinh này, tôi là người hùng."

"Anh sẽ phải làm đúng luật, phải theo đúng các thủ tục. Đừng có làm điều gì để mất tính thuyết phục của bản cáo trạng hoặc lời buộc tội trong vụ này đấy."

"Này, đến nửa kẻ tình nghi chúng ta còn chưa tìm được mà cô đã đứng trên tòa rồi."

"Đó là cách làm của tôi trong một vụ án."

Tôi nói, "Tôi nghĩ là tôi đã làm hết khả năng ở đây rồi. Tôi sẽ từ chức cố vấn điều tra án mạng của thị trấn."

“Đừng có dỗi.” Nàng ngập ngừng, rồi nói, “Tôi muốn anh ở lại. Có thể tôi sẽ học được ở anh điều gì đó.”

Rõ ràng là chúng tôi thích nhau, cho dù có một số điểm bất đồng và hiểu lầm, một số khác biệt về quan điểm, tính khí không giống nhau, tuổi tác và xuất thân khác nhau, có lẽ khác cả nhóm máu, sở thích âm nhạc, và Chúa mới biết điều gì nữa. Thực ra nếu tôi nghĩ về điều đó, chúng tôi không có lấy một điểm chung trừ nghề nghiệp, và ngay cả chuyện này chúng tôi cũng không đồng ý với nhau. Thế nhưng tôi đang yêu. Gọi là ham muốn cũng được. Nhưng là ham muốn có ý nghĩa. Tôi đã lún sâu vào thứ ham muốn này rồi.

Chúng tôi nhìn nhau lần nữa rồi lại mỉm cười. Thật là ngốc nghếch. Ý tôi là thật sự ngốc. Nàng rất đẹp, vẻ đẹp thanh tú... Tôi thích giọng nói của nàng, nụ cười của nàng, mái tóc màu nâu đồng dưới ánh nắng mặt trời, cử động của nàng, đôi bàn tay nàng... Cơ thể nàng lại tỏa ra mùi xà phòng từ lúc tắm. Tôi yêu thứ mùi đó. Xà phòng làm tôi liên tưởng đến tình dục. Đó là một câu chuyện dài.

Cuối cùng, nàng hỏi, “Còn khu đất vô dụng là thế nào?”

“Gì cơ... ? À phải. Vợ chồng Gordon.” Tôi giải thích về mục chi tiêu trong sổ séc và cuộc nói chuyện của tôi với Margaret Wiley. Tôi kết luận, “Tôi không phải là dân nông thôn, nhưng tôi không nghĩ là lại có người không có tiền mà bỏ ra hai mươi nhăm nghìn đô la chỉ để có cây cối riêng mà ôm.”

“Điều đó thật kì quặc,” nàng đồng ý. “Nhưng đất đai là một thứ gắn với tình cảm.” Nàng nói thêm, “Bố tôi là một trong những nông dân cuối cùng ở vùng phía tây quận Suffolk, xung quanh là các phân khu toàn nhà cao thấp nhiều tầng. Ông yêu mảnh đất của mình, nhưng nông thôn đã thay đổi, rừng và suối hay những trang trại đều đã biến mất, vì thế nên ông bán

đi. Nhưng sau đó ông cũng thay đổi, thậm chí với một triệu đô la trong ngân hàng."

Nàng im lặng một lát rồi nói, "Có lẽ tôi phải đến nói chuyện với Margaret Wiley và xem cụ thể mảnh đất đó, dù tôi không nghĩ là nó có ý nghĩa gì trong vụ này."

"Tôi nghĩ chuyện vợ chồng Gordon chưa bao giờ nói với tôi rằng họ có một miếng đất lại là quan trọng. Cũng giống như những vụ đào bới khảo cổ. Những thứ không có ý nghĩa gì cần được giải thích."

"Cám ơn, điều tra viên Corey."

Tôi đáp, "Tôi không có ý giảng bài, nhưng tôi có đi giảng ở trường John Jay, và đôi khi có một hai câu vô tình buột ra kiểu như vậy."

Thật ra tôi muốn trêu nàng, trêu cho thật tức, nhưng tôi bỏ qua ý nghĩ ấy và nói, "Đúng là tôi có dạy ở trường John Jay." Đó là trường Cao đẳng Tư pháp John Jay ở Manhattan, một trong những trường thuộc loại tốt nhất về điều tra tội phạm ở Mỹ. Tôi đoán nàng khó mà tin được John Corey lại làm giáo sư.

Nàng hỏi, "Anh dạy môn gì?"

"Ồ, tất nhiên không phải các quy định về chứng cứ, quyền của người bị tình nghi hay thứ gì đó giống thế."

"Tất nhiên là không rồi."

"Tôi dạy điều tra tội phạm thực tế. Hiện trường của tội phạm, kiểu như thế. Các tối thứ Sáu. Đó là buổi tối bí ẩn có số phạm tội giết người cao nhất. Cô được chào đón ở đó nếu tôi được quay lại. Có thể vào tháng Giêng."

"Có thể tôi sẽ đến."

Tôi đoán chắc là thế nào cuối cùng Beth Penrose cũng nghĩ đến điều đó. *Điều đó*.

Con tàu chạy chậm lại khi tiến gần đến bến. Tôi hỏi Beth, "Cô đã nói chuyện với ông bà Murphy chưa?"

"Chưa. Max nói chuyện rồi. Tôi định gặp họ trong ngày hôm nay."

"Tốt. Tôi sẽ đi cùng cô."

"Tôi tưởng anh sắp thôi."

"Ngày mai."

Nàng lấy ra cuốn sổ từ trong túi xách và bắt đầu ngâm cứu. Nàng nói, "Tôi cần số giấy tờ tài chính anh đang mượn."

"Chúng đang ở chỗ của tôi."

"Được... Nàng nhìn lướt qua một trang rồi tiếp tục, "Tôi sẽ gọi cho đội vân tay và kỹ thuật hình sự. Tôi đã đề nghị ủy viên công tố quận gửi tráp yêu cầu cung cấp các cuộc gọi của nhà Gordon trong hai năm qua."

"Đúng. Lấy luôn cả danh sách những người sử dụng súng ngắn có giấy phép ở thị trấn Southold."

Nàng hỏi, "Anh nghĩ vũ khí giết người có thể là trong số vũ khí đăng ký ở địa phương à."

"Có thể."

"Tại sao anh lại nghĩ như vậy."

"Linh cảm. Đồng thời phải tiếp tục dùng lưới vét và thợ lặn để tìm ra mấy viên đạn."

"Chúng tôi đang làm rồi, nhưng đó quả là việc mò kim đáy bể. Xin lỗi vì cách dùng từ."

"Tôi không chấp việc dùng từ tồi."

“Để tôi đoán tại sao nhé.”

“Đúng đấy. Cả chuyện này nữa, nếu cô có thu kho súng của Đảo Plum thì cảnh sát quận phải kiểm tra thử đạn đạo chứ không phải là FBI đấy nhé.”

“Tôi biết rồi.”

Nàng kể chi tiết một lô những việc nhỏ cần làm, và tôi nhận ra là nàng có cái đầu biết tư duy chặt chẽ và có trật tự. Ngoài ra, nàng cũng tin vào trực giác và khá tò mò. Để trở thành một điều tra viên giỏi, nàng chỉ thiếu kinh nghiệm, tôi nghĩ vậy. Để làm một điều tra viên xuất sắc, nàng phải học cách thoải mái để làm cho người khác nói chuyện tự nhiên và nói thật nhiều. Nàng hơi cứng và mạnh mẽ, nên hầu hết các nhân chứng, chưa kể đồng nghiệp, đều sẽ cảnh giác. “Thoải mái đi.”

Nàng rời mắt khỏi cuốn sổ ngước lên. “Xin lỗi?”

“Thoải mái đi.”

Nàng im lặng một lát rồi nói, “Tôi hơi lo lắng trong vụ này.”

“Ai cũng vậy cả. Thoải mái đi.”

“Tôi sẽ cố.” Nàng mỉm cười. “Tôi có thể đóng vai người khác. Tôi bắt chước anh nhé. Có muốn xem không?”

“Không.”

Nàng cho một tay vào túi, tay kia cào cào lên ngực rồi nói bằng giọng ồm ồm với thổ âm của thành phố New York, “Này, anh bạn, có thứ chết tiệt gì đang xảy ra với vụ này đấy? Anh biết? Thằng cha này sao hả, Nash? Gã không phân biệt được phân bò với bánh pizza. Gã có bộ óc bằng bã đậu. Anh biết chứ? Gã-"

“Cám ơn.” Tôi nói lạnh nhạt.

Nàng bật cười rồi nói với tôi, “Thoải mái đi.”

“Tôi không nói giọng New York phát âm theo kiểu ấy.”

“Ồ, nghe giống ở ngoài này đấy.”

Tôi hơi bực mình, nhưng cũng hơi buồn cười. Tôi đoán thế.

Cả hai chúng tôi không nói gì trong mấy phút, sau đó tôi nhận xét, “Tôi đang nghĩ rằng vụ này không còn được chú ý nhiều nữa, mà điều này lại tốt.”

Nàng gật đầu.

Tôi tiếp tục, “Bớt người phải đối phó - không còn cơ quan liên bang, không còn cảnh sát, không còn truyền thông, và đối với cô họ sẽ không cử thêm người đến giúp nhiều hơn mức cô cần.” Tôi nói thêm, “Khi làm xong vụ này, cô sẽ thành người hùng.”

Nàng nhìn tôi một lúc lâu rồi hỏi, “Anh nghĩ là chúng ta sẽ giải quyết được vụ này à?”

“Tất nhiên.”

“Nhưng nếu không thì sao?”

“Tôi thì chẳng có tóc mà túm. Cô thì ngược lại sẽ gặp rắc rối về công việc đấy.”

“Cám ơn.”

Con tàu chạm vào thành đệm cao su, những người thủy thủ ném hai sợi dây xuống.

Beth như đang nói ra điều mình nghĩ, “Vậy... ngoài khả năng về đánh cắp vi trùng hay virut và vận chuyển ma túy, giờ chúng ta có thêm khả năng về các loại thuốc tốt, và đừng quên Max đã nói với báo chí rằng đó là một vụ giết hai người chủ nhà khi họ về đến nơi xảy ra một vụ trộm bình thường. Và anh biết điều gì? Cũng có thể là như thế.”

Tôi nhìn nàng nói, "Đây là một khả năng nữa cho cô - và chỉ riêng cô. Hãy nghĩ đến khả năng Tom và Judy biết điều gì đó mà họ đáng ra không được biết hoặc nhìn thấy điều gì đó trên Đảo Plum mà họ không được phép thấy. Hãy nghĩ đến khả năng một người nào đó như Stevens hoặc anh bạn Nash của cô đã khử họ. Thử nghĩ xem."

Nàng im lặng một hồi lâu rồi nói, "Nghe như trong một bộ phim dở nhất của tuần." Nàng nói thêm, "Nhưng tôi sẽ nghĩ đến điều đó."

Max gọi từ sàn dưới, "Tất cả lên bờ."

Beth đi ra phía cầu thang rồi hỏi tôi, "Số máy cầm tay của anh là bao nhiêu?"

Tôi cho nàng số máy của tôi, nàng nói, "Chúng ta sẽ tách ra ở bãi đỗ xe. Tôi sẽ gọi cho anh trong khoảng hai mươi phút nữa."

Chúng tôi đến chỗ Max, Nash và Foster đang ở boong đuôi tàu. Tất cả cùng nhau lên bờ cùng với sáu nhân viên của Đảo Plum. Chỉ có ba người trên tàu quay trở lại đảo. Một lần nữa tôi chợt nghĩ hòn đảo này biệt lập đến nhường nào.

Trên bãi đỗ xe, cảnh sát trưởng Sylvester Maxwell của thị trấn Southold nói với mọi người, "Tôi hài lòng vì phần phức tạp nhất của vụ án đã được làm rõ. Tôi còn có công việc khác, vì thế tôi để điều tra viên Penrose làm việc dưới góc độ điều tra giết người."

Ngài Ted Nash của Cục Tình báo Trung ương nói, "Tôi cũng hài lòng, và vì có lẽ không có chuyện xâm phạm an ninh quốc gia hay vấn đề quốc tế trong trường hợp này, nên tôi sẽ đề nghị cơ quan của tôi và tôi không tham gia vụ này nữa."

Ngài George Foster của Cục Điều tra Liên bang nói, "Có vẻ như có tài sản của chính phủ đã bị đánh cắp, nên FBI sẽ vẫn tham gia vụ này. Tôi sẽ về Washington trong ngày hôm nay để báo cáo. Văn phòng FBI tại địa

phương sẽ phụ trách tiếp và sẽ có người liên lạc với anh, cảnh sát trưởng." Gã nhìn Beth. "Hoặc với cô hoặc với cấp trên của cô."

Điều tra viên Elizabeth Penrose của cảnh sát quận Suffolk đáp, "Chắc là tôi rồi. Xin cám ơn sự giúp đỡ của tất cả các anh."

Chúng tôi chuẩn bị chia tay, nhưng Ted và tôi phải làm mấy việc hữu nghị cuối cùng với nhau. Gã làm trước, nói với tôi, "Tôi thực sự hy vọng sẽ gặp lại anh, điều tra viên Corey."

"Ồ, chắc chắn rồi, Ted. Lần sau hãy đóng vai một phụ nữ nhé. Làm thế dễ hơn nhiều so với đóng vai người của bộ Nông nghiệp đấy."

Gã nhìn tôi chằm chặp và nói, "À này, tôi quên không nói là tôi có quen sếp anh đấy, là điều tra viên trung úy Wolfe."

"Thế giới nhỏ bé thật. Cha ấy cũng là đồ chết tiệt. Nhưng sẽ nói tốt về tôi chứ, anh bạn?"

"Chắc chắn là tôi sẽ báo cáo là anh chuyển lời hỏi thăm tới anh ấy và rằng anh trông rất khỏe mạnh để trở lại làm việc."

Foster xen vào như mọi lần nói, "Hai mươi bốn giờ đầy thú vị và căng thẳng. Tôi nghĩ là nhóm công tác đặc biệt có thể tự hào vì những việc đã làm được, và tôi không nghi ngờ gì cảnh sát địa phương sẽ kết thúc vụ này tốt đẹp."

Tôi nói, "Tóm lại, ngày dài, công việc tốt, may mắn."

Mọi người bắt tay nhau, thậm chí cả tôi, dù tôi không biết là mình đã thoát khỏi một công việc hay chưa, thậm chí không biết là có việc để mà thoát ra hay không. Dù sao cũng có những lời chào tạm biệt, và không ai quá xã giao hoặc hứa hẹn sẽ viết cho nhau hoặc gặp lại nhau, không ai ôm hôn ai hay làm thứ gì đó. Trong vòng một phút, Max, Beth, Nash và Foster đều đã ở trên xe riêng của mình và đi khỏi. Tôi đứng một mình trong bãi đỗ xe với một ngón tay đặt lên mũi. *Kỳ lạ thật*. Mới tối qua tất cả mọi người

đều nghĩ *ngày tận thế* đã đến, và *kỵ sĩ mặt xanh* đã bắt đầu chuyến đi khủng khiếp của mình. Vậy mà giờ này không còn ai đoái hoài gì đến hai kẻ đánh cắp vác xin đang nằm trong nhà xác. Đúng không?

Tôi đi về phía xe của mình. Ai là người dàn dựng vở kịch che đậy này? Rõ ràng Ted Nash và người của gã, và cả Goerge Foster, vì gã cũng đi trong chuyến tàu trước cùng Nash và bốn tay mặc đồng phục biến mất trên chiếc xe Caprice. Có lẽ Paul Stevens cũng trong màn kịch, ngoài ra còn cả tiến sĩ Zollner.

Tôi chắc rằng một số cơ quan liên bang nhất định đã cùng nhau dựng lên một bức màn che, và nó đủ tốt để che mắt giới truyền thông, với cả nước và thế giới. Nhưng nó chưa đủ để che mắt hai điều tra viên John Corey và Elizabeth Penrose. Không, thưa ngài, không che được đâu. Tôi không biết Max có tin vào câu chuyện này không. Mọi người nói chung đều muốn tin vào những tin tức tốt lành, còn Max lại bị ám ảnh với nỗi sợ về những con sinh vật nhỏ bé đến mức anh thực sự thích tin rằng Đảo Plum đang phun thuốc kháng sinh và vác xin và không khí. Tôi phải nói chuyện với Max sau. Có lẽ thế.

Câu hỏi còn lại đặt ra là - nếu họ đang dựng lên bức màn che thì họ đang che giấu cái gì? Tôi chợt nghĩ có thể chính họ cũng không biết là mình đang che đậy cái gì. Họ cần phải biến vụ này từ một nỗi kinh hoàng gây chú ý thành một vụ trộm bình thường, và họ phải làm thật nhanh để tránh sức ép. Giờ họ có thể đang bắt đầu tìm hiểu thực chất của vụ này. Có thể Nash và Foster cũng không có chút manh mối nào về nguyên nhân vợ chồng Gordon bị giết giống như tôi.

Giả thuyết thứ hai - họ biết tại sao và ai đã giết vợ chồng Gordon, và có thể đó chính là Nash và Foster. Tôi thực sự không biết những gã hề này là ai.

Với tất cả những nghi ngờ về mưu mô trong đầu, tôi nhớ lại Beth đã nói về Nash là... *Tôi sẽ không chọc vào một người như thế.*

Tôi dừng lại cách chiếc xe Jeep chừng hai chục thước và quan sát xung quanh.

Có khoảng một trăm chiếc xe của nhân viên Đảo Plum trong bãi đỗ xe của bến tàu, nhưng lại không có bất cứ người nào ở đây, vì thế tôi đứng ra phía sau một chiếc xe tải nhỏ và chĩa chiếc bảng điều khiển ra. Một đặc tính của chiếc xe bốn mươi nghìn đô la của tôi là có thể khởi động từ xa. Tôi bấm nút khởi động hai lần dài và một lần ngắn, rồi chờ nghe tiếng nổ. Không có tiếng nổ nào. Chiếc xe khởi động. Tôi để xe nổ máy chừng một phút rồi bước lại gần và lên xe.

Tôi tự hỏi không biết mình có cảnh giác quá mức cần thiết không. Tôi đoán nếu chiếc xe của tôi mà nổ thì câu trả lời là không. An toàn vẫn hơn phải nói đáng tiếc. Từ giờ đến lúc tìm ra kẻ giết người là ai, đa nghi là tên đệm của tôi.

CHƯƠNG 14

Tôi chạy xe về hướng tây theo đường Main Road, tiếng động cơ ù ù, chiếc đài chỉnh âm thanh đủ dễ nghe. Cảnh vật của vùng nông thôn lướt qua hai bên, bầu trời xanh, những con mòng biển, tất cả mọi thứ đẹp nhất mà hành tinh thứ ba từ mặt trời phải trung ra.

Điện thoại trên xe đổ chuông và tôi nhấc máy. "Người cần-là-gọi đây. Tôi có thể giúp gì không?"

"Gặp tôi ở nhà Murphy." Điều tra viên Penrose nói.

"Tôi không nghĩ thế." Tôi đáp.

"Tại sao không?"

"Tôi nghĩ là tôi bị sa thải. Nếu không thì tôi từ chức."

"Anh được thuê theo tuần. Anh còn chưa làm hết tuần."

"Cô nói nhà ai nhỉ?"

"Nhà Murphy." Nàng gác máy.

Tôi ghét những người phụ nữ trịch thượng. Tuy nhiên, tôi vẫn chạy hai mươi phút xe tới nhà của Murphy và nhận ra điều tra viên Penrose đỗ xe ở đằng trước bên ngoài, nàng ngồi trong chiếc Ford LTD màu đen không mang hiệu.

Tôi đỗ chiếc xe Jeep cách đó vài nhà, tắt máy và bước ra. Ở bên phải ngôi nhà của Murphy, hiện trường vụ án vẫn còn căng dây bảo vệ, một viên cảnh sát của thị trấn Southold đứng phía trước bên ngoài. Chiếc xe chỉ huy lưu động của cảnh sát quận vẫn đỗ trên bãi cỏ.

Beth đang nói chuyện điện thoại khi tôi đến gần. Nàng gác máy và bước ra. Nàng nói, "Tôi vừa nói chuyện một cuộc dài với sếp tôi. Mọi người dường như đều vui với câu chuyện về vác xin Ebola."

Tôi hỏi, "Cô có nói với sếp cô rằng đó chỉ là chuyện vớ vẩn không?"

"Không... cứ để chuyện đó sang một bên. Giờ phải giải quyết vụ án mạng."

Chúng tôi tới cửa trước nhà ông bà Murphy và ấn chuông. Nơi đây là một nông trại từ những năm 1960 vẫn còn nguyên trạng, khá xấu, nhưng được tu sửa tử tế.

Một người phụ nữ khoảng bảy mươi tuổi ra mở cửa và chúng tôi tự giới thiệu. Bà nhìn chăm chằm vào chiếc quần soóc của tôi, có lẽ tự nhận xét chiếc quần trông như mới giặt thế nào, mùi ra sao. Bà mỉm cười với Beth và dẫn chúng tôi vào trong nhà. Bà đi khuất ra phía đằng sau nhà và gọi to, "Ed! Lại cảnh sát đây này!"

Bà quay lại phòng khách và chỉ vào một chiếc ghế đôi. Tôi thấy mình má gần má với Beth.

Bà Agnes Murphy hỏi chúng tôi, "Anh chị có uống chút nước pha không?"

Tôi đáp, "Không, cám ơn bà. Chúng tôi đang phải làm nhiệm vụ."

Beth cũng từ chối.

Bà Murphy ngồi vào chiếc ghế đu lắc đối diện với chúng tôi.

Tôi quan sát xung quanh. Trong nhà được trang trí theo phong cách mà tôi gọi là cổ lỗ sĩ: tối, ẩm mốc, đồ đạc quá nhiều, hàng trăm thứ đồ trang trí lặt vặt, những món đồ lưu niệm tồi tàn đến khó tin, những bức ảnh lũ cháu, v.v... Các bức tường màu xanh trắng, giống như màu kẹo bạc hà sau bữa tối, còn chiếc thảm thì... thôi, ai thèm quan tâm?

Bà Murphy mặc bộ đồ với chiếc quần màu hồng làm từ chất tổng hợp đến ba trăm năm nữa cũng chưa rách.

Tôi hỏi bà Murphy, "Bà có thích vợ chồng Gordon không?"

Câu hỏi làm bà giật mình, mục đích của nó là thế. Bà trấn tĩnh lại và trả lời, "Tôi không thân với họ lắm, nhưng họ hầu như im lặng."

"Bà nghĩ tại sao mà họ bị giết?"

"Ồ... làm sao tôi biết được?" Chúng tôi nhìn nhau một lát rồi bà nói tiếp, "Có thể chuyện này có gì đó liên quan đến công việc của họ."

Edgar Murphy bước vào, lau tay vào một mảnh vải. Ông giải thích là vừa ở gara sửa chiếc máy cắt cỏ. Trông ông độ gần tám mươi tuổi, và nếu tôi mà là Beth Penrose đang chuẩn bị một phiên tòa tương lai trong đầu, tôi không dám chắc rằng Edgar sẽ có thể làm chứng trước tòa.

Ông già mặc chiếc áo khoác màu xanh, đi giày lao động và trông ông cũng xanh xao như bà vợ. Tôi đứng lên bắt tay ông rồi ngồi xuống. Ông ngồi vào chiếc ghế tựa có đệm và tựa ngả hẳn người ra trông lên trần nhà. Tôi cố để hai bên nhìn vào mắt nhau nhưng với tư thế như vậy thì quả là khó. Giờ thì tôi nhớ là tại sao tôi không đến thăm bố mẹ mình.

Edgar Murphy nói, "Tôi đã nói chuyện với cảnh sát trưởng Maxwell."

Beth đáp, "Vâng, thưa ông. Tôi ở đội điều tra án mạng."

"Còn anh này?"

Tôi đáp, "Tôi làm việc cùng cảnh sát trưởng Maxwell."

"Không phải. Tôi biết tất cả cảnh sát ở thị trấn này."

Đây sắp thành một vụ án mạng chết ba người. Tôi nhìn lên trần nhà chỗ ông ta cũng đang hướng mắt vào rồi nói, giống như phát sóng lên vệ tinh và phản xạ xuống tới máy thu. Tôi nói, "Tôi là cố vấn. Này, ông Murphy-"

Bà vợ xen vào, "Ed, ông có thể ngồi thẳng lên được không? Ngồi vậy thật bất lịch sự."

"Chết tiệt. Đây là nhà của tôi. Anh ta có thể nghe tôi rõ. Bà cũng nghe tôi rõ, đúng không?"

"Vâng, thưa ông."

Beth mở khúc dạo đầu, nhưng là về những chi tiết và thời gian sai, là cố tình như vậy, và ông Murphy sửa lại cho đúng, cho thấy ông có trí nhớ ngắn hạn tốt. Bà Murphy cũng chỉnh lại cho chính xác một số sự kiện của ngày hôm trước. Họ có vẻ là những nhân chứng có thể tin cậy, còn tôi tự xấu hổ vì đã thể hiện sự mất kiên nhẫn với người già - tôi thấy mình thật tệ vì đã muốn bóp chết Edgar trên chiếc ghế tựa của ông ta.

Khi Beth và tôi nói chuyện với ông bà Edgar và Agnes, rõ ràng là không tìm hiểu được thứ gì mới về những sự kiện cơ bản: cả hai ông bà đang ở trong phòng lớn có nhiều cửa sổ vào lúc 5 giờ 30 chiều và đang ăn tối - người già thường ăn tối vào lúc 4 giờ chiều. Họ đang xem ti vi khi nghe thấy tiếng chiếc tàu của nhà Gordon - họ nhận ra tiếng động cơ lớn, và bà Murphy bình luận thêm, "Ôi chao, tiếng động cơ to lắm. Sao người ta lại cần động cơ nổ to đến thế chứ?

Để làm hàng xóm khó chịu đấy, bà Murphy. Tôi hỏi cả hai người, "Ông bà có *nhìn* thấy con tàu không?"

"Không." Bà Murphy đáp. "Chúng tôi cũng không buồn nhìn."

"Nhưng ông bà có thể nhìn thấy con tàu từ phòng lớn?"

"Chúng tôi có thể nhìn được xuống nước, đúng, nhưng chúng tôi đang xem ti vi."

"Còn hơn nhìn ra cái vịnh dở hơi."

Beth nói, "John."

Nói thật, tôi là người rất nhiều thành kiến, tôi ghét chính tôi về điều này, nhưng tôi là sản phẩm từ tuổi tác, giới tính của tôi, thời đại của tôi, văn hóa của tôi. Tôi mỉm cười với bà Murphy, "Bà có căn nhà đẹp thật."

"Cám ơn."

Beth tiếp tục hỏi một lúc. Nàng hỏi hai vợ chồng Murphy, "Và ông bà chắc là không nghe thấy bất kỳ tiếng động nào có thể là tiếng súng?"

"Chắc," Edgar Murphy đáp. "Tai tôi còn khá tốt. Tôi còn nghe thấy bà Agnes gọi tôi cơ mà, đúng không?"

Beth nói, "Đôi khi tiếng súng nổ không giống như chúng ta nghĩ. Khi ta xem ti vi thì thấy tiếng nổ của nó khác, nhưng trên thực tế thì đôi khi nghe nó giống như tiếng pháo hoặc tiếng vỡ đanh hay tiếng nổ giật của xe hơi. Ông bà có nghe thấy bất kì tiếng động nào sau khi họ tắt động cơ tàu không?"

"Không."

Đến lượt tôi. Tôi nói, "OK, ông bà nghe thấy tiếng động cơ dừng lại. Lúc đó ông bà vẫn đang xem ti vi?"

"Vâng. Nhưng chúng tôi không để tiếng to. Chúng tôi ngồi rất gần ti vi."

"Lưng quay về phía cửa sổ à?"

"Đúng."

"OK, ông bà xem ti vi chừng mười phút - điều gì khiến ông đứng dậy?"

"Lúc đó đến chương trình Agnes thích. Chương trình khách mời ngớ ngẩn. Montel Williams*."

"Và thế là ông sang nhà hàng xóm để tán gẫu với Tom Gordon."

"Tôi định sang mượn cái dây nối." Edgar giải thích là ông ta đi qua một khoảng trống của hàng rào, bước lên sàn sân bằng gỗ của nhà Gordon, và

ôi kìa, Tom và Judy nằm chết còng queo.

Beth hỏi, "Ông đứng cách thi thể họ bao xa."

"Không đến sáu mét."

"Ông chắc không?"

"Chắc. Tôi đứng ở mép sân và họ nằm gần như đối diện với chiếc cửa trượt bằng kính. Sáu mét."

"Được. Làm sao ông biết đó là vợ chồng Gordon?"

"Lúc đầu thì chưa. Lúc đó tôi đứng như trời trồng, sau đó mới nhận ra."

"Làm sao ông biết là họ đã chết?"

"Ban đầu cũng không biết. Nhưng tôi nhìn thấy... cái gì như con mắt thứ ba trên trán anh ấy. Họ không động đậy chút nào. Mắt họ vẫn mở, nhưng không còn thở, không kêu rên. Không làm gì cả."

Beth gật đầu, "Rồi sau đó ông làm gì?"

"Tôi chạy vội ra khỏi đó."

Đến lượt tôi. Tôi hỏi Edgar, "Ông có nhớ là đã đứng bao lâu ở sân không?"

"Ồ, tôi không biết."

"Nửa giờ?"

"Ấy không. Khoảng mười lăm giây."

Tôi nghĩ có lẽ gần đến năm giây thì đúng hơn. Tôi để cho Edgar quen với điều này một đôi lần, cổ để cho ông ta nhớ xem có nghe thấy hoặc nhìn thấy điều gì đó không bình thường vào lúc ấy, bất cứ điều gì quên không nhắc tới, nhưng kết quả chẳng có gì. Tôi thậm chí còn hỏi ông ta có nhớ đã ngửi thấy mùi thuốc súng, nhưng hỏi ông ta cứ như hỏi cái đầu gối. Khi báo cho Maxwell, ông ta đã nói hết cả rồi, và chỉ có thế. Bà Murphy cũng đồng ý.

Tôi tự hỏi không biết điều gì sẽ xảy ra nếu Edgar sang nhà Gordon sớm hơn mười phút. Có lẽ lúc này ông già không còn ngồi đây. Không biết ông ta đã nghĩ đến điều đó chưa. Tôi hỏi, "Theo ông nghĩ thì kẻ giết người trốn đi bằng phương tiện gì nếu ông không nghe hay nhìn thấy một chiếc xe hơi hay một con tàu nào?".

"Ồ, tôi đã nghĩ đến điều đó."

"Và?"

"Ở đây có rất nhiều người đi bộ, đạp xe, chạy bộ, đủ các loại. Anh hiểu chứ? Tôi không nghĩ là có ai đó lại để ý người khác làm chuyện này."

"Đúng vậy." Nhưng một người chạy bộ với một chiếc thùng đá để trên đầu có thể gây chú ý. Rất có khả năng kẻ giết người vẫn còn quanh quẩn đâu đó khi Edgar nhìn thấy các thi thể."

Tôi thôi nhắc đến thời gian và hiện trường của vụ án để quay sang một loạt câu hỏi khác. Tôi hỏi bà Murphy, "Vợ chồng Gordon có nhiều bạn bè đến nhà không?"

Bà đáp, "Cũng khá nhiều. Họ hay tổ chức nấu ăn ngoài trời. Lần nào cũng có một vài người đến."

Beth hỏi Edgar, "Họ có thường đi tàu về muộn không?"

"Thỉnh thoảng. Khó mà không thấy tiếng ồn của động cơ. Đôi khi họ về rất muộn."

"Muộn cỡ nào?"

"Ồ, khoảng hai, ba giờ sáng." Ông ta nói thêm, "Tôi đoán là họ đi câu đêm."

Người ta có thể thả câu từ một chiếc Formula 303, như tôi đã cùng vợ chồng Gordon làm một vài lần, nhưng Formula 303 không phải là tàu câu, và tôi chắc là Edgar cũng biết điều đó. Nhưng Edgar thuộc lớp người cũ,

những người cho rằng không nên nói xấu về những người đã chết - trừ khi bị ép buộc.

Chúng tôi cứ tiếp tục hỏi đáp, từ những câu hỏi về thói quen của vợ chồng Gordon, về những chiếc xe lạ, vân vân. Tôi chưa bao giờ làm việc cùng Beth Penrose, tất nhiên rồi, nhưng chúng tôi rất hợp, người tung kẻ hứng rất đúng ý nhau.

Sau một vài phút, bà Murphy nhận xét, "Họ là một đôi rất đẹp."

Tôi chộp ngay ý tứ chỗ này và hỏi, "Bà có nghĩ là Tom có bạn gái không?"

"Ồ... tôi không có ý

"Judy có bạn trai không?"

"Ờ..."

"Khi Tom không có nhà thì cô vợ có một quý ông đến thăm. Đúng không?"

"Ờ, tôi không nói là bạn trai hay gì đó."

"Bà cứ nói với chúng tôi đi."

Và bà nói, nhưng không hấp dẫn đến thế. Một lần, vào tháng Sáu, khi Tom đi làm và Judy ở nhà, một người đàn ông đẹp trai, ăn mặc bảnh bao và để râu đến nhà với một chiếc xe thể thao màu trắng không rõ là của hãng nào rồi nửa giờ sau đi ra. Thú vị đấy, nhưng không phải là bằng chứng của một chuyện tình cuồng nhiệt để dẫn tới tội phạm do si mê. Sau đó khoảng hai tuần, vào một ngày thứ Bảy khi Tom đi ra ngoài bằng tàu, một người đàn ông xuất hiện trên đường xe vào nhà cùng một chiếc "xe Jeep màu xanh", đi ra sân sau nơi Judy đang tắm nắng trong một bikini nhỏ xíu. Người đàn ông cởi áo sơ mi rồi tắm nắng cạnh Judy một lúc. Bà Murphy nói, "Tôi cho thế là không được khi mà chồng không có nhà. Ý tôi là cô ấy ăn mặc như thế, còn tay kia lại cởi áo ra nằm bên cạnh và hai người nói

chuyện phiếm, sau đó tay kia đứng dậy và đi khỏi trước khi anh chồng về. Vậy tất cả chuyện đó là thế nào?"

Tôi đáp, "Đó lại hoàn toàn không có gì. Hôm đó tôi ghé qua để gặp Tom vì chuyện gì đó."

Bà Murphy nhìn tôi, và tôi cảm thấy ánh mắt của Beth cũng đang nhìn tôi. Tôi nói với bà Murphy, "Tôi là bạn của gia đình Gordon."

"Ồ..."

Ông Murphy cười tủm tỉm nhìn lên trần nhà. Ông ta cho tôi biết, "Bà vợ tôi đầu óc xấu xa lắm."

"Tôi cũng thế." Tôi hỏi bà Murphy, "Bà đã bao giờ qua lại với vợ chồng Gordon chưa?"

"Chúng tôi có mời họ sang nhà ăn tối một lần khi họ mới đến cách đây khoảng hai năm. Ngay sau đó họ mời chúng tôi sang bên ấy làm tiệc ngoài trời. Từ đó đến giờ không có thêm lần nào."

Tôi không thể tưởng tượng được là tại sao. Tôi hỏi bà Murphy, "Bà có biết tên ai trong số bạn bè của họ không?"

"Không. Tôi nghĩ họ hầu hết là người của Đảo Plum. Họ toàn là những người kỳ quặc, nếu anh muốn nghe nhận xét của tôi."

Và câu chuyện cứ như vậy. Chúng tôi muốn nói chuyện. Bà Murphy thì đung đưa, ông chồng thì hết đẩy ghế thẳng lên lại ngả ra. Một lần khi đang ngửa ra, ông ta hỏi tôi, "Họ đã làm gì thế? Đánh cắp một túi vi trùng để diệt sạch cả thế giới à?"

"Không, họ lấy cắp một loại vác xin trị giá rất nhiều tiền. Họ muốn giàu có."

"Thế hả? Họ chỉ thuê cái nhà bên cạnh. Anh biết rồi chứ?"

"Có."

“Phải trả đắt lắm.”

“Sao ông biết.”

“Tôi biết người chủ cũ. Một người còn trẻ tên là Sanders. Anh này là chủ xây nhà. Anh ta mua của gia đình Hoffmann là bạn của chúng tôi. Sanders phải trả quá nhiều, sau đó sửa sang lại và cho nhà Gordon thuê. Họ trả tiền thuê cao quá.”

Beth nói, “Xin cho tôi hỏi thẳng, ông Murphy. Một số người nghĩ là vợ chồng Gordon vận chuyển ma túy. Ông nghĩ thế nào?”

Ông ta đáp lại không chút do dụ, “Cũng có thể. Họ đi ra ngoài bằng tàu vào những giờ kì quặc. Không ngạc nhiên lắm.”

Tôi hỏi, “Ngoài người đàn ông có râu trên chiếc xe thể thao và tôi, ông có bao giờ thấy ai đó đáng nghi ở sân sau hoặc phía trước nhà không?”

“Ồ... nói thật, không thể nói rằng tôi đã thấy.”

“Bà Murphy?”

“Không, tôi nghĩ là không. Hầu hết những người đến đó đều có vẻ đáng kính. Họ uống rất nhiều rượu vang... thùng rác đầy vỏ chai... thỉnh thoảng họ còn nói oang oang trong lúc uống, nhưng họ mở nhạc nhỏ thôi - không phải là thứ điên loạn mà anh chị nghe đâu.”

“Ông bà có chìa khóa nhà họ không?”

Tôi thấy bà Murphy liếc nhìn chồng khi ông còn đang nhìn lên trần nhà. Yên lặng một chút rồi ông Murphy nói, “Có, chúng tôi có chìa khóa. Chúng tôi để mắt đến ngôi nhà cho họ vì chúng tôi thường quanh quẩn ở nhà.”

“Rồi sao nữa.”

“Ừm... có lẽ là tuần trước, chúng tôi thấy một chiếc xe sửa khóa ở bên đó, khi nó đi khỏi, tôi mang chìa khóa sang thử nhưng không mở được nữa. Tôi nghĩ Tom sẽ đưa cho tôi chìa khóa mới, nhưng không thấy gì. Anh ấy

có chìa khóa vào nhà tôi. Anh hiểu không? Vì thế, tôi gọi cho Sanders và hỏi anh ta vì người chủ nhà thường phải có chìa, nhưng anh ta cũng không biết gì về chuyện này. Đó không phải việc của tôi, nhưng nếu vợ chồng Gordon muốn tôi trông nhà cho họ thì tôi nghĩ là tôi phải có chìa khóa." Ông ta nói thêm, "Giờ tôi không biết là họ có giấu thứ gì bên trong hay không."

"Chúng tôi sẽ đề nghị để ông làm phó cảnh sát trưởng danh dự, ông Murphy. Này, đừng nhắc lại bất cứ điều gì trong câu chuyện hôm nay với bất kì ai ngoài cảnh sát trưởng Maxwell nhé. Nếu có ai đến đây nói là người của FBI, cảnh sát quận Suffolk hay cảnh sát bang New York hay bất cứ danh nghĩa nào giống như vậy thì có thể họ đang nói dối đấy. Hãy gọi cho cảnh sát trưởng Maxwell hoặc điều tra viên Penrose. Được chứ?"

"Được."

Beth hỏi ông Murphy, "Nhà ông có tàu không?"

"Giờ thì không có nữa. Mất việc lại tốn quá nhiều tiền."

"Đã bao giờ có ai đến thăm nhà Gordon bằng tàu không?"

"Thỉnh thoảng tôi thấy có tàu ở bến nhà họ."

"Ông có biết là tàu của ai không."

"Không. Nhưng một lần có con tàu giống của họ. Tàu cao tốc. Nhưng không phải tàu nhà họ. Tên cái này khác."

"Ông ở gần đủ để nhìn thấy à?" Tôi hỏi.

"Thỉnh thoảng tôi dùng ống nhòm."

"Tên con tàu là gì?"

"Nhớ làm sao được. Nhưng đấy không phải là tàu của nhà Gordon."

"Ông có nhìn thấy ai trên tàu không?" Beth hỏi.

“Không. Tôi chỉ vô tình nhìn thấy con tàu. Không thấy ai lên hay xuống tàu.”

“Đó là khi nào.”

“Để tôi nhớ xem... khoảng tháng Sáu... hồi đầu mùa.”

“Hôm đó vợ chồng Gordon có nhà không?”

“Không biết.” Ông nói thêm, “Tôi để ý xem có thấy ai rời khỏi nhà không, nhưng họ đi ra mà tôi không biết. Lúc sau nghe tiếng động cơ và tàu đang chạy ra ngoài.”

“Khả năng nhìn xa của ông được bao nhiêu?”

“Không tốt lắm, trừ khi có ống nhòm.”

“Còn bà, bà Murphy?”

“Cũng thế thôi.”

Đoán rằng ông bà Purphy quan sát nhà Gordon bằng ống nhòm nhiều hơn là họ thừa nhận, tôi hỏi họ, “Nếu chúng tôi đưa cho ông bà ảnh của một số người, liệu ông bà có thể nói đã từng nhìn thấy họ ở nhà Gordon hay không?”

“Có thể.”

Tôi gật đầu. Những người hàng xóm tọc mạch có thể trở thành nhân chứng tốt, nhưng đôi khi, giống như một chiếc camera quan sát rẻ tiền, những điều họ nhìn thấy lại quá nhiều, không mấy liên quan, không rõ ràng, không đáng để ý, cũng không cụ thể.

Chúng tôi hỏi đáp thêm nửa giờ nữa, nhưng những thứ thu được cứ ít dần theo từng phút. Ông Murphy còn làm được điều gần như không thể là ngủ thiếp đi trong lúc có cảnh sát phỏng vấn. Tiếng ngáy của ông ta bắt đầu làm tôi thấy khó chịu.

Tôi đứng dậy và vươn vai.

Beth đứng dậy và đưa cho bà Murphy danh thiếp của nàng. "Cám ơn ông bà vì đã dành thời gian cho chúng tôi. Xin hãy gọi cho tôi nếu ông bà nghĩ thêm được điều gì khác."

"Vâng, tôi sẽ gọi."

"Xin nhớ, tôi là điều tra viên được giao phụ trách vụ án này. Đây là đồng sự của tôi. Cảnh sát trưởng Maxwell đang hỗ trợ chúng tôi. Ông bà không nên nói chuyện với bất cứ ai khác về vụ án này."

Bà gật đầu, nhưng tôi không biết ông bà Murphy này có chống chọi được với ai đó như gã Ted Nash của Cục Tình báo Trung ương CIA không.

Tôi hỏi bà Murphy, "Bà có phiền nếu chúng tôi đi quanh nơi ở của ông bà một chút?"

"Tôi nghĩ là không."

Chúng tôi tạm biệt bà Murphy, tôi nói, "Tôi xin lỗi nếu tôi làm ông nhà chán."

"Đến giờ chợp mắt của ông ấy mà."

"Tôi biết rồi."

Bà đi cùng chúng tôi ra cửa trước và nói, "Tôi sợ lắm."

"Đừng sợ," Beth nói. "Có cảnh sát theo dõi xung quanh khu này rồi."

"Chúng tôi có thể bị giết khi đang ngủ."

Beth đáp, "Chúng tôi nghĩ đó là một người quen của vợ chồng Gordon. Do thù hằn. Ông bà không có gì phải lo lắng đâu."

"Nhưng nếu chúng quay lại thì sao?"

Tôi lại bắt đầu cảm thấy khó chịu. "Tại sao kẻ giết người lại quay lại?" Tôi hỏi hơi chút đanh giọng.

"Chúng luôn quay trở lại hiện trường mà."

"Chúng *không bao giờ* quay lại hiện trường."

"Chúng sẽ quay lại nếu muốn giết nhân chứng."

"Vậy bà hoặc ông nhà có chứng kiến vụ giết người."

"Không."

"Vậy thì ông bà không phải lo lắng gì." Tôi nói.

"Nhưng kẻ giết người có thể nghĩ chúng tôi đã nhìn thấy."

Tôi liếc sang Beth.

Nàng nói, "Tôi sẽ cử một chiếc xe tuần tra theo dõi mọi thứ. Nếu bà cảm thấy lo lắng hoặc nghe thấy điều gì đó thì hãy gọi 911." Nàng nói thêm, "Bà không lo nữa chứ."

Agnes Murphy gật đầu.

Tôi mở cửa và ra ngoài nơi có ánh nắng. Tôi nói với Beth, "Bà ấy thực sự có chỗ đáng chú ý đấy."

"Tôi biết rồi. Tôi sẽ để tâm chuyện này."

Beth và tôi đi quanh chiếc sân bên sườn nhà và nhìn thấy lối đi ở hàng rào. Từ hàng rào có thể quan sát được phía sau ngôi nhà của Gordon và chiếc sân. Nếu bước qua và nhìn về bên trái có thể thấy được mặt nước phía dưới. Ngoài vịnh có một con tàu màu xanh trắng, Beth nói, "Đó là tàu của cảnh sát tuần tra vịnh. Chúng tôi cử bốn thợ lặn có bình dưỡng khí xuống tìm hai viên đạn nằm dưới bùn và rong biển. Đúng là mò kim đáy bể."

Vụ án diễn ra chưa đầy hai mươi bốn giờ và hiện trường vẫn được bảo vệ cho tới ít nhất là sáng mai, do vậy chúng tôi không đi vào nhà Gordon, vì như thế có nghĩa là phải đăng nhập một lần nữa, trong khi tôi thì đang muốn rảnh nợ. Chúng tôi đi dọc theo hàng rào phía bên nhà Murphy xuống dưới bờ nước. Hàng rào mỏng và xơ xác dần khi gần tới nước mặn, và khi

còn cách khoảng gần chục mét thì tôi có thể nhìn được qua bên kia. Chúng tôi tiếp tục đi cho tới chỗ tường chắn giáp với mặt nước. Nhà Murphy cho một chiếc cầu phao cũ ở bên trái, còn bên phải là chiếc cầu cố định của nhà Gordon. Chiếc *Spirochete* đã không còn ở đó.

Beth nói, "Cục Hàng hải đã đưa con tàu tới bãi đỗ của họ. Bên giám định sẽ xử lí với con tàu ở đó." Nàng hỏi tôi, "Anh nghĩ thế nào về ông bà Murphy?"

"Tôi nghĩ chính họ làm."

"Làm gì?"

"Giết vợ chồng Gordon. Không trực tiếp. Nhưng họ chặn Tom và Judy trên sân và nói chuyện với họ ba mươi phút về mua bán ở siêu thị trên tạp chí Thứ Bảy, rồi vợ chồng Gordon rút súng ra tự bắn lủng óc."

"Có thể lắm." Beth thừa nhận. "Nhưng còn điều gì xảy ra với những khẩu súng."

"Edgar dùng chúng làm chỗ cài giấy vệ sinh."

Nàng bật cười. "Anh thật quá đáng. Thế nào chẳng có lúc anh già."

"Không. Tôi sẽ không già."

Cả hai chúng tôi không ai nói gì trong mấy giây. Chúng tôi đứng nhìn ra vịnh. Cũng giống như lửa, nước có sức mê hoặc. Cuối cùng, Beth nói, "Anh có chuyện tình cảm với Judy Gordon à?"

"Nếu có thì tôi đã nói với cô và Max từ đầu rồi."

"Anh sẽ nói với Max. Không phải tôi."

"Thôi được - Tôi không có chuyện gì với Judy Gordon."

"Nhưng anh bị cô ấy hấp dẫn."

"Mọi người đàn ông đều như thế. Cô ấy đẹp mà." Tôi không quên nói thêm, "Và rất thông minh," như thể tôi thực sự coi đó là chuyện bình

thường. Có lúc tôi có làm thế, nhưng có lúc tôi quên không lấy đầu óc làm lý do. Tôi nói, "Khi cô thấy một cặp vợ chồng trẻ rất gợi tình, có thể cô nên nghĩ đến khía cạnh tình dục."

Nàng gật đầu, "Chúng ta sẽ nghĩ về chuyện này."

Từ chỗ chúng tôi đứng, tôi có thể thấy cột cờ bên sân nhà Gordon. Chiếc cờ đầu lâu xương chéo đang bay trên đỉnh, hai chiếc cờ hiệu treo trên cột chống. Tôi hỏi Beth, "Cô có thể vẽ hình mấy chiếc cờ hiệu kia không?"

"Được chứ." Nàng lấy sổ tay và bút ra rồi vẽ. "Anh nghĩ nó có liên quan à? Phải chăng là tín hiệu?"

"Tại sao không? Chúng là cờ hiệu mà."

"Tôi nghĩ chúng chỉ để trang trí. Nhưng chúng ta sẽ biết thôi."

"Đúng." Tôi nói với Beth, "Giờ quay lại chỗ hiện trường nhé."

Chúng tôi bước qua hàng rào và đi xuống chỗ chiếc cầu tàu của nhà Gordon. Tôi nói, "Được rồi, giờ tôi là Tom, cô là Judy. Chúng ta rời Đảo Plum vào giữa trưa, và giờ là khoảng 5 giờ 30. Chúng ta về đến nhà. Tôi tắt máy. Cô ra khỏi tàu trước và buộc dây. Tôi nhấc chiếc thùng lên trên cầu. Đúng không?"

"Đúng."

"Tôi trèo lên cầu tàu. Chúng ta cùng xách chiếc thùng bằng quai và bắt đầu đi lên."

Chúng tôi hình dung ra mọi việc và bước đi bên cạnh nhau. Tôi nói, "Chúng ta nhìn lên nhà. Nếu có ai đứng trên bất kì bậc sân nào thì ta vẫn nhìn thấy. Đúng không?"

"Đúng," nàng đồng tình. "Cứ cho là có ai đó đứng ở đây, nhưng là người quen của chúng ta, và ta tiếp tục đi lên."

“Được. Nhưng cô có nghĩ là người đó đi xuống để giúp một tay không. Chuyện giúp đỡ thông thường. Dù sao, chúng ta vẫn đi lên.”

Chúng tôi tiếp tục, hai người đi cạnh nhau tới bậc sân thứ hai. Beth nói, “Tới một điểm nào đó, chúng ta sẽ nhận ra chiếc cửa trượt bằng kính hoặc rèm che có mở ra hay không. Nếu mở thì ta sẽ lo, có thể dừng lại hoặc quay lại. Chiếc cửa phải đóng mới phải.”

“Trừ khi họ biết có người đang chờ mình ở *trong* nhà.”

“Đúng.” Nàng nói, “Nhưng đó phải là người có chiếc chìa khóa mới.”

Chúng tôi tiếp tục đi về phía ngôi nhà tới bậc sân cao nhất và dừng lại cách đường phấn vẽ vài bước chân. Beth đối diện với chỗ nằm của Judy, còn tôi đối diện với chỗ của Tom. Tôi nói, “Vợ chồng Gordon chỉ còn bước thêm một vài bước và sống thêm chưa đầy một phút. Họ nhìn thấy gì?”

Beth nhìn chăm chú xuống những đường vẽ bằng phấn, rồi ngước lên nhìn căn nhà trước mặt chúng tôi, những chiếc cửa kính, khu vực ngay phía trước bên trái và phải. Cuối cùng nàng nói, “Họ vẫn đi về phía nhà, khi đó còn cách khoảng sáu mét. Không có dấu hiệu nào cho thấy họ cố bỏ chạy. Họ vẫn ở cạnh nhau, không có chỗ nào để nấp, trừ ngôi nhà, và không ai có thể bắn hai phát vào đầu họ từ khoảng cách như vậy. Họ chắc chắn phải quen biết với kẻ giết người, và kẻ đó không làm họ cảnh giác.”

“Đúng. Tôi đang nghĩ có thể hung thủ khi đó đang nằm trên một chiếc ghế dài giả vờ ngủ, đó là lý do tại sao hắn không xuống chào vợ chồng Gordon ở dưới cầu tàu. Vợ chồng Gordon biết người này và có thể Tom gọi, ‘Này, Joe, dậy giúp chúng tôi với chiếc thùng vác xin Ebola này đi.’ Có thể là bệnh than. Hoặc tiền. Thế là tên kia dậy, ngáp vài cái rồi bước mấy bước về phía họ từ một chiếc ghế dài nào đó trong số này, khi vừa đủ tầm thì rút súng ra bắn vào đầu họ. Đúng không?”

Nàng đáp, "Có thể." Nàng bước quanh vạch phấn và đứng ở chỗ hung thủ chắc chắn đã đứng, không quá mét rưỡi từ đường phấn vẽ bàn chân. Tôi tiến lên chỗ Tom đã đứng. Beth nâng tay phải lên và dùng tay trái đỡ cổ tay phải. Nàng chỉ ngón tay phải vào mặt tôi và nói, "Pằng."

Tôi nói, "Họ không mang chiếc thùng khi bị bắn. Nó sẽ bị rơi khỏi tay Tom khi anh ấy bị bắn. Tom và Judy phải đặt chiếc thùng xuống trước."

"Tôi không chắc họ có mang chiếc thùng nào không. Đó là giả thuyết của anh, không phải của tôi."

"Vậy thì chiếc thùng luôn ở trên tàu đã đi đâu?"

"Ai biết? Bất kì chỗ nào. Hãy nhìn vào hai đường phấn này, John. Họ nằm gần nhau như vậy, tôi không biết là họ có thể đã mang một chiếc thùng rộng mét hai giữa hai người không."

Tôi nhìn lại vào những đường vẽ. Nàng có lý, nhưng tôi nói, "Họ có thể đã đặt chiếc thùng cách mấy bước về phía sau rồi mới tiến đến chỗ hung thủ khi đó đang nằm trên ghế dài hoặc đang đứng ở đây hoặc vừa mới bước ra khỏi chiếc cửa trượt"

"Có thể. Nhưng dù thế nào tôi vẫn nghĩ là vợ chồng Gordon có quen biết với hung thủ."

"Đồng ý." Tôi nói với Beth, "Tôi không nghĩ là vô tình mà hung thủ và vợ chồng Gordon lại ở chỗ này. Nếu hung thủ bắn ở trong nhà thì sẽ dễ dàng hơn nhiều. Nhưng hắn lại *chọn* vị trí này - hắn định trước sẽ bắn ở đây."

"Tại sao?"

"Lý do duy nhất tôi có thể nghĩ được là vì hắn sử dụng súng có đăng ký, và hắn không muốn để lại đạn để sau này sẽ phải kiểm tra đạn đạo nếu có bị tình nghi."

Nàng gật đầu và nhìn ra phía vịnh.

Tôi tiếp tục, "Bên trong ngôi nhà, viên đạn sẽ găm vào chỗ nào đó, và có thể hắn sẽ không thể lấy lại được. Vì thế hắn tính toán bắn hai phát vào đầu ở cự ly gần với một khẩu súng ngắn cỡ nòng to và không có vật cản nào từ lỗ đạn ra trên đầu đến chỗ sâu ngoài vịnh."

Nàng lại gật đầu. "Có vẻ là như thế, phải không?" Nàng nói thêm, "Điều đó làm thay đổi đặc điểm của hung thủ. Hắn không phải là một tên nghiện, không phải một sát thủ với một khẩu súng không đăng kí. Đó là người không có được loại súng không thể lần ra - là một công dân tốt với khẩu súng có đăng kí. Phải chăng anh định nói thế?"

Tôi nói, "Nó phù hợp với những gì tôi thấy ở đây."

"Đó là lý do tại sao anh muốn có danh sách những người ở địa phương có đăng kí sử dụng súng."

"Đúng." Tôi nói thêm, "Loại nòng lớn, có đăng kí chứ không phải là loại bất hợp pháp hay vũ khí nóng, và có lẽ là một khẩu súng lục chứ không phải súng ổ quay vì súng ổ quay thì gần như không thể giảm thanh được. Vậy hãy bắt đầu với giả thiết như vậy."

Beth nói, "Làm sao để một công dân tốt với một khẩu súng có đăng kí có thể có được ống giảm thanh?"

"Câu hỏi hay đấy." Tôi suy nghĩ về toàn bộ những đặc điểm của hung thủ mà tôi vừa nghĩ ra và nói, "Giống như mọi thứ khác trong vụ này, luôn có sự mâu thuẫn trong mỗi giả thuyết."

"Đúng vậy." Nàng nói thêm, "Và rồi còn cả hai mươi khẩu súng tự động nòng 45 trên Đảo Plum."

"Quả là có thật."

Chúng tôi nói chuyện một lúc, cố gắng ghép các sự kiện với nhau, gắn vào thời điểm 5 giờ 30 chiều qua thay vì 5 giờ 30 chiều nay.

Tôi nhìn thấy một người cảnh sát của thị trấn Southold mặc đồng phục qua cửa kính, nhưng anh ta không nhìn thấy chúng tôi và đi chỗ khác.

Sau khoảng dăm phút suy nghĩ, tôi nói với Beth Penrose, "Khi còn bé, tôi thường tới đây từ Manhattan với gia đình hoàn toàn kiểu Mỹ của tôi - Bố, Mẹ, em trai Jim, em gái Lynne. Chúng tôi thường thuê một ngôi nhà nhỏ ở gần căn nhà lớn kiểu thời Victoria của cậu Harry và ở đó hai tuần cho muỗi nó cắn. Chúng tôi hứng độc cây thường xuân, để cho luỡi câu móc vào tay và nắng cháy da. Chúng tôi chắc hẳn phải vui lắm, vì năm nào cũng háo hức chờ đi nghỉ, chuyến đi dã ngoại kiểu Sam và Max* hàng năm của gia đình Corey."

Nàng mỉm cười.

Tôi tiếp tục, "Một năm, khi tôi khoảng mười tuổi, tôi tìm thấy một viên đạn súng hỏa mai, và tôi sung sướng lắm. Ý tôi là có người nào đó đã bắn nó một hai trăm năm trước. Sau đó vợ của cậu Harry, mợ June - Chúa phù hộ cho linh hồn của bà - đưa tôi đến một nơi gần thôn Cutchogue mà bà nói đã từng là một ngôi làng của người da đỏ Corchaug. Ở đó bà chỉ cho tôi cách tìm những mũi tên và những chiếc hầm nấu ăn, những chiếc kim bằng xương và đủ mọi thứ. Thật không thể tin được."

Beth không nói gì, nhưng nàng nhìn tôi như thể câu chuyện tôi kể rất thú vị.

Tôi tiếp tục, "Tôi nhớ có mấy đêm không ngủ được vì nghĩ tới những viên đạn súng hỏa mai và những mũi tên, những người dân di cư đến và người da đỏ, những người lính Anh và lính Đại lục, đủ thứ. Trước khi hai tuần thần tiên kết thúc, tôi biết mình muốn trở thành một nhà khảo cổ học

khi lớn lên. Nhưng mọi việc không diễn ra như thế nhưng tôi nghĩ đó là một trong những lí do khiến tôi trở thành điều tra viên."

Tôi giải thích với nàng về con đường lái xe vào nhà cậu Harry và việc họ đã sử dụng xỉ than cùng vỏ sò như thế nào để giữ cho khỏi bụi và bùn đất. Tôi nói, "Vậy là một nghìn năm sau, có nhà khảo cổ học nào đó đào chỗ ấy lên và tìm thấy xỉ than cùng vỏ sò, người đó sẽ đoán đây là một chiếc hầm nấu ăn dài. Thực ra là anh ta tìm thấy chỗ đường lái xe vào nhà, nhưng lại làm cho cái anh ta nghĩ là chiếc hầm nấu ăn phù hợp với giả thuyết. Cô vẫn nghe đấy chứ?"

"Có."

"Được. Đó là bài nói trên lớp của tôi. Cô muốn nghe không?"

"Anh nói đi."

"Tốt, - những thứ bạn nhìn thấy ở hiện trường một vụ giết người đều ở trạng thái tĩnh, nó không còn chuyển động. Các bạn có thể nghĩ ra rất nhiều câu chuyện xung quanh nó, nhưng tất cả đều chỉ là giả thuyết. Một điều tra viên, cũng giống như một nhà khảo cổ học, có thể ghép những sự kiện chắc chắn và những chứng cứ khoa học vững chắc với nhau, nhưng vẫn đưa ra những kết luận sai. Ngoài ra, một vài lời nói dối và ngụy tạo cùng những người cố gắng giúp đỡ nhưng lại dẫn đến sai lầm. Cộng với những người nói cho bạn những điều bạn muốn nghe phù hợp với giả thuyết của bạn, và những người che giấu âm mưu, rồi chính kẻ giết người cũng có thể sắp đặt những manh mối giả. Xuyên suốt qua tất cả những mâu thuẫn này, những điểm không thống nhất và những lời nói dối chính là sự thật." Tôi nói với Beth, "Đến chỗ này, nếu tính toán thời gian của tôi là đúng, chuông reo lên và tôi nói, 'Thưa các anh chị, công việc của các anh chị là tìm ra sự thật."

Nàng nói, "Hoan hô."

"Cám ơn."

“Vậy ai giết vợ chồng Gordon?” Nàng hỏi.

“Tôi nghĩ nát óc ra rồi.” Tôi đáp.

CHƯƠNG 15

Chúng tôi đứng trên con đường nhỏ gần chiếc xe cảnh sát màu đen của Beth Penrose. Đã gần sáu giờ chiều. Tôi nói, "Một chút cốc tai nhé?"

Nàng đáp, "Anh có tìm được nhà bà Margaret Wiley không?"

"Có thể. Bà ấy có phục vụ cốc tai sao?"

"Chúng ta sẽ hỏi. Lên xe đi." Tôi lên xe. Nàng khởi động chiếc xe động cơ lớn và chúng tôi hướng về phía bắc qua Nassau Point, vượt qua con đường cao và tới vùng đất liền của North Folk.

"Đường nào đây?" Nàng hỏi.

"Rẽ phải, tôi nghĩ thế."

Nàng rẽ đột ngột gây nên tiếng rít lớn ở lốp. Tôi nói, "Chậm lại đi."

Nàng cho xe chạy chậm lại.

Thật dễ chịu khi hạ cửa kính xuống, ánh mặt trời đang thấp dần, làn không khí trong lành, tất cả mọi thứ. Giờ chúng tôi đã ở cách xa khu vực vịnh và đang ở vùng đồng quê với những trang trại và vườn nho. Tôi nói, "Khi tôi còn nhỏ, có hai loại trang trại - những trang trại khoai tây chủ yếu của các gia đình người Ba Lan hoặc Đức đến đây từ hồi đầu thế kỉ hai mươi, và những trang trại trồng hoa quả và rau chủ yếu của những người định cư lâu đời. Ở đây có những trang trại do các gia đình sở hữu đã tới ba trăm năm mươi năm. Thật khó mà hiểu được."

Nàng im lặng một lúc rồi nói, "Gia đình tôi cũng sở hữu một trang trại trong một trăm năm đấy."

“Thật à? Và bố cô đã bán đi.”

“Phải bán thôi. Khi tôi sinh ra, trang trại nằm ở khu vực giữa ngoại ô.” Nàng nói thêm, “Người ta cho là nhà tôi kì quặc. Tôi còn bị bạn bè ở trường chê cười. Vì là con nhà nông dân.” Nàng mỉm cười và nói, “Nhưng bố tôi là người được cười sau cùng. Một triệu đô la cho khu đất. Khoản tiền lớn hồi đó đấy.”

“Bây giờ cũng là lớn.” Tôi hỏi, “Cô đã thừa kế chưa?”

“Chưa. Nhưng tôi đang tiêu phung phí cho một quỹ tín thác.”

Tôi hỏi, “Cô có lấy tôi không?”

“Không. Nhưng tôi sẽ để anh lái chiếc BMW của tôi.”

“Đi chậm lại và rẽ trái ở đằng kia.”

Nàng rẽ trái và chúng tôi lại hướng về phía bắc. Nàng liếc nhìn tôi và nói, “Tôi biết là anh đã lấy vợ.”

“Ly hôn rồi.”

“Đã kí, đóng dấu và gửi đi?”

“Tôi nghĩ thế.” Thực ra, tôi cũng chẳng nhớ là đã nhận được các giấy tờ cuối cùng chưa.

“Tôi nhớ một bản tin trên ti vi... khi anh bị thương... một cô vợ hấp dẫn đến thăm ở bệnh viện cùng với ông thị trưởng và vị cao ủy của cảnh sát... anh có nhớ không?”

“Không nhớ lắm. Có nghe chuyện đó.” Tôi nói, “Rẽ phải rồi rẽ trái luôn.”

Chúng tôi đến đường Hải đăng, tôi nói, “Chạy chậm thôi để tôi nhìn số nhà.”

Hai bên con đường nhỏ dẫn tới ngọn hải đăng Horton Point cách đó một dặm lác đác những ngôi nhà nhỏ, xung quanh là những vườn nho.

Chúng tôi tới một căn nhà nhỏ xây gạch trông dễ chịu có chiếc hòm thư đề chữ "Wiley". Beth dừng xe trên mép cỏ. "Tôi đoán là đây rồi."

"Có lẽ thế. Cuốn danh bạ điện thoại đầy người có tên Wiley. Có thể là những người già lập dị."

Chúng tôi xuống xe và đi theo con đường trải đá tới cửa trước ngôi nhà. Nhà không có chuông nên chúng tôi gõ cửa và chờ đợi. Một chiếc xe đỗ dưới gốc cây sồi to bên sườn nhà. Chúng tôi đi quanh tới sườn nhà rồi ra phía sau.

Một người phụ nữ gầy gò chừng bảy mươi tuổi mặc váy hoa kiểu mùa hè đang thơ thẩn trong vườn rau. Tôi gọi, "Bà Wiley?"

Bà ngẩng lên nhìn và đi về phía chúng tôi. Chỗ gặp nhau là một bãi cỏ nằm giữa ngôi nhà và khu vườn. Tôi nói, "Tôi là điều tra viên John Corey. Tôi đã gọi cho bà tối qua. Đây là đồng sự của tôi, điều tra viên Beth Penrose."

Bà già nhìn chằm chằm vào chiếc quần soóc của tôi, và tôi nghĩ có thể có chiếc khuy quần để mở hay thứ gì đó.

Beth đưa cho bà Wiley xem thẻ của nàng. Bà già có vẻ hài lòng với Beth. Nhưng vẫn không chắc chắn lắm về tôi.

Tôi mỉm cười với Margaret Wiley. Bà có đôi mắt màu xám, tóc xám, khuôn mặt trông hay hay với nước da mờ, khuôn mặt làm tôi nhớ đến một bức tranh cũ - không nhớ cụ thể là tranh gì, ai vẽ và phong cách ra sao, chỉ là một bức tranh cũ.

Bà nhìn tôi và nói, "Anh gọi vào lúc rất khuya."

"Tôi không thể ngủ được. Vụ án mạng làm tôi thức cả đêm, thưa bà Wiley. Tôi xin lỗi."

"Tôi không nghĩ là tôi cần lời xin lỗi. Tôi có thể giúp gì anh chị?"

Tôi nói, "Chúng tôi quan tâm đến mảnh đất mà bà đã bán cho vợ chồng Gordon."

"Có lẽ tôi đã nói hết cho anh những điều tôi biết rồi."

"Vâng, thưa bà. Có thể như vậy. Chúng tôi chỉ muốn hỏi thêm một vài câu thôi."

"Qua bên này ngồi đi." Bà dẫn chúng tôi tới chỗ mấy chiếc ghế gỗ sơn xanh bên dưới tán liễu rủ và chúng tôi ngồi xuống.

Những chiếc ghế kiểu này khá phổ biến khi tôi còn nhỏ, giờ chúng lại thịnh hành trở lại và có ở khắp nơi. Còn những chiếc ghế trong sân nhà bà Wiley này thì tôi nghi là chưa bao giờ chuyển đi đâu nên việc thịnh hành trở lại cũng không cần thiết. Ngôi nhà, cái sân, bà chủ nhà trong bộ váy dài, cây liễu, chiếc xích đu hoen gỉ, chiếc lốp xe cũ trên sợi dây thừng buộc vào cây sồi - tất cả giống như cảnh vật của những năm 1940, 1950, giống như một bức ảnh cũ được tô màu. Thời gian thực trôi đi chậm chạp hơn ở nơi này. Có câu rằng ở Manhattan hiện tại sôi động đến mức nó làm lu mờ quá khứ. Nhưng ở đây, quá khứ làm lu mờ hiện tại.

Tôi ngửi thấy mùi của biển, biển Long Island Sound, cách đó khoảng một phần tư dặm. Tôi nghĩ luồng gió đã lùa qua những vườn nho gần đây và mang theo hương vị của nó. Một thứ môi trường đặc biệt với biển, nông trại và những vườn nho, một sự kết hợp kì lạ chỉ có thể thấy ở một vài nơi trên suốt cả Bờ Đông.

Tôi nói với bà Wiley, "Bà có một chỗ ở thật đẹp."

"Cám ơn anh."

Margaret Wiley là người già thứ ba tôi gặp trong ngày hôm nay và tôi quyết lần này phải làm tốt hơn so với lần gặp Edgar và Agnes. Thực ra, Margaret Wiley sẽ không làm tôi tức điên, tôi cảm thấy thế. Bà thuộc tuýp người đàng hoàng, theo lối gia đình cũ, thẳng thắn và biết tôn trọng người

khác. Tôi là một điều tra viên tốt vì tôi có thể nhận đoán tính cách và kiểu người để có cách tiếp cận thích hợp. Điều này không có nghĩa là tôi có hiểu biết, nhạy cảm và biết đồng cảm. Tôi là một con lợn đực độc đoán, vị kỷ và cứng đầu. Đó là tính cách của tôi. Nhưng tôi lắng nghe và tôi nói điều tôi phải nói. Đó là một phần của nghềnghiệp.

Tôi nói với bà Wiley, "Tự bà quản lý nơi này à?"

"Tôi làm là chính. Tôi có một con trai và hai con gái, tất cả đều đã có gia đình và sống trong vùng này. Bốn đứa cháu. Chồng tôi, Thad, đã mất cách đây sáu năm."

Beth nói nàng rất tiếc khi nghe điều đó.

Chuyện đi chệch hướng, Beth hỏi, "Bà là chủ các vườn nho này à?"

"Tôi là chủ một phần của mảnh đất. Tôi cho những người làm rượu vang thuê. Nông dân thời vụ chỉ thuê theo mùa. Những người làm rượu vang cần đến hai mươi năm, họ bảo thế. Tôi không biết tí gì về nho." Bà nhìn Beth. "Tôi trả lời thế được chưa?"

"Vâng, thưa bà." Beth hỏi, "Tại sao bà bán một mẫu cho vợ chồng Gordon?"

"Điều đó thì có liên quan gì đến vụ giết người?"

Beth đáp, "Chúng tôi không biết cho đến khi tìm hiểu thêm về việc mua bán này."

"Đó chỉ là việc mua bán đất bình thường thôi mà."

Tôi nói với bà Wiley, "Xin nói thật là tôi cảm thấy kì quặc với việc vợ chồng Gordon bỏ ra nhiều tiền như vậy để mua mảnh đất mà họ không thể xây dựng."

"Hình như tôi đã nói với anh rồi, họ muốn có chỗ để ngắm biển Sound."

“Vâng, thưa bà. Họ có nói gì đến mục đích sử dụng nào khác từ mảnh đất không? Chẳng hạn như để câu cá, đỗ tàu, cắm trại?”

“Cắm trại. Họ có nhắc tới chuyện dựng lều. Và câu cá. Họ muốn đi thả câu đêm từ bãi biển chỗ nhà riêng. Họ cũng nói gì đó về chuyện muốn mua một chiếc kính viễn vọng. Họ muốn nghiên cứu thiên văn. Họ đã đến thăm Viện Custer. Anh chị đã đến đó bao giờ chưa?”

“Dạ chưa.”

“Đó là một trạm quan sát nhỏ ở Southold. Vợ chồng Gordon quan tâm đến thiên văn học.”

Điều này mới đối với tôi. Các bạn sẽ nghĩ là những người suốt ngày nhìn lũ vi trùng và virut qua kính hiển vi sẽ không muốn nhìn thêm ống kính nào nữa vào ban đêm. Nhưng bạn làm sao biết được. Tôi hỏi, “Còn chuyện đi tàu thì sao?”

“Anh không thể đi tàu từ đó được, trừ khi đó là ca nô. Mảnh đất ở trên cao và anh không thể đưa bất kì cái gì lên xuống trừ ca nô.”

“Nhưng ta có thể đỗ tàu trên bãi biển?”

“Có thể khi thủy triều lên cao, nhưng ở đó có nhiều đá nguy hiểm dọc theo bờ. Anh có thể thả neo và bơi vào hoặc lội lên bãi biển lúc triều thấp.”

Tôi gật đầu rồi hỏi, “Họ có nhắc tới việc trồng trọt thứ gì đó trên mảnh đất không?”

“Không. Chỗ đó trồng trọt không tốt. Chẳng phải tôi đã nói rồi sao?”

“Tôi không nhớ ra.”

“Tôi thì nhớ.” Bà giải thích, “Bất kể thứ gì trồng trên đó đều phải mất thời gian rất lâu để quen với gió và không khí mang hơi muối.” Bà nói thêm, “Anh có thể thử trông rau ở sườn giáp với đất liền.”

“Đúng.” Tôi thay đổi chiến thuật và hỏi, “Bà có ấn tượng gì với vợ chồng Gordon?”

Bà nhìn tôi, suy nghĩ một lát rồi trả lời, “Một cặp vợ chồng đẹp. Rất dễ chịu.”

“Hạnh phúc?”

“Họ có vẻ hạnh phúc.”

“Họ có hào hứng về chuyện mua đất không?”

“Có thể nói là như vậy.”

“Họ đến hỏi mua trước à?”

“Vâng. Đầu tiên họ hỏi mua - tôi có nghe điều đó khá lâu trước khi họ đến gặp tôi. Khi họ hỏi thì tôi nói là tôi không muốn bán.”

“Tại sao?”

“Vì tôi không muốn bán đất.”

“Tại sao lại không?”

“Đất đai phải giữ lại để cho người đời sau trong gia đình.” Bà nói thêm, “Tôi đã thừa kế mấy mảnh đất của bên gia đình nhà mẹ tôi. Mảnh đất mà vợ chồng Gordon hỏi mua là bên họ nội để lại.” Bà dường như thoáng suy nghĩ rồi nói tiếp, “ông Thad nhà tôi bắt tôi hứa không bán một chút đất nào. ông ấy muốn tôi để lại cho các con. Nhưng chỗ này chỉ có một mẫu. Tôi không cần tiền lắm, tất nhiên rồi, nhưng vợ chồng Gordon cứ như phải lòng với chỗ đất ấy...” bà liếc nhìn tôi và Beth và nói, “Tôi hỏi các con tôi, chúng nghĩ là cha chúng cũng sẽ đồng ý.”

Một điều luôn làm tôi thấy kỳ lạ là các bà góa và con cái họ dù hoàn toàn không biết phải làm gì cho chồng, cha trong ngày Giáng sinh hoặc ngày của các ông bố nhưng lại biết đích xác người quá cố muốn gì sau khi họ đã chết.

Bà Wiley tiếp tục, "Vợ chồng Gordon đều biết mảnh đất này không được thay đổi hiện trạng."

"Bà đã nói rồi." Tôi hỏi có ý đồ, "Và vì lí do đó, bà không đồng ý rằng hai mươi lăm nghìn đô la là cao quá mức so với giá thị trường hay sao?"

Bà nhoài về phía trước trên chiếc ghế gỗ kiểu Adirondack và nói với tôi, "Tôi cũng cho họ quyền sử dụng đất của tôi." Bà nói thêm, "Để rồi xem miếng đất dùng vào việc gì và khi nào thì sở nhà đất bán nó đi."

"Bà Wiley, tôi không đổ lỗi cho bà về việc kiếm được một món hời. Tôi chỉ muốn biết tại sao vợ chồng Gordon muốn hoặc cần mảnh đất đó đến thế."

"Tôi đã nói với anh điều họ nói với tôi. Đó là tất cả những gì tôi biết."

"Cảnh ở đó chắc phải đẹp lắm mới đáng giá hai mươi lăm nghìn đô la nhỉ."

"Đúng thế."

Tôi nói, "Bà có nói là bà cho thuê đất trồng trọt."

"Đúng. Các con trai tôi không thích làm trang trại hay trồng nho cho các xưởng rượu."

"Vợ chồng Gordon có bao giờ nghĩ đến điều đó không? Ý tôi là, về chuyện thuê đất trồng trọt của bà?"

"Tôi đoán là họ có nghĩ đến."

"Và họ chưa bao giờ hỏi bà xem họ có thể thuê một phần đất hay không?"

Bà thoáng suy nghĩ rồi nói, "Không, giờ anh mới nhắc đến."

Tôi liếc nhìn Beth. Rõ ràng chuyện này không hợp lý. Hai nhân viên nhà nước lúc nào cũng có thể bị chuyển nơi làm việc thuê một căn nhà ở vịnh phía nam, sau đó mua một mảnh đất ở bờ bắc với giá hai mươi lăm nghìn

đô la để thêm một chỗ ngắm cảnh biển. Tôi hỏi bà Wiley, "Nếu họ đề nghị được thuê một mẫu đất của khu đó thì bà có đồng ý không?"

Bà gật đầu. "Có lẽ tôi thích như vậy hơn."

"Bà sẽ đòi giá bao nhiêu một năm?"

"Ồ... tôi không biết... chỗ đất đó không sử dụng được... Tôi nghĩ một nghìn là hợp lí." Bà nói thêm, "Chỗ đó cảnh đẹp lắm mà."

Tôi nói, "Bà có thể vui lòng chỉ cho chúng tôi chỗ đất đó được không?"

"Tôi có thể chỉ đường cho anh chị. Hoặc anh chị có thể tìm trên sổ địa chính của phòng hành chính quận."

Beth nói, "Chúng tôi thực sự hoan nghênh nếu bà đi cùng chúng tôi."

Bà Wiley nhìn đồng hồ, rồi quay sang Beth. "Được." Bà đứng dậy. "Tôi sẽ quay lại ngay."

Bà đi vào trong nhà qua chiếc cửa rèm.

Tôi nói với Beth, "Con vịt già ương bướng."

"Anh toàn nghĩ xấu về người khác."

"Lần này tôi rất tử tế đấy chứ."

"Đấy là cái anh gọi là tử tế à?"

"Đúng, tôi đang *tử tế* đấy."

"Sợ thật."

Tôi chuyển chủ đề và nói, "Vợ chồng Gordon buộc phải có được chỗ đất đó."

Nàng gật đầu.

"Tại sao?"

"Tôi không biết... Anh nói đi."

"Nghĩ đi."

"Được..."

Bà Wiley đi ra từ cửa sau và không đóng cửa. Bà mang theo túi xách tay nhỏ và chìa khóa xe ô tô. Bà đi về phía xe của mình, một chiếc Dodge màu xám đã dùng khoảng năm năm. Nếu Thad mà còn sống, chắc ông ấy cũng đồng ý.

Beth và tôi lên xe của nàng và theo sau bà Wiley. Chúng tôi rẽ phải lên đường Middle Road. Con đường có bốn làn xe chạy theo hướng đông-tây, song song với đường con đường Main Road cũ từ thời thuộc địa. Đường Middle Road chạy xuyên qua những trang trại, những vườn nho, với những khung cảnh đẹp tràn ngập ở mọi hướng. Ánh mặt trời chiếu lên cửa kính chắn gió tạo cảm giác dễ chịu, không khí mang hương vị của nho, một cô gái xinh xắn tóc nâu đồng đang lái xe, và nếu không phải đang đi điều tra vụ án mạng giết hai người bạn thì chắc tôi đã huýt sáo rồi.

Ở bên trái, cách khoảng một dặm về phía bắc, tôi có thể nhìn thấy nơi đất trồng trọt đang bằng phẳng đột ngột dựng đứng lên như một bức tường, dốc đến mức không thể trồng gì được ở đó. Mặt dốc phủ toàn những cây lớn và những bụi cây lúp xúp. Thực ra nơi đó, mặt dốc phía bắc thấp dần xuống mặt nước, nhưng từ đây thì không thể nhìn thấy biển. Bức tường dựng đứng kia dường như là một dãy đồi thấp.

Bà Wiley lái xe rất hăng, chúng tôi lao vù qua những chiếc máy kéo và xe bán tải.

Một tấm biển chỉ đường cho biết chúng tôi đang ở thôn Peconic. Hai bên đường là những vườn nho với những tấm biển gỗ sơn hình các biểu trưng, rất thượng lưu, hứa hẹn các loại rượi vang đắt tiền. Tôi nói với Beth, "Vốt ca khoai tây. Là nó đấy. Tôi chỉ cần hai mươi mẫu và một chiếc máy chưng cất. Corey và Krumpinski, một loại vốt ca khoai tây hảo hạng, tự nhiên và có thêm hương vị. Tôi sẽ nhờ Martha Stewart* viết sách dạy

nấu ăn và nghĩ ra các món ăn cùng với vốt ca - trai, sò, hàu. Rất thượng lưu. Cô nghĩ thế nào."

"Krumpinski là ai?"

"Tôi không biết. Là đàn ông. Vốt ca Ba Lan. Stanley Krumpinski. Ông này rao bán sự sáng tạo. Ông ta ngồi ở nhà và phán những lời bí ẩn về rượu vốt ca. Ông ta chín mươi lăm tuổi. Người anh em sinh đôi Stephen của ông là người uống rượu vang và chết năm ba mươi lăm tuổi. Sao?"

"Để tôi nghĩ chuyện này. Trong khi đó, một mẫu đất mua với giá quá cao có lẽ không hợp lí nếu anh cho ràng vợ chồng Gordon có thể thuê cùng diện tích đó với giá chỉ một nghìn đô la. Điều này có liên quan đến vụ giết người hay không?"

"Có thể. Mặt khác, nó có thể chỉ là do vợ chồng Gordon không biết định giá, hoặc thậm chí là một vụ lừa lọc đất cát." Tôi nói, "Vợ chồng Gordon có thể đã tìm được cách để lấy lại quyền xây dựng. Do đó, họ mua một miếng đất giáp mặt nước với giá hai mươi lăm nghìn trở thành đất xây dựng với giá cả trăm nghìn. Lãi to."

Nàng gật đầu. "Tôi sẽ nói gặp phòng hành chính quận để tìm hiểu giá mua bán so sánh." Nàng liếc nhìn tôi khi đang lái xe và nói, "Anh chắc đã có một giả thuyết khác."

"Có thể thôi. Không hẳn."

Nàng im lặng một lát rồi nói, "Họ cần phải có mảnh đất. Đúng không? Tại sao? Xây dựng? Làm đường? Một dự án công viên lớn của bang? Dầu lửa, khí đốt, than đá, kim cương, đá quí...? Là cái gì đây?"

"Không có thứ khoáng sản nào ở Long Island, không kim loại quí, không đá quí. Chỉ có cát, đất và đá. Đến tôi mà còn biết như vậy."

"Đúng... nhưng anh đã có gì đó trong đầu."

“Không có gì cụ thể. Chỉ là... cảm giác... chẳng hạn như tôi biết cái gì có liên quan và cái gì không, giống như các bài kiểm tra liên hệ hình ảnh. Cô biết chứ? Cô có bốn bức tranh - một con chim, một con ong, một con gấu và một chiếc bồn vệ sinh. Cái nào không cùng loại với những cái còn lại?”

“Con gấu.”

“Con gấu? Tại sao?”

“Vì nó không biết bay.”

“Nhưng cái bồn vệ sinh cũng đâu có biết bay.”

“Vậy con gấu và cái bồn vệ sinh không cùng loại với hai thứ kia.”

“Cô không... Dù sao, tôi có thể cảm giác được cái gì nằm trong nhóm và cái gì không.”

“Giống như tiếng *ping* trong đầu.”

“Đại loại thế.”

Đèn phanh trên xe của Wiley bật sáng. Bà rẽ từ đường cao tốc vào một con đường đồng đầy bụi bẩn. Beth không chú ý suýt chạy vượt qua lối rẽ và tạt gấp nghiêng cả xe.

Chúng tôi đi theo phía bắc, hướng về phía những dốc đứng ra biển bên con đường đất đầy bụi, bên trái là cánh đồng khoai tây, bên phải là một vườn nho. Xe chạy với tốc độ ba mươi dặm một giờ, bụi bay khắp nơi, thậm chí tôi còn thấy vị của bụi nơi đầu lưỡi. Tôi kéo cửa kính lên và bảo Beth làm như tôi.

Nàng làm theo, rồi nói một câu chẳng liên quan gì, “Chúng ta sắp đến đại lộ *ba mươi ba và ba**.”

“Tôi đâu có nói giọng kiểu đấy. Tôi không thấy có gì đáng buồn cười.”

“Tôi nghe anh.”

Bà Wiley rẽ vào một con đường mòn đầy vết xe lún chạy song song với bờ biển khi đó chỉ còn cách khoảng bốn năm chục mét. Đi được vài trăm mét, bà dừng xe lại ở giữa đường và Beth đỗ ngay phía sau.

Bà Wiley xuống xe, chúng tôi cũng xuống, người đầy bụi, cả trong xe lẫn ngoài xe cũng toàn bụi.

Chúng tôi đến cạnh bà Wiley khi đó đang đứng dưới chân dốc. Bà nói. "Hai tuần rồi chưa có mưa. Những người trồng nho thích thời tiết như thế vào thời gian này. Họ bảo như vậy nho ngọt hơn, không bị nhạt vì nhiều nước. Sẵn sàng để thu hoạch."

Tôi đang phủi bụi trên áo và lông mày, không văng ra câu nào.

Bà Wiley tiếp tục, "Khoai tây cũng không cần mưa vào thời gian này. Nhưng rau và cây ăn quả lại cần nhiều nước."

Tôi thật sự, *thật sự* là không quan tâm, nhưng không biết làm cách nào để thể hiện ra mà không bất lịch sự. Tôi nói, "Tôi đoán là có người thì đang cầu mưa, có người lại đang cầu nắng. Cuộc sống là vậy."

Bà nhìn tôi và nói, "Anh không phải người ở quanh đây, đúng không?"

"Đúng, thưa bà. Nhưng ông cậu tôi có một chỗ ở đây. Tên ông ấy là Harry Bonner, em trai của mẹ tôi. Ông có một trang trại sát vịnh ở Mattituck."

"Ồ, đúng rồi. Vợ ông ấy là June mất cùng dạo với ông Thad nhà tôi."

"Có lẽ đúng đấy ạ." Tôi không hoàn toàn ngạc nhiên trước việc Margaret Wiley biết cậu Harry. Dân định cư ở đây chỉ khoảng hai mươi nghìn người, ít hơn năm nghìn so với số người làm việc trong tòa nhà Empire State Building ở thành phố New York. Tôi không có ý nói là hai mươi lăm nghìn người làm việc trong tòa nhà đó đều biết nhau. Nhưng tôi đoán là Margaret và ông chồng Thad Wiley quá cố có biết cậu Harry và mợ June Bonner đã mất. Tôi chợt có ý nghĩ kì cục là tôi sẽ gán bà Margaret

và cậu Harry khùng với nhau, họ sẽ lấy nhau, bà ấy sẽ chết, cậu Harry cũng sẽ chết và để lại cho tôi hàng nghìn mẫu đất ở North Fork. Tôi sẽ phải giết cả mấy người em họ đi, tất nhiên rồi. Nghe hơi Shakespeare quá. Tôi có cảm giác là mình đã ở ngoài này quá lâu trong thế kỷ hai mươi.

"John? Bà Wiley đang nói kìa."

"Ồ, xin lỗi. Tôi bị thương hơi nặng, thỉnh thoảng vẫn hơi lẩn thẩn như vậy."

"Trông anh yếu lắm." Bà Wiley cho tôi biết.

"Cám ơn bà."

"Tôi đang nói, cậu anh thế nào rồi?"

"Rất khỏe mạnh. Ông ấy đã trở lại thành phố. Kiếm được rất nhiều tiền ở phố Wall. Nhưng rất cô đơn từ khi mợ June mất."

"Cho tôi gửi lời hỏi thăm ông ấy."

"Vâng, tôi sẽ nói lại với ông."

"Mợ anh là một người phụ nữ tốt." Bà nói với giọng như ý rằng, "Sao bà ấy lại có thằng cháu họ mạt hạng thế này chứ."

Margaret nói tiếp, "June là một nhà khảo cổ và sử gia không chuyên giỏi."

"Đúng. Hội Lịch sử Peconic. Bà cũng là thành viên của hội à?"

"Vâng. Tôi quen bà June ở đó. Ông cậu anh không quan tâm, nhưng ông ấy có tài trợ cho một vài cuộc khai quật. Chúng tôi đào phần móng của một ngôi nhà xây trong trang trại từ năm 1681. Anh nên đến xem bảo tàng của chúng tôi nếu chưa đến lần nào."

"Thực ra tôi định đến đó vào hôm nay nhưng lại có việc đột xuất khác."

"Chúng tôi chỉ mở cửa vào các ngày cuối tuần sau ngày lễ Lao động. Nhưng tôi có chìa khóa."

“Tôi sẽ gọi cho bà. Tôi nhìn ra ngọn dốc trồi lên khỏi mặt đất bằng phẳng. Tôi hỏi bà Wiley, “Đây là mảnh đất của vợ chồng Gordon à?”

“Đúng đấy. Anh có nhìn thấy chiếc cọc ở đằng kia không? Đó là góc phía tây nam của mảnh đất. Xuôi con đường này xuống khoảng gần một trăm mét là góc đông nam. Mảnh đất tính từ đây cho tới đỉnh dốc rồi qua bên kia và kết thúc ở mép nước lúc thủy triều lên cao.”

“Thật hả? Không được chính xác lắm nhỉ.”

“Đủ chính xác đấy. Đó là tục lệ và pháp luật. Mép nước lúc thủy triều lên cao. Bờ biển là của tất cả mọi người mà.”

“Đó là lí do tôi yêu đất nước này.”

“Anh ấy hả.”

“Đúng thế.”

Bà nhìn tôi và nói, “Tôi là thành viên của tổ chức Những người con gái của cách mạng Mỹ.”

“Tôi nghĩ thế.”

“Dòng họ Willise nhà tôi đã sống ở đây từ năm 1653.”

“Chúa ơi.”

“Họ tới Massachusetts trên con tàu *Fortune* sau tàu *Mayflower**. Sau đó họ tới đảo Long Island này.”

“Thật khó tin. Suýt nữa thì bà đã trở thành hậu duệ của những người trên tàu *Mayflower*-"

Bà đáp, “Tôi là hậu duệ của tàu *Fortune*.” Bà nhìn quanh, tôi cũng nhìn theo hướng mắt bà. Phía nam, ở bên phải là ruộng khoai tây và bên trái là vườn nho. Bà nói, “Thật khó mà hình dung ra cuộc sống ra sao vào thế kỷ mười sáu. Hàng nghìn dặm từ nước Anh, những cánh đồng bây giờ hồi ấy đều là rừng, người ta phát quang bằng rìu và bò kéo, lạ đất lạ nước, vật

nuôi thì ít, không có đủ quần áo, dụng cụ, giống cây trồng, thuốc súng, đạn, rồi người da đỏ thù địch lúc nào cũng rình rập xung quanh."

"Nghe cứ như công viên Central Park sau nửa đêm vào tháng Tám nhỉ."

Margaret Wiley không để ý đến tôi và nói tiếp, "Thật khó cho những người như chúng tôi - ý tôi là những người cùng thời với tôi - khi phải rời bỏ dù chỉ một mẫu đất."

"Đúng." Nhưng với hai mươi lăm nghìn đô la thì có thể nói chuyện được đấy. Tôi nói, "Tôi đã có lần tìm thấy một viên đạn súng hỏa mai."

Bà nhìn tôi như thể tôi là thằng dở hơi. Bà quay sang nói mấy câu tầm phào với Beth rồi bảo, "Anh chị không cần tôi phải dẫn lên đỉnh dốc đâu. Có đường lên ngay kia, không khó đi lắm, nhưng phải cẩn thận khi ở bên kia, dốc đứng lắm đấy, lại không có nhiều chỗ để bám chân." Bà nói thêm. "Chỗ này là dấu tích kết thúc của thời kì băng hà cuối. Sông băng kết thúc ở chính chỗ này."

Thì tảng băng lớn đang đứng trước mặt tôi chứ đâu. Tôi nói, "Cám ơn bà đã dành thời gian và sự kiên nhẫn cho chúng tôi."

Bà già định đi thì quay sang Beth hỏi, "Cô có biết ai đã làm chuyện đó không?"

"Không, thưa bà."

"Nó có liên quan gì tới công việc của họ không?"

"Có chút ít. Nhưng không phải là chiến tranh vi trùng hay bất cứ thứ gì nguy hiểm."

Margaret có vẻ không tin lắm. Bà quay ra xe, nổ máy và chạy đi, để lại đám bụi mù mịt phía sau. Tôi gọi với theo, "Ăn bụi tôi đây này, Margaret. Đồ già- "

"John!"

Tôi phủi bụi lần nữa trên quần áo và nói với Beth, "Cô có biết tại sao những người trong tổ chức Những người con gái của cách mạng Mỹ không làm tình tập thể không?"

"Không, nhưng chắc tôi sắp biết."

"Đúng đấy. Họ không làm tình tập thể vì họ không muốn phải viết tất cả các thư cảm ơn."

"Những trò đùa này không bao giờ hết đúng không?"

"Cô biết mà."

Hai chúng tôi nhìn lên phía sườn dốc. Tôi nói, "Ta lên xem phong cảnh hai mươi lăm nghìn đô la ra sao?"

Chúng tôi thấy một con đường nhỏ và tôi đi trước. Con đường đi qua những bụi cây rậm rạp, những cây sồi còi cọc, mấy cái cây to hơn trông như cây thích, nhưng có thể là cây chuối, tôi chỉ biết có vậy.

Beth mặc chiếc váy kaki pôpơlin, đi giày vải nên cũng không được thoải mái lắm. Tôi kéo nàng qua mấy chỗ cao. Nàng kéo váy lên, hay tự nó xô lên, còn tôi thì được ngắm đôi chân hoàn mỹ.

Chúng tôi chỉ còn cách đỉnh chừng mười lăm mét, tương đương với leo cầu thang bộ lên nhà năm tầng mà trước đây tôi đủ năng lượng để sau khi trèo lên còn đạp cửa xông vào, quật ngã một thủ phạm xuống sàn, tra còng vào tay rồi lôi xuống đường tống vào xe cảnh sát. Nhưng đó là hồi trước. Bây giờ khác, tôi đã cảm thấy run chân, mắt đã thấy hoa cà hoa cải, tôi phải đứng lại và quỳ xuống.

Beth hỏi, "Anh không sao chứ."

"Không sao... chỉ một phút thôi..." Tôi ngồi thở một chập rồi tiếp tục đi.

Chúng tôi lên đến đỉnh. Cây cối ở đây còi cọc hơn nhiều bởi gió và hơi nước mặn. Chúng tôi nhìn ra biển Long Island Sound, quả thật đó là cảnh

tượng không thể tin được. Mặc dù ở sườn phía nam từ chân đến đỉnh chỉ khoảng mười lăm mét, nhưng ở sườn bắc dốc xuống bờ biển là ba chục mét. Nó dốc thật, như bà Wiley đã cảnh báo, và khi nhìn xuống từ trên đỉnh, chúng tôi có thể thấy những đám cỏ biển, những đường rãnh xói và bùn lở, những tảng đá rơi khắp trên bãi biển xinh đẹp chạy dài hàng dặm theo hướng đông - tây.

Biển Sound tĩnh lặng, vài chiếc thuyền buồm và tàu máy trên biển. Một chiếc tàu chở hàng khổng lồ đang chạy về phía tây tới New York hoặc một chiếc cảng nào đó ở Connecticut. Xa xa chừng mươi dặm, chúng tôi có thể nhận ra đường bờ biển phía Connecticut.

Vách đứng chạy về phía tây chừng một dặm và mất hút nơi đất liền nhô ra biển Sound. Ở phía đông, nó kéo dài cùng bờ biển nhiều dặm và kết thúc ở mũi Horton Point, nơi có thể nhận ra được vì có ngọn hải đăng.

Phía sau chúng tôi nơi con đường vừa đi lên là những vùng đất trồng trọt bằng phẳng. Từ trên cao, chúng tôi có thể nhìn thấy những cánh đồng khoai tây, nho, cây ăn quả và ngô. Những ngôi nhà bằng ván gỗ trông lạ mắt cùng những nhà kho màu trắng chứ không phải đỏ nằm giữa những cánh đồng xanh mướt. Tôi nói, "Cảnh tuyệt thật."

"Tuyệt đẹp," Beth đồng ý. Nàng hỏi, "Có đáng giá hai mươi lăm nghìn không?"

"Đó là vấn đề." Tôi nhìn nàng. "Cô nghĩ sao?"

"Về lý thuyết thì không. Nhưng đến đây rồi thì có."

"Nói hay lắm." Tôi nhìn thấy một phiến đá nằm trên đám cỏ cao liền ngồi lên đó và nhìn chăm chú ra biển.

Beth đứng cạnh tôi, cũng nhìn ra biển. Cả hai người đầy mồ hôi, dơ dáy, mệt thở không ra hơi. "Đến lúc phải có cốc tai rồi," tôi nói, "Quay lại thôi."

“Một chút đã. Hãy là Tom và Judy. Hãy nói với tôi họ muốn gì ở đây, họ đang tìm kiếm thứ gì.”

“Được...” Tôi đứng lên trên tảng đá và nhìn quanh. Mặt trời đang xuống dần. Bầu trời phía đông đang chuyển sang màu tía, phía tây màu hồng, còn trên đỉnh đầu màu xanh. Những con mòng biển chao lượn, những con sóng bạc đầu nối đuôi nhau trên biển. Tiếng chim hót trên những ngọn cây. Một làn gió mát thổi về từ phía đông bắc mang theo mùi của mùa thu và của muối. Tôi nói với Beth, “Ta đã làm việc cả ngày trên Đảo Plum, trong khu kiểm soát sinh học, mặc quần áo phòng thí nghiệm, xung quanh là virut. Ta tắm để ra ngoài, đi vội tới chỗ chiếc *Spirochete* hoặc tới bến phà, vượt qua eo biển, lên xe ô tô và tới đây. Nơi đây thoáng đãng, sạch sẽ và làm con người thêm sinh khí. Đây là cuộc sống... Ta mang theo một chai vang và một tấm chăn. Ta uống rượu và làm tình, ta nằm trên tấm chăn và nhìn những vì sao trên trời xuất hiện. Có thể ta xuống biển và bơi hoặc lướt sóng dưới bầu trời trăng sao. Ta như cách xa phòng thí nghiệm hàng triệu dặm. Ta về nhà và chuẩn bị cho một ngày mới trong khu kiểm soát sinh học.”

Beth im lặng một lúc rồi không đáp lời, nàng đi ra mép gò rồi quay sang chỗ cái cây lớn duy nhất trên đỉnh, một cây sồi xương xẩu cao chừng ba mét. Nàng cúi xuống rồi đứng thẳng lên, tay cầm một cuộn dây. “Nhìn này.”

Tôi tới chỗ nàng và quan sát thứ nàng tìm được. Sợi dây làm bằng nilon màu xanh có đường kính gần phân ruỡi với những nút thắt cách nhau khoảng một mét một. Một đầu dây buộc chặt vào gốc cây. Beth nói, “Có lẽ đủ dây để tụt xuống bờ biển đấy.”

Tôi gật đầu. “Có cái này trèo lên trèo xuống sẽ dễ dàng hơn.”

“Đúng vậy.” Nàng quỳ chân và nhìn xuống dưới chân dốc. Tôi cũng làm giống nàng. Chúng tôi thấy vết cỏ vạt đi vì chân người giẫm lên để trèo. Như tôi đã nói, dốc rất đứng, nhưng không phải là quá khó đối với người bình thường, kể cả khi không có dây thừng.

Tôi cúi thêm về phía mép và nhận ra nơi cỏ bị nước xói có những lớp đất sét và sắt màu đo đỏ. Tôi nhận ra một thứ khác: cách khoảng ba mét phía dưới có một chỗ trông như cái hốc. Beth cũng nhận ra và nói, “Để tôi xuống xem sao.”

Nàng kéo sợi dây và hài lòng thấy nó buộc đủ chắc vào gốc cây, còn gốc cây bám chắc vào đất. Nàng dùng cả hai tay bám dây đi lùi xuống chỗ cái hốc. Tới nơi nàng giật giật sợi dây. Nàng gọi lên, “Xuống đây đi. Hay lắm.”

“Được.” Tôi cầm dây bằng một tay và bước xuống dốc rồi đứng cạnh Beth.

Nàng nói, “Anh nhìn này.”

Cái hốc dài khoảng ba mét và sâu chừng chín mươi phân ở chỗ rộng nhất. Ở giữa hốc là một cái hang, nhưng không phải tự nhiên vì tôi vẫn còn thấy vết xẻng đào. Beth và tôi cúi thấp xuống nhìn vào của hang. Cửa hang nhỏ, đường kính chưa đầy một mét và chỉ sâu độ mét hai, không có thứ gì bên trong. Tôi không thể hình dung được nó dùng để làm gì, nhưng tôi đoán, “Có thể cất đồ ăn trưa picnic và một thùng ướp lạnh rượu vang trong đó.”

Beth thêm vào, “Anh có thể cho hai chân vào còn người thì ở ngoài mà nằm ngủ.”

“Hoặc làm tình.”

“Sao tôi biết được anh sắp nói câu đó nhỉ?”

“Ồ, thật đấy.” Tôi đứng lên. “Họ có thể dự định đào thêm cho rộng ra.”

"Để làm gì?"

"Tôi không biết." Tôi quay ra phía biển và ngồi xuống, hai chân thả đung đưa qua mép đá. "Thế này tốt đấy. Mời ngồi."

"Tôi đang lạnh."

"Đây, cô có thể dùng áo phông của tôi."

"Không, nó bốc mùi."

"Cô thì cũng thơm tho gì đâu."

"Tôi mệt, tôi bẩn, vớ của tôi bị cào xước cả, và tôi muốn vào phòng tắm."

"Ở đây lãng mạn cơ mà."

"Có thể. Nhưng không phải lúc này." Nàng đứng lên, cầm lấy sợi dây và leo lên đỉnh. Tôi chờ cho đến khi nàng lên tới nơi rồi cũng lên theo.

Beth cuộn sợi dây lại và đặt vào gốc cây như lúc ban đầu. Nàng quay lại và chúng tôi đứng mặt đối mặt, cách nhau chỉ chừng gang tấc. Đó là một trong những khoảnh khắc khó xử, và chúng tôi đứng như thế đúng ba giây. Tôi đưa tay lên vuốt tóc nàng, rồi má nàng. Tôi tiến thêm định ôm nàng, đinh ninh rằng hai người sẽ môi kề môi, nhưng nàng lùi lại và thốt ra một câu thần chú mà mọi đàn ông Mỹ hiện đại đều được tập để biết, cách phản xạ lại. "Không."

Tôi ngay lập tức nhảy lùi lại hai mét, nắm chặt hai tay vào nhau để sau lưng. Khúc gỗ nhỏ của tôi xìu xuống như cây đổ. Tôi thốt lên, "Tôi lầm tưởng những câu đùa thân mật của cô là mời gọi. Xin tha lỗi cho tôi."

Thực ra, nó không hẳn như vậy. Nàng quả có nói "Không", nhưng tôi ngập ngừng, nét thất vọng khốn khổ trên khuôn mặt, và nàng nói, "Không phải bây giờ," điều này tốt, rồi "có thể lúc khác," câu này tốt hơn, và sau đó là "em thích anh," câu này là tốt nhất.

Tôi nói, "Còn thời gian mà." Điều này tôi nói thật lòng, chỉ cần nàng đừng cần nhiều hơn bảy mươi hai giờ, giới hạn của tôi. Thật ra, tôi đã phải chờ lâu hơn.

Chúng tôi không nói gì thêm về chuyện đó mà đi xuống phía bên kia và lên xe.

Nàng nổ máy, cho xe đi rồi lại dừng lại. Nàng vươn người sang và hôn lên má tôi gọi là cho có hôn rồi cho xe chạy, để lại đám bụi phía sau.

Đi được một dặm, chúng tôi ra đen đường Middle Road. Nàng định hướng tốt và nhằm trở lại hướng Nassau Point, không cần tôi chỉ đường.

Nàng nhìn thấy một nơi bán hàng ngoài trời, và cả hai chúng tôi người nào vào toa let của người nấy và xả hơi, như người ta nói thế. Tôi không nhớ lần cuối cùng tôi trông bẩn thỉu nhếch nhác là khi nào. Tôi là một gã bảnh bao đi làm việc, một anh chàng Manhattan ăn diện trong những bộ đồ may đo. Tôi thấy mình lại như đứa trẻ, là Johnny bẩn thỉu đi đào bới quanh những khu vục chôn cất của người da đỏ.

Ở chỗ bán hàng, tôi mua mấy thứ đồ ăn thật sự kinh khủng - thịt bò khô, bánh quy giòn bơ lạc, và kẹo chip hình gấu. Ra xe, tôi mời Beth nhưng nàng từ chối. Tôi nói, "Nếu em nhai tất cả những thứ này với nhau sẽ có vị giống như một món của Thái Lan gọi là Sandang Phon. Anh tình cờ phát hiện ra đấy."

"Em hy vọng thế."

Chúng tôi lái xe đi được vài phút. Cái món hổ lốn gồm thịt bò khô, bánh quy bơ lạc và kẹo chip quả thật kinh khủng, nhưng tôi đang đói và muốn đây cái thứ bụi kia ra khỏi cô họng. Tôi hỏi Beth, "Em nghĩ sao? Ý anh là mảnh đất ấy?"

Nàng thoáng suy nghĩ, rồi nói, "Em nghĩ nếu gặp vợ chồng Gordon trước chắc em sẽ thích họ."

"Em sẽ thích thật đấy."

"Anh buồn à?"

"Ừ... họ không phải là bạn thân nhất... anh mới chỉ biết họ được vài tháng, nhưng họ thực sự là những người tốt, luôn hài hước và đầy sức sống. Họ còn quá trẻ để phải chịu kết cục như vậy."

Nàng gật đầu.

Chúng tôi qua con đường đắp cao tới Nassau Point. Trời đang tối dần.

Nàng nói, "Đầu óc em đang nói với em rằng mảnh đất này không có gì ẩn chứa đằng sau. Một nơi ẩn dật lãng mạn, một nơi để gọi là của riêng họ. Họ là người của miền Trung Tây, có lẽ họ đến từ đại lục, và ở đây họ thấy mình là những người đi thuê ở một nơi mà đất đai rất có ý nghĩa, giống như nơi quê hương của họ."

"Đúng."

"Và...

"Đúng. Và họ có thể đã tiết kiệm được hai mươi nghìn đô la nếu họ thuê trong năm năm." Tôi nói thêm, "Họ phải *sở hữu* mảnh đất. Hãy nghĩ về điều này."

"Em đang nghĩ đây."

Chúng tôi đến nơi vợ chồng Gordon đã từng sống và Beth đỗ xe ngay sau chiếc Jeep của tôi. Nàng nói, "Một ngày thật dài."

"Quay về chỗ của anh đi. Đi theo anh nhé."

"Không, tối nay em về nhà."

"Tại sao?"

"Không có lí do gì để ở đây thêm cả hai mươi bốn tiếng một ngày nữa, mà cảnh sát quận sẽ không trả tiền nhà nghỉ."

“V`ênhà anh trước đã. Anh phải đưa cho em tập giấy tờ lấy từ máy tính mà.”

“Để mai cũng được.” Nàng nói, “Sáng mai em c`ần phải đến cơ quan. Sao chúng ta không gặp nhau lúc năm giờ sáng mai?”

“Ở chỗ của anh.”

“Được. Chỗ của anh, năm giờ. Đến lúc đó em sẽ có một chút thông tin.”

“Anh cũng vậy.”

“Em không muốn anh làm thêm đi`ều gì cho đến khi anh gặp em.” Nàng nói.

“Được.”

“Làm cho rành mạch vị trí của anh với cảnh sát trưởng Maxwell nhé.’

“Anh sẽ làm.”

“Anh nghỉ ngơi đi.” Nàng nói.

“Em cũng thế.”

“Ra khỏi xe của em đi.” Nàng mỉm cười. “V`ênhà đi. V`êthật đấy.”

Tôi lên chiếc xe Jeep của mình, quyết không làm gì để nó phát ra tiếng Pháp. Thắt dây an toàn, đóng cửa, nhả phanh tay. Tôi nổ máy và chiếc xe không nói tiếng nào.

Khi lái xe v`ênơi trang trại bên bờ vịnh, hay bờ vịnh trên trang trại, gọi thế nào cũng được, tôi nhớ ra là mình đã quên dùng phím đi`ều khiển từ xa để nổ máy. Ồ, có gì khác nhỉ? Tất cả các vụ đánh bom xe hơi mới đây đ`ều nổ khi xe chạy được khoảng năm phút. Mà làm gì có ai định giết tôi đâu. À, có người đã từng mưu giết tôi, nhưng đó là liên quan đến chuyện khác. Có thể chỉ là tình cờ, mà cũng có thể đã có sự sắp đặt, mấy tay súng kia đã cho rằng tôi đang không phải giờ làm việc, và bất cứ đi`ều gì tôi làm khiến chúng khó chịu đ`ều phải bị trả giá mà tôi không thực sự phải chết. Đó là

cách làm của Mafia - nếu anh còn sống, anh thường sẽ bị bỏ lại một mình. Nhưng mấy gã bắn tôi trông đích thị là dân Latinh. Mà đám này không phải lúc nào cũng coi là xong việc cho đến khi ta được mang đi chôn.

Nhưng đó không phải là điều mà tôi quan tâm lúc này. Tôi lo hơn về những điều đang diễn ra quanh đây, dù nó là thứ gì. Tôi đang ở một nơi rất thanh bình trên trái đất, đang cố lấy lại tinh thần và hồi phục cơ thể, và ngay bên dưới lớp vỏ đủ thứ chuyện kỳ bí đang diễn ra. Tôi vẫn nghĩ tới con lợn máu rỉ ra từ tai, mũi và mồm... Tôi nhận ra rằng những người trên hòn đảo nhỏ bé đó đã phát hiện ra những thứ có thể hủy diệt mọi sinh vật sống trên hành tinh này.

Điều tiện lợi về chiến tranh vi trùng là dễ dàng phủ nhận và nguồn gốc không thể lần ra của nó. Tất cả những câu chuyện về hoạt động nghiên cứu và phát triển vũ khí sinh học đều bị ảnh hưởng từ những lời nói dối, sự gian trá và phủ nhận.

Tôi chạy xe vào con đường trong nhà cậu Harry. Lốp xe nghiến lên đám vỏ sò. Ngôi nhà tối om, và khi tôi tắt đèn pha xe, cả thế giới như chìm trong bóng tối. Người nông thôn sống thế nào trong đêm tối nhỉ?

Tôi cuộn chiếc áo phông lên để lộ báng của khẩu 38. Tôi còn không biết nó có bị "luộc" không - ai đó đã luộc chiếc quần soóc của người khác thì đương nhiên cũng sẽ luộc luôn cả súng của họ. Đáng lẽ tôi phải kiểm tra từ lúc trước.

Tay trái cầm chìa khóa, tôi mở cửa, tay phải sẵn sàng rút súng. Lẽ ra súng phải cầm trong tay rồi mới phải, nhưng đàn ông kể cả khi chỉ có một mình cũng phải thể hiện là người có gan. Ý tôi là, có ai đang nhìn? Tôi đoán là tôi đang nhìn. Mày gan lắm mà, Corey. Mày là đàn ông thực sự. Người đàn ông thực sự đột nhiên muốn đi tè, và tôi vào phòng tắm bên ngoài bếp.

Vẫn không bật đèn, tôi kiểm tra máy trả lời tự động đặt trong phòng làm việc và thấy có mười tin nhắn, khá nhiều đối với một người cả tuần trước đó không có cái nào.

Đoán rằng không có tin nhắn nào trong số này thật dễ chịu hay đáng đọc, tôi rót một ly rượu mạnh to từ chiếc bình trong suốt của ông cậu vào chiếc ly trong suốt của ông.

Tôi ngồi lên chiếc ghế ngả lưng và nhấp nháp, phân vân giữa chiếc nút bấm tin nhắn, cái giường và một ly rượu nữa. Thêm mấy lần rượu đầu thắng, và tôi cứ dằn dứ mãi cho tới khi hơi chếnh choáng.

Cuối cùng, tôi ấn chiếc nút tin nhắn.

"Bạn có mười tin nhắn," giọng nói vang lên, không sai với máy đếm tin.

Tin nhắn đầu tiên là lúc bảy giờ sáng từ cậu Harry, ông đã nhìn thấy tôi trên ti vi tối qua nhưng không muốn gọi vào lúc đêm khuya, mặc dù với ông thì gọi sớm lại chẳng sao. Ơn trời, tôi đang trên đường đến Đảo Plum lúc bảy giờ sáng.

Thêm bốn tin nhắn tương tự khác: một từ bố mẹ tôi ở Florida, họ không xem nhưng nghe thấy nói lại là tôi có lên ti vi; một từ một cô tôi thỉnh thoảng có gặp tên là Cobi và có lẽ đang muốn làm bà Cobi Corey vì lí do nào đó; và sau đó là một cuộc gọi từ các em tôi, Jim và Lynne, những người rất giỏi liên lạc với nhau. Có thể đã có thêm nhiều cuộc gọi khác về sự xuất hiện ngắn ngủi của tôi trên ti vi, nhưng rất ít người có số điện thoại của tôi, và không phải ai cũng nhận ra tôi vì tôi đã sụt cân rất nhiều và trông rất tệ.

Không có cuộc gọi nào từ cô vợ cũ của tôi. Dù không còn yêu tôi, cô ấy vẫn muốn tôi biết là cô ấy thích tôi với tư cách là một con người, một điều rất vô lí vì tôi đâu có gì để thích. Yêu thì có thể, nhưng thích thì không.

Sau đó là cuộc gọi lúc chín giờ sáng của Dom Fanelli, đồng sự của tôi. Anh nói, "Này, tôi thấy mặt cậu trên bản tin buổi sáng đấy. Cậu đang làm cái chết tiệt gì ở đó thế hả? Hai thằng cha Latinh kia đang tìm cái mông của cậu đấy, thế mà giờ cậu thò mặt lên ti vi để ai cũng biết là cậu đang ở ngoài đó. Sao cậu không dán hình ở bưu điện Colombia luôn? Chúa ơi, John, tôi đang cố tìm hai thằng đó trước khi chúng tìm ra cậu lần nữa. Mà này, có thêm tin tốt lành đây - sếp đang hỏi không biết cậu làm cái quái gì ở hiện trường tội phạm. Có chuyện gì ở đấy không? Ai giết hai người đó? Này, cô nàng đẹp đấy. Cậu có cần giúp gì không? Cứ gọi nhé. Nhớ giữ pháo ở trong kho. Chào."

Tôi cười. Anh bạn Dom già tốt bụng. Một người tôi có thể tin tưởng. Tôi vẫn nhớ lúc anh đứng cạnh tôi khi tôi đang nằm trên đường phố máu me bê bết. Một tay anh cầm chiếc bánh rán ăn dở, tay kia cầm súng. Anh cắn thêm một miếng bánh rồi nói với tôi, "Tôi sẽ tóm được chúng, John. Tôi thề có Chúa, tôi sẽ tóm lũ chó chết đã bắn cậu."

Tôi còn nhớ đã nói với anh rằng tôi chưa chết, và anh nói anh cũng biết vậy, nhưng có thể tôi sẽ chết. Hai mắt anh rưng rưng làm tôi cảm thấy hoang mang. Anh cố nói chuyện với tôi trong khi vẫn nhai bánh, và tôi không thể hiểu được anh. Tôi bắt đầu nghe thấy tiếng đập thình thịch trong tai và lịm dần.

Cuộc gọi tiếp theo là lúc chín giờ ba mươi từ báo *New York Times,* không hiểu làm cách nào mà họ biết tôi là ai và đang ở đâu. Rồi giọng nói phát ra, "Bạn có thể đặt báo giao đến tận nhà hàng ngày và cả Chủ Nhật chỉ với 3,60 đô la mỗi tuần trong mười ba tuần. Hãy gọi cho chúng tôi theo số 1-800-631-2500, chúng tôi sẽ thực hiện dịch vụ ngay lập tức."

"Tôi lấy báo ở văn phòng. Tiếp theo."

Giọng của Max phát ra từ chiếc loa, "John, anh không còn được cảnh sát thị trấn Southold thuê nữa. Cám ơn về sự giúp đỡ của anh. Tôi nợ anh một đô, nhưng tôi muốn gọi cho anh một ly thay vì trả tiền. Gọi cho tôi nhé."

"Tiên sư nhà anh, Max."

Cuộc gọi tiếp theo là từ Ted Nash, gã CIA siêu ma quỷ. Gã nói, "Tôi chỉ muốn nhắc anh là kẻ giết người chưa bị bắt, và anh có thể trở thành mục tiêu. Tôi thật sự thấy thú vị làm việc với anh, và tôi biết chúng ta sẽ còn gặp lại. Tự lo lấy thân nhé."

"Mẹ mày, Ted." Nếu muốn dọa tôi thì ít nhất cũng phải cầm súng trong tay mà nói, kể cả lúc đang ghi âm vào máy.

Còn một tin nhắn nữa trong máy, nhưng tôi đã nhấn nút tắt trước khi chạy đoạn tin này. Tôi bấm nút gọi cho khách sạn Soundview và hỏi thăm Ted Nash. Người thư kí là một thanh niên trẻ nói không có ai tên như vậy. Tôi nói, "Thế còn George Foster?"

"Không, thưa ông."

"Beth Penrose?"

"Chị ấy vừa mới trả phòng."

Tôi tả hình dáng của Nash và Foster cho người thư kí, anh nói, "Có, có hai người ở đây giống thế."

"Họ còn ở đấy không?"

"Dạ, còn."

"Nói với cái thằng cha to hơn, cái thằng tóc xoăn đen ấy, là ông Corey đã nhận được tin nhắn của hắn và hắn nên để tâm đến chính lời cảnh báo của mình. Anh nghe rõ chứ?"

"Vâng, thưa ông."

"Này nữa, bảo hắn tự cúi xuống mà liếm mông."

"Vâng, thưa ông."

Tôi gác máy và ngáp dài. Tôi cảm thấy mệt rũ. Có lẽ tôi đã ngủ ba tiếng trong bốn mươi tám giờ qua. Tôi lại ngáp lần nữa.

Tôi bấm nút mở tin nhắn cuối cùng. Giọng của Beth nói, "Chào, em gọi cho anh từ trên xe... Em chỉ muốn nói cám ơn vì sự giúp đỡ của anh hôm nay. Em không biết là em có nói... Mà thôi, em vui vì gặp anh, và nếu ngày mai không gặp nhau - Em có thể không đến được - nhiều công việc ở văn phòng và báo cáo phải làm quá - em sẽ gọi cho anh. Cám ơn anh lần nữa."

Chiếc máy nói, "Hết tin nhắn."

Tôi nghe lại tin nhắn cuối thêm lần nữa. Nàng gọi cho tôi chưa đầy mười phút sau khi tôi ra về. Giọng nàng nghe rất xã giao. Thật ra, đó là một cái phủi tay, một lời từ chối. Tôi có ý nghĩ hoang đường là Beth và Nash đã trở thành tình nhân của nhau và lúc này cả hai đang làm tình hùng hục ở trong phòng của gã. Tỉnh táo đi, Corey. Chúa muốn hủy diệt ai, người phải làm cho kẻ đó hứng tình trước.

Ý tôi là còn điều gì khác có thể hỏng được chứ? Tôi mất cả ngày trong khu kiểm soát sinh học, tôi có thể bị nhiễm bệnh dịch hạch, tôi có thể gặp rắc rối khi quay trở lại với công việc, Pedro và Juan biết tôi đang ở đâu, anh bạn Max thì sa thải tôi, rồi một gã CIA dọa tôi chẳng vì lí do gì cả... à, có thể hắn có lí do mà hắn tưởng tượng ra - rồi tình yêu đích thực của tôi vuột mất, và tôi tưởng tượng ra cảnh nàng đang quặp chặt chân quanh người thằng cha kia. Còn nữa, Tom và Judy, những người yêu mến tôi, giờ đã chết. Mà bây giờ mới chỉ là chín giờ tối.

Ý nghĩ về một nơi tu hành thoáng vụt qua đầu tôi. Hay tốt hơn là một tháng ở Caribbean, theo chân người bạn lớn Peter Johnson của tôi đi hết hòn đảo này đến hòn đảo khác.

Hoặc tôi cũng có thể ở đây và đối mặt với nó. Trả thù, minh chứng, chiến thắng và vinh quang. Đó là điều John Corey sinh ra để làm. Ngoài ra, tôi còn có điều mà không ai khác có được - tôi biết phần nào chuyện này liên quan đến cái gì.

Tôi ngồi trong căn phòng tối và yên tĩnh. Lần đầu tiên trong ngày tôi có thời giờ để suy nghĩ mà không bị gián đoạn. Trong đầu tôi có tất cả những thứ hiện có, và tôi bắt đầu sắp xếp chúng lại với nhau.

Khi tôi nhìn ra chiếc cửa sổ tối om, những tiếng *ping ping* nhỏ trong đầu đang tạo nên những điểm trắng trên nền đen của bóng đêm, bức tranh bắt đầu thành hình. Còn lâu tôi mới có được bức vẽ hoàn chỉnh, nói gì đến chi tiết, nhưng tôi đã đoán ra được kích cỡ, hình thù và phương hướng của nó. Tôi cần một vài điểm sáng nữa, một vài tiếng *ping ping* nữa để trả lời câu hỏi tại sao Tom và Judy bị giết.

CHƯƠNG 16

Những tia nắng của buổi sáng chiếu qua cửa sổ phòng ngủ của tôi trên tầng hai. Tôi hạnh phúc thấy mình còn sống, hạnh phúc khi biết rằng hình ảnh con lợn nhầy nhụa máu nằm chết trên gối bên cạnh tôi chỉ là một cơn ác mộng. Tôi lắng nghe tiếng chim bên ngoài để biết rằng mình không phải là sinh vật duy nhất còn sống trái đất này. Một con mòng biển cất tiếng quàng quạc đâu đó trên vịnh. Những con ngỗng Canada đang inh ỏi trên đám cỏ ngoài nhà. Một tiếng chó sủa từ xa xa vẳng lại. Cho đến lúc này, mọi việc vẫn tốt đẹp.

Tôi dậy tắm rửa, cạo râu, làm thủ tục buổi sáng và pha một cốc cà phê loại bột khô để lạnh bằng chiếc lò vi sóng ở trong bếp.

Tôi đã suy nghĩ cả đêm, hay nói theo cách của người trong nghề là dùng suy luận logic. Tôi cũng đã gọi lại cho cậu Harry, bố mẹ và các em tôi, Dom Fanelli, nhưng không gọi cho báo *New York Times* và Max. Tôi nói với họ là người trên ti vi không phải là tôi, và tôi cũng không xem các bản tin đó. Tôi nói rằng đêm qua tôi xem chương trình *Bóng Đá Tối Thứ Hai* ở quán Olde Towne Taveme - việc đáng ra tôi nên làm - và có nhiều người làm chứng cho tôi. Mọi người đều tin cả. Tôi hy vọng là sỹ quan chỉ huy của tôi, trung úy điều tra viên Wolfe đã nói lúc trước, cũng sẽ tin.

Tôi cũng nói với cậu Harry là bà Margaret Wiley thích ông lắm, nhưng ông có vẻ không hào hứng, ông cho tôi biết, "Dickie Johnson và cậu sinh cùng nhau, lớn lên cùng nhau, có cùng nhiều phụ nữ, rồi cùng già đi, nhưng ông ấy mất trước cậu."

Thất vọng làm sao. Tôi gọi cho Dom Fanelli, nhưng anh đi vắng nên tôi nhắn lại cho vợ anh là Mary. Trước đây Mary thân với tôi cho đến khi tôi lấy vợ, nhưng cô với vợ tôi không ưa nhau chút nào. Chuyện tôi ly hôn rồi cả việc tôi bị bắn đầu không khiến chúng tôi trở lại làm bạn như ngày trước. Thật khó hiểu. Ý tôi là, với các bà vợ của đồng sự. Cùng lắm thì đó cũng chỉ là một mối quan hệ không bình thường. Tôi nói với Mary, "Bảo Dom là không phải tôi trên ti vi đâu. Có nhiều người cũng nhầm như thế."

"Vâng."

"Nếu tôi có chết thì là do CIA. Bảo cậu ấy thế."

"Vâng."

"Trên Đảo Plum có thể có người muốn giết tôi. Bảo cậu ấy thế."

"Vâng."

"Bảo cậu ấy nói chuyện với Sylvester Maxwell, cảnh sát trưởng ở đây, nếu tôi chết."

"Vâng."

"Bọn trẻ thế nào?"

"Vâng."

"Vừa phải chạy. Phổi tôi sắp hỏng rồi." Tôi gác máy.

Ít nhất tôi đã nói cho người khác biết, và nếu các cơ quan liên bang có nghe trộm điện thoại thì cũng tốt cho họ khi biết tôi nói với người khác rằng tôi nghĩ là CIA đang muốn giết tôi.

Tất nhiên, tôi không thực sự nghĩ như vậy. Ted Nash về mặt cá nhân muốn giết tôi, nhưng tôi không cho là CIA lại đồng ý để gã giết một người chỉ vì người đó thích mỉa mai châm chọc. Tuy nhiên, vấn đề là nếu vụ này có liên quan đến Đảo Plum một cách hệ trọng, tôi sẽ không ngạc nhiên nếu thấy có thêm vài thi thể nữa được phát hiện.

Đêm qua, trong lúc gọi điện, tôi kiểm tra lại súng đạn bằng đèn pin và kính lúp. Mọi thứ trông vẫn ổn. Đa nghi cũng là trò vui nếu nó không làm mất quá nhiều thời giờ và không khiến ta đi chệch hướng. Ý tôi là, nếu bạn có một ngày bình thường như bao ngày khác, bạn có thể tưởng tượng là ai đó đang muốn giết bạn, hoặc hại bạn, và bạn chơi những trò như dùng nút khởi động xe từ xa, tưởng tượng ra có người đang nghe trộm điện thoại, có người "luộc" súng của bạn. Một số người điên khùng tưởng tượng ra những người bạn bảo mình phải giết người. Có những người điên rồ lại tưởng tượng ra kẻ thù đang muốn giết mình. Tôi cho là loại người thứ hai còn đỡ điên hơn và hữu ích hơn nhiều.

Phần thời gian còn lại của đêm qua, tôi xem lại đám giấy tờ tài chính của vợ chồng Gordon một lần nữa. Là việc này hoặc xem chương trình của Jay Leno*.

Tôi xem kỹ khoảng thời gian tháng Năm và tháng Sáu của năm trước xem vợ chồng Gordon chi tiêu thế nào cho chuyến đi nghỉ một tuần ở Anh sau chuyến công cán. Tôi nhận ra thẻ Visa của họ vào tháng Sáu dùng nhiều hơn một chút so với bình thường và cả thẻ Amex cũng vậy. Một chỗ vấp nhỏ trên con đường bằng phẳng. Ngoài ra, hóa đơn điện thoại của họ vào tháng Sáu vừa rồi cao hơn bình thường khoảng một trăm đô la, có lẽ là do những cú gọi đường dài trong tháng Năm. Tôi buộc phải đoán là họ có mang theo tiền mặt hoặc séc du lịch, nhưng không thấy có đợt rút tiền mặt không bình thường nào. Đây là dấu hiệu đầu tiên và duy nhất cho thấy rằng vợ chồng Gordon còn có nguồn tiền mặt khác. Những người có thu nhập bất hợp pháp thường mua hàng nghìn đô la séc du lịch, ra nước ngoài và tiêu pha xả láng. Hoặc có thể vợ chồng Gordon biết cách sống ở Anh chỉ với hai mươi đô la mỗi ngày.

Dù vụ này có như thế nào thì với những giấy tờ tài chính này, họ về cơ bản là rất minh bạch trong chi tiêu, như chúng ta vẫn nói. Dù họ có dính

đến chuyện gì đi nữa thì họ cũng đã che giấu rất kín, hoặc là nó không dẫn đến những khoản chi phí lớn hay những món đặt cọc khổng lồ. Ít nhất là không có trong đống giấy tờ này. Vợ chồng Gordon là những người rất thông minh, tôi tự nhắc mình. Và họ là những nhà khoa học, nên họ thận trọng, kiên nhẫn và rất tỉ mỉ.

Lúc này là tám giờ sáng thứ Tư, tôi đang nhấp nháp ly cà phê dở ẹc thứ hai và lục tủ lạnh xem còn thứ gì để ăn. Rau diếp và mù tạc? Không. Bơ và cà rốt? Cái này được.

Tôi đứng bên cửa sổ bếp với món cà rốt và lọ bơ, suy nghĩ, nghiền ngẫm, nhai nhẩm. Tôi chờ điện thoại để chuông, chờ Beth gọi nhắc lại cuộc hẹn lúc năm giờ sáng, nhưng mọi thứ trong căn bếp vẫn im ắng chỉ trừ chiếc đồng hồ.

Sáng nay tôi ăn mặc bảnh hơn với chiếc quần màu mâu vàng, áo sơ mi kẻ sọc. Một chiếc áo khoác màu xanh treo trên thành ghế. Khẩu 38 để dưới mắt cá chân. Tấm phù hiệu cảnh sát - với giá trị của nó ở nơi đây - nằm trong áo khoác. Và lạc quan làm sao, tôi còn để một chiếc bao cao su trong ví. Tôi sẵn sàng cho cả chiến trường và tình trường, hay bất cứ thứ gì có thể đến với tôi trong ngày.

Cầm miếng cà rốt trong tay, tôi bước xuống chỗ bãi cỏ dốc ra vịnh. Một làn sương nhẹ lơ lửng trên mặt nước. Tôi ra đầu cầu tàu, chỗ này cần phải sửa sang lại. Tôi nhìn nơi mình bước đi. Tôi nhớ lần vợ chồng Gordon buộc tàu vào chiếc cầu tàu này - đó là khoảng giữa tháng Sáu, chỉ một tuần sau lần đầu tiên tôi gặp họ trong quầy bar của nhà hàng Claudio ở Greenport.

Lần đó khi họ đến, tôi đang ở tư thế dưỡng thương truyền thống ở hiên nhà phía sau, uống bia bồi bổ, quan sát ngoài vịnh bằng ống nhòm và thấy họ.

Trở lại lần gặp ở nhà hàng Claudio một tuần trước đó, họ bảo tôi tả bề ngoài ngôi nhà nhìn từ dưới nước và họ đã tìm được.

Tôi nhớ khi đi xuống dưới cầu tàu để đón họ, và họ mời tôi đi dạo một vòng bằng tàu. Chúng tôi chạy lòng vòng quanh những con vịnh nằm giữa North Folk và South Folk — vịnh Great Peconic và Little Peconic, vịnh Noyack và Southold, rồi tới vịnh Gardiners, sau đó là Orient Point. Có một chỗ, Tom mở hết tốc lực của tàu và tôi tưởng chúng tôi sắp bay lên không. Con tàu hướng mũi lên trời và tưởng chừng sắp vượt qua tốc độ âm thanh. Đó cũng là lần mà vợ chồng Gordon chỉ cho tôi Đảo Plum. Tom nói, "Đó là nơi vợ chồng em làm việc."

Judy thêm vào, "Để chúng em xem có thể lấy cho anh một chiếc thẻ khách không. Cái này hay thật đấy."

Và đúng là nó hay ho thật.

Cũng chính vào hôm đó chúng tôi gặp phải gió và các luồng hải lưu ở eo biển Ruột Plum, tôi tưởng mình sắp nôn thốc cả ruột ra ngoài, không biết có phải vì thế mà nó có tên như vậy không.

Tôi nhớ chúng tôi đã có cả một ngày trên biển và trở về đây khi đã mệt nhoài, người cháy nắng, cạn khô nước và đói. Tom kiếm bánh pizza ăn, còn Judy và tôi uống bia ngoài hiên sau nhà và ngắm nhìn mặt trời lặn.

Tôi không nghĩ mình là người thật sự dễ mến, nhưng vợ chồng Gordon làm mọi thứ để trở thành bạn của tôi, và tôi không hiểu tại sao. Lúc đầu tôi không cần hay muốn có bạn. Nhưng Tom khéo léo và hóm hỉnh, còn Judy lại đẹp. Cô ấy còn thông minh nữa.

Đôi khi có những điều tưởng chừng vô nghĩa khi chúng đang diễn ra, nhưng sau một thời gian hay sau một sự cố nào đó, ý nghĩa của những việc làm, những câu nói lại trở nên rõ ràng. Phải vậy không?

Vợ chồng Gordon có thể đã biết rằng họ đang gặp nguy hiểm. Họ đã làm quen với cảnh sát trưởng Maxwell, và họ muốn một hay một số người nào đó biết là họ thân với cảnh sát trưởng. Tiếp theo, họ dành thời gian khá nhiều để làm thân với bạn, và một lần nữa, tôi nghĩ điều này có thể là một cách để thể hiện với ai đó rằng Tom và Judy có đi lại với cớm. Có thể Max hoặc tôi sẽ nhận được một bức thư nếu có chuyện gì đó xảy ra với vợ chồng Gordon, nhưng tôi không nôn nóng.

Còn nữa, về những điều làm tôi suy nghĩ khi nhớ lại, cũng vào cái đêm tháng Sáu đó, trước khi Tom trở về với món bánh pizza, Judy đã đổ ba chai bia vào cái dạ dày rỗng của tôi và hỏi tôi về căn nhà của cậu Harry, "Một chỗ như thế này thì giá khoảng bao nhiêu?"

"Tôi đoán là khoảng bốn trăm nghìn, có thể hơn. Sao cơ?"

"Em hỏi thế thôi. Cậu anh có định bán không?"

"Ông ấy bảo bán cho tôi thấp hơn giá thị trường, nhưng tôi phải thế nợ đến hai trăm năm."

Câu chuyện đến đó là kết thúc. Nhưng khi ai đó hỏi chúng ta một ngôi nhà, một chiếc xe hay một con tàu giá bao nhiêu, rồi hỏi chủ có định bán không, chắc chắn họ là người tọc mạch hoặc là dân buôn. Vợ chồng Gordon thì không phải hạng người tọc mạch. Giờ, tất nhiên, tôi nghĩ là họ mong sẽ nhanh chóng trở nên giàu có. Nhưng nếu họ giàu lên nhờ một phi vụ bất hợp pháp thì rất khó có chuyện họ vung tiền khắp nơi và mua những căn nhà bốn trăm nghìn đô la sát bờ biển. Vì vậy, số tiền mà họ mong đợi phải là hợp pháp hoặc có lớp vỏ che đậy hợp pháp. Vác xin ư? Có thể.

Và rồi có điều gì đó không ổn, những bộ óc thông minh kia bị bắn nát rơi trên sàn gỗ, giống như ai đó đánh rơi một túi hai cân thịt bò xay gần chiếc lò nướng để ngoài trời.

Tôi nhớ vào cái đêm tháng Sáu đó Tom đã nói rằng tôi nghĩ chúng tôi đã gặp nguy hiểm ngoài biển. Tom đã chuyển từ bia sang rượu và lúc này hơi chếnh choáng. Anh nói với tôi một câu triết lý đúng là của dân kỹ thuật, "Một con tàu ở trong cảng là con tàu an toàn. Nhưng đó không phải là điều mà những con tàu sinh ra để làm."

Thực sự là không, nói theo cách ẩn dụ. Tôi chợt nghĩ những người chơi với virut Ebola hay những thứ chết người khác phải là những người dám chịu rủi ro, vì công việc của họ là vậy. Họ đã chiến thắng lâu như vậy trong trò chơi vi trùng đến mức họ bắt đầu nghĩ rằng mình đã bị mê hoặc. Họ quyết định bước vào một trò chơi nguy hiểm khác, nhưng là trò chơi mang lại nhiều tiền bạc hơn. Tuy nhiên, họ như cá trên cạn, nhưng người thợ lặn đi leo núi hay ngược lại, tốn rất nhiều công sức nhưng không một chút thành quả nào.

Trở lại với buổi sáng thứ tư của tháng Chín, lúc này khoảng chín giờ. Tom và Judy Gordon, hai người đã cùng đứng trên chiếc câu tàu này với tôi giờ đã chết. Trái bóng đang trên phần sân của tôi, nếu ví von theo cách khác.

Tôi quay trở lại và bước về phía ngôi nhà, người như được tiếp thêm sức nhờ không khí buổi sáng và món cà rốt, tinh thần được thôi thúc bằng những kí ức về hai người bạn tốt. Đầu óc tôi trở nên minh mẫn, những thất vọng và lo lắng của ngày hôm qua đã được trả về đúng nơi của nó. Tôi đã được nghỉ ngơi và giờ nóng lòng vào cuộc. Để đá đít.

Tôi vẫn còn một điểm nữa dường như chưa tìm được mối liên hệ, điểm cần phải đặt đúng chỗ trên màn hình radar: Fredric Tobin, ông chủ rượu vang.

Nhưng trước tiên, nghĩ rằng ai đó có thể gọi điện trong lúc tôi đang ở ngoài cầu tàu, tôi kiểm tra máy trả lời tự động, nhưng không thấy có tin

nhắn nào. "Đồ chết tiệt." Thôi đi, John.

Khó chịu hơn là bị tổn thương, tôi rời nhà. Tôi mặc chiếc áo khoác Mr. Ralph Lauren, áo sơ mi Mr. Tommy Hilfiger, quần lót Mr. Eddie Bauer, quần soóc đấm bốc của Mr. Perry Ellis, thoa kem mặt Mr. Karl Lagerfeld, mang súng ổ quay Messrs. Smith & Wesson.

Tôi nổ máy bằng điều khiển từ xa và trèo lên xe.

"Bonjour*, Jeep."

Tôi chạy lên đường Main Road và rẽ sang hướng đông về phía mặt trời đang lên. Đường Main Road là đường nông thôn, nhưng đã trở thành những con phố chính của nhiều ngôi làng. Giữa các khu dân cư là những ngôi nhà kho và nhà trang trại, những vườn ươm, những quầy bán hàng nông sản, một vài nhà hàng đơn giản, những cửa hàng bán đồ cũ, những nhà thờ gỗ rất đẹp kiểu New England.

Tuy nhiên, có một thứ đã thay đổi so với thời tôi còn bé là con đường Main Road giờ có thể tự hào về hơn hai chục xưởng rượu vang. Không tính đến vị trí của các vườn nho, hầu hết các xưởng rượu đều lập trụ sở trên đường Main Road để câu khách du lịch. Có những tua du lịch rượu vang, những lễ hội nếm rượu, sau đó là một chuyến thăm không thể tránh khỏi tới cửa hàng đồ lưu niệm, nơi du khách thấy có nghĩa vụ phải mua thứ rượu vang hảo hạng của địa phương cùng với những cuốn lịch, sách dạy nấu ăn, đồ mở nút, khay bưng rượu và đủ những thứ linh tinh khác.

Hầu hết các khu nhà xưởng sản xuất rượu vang đều là nhà trang trại hoặc nhà kho cải tạo thành, một số là những tổ hợp lớn xây mới kết hợp giữa những cơ sở sản xuất với cửa hàng, nhà hàng, vườn rượu, vân vân. Đường Main Road thực ra không phải là Rue de Soleil, North Folk không phải là Côte de Rhone, nhưng không khí ở đây dễ chịu, dường như là sự giao hòa giữa Cape Cod * và Thung lũng Napa*.

Bản thân rượu vang thì không có gì tệ, người ta nói với tôi thế. Một số loại còn khá ngon, tôi được nghe thế. Một số còn giành chiến thắng tại các cuộc thi toàn quốc và quốc tế, cũng thấy nói thế. Còn với tôi, tôi chọn một chai Bud.

Trong thôn có tên là Peconic, tôi cho xe vào một bãi đỗ lớn trải sỏi với tấm biển gỗ đề, "Vườn nho Fredric Tobin." Tấm biển bằng sơn mài màu đen, các chữ cái được khắc vào gỗ và sơn màu vàng. Những đường hoa văn khó hiểu sơn nhiều thứ màu đan chéo nhau trên nền đen mà tôi sẽ tưởng là do ai đó cố ý phá hoại nếu chưa thấy những đường vẽ tương tự trên các mác rượu vang Tobin trong mấy kho và trên các vỏ chai vang khi ngồi trên sân sau ở nhà Tom và Judy, về những đường vẽ trên tấm biển của ông Tobin, tôi kết luận đó là nghệ thuật. Càng ngày càng khó phân biệt giữa một tác phẩm nghệ thuật với một hành vi phá hoại.

Tôi bước ra khỏi chiếc xe thể thao đắt tiền của mình và nhận ra có cả chục cái khác giống của tôi. Có thể đây là nơi chúng sinh ra. Hay những chiếc xe tự chọn này dành cho những gã dân thành thị và ngoại ô có cách nghĩ rằng ra khỏi đường có nghĩa là bãi đỗ xe? Nhưng tôi lạc đề mất rồi.

Tôi đi bộ về phía khu nhà Tobin. Đâu đâu cũng có mùi nho nghiền và lên men, cả triệu con ong bay quanh, khoảng một nửa số đó thích mùi kem thoa mặt Lagerfeld của tôi.

Tôi phải tả xưởng rượu của Tobin thế nào đây? Chỗ này giống như một lâu đài của Pháp được làm bằng ván gỗ tuyết tùng của Mỹ. Hiển nhiên là Tobin đã phải mất một phần gia tài nhỏ cho giấc mơ của mình.

Tôi đã từng đến đây và đã biết chỗ này. Ngay cả lúc chưa đi vào, tôi cũng biết là bên trong có một quầy lễ tân đón khách, ở bên trái là một cửa hàng lớn bán đồ lưu niệm và rượu vang.

Bên phải là một nơi sản xuất rượu vang thực sự, một tòa nhà hai tầng trải rộng với những chiếc thùng chứa to bằng đồng, những chiếc máy nghiền và các loại dụng cụ. Có lần tôi đã vào đây thăm có hướng dẫn viên đi theo và lắng nghe những lời ba hoa. Chưa bao giờ trong lịch sử loài người lại có nhiều thứ vớ vẩn được bịa ra như vậy về một thứ nhỏ bé là quả nho. Quả mận to hơn đấy. Đúng không? Người ta làm rượu vang mận đấy. Đúng không? Vậy cái thứ vớ vẩn về nho này thì sao?

Nổi bật lên trên khu nhà là một tháp trung tâm lớn, giống như nơi để quan sát và canh giữ gia súc, cao chừng mười lăm mét, bên trên có cắm một lá cờ. Không phải là quốc kỳ Mỹ, mà là một lá cờ đen với biểu tượng Tobin trên đó. Có người thích nhìn thấy tên mình ở xung quanh.

Tất cả tòa nhà được sơn màu trắng, vì thế nếu nhìn từ xa nó giống như những lâu đài bằng đá mà ta thường thấy trong các tờ quảng cáo du lịch. Freddie đã đầu tư một khoản lớn vào tòa nhà này, điều khiến tôi tự hỏi không biết chính xác có bao nhiêu tiền cho công việc ép nho này.

Xin tiếp tục với bức tranh về lâu đài Tobin: xa hơn nữa về bên trái là một nhà hang nhỏ mà phụ nữ và các nhà phê bình bao giờ cũng coi là đẹp. Tôi thì gọi đó là cầu kỳ và ngột ngạt. Nhưng không sao, nó không nằm trong danh sách những nơi tôi dự định sẽ đến nếu nhà hàng Olde Towne Taverne bị Hội đồng Y tế đóng cửa.

Nhà hàng này có một cái sân có mái che để cho những người ăn mặc đồ Eddie, Tommy, Ralph, Liz, Carolé và Perry có thể ngồi và thao thao về rượu vang, thứ mà thực ra chỉ là nước nho ép có cồn.

Liền phía sau nhà hàng xinh đẹp là một căn phòng lớn hơn, một nơi lý tưởng để tổ chức lễ cưới, lễ rửa tội, hay lễ trưởng thành của người Do Thái, theo tờ quảng cáo có chữ kí của Fredric Tobin, ông chủ ở đây.

Tôi đã từng ở trong căn phòng đó tại một trong những buổi dạ tiệc nếm rượu vang của Tobin hồi tháng Bảy. Bữa tiệc được tổ chức để mừng những mẻ rượu mới mà tôi đoán ông ta bày ra là có ý rằng rượu vang đã sẵn sàng để bán và để nốc vào. Tôi là khách của vợ chồng Gordon, hình như tôi đã có lần nhắc đến, và hôm đó có khoảng hai trăm người tham dự, toàn những hạng tinh hoa của dân North Folk - các chủ ngân hàng, luật sư, bác sỹ, thẩm phán, chính trị gia, một vài người từ Manhattan có chỗ nghỉ hè ở đây, những thương gia và nhà buôn bất động sản ăn nên làm ra, v.v... Lẫn giữa những người có máu mặt ở địa phương là các họa sĩ, nhà điêu khắc và nhà văn nửa mùa, những người vì nhiều lí do vớ vẩn mà chưa hề thấy được cảnh Hampton qua con vịnh. Có thể là nhiều người trong số họ không kiếm đủ tiền để đến Hampton, nhưng họ sẽ nói với bạn rằng họ chân thực hơn trong nghệ thuật so với những đồng nghiệp ở Hampton. Oe. Hôm đó Max cũng được mời nhưng không đến được. Tom và Judy cho biết họ là những người duy nhất của Đảo Plum có mặt hôm đó. Tom nói, "Các ông bà chủ nhà tránh người của Đảo Plum như tránh hủi." Cả hai chúng tôi đều cười thầm. Lạ thật, tôi nhớ Tom. Cả Judy nữa. Cô ấy thật thông minh.

Tôi nhớ cái lần đi nếm nước nho ép ấy, Tom giới thiệu tôi với ông chủ Fredric Tobin, người mà mới thoáng trông có vẻ như hạng đi giày mềm, nếu các bạn hiểu ý tôi muốn nói gì. Tobin đóng bộ cánh điệu đà màu tía, áo sơ mi vải lụa trắng, chiếc cà vạt như thể để quảng cáo rượu vang và những chùm nho.

Tobin khá lịch sự, nhưng hơi lạnh nhạt với *moa,* điều luôn làm tôi khó chịu trong những bữa tiệc kiểu khoe của. Ý tôi là một điều tra viên án mạng vượt qua những ranh giới tầng lớp xã hội, và chủ nhà được một hai người như thế đến ba hoa chích chòe. Mọi người ai cũng thích nghe chuyện giết người. Nhưng Fredric đã như lảng mất trước khi tôi nói với ông ta điều tôi nghĩ về rượu vang.

Tôi nói với Tom và Judy rằng quý ông kia thậm chí không thèm ve vãn tôi. Tom và Judy cho tôi biết rằng Freddie (vì không ai dám gọi ông ta như thế ngay trước mặt) thực ra là người cuồng nhiệt với tình dục khác giới. Judy cho biết một số người nhầm cái vẻ duyên dáng và thanh lịch của Fredric với biểu hiện của người đồng tính. Điều này chưa bao giờ xảy ra với tôi.

Tôi được vợ chồng Gordon cho biết ngài Tobin ngọt ngào và tinh tế đã từng học nghề trồng nho ở Pháp và có mấy thứ bằng về nước nho ép.

Tom chỉ cho tôi một người phụ nữ trẻ đang là nhân tình nhân ngãi sống chung với Tobin. Trông cô nàng cực kỳ gợi cảm - hai mươi lăm tuổi, cao, tóc vàng hoe, mắt xanh, cơ thể trông như đúc ra từ khuôn bằng thạch, ồ, Freddie, đúng là mèo mù vớ cá rán. Thế nào mà tôi lại đánh giá sai ông chứ?

Cuộc gặp gỡ giữa tôi với ông chủ của những chú ong chỉ có vậy. Tôi hiểu tại sao Tom và Judy lại tìm ra thằng cha này - một trong những lí do là vợ chồng họ thích rượu vang và Tobin là chủ sản xuất ra một số loại hảo hạng. Nhưng trên hết còn có một loạt những quan hệ xã hội nhằng nhịt xung quanh chuyện rượu vang, chẳng hạn như bữa tiệc đó, rồi những bữa dạ tiệc riêng, những buổi hòa nhạc ngoài trời trong vườn nho, những buổi picnic phung phí trên bãi biển, v.v... Vợ chồng Gordon dường như tham gia vào tất cả những trò này, một điều làm tôi ngạc nhiên, mặc dù họ không nịnh nọt gì Fredric Tobin hay tâng bốc hắn, nhưng hiển nhiên là họ có rất ít điểm chung với hắn về mặt xã hội, tài chính, nghề nghiệp hay điều gì khác. Vấn đề là tôi thấy có một chút không hợp với tính cách của Tom và Judy khi họ chơi với một gã như Fredric. Về cái tên của hắn, đây là một trường hợp bỏ bớt một chữ ‘e’ trong khi mọi người khác ở đây đều cố thêm chữ ‘e’ vào mọi thứ. Nói ngắn lại, Fredric Nho là một con lừa đần độn thích

khoe của, và tôi thích ý nghĩ phải chọc giận hắn một bữa. Này nữa, hắn còn có râu, và có lẽ có một chiếc xe thể thao màu trắng.

Giờ tôi đang trong cửa hàng lưu niệm, tha thẩn xung quanh cố tìm thứ gì đó cho tình yêu đã mất của tôi, một thứ gì đó giống như cái mở nút chai ở tay cầm có dòng chữ "Tôi bị chơi ở North Folk." Không có thứ đó, tôi tìm được một viên gạch lát chất liệu gốm sơn tay rất đẹp, bên trên có hình một con chim ưng đậu trên chiếc cọc. Đó là một con chim trông rất lạ, nhưng tôi thích viên gạch vì nó không có chút gì liên quan đến rượu vang.

Khi người bán hàng gói quà, tôi hỏi cô ta, "Ông Tobin có nhà không?" Cô gái trẻ hấp dẫn liếc tôi đáp, "Em không chắc."

"Tôi nghĩ là tôi đã nhìn thấy xe của ông ấy. Xe thể thao màu trắng. Đúng không?"

"Có thể ông ấy ở đâu đây. Cái này hết mười đô chín mươi bảy xen cả thuế."

Tôi trả mười đô chín mươi bảy xen cả thuế và lấy tiền trả lại cùng gói quà.

"Anh đã đi thăm nơi làm rượu chưa?" Cô nàng hỏi tôi.

"Chưa, nhưng tôi đã có lần xem làm bia." Tôi lấy tấm phù hiệu trong áo khoác ra và chìa trước mặt cô nàng. "Sở cảnh sát, thưa cô. Điều tôi muốn cô làm là bấm bất kì cái nút nào trên điện thoại để liên lạc với phòng của ông Tobin và bảo ông ấy đến đây thật nhanh. Được chứ?"

Cô nàng gật đầu và làm theo tôi bảo. Cô ta nói trong điện thoại, "Marilyn đây, có một người cảnh sát ở đây muốn gặp ông Tobin."

"Ngay lập tức."

"Không được chậm trễ," cô nàng dịch ra. "Được... được, tôi sẽ nói với ông ấy." Cô ta bỏ máy và nói với tôi, "Ông ấy sẽ xuống ngay."

"Ở trên nào xuống?"

Cô nàng chỉ lên một cánh cửa đóng trên bức tường phía xa và nói, "Chỗ đó dẫn lên các phòng trên tháp - phòng làm việc."

"Đúng rồi. Cám ơn cô." Tôi đi về phía cánh cửa và mở ra, bên trong là một phòng lớn, vách gỗ, kiểu như một hành lang rộng làm chân tháp. Một chiếc cửa dẫn lên các bể lên men, một cửa dẫn ra khu lễ tân mà tôi vừa đi vào. Một chiếc cửa khác ghép bằng kính dẫn ra ngoài, phía sau của xưởng rượu. Ngoài ra còn có cầu thang bộ dẫn lên các tầng trên, bên phải là một chiếc thang máy.

Cánh cửa thang máy mở và Tobin bước ra. Gã chỉ liếc qua tôi trong lúc đi vội ra chỗ cửa hàng. Tôi để ý thấy trên mặt gã có nét lo lắng. Tôi nói, "Ông Tobin?"

Gã quay về phía tôi, "Vâng?"

"Tôi là điều tra viên Courtney." Đôi khi tôi phát âm sai cả tên mình.

"Ồ... Vâng, tôi có thể làm gì cho anh?"

"Tôi chỉ cần một chút thời gian của ngài."

"Về chuyện gì cơ?"

"Tôi là điều tra viên án mạng."

"Ồ... vợ chồng Gordon."

"Vâng, thưa ngài." Gã có vẻ không nhớ mặt tôi, mà mặt tôi thì vẫn như khi tôi gặp gã hồi tháng Bảy. Thật ra tên tôi có thay đổi đôi chút, nhưng tôi không muốn kích thích gã. Về địa vị của tôi, thẩm quyền của tôi và những điều liên quan đến thủ tục, đơn giản là tôi chưa nghe tin nhắn của Max trên máy. Tôi nói với gã, "Tôi được biết ngài là bạn của nạn nhân."

"Ờ... chúng tôi có quen biết nhau."

“Tôi hiểu.” về cái gã Fredric Tobin này, tôi thật sự thất vọng khi phải nói ràng gã ăn mặc cũng có phần giống tôi, quần áo và giầy đều là hàng hiệu. Gã không thắt cà vạt màu nho, nhưng lại đeo một chiếc nơ màu hoa cà trông rất ngớ ngẩn trên túi ngực áo khoác.

Tobin khoảng năm mươi tuổi, có thể trẻ hơn, chiều cao dưới trung bình, điều có lẽ giải thích cho tòa nhà kiểu Napoleon của gã. Người gã không gầy không béo, tóc nâu ngắn và không phải tất cả tóc đều là của gã, cùng với một bộ râu cắt tỉa gọn gàng. Gã có bộ răng cũng không hoàn toàn của mình màu trắng ngọc, nước da rám nắng. Nhìn tổng thể, gã là người ăn mặc trau chuốt, khéo mồm và biết tự chủ. Tuy nhiên, tất cả những thứ trang sức và quần áo kia không làm thay đổi được đôi mắt tối và nhỏ luôn chuyển động, như thể chúng được thả lỏng trong hốc mắt.

Tobin dùng loại kem thoa mặt mùi nhựa thông mà tôi đoán là không hấp dẫn bầy ong.

Gã hỏi tôi, “Có phải là anh muốn hỏi tôi điều gì đó?”

“Chỉ là một vài câu hỏi thông thường thôi.” Ấy quên, là những câu hỏi thông thường trong một vụ điều tra án mạng.

“Xin lỗi, tôi không... tôi hoàn toàn không biết gì về những điều xảy ra với vợ chồng Gordon.”

“Họ bị giết.”

“Tôi biết... ý tôi là”

“Tôi chỉ cần những thông tin cơ bản.”

“Có lẽ tôi nên mời luật sư của tôi đến.”

Tôi hơi nhướng mày vì câu này. Tôi nói, “Đó là quyền của ngài.” Tôi nói thêm, “Chúng ta có thể làm việc này ở sở cảnh sát với sự có mặt của luật sư của ngài. Hoặc có thể làm ngay tại đây trong khoảng mười phút.”

Gã dường như suy tính. "Tôi không biết... Tôi không quen với việc này."

Tôi nói với thứ giọng nhã nhặn nhất của mình. "Ngài Tobin, ngài không phải là người bị tình nghi. Tôi chỉ phỏng vấn những người bạn của vợ chồng Gordon. Ngài biết đấy - chỉ là thông tin cơ bản."

"Tôi hiểu. Ờ... nếu anh nghĩ tôi có thể giúp được gì, tôi rất vui lòng trả lời các câu hỏi của anh."

"Vậy được rồi." Tôi muốn kéo gã này ra xa chiếc điện thoại, nên tôi nói, "Này, tôi chưa bao giờ đi dưới một vườn nho. Chúng ta có thể đi không?"

"Tất nhiên là được. Thật ra tôi cũng định đi ra vườn nho lúc anh đến."

"Vậy thì tiện cả đôi đường."

Tôi đi theo gã qua chiếc cửa bằng kính ghép ra bên ngoài. Hai chiếc xe tải chất đầy nho đỗ gần đó.

Tobin cho tôi biết, "Chúng tôi bắt đầu thu hoạch nho cách đây hai ngày."

"Vào thứ hai."

"Vâng."

"Đó hẳn là ngày đáng nhớ đối với ngài."

"Đó là ngày chúng tôi mong đợi."

"Hôm đó chắc ngài ở đây cả ngày nhỉ."

"Tôi ở đây từ sớm."

Tôi gật đầu. "Bội thu chứ?"

"Rất tốt, cho đến lúc này. Cảm ơn anh."

Chúng tôi đi qua bãi cỏ phía sau tới vườn nho gần nhất giữa hai hàng nho chưa hái. Ở ngoài này mùi nho thật dễ chịu, còn lũ ong thì vẫn chưa

biết tôi đến, ơn Chúa.

Tobin chỉ chiếc túi nhỏ tôi xách theo với biểu tượng xưởng của gã trên đó và hỏi, "Anh mua gì đấy?"

"Một viên gạch lát có vẽ hình cho bạn gái tôi."

"Cụ thể?"

"Beth."

"Ý tôi là viên gạch lát nào?"

"À, viên có hình con chim ưng."

"Loại này đang thịnh hành trở lại."

"Gạch lát vẽ hình ư?"

"Không. Chim ưng. Anh biết đấy-"

"Chúng rất kỳ lạ. Tôi đọc sách thấy nói rằng chúng chung thủy với bạn tình suốt đời. Ý tôi là có lẽ chúng không theo đạo Thiên chúa. Sao chúng lại chung tình suốt đời nhỉ?"

"Điều tra viên-"

"Nhưng tôi lại đọc một tài liệu nói khác về chúng. Con cái sẽ chung tình suốt đời nếu con đực trở về đúng tổ của nó. Ngài biết không, những người nghiên cứu đời sống hoang dã đã dựng những chiếc cột lớn có bục ở trên, và chúng xây tổ trên đó. Những con chim ưng ấy. Không phải những người nghiên cứu."

"Điều tra viên-"

"Điều họ phát hiện ra là con cái không thật sự chỉ chung tình. Chúng gắn với cái tổ. Hàng năm chúng trở về đúng tổ cũ và giao phối với con đực đầu tiên xuất hiện. Giống như các quý bà, quý cô Southampton trong những ngôi nhà nghỉ hè của họ. Ngài hiểu chứ? Họ không bao giờ muốn bỏ ngôi nhà ở Hamton. Ý tôi là người đàn ông có thể chết, có thể biến mất

hoặc không bao giờ xuất hiện. Nhưng đôi khi họ chỉ đến muộn vì lỡ tàu. Trong lúc đó, người đàn bà kia đang mây mưa với kẻ khác. Nhưng thôi, trở lại với chuyện chim ưng-"

"Xin lỗi. Điều tra viên... gì nhỉ-"

"Xin cứ gọi tôi là John."

Gã liếc nhìn tôi, và tôi biết gã đang cố đánh giá xem tôi thuộc hạng người nào, nhưng vẫn chưa hiểu lắm. Dù sao, sau câu chuyện vòng vo của tôi, Tobin nghĩ rằng tôi thuộc loại khờ khạo và gã có phần nhẹ nhõm hơn. Gã nói với tôi, "Tôi bàng hoàng khi nghe tin đó." Gã nói thêm, "Đó là một thảm kịch. Họ còn trẻ và đầy nhiệt huyết."

Tôi không đáp.

"Anh có biết tang lễ dự định thế nào không?"

"Không, thưa ngài. Tôi nghĩ họ vẫn còn ở cơ quan giám định pháp y. Thi thể của họ giờ chắc vẫn còn từng mảnh, và sẽ được ghép lại sau. Giống như trò chơi ghép hình trừ trường hợp cơ quan giám định giữ lại các bộ phận nội tạng. Ý tôi là, ai mà biết được thi thể người ta bị mất nội tạng?"

Tobin không bình luận gì.

Chúng tôi bước đi trong im lặng qua những vườn nho. Đôi khi, nếu bạn không đặt ra câu hỏi thì người mà bạn đang phỏng vấn sẽ sốt ruột và bắt đầu huyên thuyên để lấp đi sự im lặng. Sau một vài phút, Tobin nói, "Họ có vẻ giống như người tốt."

Tôi gật đầu.

Gã để một vài giây trôi qua rồi tiếp tục, "Họ không thể có một kẻ thù nào trên thế giới này. Nhưng có những điều lạ lùng trên Đảo Plum. Sự việc nghe có vẻ giống như một vụ trộm. Đó là điều mà tôi nghe thấy trên đài. Cảnh sát trưởng Maxwell nói đó là một vụ trộm. Nhưng một số cơ quan truyền thông đang tìm cách gắn vụ việc với Đảo Plum. Tôi nên gọi cho

cảnh sát trưởng Maxwell. Anh ấy với tôi là chỗ bạn bè. Anh ấy có quen biết với vợ chồng Gordon."

"Thật chứ? Ở đây dường như mọi người đều quen biết nhau cả."

"Có lẽ thế. Đó là do địa lí. Chúng tôi ở đây ba bề là nước. Nó gần giống như một hòn đảo nhỏ. Mọi người đi lại gặp nhau luôn. Đó là lí do tại sao chuyện này gây hoang mang. Rất có thể là một người trong chúng tôi."

"Ý ngài là kẻ giết người hay nạn nhân."

"Ồ, một trong hai loại." Tobin đáp. "Kẻ giết người có thể là một trong số chúng tôi, và nạn nhân có thể đã là ... Anh có nghĩ là tên giết người kia sẽ lại tấn công không?"

"Ồ, tôi hy vọng là không. Tôi đã đủ việc để làm rồi."

Chúng tôi tiếp tục bước đi dọc theo những dãy nho thực sự dài, nhưng Tobin đã thôi huyên thuyên nên tôi hỏi gã, "Anh có thân lắm với vợ chồng Gordon không?"

"Chúng tôi chỉ quen biết xã giao. Họ bị lôi cuốn bởi sự mê hoặc và lãng mạn của nghề làm rượu vang."

"Thật chứ?"

"Anh có thích rượu vang không?"

"Không. Tôi là dân uống bia. Thỉnh thoảng tôi có uống vốt ka. Này, ông thấy điều này thế nào?" Tôi thuyết phục gã bằng thứ vốt ka khoai tây thứ thiệt của Krumpinski, loại có hương vị tự nhiên. "Ngài nghĩ sao? Một nghề tương tự, đúng không? Ở đây chỗ nào cũng thấy trồng khoai tây. Cả phần đuôi của đảo Long Island này có thể tắm trong rượu. Một số người thấy mứt nho và khoai tây nghiền. Chúng ta thấy rượu vang và vốt ka. Ngài nghĩ sao?"

“Một ý tưởng hay.” Gã bứt một chùm nho trắng và cho một quả vào miệng. “Rất ngon. Rắn, ngọt, nhưng không quá ngọt. Mưa nắng vừa đủ. Năm nay là năm được mùa nho.”

“Tuyệt thật. Ngài gặp vợ chồng Gordon lần cuối khi nào?”

“Cách đây một tuần. Này, thử đi.” Gã đưa cho tôi mấy quả nho.

Tôi bỏ một quả vào miệng, cắn và nhẵn bỏ vỏ. “Không tệ lắm.”

“Vỏ đã phun thuốc rồi. Anh phải bóp cho phần cùi vào miệng. Đây này.” Gã đưa cho tôi nửa chùm.

Chúng tôi đi cạnh nhau như những người bạn cũ, bóp cùi nho vào miệng - nhưng không phải cho vào miệng nhau. Chúng tôi chưa thân nhau đến thế. Tobin thao thao về thời tiết, về những cây nho và đủ thứ. Gã nói, “Ở đây có lượng mưa hàng năm vừa phải giống như ở Bordeaux.”

“Thật chứ?”

“Nhưng loại vang đỏ của chúng tôi không đặc như của Bordeaux. Vị của chúng tôi khác.”

“Tất nhiên rồi.”

“Ở Bordeaux, người ta để vỏ nho ngâm với rượu vang mới trong một thời gian dài sau khi lên men. Sau đó họ để rượu trong thùng khoảng hai hoặc ba năm. Việc này ở đây không làm được. Nho của chúng tôi và của Bordeaux cách nhau cả đại dương. Chúng đều là nho, nhưng khi phát triển lại có điểm riêng khác nhau. Cũng giống như chúng ta thôi.”

“Nhận xét hay đấy.”

“Chúng tôi cũng phải nhẹ nhàng hơn khi chắt lọc so với ở Bordeaux. Mấy năm đầu tôi mắc sai lầm.”

“Chúng ta ai cũng vậy thôi mà.”

“Ở đây việc bảo vệ nho cũng quan trọng hơn, ví dụ như so với xử lí vị tanin trong rượu. Chúng tôi không có tanin như ở Bordeaux.”

“Đó là lí do tôi tự hào là người Mỹ.”

“Khi sản xuất rượu, người ta không thể quá giáo điều hoặc quá lý thuyết. Anh phải phát hiện ra cái hợp lý và hiệu quả.”

“Nghề của tôi cũng vậy.”

“Nhưng chúng ta có thể học hỏi từ những bậc thầy cũ. Ở Bordeaux, tôi học được về sự quan trọng của tán lá nho.”

“Đó là nơi để học nghề này mà.” Câu chuyện không đến nỗi tệ như những bài học lịch sử, nhưng cũng không cách nhau là mấy. Tuy vậy, tôi vẫn để gã nói. Tôi cố nhịn cho khỏi ngáp.

Gã nói, “Tán lá giúp nhận được ánh nắng mặt trời ở vĩ độ bắc này. Ở miền nam nước Pháp, Italia hay ở California họ không gặp phải vấn đề này. Nhưng đây là Forth Folk, giống như ở Bordeaux, ta phải cân bằng giữa mức độ che phủ của lá với ánh sáng mặt trời lên trái nho.”

Và gã cứ tiếp tục thao thao bất tuyệt.

Thế nhưng tôi lại thấy mình hình như thích gã, dù ấn tượng ban đầu không mấy tốt đẹp. Tôi không có ý nói là chúng tôi sẽ trở thành bạn thân thiết, nhưng Fredric Tobin là người khá lịch lãm, mặc dù hơi có chút thái quá. Có thể nói gã thích việc mình làm, gã dường như lúc nào cũng ở nhà bên những cây nho. Tôi bắt đầu hiểu tại sao vợ chồng Gordon lại có thể thích gã.

Gã nói với tôi, “North Folk là một vùng tiểu khí hậu, khác với các khu vực xung quanh. Anh có biết là ở đây có nhiều ánh nắng mặt trời hơn ngay bên kia vịnh ở Hamptons không?”

“Ngài cứ đùa. Thế những người giàu có ở Hamptons có biết điều đó không?”

Gã tiếp tục, “Nhiều ánh nắng hơn ở bên kia biển Sound, phía Connecticut.”

“Thật chứ? Tại sao lại thế?”

“Nó liên quan đến các vùng biển và gió chính phong xung quanh đây. Vùng này có khí hậu biển. Connecticut có khí hậu lục địa. Ở bên đó mùa đông lạnh hơn khoảng mười độ, rất có hại cho cây nho.”

“Đến mà không nói gì.”

“Ngoài ra ở đây cũng không bao giờ quá nóng đến mức làm khô cây. Các vùng biển quanh đây có tác động làm khí hậu ôn hòa.”

“Ấm hơn, nhiều nắng hơn, chim ưng quay trở lại. Tuyệt thật.”

“Còn đất ở đây cũng đặc biệt. Đó là loại đất bang giàu dinh dưỡng và được làm khô bởi lớp đất cát bên dưới.”

“Này, khi tôi còn nhỏ, nếu ai đó nói với tôi ‘John, có ngày chỗ này sẽ thành vườn nho hết,’ ngài biết không, tôi sẽ cười vào mặt và đá vào mông.”

“Anh có thấy điều này thú vị không?”

“Rất thú vị.” *Chán phèo*.

Chúng tôi đi sang một dãy khác nơi một người thợ đang dùng máy hái nho. Những chùm nho bị tống vào chiếc máy kì cục kia. Chà. Không biết ai phát minh ra những thứ này.

Chúng tôi rẽ sang một dãy khác nơi có hai cô gái trẻ đầy gợi cảm mặc quần soóc và áo phông Tobin đang hái nho bằng tay. Những rổ nho đặt trong hàng cây. Ông chủ của những cây nho dừng lại và đùa cợt với họ. Hôm nay gã đang thắng, còn hai cô nàng cũng đáp lại rất hợp. Có lẽ gã

phải bằng tuổi bố họ, nhưng con gái chỉ quan tâm đến tiền, đơn giản chỉ là tiền. Tôi phải dùng cả vẻ bề ngoài lẫn sự khôn ngoan mới đưa được họ lên giường, nhưng tôi biết có những tay nhà giàu nói những điều ít lịch lãm và thông minh hơn với các quý cô trẻ đẹp - những câu như "Cuối tuần này bay đến Paris bằng máy bay Concorde nhé." Lần nào cũng ăn cả.

Sau chừng khoảng một phút, chúng tôi đi khỏi chỗ những người hái nho. Tobin nói với tôi, "Tôi chưa nghe bản tin sáng nay, nhưng một nhân viên của tôi nói cô ấy nghe trên đài rằng vợ chồng Gordon có thể đã đánh cắp một loại vác xin mới thần kỳ và định bán đi. Có vẻ như họ đã bị lừa và sát hại. Phải vậy không?"

"Đó dường như là điều đã xảy ra."

"Không có mối nguy hiểm của một... một căn bệnh, hoặc một thứ dịch nào đó-"

"Hoàn toàn không."

"Tốt. Đêm hôm trước có rất nhiều người lo lắng."

"Giờ thì không phải lo gì nữa. Ngài ở đâu vào đêm hôm thứ hai."

"Tôi ư? Ồ, tôi ăn tối với bạn bè. Trong nhà hàng của tôi, ngay đây, là sự thật."

"Lúc mấy giờ?"

"Khoảng tám giờ. Lúc đó chúng tôi vẫn chưa nghe thấy tin tức gì."

"Vậy trước đó ngài ở đâu? Khoảng năm giờ, năm giờ ba mươi?"

"Tôi ở nhà."

"Một mình sao?"

"Tôi còn có người quản gia và bạn gái tôi."

"Tốt rồi. Họ có nhớ ngài ở đâu lúc năm giờ ba mươi chứ?"

“Tất nhiên. Lúc đó tôi ở nhà.” Gã nói thêm, “Đó là ngày thu hoạch nho đầu tiên. Tôi đến đây từ sáng sớm. Đến khoảng bốn giờ thì tôi mệt quá và về nhà chợp mắt một chút. Sau đó tôi quay lại đây ăn tối. Một lễ mừng nhỏ cho mùa thu hoạch. Không ai biết được khi nào thì sẽ bắt đầu thu hoạch, nên bữa hôm đó không có kế hoạch trước. Trong khoảng một hai tuần nữa, chúng tôi sẽ có một bữa tiệc lớn mừng thu hoạch.”

“Cuộc sống thú vị thật.” Tôi hỏi, “Có ai trong bữa tối?”

“Bạn gái tôi, người quản lý, mấy người bạn...” Gã nhìn tôi nói, “Nghe có vẻ như một cuộc thẩm vấn.”

Nó là thẩm vấn đấy. Nhưng tôi không muốn khích động Tobin để gã gọi luật sư riêng hay gọi Max. Tôi nói với gã, “Đây chỉ là những câu hỏi thông thường, ngài Tobin ạ. Tôi đang muốn dựng lên một bức tranh về mọi người đang ở đâu vào tối thứ hai, quan hệ của mọi người với nạn nhân như thế nào. Đại loại như vậy. Khi chúng tôi có một kẻ tình nghi thì một số bạn bè và đồng nghiệp của vợ chồng Gordon có thể trở thành nhân chứng. Ngài hiểu chứ? Chúng tôi không biết cho đến khi chúng tôi biết.”

“Tôi hiểu.”

Tôi để gã thoải mái một lát và tiếp tục câu chuyện về cây nho. Gã khá dẻo mồm, nhưng giống như mọi người khác, gã hơi nhạy cảm về những chuyện với cảnh sát. Tôi hỏi gã, “Tuần trước ngài gặp vợ chồng Gordon khi nào và ở đâu?”

“Ồ... để tôi nhớ... Ăn tối ở nhà tôi. Tôi có mấy người nữa đến nhà.”

“Ngài có điều gì hấp dẫn vợ chồng Gordon?”

“Ý anh là gì?”

“Là điều tôi vừa nói.”

Gã đáp, “Tôi nghĩ là tôi đã nói rồi.”

“Vậy tại sao ngài thường mời họ tới nhà?”

“Ờ... thật ra, họ kể một số chuyện rất hấp dẫn về Đảo Plum. Khách khứa của tôi lúc nào cũng thích thú.” Gã nói thêm. “Còn vợ chồng Gordon thì kiếm được bữa tối.”

“Thật chứ?” Vợ chồng Gordon rất hiếm khi nói với tôi về công việc của họ.

“Ngoài ra,” gã nói, “họ còn là một cặp vợ chồng đặc biệt hấp dẫn.” Gã hỏi tôi, “Anh đã... ý tôi là, tôi đoán khi anh gặp họ... nhưng cô ấy là người đẹp hiếm có.”

“Đúng thế thật.” Tôi hỏi, “Ngài có tán tỉnh cô ấy không?”

“Gì cơ?”

“Ngài có quan hệ với cô Gordon không?”

“Chúa ơi, không.”

“Đã bao giờ ngài thử chưa?”

“Tất nhiên là không.”

“Ít nhất là ngài có nghĩ đến chuyện ấy chưa?”

Gã ngẫm nghĩ xem đã từng bao giờ nghĩ đến nó chưa, rồi nói, “Thỉnh thoảng. Nhưng tôi không phải là hạng chuyên chim vợ người khác. Tôi còn nhiều việc phải làm.”

“Thế hả?” Tôi đoán là sâm banh có tác dụng khi người ta sở hữu cả vườn nho, cả lâu đài, những bể chứa lên men và xưởng đóng chai. Không biết những gã chủ xưởng bia có lên giường nhiều như những ông chủ rượu vang không. Có lẽ là không. Ai mà hiểu được tại sao.

Tôi hỏi Tobin, “Ngài đã bao giờ đến nhà Gordon chưa?”

“Chưa. Tôi còn không biết là họ sống ở đâu.”

"Vậy làm sao để ngài mời họ?”

"Ồ... người phụ trách quan hệ công chúng của tôi làm việc đó. Nhưng giờ nghĩ đến thì tôi nhớ là họ sống... đã sống ở Nassau Point."

"Đúng, thưa ngài. Bản tin có đưa cả rồi. Phát hiện hai người dân Nassau Point bị giết."

"Vâng. Tôi nhớ họ có nói họ có một ngôi nhà ở sát biển."

"Đúng như vậy. Họ thường xuyên đi làm tới Đảo Plum. Có lẽ họ đã nói cả chục lần trong các bữa tiệc cùng với những câu chuyện về Đảo Plum."

"Vâng, họ có nói như vậy."

Tôi để ý thấy Tobin có mấy giọt mồ hôi nơi chân tóc. Tôi phải nhớ trong đầu là những người vô tội nhất thường có mồ hôi khi họ bị tra tấn một cách biến tướng và văn minh. Ý tôi là ngày xưa người ta thường tra hỏi để lấy thông tin khiến người bị hỏi phải đổ mồ hôi hột - những chiếc đèn sáng chiếu vào mặt, những cuộc thẩm vấn liên tiếp, sự tra tấn với đủ mọi nghĩa. Ngày nay, chúng ta rất lịch thiệp, nhưng dù có lịch thiệp đến đâu thì nhiều người - cả vô tội lẫn có tội - đều không thích bị thẩm vấn.

Trời đang ấm dần lên và tôi cởi bỏ chiếc áo khoác rồi vắt qua vai. Khẩu S&M của tôi để dưới chân nên Tobin không thấy.

Lũ ong đã phát hiện ra tôi. Tôi nói, "Chúng có đốt không đấy?"

"Nếu chọc giận chúng thì chúng sẽ đốt."

"Tôi có chọc giận chúng đâu. Tôi thích loài ong mà."

"Đây là loại ong vàng. Mặc áo khoác vàng. Chắc anh dùng loại nước hoa mà chúng thích."

"Nước hoa Lagerfeld."

"Đó là một trong những loại chúng ưa thích." Gã nói thêm, "Mặc kệ chúng."

"Đúng. Vợ chồng Gordon có được mời ăn tối hôm thứ hai không?"

“Không, tôi thường không mời họ tới một bữa tiệc nhỏ không dự định trước... Bữa hôm thứ hai chỉ có mấy người bạn thân và những người trong nghề thôi.”

“Tôi hiểu rồi.”

“Sao anh lại hỏi chuyện đó.”

“Ồ, chỉ vì sự trớ trêu của nó. Nếu hôm đó mà họ được mời, có thể họ đã về nhà sớm hơn, thay đồ... và có thể đã lỡ cuộc hẹn với thần chết.”

Gã nói, “Không ai lỡ hẹn được với thần chết.”

“Vâng, tôi nghĩ ngài nói đúng.”

Lúc này chúng tôi đang ở một dãy nho có quả màu tím. Tôi hỏi Tobin, “Sao nho tím lại làm thành rượu vang đỏ?”

“Tại sao...? Ồ... tôi nghĩ anh nên gọi nó chính xác hơn là vang tím.”

“Tôi sẽ gọi thế.”

Tobin nói, “Thực ra thứ này gọi là nho *noir*. Noir nghĩa là đen.”

“Tôi hiểu tiếng Pháp. Nho này gọi là nho đen, trông nó màu tím, và rượu thì gọi là vang đỏ. Ngài biết tại sao người ta nhầm lẫn rồi chứ?”

“Nó thực sự không phức tạp đến thế đâu.”

“Phức tạp thật đấy. Bia là đơn giản. Có loại nhẹ và nặng. Đúng không? Rồi có bia vàng, bia đen. Quên những thứ đó và quên loại bia đen đi. Cơ bản là có hai loại là bia vàng và bia đen. Ngài đến một quán bar và có thể biết được có thứ gì trong thùng vì trên thùng đã có dán mác rồi. Ngài có thể hỏi ‘Có loại bia chai gì?’ Khi họ còn đang nhớ để kể ra từng thứ thì ngài nói ‘Bud’. Thế là xong chuyện.”

Tobin mỉm cười. “Buồn cười thật. Thực ra vào những ngày nóng bức tôi cũng làm một cốc bia lạnh.” Gã ghé sát đến tôi nói với vẻ bí mật, “Đừng nói với ai đấy nhé.”

“Yên tâm đi. Này, chỗ này dài không biết nhường nào. Ngài có bao nhiêu mẫu ở đây?”

“Chỗ này là hai trăm mẫu. Tôi còn một trăm mẫu nữa rải rác quanh đây.”

“Chà. Rộng thật. Ngài có thuê đất không?”

“Có một số.”

“Ngài có thuê đất của bà Margaret Wiley không?”

Gã không đáp ngay, và nếu tôi đang ngồi đối diện với gã qua một chiếc bàn thì đã thấy được vẻ mặt gã lúc đó. Tôi nói, “Margaret Wiley.” Nhưng sự lưỡng lự của gã đủ để gây chú ý.

Cuối cùng, Tobin cũng đáp, “Chắc là tôi có thuê. Đúng, có thuê. Khoảng năm mươi mẫu. Sao anh lại hỏi thế?”

“Tôi biết là bà ấy có cho những người trồng nho thuê đất. Bà ấy là bạn cũ của cậu mợ tôi. Thế giới quả là nhỏ bé. Vùng đất nhỏ bé.” Tôi chuyển đề tài và hỏi, “Vậy ngài là người trồng nho lớn nhất vùng này à?”

“Tobin là người có vườn nho lớn nhất North Fork, nếu đó là điều anh muốn hỏi.”

“Làm sao ngài có thể quản lý hết?”

“Công việc vất vả đấy, cần có hiểu biết về nghề trồng nho, về bảo quản, và về một sản phẩm thượng thặng.” Gã nói thêm, “Và cả may mắn nữa. Chúng tôi sợ nhất là bão. Từ cuối tháng Tám tới tháng Mười. Có năm thu hoạch rất muộn. Khoảng giữa tháng Mười. Không ít hơn sáu cơn bão từ biển Caribbean đổ vào. Nhưng mỗi cơn lại đi theo một hướng. Thần Bacchus trông coi chúng tôi. Đó là vị thần rượu vang.”

“Và là nhà soạn nhạc thiên tài.”

“Đó là Bach.”

“Đúng rồi.”

“Còn nữa, chúng tôi có các buổi hòa nhạc ở đây và thỉnh thoảng tổ chức các buổi nhạc kịch. Tôi có thể để anh vào danh sách khách mời, nếu anh muốn.”

Lúc này chúng tôi đang quay trở lại phía tòa nhà lớn ốp gỗ. Tôi nói, “Vậy thì tuyệt. Rượu vang, nhạc kịch, bạn tốt. Tôi sẽ gửi cho ngài danh thiếp của tôi. Hôm nay tôi hết mất rồi.”

Khi đến gần xưởng rượu, tôi nhìn quanh và nói, “Tôi không thấy nhà của ngài đâu?”

“Thực ra tôi không sống ở đây. Tôi có một phòng ở trên đỉnh tháp, nhưng nhà của tôi thì ở phía nam khu này.”

“Gần bờ biển à?”

“Vâng.”

“Ngài có đi bằng thuyền không?”

“Thỉnh thoảng.”

“Thuyền chèo tay hay thuyền máy?”

“Thuyền máy.”

“Và vợ chồng Gordon là khách trong nhà ngài?”

“Có. Một vài lần.”

“Tôi đoán là họ đến bằng tàu.”

“Tôi nghĩ họ có một hai lần gì đó.”

“Và ngài đã bao giờ đến thăm họ bằng tàu chưa?”

“Chưa.”

Tôi định hỏi gã phải chăng gã có một chiếc Formula màu trắng, nhưng đôi khi tốt hơn là ta không nên hỏi một câu mà ta có thể biết được bằng

cách khác. Các câu hỏi sẽ khiến người ta cảnh giác và lo lắng. Như tôi đã nói, Fredric Tobin không phải là nghi phạm, nhưng tôi có cảm giác là gã đang giấu điều gì đó.

Tobin đưa tôi qua chiếc cửa mà lúc nãy chúng tôi đi ra từ đó. Gã nói, "Nếu tôi có thể giúp thêm được anh điều gì, xin anh cứ cho biết."

"Được rồi... à này, tôi có một cuộc hẹn tối nay, và tôi muốn có một chai vang."

"Thử loại Merlot của chúng tôi đi. Loại chai 95 thì không gì sánh được. Nhưng giá hơi cao một chút."

"Sao không cho tôi xem thử nhỉ? Tôi cũng còn mấy việc khác phải làm."

Gã do dự một chút rồi đưa tôi đến chỗ cửa hàng liền kề với căn phòng rộng lớn để nếm rượu. Đó là một căn phòng đẹp với một quầy bar bằng gỗ sồi dài chín mét, một bên đặt dăm sáu chiếc bàn, chỗ nào cũng thấy đặt thùng và giá đựng rượu, cửa sổ bằng kính màu, sàn nhà lát gạch thô. Khoảng một chục tín đồ rượu vang đang quanh quẩn xung quanh căn phòng. Họ bình luận về các thứ rượu hoặc xì xụp ly rượu miễn phí ở quầy bar, nói những câu chuyện ngớ ngẩn với các nhân viên phục vụ đang rót rượu và cố mỉm cười.

Tobin chào một trong số những người rót rượu, một cô gái trẻ đẹp khoảng hai bốn hai lăm tuổi tên là Sara. Tôi đoán là Fredric tự tay lựa chọn đồ trang trí trong phòng và có con mắt sành sỏi về thẩm mỹ. Ông chủ nói, "Sara, rót cho ông..."

"John."

"Rót cho ông John loại Merlot 95."

Cô gái làm theo và rót rượu thành thạo vào một chiếc ly nhỏ."

Tôi lắc lắc chiếc ly để thể hiện là tôi cũng có quan tâm thật. Tôi ngửi ngửi và nói, "Mùi được đấy." Tôi đưa chiếc ly lên trước ánh đèn và nói, "Màu rất tốt. Tím."

"Và những ngón tay tốt."

"Ở đâu?"

"Nhìn nó bám vào thành ly ấy."

"Đúng rồi." Tôi nhấp một chút. Quả thật rất được. Đúng là có dùng mới biết ngon. Thứ này quả không tồi với một miếng thịt nướng. Tôi nói, "Đậm mùi nho và êm."

Tobin gật đầu hào hứng. "Vâng. Và bốc nữa."

"Rất bốc." *Bốc?* Tôi nói, "Thứ này hơi nặng và mạnh hơn Napa Merlot."

"Thật ra là nhẹ hơn một chút."

"Ý tôi là thế." Tôi nên thôi ngay khi đang bốc lên. "Tốt." Tôi đặt chiếc ly xuống.

Tobin nói với Sara, "Rót loại Cabernet 95."

"Được ngay ạ."

"Tôi muốn anh xem có gì khác."

Cô gái rót rượu. Tôi nhấp và nói, "Tốt. Ít bốc hơn."

Chúng tôi chuyện phiếm một chút và Tobin nài tôi thử chút vang trắng. Gã nói, "Đây là thứ tôi pha giữa Chardonnay và các loại vang trắng khác mà tôi chưa cho xuất kho. Màu rất đẹp, chúng tôi gọi đó là Autumm Gold - Thu Vàng."

Tôi nhấp thử và nói, "Êm, không quá bốc."

Gã không đáp.

Tôi nói, "Đã bao giờ ngài nghĩ tới chuyện đặt tên cho một trong các loại rượu vang của ngài là *những trái nho phẫn nộ* chưa?"

"Tôi sẽ bàn chuyện này với các nhân viên bán hàng của tôi."

Tôi bình luận, "Những cái tên rất hay."

Tobin cho tôi biết, "Tất cả các loại vang đỏ của tôi đều có mác với một tác phẩm của Pollock, còn vang trắng là Kooning."

"Phải vậy không?"

"Anh biết chứ - Jackson Pollock và William de Kooning. Cả hai người đều sống ở Long Island và cho ra đời những tác phẩm đỉnh cao ở đây."

"Ồ, hai họa sỹ. Đúng rồi. Pollock là cái ông nói lắp ba lắp bắp."

Tobin không đáp, nhưng liếc nhìn đồng hồ, rõ ràng đã mệt mỏi với tôi. Tôi nhìn quanh và thấy có một chiếc bàn trống, cách xa chỗ các nhân viên rót rượu và khách khứa. Tôi nói, "Qua bên kia ngồi một chút đi."

Tobin miễn cưỡng làm theo và ngồi đối diện với tôi. Tôi nhấp một chút thứ Cabernet và nói với gã, "Chỉ thêm mấy câu hỏi thông thường nữa thôi. Ngài quen biết vợ chồng Gordon được bao lâu rồi?"

"Ồ... khoảng năm rưỡi."

"Đã bao giờ họ nói chuyện với ngài về công việc của họ chưa."

"Chưa."

"Ngài có nói là họ thích kể chuyện về Đảo Plum."

"Ồ, vâng. Họ nói chung chung thôi, không bao giờ nói ra những điều bí mật của chính phủ." Gã mỉm cười.

"Tốt. Ngài có biết họ là các nhà khảo cổ nghiệp dư không?"

"Tôi... có, tôi có biết."

"Ngài có biết họ là thành viên của hội Lịch sử Peconic không?"

“Có. Thực ra đó là nơi chúng tôi gặp nhau.”

“Dường như ai cũng tham gia hội Lịch sử Peconic.”

“Hội có khoảng năm trăm thành viên. Không phải tất cả mọi người.”

“Nhưng hình như tất cả mọi người tôi gặp đều là thành viên của hội. Cái này giống như là vỏ bề ngoài của một thứ gì khác phải không? Giống như hiệp hội của các phù thủy hay thứ gì đó?”

“Như tôi biết thì không phải. Nhưng như thế lại hay đấy.”

Cả hai chúng tôi cùng cười. Gã dường như đang suy tính chuyện gì đó. Tôi có thể biết khi nào một người đang suy tính, và không bao giờ cắt ngang luồng suy nghĩ của họ. Cuối cùng, gã nói, “Thực tế là hội Lịch sử Peconic sắp có một bữa tiệc tối thứ bảy. Tôi sẽ tổ chức trong vườn cỏ phía sau. Bữa tiệc ngoài trời cuối cùng trong mùa, khi thời tiết còn cho phép. Tại sao anh và một vị khách nữa không tới dự nhỉ?”

Tôi đoán là gã còn chỗ cho thêm hai người vì giờ vợ chồng Gordon đã không thể tham gia được nữa. Tôi đáp, “Cám ơn. Tôi sẽ cố gắng tới dự.” Tôi sẽ không để lỡ đâu.

Gã nói, “Cảnh sát trưởng Maxwell có thể tới. Anh ấy biết hết mọi chi tiết rồi.”

“Tuyệt. Tôi có thể mang thứ gì tới được không? Rượu vang chẳng hạn?”

Gã cười xã giao. “Chỉ cần anh tới là được.”

“Và một khách mời,” tôi nhắc gã.

“Vâng, một khách mời.”

Tôi hỏi Tobin, “Ngài đã bao giờ nghe thấy chuyện gì đó... chuyện bàn luận về vợ chồng Gordon chưa?”

“Ví dụ?”

"Ồ, chẳng hạn như chuyện tình dục."

"Không một lời."

"Về tài chính có vấn đề?"

"Cũng không."

Chúng tôi tiếp tục thêm khoảng mười phút. Đôi khi ta phát hiện được ai đó trong một lời nói dối, nhưng cũng có khi không. Bất kì lời nói dối nào, dù là nhỏ đến mấy cũng đều có ý nghĩa nhất định. Tôi không phát hiện được chính xác Tobin nói dối điều gì, nhưng tôi khá chắc chắn rằng quan hệ của gã với vợ chồng Gordon thân mật hơn những gì gã nói ra. Bản thân điều này không quan trọng. Tôi hỏi Tobin, "Ngài có thể kể tên ai trong số bạn bè của vợ chồng Gordon không?"

Gã thoáng suy nghĩ rồi nói, "Như tôi nói rồi, đồng nghiệp của anh, cảnh sát trưởng Maxwell là một." Gã kể thêm một vài người khác nữa mà tôi không biết. Gã nói, "Tôi thực sự không biết nhiều về bạn bè và đồng nghiệp của họ. Như tôi nói lúc trước... xin cho tôi nói thẳng - họ thuộc loại thấy kẻ sang bắt quàng làm họ. Nhưng họ hấp dẫn, khéo miệng và có nghề nghiệp khá thú vị. Cả hai đều là tiến sỹ. Anh có thể nói rằng chứng tôi mỗi người đều có được thứ gì đó trong quan hệ... Tôi thích có quanh mình những con người thú vị và duyên dáng. Vâng, điều này phần nào hơi nông cạn, nhưng anh sẽ ngạc nhiên khi thấy những con người thú vị và duyên dáng lại nông cạn chừng nào." Gã nói thêm, "Tôi rất tiếc vì điều xảy ra với họ, nhưng tôi không thể giúp thêm gì cho anh."

"Ngài đã giúp tôi được rất nhiều, ngài Tobin. Tôi thực sự cảm kích vì ngài đã dành thời gian, và vì ngài đã không mời luật sư vào việc này."

Gã không đáp.

Tôi đi ra khỏi bàn và gã cũng đi theo. Tôi nói, "Ngài đi cùng tôi ra xe chứ?"

"Nếu anh muốn."

Tôi dừng lại trước một chiếc kệ đầy sách báo về rượu vang, trong đó có mấy tờ quảng cáo về những vườn nho của Tobin. Tôi kiếm một tập và cho vào chiếc túi xách nhỏ. Tôi nói, "Tôi mê mấy thứ này lắm. Tôi còn có một xấp lấy từ Đảo Plum - bệnh rinderpest, bệnh viêm da nổi cục truyền nhiễm - dù sao, tôi cũng đang học được rất nhiều trong vụ này."

Một lần nữa, gã không nói gì.

Tôi bảo gã kiếm cho tôi một chai Merlot 95. Tôi nói, về cái mác, "Jackson Pollock. Tôi làm sao mà đoán được. Giờ tôi có chuyện để nói trong cuộc gặp tối nay rồi." Tôi mang chai rượu ra quầy tính tiền, và nếu tôi nghĩ là Tobin không lấy tiền để thể hiện thiện chí thì tôi đã nhầm. Tôi phải trả đúng giá, cộng cả thuế.

Chúng tôi bước ra ngoài nơi có ánh nắng. Tôi nói, "Tiện đây xin nói thêm, cũng như ngài, tôi là người quen của vợ chồng Gordon."

Gã dừng bước và cả tôi cũng đứng lại. Gã nhìn tôi.

Tôi nói, "John Corey."

"Ồ... vâng. Tôi không nghe rõ tên..."

"Corey. John."

"Vâng... Tôi nhớ rồi. Anh là người cảnh sát bị thương."

"Đúng rồi. Giờ tôi đã khá lên nhiều."

"Chẳng phải anh là điều tra viên của thành phố New York sao?"

"Vâng, thưa ngài. Cảnh sát trưởng Maxwell thuê tôi vào vụ này."

"Tôi hiểu."

"Thế vợ chồng Gordon có nhắc đến tôi không?"

"Có."

"Họ nói tốt về tôi chứ?"

"Tôi chắc chắn là họ nói tốt, nhưng tôi không nhớ chính xác lắm."

"Thực ra chúng ta đã gặp nhau một lần. Hồi tháng Bảy. Hôm đó ngài có một bữa tiệc nếm rượu vang lớn ở căn phòng lớn đằng kia."

"Ồ, đúng rồi."

"Ngài mặc bộ đồ màu tím và chiếc cà vạt màu nho và rượu vang."

Gã nhìn tôi. "Đúng, tôi nghĩ là chúng ta đã gặp nhau."

"Chắc chắn rồi." Tôi nhìn quanh bãi đỗ xe và nhận xét, "Thời này ai cũng có một chiếc bốn bánh. Xe của tôi ở đằng kia. Nó nói tiếng Pháp đấy." Tôi giải thích khi khởi động xe bằng điều khiển từ xa. Tôi hỏi Tobin, "Có phải chiếc Porsche đằng kia là của ngài không?"

"Đúng rồi. Sao anh biết?"

"Tôi chỉ đoán thôi. Người như ngài phải đi xe Porsche mới phải." Tôi chìa tay ra và chúng tôi bắt tay. Tôi nói, "Có thể tôi sẽ gặp lại ngài trong bữa tiệc của ngài."

"Tôi hy vọng anh sẽ tìm ra thủ phạm."

"Ồ, chắc chắn là tôi sẽ tìm ra. Tôi luôn tìm ra tội phạm trong mọi vụ án. Chào. Bonjour."

"Bonjour nghĩa là chào đấy."

"Đúng rồi. Tạm biệt."

Chúng tôi chia tay, bước chân lạo xạo lên nền sỏi và mỗi người đi một hướng. Lũ ong theo tôi ra đến xe nhưng tôi đã nhanh tay đóng cửa và vù mất.

Tôi nghĩ về Fredric Tobin, ông chủ, người lịch lãm. Tay sành sỏi về tất cả những gì xinh đẹp. những vị tai to mặt lớn, và là bạn của hai người đã chết.

Những gì tôi được học cho tôi biết gã hoàn toàn vô tội, và tôi không nên mất thêm một phút nào để nghĩ về gã. Trong tất cả các giả thuyết mà tôi đưa ra về lí do vợ chồng Gordon bị giết và về thủ phạm, Tobin không phù hợp với một giả thuyết nào. Thế nhưng bản năng vẫn mách bảo tôi tiếp tục để tâm đến con người này.

CHƯƠNG 17

Tôi chạy xe theo hướng tây dọc theo đường Main Road và cố xem cuốn sách hướng dẫn sử dụng khi đang lái. Tôi nhấn một vài nút trên bảng điều khiển, và nhìn này, tất cả các con số đều chuyển từ hệ mét sang một trăm phần trăm là của Mỹ. Đây là điều vui nhất mà bạn có thể có được khi ngồi lên ghế trước của xe.

Cảm thấy như thành thạo hơn về kỹ thuật, tôi kết nối với máy trả lời tự động bằng điện thoại di động. "Nói cho mà biết nhé, nếu những người hành hương kia mà thấy được chúng ta lúc này, phóng xe ào ào qua những trang trại và thôn làng cũ của họ —"

Chiếc máy nói, "Bạn có ba tin nhắn."

Chắc phải có một cái của Beth. Tôi lắng nghe, nhưng tin nhắn đầu tiên là của Max, nhắc lại rằng tôi không còn tham gia vụ này nữa và bảo tôi gọi lại cho anh, điều mà tôi không định làm. Tin nhắn thứ hai là từ Dom Fanelli. Anh nói, "Này J.C. Nhận được lời nhắn rồi. Nếu cần giúp thì cứ gọi nhé. Tôi đang có được mấy manh mối về mấy gã lấy cậu làm bia tập bắn nên không muốn bỏ giữa chừng trừ khi cậu thực sự cần tôi. Sao lại có nhiều người muốn giết người bạn tốt của tôi thế nhỉ? Này, tôi nói chuyện với Wolfe rồi, ông ấy không tin là không phải cậu trên ti vi đâu. Còn nói là có thông tin về chuyện đó. Ông ấy muốn cậu trả lời mấy câu hỏi. Lời khuyên của tôi là theo dõi các cuộc gọi của cậu. Lúc này cần như vậy. Đừng để phải gặp rắc rối nhé."

"Cám ơn."

Tin nhắn cuối cùng không phải là của Beth, chẳng phải ai khác mà là của sỹ quan chỉ huy của tôi, Andrew Wolfe. Ông không nói vẻn vẹn một câu, "Tôi muốn anh gọi lại cho tôi càng sớm càng tốt." Điềm gở rồi.

Tôi không biết Nash và Wolfe có thực sự quen biết nhau hay không. Tuy nhiên, vấn đề chắc chắn là Nash đã nói với Wolfe rằng người trên ti vi chính là John Corey, và John Corey đang điều tra một vụ án mạng trong khi được cho là đi nghỉ dưỡng. Tất cả những điều này đều đúng, và tôi đoán Andrew Wolfe muốn tôi có một lời giải thích. Tôi có thể nói lí do tại sao tôi dính vào vụ này, nhưng rất khó cho tôi để giải thích với Wolfe tại sao ông ấy là đồ chết tiệt.

Suy đi tính lại, tốt nhất là không nên gọi cho ông ấy. Có lẽ tôi nên nói chuyện với luật sư của mình. Không có việc tốt nào lại không gặp rủi ro. Tôi đang cố để làm một công dân tốt, và người kéo tôi vào vụ này, anh bạn Max của tôi, sử dụng đầu óc của tôi, đẩy tôi vào chỗ hằm hè với mấy tay của cơ quan liên bang, sau đó lại lấy đi chiếc ô che của tôi. Mà thực ra, đã bao giờ anh cho tôi chiếc ô nào đâu. Còn Beth thì vẫn chưa gọi cho tôi.

Tôi tự nhắc nhở mình là một người hùng, dù tôi không biết làm thế nào mà việc bị bắn lại là hành động anh hùng. Khi tôi còn nhỏ, chỉ những người bắn vào kẻ xấu mới là người hùng. Thế mà giờ người bị mắc bệnh, người bị bắt làm con tin hay người bị bắn lại là người hùng. Nhưng nếu tôi có thể đánh đổi cái mác người hùng để khỏi phải gặp rắc rối thì tôi đồng ý cả hai tay. Vấn đề là những người hùng do giới truyền thông dựng lên chỉ tự sống được chín mươi ngày. Tôi bị bắn vào giữa tháng Tư. Có lẽ tôi nên gọi cho luật sư của tôi.

Lúc này tôi đang ở thôn Cutchogue, sắp đến khu buôn bán, nơi mà bạn sẽ vọt qua mất nếu không để ý. Cutchogue mang vẻ đẹp của thời xa xưa, tao nhã và trù phú, giống như hầu hết những thôn làng nơi đây, một phần

vì nghề làm rượu vang. Có những biểu ngữ chăng ngang qua đường Main Road quảng cáo cho những sự kiện như lễ hội hải cảng phía đông thường niên, và một buổi hòa nhạc ở ngọn hải đăng Horton có nhóm Isotope biểu diễn. Đừng hỏi nhé.

Mùa hè đã chính thức qua đi, nhưng mùa thu vẫn còn đó với những người dân địa phương và số nhỏ du khách. Tôi lúc nào cũng nghi ngờ về một bữa tiệc lớn tổ chức vào tháng Mười một hàng năm chỉ dành cho người địa phương có tên là "Dân North Fork nói lời tống khứ với lễ hội du lịch chết tiệt."

Tôi cho xe chạy rất chậm để tìm tòa nhà của hội Lịch sử Peconic mà tôi nhớ là ở đây đó gần đường Main Road. Phía nam của con đường là thảm cỏ xanh mang tên làng Cutchogue, nơi tự hào có ngôi nhà cổ nhất bang New York, theo trên bảng ghi là được dựng vào khoảng năm 1649. Chỗ này trông có vẻ là nơi cần đến, tôi rẽ xuống một con đường nhỏ cắt ngang qua bãi cỏ. Mấy căn nhà gỗ và ốp gỗ cũ nằm bên kia bãi và ơn trời, không có những chiếc bàn gông, cùm, ghế dìm hay những thứ trưng bày về thời kì nô lệ của nước Mỹ.

Cuối cùng, cách một quãng ngắn từ bãi cỏ, tôi trông thấy một ngôi nhà gỗ lớn màu trắng, đúng hơn là một biệt thự, với những chiếc cột lớn ở phía trước. Một tấm biển gỗ kiểu Chippendale trên ô cửa đề, "Hội Lịch sử Peconic." Bên dưới dòng chữ đề "Bảo tàng" và "Cửa hàng Lưu niệm." Chữ *cửa hàng* lại có hai chữ 'p' và một chữ 'e'. Có lần tôi đã thắng trong trò chơi Scrabble với từ đó.

Trên hai sợi xích ngắn có một tấm bảng nữa ghi ngày và giờ mở cửa của bảo tàng và cửa hàng. Sau ngày lễ Lao động, nơi đây chỉ mở cửa vào các ngày cuối tuần và ngày nghỉ.

Trên tấm bảng có một số điện thoại và tôi bấm máy gọi vào số đó. Máy trả lời tự động với giọng nói của một phụ nữ như được ghi âm từ năm 1640 nói về giờ mở cửa và các sự kiện do hội tổ chức, v.v...

Không thể để phải bỏ cuộc vì lịch làm việc của người khác, tôi trèo lên bậc thang tới hiên nhà và gõ cửa bằng chiếc khóa đồng cổ. Tôi dập mạnh cho kêu thật to, nhưng dường như không có ai quanh đây, và không có chiếc xe nào trên bãi đỗ bên sườn nhà.

Tôi trở lại xe và bấm số máy của người bạn mới, Margaret Wiley. Bà nghe máy và tôi nói, "Chào bà Wiley. Tôi là điều tra viên Corey."

"Vâng."

"Hôm qua bà có nói về việc đến thăm bảo tàng của hội và tôi nghĩ đến việc đó suốt cả ngày. Liệu hôm nay tôi có thể đến thăm và nói chuyện với một số người phụ trách ở đó được không - tên vị chủ tịch là gì nhỉ? Witherspoon?"

"Whitestone. Emma Whitestone."

"Đúng rồi. Hôm nay có được không?"

"Tôi không biết...

"Sao tôi lại không gọi cho Emma Whitestone"-

"Tôi sẽ gọi cho bà ấy. Có thể bà ấy đồng ý gặp anh ở bảo tàng đấy."

"Tuyệt quá. Tôi thực sự cảm kích-"

"Tôi liên lạc với anh thế nào nhỉ?"

"Tôi sẽ gọi lại cho bà khoảng mươi, mười lăm phút nữa. Tôi đang ở trong ô tô và tôi phải dừng lại để mua một món quà sinh nhật cho mẹ tôi. Này, tôi chắc là trong bảo tàng có cửa hàng lưu niệm chứ."

"Chúng tôi có."

“Tuyệt. À này, tôi đã nói chuyện với cậu Harry và chuyển lời hỏi thăm của bà đến cho ông ấy.”

“Cám ơn anh.”

“Ông ấy bảo cho gửi lời chào tới bà và sẽ gọi điện cho bà khi ra ngoài này.” Tôi không nhắc đến cái vật bất lực của cậu Harry.

“Vậy tốt quá.”

“Tuyệt. Được rồi, tôi thực sự cảm kích nếu Whitestone hay bất kì người quản lý nào khác của hội có thể gặp tôi sáng nay.”

“Tôi sẽ làm những gì có thể. Có thể chính tôi phải đến.”

“Đừng, như thế vất vả cho bà quả. Và xin cám ơn bà đã giúp đỡ ngày hôm qua.”

“Không cần phải nhắc lại.”

Suýt nữa thì tôi không nhắc đến thật. “Mười lăm phút. Tôi sẽ gọi.”

“Cô bạn anh hôm nay có đi cùng không?”

“Đồng sự của tôi ấy à?”

“Ừ, cô gái trẻ ấy.”

“Cô ấy sắp đến rồi.”

“Cô ấy thú vị thật. Tôi rất thích nói chuyện với người như thế.”

“Chúng tôi sắp cưới nhau đấy.”

“Thật đen đủi.” Bà gác máy.

Ôi, giời ạ. Tôi nhấn ga cho xe chạy và cái giọng phụ nữ trong xe lại cất lên, “Nhả phanh tay.” Tôi làm theo và mày mò một lúc với chiếc bảng điện tử để xóa cài đặt này và chờ nghe nói, “Sao bạn lại muốn giết tôi? Bạn sẽ không giết tôi chứ? Tôi chỉ muốn giúp bạn thôi mà.”

Nếu đóng hết cửa và ấn tẹt ga thì sao? Tôi ném quyển sách hướng dẫn vào trong ngăn để đồ.

Tôi rẽ về phía nam sang con đường có cái tên rất thú vị là Đường Chồn hôi, sau đó quay trở lại đường cái cao tới Nassau Point.

Tôi chạy xe tới chỗ phố nhà Gordon và trông thấy chiếc Jeep màu trắng của Max đỗ bên ngoài hiện trường vụ án. Tôi chạy tọt vào đường xe của nhà Murphy, khuất hẳn tầm nhìn từ nhà Gordon.

Tôi đi thẳng ra phía sau nhà ông bà Murphy và nhìn thấy họ trong phòng xem ti vi, còn có tên là phòng Florida, tức phần cơi nới thêm từ nhà cũ. Ti vi trong phòng đang mở và tôi gõ lên cửa mành.

Edgar Murphy đứng dậy nhìn thấy tôi và ra mở cửa. "Lại quay lại à?"

"Vâng, thưa ông. Chỉ xin ông một phút thôi."

Ông già dẫn tôi vào trong. Bà Murphy đứng dậy và chào tôi lạnh nhạt. Ti vi vẫn mở. Trong một thoáng, tôi như đang ở trong căn nhà của bố mẹ tôi ở Florida - cũng căn phòng như thế này, cũng chương trình ti vi kia, cũng những con người như ông bà này. Tôi nói với họ, "Xin hãy tả chiếc xe thể thao màu trắng mà ông bà nhìn thấy ở nhà bên cạnh hồi tháng Sáu."

Cả hai người đều nói, nhưng khả năng miêu tả của họ quả thật hạn chế. Cuối cùng, tôi lấy cây bút trong túi ra, cầm một tờ báo và bảo họ tả hình thù của chiếc xe, nhưng họ nói không thể tả được. Tôi vẽ bề ngoài của một chiếc Porsche để họ xem. Đúng ra thì không được mớm cho nhân chứng kiểu thế này, nhưng đã sao. Cả hai người gật đầu. ông Murphy nói, "Đúng rồi, là nó đấy. Xe to và bầu. Giống như chiếc bồn tắm lật úp." Bà Murphy cũng đồng ý.

Tôi lấy tờ quảng cáo vườn nho Tobin trong túi ra và gập lại chỉ để hở bức hình đen trắng của ông chủ Fredric Tobin. Tôi không muốn họ nhìn

thấy cả tờ quảng cáo vì nếu làm thế, họ sẽ nói với mọi người rằng cảnh sát nghĩ Fredric Tobin đã giết vợ chồng Gordon.

Ông bà Murphy ngắm nhìn kĩ bức hình. Một lần nữa, đây lại là kiểu mớm cung cho nhân chứng vì chỉ để cho họ xem một bức hình duy nhất mà không trộn cùng với những tấm hình của người khác. Tôi không có đủ thời gian và sự kiên nhẫn để làm cho đúng thủ tục. Nhưng tôi cũng không nói rằng, "Có phải đây là người mà ông bà nhìn thấy trên chiếc xe thể thao không?"

Tuy nhiên, bà Murphy lại nói, "Đây là người tôi nhìn thấy trên chiếc xe thể thao."

Ông Murphy cũng đồng ý. Ông ta hỏi tôi, "Đấy là nghi phạm à?"

"Không, thưa ông. Xin lỗi vì đã làm phiền ông bà một lần nữa." Tôi hỏi, "Có còn ai khác muốn hỏi ông bà về vụ này không?"

"Không."

"Xin ông bà nhớ cho, đừng nói chuyện với bất kì ai khác ngoài cảnh sát trưởng Maxwell và điều tra viên Penrose."

"Bà Murphy hỏi, "Cô ấy đâu rồi?"

"Điều tra viên Penrose ấy hả? Cô ấy ở nhà vì ốm nghén."

"Có bầu hả?" Agnes hỏi.

"Khoảng một tháng," tôi đáp. "Được rồi-"

"Tôi đâu có thấy cô ấy đeo nhẫn cưới." Agnes nhận xét.

"Bà biết các cô gái trẻ bây giờ thế nào mà." Tôi lắc đầu buồn bã rồi nói, "Được rồi, một lần nữa xin cám ơn ông bà." Tôi bước nhanh ra ngoài, lên xe và phóng đi.

Có vẻ như Fredric Tobin đã đến nhà Gordon ít nhất một lần. Nhưng gã dường như không nhớ lần đến thăm hồi tháng Sáu. Nhưng cũng có thể đó

không phải là gã. Có thể đó là một người râu nâu khác với một chiếc Porsche.

Có lẽ tôi nên tìm hiểu tại sao Tobin nói dối.

Tôi thử lại chiếc máy trả lời tự động một lần nữa và có hai cuộc gọi mới. Cuộc gọi đầu là của Max. Anh nói, "John, cảnh sát trưởng Maxwell đây. Có lẽ chính tôi đã không rành mạch về địa vị của anh. Anh không còn làm việc cho thị trấn nữa. Được chứ? Tôi nhận được một cuộc gọi từ các luật sư của Tobin. Họ không được vui vẻ. Anh hiểu chứ? Không biết đích xác anh và ông Tobin nói chuyện gì với nhau, nhưng tôi nghĩ đó là cuộc nói chuyện chính thức cuối cùng của anh với ông ấy. Gọi cho tôi nhé."

Vui thật. Tất cả những gì tôi làm là để giúp người khác, và giờ tôi đang bị tống khứ.

Cuộc gọi tiếp theo là của cô vợ cũ của tôi có cái tên rất hợp là Robin Paine, lại cũng là luật sư. Cô ta nói, "Chào John. Em Robin đây. Em muốn nhắc anh là thời hạn ly thân một năm của chúng ta kết thúc vào mùng một tháng Mười, khi đó sẽ chính thức ly hôn. Anh sẽ nhận được thông báo của tòa qua đường thư bưu điện. Không phải kí tên hay làm gì cả. Nó là mặc nhiên công nhận." Cô nàng còn lấy giọng nhẹ nhàng mà nói, "Anh không ngoại tình được sau mùng một tháng Mười trừ khi anh cưới vợ khác. Nhưng anh cũng đừng có lấy vợ trước khi nhận được thông báo của tòa, nếu không là vi phạm luật hôn nhân đấy. Em nhìn thấy anh trên bản tin rồi. Nghe có vẻ là một vụ hấp dẫn đấy. Chúc khỏe."

Đúng đấy. Xin nói thêm, Robin đã từng là trợ lý ủy viên công tố quận ở Manhattan, và vì thế mà chúng tôi gặp nhau. Cả hai chúng tôi cùng ở một phía. Thế rồi cô nàng đổi chỗ và kiếm được một việc làm lương cao với một luật sư bào chữa có tên tuổi, người thích phong cách của cô ta ở trước tòa. Có thể gã không chỉ thích phong cách, nhưng ngoài chuyện đó, cuộc

hôn nhân của chúng tôi đã trở thành cuộc xung đột về lợi ích. Ý tôi là, tôi thì cố để tống những gã chó chết vào tù, còn người phụ nữ ở trên giường với tôi lại cố để giữ chúng lại. Giọt nước tràn ly là khi cô nàng nhận bào chữa cho một tên buôn ma túy cao cấp ngoài việc phạm tội ở Mỹ còn bị truy nã ở Colombia vì đã bắn một vị thẩm phán. Tôi biết ai đó sẽ phải làm việc này, và tiền rất nhiều, nhưng tôi cảm thấy cuộc hôn nhân bị đe dọa. Tôi nói với cô ta, "Hoặc là anh, hoặc là công việc của em." Cô ta đáp lại, "Có lẽ anh nên thay đổi công việc của anh" và cô ta nghĩ thế thật - công ty của cô ta đang cần một thám tử tư và cô ta muốn tôi nhảy vào vị trí đó. Tôi tưởng tượng đến việc làm thám tử tư cho vợ và gã chủ đần độn của vợ. Có lẽ được uống cà phê trong các vụ án. Đúng. Ly hôn thôi.

Ngoài những xung đột nho nhỏ về nghề nghiệp này, chúng tôi thực sự đã từng yêu nhau. Dù sao, mùng một tháng Mười tới. Rồi cô ấy sẽ chính thức trở thành vợ cũ của tôi, và tôi sẽ mất đi cơ hội để ngoại tình hay làm kẻ đa thê. Cuộc sống đôi khi không được công bằng.

Đi qua con đường cao tới đường Main Road, hướng trở lại thôn Cutchogue, tôi gọi cho bà Margaret Wiley.

Bà nói, "Tôi đã nói chuyện được với cô Emma ở cửa hàng hoa, cô ấy đang trên đường đến trụ sở của hội Lịch sử Peconic."

"Bà ấy thật tốt vì đã bỏ thời gian như thế."

"Tôi nói với cô ấy là chuyện này liên quan đến vụ án mạng của vợ chồng Gordon."

"Tôi không chắc là như vậy đâu, bà Wiley. Tôi chỉ tò mò về"

"Anh có thể nói chuyện đó với cô ấy. Cô ấy đang chờ anh đấy."

"Cám ơn bà." Tôi nghĩ bà ta gác máy trước khi tôi nói câu này.

Tôi lái xe trở lại ngôi nhà của hội Lịch sử Peconic và đỗ xe trong bãi đỗ, bên cạnh một chiếc xe bán tải có dòng chữ, "Cửa hàng hoa Whitestone."

Tôi đến chỗ cửa trước và thấy mảnh giấy vàng dán gần khóa cửa, ghi rằng, "Anh Corey, xin cứ vào."

Và tôi đi vào.

Như tôi đã nói, ngôi nhà khá lớn, xây từ khoảng những năm 1850, kiểu thường thấy của những nhà buôn khá giả hoặc các thuyền trưởng. Sảnh chờ khá rộng, bên trái là một phòng khách, bên phải là phòng ăn. Trong nhà đầy những thứ đồ cổ, tất nhiên rồi, dưới con mắt của tôi thì hầu hết đều là những thứ vặt vãnh, nhưng có lẽ đáng giá cả đống tiền. Tôi không thấy hay nghe thấy tiếng ai trong nhà nên cứ đi hết phòng này đến phòng khác. Đây thực sự không giống với một bảo tàng theo nghĩa là nơi trưng bày, nó chỉ là một căn nhà cổ được trang trí lại. Tôi không thấy có thứ gì ghê sợ ở nơi này, trên tường không có những bức vẽ nhà thờ đang cháy, không có những ngọn nến đen, những ngôi sao năm cánh trên mũi kim hay những con mèo đen, trong bếp không có chiếc vạc của phù thủy sôi sùng sục.

Tôi cũng không rõ tại sao lại đến đây, nhưng có điều gì đó đưa tôi đến. Mặt khác, tôi nghĩ là mình đã quá tải vì những người già, và ý nghĩ phải nói chuyện với thêm một người nữa trên bảy mươi tuổi là quá sức chịu đựng của tôi. Lẽ ra tôi nên mở chai rượu của Tobin và tu ừng ực trước khi gặp Whitestone.

Lúc này tôi đã thấy cửa hàng lưu niệm - Gift Shoppe. Tôi nghĩ chỗ này đã từng là bếp ăn phục vụ người nghỉ hè. Trong cửa hàng không có đèn, nhưng ánh sáng mặt trời lọt vào qua cửa sổ.

Quà tặng gồm đủ các loại từ những cuốn sách phát hành ở địa phương tới những đồ thủ công mỹ nghệ, những vật dụng của người da đỏ, đăng ten ren bằng kim, thảo mộc khô, hoa ép, trà thảo mộc, nước hoa, nến (không có màu đen), tranh màu nước, gạch lát vẽ hình, những gói hạt giống, vân vân. Người ta làm gì với những thứ vớ vẩn này nhỉ?

Tôi lấy một tấm gỗ đã dầm mưa nắng nhiều, trên đó có vẽ hình một chiếc thuyền buồm cũ. Khi đang xem hình vẽ, tôi có cảm giác ai đó đang nhìn tôi.

Tôi quay về phía lối vào của căn phòng. Một người phụ nữ xinh đẹp khoảng ngoài ba mươi tuổi đang đứng đó và nhìn tôi chăm chú. Tôi nói, "Tôi đang tìm Emma Whitestone."

"Anh hẳn là John Corey."

"Tôi chứ còn ai. Cô có biết bà ấy đâu không?"

"Tôi là Emma Whitestone."

Mắt tôi như hoa lên. "Ồ," tôi nói. "Tôi cứ nghĩ phải là người nhiều tuổi hơn."

"Tôi lại nghĩ anh phải là người trẻ hơn."

"Ồ..."

"Margaret nói anh là một thanh niên trẻ. Nhưng anh cũng gần trung niên rồi, tôi nghĩ thế."

"Ừ..."

Nàng bước đến gần và chìa tay ra. Nàng nói, "Tôi là chủ tịch hội Lịch sử Peconic. Tôi có thể giúp gì được anh."

"Ồ... tôi không biết."

"Tôi cũng vậy."

Về bề ngoài: nàng cao - chỉ thấp hơn tôi vài ba phân - gầy nhưng cân đối, tóc nâu dài tới vai có gội nhưng không là hấp, trang điểm nhẹ, không đánh móng tay, không trang sức, không khuyên tai, không đeo nhẫn cưới hay đính hôn. Nàng cũng không mặc nhiều đồ. Nàng mặc chiếc váy mùa hè màu be dài tới gối với hai sợi dây nhỏ xíu quàng qua vai. Bên dưới váy là chiếc quần lót cũng nhỏ xíu. Tất nhiên nàng không mặc áo nịt ngực,

nhưng tôi vẫn thấy đường hằn lên của đồ lót bên trong. Đã vậy, nàng còn đi chân trần. Tôi mường tượng ra Whitestone đang mặc đồ sáng nay. Nàng mặc vội đồ lót và váy, thoa son môi qua loa, chải đầu chiếu lệ, vậy thôi. Nàng có thể cởi hết bộ đồ đang mặc chỉ trong bốn giây. Có thế ít hơn nếu tôi giúp.

"Anh Corey? Anh đang nghĩ tôi có thể giúp gì được anh đấy à?"

"Đúng, tôi đang nghĩ. Một chút thôi." Vóc dáng nàng không lớn, nhưng hợp với sự nhanh nhẹn và có lẽ cả sự dẻo dai. Nàng có đôi mắt xanh nâu rất đẹp. Khuôn mặt nàng vừa xinh xắn, vừa ngây thơ khi mới nhìn lần đầu. Nàng làm tôi nhớ lại những tấm ảnh về thanh niên của những năm 1960 dùng hoa biểu lộ lý tưởng của mình, nhưng có lẽ đó là vì nàng là người trồng hoa. Nhìn kỹ hơn lại thấy được nét khêu gợi ẩn sâu trên gương mặt nàng. Thật sự khêu gợi.

Tôi cũng phải nói thêm là nàng có nước da đẹp, thậm chí rám nắng, giống như màu cà phê sữa. Đây quả là người phụ nữ xinh đẹp và gợi cảm. Emma Whitestone.

"Có liên quan gì với vợ chồng Gordon không?"

"Có." Tôi đặt miếng gỗ xuống và hỏi, "Cô có biết họ không?"

"Có. Chúng tôi thân thiện với nhau, nhưng không phải là bạn." Nàng nói thêm, "Thật khủng khiếp."

"Đúng vậy."

"Anh đã có... manh mối gì chưa?"

"Chưa."

"Tôi nghe trên đài sáng nay là họ có thể đã đánh cắp một thứ vác xin gì đó."

"Có vẻ là như vậy."

Nàng thoáng suy nghĩ rồi nói với tôi, "Anh quen biết họ à?"

"Đúng. Làm sao cô biết?"

"Tôi có nghe nhắc tên anh vài lần."

"Thật à? Tôi hy vọng là nói tốt về tôi."

"Rất tốt." Nàng nói thêm, "Judy có chút phải lòng anh đấy."

"Thật không?"

"Anh không biết à?"

"Có thể." Tôi muốn đổi chủ đề, nên nói, "Cô có danh sách các thành viên ở đây không?"

"Có chứ. Văn phòng ở tầng trên. Tôi đang làm mấy thứ giấy tờ khi anh đến. Đi theo tôi."

Tôi đi theo nàng. Người nàng tỏa mùi nước hoa oải hương. Khi đi qua phòng lớn, tôi nói, "Ngôi nhà đẹp đấy."

Nàng liếc ra phía sau nhìn tôi và nói, "Tôi sẽ đưa anh đi thăm sau."

"Tuyệt. Giá như tôi có mang máy ảnh."

Chúng tôi lên chiếc cầu thang rộng lượn cong. Tôi đi sát theo nàng. Đồ lót nàng mặc quả rất nhỏ. Đôi bàn chân nàng cũng thật đẹp, nếu bạn quan tâm.

Trên tầng hai, nàng dẫn tôi vào một căn phòng mà nàng gọi là phòng khách riêng. Nàng mời tôi ngồi xuống chiếc ghé tựa gần lò sưởi và tôi làm theo.

Nàng nói, "Tôi mời anh một cốc trà thảo mộc được chứ?"

"Hôm nay tôi uống nhiều rồi, cám ơn cô."

Nàng ngồi trên chiếc ghế gỗ bập bênh đối diện với tôi, cặp chân dài vắt chéo. Nàng hỏi, "Chính xác là anh cần gì, anh Corey?"

“John. Xin gọi tôi là John.”

“John. Xin gọi tôi là Emma.”

“Được, Emma,” tôi bắt đầu, “trước hết tôi muốn hỏi cô vài câu hỏi về hội Lịch sử Peconic. Đây là hội gì vậy.”

“Đây là hội về lịch sử. Ở North Fork có một số hội lịch sử, hầu hết đều có trụ sở trong các tòa nhà quan trọng về lịch sử. Đây là hội lớn nhất và được đặt tên là Peconic, tên gọi vùng này theo cách của người da đỏ. Chúng tôi có khoảng năm trăm thành viên. Một số người rất nổi bật, một số là nông dân bình thường. Mục đích của chúng tôi là bảo tồn, ghi chép và để lại cho các thế hệ sau di sản của chúng tôi.”

“Và khám phá thêm về di sản đó.”

“Vâng.”

“Qua hoạt động khảo cổ.”

“Vâng. Và cả nghiên cứu. Chúng tôi có một số tư liệu rất thú vị ở đây.”

“Tôi có thể xem chúng sau được không?”

“Anh có thể xem bất kì thứ gì anh muốn.” Nàng mỉm cười.

Ôi, trái tim của tôi. Là câu đùa hay thật đây không biết. Tôi mỉm cười với nàng. Nàng lại cười.

Trở lại với công việc, tôi hỏi nàng, “Vợ chồng Gordon có phải là thành viên tích cực không?”

“Có."

“Họ nhập hội khi nào?”

“Khoảng một năm rưỡi trước. Họ chuyển đến đây từ Washington D.C. Họ là người Trung Tây, nhưng lại làm việc cho chính phủ ở Washington. Tôi đoán là anh đã biết việc này.”

“Họ có bao giờ nói chuyện với cô về công việc không?”

“Không.”

“Cô đã bao giờ tới nhà họ chưa?”

“Một lần.”

“Cô có hay nói chuyện với họ không?”

“Thỉnh thoảng. Mọi người trong hội Lịch sử Peconic đều dễ gần. Đó là một trong những lí do mà họ thích đến với chúng tôi.”

Tôi hỏi, hơi có chút thẳng thắn, “Tom có thích cô không?”

Thay vì cảm thấy bị lăng mạ hoặc sốc, nàng đáp, “Có thể.”

“Nhưng cô không có quan hệ tình dục với anh ấy?”

“Không. Anh ấy chưa bao giờ hỏi.”

Tôi hắng giọng. “Tôi hiểu-"

“Này, anh Corey John. Anh đang làm mất thời gian của anh và của tôi với những câu hỏi như vậy đấy. Tôi không biết tại sao vợ chồng Gordon bị giết và ai giết họ, nhưng nó không liên quan gì tới tôi hay với một cặp ba trong đó có tôi.”

“Tôi không nói là nó có liên quan. Tôi chỉ tìm hiểu bất cứ mối quan hệ nam nữ nào là một phần trong cuộc điều tra.”

“Ồ, tôi không ngủ với anh ấy. Tôi nghĩ anh ấy là người chung thủy. Cô ấy cũng chung thủy, theo như tôi biết. Ở đây khó có chuyện tình cảm nào mà mọi người không biết.”

“Đó có thể là cách hiểu của cô.”

Nàng nhìn tôi một thoáng rồi hỏi, “Anh và Judy có quan hệ tình cảm à?”

“Không, chúng tôi không có, cô Whitestone ạ. Đây không phải là chương trình nhiều kỳ buổi chiều. Đây là việc điều tra một vụ án mạng, và tôi sẽ hỏi các câu hỏi.”

"Đừng nổi nóng thế."

Tôi hít một hơi thở sâu và nói, "Tôi xin lỗi."

"Tôi muốn anh tìm được kẻ giết người. Anh cứ hỏi đi."

"Đúng. Được rồi... tôi hỏi cô điều này... ý nghĩ đầu tiên của cô là gì khi nghe tin họ bị giết?"

"Tôi không biết. Hình như tôi nghĩ là nó liên quan đến công việc của họ."

"Được. Thế bây giờ cô nghĩ gì?"

"Tôi không có ý kiến gì."

"Tôi thấy điều này khó mà tin được."

"Vậy ta trở lại với việc đó."

"Được." Tôi vẫn không rõ tôi muốn đi đến đâu trong cuộc phỏng vấn này hay cụ thể là tôi tìm kiếm điều gì. Nhưng tôi có hình ảnh này trong đầu, giống như một chiếc bản đồ, trên đó là Đảo Plum, Nassau Point, mảnh đất ở Long Island Sound, những vườn nho của Tobin và hội Lịch sử Peconic. Nếu nối các điểm này với nhau bằng một đường thẳng sẽ có được một hình năm cạnh chẳng có ý nghĩa gì. Nhưng nếu nối các điểm này với nhau một cách siêu hình, có thể kết quả lại cho thấy điều gì đó. Ý tôi là, đâu là phần chung của năm điểm này? Có thể không có, nhưng chúng dường như có liên hệ với nhau, dường như có điều gì đó chung. Là cái gì?

Tôi nghĩ về thứ đã tạo ra tiếng *ping* trong đầu tôi lúc ở trên Đảo Plum. Lịch sử. Khảo cổ. Là nó. Nhưng nó là cái gì?

Tôi hỏi Whitestone, "Cô có biết ai làm việc trên Đảo Plum không?"

Nàng thoáng nghĩ rồi trả lời, "Không hẳn. Một vài khách hàng của tôi làm việc ở đó. Ngoài Tom và Judy, tôi không quen bất cứ nhà khoa học nào

ở đó và không ai trong số họ là thành viên của hội lịch sử." Nàng nói thêm, "Họ là một nhóm gắn bó với nhau. Họ chỉ chơi với nhau."

"Cô có biết gì về dự định khai quật khảo cổ trên Đảo Plum không?"

"Chỉ biết là Tom Gordon đã hứa với hội lịch sử tìm cơ hội để đào bới trên Đảo Plum."

"Cô không quan tâm đến khảo cổ sao?"

"Không quan tâm lắm. Tôi thích công việc về tư liệu. Tôi có bằng cấp về khoa học lưu trữ. Đại học Columbia."

"Thật hả? Tôi dạy ở trường John Jay." Trường tôi dạy cách trường Columbia khoảng năm chục dãy nhà về phía nam. Cuối cùng, chúng tôi cũng có được điểm chung.

"Anh dạy môn gì?" Nàng hỏi.

"Khoa học hình sự và nghệ thuật làm gốm."

Nàng mỉm cười. Hai ngón chân cái của nàng ngọ nguậy. Nàng đổi tư thế vắt chéo chân. Màu be. Đồ lót của nàng màu be giống như chiếc váy. Tôi lên đến điểm gần như phải vắt chéo chân để Whitestone khỏi thấy cái kia của tôi cựa quậy thức giấc. *Nhớ giữ pháo ở trong kho*.

Tôi nói, "Khoa học lưu trữ. Thú vị đấy."

"Có thể là vậy. Tôi làm việc ở trường đại học Stony Brook một thời gian, sau đó kiếm được một công việc ở ngoài này trong thư viện Cutchogue. Thành lập từ năm 1841 nhưng đến giờ họ vẫn trả lương như ban đầu. Tôi lớn lên ở đây, nhưng khó mà kiếm đủ sống ở nơi này trừ khi kinh doanh thứ gì đó. Tôi có một cửa hàng hoa."

"Tôi đã thấy chiếc xe bán tải ngoài kia rồi."

"Đúng đấy. Anh là điều tra viên mà." Nàng hỏi, "Thế anh làm gì ở ngoài này?"

“Phục hồi sức khỏe.”

“Ồ, đúng. Giờ tôi nhớ rồi. Trông anh khá rồi.”

Nàng cũng thế, nhưng tôi không được phép tán tỉnh nhân chứng, nên tôi không nói ra. Nàng có giọng nói rất hay, mềm mại và lẫn tiếng thở, điều khiến tôi thấy nàng gợi tình.

Tôi hỏi nàng, “Cô có biết Fredric Tobin không?”

“Ai mà không biết ông ấy.”

“Ông ấy là thành viên của hội Lịch sử Peconic.”

“Ông ấy là nhà tài trợ lớn nhất. Ông ấy ủng hộ rượu vang và tiền bạc.”

“Cô có sành về rượu vang không?”

“Không. Anh sành à?”

“Vâng. Tôi có thể bịt mắt mà phân biệt được rượu vang Merlot và bia Budweiser.”

Nàng mỉm cười.

Tôi nói, “Tôi cá là nhiều người ước giá như họ bước vào nghề rượu vang từ nhiều năm trước.”

“Tôi không biết. Nghề đó thú vị, nhưng không nhiều lợi lộc đến thế đâu.”

“Với Fredric Tobin thì có,” Tôi nói.

“Fredric tiêu pha nhiều hơn tiền kiếm được.”

Tôi nhỏm dậy. “Sao cô lại nói thế?”

“Bởi vì ông ấy thế.”

“Cô biết rõ ông ấy sao? Với tư cách cá nhân?”

Nàng hỏi tôi, “Anh quen ông ấy với tư cách cá nhân à?”

Tôi thực sự không thích bị lục vấn, nhưng tôi đang ở thế chênh vênh. Tôi đáp, "Tôi đến dự tiệc nếm rượu vang một lần. Hồi tháng Bảy. Cô có ở đó không?"

"Tôi có đến."

"Tôi đi cùng vợ chồng Gordon."

"Đúng rồi. Tôi nghĩ là đã nhìn thấy anh hôm đó."

"Tôi không thấy cô. Nếu có thì tôi đã nhớ."

Nàng mỉm cười.

Tôi hỏi lại, "Cô biết ông ấy rõ không."

"Thực ra, trước đây chúng tôi có quan hệ."

"Về chuyện gì?"

"Chúng tôi là bồ của nhau, anh Corey ạ."

Điều này thật thất vọng. Tuy nhiên, tôi đang phải làm việc nên hỏi tiếp, "Là khi nào?"

"Chuyện bắt đầu... ồ, khoảng hai năm trước đây, và kéo dài - mà chuyện này có liên quan gì sao?"

"Cô có thể từ chối trả lời bất cứ câu hỏi nào."

"Tôi biết điều đó."

Tôi hỏi nàng, "Có chuyện gì xảy ra trong quan hệ à?"

"Chẳng có gì cả. Fredric chỉ sưu tập phụ nữ. Quan hệ của chúng tôi kéo dài chín tháng. Không phải là kỉ lục của cả hai người, nhưng cũng không tệ. Chúng tôi đã cùng nhau đi Bordeaux, Loire, Paris. Những ngày nghỉ cuối tuần ở Manhattan. Mọi thứ đều tốt đẹp. Ông ấy là người hào phóng."

Tôi suy nghĩ về điều này. Tôi đã có chút tình cảm với Emma Whitestone, và tôi hơi khó chịu vì Fredric đã cho tôi đo ván. Tôi nói, "Tôi

muốn hỏi cô một câu hơi riêng tư, và cô không bắt buộc phải trả lời. Được chứ?"

"Được."

"Cô vẫn...? Ý tôi là-"

"Fredric với tôi vẫn là bạn. Giờ ông ấy có tình nhân sống cùng trong nhà. Sandra Wells. Toàn giả dối, kể cả cái tên."

"Đúng. Cô nói là ông ấy tiêu pha nhiều hơn khả năng kiếm tiền."

"Vâng. Ông ấy nợ ngân hàng và các nhà đầu tư tư nhân một gia sản nhỏ. Ông ấy tiêu quá nhiều. Điều đáng buồn là ông ấy rất thành công, và ông ấy có thể sống thoải mái với lợi nhuận thu được nếu không vì Foxwoods."

"Foxwoods?"

"Vâng, anh biết mà. Sòng bạc ở Connecticut."

"Ồ, đúng. Ông ấy đánh bạc?"

"Chứ sao. Tôi đã có lần đi cùng. Ông ấy mất năm nghìn đô la trong một ngày cuối tuần. Xúc xắc đỏ đen và đánh bài."

"Chúa ơi. Hy vọng là ông ấy đã mua vé phà khứ hồi."

Nàng bật cười.

Foxwoods. Bạn đi phà từ Orient Point mang theo cả xe ô tô tới New London, hoặc đi bằng tàu cao tốc Foxwoods và bắt xe buýt tới Foxwoods, đốt tiền ở đó và trở lại Orient và tối chủ nhật. Một cách đổi món thú vị thoát khỏi cuộc sống hàng ngày ở North Fork. Và nếu bạn không máu mê quá thì sẽ có một khoảng thời gian vui vẻ, kiếm được hay mất đi vài trăm đô, bạn ăn tối, xem một chương trình nào đó và ngủ trong một căn phòng tươm tất. Một cuộc hẹn cuối tuần đầy thi vị. Tuy nhiên, rất nhiều người dân địa phương không thích sống gần nơi tội lỗi. Nhiều bà vợ không thích

chồng đi qua đêm với số tiền dành dụm được. Nhưng giống như mọi thứ khác, vấn đề là mức độ thế nào.

Vậy là Fredric Tobin, một ông chủ trồng nho lạnh lùng và thích trưng diện, một người dường như luôn biết tự chủ, lại là một tay cờ bạc. Nhưng nếu ta nghĩ về chuyện này sẽ thấy, có còn trò cờ bạc nào lớn hơn chuyện trồng nho không? Thực tế thì trồng nho ở đây vẫn chỉ là thử nghiệm, và cho đến lúc này đã khá thành công. Không bệnh tật, không có những đợt sương muối hay nắng nóng. Nhưng một ngày nào đó, cơn bão Annabelly hay Zeke thổi bay cả tỉ trái nho xuống biển Long Island Sound, biến nó thành như chiếc thùng pha bột hoa quả lớn nhất từ trước đến giờ.

Và rồi còn Tom và Judy, những người chơi đỏ đen với những loại vi sinh vật nhỏ bé gây bệnh. Rồi họ đánh bạc với một thứ khác và thua cuộc. Fredric đánh bạc với cây nho và chiến thắng, rồi chơi với những lá bài và cũng thua cuộc.

Tôi nói với Whitestone, "Cô có biết đã bao giờ vợ chồng Gordon đi cùng ông Tobin đến Foxwoods hay không?"

"Tôi không nghĩ thế. Nhưng tôi không biết. Đã một năm kể từ khi Fredric và tôi chia tay."

"Đúng. Nhưng hai người vẫn là bạn, vẫn nói chuyện với nhau."

"Tôi đoán rằng chúng tôi vẫn là bạn. Ông ấy không thích khi những tình nhân cũ nổi giận với mình. Ông ấy muốn tất cả đều là bạn. Chuyện này trong các bữa tiệc thì thú vị lắm. Ông ấy thích ở trong một căn phòng với cả chục người phụ nữ mà ông đã từng làm tình."

Ai mà không thích cơ chứ? Tôi hỏi nàng, "Và cô không nghĩ rằng ông Tobin và Judy Gordon có quan hệ với nhau?"

"Tôi không biết chắc chắn. Tôi không nghĩ vậy. Ông ấy không phải là hạng đi ghẹo vợ người khác."

"Tử tế thật."

"Không, ông ấy nhát gan lắm. Ông ấy sợ các ông chồng và bạn trai. Chắc phải có lần nhớ đời nào đó." Nàng dường như cười thầm qua tiếng thở. Nàng nói thêm, "Dù thế nào đi nữa, ông ấy cũng muốn Tom Gordon là bạn hơn là có Judy làm tình nhân."

"Sao lại thế?"

"Tôi không biết. Tôi không bao giờ hiểu được sự gắn bó của Fredric với Tom Gordon."

"Tôi lại nghĩ ngược lại."

"Đó là điều mà mọi người đều nghĩ. Chính Fredric là người tìm đến Tom."

"Tại sao?"

"Tôi không biết. Ban đầu tôi nghĩ đó là cái cớ để tiếp cận với Judy, nhưng sau đó tôi biết là Tobin không làm chuyện đó với các bà vợ. Rồi tôi đoán việc này là vì sự hấp dẫn của vợ chồng Gordon và công việc của họ. Fredric là người thích sưu tập bạn bè. Ông ấy thích tự cho mình là người có vai vế xã hội hàng đầu ở North Fork. Có thể là thế. Ông ấy không phải là người giàu nhất, nhưng xưởng rượu vang mang lại cho ông ấy địa vị nhất định. Anh hiểu chứ?"

Tôi gật đầu. Có khi ta đào bới hàng tuần liền mà chẳng thấy được thứ gì. Có khi thì lại đụng phải vàng. Nhưng có khi đó chỉ là thứ giống vàng. Ý tôi là, chuyện này rất thú vị, nhưng liệu nó có liên quan đến vụ giết người kia hay không? Hay phải chăng đây chỉ là sự phóng đại? Hay một sự trả thù của Whitestone? Đây không phải lần đầu tiên một cô tình nhân cũ khiến tôi phải lần mò sai hướng để gây ra rắc rối cho người kia. Vì vậy tôi hỏi thẳng nàng, "Cô có nghĩ là Tobin đã giết vợ chồng Gordon không?"

Nàng nhìn tôi như thể tôi là người mất trí, rồi nói, *"Fredric?* Ông ấy không có khả năng làm bất cứ chuyện bạo lực nào."

"Làm sao cô biết được?"

Nàng mỉm cười đáp, "Chúa biết, tôi đã cho ông ấy đủ cớ để nện tôi một trận." Nàng nói thêm, "Ông ấy không có khả năng về thể chất, ông ấy luôn kiểm soát được cảm xúc. Mà tại sao ông ấy lại muốn giết vợ chồng Gordon cơ chứ?"

"Tôi không biết. Tôi thậm chí còn không biết tại sao họ bị giết. Cô có biết không?"

Nàng ngừng một giây không đáp rồi nói, "Có thể là ma túy."

"Tại sao cô nghĩ vậy?"

"Ồ... Fredric lo lắng về họ. Họ dùng cô-ca-in."

"Ông ấy nói với cô à?"

"Vâng."

Đáng chú ý đấy. Nhất là vì Fredric không hề nhắc đến chuyện này với tôi, và vì không mảy may sự thật nào trong đó. Tôi biết người nghiện ma túy trông bề ngoài thế nào, cư xử ra sao, và vợ chồng Gordon không phải là người nghiện. Vậy tại sao Tobin lại gán chuyện này cho họ? Tôi hỏi nàng, "Ông ấy nói với cô bao giờ?"

"Cách đây không lâu. Khoảng một vài tháng trước. Ông ấy nói họ tìm đến ông và muốn biết ông có thích dùng một chút hàng tốt không. Họ bán để lấy tiền phục vụ cho thói quen của mình."

"Cô tin điều đó?"

Nàng nhún vai, "Có thể."

"Được rồi... trở lại quan hệ của ông Tobin với vợ chồng Gordon. Cô nghĩ ông ấy là người tìm đến họ và xây dựng quan hệ."

"Có vẻ như vậy. Tôi biết trong thời gian chín tháng chúng tôi có quan hệ, ông ấy nói chuyện điện thoại với họ rất nhiều, và hiếm khi tổ chức tiệc tùng mà lại thiếu họ."

Tôi suy nghĩ về điều này. Rõ ràng nó không ăn nhập gì với những điều Tobin nói với tôi. Tôi hỏi Whitestone, "Vậy vợ chồng Gordon có điểm gì hấp dẫn Tobin?"

"Tôi không biết. Dù tôi biết rõ rằng ông ấy muốn làm cho mọi người nghĩ theo cách kia. Điều đáng buồn cười là vợ chồng Gordon có vẻ cũng thích thế, như thể họ được vinh hạnh ở cạnh Fredric. Nhưng có mấy lần khi chỉ có bốn người chúng tôi, họ tự coi mình ngang hàng với ông ấy. Anh hiểu chứ?"

"Hiểu. Nhưng tại sao họ lại đóng kịch?"

Một lần nữa, nàng lại nhún vai. "Ai mà biết được?" Nàng nhìn tôi giây lát rồi nói, "Gần như thể họ đang tống tiền Fredric. Cứ như họ biết chuyện gì đó về ông ấy. Trước mặt mọi người, ông ấy là nhân vật quan trọng. Khi không có ai, Tom và Judy rất thoải mái với ông ấy."

Tống tiền. Tôi để hơn nửa phút nghĩ đến điều này.

Emma Whitestone nói, "Tôi chỉ đoán tôi. Phỏng đoán. Tôi không oán giận điều gì cả. Tôi có một thời gian hạnh phúc với Fredric, tôi đã thích ông ấy, nhưng tôi không cảm thấy tổn thương khi ông ấy cắt đứt quan hệ."

"Được rồi." Tôi nhìn nàng, ánh mắt hai người gặp nhau. Tôi hỏi nàng, "Cô đã nói chuyện với Fredric lần nào kể từ khi xảy ra vụ án mạng chưa?"

"Có, sáng hôm qua. Ông ấy gọi."

"Ông ấy nói sao?"

"Chẳng có gì ngoài những điều mọi người khác đều nói. Giống nhau cả."

Chúng tôi đi sâu thêm một số chi tiết về cuộc nói chuyện qua điện thoại, và thực sự nó không có gì đặc biệt và chỉ là ước lệ.

Tôi hỏi nàng, "Hôm nay ông ấy đã gọi cho cô chưa?"

"Chưa."

"Tôi đến gặp ông ấy sáng nay."

"Thật à?" Tại sao?"

"Tôi không biết."

"Và anh cũng không biết tại sao anh đến đây."

"Đúng." Tôi không muốn giải thích rằng tôi chưa tìm được ai có thể làm nhân chứng trong vụ này trừ những người của Đảo Plum và ông bà Murphy, rằng tôi đang trong thời gian nghỉ việc và phải phỏng vấn những người mà cảnh sát quận không nghĩ là sẽ phỏng vấn. Không hẳn là tôi đang dọn đáy thùng, nhưng giống như chỉ quanh quẩn bên ngoài đám đông. Tôi hỏi nàng, "Cô có biết người bạn nào của vợ chồng Gordon không?"

"Tôi thực sự không có nhiều điểm chung với họ trừ khi chúng tôi ở bên cạnh Fredric. Và sau đó là bạn bè của ông ấy."

"Cảnh sát trưởng Maxwell chẳng phải là bạn của họ sao?"

"Tôi nghĩ vậy. Tôi chưa bao giờ hiểu về mối quan hệ đó nhiều hơn về quan hệ của họ với Fredric."

"Có vẻ như tôi khó mà tìm được bạn bè của vợ chồng Gordon."

"Theo như tôi hiểu thì tất cả bạn bè của họ đều là người của Đảo Plum. Điều đó không có gì lạ. Tôi đã nói với anh - họ là một nhóm người có quan hệ gắn bó." Nàng nói thêm, "Anh nên tìm hiểu ở đó hơn là ở quanh đây."

"Có lẽ vậy."

Nàng hỏi tôi, "Anh nghĩ thế nào về Fredric?"

“Một người thú vị. Tôi thích được ở cạnh ông ấy.” Điều này là thật. Nhưng giờ tôi biết gã đã xơi Whitestone ở đây, tôi tin hơn bao giờ hết rằng không có sự công bằng về tình dục trên thế giới này. Tôi nói thêm, “Mắt tròn nhỏ và sáng.”

“Giảo hoạt nữa.”

“Đúng vậy.” Tôi nói với nàng, “Cô có thể giúp tôi một việc được không?”

“Anh cứ nói đi.”

“Cô sẽ không nói với ông ấy về cuộc nói chuyện của chúng ta chứ?”

“Tôi sẽ không nói chi tiết. Nhưng tôi sẽ nói với ông ấy là chúng ta có nói chuyện với nhau.” Nàng thêm, “Tôi không có thói quen nói dối. Nhưng tôi có thể giữ kín mọi chuyện.”

“Tôi chỉ mong có vậy thôi.”

Ở Manhattan không có nhiều mối quan hệ đan xen như ở đây. Tôi phải nhớ điều này, và tôi phải đối phó với nó, tôi phải thay đổi lối làm việc cho phù hợp. Nhưng tôi là người sáng dạ và tôi có thể làm được điều đó. Nhân chuyện này, tôi hỏi Emma Whitestone, “Tôi đoán là cô có quen cảnh sát trưởng Maxwell.”

“Ai mà không biết.”

“Cô đã bao giờ hò hẹn với anh ấy chưa?”

“Không. Nhưng anh ấy đã có lần mời.”

“Cô không thích cảnh sát thì phải?”

Nàng bật cười. Nàng lại ngọ nguậy hai ngón chân cái và đổi chân vắt chéo. Chúa ơi.

Chúng tôi nói chuyện tiếp khoảng mười lăm phút. Emma Whitestone rất nhiều chuyện, rất nhiều hiểu biết sâu sắc về người khác, mặc dù hầu hết

đều chẳng liên quan gì đến vụ án. Vấn đề là tôi vẫn không biết tôi đang làm gì ở đây, nhưng tôi thích ở đây. Nhưng tôi cũng phải nói ràng tôi là một người đàng hoàng. Tán tỉnh một nữ cảnh sát thì không sao vì cùng là đồng nghiệp, cô nàng có thể bảo ta biến đi. Nhưng với người dân thường, nhất là với người có thể mò đến trước sở cảnh sát thì phải coi chừng. Ta không muốn làm mất giá trị của bản thân và của nhân chứng. Tuy nhiên, tôi vẫn thích.

Không, tôi không phải người dễ thay lòng đổi dạ. Tôi vẫn yêu Beth. Tôi hỏi Whitestone, "Cho tôi gọi nhờ điện thoại được không?"

"Được chứ. Ngay trong kia kìa."

Tôi đi vào căn phòng kế ngay bên cạnh, giống như thể đi từ cuối thế kỉ mười chín sang thế kỉ hai mươi. Đây là phòng làm việc của hội lịch sử với những tiện nghi văn phòng hiện đại, tủ hồ sơ, máy phô tô, v.v... Tôi dùng một máy điện thoại và gọi vào máy trả lời tự động của tôi. Có một tin nhắn. Một giọng đàn ông nói, "Điều tra viên Corey, tôi là điều tra viên Collins của cảnh sát quận Suffolk. Cô Penrose nhờ tôi gọi cho anh. Cô ấy đang có cuộc họp dài. Cô ấy bảo không thể gặp anh chiều nay. Cô ấy sẽ gọi cho anh tối nay hoặc ngày mai." Hết tin nhắn. Tôi gác máy và nhìn quanh căn phòng. Bên dưới một trong những chiếc bàn là một bộ vớ da, chắc là của Whitestone.

Tôi trở lại thư phòng, nhưng không ngồi xuống.

Emma Whitestone nhìn tôi hỏi, "Có gì không ổn sao?"

"Không. Chúng ta nói đến đâu rồi nhỉ?"

"Tôi không biết."

Tôi nhìn đồng hồ trên tay rồi hỏi nàng, "Chúng ta có thể kết thúc câu chuyện trong bữa ăn trưa được không?"

“Tất nhiên là được.” Nàng đứng dậy. “Trước tiên tôi sẽ đưa anh đi thăm ngôi nhà một vòng.”

Và nàng đưa tôi đi từ phòng này qua phòng khác. Hầu hết các phòng ở tầng trên dùng làm văn phòng, kho, phòng trưng bày và lưu trữ tư liệu, nhưng ngoài ra còn có hai phòng ngủ trang trí kiểu cổ. Một chiếc theo Emma cho biết là từ giữa thế kỉ mười tám, chiếc kia cùng thời với ngôi nhà vào khoảng giữa thế kỉ mười chín. Nàng nói, “Ngôi nhà do một nhà buôn đường biển xây dựng, ông ấy dựng cơ ngơi ở Nam Mỹ.”

“Cocaine?”

“Không, ngớ ngẩn. Đá quý bán từ Brazil. Thuyền, trưởng Samuel Farnsworth.”

Tôi tỳ xuống chiếc giường có đệm. “Cô nghỉ ở đây à?”

Nàng mỉm cười. “Thỉnh thoảng. Đó là đệm lông vũ.”

“Lông chim ưng phải không?”

“Có thể. Trước đây người ta dùng lông đó khắp mọi nơi.”

“Chúng đang thịnh hành trở lại.”

“Mọi thứ đều đang thịnh hành lại. Lũ hươu chết tiệt phá mất những cây đỗ quyên của tôi.” Nàng dẫn tôi ra khỏi phòng ngủ và nói, “Anh có muốn xem các tư liệu không?”

“Có.”

Nàng dẫn tôi vào một nơi trước đây có lẽ là phòng ngủ, một phòng khá rộng, bên trong là các tủ hồ sơ, giá và một chiếc bàn dài bằng gỗ sồi. Nàng nói, “Chúng tôi có các cuốn sách và tài liệu gốc vào khoảng giữa thế kỉ mười bảy. Chứng thư, thư từ, di chúc, quyết định pháp lý, bài thuyết giảng, mệnh lệnh quân đội, bảng kê khai hàng hóa trên tàu, nhật ký hàng hải. Một số rất thú vị đấy.”

“Sao cô lại thích việc này?”

“Có lẽ phần nào là do tôi lớn lên ở đây. Gia đình tôi có gốc gác từ những người đầu tiên đến đây định cư.”

“Tôi hy vọng là cô không có họ hàng với bà Margaret Wiley.”

Nàng cười. “Chúng tôi có quan hệ họ hàng. Anh thích bà ấy chứ?”

“Không bình luận.”

Nàng tiếp tục, “Làm tư liệu cũng có phần giống với công việc điều tra. Anh biết đấy - những điều huyền bí, những câu hỏi phải trả lời, những vấn đềphải làm rõ. Anh có nghĩ thế không?”

“Có đấy, giờ cô nhắc tới.” Tôi nói thêm, “Nói thật với cô, khi còn nhỏ, tôi muốn trở thành một nhà khảo cổ. Có lần tôi đã tìm được một viên đạn súng hỏa mai. Ở đâu đó ngoài này, tôi không nhớ cụ thể.” Tôi nói thêm. “Giờ tôi đã có tuổi và yếu, có lẽ tôi nên kiếm một công việc vềtư liệu.”

“Ồ, anh chưa già đến thế đâu. Nhưng có thể anh sẽ thích công việc này. Tôi có thể dạy anh đọc các tư liệu ở đây.”

“Không phải bằng tiếng Anh sao?”

“Là tiếng Anh, nhưng tiếng Anh của thế kỉ mười bảy và mười tám có thể khó đọc. Chính tả thì kinh khủng, bản viết nhiều khi rất khó giải nghĩa. Đây, anh xem thử cái này.” Nàng đưa cho tôi một tập tài liệu đục lỗ buộc dây ở trên bàn. Bên trong là các bìa nhựa cứng, trong nữa là những mảnh da cũ. Nàng lật giở tới một trang và bảo, “Anh đọc đi.”

Tôi cúi xuống trang sách và nhìn những dòng chữ đã mờ. Tôi đọc, “Martha thân yêu, em đừng tin vào những lời đồn đại vềanh và cô Farnsworth. Anh là người chung thủy. Còn em thì sao? Chồng yêu của em, George.”

Nàng bật cười, “Không phải thế.”

“Trông nó có vẻ là như thế.”

“Đây, tôi sẽ đọc.” Nàng kéo tập tài liệu về phía nàng và nói, “Đây là một bức thư của một người tên là Phillip Shelley gửi thống đốc của hoàng gia, Huân tước Bellomont, ngày 3 tháng 8 năm 1698.” Nàng đọc bức thư mà lúc trước tôi không thể giải nghĩa được. Bức thư đầy những chữ như “các huân tước của tôi”, “không” và “tên đầy tớ hèn mọn của người.” Người viết phàn nàn về chuyện không công bằng trong một vụ tranh chấp đất đai. Ý tôi là, những người này đã vượt qua đại dương tới một lục địa mới và vẫn có những lời kêu ca như ở Southwold với một chữ “w.”

Tôi nói với Whitestone, “Rất ấn tượng.”

“Không có gì đâu. Anh có thể học chỉ trong vài tháng. Tôi đã dạy cho Fredric trong hai tháng, nhưng ông ấy không để tâm điều gì được lâu.”

“Thật chứ.”

“Ngôn ngữ không khó như bản viết và chính tả đâu.”

“Đúng.” Tôi hỏi nàng, “Cô có thể cho tôi danh sách các thành viên được không?”

“Được chứ.” Chúng tôi vào trong văn phòng, nàng đưa cho tôi một cuốn danh bạ bìa giấy và xỏ chân vào dép.

Tôi hỏi nàng, “Làm sao cô được nhận công việc này?”

Nàng nhún vai. “Tôi không biết... Đó là một điều rất khó chịu. Thêm một ý tưởng ngớ ngẩn khác của Fredric để có được địa vị xã hội. Tôi là nhân viên tư liệu ở đây, công việc mà tôi không nề hà gì cả. Thế rồi ông ấy đề cử tôi làm chủ tịch, và bất cứ điều gì Fredric muốn thì ông ấy đều đạt được. Ngoài ra, tôi vẫn làm nhân viên tư liệu. Chủ cửa hàng hoa, chủ tịch và là nhân viên tư liệu của hội Lịch sử Peconic.”

“Cô có đói không?”

“Có. Để tôi gọi về cửa hàng.” Nàng gọi điện, còn tôi tha thẩn quanh căn phòng. Tôi nghe nàng nói, rất nhỏ, “Chiều nay có thể tôi không về.”

Không, cô Whitestone, cô có thể không về nếu tôi nói gì đó chứ.

Nàng gác máy và chúng tôi đi xuống tầng dưới. Nàng nói, “Chúng tôi tổ chức các bữa tiệc nhỏ ở đây. Dịp Giáng sinh thì rất tốt.”

“Cô nói tới làm tôi nhớ - cô có đến buổi dạ tiệc tối thứ bảy của ông Tobin không?”

“Có thể. Còn anh?”

“Chắc là tôi sẽ đến. Vì công việc.”

Nàng hỏi, “Sao anh không bắt ông ấy trước mặt mọi người và còng tay giải đi?”

“Nghe vui đấy, chỉ là tôi không nghĩ ông ấy đã làm điều gì sai.”

“Tôi dám chắc là ông ấy đã làm điều gì đó sai trái.” Nàng dẫn tôi ra cửa trước và chúng tôi đi ra ngoài. Nhiệt độ bên ngoài ấm hơn. Nàng đóng cửa và bóc bỏ tờ giấy vàng dán ở cửa. Tôi nói, “Tôi sẽ lái xe.”

Tôi khởi động xe bằng nút bấm từ xa. Nàng nói, “Đó là tính năng hay đấy.”

Tôi nói, “Kích nổ được bom xe từ xa thì tốt.”

Nàng bật cười. Tôi có nói đùa đâu.

Chúng tôi lên chiếc xe thể thao. Tôi cho xe chạy lùi và cố tình để hé cửa. Cái giọng phụ nữ kia lại cất lên, “Cửa bên lái chưa đóng kín.”

Emma nói, “Đó là tính năng ngớ ngẩn.”

“Tôi biết. Nghe giống như cô vợ cũ của tôi. Tôi đang cố để cắt đi. Cái giọng nói, không phải cô vợ cũ của tôi.”

Emma bấm bấm mấy chiếc nút máy tính và hỏi tôi, “Anh ly hôn được bao lâu rồi?”

“Thực ra là phải đến mùng một tháng Mười mới chính thức. Lúc này, tôi phải cố tránh ngoại tình hoặc hai vợ.”

“Điều đó thì dễ thôi.”

Tôi không biết phải hiểu câu này như thế nào. Tôi lùi ra khỏi bãi đỗ và nói, “Cô muốn đi đâu? Tùy cô chọn.”

“Sao chúng ta không tiếp tục tâm trạng này và tới một khách sạn nào đó liên quan đến lịch sử nhỉ? Khách sạn General Wayne được không? Anh có biết chỗ ấy không?”

“Tôi nghĩ là có. Có phải đấy là chỗ của John Wayne không?”

“Không, ngốc ạ. Đó là Anthony Wayne khùng. Ông ấy ngủ ở đó.”

“Có phải nó là thứ làm ông ấy khùng không? Cái đệm ấy?”

“Không... anh có biết gì về lịch sử không đấy?”

“Hoàn toàn không hiểu gì.”

“Anthony Wayne khùng là một viên tướng thời chiến tranh cách mạng. Ông ấy là người lãnh đạo của quân tình nguyện Pennsylvania.”

“Đúng. Đĩa đơn thành công của họ là ‘Trái tim anh đang bốc lửa và em đang ngồi trên đùi anh’.”

Emma Whitestone im lặng một lúc và tôi chắc nàng đang nghĩ xem nàng đã quyết định đúng hay sai. Cuối cùng, nàng nói, “Đó là ở Great Hog Neck.* Tôi sẽ chỉ đường cho anh.”

“Được.” Và chúng tôi lên đường tới chỗ có tên là Nhà nghỉ General Wayne ở một nơi được gọi là Great Hog Neck. Ý tôi là, tôi có thể quen với nơi này được không? Tôi có nhớ Manhattan không? Khó mà nói được. Nếu tôi có nhiều tiền, tôi có thể làm cả hai việc. Nhưng tôi không có nhiều tiền. Điều này làm tôi nghĩ đến Fredric, hóa ra gã cũng không phải hạng lắm tiền nhiều của. Tôi phát ghen với gã. Tưởng chừng hắn ở trên đỉnh cao

- những vườn nho, gái đẹp và đô la - nhưng hóa ra gã cũng túng tiền. Tệ hơn nữa, gã đang mang nợ. Với một người như Fredric Tobin, để mất hết những điều đó cũng ngang bằng với cái chết. Rất có thể gã phải chết. Nhưng gã vẫn sống. Tom và Judy lại chết. Liên quan ư? Có thể. Chuyện này càng ngày càng thú vị.

Nhưng thời gian với tôi không còn nhiều. Tôi có thể đóng vai cảnh sát trong bốn mươi tám giờ nữa trước khi bị cảnh sát Southold, cảnh sát New York và cảnh sát quận Suffolk bắt chấm dứt.

Whitestone vẫn chỉ đường trong lúc tôi trầm ngâm suy nghĩ. Cuối cùng, nàng hỏi tôi, "Phải chăng là họ nói thật với chúng ta về chuyện vác xin?"

"Tôi nghĩ vậy. Họ nói thật."

"Không liên quan gì đến chiến tranh vi trùng chứ?"

"Không."

"Hay ma túy?"

"Theo tôi biết thì không?"

"Trộm cướp?"

"Có vẻ là như vậy, nhưng tôi nghĩ nó liên quan đến thứ vác xin bị đánh cắp." Ai bảo tôi không biết chơi đồng đội chứ? Tôi cũng có thể nói ra điều vớ vẩn ấy giống như những người khác. Tôi hỏi Whitestone, "Cô có giả thuyết khác à?"

"Không, tôi không có. Tôi chỉ có cảm giác là họ bị giết vì một lí do nào đó mà chúng ta vẫn chưa hiểu được."

Đây chính xác là điều mà tôi nghĩ. Một phụ nữ thông minh đấy.

Tôi hỏi nàng, "Cô đã bao giờ kết hôn chưa?"

"Có. Tôi lấy chồng rất sớm, từ hồi năm thứ hai đại học. Sống với nhau được bảy năm." Nàng nói thêm, "Và tôi ly hôn cũng được bảy năm rồi.

Anh cộng xem."

"Cô hai mươi lăm tuổi."

"Làm sao anh lại có số hai mươi lăm?"

"Bốn mươi hai?"

Nàng nói, "Rẽ phải. Bên phải là bên phía tôi ấy."

"Cám ơn."

Cảm giác thật dễ chịu khi lái xe như thế này. Không lâu sau chúng tôi đến Great Hog Neck. Nơi đây cũng là một bán đảo nhô ra vịnh, nằm ở khoảng giữa đông và bắc của Nassau Point, đôi khi được gọi là Little Hog Neck.

Tôi đã nhận ra rằng quanh đây người ta đặt tên cho địa danh lấy từ ba nguồn chính - Người Mỹ bản địa, người Anh di cư đến, và các nhà kinh doanh bất động sản. Các nhà kinh doanh này có những tấm bản đồ với tên địa danh hay mà họ đặt ra để thay thế những cái tên ghê người như Great Hog Neck.

Chúng tôi đi qua một trạm quan sát nhỏ là viện Custer mà bà Wiley đã nhắc đến, tôi được nghe giới thiệu qua về nó và bảo tàng Người Da đỏ ở Mỹ nằm đối diện với trạm quan sát.

Tôi hỏi Emma, "Vợ chồng Gordon có quan tâm đến thiên văn học không?"

"Theo tôi biết thì không."

"Cô biết họ mua một mẫu đất của bà Wiley chứ."

"Có." Nàng ngập ngừng rồi nói, "Không phải là một vụ mua bán hời."

"Tại sao họ lại muốn có được mảnh đất đó?"

"Tôi không biết... tôi chưa bao giờ hiểu tại sao?"

"Fredric có biết chuyện vợ chồng Gordon mua mảnh đất đó không?"

“Có.” Nàng đổi chủ đề sang những gì ngay trước mắt và nói, “Đằng kia là ngôi nhà ban đầu của dòng họ Whitestone. Từ năm 1685.”

“Bây giờ vẫn là của dòng họ à?”

“Không, nhưng tôi sẽ mua lại.” Nàng nói thêm, “Fredric có trách nhiệm giúp tôi, nhưng... Đó là khi tôi nhận ra ông ấy không giàu có như người ta tưởng.”

Tôi không bình luận gì.

Giống như Nassau Point, nhà cửa ở Hog Neck hầu hết là những căn nhà nhỏ và nhà nghỉ cuối tuần, nhiều căn được ốp gỗ màu xám trông như nhà cổ. Có những cánh đồng mà Emma nói trước đây là đồng cỏ chung kể từ thời thuộc địa. Đây đó còn có những cánh rừng. Tôi hỏi, “Người da đỏ có thân thiện không?”

“Không có người da đỏ.”

“Họ đi hết rồi sao?”

“Đi hết rồi.”

“Trừ những người ở Connecticut mở tổ hợp sòng bạc lớn nhất giữa vùng này với Las Vegas.”

Nàng nói, “Tôi có một chút dòng máu của người da đỏ.”

“Thật không?”

“Thật. Nhiều dòng họ cũ mang dòng máu của người da đỏ, nhưng họ không quảng bá điều đó. Một số người đến gặp tôi thật sự muốn xóa tên những người thân của họ trong tài liệu gia phả.”

“Thật không thể tin được.” Tôi biết có một câu chính xác về chính trị để nói, nhưng mỗi lần cố để nói cho thật đúng thì tôi lại quên mất. Ý tôi là nó thay đổi, có lẽ hàng tuần. Tôi chọn cách an toàn nhất, “Phân biệt chủng tộc.”

“Vì lí do chủng tộc, nhưng không hẳn là phân biệt chủng tộc. Dù sao, tôi không quan tâm đến việc có ai đó biết tôi mang dòng máu của người da đỏ. Cụ ngoại bên họ mẹ của tôi là một người Corchaug.”

“Ồ, cô có nước da rất đẹp.”

“Cám ơn.”

Chúng tôi tới gần căn nhà gỗ lớn tọa lạc trên một mảnh đất rộng vài mẫu có cây cối bao quanh. Tôi thật sự nhớ là đã đến chỗ này một hoặc hai lần khi còn nhỏ. Tôi có những kí ức tuổi thơ về những nơi tôi đã đến, những cảnh mùa hè tĩnh lặng, giống như những thước phim nhìn qua ống ngắm. Tôi nói với Whitestone, “Hình như tôi đã ăn ở đây một lần cùng gia đình hồi còn nhỏ.”

“Có thể lắm. Nó có hai trăm năm tuổi đấy. Anh bao nhiêu tuổi rồi?”

Tôi lờ đi và hỏi, “Đồ ăn ở đây thế nào?”

“Tùy.” Nàng nói thêm, “Cảnh đẹp, cách xa đường cái. Sẽ không ai thấy chúng ta, không ai ngồi lê đôi mách buôn chuyện về chúng ta.”

“Nghĩ hay đấy.” Tôi chạy xe vào con đường sỏi dẫn vào bên trong, đỗ lại và mở cửa trong lúc máy xe vẫn nổ. Một tiếng chuông nhỏ vang lên và màn hình trên xe hiển thị cửa xe để hé. Tôi nói, “Này, cô tắt giọng nói trên xe đi rồi.”

“Chúng ta không muốn giọng nói của cô vợ cũ của anh làm anh khó chịu mà.”

Chúng tôi ra khỏi xe và bước về phía khách sạn. Nàng nắm cánh tay tôi, làm tôi ngạc nhiên. Nàng hỏi, “Khi nào anh nghỉ làm việc đấy?”

“Bây giờ.”

CHƯƠNG 18

Bữa ăn trưa thật dễ chịu. Phòng ăn gần như trống không và mới được sửa sang. Nếu tưởng tượng, đó là năm 1784 và Anthony Wayne khùng đang chạy khắp nơi gọi rượu grốc hay thứ gì đó.

Đồ ăn là những món thường thấy của Mỹ, không cầu kì, hấp dẫn đối với sở thích ăn thịt của tôi. Còn Emma Whitestone hóa ra lại là một cô gái Mỹ bình thường, không cầu kì, và cũng giống thế, điều này lại hấp dẫn với sở thích ăn thịt của tôi.

Chúng tôi không nói chuyện về vụ án mạng, về Tobin hay bất cứ chuyện gì không mấy dễ chịu. Nàng thực sự yêu thích lịch sử, còn tôi bị cuốn hút vào những điều nàng nói. Thực ra thì không hẳn, nhưng lịch sử được nói ra từ Emma Whitestone với giọng nói mang tiếng thở của nàng thì không đến nỗi quá khó hiểu.

Nàng nói về Reverend Youngs, người đã đưa đàn con chiên của mình đến đây từ Connecticut năm 1640. Tôi thốt lên không biết họ có đi bằng phà New London hay không, và tôi nhận được cái nhìn lạnh lùng. Nàng nói đến thuyền trưởng Kidd và những tên cướp biển ít nổi danh hơn đã vượt qua những vùng biển này cách đây ba trăm năm. Rồi nàng nói về những người Horton nổi tiếng với ngọn hải đăng, và một trong số họ đã xây lên khách sạn này. Nàng nói về vị tướng trong chiến tranh cách mạng, Francis Marion, biệt danh là Cáo đầm lầy. Nàng nói đây chính là người được lấy tên để đặt cho địa danh Đông Marion, cho dù tôi bác lại rằng có lẽ có một thị trấn tên gọi là Marion ở Anh. Nhưng nàng biết chuyên môn của nàng.

Nàng nói với tôi về Underhills, về Tuthills, đôi chút về dòng họ Whitestone,, thực chất là những người hành hương trên tàu Mayflower, về những người mang họ Abijah, Chauney, Ichabod và Bamanas, đó là chưa kể Joshua, Samuel và Isaac, những người thậm chí không phải là dân Do Thái v.v...

Ping! Trong khi Paul Stevens làm tôi chán ngấy đến vô cảm với cái giọng như máy tính của hắn, Emma Whitestone lại mê hoặc tôi với giọng nói qua hơi thở và đôi mắt xanh nâu của nàng. Nhưng kết quả cuối cùng thì lại như nhau - tôi nghe thấy điều gì đó làm ngưng lại phản xạ trong bộ óc thường tỉnh táo của mình. *Ping!* Tôi nghe thấy nàng nói lại lần nữa, dù điều đó không quan trọng gì. Nhưng vẫn không tác dụng. Tuy nhiên, lần này tôi biết nó đã ở trên đỉnh não của tôi, và tôi biết tôi sẽ sớm tìm ra nó. *Ping!*

Tôi nói với nàng, "Anh cảm thấy sự hiện diện của Anthony Wayne ở đây."

"Thật không? Anh nói cụ thể đi."

"Ông ấy đang ngồi bên chiếc bàn cạnh cửa sổ kia và liếc trộm em. Ông ấy nhìn anh khiêu khích và lẩm bẩm một mình 'Gã kia *qướ* cái gì mà ta không *qướ* chứ?' "

Nàng mỉm cười, "Anh hâm rồi."

"Không *qướ?* Hay là không qớ?"

"Em sẽ dạy anh tiếng Anh thế kỷ mười tám nếu anh thôi làm trò ngớ ngẩn đi."

"Ta cám ơn *nèng*."

Khi chúng tôi nhìn đồng hồ thì đã là ba giờ chiều và người phục vụ đang tỏ ra sốt ruột. Tôi không thích phải gián đoạn trong một vụ án để theo đuổi những bóng hồng. Thực tế là bảy mươi hai giờ đầu tiên trong một vụ

án là hết sức quan trọng. Nhưng một thằng đàn ông thì phải nghe những tiếng gọi của phần con trong mình, và tiếng chuông trong tôi đang đổ liên hồi.

Tôi nói, "Nếu em có thời gian, chúng ta có thể đi một vòng bằng tàu của anh."

"Anh có tàu à?"

Thật ra tôi làm gì có, vì thế cách này có vẻ không ổn. Nhưng tôi có một ngôi nhà bên bờ biển và một chiếc cầu tàu, thế nên tôi có thể nói là tàu chìm mất rồi. Tôi nói, "Anh đang ở nhà của ông cậu. Một khu đất cạnh vịnh làm trang trại."

"Đất trang trại bên bờ vịnh."

"Đúng rồi. Chúng ta đi thôi."

Chúng tôi rời khách sạn General Wayne và lái xe về nơi ở của tôi, cách Hog Neck hai mươi lăm phút về phía tây.

Khi chúng tôi đi dọc theo đường Main Road về hướng tây, nàng cho tôi biết, "Con đường này trước đây có tên là King's Highway. Nó được đổi tên sau Cách mạng."

"Hay đấy."

"Điều buồn cười là nơi em học, đại học Columbia, trước đây có tên là Kings College. Người ta cũng đổi tên nó sau Cách mạng."

"Nếu có một cuộc cách mạng khác thì có nhiều cái tên mà anh muốn đổi."

"Ví dụ?"

"Đầu tiên là phố Bảy mươi hai Đông nơi anh bị bắn. Anh muốn đặt tên nó là Cherry Lane. Nghe hay hơn." Tôi tiếp tục, "Rồi đến con mèo của cô

vợ cũ của anh là Snowball, anh muốn đổi tên nó thành Mèo chết." Tôi kể thêm một vài cái tên nữa cần đổi, nếu có cuộc cách mạng.

Nàng hỏi như thể cắt lời tôi, "Anh có thích ở ngoài này không?"

"Anh nghĩ là có. Nơi đây đẹp và dễ chịu, nhưng anh không biết là có hợp với anh không?"

Nàng cho tôi biết, "Ở đây có nhiều người lập dị lắm."

"Anh không phải người lập dị. Anh khùng."

"Người khùng cũng có nhiều mà." Nàng nói thêm, "Đây không phải là nơi quê mùa tù túng. Em biết có những người nông dân có bằng tốt nghiệp các trường danh tiếng của miền Đông, có những nhà thiên văn học ở viện Custer, những người làm rượu vang tu nghiệp ở Pháp, rồi các nhà khoa học ở Đảo Plum và phòng thí nghiệm Brookhaven, còn cả các học giả ở đại học Stony Brook, các họa sĩ, nhà thơ, nhà văn, và-"

"Chuyên viên lưu trữ."

"Vâng. Em thấy khó chịu khi những người ở thành phố nghĩ người ở đây là nhà quê."

"Anh hoàn toàn không nghĩ thế."

"Em đã sống chín năm ở Manhattan. Em mệt mỏi với thành phố. Em nhớ nhà."

"Anh cảm nhận sự tinh tế của thành phố trong em cùng với nét duyên dáng thôn quê. Em đang ở đúng nơi của mình."

"Cám ơn anh."

Tôi nghĩ mình đã qua được một trong những rào cản lớn trên đường đưa nàng lên giường.

Lúc này chúng tôi đang lái xe qua vùng đồng quê của những trang trại và rượu vang. Nàng nói, "Mùa thu ở đây dài và lười biếng. Những vườn

cây vẫn nặng quả và nhiều loại hoa màu vẫn chưa được thu hoạch. Đến lễ Tạ ơn có thể tuyết đã rơi ở New England, nhưng ở đây thì vẫn đang thu hoạch." Nàng hỏi tôi, "Em đang nói huyên thuyên phải không?"

"Không, không hề. Em đang vẽ một bức tranh đẹp bằng lời."

"Cám ơn anh."

Giờ tôi đang đi lên bậc đầu tiên của chiếc cầu thang dẫn lên phòng ngủ.

Về cơ bản, chúng tôi vẫn giữ cho không khí tự nhiên và thoải mái, cách mà người ta vẫn làm khi cảm thấy bồn chồn vì biết ràng mình có thể sắp lên giường.

Chúng tôi đi vào con đường dài trong khuôn viên tới ngôi nhà lớn kiểu Victoria. Emma nói, "Một người đàn bà tô vẽ to lớn."

"Đâu?"

"Ngôi nhà. Đó là cách chúng em gọi những ngôi nhà cũ kiểu Victoria."

"Ồ, đúng. À này, mợ anh trước đây cũng là thành viên của hội Lịch sử Peconic đấy. June Bonner."

"Nghe quen lắm."

"Mợ ấy quen với Margaret Wiley." Tôi nói thêm, "Thực ra mợ anh sinh ra ở đây. Đó là lí do tại sao bà thuyết phục cậu Harry mua nơi này làm chỗ nghỉ hè."

"Tên thời con gái của bà ấy là gì?"

"Anh không rõ - có thể là Witherspoonhamptonshire."

"Anh lấy tên em làm trò cười đấy à?"

"Không, thưa quý cô."

"Nhớ ra tên thời con gái của bà ấy đi."

"Được." Tôi dừng xe ở trước *người đàn bà tô vẽ*.

Nàng nói, “Nếu là thuộc một dòng họ cũ thì em có thể tra ra được. Chỗ em có nhiều thông tin về các dòng họ cũ.”

“Thật không? Nhiều đầu lâu để trong tủ à?”

“Thỉnh thoảng.”

“Có thể dòng họ của mợ June là những tên trộm ngựa và gái điếm.”

“Cũng có thể. Trong dòng họ nhà em cũng có nhiều người như thế.” Tôi cười thầm.

Nàng nói, “Biết đâu nhà bà ấy với nhà em có quan hệ với nhau. Anh và em biết đâu có quan hệ thân tộc.”

“Có thể.” Tôi đã lên đến đỉnh cầu thang rồi, cửa phòng ngủ chỉ còn cách mấy mét thôi. Thực ra, tôi vẫn đang ngồi trong xe. Tôi nói, “Đến rồi” và xuống xe.

Nàng cũng xuống xe và ngắm nhìn ngôi nhà. Nàng nói, “Đây là nhà của mợ anh à?”

“Trước đây. Bà ấy mất rồi. Cậu Harry muốn anh mua nó.”

“Nó quá lớn cho một người.”

“Anh có thể chia ra làm đôi.”

Chúng tôi vào nhà và đi một vòng quanh tầng trệt. Tôi kiểm tra máy trả lời tự động trong phòng khách - không có tin nhắn nào - vào trong bếp lấy hai lon bia và ra phía hiên sau nhà rồi ngồi xuống ghế bằng liễu gai.

Nàng nói, “Em thích ngắm nhìn mặt nước.”

“Đây là chỗ hợp với việc ấy. Anh đã ngồi đây mấy tháng rồi.”

“Bao giờ thì anh phải đi làm trở lại?”

“Anh không rõ. Thứ năm tới anh có lịch gặp bác sĩ.”

“Làm sao mà anh lại tham gia vào vụ này?”

"Cảnh sát trưởng Maxwell?"

Nàng nói, "Em không thấy thuyền của anh."

Tôi nhìn ra ngoài phía chiếc cầu tàu ọp ẹp. "Ồ, chắc nó đắm mất rồi."

"Đắm?"

"À, anh nhớ rồi. Nó đang ở chỗ xưởng sửa chữa."

"Nó là loại gì?"

"Dài bảy mét... Boston Whaler...?"

"Anh đi bằng buồm à?"

"Ý em là thuyền buồm?"

"Vâng. Một chiếc thuyền buồm."

"Không. Anh thích thuyền máy. Em đi bằng thuyền buồm à?"

"Thỉnh thoảng."

Và câu chuyện cứ như vậy.

Tôi đã cởi bỏ áo khoác ngoài và giày, tay áo xắn lên cao. Nàng cũng bỏ vớ chân và cả hai chúng tôi gác chân trần lên lan can. Chiếc váy nhỏ màu be của nàng co lên quá đầu gối.

Tôi lấy ống nhòm và hai người thay phiên nhau nhìn ra ngoài vịnh, những con tàu, những khu đất ngập nước trước đây gọi là đầm lầy khi tôi còn nhỏ, bầu trời và tất cả mọi thứ.

Tôi đã uống đến lon bia thứ năm, còn nàng cũng uống một lon bia với tôi. Tôi thích phụ nữ biết uống bia. Mặt nàng hơi ửng hồng, nhưng đầu óc và giọng nói nàng vẫn rất tỉnh táo.

Nàng một tay cầm ống nhòm, tay kia cầm lon bia. Nàng nói, "Đây là một điểm hội tụ lớn trên đường bay bờ Đại Tây Dương, kiểu như một nơi nghỉ dừng chân của chim di cư." Nàng nhìn qua ống nhòm lên khoảng trời

phía xa và nói tiếp, "Em thấy những con ngỗng Canada, những đàn chim lặn gavia bay thành hàng dài, một đàn vịt đuôi dài bay thành vòng tròn. Chúng sẽ sống quanh quẩn ở đây cho tới tháng Mười một rồi tiếp tục bay về phương Nam. Loài chim ưng còn đến tận Nam Mỹ."

"Hay thật."

Nàng đặt chiếc ống nhòm vào trong lòng và nhìn chăm chú ra phía biển. Nàng nói, "Trong những ngày có bão, khi gió thổi mạnh từ phía đông bắc, bầu trời biến thành màu xám bạc và loài chim có những biểu hiện rất lạ. Một cảm giác về sự cô lập huyễn hoặc, một vẻ đẹp báo hiệu điềm xấu phải được cảm nhận và được nghe thấy rõ ràng như được nhìn thấy."

Chúng tôi im lặng một lát, rồi tôi nói, "Em có muốn xem phần còn lại của ngôi nhà không?"

"Có chứ."

Nơi đầu tiên trong vòng dạo trên tầng hai là phòng ngủ của tôi, và chúng tôi không đi đâu thêm.

Thật sự chỉ mất ba giây để nàng trút khỏi những thứ mặc trên người. Cơ thể nàng căng chắc toàn thân màu da nâu, tất cả đều vừa vặn, chính xác như trong trí tưởng tượng của tôi.

Tôi vẫn còn đang cởi khuy áo sơ mi khi nàng đã trần truồng. Nàng ngắm tôi cởi đồ và nhìn chằm chằm vào chiếc bao súng và khẩu súng tôi để nơi cổ chân.

Tôi biết rất nhiều phụ nữ không thích đàn ông mang vũ khí, thế nên tôi nói, "Anh phải mang thứ này cho đúng luật." Chuyện này ở thành phố New York thì đúng, nhưng ở ngoài này thì không nhất thiết.

Nàng đáp, "Fredric cũng mang một khẩu súng."

Hay đấy.

Lúc này tôi đã không còn gì trên người. Nàng đến sát bên tôi và sờ lên ngực tôi. "Đây là vết bỏng à?"

"Không, lỗ đạn đấy." Tôi quay lưng lại. "Thấy không? Đấy là lỗ đạn ra."

"Chúa ơi."

"Chỉ là vết thương ở phần cơ. Đây, em nhìn cái này đi." Tôi cho nàng xem vết thương ở phần bụng dưới, rồi quay lưng lại để nàng thấy lỗ đạn ra ở phần hông, vết thương rộng ở bắp chân trái không quan trọng bằng.

Nàng nói, "Anh có thể đã chết rồi."

Tôi nhún vai. Ôi, tiếc quá, em nhỉ.

Dù sao, tôi thấy mừng vì người dọn nhà đã thay ga trải giường, mừng vì tôi có bao cao su để trên chiếc bàn bên cạnh, mừng vì chú nhỏ Willie Peter đã đứng lên đáp lại Emma Whitestone. Tôi tắt chuông điện thoại.

Tôi quỳ xuống bên cạnh giường và cầu nguyện. Emma leo lên giường và gác đôi chân dài của nàng quanh cổ tôi.

Không cần chi tiết rườm rà, chúng tôi làm tình rồi ôm nhau ngủ thiếp đi. Nàng cảm thấy dễ chịu và không ngáy.

Khi tôi tỉnh dậy, ánh nắng mặt trời đang yếu dần ngoài cửa sổ. Emma vẫn đang ngủ, nàng cuộn tròn như đang nằm trong trái bóng. Tôi có cảm giác rằng lúc này mình phải làm điều gì đó có ích hơn là làm tình ban ngày. Nhưng làm gì đây?- Tôi đang bị ngăn cản, và trừ khi Max hoặc Beth chia sẻ với tôi những điều như kết quả khám nghiệm, giám định pháp y hay những thứ như thế, tôi phải tiếp tục mà không có sự hỗ trợ của phương tiện hiện đại trong ngành kỹ thuật hình sự. Tôi cần các bản theo dõi cuộc gọi, tôi cần báo cáo giám định vân tay, tôi cần thêm thông tin về Đảo Plum và quyền tiếp cận hiện trường vụ án. Nhưng tôi không nghĩ tôi sẽ có được bất cứ thứ gì như thế.

Vì vậy tôi phải dùng kiểu điều tra thám tử, các cuộc điện thoại, nói chuyện với những người có thể biết điều gì đó. Tôi đã quyết định phải làm cho ra vụ này cho dù có ai không thích ý nghĩ đó.

Tôi nhìn Emma trong ánh sáng đang mờ dần. Một phụ nữ đẹp tự nhiên. Và thông minh.

Nàng mở mắt và nhìn tôi. Nàng nói, "Em thấy anh đang nhìn em."

"Nhìn em đẹp lắm."

"Anh có bạn gái ở ngoài này không?"

"Không. Nhưng ở Manhattan thì có."

"Em không cần biết đến Manhattan."

Tôi hỏi nàng, "Còn em?"

"Em ở giữa hai lần đính hôn."

"Tốt." Tôi hỏi, "Bữa tối nhé?"

"Có lẽ để sau. Em có thể nấu nướng được mấy thứ."

"Anh có rau diếp, mù tạp, bơ, bia và bánh quy."

Nàng ngồi dậy, vươn vai và ngáp. "Em phải bơi một chút." Nàng lăn khỏi giường và mặc váy. "Ta đi bơi đi anh."

"Được." Tôi dậy và mặc áo sơ mi.

Chúng tôi xuống tầng dưới, đi qua phòng khách ra phía hiên sau nhà, đi qua bãi cỏ xuống bờ vịnh.

Nàng nhìn quanh. "Không có ai quanh đây chứ?"

"Rất vắng."

Nàng tụt bỏ váy và quẳng trên cầu tàu. Tôi cũng làm theo với chiếc áo sơ mi. Nàng đi xuống bãi biển đầy đá rồi hụp xuống nước. Tôi cũng làm giống nàng.

Lúc đầu nước hơi lạnh làm tôi thấy khó thở. Chúng tôi bơi qua cầu tàu ra phía vịnh tối. Nàng bơi giỏi và khỏe. Tôi cảm thấy bên vai phải như đang cứng lại, phổi bắt đầu khò khè. Tôi đã tưởng là mình đang khỏe ra, nhưng sự cố gắng đã ngoài sức chịu đựng của tôi. Tôi bơi trở lại cầu tàu và bám vào chiếc thang cũ bằng gỗ.

Emma bơi đến bên cạnh tôi và hỏi, "Anh không sao chứ?"

"Anh ổn mà."

Chúng tôi bơi đứng gần cầu tàu. Nàng nói, "Em thích tắm trần."

"Em không phải lo có còn gì nó cắn mồi của em đâu."

"Anh có hay câu cá không?"

"Thỉnh thoảng."

"Anh có thể câu được cá bơn ở ngay cầu tàu này."

"Anh kiếm cá bơn ở siêu thị."

"Nếu anh đi thuyền ra vài trăm mét là có thể kiếm được cá hồi nâu, cá mùi và cá hồi xám."

"Thế sườn bò thì anh phải kiếm ở đâu?"

"Thịt bò không tốt cho anh đâu."

"Em ăn một cái hăm bơ gơ bữa trưa nay rồi."

"Em biết. Nhưng nó không tốt cho mọi người." Nàng nói thêm, "Làm tình với người lạ cũng không tốt."

"Anh là loại đàn ông có khả năng gặp rủi ro cao đấy, Emma."

Nàng nói, "Em đoán là em cũng thế. Em thậm chí còn không biết anh.

"Đó là vì sao em thích anh."

Nàng khúc khích cười.

Thực ra, hầu hết mọi phụ nữ đều coi cảnh sát là an toàn. Ý tôi là, nếu một người phụ nữ gặp một cảnh sát trong một quán bar, đoán rằng anh chàng không phải người tâm thần vì các vụ án mạng, anh chàng có sức khỏe tốt và có vài đô la trong ví. Phụ nữ thời này không đòi hỏi nhiều.

Chúng tôi trêu đùa nhau mấy câu rồi ôm hôn nhau. Cảm giác thật dễ chịu. Trần truồng, nửa người ở dưới nước và bơi đứng. Tôi thích nước biển mặn. Nó làm tôi cảm thấy sạch sẽ và bồng bềnh.

Tôi đặt một bàn tay lên cặp mông không thể tin nổi của nàng, bàn tay kia đặt lên ngực nàng trong lúc chúng tôi hôn nhau. Giây phút đó bằng tất cả mọi sung sướng mà tôi có được trong một thời gian dài. Nàng đặt một tay lên mông tôi, tay kia chạm vào chiếc kính thiên văn ở đằng trước và ngay lập tức nó dựng lên.

Tôi nói, "Chúng ta làm dưới nước được không?"

"Có thể. Anh phải hoàn toàn khỏe mạnh. Anh phải bơi đứng liên tục và giữ không khí trong phổi để nổi trên mặt nước, và đồng thời phải... anh biết mà... phải làm."

"Không sao. Chiếc máy nổi của anh đủ to để cho cả hai ta không chìm."

Nàng bật cười. Chúng tôi quả thực đã hoàn tất bữa tiệc dưới nước, có lẽ đã làm kinh sợ vô khối loài cá. Phổi của tôi giờ cảm thấy thật sự khá hơn.

Xong xuôi, cả hai chúng tôi đều ngửa người để trôi bồng bềnh. Tôi nhận xét, "Nhìn này, chiếc bánh lái của anh nhô khỏi mặt nước đấy."

Nàng liếc nhìn sang tôi và nói, "Em tưởng nó là cột buồm chính."

Thôi thì đủ những lời nghịch ngợm bằng ngôn từ của hàng hải. Tôi hơi nhổm đầu dậy và nhìn nàng đang trôi ra xa bờ cùng thủy triều đang xuống. Quả thật, cặp vú của nàng như hai hòn đảo núi lửa dưới ánh trăng.

Nàng nói, "Nhìn lên trời kìa, John. Sao băng đấy."

Tôi ngước lên bầu trời phía nam và nhìn thấy những ngôi sao băng.

"Anh ước điều gì đi." Nàng nói.

"Được. Anh ước-"

"Đừng nói ra, nếu không nó sẽ không thành hiện thực đâu."

"Nó đã thành hiện thực rồi, Emma. Anh và em." Ý tôi là, chuyện này lãng mạn đến nhường nào? Tôi đã làm tình - hai lần. Khi sự ham muốn qua đi, điều còn lại là sự kinh tởm hoặc tình yêu. Tôi nghĩ là tôi đã yêu.

Nàng im lặng một lát rồi nói, "Rất tuyệt."

"Anh nói thật đấy."

Chúng tôi tiếp tục thả người trôi bồng bềnh. Sau một, hai phút nàng nói, "Nhìn kìa, bầu trời phía đông ấy. Anh có thấy chòm sao Tiên nữ không?"

"Không vì anh không mang kính."

"Ngay đằng kia kìa. Anh nhìn đi." Nàng cố vẽ hình một chòm sao cho tôi, nhưng nếu có ai đó ở trên trời có tên là Tiên nữ thì tôi không nhìn thấy cô ấy. Để cho lịch sự, tôi nói, "Ồ, thấy rồi. Cô ấy đi giầy cao gót."

Emma chỉ cho tôi xa thêm về hướng đông và nói, "Kia là chòm sao Thi Mã. Anh biết không, đó là chú ngựa có cánh của thần Thi Nữ."

"Anh biết rồi. Anh dùng con ngựa này chiến thắng vòng năm ở trường đua Belmont thứ bảy tuần trước. Về thứ tư."

Emma đã biết cách không để ý đến lời nói của tôi và tiếp tục, "Thi mã sinh ra từ bọt biển và máu của con sứa bị sát hại."

"Nó có nói thế trong bản đăng kí thi đấu đâu nhỉ."

"Anh có muốn làm một lần nữa không?"

"Có."

"Sau đó anh phải thôi làm gã ngốc như thế."

“Cứ xem như là xong rồi đi.” Và tôi nói thật.

Ôi một đêm tuyệt vời - ánh trăng tròn sáng trên đầu, làn gió biển mát dịu, mùi của biển và muối, những ngôi sao lấp lánh trên bầu trời tím biếc và sâu thẳm, một người phụ nữ đẹp, thân thể chúng tôi bồng bềnh, trồi lên hụp xuống theo nhịp sóng chậm chạp. Không gì hơn thế này. Với tất cả những gì của đêm nay, nó tuyệt vời hơn rất nhiều so với những nếm trải gần kề cái chết không mấy dễ chịu của tôi.

Điều này lại làm tôi nhớ đến Tom và Judy. Tôi nhìn lên bầu trời và gửi đi một ý nghĩ tốt đẹp về họ, giống như một lời chào và một lời tạm biệt, một lời hứa rằng tôi sẽ làm bất cứ điều gì có thể để tìm ra kẻ đã giết họ. Và tôi cầu xin họ hãy cho tôi một manh mối.

Tôi đoán đó là cảm giác của trạng thái thả lỏng hoàn toàn, sự giải tỏa dục tình, hay có thể là cảm giác khi ngắm nhìn những chòm sao, nối những chấm sáng trên bầu trời với nhau - là cái gì đi nữa, tôi cũng đang có nó lúc này. Toàn bộ bức tranh, những âm thanh sắc nhọn, những điểm, những đường kẻ, tất cả đang ùa tới vội vã, và bộ óc tôi đang chạy đua nhanh tới mức tôi không còn theo kịp được với ý nghĩ của mình. Tôi la lên, “Là nó!” và thở ra một hơi mạnh đến nỗi phải chìm nghỉm.

Tôi trồi lên mặt nước và thổi phì phì. Emma đã đến cạnh tôi, gương mặt nàng lo lắng. “Anh có sao không?”

“Anh thấy tuyệt vời.”

“Anh -?”

“Những cái cây của thuyền trưởng Kidd.”

“Là thế nào?”

Tôi nắm lấy cánh tay nàng và chúng tôi bơi đứng. Tôi nói, “Em đã nói gì với anh về những cái cây của thuyền trưởng Kidd nhỉ?”

“Em nói có một truyền thuyết rằng thuyền trưởng Kidd chôn giấu một phần kho báu của ông ấy dưới một trong những gốc cây ở gần lạch Mattituck. Chúng được gọi là cây của Thuyền trưởng Kidd.”

“Chúng ta đang nói về thuyền trưởng Kidd là cướp biển, đúng không?”

“Đúng. William Kidd.”

“Những cái cây ấy ở đâu?” Tôi hỏi.

“Ngay phía bắc nơi này. Nơi lạch nước đổ ra biển Sound. Sao anh lại-"

“Thuyền trưởng Kidd thì sao? Ông ấy phải làm gì với nơi này?”

“Anh không biết sao?”

“Không. Nên anh mới hỏi em.”

“Em tưởng mọi người đều biết.”

“Anh không biết. Em nói đi.”

“Ồ, người ta cho rằng kho báu của ông ấy được chôn ở nơi nào đó quanh đây.”

“Ở đâu?”

“*Ở đâu?* Em biết thì đã giàu rồi.” Nàng mỉm cười. “Và em cũng không nói với anh đâu.”

Điều này thật kì lạ. Nó hoàn toàn phù hợp... nhưng cũng có thể hoàn toàn sai... Không, chết tiệt, nó hoàn toàn phù hợp. Phù hợp với tất cả mọi thứ. Tất cả những mảnh rời rạc kia, lúc trước có vẻ như hợp với thuyết Hỗn loạn, giờ lại trở nên rõ ràng và hợp với thuyết Thống nhất giải thích tất cả mọi thứ. “Đúng...”

“Anh có sao không? Trông anh xanh lắm.”

“Anh không sao. Anh phải uống một chút.”

“Em cũng thế. Gió bắt đầu lạnh dần rồi.”

Chúng tôi bơi vào bờ, vơ quần áo và trần truồng chạy qua bãi cỏ lên nhà. Tôi lấy hai chiếc áo choàng tắm dày và lôi bình rượu mạnh của cậu Harry ra cùng hai chiếc ly. Chúng tôi ngồi trên hiên nhà, uống rượu và ngắm nhìn những ánh đèn bên kia vịnh. Một chiếc thuyền buồm lướt nhẹ trên mặt nước, cánh buồm trắng trông ma quái dưới ánh trăng, những đám mây mỏng mảnh đang trôi trên bầu trời trăng sao vằng vặc. Một đêm kì diệu. Kì diệu. Tôi nói với Tom và Judy, "Tôi sắp tìm ra rồi, sắp ra rồi."

Emma liếc nhìn tôi và chìa chiếc ly của nàng ra. Tôi rót thêm rượu cho nàng và nói, "Em kể về thuyền trưởng Kidd đi."

"Anh muốn biết điều gì?" Nàng hỏi.

"Tất cả mọi thứ."

"Tại sao?"

"Tại sao...? Anh cảm thấy lôi cuốn với những tên cướp biển."

Nàng nhìn tôi một lát rồi hỏi, "Từ bao giờ?"

"Từ lúc anh còn trẻ con."

"Chuyện này có gì liên quan đến vụ án mạng không?"

Tôi nhìn Emma. Cho dù đã thân mật với nhau, nhưng tôi biết rất ít về nàng, và tôi không biết có thể tin nàng sẽ giữ kín chuyện này không. Tôi cũng nhận ra là mình đã quá hào hứng về chuyện thuyền trưởng Kidd. Phải cố giữ bình tĩnh, tôi hỏi, "Thuyền trưởng Kidd có thể liên quan gì đến vụ giết vợ chồng Gordon?"

Nàng nhún vai, "Em không biết. Em đang hỏi anh cơ mà."

Tôi nói, "Anh đang giờ nghỉ, không làm việc. Anh chỉ tò mò về những tên cướp biển và chuyện kho báu."

"Em cũng đang giờ nghỉ. Không nói gì nữa về lịch sử cho tới mai."

"Được." Tôi hỏi, "Em sẽ ở đây tối nay chứ?"

“Có thể. Để em nghĩ đã.”

“Được thôi.”

Tôi bật đài cát xét mở băng nhạc khiêu vũ của nhóm Big Band. Chúng tôi nhảy trên hiên sau nhà với đôi chân trần cùng áo choàng tắm, uống rượu, ngắm nhìn vịnh và những ngôi sao trên trời.

Đó là một trong những đêm đam mê, như người ta thường nói, một trong những đêm thần tiên và là khúc dạo đầu cho một câu chuyện không hay.

CHƯƠNG 19

Emma Whitestone quyết định ở lại qua đêm.

Nàng dậy sớm, tìm nước súc miệng và gây tiếng ồng ọc to khiến tôi tỉnh giấc. Nàng tắm, dùng khăn tắm của tôi. Nàng chải tóc bằng ngón tay, tìm thỏi son môi và phấn mắt trong túi xách của nàng rồi đứng trần truồng trước gương trang điểm.

Khi mặc đồ lót, nàng xỏ chân vào dép rồi choàng chiếc váy lên người qua đầu. Tất cả chỉ hết bốn giây.

Nàng thuộc dạng phụ nữ ít phải mông má và không cần nhiều những thứ đồ tô vẽ cho một cô gái đi qua đêm.

Tôi không quen với việc để phụ nữ chờ mình nên phải chạy vội vào phòng tắm. Tôi xỏ chiếc quần jeans chật nhất cùng áo tennis màu trắng và giày thể thao. Tôi bỏ lại súng trong tủ quần áo.

Theo gợi ý của Whitestone, chúng tôi đến nhà hàng Cutchogue, một quán ăn kiểu của những năm 1930. Khách trong quán là nông dân, người giao hàng, người buôn bán ở địa phương, một vài khách du lịch, lái xe tải, và có lẽ thêm một cặp sắp được biết về nhau qua bữa sáng và sau khi làm tình.

Chúng tôi ngồi bên một chiếc bàn nhỏ. Tôi nói, "Người ta sẽ không bàn luận gì nếu thấy em vẫn mặc bộ đồ hôm qua chứ?"

"Họ thôi bàn luận về em nhiều năm nay rồi."

"Thế còn danh tiếng của anh."

“Danh tiếng của anh chỉ có thể tốt hơn nhờ đi cùng em đấy.”

Sáng nay miệng lưỡi chúng tôi hơi chua.

Nàng gọi đồ ăn sáng rất nhiều với lạp xưởng, trứng, khoai tây rán và bánh mì nướng. Nàng bảo vì nàng không ăn gì tối qua.

Tôi nhắc, “Em đã uống bữa tối còn gì. Anh đã bảo ra ngoài ăn bánh piza mà.”

“Piza không tốt cho anh.”

“Thứ em vừa gọi cũng không tốt cho em.”

“Em sẽ bỏ bữa trưa nay. Còn bữa tối thì sao?”

“Chắc chắn rồi. Anh cũng vừa định hỏi em.”

“Tốt. Đón em lúc sáu giờ ở cửa hàng hoa nhé.”

“Nhất trí.” Tôi nhìn quanh và thấy hai viên cảnh sát thị trấn Southold mặc quân phục, nhưng không thấy Max.

Thức ăn mang tới và chúng tôi dùng bữa. Tôi thích người khác nấu ăn cho mình.

Emma hỏi tôi, “Sao anh lại quan tâm nhiều đến thuyền trưởng Kidd thế?”

“Ai cơ? À... bọn cướp biển. Ờ, nó hấp dẫn mà. Ý anh là ông ấy đã ở ngay North Fork này. Anh có vẻ nhớ ra rồi. Từ khi anh còn bé. Không chơi chữ đâu.”

Nàng nhìn tôi và nói, “Tối qua anh quan tâm đến chuyện đó lắm mà.”

Sau phút ban đầu bột phát tối qua, điều lẽ ra không nên có, tôi đã cố kìm lại, như tôi đã nói. Nhưng Whitestone vẫn tò mò về sự tò mò của tôi. Tôi nói với nàng, “Nếu anh mà tìm thấy kho báu đó thì anh sẽ chia cho em.”

“Ngọt ngào quá.”

Tôi cố ra vẻ lãnh đạm nói, "Anh muốn quay lại nhà của hội Lịch sử. Chiều nay được không?"

"Tại sao?"

"Anh muốn mua cho mẹ anh thứ gì đó trong cửa hàng đồ lưu niệm."

"Nếu anh gia nhập hội, em sẽ giảm giá cho anh."

"Được rồi. Anh đón em lúc, xem nào, bốn giờ được không?"

Nàng nhún vai, "Được."

Tôi nhìn nàng qua chiếc bàn. Ánh sáng mặt trời chiếu trên gương mặt nàng. Đôi khi, vào buổi sáng ngày hôm sau - và tôi thực sự ghét phải nói ra điều này - và đôi khi, ta không biết mình đang nghĩ điều quái quỉ gì về đêm hôm trước, và tệ hơn, ta không biết mình có căm ghét cái của nợ đàn ông kia hay không. Nhưng sáng nay, tôi có cảm giác thật dễ chịu. Tôi thích Emma Whitestone. Tôi thích cái cách nàng ép chặt hai quả trứng rán, bốn miếng lạp xưởng, một ụ khoai tây rán, bánh mì nướng phết bơ, nước hoa quả và trà có kem.

Nàng liếc nhìn chiếc đồng hồ phía sau quầy hàng và tôi nhận ra là nàng còn không đeo đồng hồ. Nàng là người phụ nữ của tinh thần tự do, và đồng thời còn là chủ tịch và chuyên viên lưu trữ của hội Lịch sử Peconic. Một sự tương phản thú vị.

Nhiều người mỉm cười với nàng, chào nàng, và tôi biết nàng được nhiều người mến mộ. Đó luôn là một dấu hiệu tốt. Nếu điều này nghe giống như là tôi đang có tình yêu thứ hai trong tuần thì đúng là thế thật. Tuy nhiên, tôi chưa hiểu cách đánh giá của Emma Whitestone về đàn ông, cụ thể là về Fredric Tobin và có lẽ là cả tôi. Có thể nàng không có đánh giá chung về đàn ông, hay về mọi người nói chung. Có thể nàng thích tất cả mọi đàn ông. Rõ ràng Fredric Tobin và tôi không thể nào tương phản nhau hơn thế. Tôi đoán điều hấp dẫn nàng ở Fredric Tobin có lẽ là chiếc túi

quần căng phồng của gã. Còn với tôi, đó hẳn là cái căng phồng ở phía trước quần.

Chúng tôi nói chuyện phiếm một lúc, và tôi quyết phải tránh chủ đề về những tên cướp biển và thuyền trưởng Kidd cho đến chiều. Tuy nhiên, cuối cùng thì sự tò mò của tôi vẫn chiến thắng. Một đoạn phim dài hiện ra trong đầu, tôi mượn cây bút chì của cô hầu bàn và viết con số 44106818 lên một tờ giấy ăn. Tôi xoay tờ giấy về phía nàng và nói, "Nếu anh đánh xổ số với con số này, liệu có thắng không?"

Nàng mỉm cười trong lúc đang nhai bánh mì. "Độc đắc," nàng nói. "Anh lấy mấy con số này ở đâu?"

"Anh đọc ở đâu đó. Có nghĩa gì không?"

Nàng nhìn quanh và hạ giọng nói, "Khi thuyền trưởng Kidd bị giam trong một nhà tù ở Boston vì tội cướp biển, ông ngầm gửi một mảnh giấy ra cho vợ mình là Sarah. Ở phần dưới cùng của mảnh giấy có ghi con số này."

"Và sao nữa?"

"Và người ta đã cố giải nghĩa nó trong ba trăm năm nay."

"Em nghĩ nó có nghĩa gì?"

"Câu trả lời rõ ràng nhất là các con số này liên quan đến kho báu được chôn giấu của ông ấy."

"Em không nghĩ nó là con số trên chiếc quần lót của ông ấy đấy chứ?"

"Anh lại đang ngốc trở lại đấy à?"

"Anh đùa thôi. Hiểu không? Đùa?"

Nàng đảo mắt. Thực ra, nó hơi sớm cho sự khôi hài của tôi. Nàng nói, "Em không muốn bàn chuyện này ở đây. Lần cuối cùng có làn sóng điên khùng đi tìm kho báu của thuyền trưởng Kidd ở đây là vào những năm

1940. Em không muốn bị đổ tội vì đã khơi ra một cuộc săn tìm kho báu ồ ạt nữa."

"Được."

Nàng hỏi tôi, "Anh có con chưa?"

"Có thể."

"Nghiêm túc đấy."

"Chưa. Anh chưa có con. Còn em."

"Chưa có. Nhưng em muốn có."

Câu chuyện cứ tiếp tục như thế. Một lúc sau, tôi quay lại chuyện những con số kia và hỏi nàng bằng giọng thì thào, "Có phải những con số này là tọa độ trên bản đồ không?"

Nàng rõ ràng không muốn bàn chuyện này, nhưng vẫn đáp, "Đó là điều rõ ràng. Tọa độ bản đồ tám chữ số. Phút và giây. Tọa độ này thực tế là một điểm nào đó trên đảo Deer Isle ở Maine." Nàng nhoài người qua bàn nói tiếp, "Mọi việc đi lại của thuyền trưởng Kidd khi ông trở lại vùng New York trong năm 1699 đều được ghi chép cẩn thận từng ngày qua các nhân chứng đáng tin cậy, vì thế chuyện ông ấy đến đảo Deer Isle để chôn giấu kho báu là khó có thể xảy ra." Nàng nói, "Tuy nhiên, có một câu chuyện khác xung quanh đảo Deer Isle. Người ta cho rằng, John Jacob Astor đã thực sự tìm thấy kho báu của thuyền trưởng Kidd hay của ai đó trên đảo Deer Isle và đó là nguồn gốc gia tài của Astor." Nàng nhấp một ngụm trà rồi nói tiếp, "Có hàng chục cuốn sách, kịch, balat, những lời đồn đại, truyền thuyết và chuyện hoang đường xung quanh kho báu được chôn giấu của thuyền trưởng William Kidd. Chín mươi chín phần trăm là chuyện hoang đường."

"Được rồi, nhưng những con số mà Kidd viết cho vợ chẳng phải là bằng chứng chắc chắn về một *thứ gì đó* hay sao?"

"Đúng vậy, nó có nghĩa là *thứ gì đó*. Nhưng ngay cả khi đó là những tọa độ trên bản đồ thì hàng hải thời đó quá sơ khai và không thể xác định được một điểm trên mặt đất với bất kì mức độ chính xác nào. Đặc biệt là kinh độ. Một tọa độ tám chữ số gồm phút và giây có thể chệch đến hàng trăm mét nếu sử dụng các phương pháp có được vào thời điểm năm 1699. Ngay cả hiện nay, với một thiết bị định vị vệ tinh, anh vẫn có thể bị chệch từ ba đến sáu mét. Nếu anh đào kho báu mà bị chệch đến sáu mét, anh có thể phải đào rất nhiều lỗ. Em nghĩ giả thuyết về tọa độ đã bị gạt sang một bên nhường chỗ cho các giả thuyết khác."

"Ví dụ."

Nàng hít một hơi nén sự bực bội, liếc nhìn xung quanh rồi nói, "Được, đây nàng cầm chiếc bút chì và tờ giấy ăn và viết tương ứng với mỗi con số là một chữ cái theo thứ tự an pha bê và được dòng chữ DDAOFHAH. Nàng nói, "Em nghĩ ba chữ cái cuối cùng chính là bí mật."

"Là H-A-H?"

"Đúng. Hah, hah, hah. Anh hiểu chưa?"

"Hah, hah." Tôi nhìn kỹ các chữ cái từ đầu tới cuối và ngược lại từ cuối tới đầu. Tôi xoay ngược chiều mảnh giấy và nói, "Kidd có mắc chứng bệnh khó đọc không?"

Nàng bật cười. "Không ích gì đâu, John. Nhiều bộ óc thông minh hơn anh và em đã cố giải mã nó ba trăm nay. Tất cả những gì người ta biết được là con số ấy vô nghĩa. Một trò đùa. Hah, hah, hah."

"Nhưng tại sao?... Ý anh là, Kidd đang ở trong tù, bị buộc tội với án treo cổ - "

"Vâng, được, nó không vô nghĩa, không phải là trò đùa. *Nhưng* nó chỉ có nghĩa đối với Kidd và vợ ông ấy. Bà ấy có thể đến thăm chồng một vài lần trong tù. Họ nói chuyện với nhau. Họ dành cuộc đời cho nhau. Ông ấy

có thể đã nói cho vợ biết một nửa bí mật, hoặc một nửa kia viết trong một bức thư đã mất từ hồi đó."

Chuyện này thú vị thật. Giống như thứ công việc tôi đang làm, chỉ trừ bí mật này đã ba trăm năm tuổi. Tôi hỏi nàng, "Còn giả thuyết nào không?"

"Giả thuyết nổi bật nhất là những con số này chỉ số bước chân. Đó là phương pháp truyền thống của bọn cướp biển để ghi nhớ vị trí của kho báu đã chôn giấu của chúng."

"Bước chân?"

"Đúng."

"Bước chân tính từ đâu?"

"Đó là điều bà William Kidd biết, còn anh thì không."

"Ồ." Tôi nhìn vào những con số. "Có nhiều bước chân quá."

"Một lần nữa, anh lại phải biết mã hóa cá nhân. Nó có thể nghĩa là" - nàng nhìn vào tờ giấy ăn - "bốn mươi bốn bước theo hướng mười độ, và sáu mươi tám bước theo hướng mười tám độ. Hoặc có thể ngược lại. Hoặc đọc ngược từ cuối trở về trước. Ai biết? Nó chẳng có nghĩa gì cả nếu anh không biết điểm xuất phát."

"Em có nghĩ rằng kho báu được chôn ở dưới một trong những cây sồi đó không? Cây của thuyền trưởng Kidd ấy?"

"Em không biết." Nàng nói thêm, "Hoặc kho báu đã được tìm thấy và người tìm thấy nó không công khai cho cả thế giới biết, hoặc chưa bao giờ có kho báu nào cả, hoặc nó vẫn chôn dưới đất và mãi mãi chôn dưới đó."

"Vậy em nghĩ sao?"

"Em nghĩ là em phải đi mở cửa hàng." Nàng vo tờ giấy ăn và nhét vào túi áo sơ mi của tôi. Tôi trả tiền và cả hai cùng đi. Quán ăn cách hội Lịch sử Peconic năm phút lái xe, nơi Emma đã để chiếc xe bán tải của nàng ở

lại. Tôi cho xe vào bãi đỗ và nàng hôn vội vào má tôi, như thể chúng tôi không chỉ là tình nhân của nhau.

Nàng nói, "Gặp anh lúc bốn giờ nhé. Cửa hàng hoa Whitestone, đường Main Road, Mattituck." Nàng xuống xe tôi, lên xe nàng, bóp còi, vẫy tay và chạy đi.

Tôi ngồi trên chiếc xe Jeep một lúc và nghe bản tin địa phương. Tôi đã phải ở trên đường rồi, nhưng tôi không biết phải đi đâu. Thực ra, tôi đã dùng hết mọi manh mối, tôi không có một văn phòng làm việc để có thể đến và sắp xếp giấy tờ. Tôi sẽ không nhận được một cuộc gọi nào từ các nhân chứng, từ đội kỹ thuật hình sự, v.v... Thậm chí hầu như không ai biết tôi ở đâu để mà gửi một thông điệp giấu tên. Tóm lại, tôi cảm thấy giống như một thám tử tư, dù tôi thậm chí còn không có giấy phép hành nghề.

Nhưng tính chung lại, tôi đã khám phá được nhiều điều đáng ngạc nhiên kể từ lúc gặp Emma Whitestone. Nếu tôi có bất cứ nghi ngờ nào về lí do tại sao vợ chồng Gordon bị giết, thì con số 44106818 trong cuốn hải đồ kia phải gạt bỏ mối nghi ngờ đó.

Mặt khác, ngay cả trong trường hợp đúng là Tom và Judy là những người săn tìm kho báu - và tôi không nghi ngờ gì về việc này, dựa trên những bằng chứng đã có - không nhất thiết có nghĩa rằng chính vì việc theo đuổi kho báu mà họ bị giết. Đâu là mối liên hệ lôgic giữa chuyện đào bới khảo cổ của họ trên Đảo Plum và những viên đạn xuyên qua đầu họ trên sân gỗ sau nhà?

Tôi gọi về máy trả lời tự động ở nhà. Hai tin nhắn - một là của Max, hỏi tôi phải gửi tấm séc một đô la của tôi tới đâu, cuộc gọi kia là của ông chủ tôi, trung úy điều tra viên Wolfe, một lần nữa giục tôi gọi về văn phòng của ông ta, tỏ ý rằng tôi đang giẫm vào phân chó và chẳng mấy chốc sẽ ngập trong đó.

Tôi nổ máy và lái đi. Đôi khi chỉ lái xe thôi cũng cảm thấy dễ chịu.

Trên đài, phát thanh viên nói, "Tin mới về vụ giết hại hai nhà khoa học của Đảo Plum ở Nassau Point. Cảnh sát thị trấn Southold và cảnh sát quận Suffolk đã ra thông báo chung." Anh chàng phát thanh viên - nghe giống như Don từ sáng thứ ba - đọc nguyên văn bản thông báo. Chết tiệt, nếu chúng tôi mà kiếm được người nổi tiếng ở thành phố để đọc các thông cáo báo chí không cần bình luận, chúng tôi đã ở trên thiên đường về quan hệ công chúng. Thông báo chung là một chiếc khinh khí cầu với chiếc giỏ khí cầu trống không, trừ thi thể của hai người đã chết. Bản thông báo nhấn mạnh việc ăn cắp vác xin Ebola là động cơ của họ. Một bản thông báo riêng của FBI nói họ chưa rõ thủ phạm là người nước ngoài hay trong nước, nhưng họ đang lần theo các manh mối tốt. Tổ chức Y tế thế giới bày tỏ sự quan ngại về việc đánh cắp loại "vác xin quan trọng sống còn" này, thứ cực kỳ cần thiết ở nhiều quốc gia thuộc Thế giới thứ Ba v.v...

Điều thực sự làm tôi bực mình là giả thiết công khai của cơ quan chức năng về những điều diễn ra đã tạo hình ảnh về Tom và Judy là những người vô lương tâm, những kẻ ăn cắp phi đạo lý: trước tiên họ ăn cắp thời gian và tiền bạc đầu tư của cơ quan, sau đó bí mật chế tạo ra một loại vác xin, họ đánh cắp công thức và có lẽ cùng với một số mẫu với ý định bán đi kiếm một khoản lời khổng lồ. Trong lúc đó, hàng nghìn người ở châu Phi đang chờ chết vì căn bệnh kinh hoàng này.

Tôi có thể tưởng tượng ra Nash, Foster và bốn gã mặc đồng phục mà tôi đã nhìn thấy ở bến phà, cùng một mớ những người ở Nhà Trắng và Lầu Năm góc làm nóng bỏng cả đường dây điện thoại giữa Đảo Plum và Washington D.C. Ngay khi mọi người biết rằng vợ chồng Gordon làm việc liên quan đến các loại vác xin biến đổi gen, một câu chuyện ngụy tạo hoàn hảo được thêu dệt cho hai nhà khoa học thiên tài này. Nói một cách công bằng, họ muốn tránh sự hoảng loạn và lo sợ về bệnh dịch, nhưng tôi dám

đánh cá bằng cả lương hưu cho người bị thương tật ba phần tư rằng không có một người nào ở Washington nghĩ đến danh dự của vợ chồng Gordon hay gia đình họ khi bịa ra câu chuyện họ là những kẻ ăn cắp.

Điều trớ trêu, nếu có một sự trớ trêu ở đây, là Foster, Nash và cả chính phủ vẫn không nghi ngờ gì việc vợ chồng Gordon đánh cắp một hoặc nhiều loại bệnh dịch phục vụ cho chiến tranh sinh học. Những người có trách nhiệm ở Washington, từ tổng thống trở xuống, vẫn đang ngủ say với bộ đồ chống nguy hiểm sinh học trùm lên thằng nhỏ của họ. Tốt. Tiên sư nhà chúng nó.

Tôi dừng lại ở một cửa hàng bán đồ ăn tại Cutchogue, mua một hộp cà phê và mấy tờ báo - *Thời báo New York, Bưu điện, Nhật Báo* và *Bản tin* của Long Island. Trong cả bốn tờ báo, câu chuyện của vợ chồng Gordon chỉ chiếm một ô nhỏ ở trang trong. Ngay cả tờ *Bản tin* cũng không nói nhiều đến vụ án mạng. Tôi chắc rằng nhiều người ở Washington đang hân hoan vì câu chuyện đã lắng xuống. Và nó đang lắng thật. Điều này cho phép tôi được rảnh tay, cũng như đối với họ.

Và trong khi Foster, Nash và các cơ quan liên bang đang truy tìm những tên gián điệp và khủng bố nước ngoài, tôi lại đi theo linh cảm của mình cùng với những tình cảm về Tom và Judy Gordon. Tôi mừng và không quá ngạc nhiên khi phát hiện ra rằng điều mà tôi nghĩ ngay từ ban đầu là đúng - đây không phải là chuyện liên quan đến chiến tranh sinh học, ma túy hay điều gì bất hợp pháp. Vâng, không quá bất hợp pháp.

Nhưng tôi vẫn chưa biết ai là kẻ đã giết họ. Cũng quan trọng không kém, tôi biết họ không phải là tội phạm, và tôi muốn trả lại danh dự cho họ.

Tôi uống hết chỗ cà phê, quẳng mấy tờ báo ra ghế sau và chạy ra đường. Tôi lái xe tới Soundview, một nhà nghỉ cạnh biển xây từ những năm 1950. Tôi vào thẳng phòng quản lý và hỏi thăm về Nash và Foster.

Người thanh niên đứng sau quầy bar nói hai người đàn ông mà tôi tả đã trả phòng và đi rồi.

Tôi lái xe loanh quanh - tôi không muốn nói là không có mục đích, nhưng nếu bạn không biết là đang đi đâu và tại sao thì chắc rằng bạn là công chức nhà nước hoặc bạn đang chẳng có mục đích gì cả.

Tôi quyết định tới Orient Point. Thêm một ngày đẹp trời nữa, hơi lạnh hơn, gió thổi nhiều hơn, nhưng vẫn dễ chịu.

Tôi lái xe tới bến phà Đảo Plum. Tôi muốn coi những chiếc xe đỗ trong bãi xem có hoạt động gì bất thường không, và liệu tôi có thể tình cờ gặp ai đó biết được điều gì. Khi tôi lái xe tới nơi và tiến gần đến chiếc cửa, một nhân viên an ninh của Đảo Plum bước ra ngang đường và giơ tay lên. Là người tử tế, tôi không tông thẳng xe vào người gã. Gã đi quanh ra cửa xe và hỏi tôi, "Tôi có thể giúp gì được ngài không?"

Tôi giơ tấm phù hiệu cảnh sát lên và nói, "Tôi đang làm việc với FBI trong vụ Gordon."

Gã soi kỹ tấm phù hiệu và thẻ của tôi, trong lúc tôi nhìn vào mặt gã. Rõ ràng tôi nằm trong bản danh sách ngắn của gã này gồm những kẻ phá hoại, gián điệp hay loại đàng điếm, và gã cũng không cố giấu điều đó trên nét mặt. Gã nhìn tôi, hắng giọng rồi nói, "Thưa ngài, nếu ngài cho xe vào đằng kia, tôi có thể xin lệnh cho ngài qua."

"Được." Tôi cho xe đỗ bên lề. Tôi đã không nghĩ sẽ có nhân viên an ninh ở ngoài cổng, điều mà tôi phải nghĩ tới. Gã kia đi vào tòa nhà gạch, còn tôi tiếp tục cho xe vào bãi đỗ. Tôi có vấn đề với chính quyền rồi.

Điều đầu tiên tôi nhận ra là hai chiếc xe quân sự đỗ ở bến phà. Tôi thấy trên mỗi chiếc xe có hai người mặc đồng phục. Khi đến gần, tôi có thể nhận ra họ và chiếc xe là của Thủy quân lục chiến. Tôi đã không nhìn thấy

chiếc xe quân sự nào trên Đảo Plum sáng hôm thứ ba, nhưng từ hôm đó đến giờ thế giới đã thay đổi.

Tôi cũng nhận ra một chiếc Caprice màu đen, có thể là chiếc tôi nhìn thấy hôm thứ ba mà bốn người mặc đồng phục đã đi. Tôi ghi lại biển số xe.

Sau đó tôi chạy vòng quanh cả bãi khoảng một trăm xe đang đỗ và thấy chiếc Ford Taurus màu trắng mang biển xe cho thuê. Tôi đoán đây là chiếc mà Nash và Foster đã lái. Hôm nay có chuyện lớn trên Đảo Plum đây.

Không có chiếc phà nào trên bến hay ngoài biển. Ngoài những người lính thủy quân lục chiến đang chờ lái xe của họ lên phà, không còn ai xung quanh đây.

Nhìn qua gương chiếu hậu, tôi thấy bốn - đếm được bốn - nhân viên an ninh mặc đồng phục đang chạy về phía tôi, vẫy tay và gọi to. Rõ ràng là tôi đã hiểu sai ý người gác cổng. Ôi, anh bạn của tôi.

Tôi lái xe về phía bốn người bảo vệ. Tôi nghe thấy tiếng họ la lên, "Dừng lại! Dừng lại!" May mà không phải họ đang định rút súng.

Tôi muốn bản báo cáo tới tay Foster và Nash sẽ rất thú vị, thế nên tôi cho xe chạy vòng tròn quanh bốn người bảo vệ đang hô lên, "Dừng lại! Dừng lại!" Tôi chạy mấy vòng hình số tám rồi chạy ra ngoài trước khi có ai đó đóng chiếc cửa sắt lại và nổi điên lên rút súng ra. Tôi rẽ trái lên đường Main Road và rồ ga hướng về phía tây. Không ai bắn. Đó là vì sao tôi yêu đất nước này.

Trong vòng hai phút, tôi đã đến dải đất hẹp nối Orient với Đông Marion. Bên phải là biển Sound, bên trái là vịnh và rất nhiều chim chóc trên trời. Đường bay bờ biển Đại Tây Dương. Đúng là đi một ngày đàng học một sàng khôn.

Đột nhiên, một con mòng biển lớn màu trắng lao thẳng vào tôi từ trên trời. Đó là đường bay biểu diễn có bấm giờ chính xác, một cú bổ nhào thẳng đứng, tiếp theo là động tác xòe cánh làm giảm tốc độ bổ nhào, sau đó là lấy lại thăng bằng và vút lên cao; rồi với sự tính toán thời gian hoàn hảo, nó trút bom, để lại một bãi nửa tím nửa xanh tung tóe trên kính xe. Một ngày sao mà đen đủi.

Tôi nhấn cần gạt nước, nhưng bình nước rửa kính cũng hết sạch, những vết bẩn xoa kín kính xe trước tầm nhìn của tôi. Khiếp quá, khiếp quá. Tôi dừng xe lại. "Chết tiệt." Vốn có tài xoay xở, tôi lấy chai rượu Tobin Merlot đắt tiền để trên ghế sau ra và lấy con dao kiểu quân đội Thụy sỹ có cái mở nắp rượu từ trong hộp để đồ. Tôi mở chai rượu và tưới một chút Merlot lên kính xe trong khi cần gạt nước hoạt động. Tôi uống một chút rượu. Không tồi. Tôi tưới thêm lên kính và uống thêm một ngụm. Một anh tài chạy xe qua bóp còi và vẫy tay với tôi. May sao, loại bom này có xuất xứ hầu hết là từ thứ để làm ra rượu vang nên kính xe cũng khá sạch, chỉ trừ màu tím trên kính. Tôi uống nốt chai rượu và quẳng vỏ chai lên ghế sau.

Tôi lại tiếp tục trên đường. Tôi nghĩ về Emma Whitestone. Tôi thuộc loại đàn ông *luôn* gửi hoa cho các cô gái vào ngày hôm sau. Nhưng gửi hoa cho một người bán hoa thì có lẽ hơi thừa. Với tất cả những gì tôi biết, phiếu đặt hoa của tôi sẽ đến tay nàng. Nàng sẽ trang trí bó hoa rồi tự tặng cho mình. Ngốc thế là cùng, Emma sẽ nói vậy. Tôi cần một món quà cho nàng. Một chai rượu vang Tobin cũng không hợp. Ý tôi là, họ từng là tình nhân của nhau. Nàng còn có tất cả các loại đồ thủ công mỹ nghệ của địa phương và những thứ linh tinh bán ở cửa hàng nàng. Chết tiệt, chuyện này khó nghĩ thật. Tôi ghét mua đồ trang sức hay quần áo cho phụ nữ, nhưng có lẽ giờ đó là điều tôi phải làm.

Trở lại đường Main Road, tôi dừng lại ở một trạm bán xăng và đổ xăng. Tôi cũng đổ đầy nước vào bình chứa nước rửa kính và rửa sạch kính rồi bỏ

tiền mua một tấm bản đồ địa phương.

Tôi tranh thủ cơ hội quan sát trên đường xem có ai đỗ xe gần đó dòm ngó tôi hay không. Có vẻ như không có ai theo dõi, mà tôi thì rất giỏi phát hiện ra đuôi, cho dù có xảy ra vụ ở phố 102 Đông.

Tôi không nghĩ mình đang gặp nguy hiểm, nhưng vẫn tính chuyện về nhà lấy súng rồi lại quyết định thôi không về.

Giờ vũ khí bên người tôi không có gì hơn là một tấm bản đồ và một bộ óc cao cấp. Tôi chạy xe về phía bắc, nơi có những gò cao sát bờ biển. Một chút khó khăn, cuối cùng tôi cũng tìm được con đường đầy bụi đất dẫn đến chỗ tôi cần đến. Tôi đỗ lại, xuống xe và trèo lên đỉnh gò.

Lần này, tôi sục sạo quanh những bụi cây thấp và những lùm cỏ. Tôi tìm thấy tảng đá nơi tôi đã ngồi và nhận thấy nó đủ lớn để có thể dùng làm điểm mốc nếu có chôn giấu thứ gì đó nơi đây.

Tôi đến chỗ mép của vách đứng. Rõ ràng trong ba trăm năm qua đã có một lượng lớn đất bị xói mòn nên có thứ gì đó chôn ở sườn phía bắc - phía biển Sound - của quả gò có thể đã bị lộ ra bởi gió và nước, và có thể đã lăn xuống bãi biển. Tôi đang sắp xếp lại mọi thứ với nhau.

Tôi đi xuống dưới chân gò và lên xe. Sử dụng tấm bản đồ mới, tôi tìm đường tới phía tây của lạch nước Mattituck. Và đây chính là nó - không, không phải là những cái cây của thuyền trưởng Kidd, mà là một tấm biển đề "Đất của thuyền trưởng Kidd." Có vẻ như một người chia đất nào đó có ý định tiếp thị. Tôi lái xe vào trong khu đất của thuyền trưởng Kidd, một bộ sưu tập nhỏ những căn nhà trang trại của thập kỉ 1960. Một chú nhóc - đúng nghĩa đen - đang đạp xe, tôi dừng lại và hỏi, "Cháu có biết những cái cây của thuyền trưởng Kidd ở đâu không?"

Thằng bé, độ mười hai tuổi, không đáp.

Tôi nói, "Người ta bảo có một nơi gần lạch nước, ở đó có những cái cây gọi là cây của thuyền trưởng Kidd."

Thằng bé nhìn tôi rồi chiếc xe bốn bánh của tôi, và tôi đoán nó thấy tôi giống nhân vật trong phim Idiana Jones. Nó hỏi tôi, "Chú đi tìm kho báu à?"

"Ồ... không, chú chỉ muốn chụp ảnh những cái cây đó thôi."

"Ông ấy chôn hòm báu vật dưới một trong những cái cây đó."

Dường như tất cả mọi người trừ tôi đều biết rõ chuyện này. Đó là điều xảy ra khi ta không chú ý. Tôi nói với chú nhóc, "Những cái cây đó ở đâu?"

"Các bạn cháu và cháu đã có lần đào một cái hố thật to, trước khi cảnh sát đuổi chúng cháu đi. Những cái cây đó ở trong một công viên, nên chú không thể đào ở đó được đâu."

"Chú chỉ muốn chụp mấy bức ảnh thôi."

"Nếu chú muốn đào thì cháu sẽ canh chừng cảnh sát cho."

"Được. Dẫn đường cho chú đi."

Tôi đi theo chú nhóc trên chiếc xe đạp tới một con đường quanh co dốc xuống biển Sound và kết thúc ở một công viên trên bãi biển, nơi mấy bà mẹ trẻ đang ngồi cạnh đám trẻ con trong xe tập đi. Bên phải là lạch nước Mattituck và một bến du thuyền. Tôi cho xe đỗ sang lề và ra khỏi xe. Tôi không thấy có cây sồi lớn nào, chỉ toàn những bụi cây nhỏ và thân cây còi cọc phía bên kia đường. Công viên giới hạn bởi bờ biển ở phía bắc và lạch nước ở phía đông. Ở phía bên kia công viên, về hướng tây, tôi thấy một gò đất thấp dần xuống dưới mặt nước. Ở phía nam nơi tôi và chú nhóc vừa đến là nơi đất nhô lên cao, chính là đất của thuyền trưởng Kidd."

Chú nhóc hỏi tôi, "Xẻng của chú đâu?"

“Chú chỉ chụp ảnh thôi.”

“Thế máy ảnh của chú đâu?”

“Tên cháu là gì?”

“Billy. Còn chú?”

“Johnny. Có phải chỗ này không?”

“Chắc chắn mà.”

“Những cái cây của thuyền trưởng Kidd ở đâu?”

“Đằng kia. Trong công viên.”

Chú nhóc chỉ tới một bãi đất lớn. Nó có vẻ như là một khoảng đất công viên không bị thay đổi tình trạng tự nhiên, được bảo tồn thiên nhiên tốt hơn những gì mà đầu óc của một gã Manhattan như tôi có thể tưởng tượng về công viên. Nhưng tôi vẫn không thấy có cây sồi lớn nào. Tôi nói với chú nhóc, “Chú có thấy cái cây nào đâu.”

“Kia kìa.” Nó chỉ cho tôi những cây sồi còi cọc, cây anh đào dại và những thứ cây tạp chủng khác, không có cây nào cao quá sáu mét. Thằng bé nói, “Chú nhìn thấy cái cây to kia không? Đó là chỗ cháu và Jerry đào. Một đêm nào đó chúng cháu sẽ quay lại.”

“Ý tưởng hay đấy. Qua bên đó xem sao.”

Billy để chiếc xe trên bãi cỏ, và tôi cùng người bạn mới đi bộ trên bãi. Cỏ mọc cao, nhưng những bụi cây có khoảng không rộng nên đi lại cũng dễ. Rõ ràng là thằng nhóc Billy này không tập trung trong giờ học về khoa học trái đất, nếu không thì nó đã biết rằng mấy cái cây này không thể có ba bốn trăm năm tuổi. Thực ra, tôi cũng không mong sẽ thấy những cây sồi cao ba bốn chục mét với hình đầu lâu xương chéo khắc trên thân.

Billy nói, “Chú có xẻng trong xe không?”

“Không. Hôm nay chú chỉ đi xem trước thôi. Ngày mai bọn chú sẽ tới đây và mang theo máy ủi.”

“Thật hả? Nếu chú tìm được kho báu thì phải chia đấy nhé.”

Tôi bắt chước giọng của một tên cướp biển nói, “Nếu ta tìm thấy kho báu, chú nhóc kia, ta sẽ cắt cổ tất cả những kẻ đòi chia của.”

Billy hai tay ôm lấy cổ và phát ra tiếng ộc ộc.

Tôi vẫn tiếp tục bước đi, chân đá vào nền đất cát, cho tới khi tôi tìm được nơi tôi đang tìm - một gốc cây khổng lồ đã mục phân nửa, bên trên phủ đầy đất và các loại cây con. Tôi nói với Billy, “Cháu có bao giờ nhìn thấy những gốc cây khác giống thế này không?”

“Ồ, có. Chúng như có ở khắp mọi nơi.”

Tôi nhìn quanh và hình dung ra những cây sồi nguyên sinh từng đứng sừng sững nơi này trong thời kỳ thuộc địa, trên mảnh đất bằng phẳng bên cạnh lạch nước lớn trong vùng biển Sound. Đây là một bến cảng tự nhiên cho tàu thuyền và dân đi biển. Tôi tưởng tượng ra một con tàu ba buồm đang vào biển Sound và thả neo ngoài khơi. Mấy người thủy thủ dùng xuồng bơi vào lạch nước và lên bờ ở chỗ tôi đỗ xe trên đường. Họ buộc chiếc xuồng vào một gốc cây và lội lên bờ. Họ đang mang theo thứ gì đó - một chiếc hòm - giống như Tom và Judy mang chiếc thùng lên bờ. Những người thủy thủ - William Kidd và mấy người khác - đi vào rừng sồi, chọn một cái cây, đào hố, chôn chiếc hòm, đánh dấu cái cây theo cách nào đó rồi đi ra, định rằng một ngày nào đó sẽ quay trở lại. Tất nhiên, họ không bao giờ trở lại. Đó là lí do vì sao có nhiều truyền thuyết như vậy về kho báu được chôn vùi.

Billy nói, “Đó là cái cây mà cháu và Jerry đã đào. Chú có muốn xem không?”

“Có chứ.”

Chúng tôi tới cạnh một cây anh đào dại xương xẩu và nghiêng ngả vì gió cao chừng bốn, năm mét. Billy chỉ vào gốc cây, chỗ có một cái hố nông đã lấp một nửa bằng cát. Chú nhóc nói, "Đây này."

"Sao cháu không đào ở bên kia gốc cây? Sao không đào cách ra một chút?"

"Cháu không *biết*.., chúng cháu chỉ đoán thôi. Này, chú có bản đồ không. Bản đồkho báu ấy?"

"Chú *có*. Nhưng nếu chú cho cháu xem thì chú sẽ bắt cháu nhảy từ tàu xuống biển đấy."

"Aaahhh!" Thằng bé bắt chước khá giống cảnh người nhảy khỏi tấm ván bắc trên thành tàu xuống biển.

Tôi quay về chỗ đỗ xe, anh bạn nhỏ Billy đi bên cạnh. Tôi hỏi, "Sao hôm nay cháu không đi học?"

"Hôm nay là ngày Rosh Hashanah."

"Cháu là người Do Thái à?"

"Không, nhưng Danny bạn cháu là người Do Thái."

"Thế Danny đâu?"

"Bạn ấy đến trường."

Thằng nhóc này có khiếu làm luật sư.

Chúng tôi quay ra xe. Tôi tìm được một tờ năm đô la trong ví. "Tốt lắm, Billy, cám ơn cháu đã giúp."

Thằng bé cầm tờ tiền và nói, "Vâng, cám ơn chú! Chú có cần giúp thêm gì không?"

"Không, chú phải về để báo cáo với Nhà Trắng."

"Nhà Trắng?"

Tôi dựng chiếc xe đạp dậy và đẩy cho chú nhóc. Tôi lên xe và nổ máy. Tôi bảo nó, "Cái cây mà cháu đang đào không đủ tuổi để có ở đó vào thời của Thuyền trưởng Kidd đâu."

"Thật hả?"

"Thuyền trưởng Kidd sống cách đây ba trăm năm."

"Chà."

"Cháu biết những gốc cây mục nát trên mặt đất chứ? Đó là những cây to khi thuyền trưởng Kidd lên bờ ở đây. Thử đào quanh một gốc xem sao."

"Vâng, cám ơn chú!"

"Nếu cháu tìm thấy kho báu, chú sẽ quay lại lấy phần của chú đấy nhé."

"Jerry có thể sẽ cắt cổ chú."

"Aaaaarrrghhh!"

Và tôi lái xe đi khỏi.

Điểm dừng tiếp theo, một món quà cho Emma. Trên đường đi, tôi ghép thêm một phần của ô chữ trong đầu.

Quả thật là có thể có nhiều hơn một kho báu được chôn giấu, nhưng kho báu mà vợ chồng Gordon đang tìm, và rất có thể đã tìm được, được chôn ở Đảo Plum. Tôi khá chắc chắn về điều này.

Và Đảo Plum là đất của chính phủ, vì thế bất cứ thứ gì lấy lên từ lòng đất đều thuộc về chính phủ, cụ thể là bộ Nội vụ.

Vì vậy, cách đơn giản để đánh lừa Caesar lấy kho báu trên đất của Caesar là chuyển kho báu đến đất của mình. Tuy nhiên, nếu đi thuê, ta sẽ gặp rắc rối. Và thế là có một mẫu đất bên bờ biển mua của bà Margaret Wiley.

Tuy nhiên, vẫn còn mấy câu hỏi nữa. Một là, tại sao vợ chồng Gordon biết có thể có một kho báu chôn trên Đảo Plum? Trả lời: họ biết được qua mối quan tâm của mình và vì tham gia hội Lịch sử Peconic. Hoặc, một người khác đã biết từ lâu rằng có một kho báu trên Đảo Plum nhưng người đó không được quyền lên đảo, rồi người này làm quen với vợ chồng Gordon vì họ là những nhân viên cấp cao và hầu như không bị hạn chế đi lại trên đảo. Cuối cùng, người này tiết lộ cho vợ chồng Gordon biết và âm mưu được sắp đặt, hai bên lập một giao ước kí bằng máu dưới ánh sáng của một ngọn nến bập bùng, hay thứ gì đó.

Tom và Judy là những người tốt, nhưng họ không phải thần thánh. Tôi nghĩ về điều mà Beth đã nói - "Vàng làm thánh lóa mắt" - và tôi hiểu ra câu đó đúng đến nhường nào.

Vợ chồng Gordon hiển nhiên dự định sẽ chôn lại kho báu trên khu đất của họ, sau đó vờ như phát hiện ra và công bố cho thiên hạ biết, đóng thuế đầy đủ cho chính quyền liên bang và bang New York. Có thể người đối tác kia lại có ý khác. Câu chuyện là vậy. Người kia không hài lòng với phần chia năm mươi phần trăm số của cải sẽ phải đóng thuế rất nhiều.

Điều này làm tôi đặt câu hỏi rằng kho báu có thể trị giá đến bao nhiêu. Đương nhiên là phải đủ lớn để người ta giết chết hai mạng người.

Như tôi vẫn dạy trên lớp học, một giả thuyết phải phù hợp với tất cả các dữ kiện thực tế. Nếu không, ta sẽ phải kiểm tra lại các dữ kiện thực tế. Nếu các dữ kiện là chính xác thì giả thuyết đó không có giá trị và ta phải thay đổi giả thuyết.

Trong trường hợp này, hầu hết các dữ kiện ban đầu đều hướng tới giả thuyết sai. Bỏ điều đó sang một bên, cuối cùng tôi đã có được cái mà các nhà vật lý học gọi là thuyết thống nhất - các cuộc khai quật gọi là khảo cổ trên Đảo Plum, chiếc tàu cao tốc đắt tiền, căn nhà thuê giá cao ở sát biển,

chiếc tàu *Spirochete* đậu ngoài khơi Đảo Plum, làm thành viên của hội Lịch sử Peconic, một mẫu đất có vẻ như vô tác dụng bên bờ biển Sound, và có thể còn cả chuyến đi tới Anh. Cộng thêm vào đó là việc vợ chồng Gordon treo lá cờ đầu lâu xương chéo kỳ quái, chiếc thùng bị mất tích và con số có tám chữ số trong cuốn hải đồ của họ. Kết hợp tất cả với nhau, bạn sẽ có được thuyết thống nhất vững chắc gắn những điều tưởng như chẳng liên quan gì nhau đó lại.

Hoặc - và đây là một chữ hoặc lớn - Tôi đã mất quá nhiều máu ở não, và tôi hoàn toàn sai hoàn toàn vô căn cứ, không có khả năng trí óc cho công việc của một điều tra viên, nhưng may mắn được giao phụ trách một khu ở đảo Staten, thành phố New York.

Điều đó cũng có thể lắm. Cứ nhìn Nash và Foster mà xem, hai gã khá khôn ngoan đó với tất cả các phương tiện trên thế giới này trong tay, vậy mà vẫn hoàn toàn đi lạc, vẫn lần theo những đầu mối sai. Hai người đó có đầu óc tốt, nhưng vẫn bị trói buộc trong trong thế giới quan chật hẹp của mình: mưu đồ quốc tế, chiến tranh sinh học, khủng bố quốc tế, toàn những thứ kiểu đó. Có lẽ còn chưa bao giờ nghe đến tên thuyền trưởng Kidd. Tốt thôi.

Nhưng dù đã có thuyết thống nhất, tôi vẫn còn những vấn đề chưa biết và những điều chưa hiểu. Một điều mà tôi chưa biết là ai đã giết Tom và Judy Gordon. Đôi khi ta tóm được kẻ giết người thậm chí trước khi có đủ mọi dữ kiện hoặc trước khi ta hiểu được ta thực sự có gì - trong những trường hợp như vậy, kẻ giết người sẽ tỏ ra tốt bụng và giải thích cho ta rằng ta đã bỏ qua điều gì, đã hiểu sai điều gì, động cơ của hắn là gì, v.v... Khi tôi nhận được một lời thú tội, tôi muốn không chỉ là việc nhận tội - tôi muốn rút ra một bài học từ chiếc đầu phạm tội. Điều này có ích cho những lần sau, mà bao giờ cũng có một lần sau như thế.

Trong vụ này, tôi đã có được điều mà tôi cho là động cơ phạm tội, nhưng chưa tìm được kẻ giết người. Tất cả những gì tôi biết về hắn là hắn rất thông minh. Tôi không nghĩ là vợ chồng Gordon lại sắp đặt mưu đồ với một tên đần độn.

Một trong những điểm trên tấm bản đồ trong đầu tôi về vụ này là *những vườn nho của Tobin*. Ngay cả lúc này, sau khi quan tâm đến câu chuyện về thuyền trưởng Kidd và tìm được thuyết thống nhất của mình, tôi vẫn không biết phải đặt mối quan hệ giữa Fredric Tobin và vợ chồng Gordon vào đâu cho phù hợp trong toàn bộ bức tranh.

Ồ, có lẽ tôi có thể... tôi hướng xe về phía *những vườn nho của Tobin*.

CHƯƠNG 20

Chiếc xe Porsche màu trắng của ông chủ đang nằm trong bãi để xe. Tôi đỗ lại, xuống xe và đi vào xưởng rượu.

Tầng trệt của tòa tháp trung tâm nối với nhiều chái nhà khác nhau. Tôi đi qua khu lễ tân dành cho khách, cầu thang và thang máy đều có biển đề "Dành riêng cho nhân viên." Thực ra chiếc thang máy mà Tobin đi ra khi tôi gặp gã lần đầu có khóa riêng, vì thế tôi đi bằng cầu thang bộ, thứ dù sao tôi vẫn thích hơn. Cầu thang bộ là một lối thoát hiểm xây bằng thép và bê tông trong tòa tháp được ốp bằng gỗ tuyết tùng. Ở mỗi tầng đều có một chiếc cửa sắt, trên cửa có biển đề: "Tầng hai, Kế toán, Nhân sự, Thanh toán"; "Tầng ba, Kinh doanh, Tiếp thị, Vận chuyển", v.v...

Trên tầng bốn, tấm biển ở cửa đề "Văn phòng Điều hành." Tôi tiếp tục leo lên tầng năm, nơi cũng có một chiếc cửa sắt nhưng không đề biển. Tôi kéo tay nắm, nhưng cửa đã khóa. Tôi nhận ra một chiếc camera theo dõi và máy liên lạc nội bộ.

Tôi quay trở xuống tầng bốn nơi cánh cửa của văn phòng điều hành dẫn vào một nơi tiếp khách. Một chiếc quầy lễ tân tròn đặt ở giữa phòng nhưng không thấy ai đứng đó. Từ phòng tiếp khách bốn chiếc cửa để mở dẫn tới các phòng làm việc có hình chiếc bánh, kiểu thiết kế cho sàn nhà hình tròn. Mỗi phòng làm việc có một cửa sổ to, đẹp phía trong tháp. Chiếc cửa thứ năm đóng kín.

Tôi không thấy có ai ngồi bên những chiếc bàn trong các phòng mở cửa. Lúc này là 1 giờ 30 và tôi đoán là mọi người đang ăn trưa.

Tôi bước vào chỗ lễ tân và quan sát xung quanh. Đồ đạc trông như bằng da thật, màu tím, đương nhiên rồi. Trên tường là những bức tranh bắt chước de Kooning và Pollock - hoặc ảnh các con, cháu của nhân viên làm việc ở đây nước dãi chảy đầy miệng. Một chiếc camera theo dõi đang hướng vào tôi, tôi vẫy tay.

Cánh cửa đóng khi nãy mở ra và một người phụ nữ trạc ba mươi tuổi trông nhanh nhẹn xuất hiện. Cô hỏi tôi, "Tôi giúp gì được ngài không?"

"Xin nói với ông Tobin là có ông Corey ở đây cần gặp ông ấy."

"Ngài có hẹn trước không, thưa ngài?"

"Tôi có hẹn không cố định giờ với ông ấy."

"Ông Tobin sắp đi ăn trưa. Thật ra, ông ấy đang bị muộn."

"Thế thì tôi sẽ lái xe cho ông ấy. Xin cứ nói là tôi ở đây." Tôi ghét phải chìa phù hiệu trong phòng làm việc của một ai đó trừ khi tôi đến để giúp họ hoặc để tra tay gã nào đó vào còng. Đó là chỗ mà đôi khi người cần gặp sẽ giận tím mặt nếu ta dọa các nhân viên trong phòng bằng tấm phù hiệu và xông thẳng vào. Tôi nói với cô gái, "Nói với ông ấy tôi có việc quan trọng."

Cô gái trở lại phòng, gõ cửa, đi vào trong và đóng cửa lại. Tôi chờ đến quá một phút, điều thực sự là kiên nhẫn đối với tôi, rồi đi vào. Tobin và cô gái kia đang đứng bên cạnh bàn của gã nói chuyện. Gã xoa xoa bộ râu ngắn của mình, trông có vẻ một con người hiểm ác. Gã mặc áo khoác màu đỏ tía, quần đen và áo sơ mi hồng. Gã quay về phía tôi, nhưng không đáp lại nụ cười thân thiện của tôi.

Tôi nói, "Xin lỗi vì tự tiện xông vào như thế này, thưa ngài Tobin, nhưng tôi đang bị sức ép về thời gian, và tôi biết là ngài sẽ không chấp."

Gã bảo cô gái đi chỗ khác, còn gã vẫn đứng đó. Gã đúng là một quý ông thực sự, thậm chí còn không để lộ nét tức giận nào trên mặt. Gã nói, "Đây

là một điều hân hạnh không được báo trước."

Tôi thích cách thể hiện như thế. Tôi đáp, "Với tôi cũng vậy. Ý tôi là, tôi tưởng sẽ không gặp lại ngài cho đến bữa tiệc, thế rồi đột nhiên, tên của ngài xuất hiện."

"Tại sao lại xuất hiện?"

Khi tôi xơi cô bạn gái cũ của ông đấy. Thực ra thì tôi đáp lại lịch sự hơn thế này, "Khi tôi đang nói chuyện với một người về vụ án, ông biết đấy, về Tom và Judy, về tình yêu của họ với rượu vang và họ vui như thế nào vì quen biết với ngài. Tuy nhiên, người này vô tình nói rằng cô ấy có biết ông và biết cả Tom và Judy. Tên của ngài xuất hiện là như thế."

Gã không cắn câu mà đáp lại, "Và đó là lý do anh tới đây?"

"Ồ, không." Tôi không nói thêm mà để lửng ở đó. Gã vẫn đang đứng, lưng quay về phía cửa sổ. Tôi đi quanh chiếc bàn và nhìn ra cửa sổ. "Cảnh đẹp thật."

"Cảnh đẹp nhất ở North Fork đấy, trừ khi anh sống trong một ngọn hải đăng."

"Đúng vậy." Cửa sổ quay về phía bắc, qua những vườn nho của gã. Một vài trang trại và vườn cây ăn quả trong cánh đồng nho của gã trông giống như những miếng vải can trang trí thật đẹp. Ở phía xa, đất trồi lên nơi những gò băng, và từ độ cao này, tôi có thể nhìn qua những gò đất đó tới biển Sound. Tôi nói, "Ngài có ống nhòm không?"

Gã ngập ngừng rồi tới một chiếc bàn máy tính tìm cho tôi chiếc ống nhòm.

"Cám ơn ngài." Tôi chỉnh ống nhòm quan sát vùng biển Sound và nói, "Tôi có thể thấy bờ biển Connecticut."

"Vâng."

Tôi quay sang bên trái và hướng về phía quả gò mà tôi nghĩ là của Tom và Judy. Tôi nói với Tobin, "Tôi vừa mới biết rằng vợ chồng Gordon có mua một mẫu đất ở ngoài kia. Ngài có biết chuyện ấy không?"

"Không."

Đó không phải là điều Emma nói với tôi, Fredric ạ. Tôi nói, "Họ có thể đã sử dụng phần nào tư duy nghề nghiệp của họ. Hai vợ chồng bỏ ra hai mươi lăm nghìn đô la để mua một miếng đất không xây dựng được."

"Họ đáng lẽ phải biết là quyền xây dựng đã được bán cho nhà nước hay chưa."

Tôi đặt ống nhòm xuống và nói, "Tôi chưa nói gì về việc quyền xây dựng được bán cho nhà nước. Tôi chỉ nói là họ không xây dựng được trên mảnh đất đó. Đó có thể là do vị trí đất, không nước giếng, không có điện, hoặc do điều gì đó. Vậy tại sao ngài lại nghĩ quyền xây dựng đã được bán cho nhà nước trên mảnh đất đó?"

Gã đáp, "Thật ra tôi có thể đã nghe về chuyện này."

"Ồ. Thế là ngài thực sự có biết họ đã mua một mảnh đất."

"Tôi nghĩ là có ai đó đã nhắc tới chuyện này với tôi. Tôi không biết mảnh đất đó ở đâu. Chỉ nghe là nó không được quyền xây dựng."

"Đúng." Tôi quay lại phía cửa sổ và hướng ống nhòm trở lại phía những gò đất. Ở phía tây, mặt đất cao đột ngột hụt xuống nơi lạch Mattituck chảy qua, và tôi thấy được nơi có tên là *những cái cây của thuyền trưởng Kidd* và *đất của thuyền trưởng Kidd*. Xa hơn phía bên phải, tôi có thể nhìn thấy rõ Greenport, thấy được hình của Orient Point và Đảo Plum. Tôi nói, "Ở đây còn tốt hơn khu quan sát trong tòa nhà Empire State Building ở thành phố New York. Không cao bằng, nhưng"

"Tôi có thể giúp gì được anh không, Corey?"

Tôi phớt lờ câu hỏi và nói, "Ngài biết đấy, ngài ở đỉnh cao của thế giới. Ý tôi là, hãy nhìn vào tất cả những thứ này. Bốn trăm mẫu đất, một ngôi nhà bên bờ biển, một nhà hàng, một chiếc xe Porsche, và ai mà biết còn những gì khác nữa. Ngài ngồi đây trên một tòa tháp năm tầng - à này, trên tầng năm có gì đấy?"

"Đó là phòng riêng của tôi."

"Chà. Các quý cô có thích nó không?"

Gã không đáp lại câu hỏi mà nói, "Tôi đã nói chuyện với luật sư của tôi sau khi gặp anh ngày hôm qua."

"Thật không?"

"Ông ấy khuyên tôi không nên nói chuyện với cảnh sát mà không có luật sư."

"Đó là quyền của ngài. Tôi cũng đã nói rồi mà."

"Luật sư của tôi tìm hiểu thêm thì được biết hóa ra anh không còn được cảnh sát trưởng Maxwell thuê làm cố vấn trong vụ này, và anh cũng không được cảnh sát thị trấn thuê làm việc khi anh nói chuyện với tôi."

"Được, giờ thì đó là một điểm có thể bàn cãi."

"Bàn cãi được hay không thì anh cũng không còn có địa vị chính thức gì ở đây nữa."

"Đúng thế. Và vì tôi không còn là cảnh sát nên ngài có thể nói chuyện với tôi. Điều này có lợi đấy."

Fredric Tobin phớt lờ và nói, "Luật sư của tôi đã hứa hợp tác với cảnh sát thị trấn, cho tới khi ông ấy phát hiện ra rằng cảnh sát trưởng Maxwell không cần đến hoặc không muốn sự hợp tác của ông ấy. Cảnh sát trưởng Maxwell khó chịu với việc anh đến đây và tra hỏi tôi. Anh đã làm tôi và anh ấy khó xử." Tobin nói thêm, "Tôi là người đóng góp hào phóng cho

các chính trị gia quan trọng ở đây, và tôi cũng đã rất hào phóng dành thời gian và tiền bạc để tu sửa các di tích lịch sử, tài trợ cho những người chép sử, đóng góp cho bệnh viện và các khoản từ thiện có giá trị khác, trong đó có Hiệp hội từ thiện cảnh sát. Thế đã đủ rõ về tôi chưa?"

"Ồ, hoàn toàn rõ. Từ khoảng mười câu trước rồi. Tôi chỉ đến đây xem có thể đưa ngài đi ăn trưa hay không?"

"Tôi đã có hẹn bữa trưa, cám ơn anh."

"Được, có lẽ để lúc khác."

Gã nhìn đồng hồ và nói, "Tôi quả thật là phải đi bây giờ."

"Không sao. Tôi sẽ đi xuống tầng dưới cùng ngài."

Gã hít một hơi thở sâu và gật đầu.

Chúng tôi rời phòng làm việc của Tobin và đi ra chỗ lễ tân. Gã nói với người lễ tân, "Ông Corey và tôi đã bàn xong chuyện, anh ấy không cần phải quay lại đây nữa."

Ái chà, nói chuyện lịch sự đi chứ. Thằng cha này có thể dúi quả ớt bôi dầu vào người bạn, và bạn thậm chí còn không biết gì trong mấy ngày.

Tobin cắm chìa khóa vào ổ khóa thang máy và chiếc thang xuất hiện chỉ trong giây lát. Chúng tôi vào bên trong và đi xuống. Để phá vỡ sự im lặng khó xử, tôi nói, "Ngài biết chai Merlot mà tôi mua chứ? Nó thật là được việc. Chuyện này quả là ngu ngốc, có thể là buồn cười, nhưng tôi không nghĩ là ngài sẽ thấy nó buồn cười - tôi phải dùng nó để rửa phân chim trên kính xe của tôi."

"Cái gì cơ?"

Thang máy mở cửa và chúng tôi bước ra. Tôi nói, "Một con mòng biển thả bom xuống kính xe của tôi." Tôi giải thích. Gã liếc nhìn đồng hồ lần nữa. Tôi kết luận, "Nửa mà tôi uống thật là tuyệt. Không quá bốc."

Gã nói, "Đó là sự phung phí quá đáng rượu vang nho."

"Tôi biết ngài sẽ nói như vậy."

Gã đi qua chiếc cửa nối với khu lễ tân dành cho khách và tôi đi cùng gã.

Ra đến bãi đỗ xe, tôi nói, "À này, cái cô mà làm tôi nghĩ tới ngài ấy - nhớ không?"

"Nhớ."

"Cô ấy bảo cô ấy là bạn của ngài. Nhưng có rất nhiều người nhận là bạn ngài, giống như vợ chồng Gordon ấy, mà thực ra họ chỉ là những người quen biết muốn được thơm lây với ngài."

Gã không đáp. Khó mà nhử được gã địa chủ này cắn câu. Tobin sẽ không để mất tỉnh táo.

Tôi nói, "Dù sao cô ấy cũng nói cô ấy là bạn ngài. Ông biết Emma Whitestone chứ?"

Gã như bước hụt chân một chút, rồi lại tiếp tục đi và dừng lại bên chiếc xe của mình. Gã nói, "Có, cô ấy là bạn gái của tôi khoảng một năm trước."

"Và giờ hai người vẫn là bạn?"

"Tại sao không?"

"Tất cả những cô cũ của tôi đều muốn giết tôi."

"Tôi không thể tưởng tượng được tại sao?"

Tôi cười thầm vì chuyện này. Rất kì lạ là tôi dường như vẫn thích gã, mặc dù tôi nghi ngờ gã đã giết hai người bạn của tôi. Đừng hiểu sai về tôi - nếu gã thực sự đã làm điều đó, tôi sẽ làm mọi cách để được xem gã ngồi trên ghế điện, hay bất kì hình thức nào mà bang này sử dụng để kết liễu cuộc đời của kẻ giết người bị lên án đầu tiên. Còn lúc này, nếu gã lịch sự, tôi cũng sẽ lịch sự.

Một điều kì lạ khác là kể từ sau lần nói chuyện với nhau trước, giữa chúng tôi đã có điều gì đó chung. Cả hai chúng tôi đã đến nơi mà rất ít người đã từng đến... vâng, có thể không chỉ là vài ngày. Tôi dường như muốn vỗ lưng gã và nói, "Này, Freddie, với ông nó có được như với tôi không nhỉ?" hay một câu gì đó như thế. Nhưng đàn ông không hôn nhau và nói như vậy.

Fredric Tobin nói, "Anh Corey, tôi cảm giác như anh nghĩ là tôi biết nhiều hơn những gì tôi nói với anh về vợ chồng Gordon thì phải. Tôi khẳng định với anh là tôi chỉ biết có vậy. Tuy nhiên, nếu cảnh sát quận hoặc cảnh sát thị trấn muốn lấy lời khai của tôi, tôi sẽ vui vẻ tuân theo. Trong khi đó, anh được chào đón ở đây với tư cách là khách hàng, và anh được chào đón tới nhà tôi với tư cách là khách mời. Anh không nên đến văn phòng của tôi và không nên thẩm vấn tôi thêm một điều gì nữa."

"Nghe có lí đấy."

"Chúc một ngày tốt lành."

"Chúc bữa trưa ngon miệng."

Gã lên chiếc xe Porsche và dông thẳng.

Tôi nhìn lại tòa tháp nơi có lá cờ Tobin màu đen treo bên trên. Nếu Tobin có giấu một vật chứng gì đó, nơi giấu có thể sẽ là nhà của gã ở cạnh bờ biển hoặc có thể là căn phòng riêng của gã ở trên tầng cao nhất của tòa tháp. Rõ ràng một cuộc lục soát với sự đồng ý của gã là điều không tưởng, và cũng không có vị thẩm phán nào sẽ chịu ký lệnh khám, vì thế có vẻ như tôi sẽ phải tự cấp cho mình một lệnh khám nửa đêm.

Tôi trở lại chiếc xe Jeep của mình và tiếp tục trên đường. Tôi gọi về chiếc máy trả lời tự động và nhận được hai tin nhắn. Tin nhắn đầu tiên là của một gã chết tiệt thô lỗ nào đó không xưng tên từ Đội kiểm soát vắng mặt của sở cảnh sát New York bảo tôi rằng cuộc kiểm tra sức khỏe sẽ

chuyển lên thứ ba tới và đòi tôi phải trả lời xác nhận tin nhắn. Cứ khi nào các ông chủ không quản được bạn là lại nhờ phòng nhân sự hoặc nơi phát lương hay đội y tế gọi cho bạn về điều gì đó mà bạn phải hồi đáp. Tôi ghét cái kiểu lén lút như thế.

Tin nhắn tiếp theo là của người cộng sự cũ của tôi, Beth Penrose. Nàng nói, "Chào, John. Xin lỗi vì không gọi cho anh sớm hơn được, nhưng ở đây đang điên cả rồi. Em biết là anh không còn chính thức tham gia vụ này, nhưng em có mấy điều muốn trao đổi với anh. Em đến chiều mai được không? Gọi cho em hoặc là em sẽ gọi cho anh, chúng ta sẽ hẹn thời gian và địa điểm. Bảo trọng nhé."

Thế đấy. Giọng nàng thân mật, nhưng không được thân mật như lần cuối cùng chúng tôi nói chuyện trực tiếp với nhau. Đó là chưa kể nụ hôn lên má. Tôi cho rằng cũng không nên tỏ ra quá vồn vã trên một chiếc máy trả lời tự động. Hơn nữa, bất kì sức nóng nào hình thành trong hai ngày căng thẳng kia cũng sẽ đương nhiên phải nguội đi khi nàng trở lại với công việc của nàng và thế giới của nàng. Điều đó thường xảy ra.

Giờ nàng muốn trao đổi với tôi một vài điều, có nghĩa là nàng muốn biết tôi đã khám phá được gì, nếu có. Đối với Beth Penrose, tôi đã trở thành chỉ là một nhân chứng. Có thể là tôi đang hoài nghi. Nhưng có lẽ tôi phải gạt Beth Penrose ra khỏi đầu tôi để dành chỗ cho Emma Whitestone. Tôi chưa bao giờ giỏi trong chuyện cân bằng nhiều mối quan hệ một lúc. Nó còn khó hơn phải điều tra cả chục vụ án mạng cùng một thời điểm, và nó còn nguy hiểm hơn nhiều.

Dù sao, tôi cũng cần một món quà cho Emma, và tôi thấy một cửa hàng đồ cổ trên đường Main Road. Tuyệt. Tôi đỗ lại và xuống xe. Điều tuyệt vời ở nước Mỹ là số đồ cổ được bày bán còn nhiều hơn cả số lượng làm ra ban đầu.

Tôi tìm kiếm xung quanh bên trong nơi ẩm mốc đó và bà chủ, một bà già nhỏ bé hiền lành, hỏi tôi muốn mua gì.

"Cháu muốn mua quà cho một cô gái."

"Vợ à? Hay là con gái."

Một người mà tôi không biết nhiều nhưng đã lên giường cùng. "Một người bạn."

"À." Bà đưa tôi xem một vài thứ, nhưng tôi hoàn toàn mù tịt về đồ cổ. Thế là tôi nảy ra một ý sáng suốt và hỏi bà già, "Bác có phải là thành viên của hội Lịch sử Peconic không?"

"Không, nhưng tôi tham gia hội Lịch sử Southold."

Chúa ơi, quanh đây có đủ các loại hội hè kiểu như thế. Tôi hỏi, "Bác có biết cô Emma Whitestone không?"

"Có chứ. Một cô gái rất tuyệt."

"Đúng đấy ạ. Cháu đang tìm mua đồ cho cô ấy."

"Hay quá. Có dịp gì thế?"

Tỏ lòng yêu mến và cám ơn phải có sau khi làm tình. "Cô ấy giúp cháu nghiên cứu tư liệu."

"Ồ, con bé giỏi môn ấy lắm. Anh nghiên cứu thứ gì vậy?"

"Ồ... chuyện này thật ngớ ngẩn, nhưng từ khi còn nhỏ, cháu đã bị lôi cuốn về chuyện cướp biển."

Bà già cười, có lẽ là khúc khích. Bà nói, "Thuyền trưởng Kidd nổi tiếng từng tới thăm bờ biển của ta."

"Thật hả?"

"Có rất nhiều cướp biển đã qua đây trước thời Cách mạng. Họ cướp bóc của người Pháp và Tây Ban Nha ở biển Caribbean, sau đó đi về hướng bắc để tiêu xài những đồ cướp được và sửa sang lại tàu thuyền. Một số ở

hẳn trong những khu vực này." Bà mỉm cười nói tiếp, "Với số vàng và đồ trang sức đó, họ nhanh chóng trở thành những công dân hàng đầu." Bà nói thêm, "Nhiều thứ đồ ở đây được tìm thấy trong số hàng mà hải tặc cướp được."

Tôi có lẽ thích cách nói theo kiểu cổ của bà già. Tôi nhận xét, "Nhiều thứ tài sản thời nay cũng có bàn tay của kẻ cướp phía sau."

"Tôi không biết chuyện đó, nhưng tôi biết những kẻ buôn lậu ma túy ngày nay cũng giống như cướp biển ngày xưa." Bà nói thêm, "Ngày tôi còn bé thì có buôn lậu rượu rum. Ở đây chúng tôi là những người luôn tuân thủ luật pháp, nhưng nơi này lại nằm trên các tuyến đường vận chuyển biển."

"Đó là chưa kể Đường bay bờ biển Đại Tây Dương."

"Đó là của loài chim."

"Đúng rồi."

Nói chuyện phiếm thêm một chút, tôi tự giới thiệu mình là John, còn bà già tự giới thiệu mình là Simmons. Tôi hỏi bà, "Hội Lịch sử Southold có thông tin gì về cướp biển không."

"Chúng tôi có, nhưng không nhiều lắm. Có một số tài liệu và thư từ gốc trong phòng lưu trữ. Thậm chí còn có một tờ yết thị treo thưởng trong bảo tàng nhỏ của chúng tôi."

"Thế bác có tấm bản đồ thật về kho báu của cướp biển nào không để cho cháu phô tô với?"

Bà mỉm cười.

Tôi hỏi, "Bác có biết Fredric Tobin không?"

"Ồ, ai mà không biết. Giàu như Croesus ấy."

Ai? Tôi hỏi, "Ông ấy có tham gia hội Lịch sử Southold không? ông Tobin ấy, không phải Croesus."

“Không, nhưng Tobin là người đóng góp hào phóng.”

“Ông ấy có đến thăm phòng tư liệu của hội không?”

“Tôi được biết là có. Dù không phải trong năm ngoái hay khoảng thời gian đó.”

Tôi gật đầu. Tôi phải tự nhắc mình rằng đây không phải là Manhattan, rằng đây là một cộng đồng hai mươi nghìn người, rằng dù không hẳn là tất cả mọi người đều biết nhau, nhưng ai cũng có quen biết với một người nào đó có quen biết với một người khác. Đối với một điều tra viên, điều này giống như bước đi trên đống mỏ quặng ngập đến đầu gối.

Dù sao thì ít nhất một trong các cuộc tìm kiếm của tôi đã kết thúc, tôi hỏi bà Simmons, “Theo bác thì cháu nên mua gì cho cô Whitestone?”

“Anh định mua tầm giá bao nhiêu?”

“Không có gì là quá đối với Whitestone. Năm mươi đô la.”

“Ồ... để xem...”

“Một trăm.”

Bà mỉm cười và lấy một chiếc chậu sứ có quai xách lớn, trang trí bằng những hình vẽ hoa hồng. Bà nói, “Emma sưu tập thứ này.”

“Chậu sứ ư?”

“Đúng. Cô ấy dùng chậu sứ để trồng cây. Cô ấy có bộ sưu tập khá nhiều đấy.”

“Bác chắc không?”

“Tất nhiên rồi. Tôi đã giữ cái này từ lâu để cho cô ấy xem. Nó ở cuối thời Victoria. Làm ở Anh.”

“Được rồi... Cháu lấy cái này.”

“Quả thật là giá có hơn một trăm đô la một chút.”

“Một chút là bao nhiêu?”

“Hai trăm.”

“Nó đã được dùng bao giờ chưa?”

“Tôi đoán là rồi.”

“Bác có nhận thanh toán bằng thẻ Visa không?”

“Tất nhiên là có.”

“Bác gói cho cháu được không?”

“Tôi sẽ để trong một cái túi quà thật đẹp.”

“Bác gắn cho cháu một cái nơ vào quai được không?”

“Nếu anh thích.”

Mua bán xong xuôi, tôi rời cửa hàng đồ cổ với chiếc bô có tô vẽ để trong một chiếc túi quà đẹp màu hồng và xanh.

Tôi tới thư viện miễn phí Cutchogue, thành lập từ năm 1841 và lương nhân viên không thay đổi từ đó đến nay. Thư viện nằm ở rìa bãi cỏ chung của làng. Đó là một tòa nhà gỗ có tháp chuông, có vẻ như đã từng là nhà thờ.

Tôi đỗ xe và đi vào trong. Một bà già mặt khó đăm đăm ngồi ở chiếc bàn phía trước soi tôi qua cặp kính để trễ. Tôi mỉm cười và đi lướt qua thật nhanh.

Trên lối vào chỗ các giá sách có một tấm biểu ngữ đề: *“Tìm thấy kho báu bị chôn vùi - Hãy đọc sách*. Một lời khuyên tuyệt vời.

Tôi tìm được danh mục sách, ơn Chúa, nó không bị đưa vào máy tính, và mười phút sau, tôi đã ngồi trong một góc đọc với cuốn sách tra cứu đặt trước mặt có tựa đề: *Kho báu bị chôn vùi*.

Tôi đọc về một người có tên là John Shelby ở Thackham, Anh. Năm 1672, ông này bị ngã từ trên lưng ngựa xuống một bụi cây và phát hiện

trong đó có một chiếc hũ bằng sắt bên trong đựng hơn năm trăm đồng tiền vàng. Theo luật về tài sản phát hiện được của Anh, tất cả mọi tài sản được mang giấu hoặc bị mất đều thuộc về nhà vua. Tuy nhiên, Shelby từ chối trao lại số vàng cho các viên quan của vua nên đã bị bắt và xử trảm vì tội mưu phản. Đây có lẽ là câu chuyện được ưa thích của cơ quan Thuế vụ Nội địa.

Tôi đọc về luật tài sản phát hiện được của Mỹ và của nhiều bang khác nhau, về cơ bản, tất cả đều nói rằng, "Tìm được thì giữ, để mất thì phải chịu."

Tuy nhiên, có một thứ gọi là đạo luật Bảo tồn di vật cổ của Mỹ, trong đó qui định khá rõ rằng bất cứ thứ gì tìm được trên đất đai của liên bang đều thuộc quyền tài phán của một trong các bộ trưởng Nông nghiệp, Quốc phòng hoặc Nội vụ, tùy theo tính chất của mảnh đất nơi tìm ra. Ngoài ra, phải có giấy phép nếu muốn đào bới trên đất đai của liên bang và bất cứ thứ gì tìm được đều thuộc về Chú Sam. Hời thật.

Tuy nhiên, nếu tìm được tiền, vật có giá trị hay bất cứ kho báu thuộc loại nào trên đất đai của riêng mình, hầu hết sẽ thuộc về bạn, chỉ cần bạn chứng minh được rằng người chủ ban đầu đã chết, và/hoặc người thừa kế của họ không xác định được, và rằng tài sản đó không phải là do ăn cắp. Và ngay cả khi đó là đồ ăn cắp, bạn vẫn có thể sở hữu nó nếu chủ sở hữu hợp pháp được biết là đã chết hoặc không xác định được, hoặc họ là kẻ thù của quốc gia tại thời điểm tiền, hàng hoặc kho báu đó có được. Ví dụ đưa ra là kho báu của cướp biển, đồ cướp bóc, đồ tặng thưởng, v.v... Đến đây là tốt rồi.

Và để cho người đã may mắn còn được may mắn hơn, cơ quan Thuế vụ Nội địa IRS, với sự tham lam không thể tưởng tượng được, còn yêu cầu rằng bạn chỉ phải đóng thuế đối với phần bạn bán đi hoặc chuyển thành tiền mặt trong mỗi năm, với điều kiện bạn không phải là người đi săn kho

báu *chuyên nghiệp*. Vì thế, nếu giả sử bạn là nhà sinh vật học, bạn sở hữu một mảnh đất và tìm thấy một khu báu chôn giấu trên đó vì tình cờ hoặc do sở thích khảo cổ của bạn, và kho báu có giá trị mười hay hai mươi triệu đô la gì đó, bạn sẽ không phải đóng một xu tiền thuế nào cho đến khi bán đi phần nào. Một khế ước thật ngọt ngào. Nó suýt làm tôi có ý muốn có sở thích săn tìm kho báu. Nghĩ lại, chẳng phải đây là việc tôi đang làm hay sao.

Cuốn sách cũng nói rằng nếu kho báu có giá trị về lịch sử hoặc có liên quan đến văn hóa đại chúng - và này, lạ chưa, cuốn sách lấy thí dụ đích danh kho báu bị mất của thuyền trưởng Kidd - thì giá trị của kho báu sẽ tăng lên gấp bội.

Tôi đọc thêm một lúc nữa, tìm hiểu về những quy định pháp luật đối với tài sản phát hiện được, một số thí dụ thú vị và những trường hợp cụ thể đã có trong lịch sử. Một trường hợp điển hình làm tôi chú ý - trong thập kỷ 1950, một người đàn ông lục tìm trong những đống giấy tờ cũ trong phòng Hải quân của cơ quan Tư liệu công cộng ở London và tìm thấy một lá thư chữ đã mờ viết từ năm 1750 của một tên cướp biển nổi tiếng tên là Charles Wilson, đề địa chỉ gửi cho người em trai. Bức thư ban đầu được tìm thấy trên một chiếc tàu cướp biển mà hải quân Anh bắt được. Bức thư viết, "Em trai, có ba lạch nước nhỏ nằm cách khoảng hơn một trăm bước chân về phía bắc của con vịnh thứ hai qua Đảo Chincoteague, Virginia, bên đầu phía bắc của bán đảo. Ở đầu lạch thứ ba về phía bắc có một gò cao giáp với Đại Tây Dương, trên đó có ba cây tuyết tùng, mỗi cây cách nhau gần mét rưỡi. Ở giữa mấy cái cây này anh chôn mười chiếc thùng sắt, bạc thỏi, vàng, kim cương và đồ trang sức tổng giá trị 200.000 bảng. Em bí mật đến gò và lấy kho báu về."

Đương nhiên bức thư này không đến được tay em trai của Charles Wilson vì nó đã bị hải quân Anh bắt giữ. Vậy thì ai đã tìm thấy kho báu?

Hải quân Anh? Hay là người đàn ông đã tìm thấy bức thư trong cơ quan Tư liệu công cộng hai trăm năm sau đó. Tác giả của cuốn sách *Kho báu bị chôn vùi* đã không đi hết câu chuyện.

Vấn đề là ở chỗ, có một nơi được gọi là phòng Hải quân trong cơ quan Tư liệu công cộng ở London, và Chúa mới biết ta có thể tìm được gì ở đó nếu có thời gian, lòng kiên nhẫn, một chiếc kính lúp, một chút kiến thức về tiếng Anh cổ, một chút lòng tham, tinh thần lạc quan và máu phiêu lưu. Vậy là tôi đã hiểu về một tuần của vợ chồng Gordon ở London năm ngoái.

Tôi phải giả định rằng vợ chồng Gordon đã đọc thứ mà tôi đang đọc lúc này và hiểu luật về tài sản phát hiện được. Ngoài ra, chỉ cần một bộ óc bình thường cũng biết rằng bất cứ thứ gì họ tìm được trên Đảo Plum đều thuộc về chính phủ - không có chuyện ăn chia năm mươi-năm mươi hay một chút gì - và bất cứ thứ gì mà họ công bố là tìm được trên phần đất đi thuê của họ sẽ thuộc về chủ chính, không phải là người đi thuê. Không cần phải là người có bằng luật mới hiểu được điều này.

Có lẽ trong đầu Tom và Judy đã nghĩ rằng giải pháp dễ dàng cho chuyện sở hữu là ngậm miệng lại nếu tìm thấy bất cứ thứ gì trên Đảo Plum. Nhưng có lẽ vào một thời điểm nào đó, họ nhận ra rằng cách làm tốt nhất - và có lợi nhất về lâu dài - là chuyển vị trí khám phá ra, công bố việc phát hiện, trưng ra trước thiên hạ, đóng thuế cho phần bán đi mỗi năm và đi vào lịch sử với tư cách là hai vị tiến sỹ trẻ đẹp đã tìm thấy kho báu bị mất của thuyền trưởng Kidd và trở thành trọc phú. Đây là điều mà bất cứ người nào sáng suốt và có tu duy lôgic sẽ làm. Nếu là tôi, tôi cũng làm.

Nhưng vẫn còn một vài rắc rối. Điều đầu tiên là họ phải đưa được cái mà họ tìm được trên Đảo Plum ra khỏi đảo. Thứ hai là phải chôn lại kho báu như thế nào để cho việc phát hiện lại không những chỉ hợp lý mà còn phải thuyết phục được trước các nghiên cứu khoa học. Câu trả lời là những gò đất ven biển bị xói lở.

Tất cả đều hợp lý với tôi. Tom và Judy cũng nghĩ như vậy, nhưng ở một thời điểm nào đó trong cả quá trình thực hiện, họ đã nói ra hoặc làm điều gì đó để vì thế mà bị giết.

Fredric Tobin đã nói dối tôi về một vài điểm, về mối quan hệ của gã với vợ chồng Gordon. Việc này có thể dẫn đến nhiều cách giải thích khác nhau. Ngoài ra, Tobin còn đang trong lúc túng quẫn hoặc sắp phải như vậy. Đối với một điều tra viên án mạng, điều này giống như một chớp đỏ lóe sáng, một tiếng chuông báo động.

Tobin không chỉ kết bạn với vợ chồng Gordon, gã còn quyến rũ - hay ít nhất là ve vãn - Emma Whitestone, một người hiểu biết về lịch sử, một chuyên gia về tư liệu. Tất cả dường như đều hợp lý. Có lẽ chính Tobin là người đã vô tình biết được khả năng có kho báu được chôn trên Đảo Plum. Và có lẽ chính Tobin đã chi tiền cho vợ chồng Gordon trong một tuần ở Anh để nghiên cứu chuyện này và có thể là để xác định chính xác điểm chôn giấu.

Fredric Tobin là nghi phạm chính đối với tôi, nhưng tôi không loại trừ khả năng về Paul Stevens hoặc một người nào đó trên Đảo Plum. Tôi chỉ biết rằng đây là một âm mưu lớn hơn tôi nghĩ ban đầu, nó có thể dính đến cả Stevens, Zollner và những người khác trên đảo, cộng cả Tobin, cộng cả... vâng, Emma Whitestone.

CHƯƠNG 21

Tôi tìm được cửa hàng hoa Whitestone không mấy khó khăn. Tôi đã đi qua đây cả chục lần trong ba tháng vừa qua.

Tôi đỗ xe gần cửa hàng, ngắm lại tóc tai trong gương chiếu hậu rồi xuống xe và bước tới.

Đó là một chỗ thật đẹp, đầy những... hoa. Mùi hương thật quyến rũ. Một anh chàng trẻ tuổi đứng sau quầy hỏi, "Anh muốn mua gì không?"

"Tôi có hẹn với Emma Whitestone."

"Anh tên là John phải không?"

"Chính tôi."

"Chị ấy phải làm mấy việc - anh chờ chút." Anh chàng gọi về phía sau, "Chị Janet. Có anh John đến gặp chị Emma đây này."

Janet từ phía sau đi ra. Đó là một người phụ nữ chừng hơn bốn mươi tuổi, đi cùng với một người phụ nữ trẻ hơn, chừng ba mươi lăm và giới thiệu cô này tên là Ann. Janet nói với tôi, "Emma hỏi không biết chú có thể gặp cô ấy ở trụ sở của hội Lịch sử được không."

"Không sao."

Janet nói tiếp, "Emma bảo là cô ấy không làm sao mà liên lạc được với chú."

"Ồ, cũng không sao. Tôi tìm chỗ ấy dễ thôi mà."

Ann nói, "Cô ấy có thể đến muộn một chút vì phải đi giao hàng và làm mấy việc vặt."

"Không sao đâu. Tôi sẽ chờ ở đó. Tôi sẽ chờ cả đêm nếu phải chờ." Có cần thiết phải cả ba người ra nói với tôi như thế không nhỉ?

Anh chàng trẻ tuổi đưa cho tôi một tấm danh thiếp và nói, "Có vấn đề gì thì anh cứ gọi cho em."

"Đương nhiên rồi. Cám ơn tất cả mọi người." Ra đến cửa, tôi quay đầu lại nói, "Emma có chỗ này thật tuyệt vời."

Tất cả họ đều mỉm cười.

Tôi đi khỏi. Tôi đã qua được bài kiểm tra này khá dễ dàng.

Ngồi trên chiếc xe Jeep trên đường tới Cutchogue Green, tôi thực sự không thích mình có ý nghĩ rằng Emma Whitestone là kẻ đồng mưu với Tobin và ai mà biết còn chuyện gì nữa. Ý tôi là, tất cả nhân viên của nàng ở cửa hàng hoa Whitestone đều ra để xem người bạn mới của nàng ra sao.

Mặt khác, khi bạn đã lên giường với một người phụ nữ mà bạn vừa mới gặp, bạn phải đặt câu hỏi đó là vì cái mẽ bề ngoài của bạn hay cô ta có sắp đặt trước. Thế nhưng, chính tôi là người tìm đến nàng, chứ không phải điều ngược lại. Tôi biết được tên nàng ở đâu nhỉ? Margaret Wiley? Không, tôi đã tìm thấy tên nàng trước đó trong tập danh thiếp của vợ chồng Gordon trên Đảo Plum. Tất cả những con người này dường như đều có quan hệ đan xen với nhau. Có thể Margaret cũng dính vào chuyện này. Có thể tất cả người dân ở North Folk đều dính vào và tôi là kẻ duy nhất ngoài cuộc. Nó giống như một bộ phim kinh dị làm ta sởn tóc gáy trong đó toàn bộ dân trong làng đều là những bà mụ, những ông thầy phù thủy, rồi một du khách không hay biết gì xuất hiện, và chẳng mấy chốc, anh chàng trở thành bữa tối cho họ.

Tôi cho xe vào bãi đỗ nhỏ của khu trụ sở hội Lịch sử. Chiếc xe bán tải chở hoa không có ở đó, chỉ có một chiếc Ford mười năm tuổi trong bãi.

Tôi để chiếc chậu sứ lại đằng ghế sau vì nghĩ rằng đây chưa phải lúc thích hợp để tặng nàng. Có lẽ sau bữa tối thì hơn.

Tôi đến cửa trước và thấy một mảnh giấy vàng dán bên trên, ghi một chữ đơn giản, "Mời vào."

Tôi vào. Bên trong căn phòng giải lao lớn, tôi gọi, "Emma!" Không có tiếng trả lời. Tôi bước qua từng căn phòng của tòa nhà lớn và gọi, "Emma!" vẫn không có tiếng đáp lại. Thật không thể hiểu được là nàng đã mở cửa và đi khỏi căn nhà đầy những đồ cổ này.

Tôi đến chân cầu thang và gọi thêm lần nữa, nhưng vẫn chỉ có sự im lặng đáp lại. Hay là nàng đang trong nhà vệ sinh, thế thì tôi không nên gọi nàng nữa. Nếu nàng chờ thêm một chút thì nàng đã có thể sử dụng món quà mà tôi tặng nàng để làm việc đó.

Tôi trèo lên cầu thang phát ra tiếng kẽo kẹt. Tôi không nói là giá như tôi đã mang súng, nhưng đúng là tôi ước đã mang súng.

Tôi trèo lên đến đỉnh cầu thang và lắng nghe. Không có tiếng động nào trừ tiếng kẽo kẹt cựa mình của căn nhà cũ. Tôi quyết định vào phòng khách, nơi nằm ở đoạn giữa của hành lang dài.

Tôi cố bước thật nhẹ nhàng để không gây ra tiếng động trên sàn gỗ, nhưng mỗi bước đi đều làm nó cọt kẹt rên rỉ.

Tôi tới cánh cửa dẫn vào phòng khách. Cửa đóng. Tôi đẩy vào. Những chiếc bản lề khốn nạn kêu réo lên. Chết tiệt.

Tôi bước vào bên trong, và từ phía sau cánh cửa đã mở một nửa có tiếng kêu thét lên. Tôi quay phắt lại, Emma lao nhanh vào với thanh kiếm trên tay chĩa vào bụng tôi. Nàng quát lên, "Chết này, đồ cướp biển xấu xa."

Tim tôi như nhảy khỏi lồng ngực, thiếu chút nữa thì tè ra quần. Tôi mỉm cười. "Vui đấy."

"Em làm anh sợ phải không?"

Nàng đội chiếc mũ xanh ba cạnh, trong tay cầm thanh kiếm ngắn bằng nhựa mềm.

"Làm anh ngạc nhiên."

"Trông anh không phải chỉ ngạc nhiên thôi đâu."

Tôi lúc này đã hoàn hồn và nhận ra hôm nay nàng mặc chiếc quần màu sẫm, áo blu xanh và đi dép.

Nàng bảo, "Em lấy thanh kiếm và chiếc mũ ở trong cửa hàng lưu niệm. Trong đó có đủ bộ sưu tập đồ chơi cho trẻ con." Nàng đến bên chiếc ghế bành cạnh lò sưởi và giơ lên một chiếc mũ cướp biển màu đen có hình đầu lâu xương chéo, một thanh kiếm nhựa hình cong, một miếng che mắt kiểu dành cho người chột, và thứ gì đó trông như là tấm da. Nàng đưa cho tôi chiếc mũ cùng tấm che mắt và nài nỉ tôi đội thử trong lúc nàng xỏ thanh kiếm vào dây lưng quần của tôi. Nàng đưa tôi xem tấm da màu vàng trên đó có một tấm bản đồ có dòng chữ, "Bản đồ cướp biển." Trên bản đồ vẽ một hòn đảo bình thường với cây dừa, một hình la bàn, kí hiệu chỉ hướng gió thổi từ phía tây, một đường biển vẽ bằng nét chấm, một chiếc thuyền ba buồm cùng một con rắn biển - đủ mọi thứ, kể cả một dấu X lớn màu đen đánh dấu nơi chôn chiếc hòm đựng vàng.

Emma nói, "Đây là một trong những thứ bán chạy nhất cho trẻ con." Nàng nói thêm, "Mọi người đều bị hấp dẫn bởi kho báu của cướp biển."

"Thật không?"

"Anh thì không à?"

“Nó thú vị đấy.” Tôi hỏi nàng, “Fredric có quan tâm đến kho báu của cướp biển không?”

“Có thể.”

Tôi hỏi, “Chẳng phải em có nói với anh là em đã dạy ông ấy đọc văn tự tiếng Anh cổ sao?”

“Vâng, nhưng em không biết cụ thể ông ấy thích đọc thứ gì.” Chúng tôi nhìn nhau một lát, rồi nàng hỏi, “Có chuyện gì thế, John?”

“Anh không biết chắc.”

“Sao anh lại hỏi em về Fredric?”

“Anh ghen.”

Nàng không đáp mà hỏi lại tôi, “Sao anh lại muốn gặp em ở đây?”

“Ơ... liệu anh có thể tin em sẽ không nói với ai về chuyện này được không?”

“Về chuyện gì?”

“Cướp biển.”

“Cướp biển làm sao?”

Đó là cách lảng tránh khi cho một nhân chứng biết ta muốn gì và tại sao ta muốn điều đó. Tôi chuyển chủ đề và nói, “Anh đã gặp mấy người nhân viên của em. Janet, Ann và...”

“Warren.”

“Đúng rồi. Anh đã qua được bài kiểm tra.”

Nàng mỉm cười và nắm lấy cánh tay tôi. “Anh nhìn anh trong gương đi.”

Nàng dẫn tôi vào sảnh lớn, rồi tới căn phòng ngủ kiểu thế kỉ 18. Tôi nhìn mình trong chiếc gương trên tường với chiếc mũ cướp biển, miếng

vải đen che một bên mắt và thanh kiếm bên mình. "Trông anh ngố lắm."

"Anh quả là ngố thật."

"Cám ơn em."

Nàng nói, "Em cá là anh chưa bao giờ làm chuyện ấy trên một chiếc giường bằng lông vũ."

"Chưa, anh chưa bao giờ."

"Anh phải để nguyên cả mũ và miếng vải che mắt."

"Đây là ý tưởng kì quặc của anh hay của em?"

Nàng bật cười, rồi trước khi tôi biết điều đó, nàng bắt đầu cởi quần áo và quẳng luôn trên sàn nhà. Nàng vẫn để nguyên chiếc mũ ba góc trên đầu, một tay giữ mũ và sà lên giường, quăng mình trên chiếc đệm lông, một thứ đồ cổ đắt tiền và chưa bao giờ có ai làm tình trên đó.

Tôi bắt chước nàng chơi trò đó, để nguyên chiếc mũ và miếng che mắt khi cởi đồ.

Như tôi đã nói, nàng dáng cao với đôi chân dài, còn chiếc giường cổ lại ngắn, và thế là đầu nàng cùng chiếc mũ gối hẳn lên thành giường, chân chạm thành dưới. Cảnh đó trông rất buồn cười và tôi không nhịn được.

"Anh cười cái gì?"

"Cười em. Em lớn hơn chiếc giường."

"Để xem anh lớn đến chừng nào."

Nhưng dù sao, nếu bạn chưa bao giờ làm chuyện ấy trên một chiếc giường lông vũ, bạn không phải luyến tiếc nhiều đâu. Giờ tôi hiểu tại sao không có ai mỉm cười trong những bức chân dung cô treo trên tường.

CHƯƠNG 22

Sau đó, trong căn phòng tư liệu, chúng tôi ngồi bên chiếc bàn gỗ sồi, không một mảnh vải trên người. Emma lấy một cốc trà thảo dược có mùi như dầu xoa bóp.

Nàng gom một số tư liệu bản gốc bọc trong túi nhựa, mấy cuốn sách cũ, mấy bản sao thư từ và văn tự cổ. Nàng nghiền ngẫm đống giấy tờ và nhấm nháp cốc trà. Tôi thì trong tâm trạng điển hình của giống đực sau lúc giao phối, phân vân không biết nên ngủ hay ra khỏi đây. Nhưng cả hai việc ấy đều không được, tôi vẫn còn việc phải làm.

Emma hỏi tôi, "Chính xác là anh quan tâm đến điều gì?"

"Anh quan tâm đến kho báu của cướp biển. Quanh đây có chỗ nào có không?"

"Chắc chắn. Hầu như đào bất cứ chỗ nào anh cũng sẽ tìm được những đồng tiền vàng, bạc, kim cương và ngọc trai. Nông dân ở đây còn bảo chúng làm vướng đường cày."

"Anh có thể hình dung được. Nhưng anh nói nghiêm túc đấy." Tôi ghét khi người ta hợm đời."

Nàng nói, "Có một số truyền thuyết và chuyện có thật về cướp biển gắn với vùng này. Anh có muốn nghe câu chuyện nổi tiếng nhất không? Chuyện về thuyền trưởng Kidd ấy?"

"Có. Nhưng không phải từ lúc khai thiên lập địa, mà từ lúc thuyền trưởng Kidd tới nơi này và chôn giấu kho báu."

“Được... trước hết, Thuyền trưởng Kidd là người Scốtlen, nhưng ông ấy sống ở Manhattan với vợ là Sarah và hai người con. Chính xác là ông ấy sống ở Phố Wall.”

“Chỗ ấy bây giờ vẫn toàn kẻ cướp.”

“Kidd không hẳn là cướp biển. Ông ấy thực ra là người chuyên đi săn lùng tàu, làm việc cho huân tước Bellomont, khi đó là thống đốc bang Massachusetts, New York và New Hampshire.” Nàng nhấp một ngụm trà. “Vì thế, với sự ủy thác của hoàng gia, thuyền trưởng William Kidd ra khơi năm 1696 từ cảng New York để truy tìm bọn cướp biển và bắt giữ đồ cướp bóc được của chúng. Bellomont chi rất nhiều tiền riêng để mua và sửa sang lại con tàu của Kidd, chiếc *Adventure Galley*. Có nhiều người giàu có và quyền lực ở Anh đứng sau vụ này, trong đó có bốn vị huân tước và chính vua William.”

“Anh thấy sẽ có chuyện rồi. Đừng bao giờ làm ăn chung với chính quyền.”

“Mong được như thế.”

Tôi lắng nghe nàng kể câu chuyện như thuộc lòng. Tôi không hiểu Tobin có biết chuyện này không, và nếu có thì gã biết trước hay sau khi gặp Emma Whitestone. Và tại sao có người nghĩ một cách nghiêm túc rằng một kho báu ba trăm năm tuổi vẫn còn chôn dưới đất và được tìm thấy? Như tôi đã phát hiện ra khi nói chuyện với Billy ở Mattituck, kho báu của Kidd chỉ là một giấc mơ, một câu chuyện của trẻ con. Tất nhiên, kho báu có thể đã có thật, nhưng có rất nhiều truyền thuyết xung quanh nó, như Emma đã nói trong quán ăn Cutchogue, và có nhiều bản đồ giả, manh mối giả đến mức nó đã trở thành vô nghĩa trong suốt ba trăm năm qua. Rồi tôi nhớ người đàn ông đã tìm thấy bức thư của Charles Wilson trong cơ quan Tư

liệu công cộng... vì thế có thể Tobin và vợ chồng Gordons đã vớ được bằng chứng thật sự thuyết phục.

Emma nói tiếp, "Vì thế, sau khi gặp rất nhiều rủi ro ở vùng biển Caribbean, Kidd tới vùng Ấn Độ Dương để truy tìm cướp biển. Ở đó, ông đánh cướp hai chiếc tàu của Toàn quyền Ấn Độ. Trên tàu toàn đồ quý, trị giá hồi đó khoảng hai trăm nghìn bảng. Theo tiền bây giờ là khoảng hai mươi triệu đô la."

"Không phải là một ngày tồi."

"Không. Nhưng không may, Kidd lại có một sai lầm. Vị lãnh chúa kia lại là đồng minh của nhà vua, thế nên ông ấy gửi khiếu nại cho chính phủ Anh. Để giải thích cho hành động của mình, Kidd nói rằng hai chiếc tàu Ấn Độ đang đi theo hải trình của Pháp, mà Anh và Pháp lúc đó đang có chiến tranh. Vì vậy, ngay cả khi các tàu của Ấn Độ không phải là tàu cướp biển, chúng cũng được coi là tàu của kẻ thù. Không may cho Kidd, chính phủ Anh có quan hệ tốt với vị lãnh chúa thông qua công ty Anh - Đông Ấn có làm ăn lớn với ông ta. Vì thế Kidd gặp rắc rối, và cách duy nhất để ông thoát được vụ này là số tài sản hai trăm nghìn bảng cướp được."

"Tiền là xong hết."

"Bao giờ chả thế."

Nói đến chuyện tiền, Fredric Tobin lại xuất hiện trong đầu tôi. Dù không hẳn là ghen với chuyện quan hệ trong quá khứ của Emma với hắn, tôi vẫn nghĩ sẽ hả dạ lắm nếu được thấy hắn chết khô trên ghế điện. Nào, nào, John.

Emma vẫn nói tiếp, "Vì thế, William Kidd cho tàu quay lại châu Mỹ. Ông dừng lại ở biển Caribbean và biết rằng chính ông đang bị truy nã vì tội cướp biển. Vì lo xa, ông để lại một phần ba số tài sản cho một người thân tín coi giữ. Nhiều thủy thủ trên tàu của ông không muốn dính vào rắc rối

nên đã lấy phần chia của mình và ở lại vùng Caribbean. Kidd sau đó mua một con tàu nhỏ hơn, loại một buồm, có tên gọi là *San Antonio,* và trở lại New York - để bào chữa trước những lời buộc tội. Trên đường về, có thêm một số thủy thủ muốn được lên bờ với phần ăn chia. Kidd cho họ toại nguyện và để họ ở Delaware hoặc New Jersey. Nhưng Kidd vẫn còn một lượng tài sản khổng lồ trên tàu, trị giá khoảng mười đến mười lăm triệu đô la tính theo giá tiền bây giờ."

Tôi hỏi, "Sao em biết ông ấy có chừng đó tài sản trên tàu?"

"Ồ, làm gì có ai biết chắc chắn. Đây chỉ là con số phỏng đoán, một phần dựa trên khiếu nại của viên lãnh chúa gửi tới chính phủ Anh, mà cái này thì có thể đã bị thổi phồng lên."

"Các vị lãnh chúa thì toàn nói dối."

"Em đoán thế. Ngoài phần trị giá thực của kho báu, anh thử tính một số đồ trang sức có giá trị đối với bảo tàng. Còn nữa, thử tính nếu anh có một đồng tiền vàng của thời đó, trị giá khoảng một nghìn đô la, và để đồng tiền đó trong một triển lãm với tấm giấy xác nhận rằng nó lấy từ kho báu của thuyền trưởng Kidd thì có lẽ anh sẽ được giá gấp ba lần thế."

"Anh biết là em có bằng marketing của trường Columbia."

Nàng mỉm cười, rồi nhìn tôi một lúc lâu. Nàng nói, "Chuyện này liên quan đến cái chết của vợ chồng Gordon, đúng không?"

Ánh mắt chúng tôi gặp nhau. Tôi nói, "Em kể tiếp đi."

Nàng im lặng một lát rồi nói tiếp. "Được ... chúng em biết được từ các tài liệu và tư liệu công cộng rằng Kidd sau đó đến biển Long Island Sound từ phía đông và lên bờ ở vịnh Oyster. Ở đây, ông liên lạc với James Emmot, một luật sư nổi tiếng về bào chữa cho cướp biển."

"Nàng, vợ cũ của anh làm việc cho công ty ấy đấy. Họ vẫn làm về luật."

Nàng không để ý đến câu của tôi và nói tiếp, "Trong thời gian này, Kidd liên lạc với vợ ở Manhattan để vợ cùng lên chiếc *San Antonio*. Lúc này tất cả kho báu vẫn còn ở trên tàu."

"Ý em là ông luật sư không lấy mất à?"

"Thực ra, Emmot đã được Kidd trả rất hậu hĩnh để bào chữa cho ông ấy khỏi tội cướp biển."

Tôi quan sát Emma khi nàng nói. Dưới ánh đèn bàn của căn phòng và đống giấy tờ trước mặt, nàng giống như một cô giáo. Nàng làm tôi nhớ đến mấy giảng viên nữ mà tôi quen ở trường John Jey - tự tin, hiểu biết rộng, lạnh lùng và vững vàng trên lớp, điều khiến họ trở nên gợi cảm với tôi. Có lẽ tôi đã mang theo ấn tượng này về giáo viên từ khi tôi học lớp sáu, cụ thể là với cô Myerson, người mà đến giờ tôi vẫn thấy trong những giấc mơ không trong sáng.

Emma vẫn tiếp tục, "Emmot thay mặt Kidd tới Boston để gặp huân tước Bellomont. Emmot trao bức thư Kidd viết cho Bellomont và cho ông này xem hải trình của hai con tàu của viên lãnh chúa để chứng minh rằng viên lãnh chúa có quan hệ hai mang với cả Anh và Pháp, và vì thế hai con tàu kia đáng để Kidd chặn bắt."

Tôi hỏi, "Làm sao Kidd biết được điều đó khi tấn công hai con tàu kia?"

"Câu hỏi hay đấy. Không có ai hỏi thế trong phiên tòa xử ông ấy."

"Và em nói rằng luật sư của Kidd đưa bằng chứng bào chữa quan trọng là hải trình của hai con tàu cho Bellomont phải không?"

"Vâng, còn Bellomont, vì những lí do chính trị, lại muốn Kidd bị treo cổ."

"Sa thải tay luật sư đó đi. Bao giờ cũng chỉ đưa bản sao thôi còn bản gốc phải giữ lại."

Nàng mỉm cười. "Vâng. Bản gốc không hề được đưa ra trong phiên tòa xử Kidd ở London, và vì không có những tấm hải trình đó mà Kidd bị buộc tội và xử treo cổ." Nàng nói thêm, "Các tấm hải trình được tìm thấy ở bảo tàng Anh Quốc năm 1910."

"Để bào chữa thì hơi muộn nhỉ."

"Đương nhiên rồi. Cơ bản là William Kidd đã bị lừa."

"Đen đủi thật. Nhưng còn kho báu trên tàu Sann Antonio thì sao?"

"Vấn đề là chỗ đó. Em sẽ kể anh nghe điều gì xảy ra sau khi Emmot gặp huân tước Bellomont ở Boston, và vì anh là điều tra viên, anh sẽ nói cho em biết điều gì xảy ra với kho báu."

"Được. Anh sẵn sàng đây."

Nàng tiếp tục, "Emmot có vẻ như không phải là một luật sư giỏi, ông ấy có ấn tượng từ huân tước Bellomont rằng Kidd sẽ được đối xử công bằng nếu đến trình diện ở Boston. Bellomont thật ra có viết một bức thư và đưa cho Emmot chuyển cho Kidd. Trong thư có đoạn..." Nàng đọc bản sao bức thư để trước mặt nàng, " 'Tôi đã trình với hội đồng của đức vua, quan điểm của họ là nếu ngài trong sạch như ngài nói, thì ngài có thể đến đây một cách an toàn và được cấp tàu cho ra khơi để tìm kiếm con tàu khác của ngài, và tôi không nghi ngờ gì đức vua sẽ tha thứ cho ngài.' "

"Anh nghe nó giống như chuyện lừa đảo của hoàng gia." Tôi nói.

Emma gật đầu và tiếp tục đọc bức thư của huân tước Bellomont gửi thuyền trưởng Kidd. " 'Tôi đảm bảo với ngài bằng lời nói và danh dự là tôi sẽ làm điều mà tôi đã hứa, nhưng tôi cũng phải nói trước rằng dù ngài mang bất cứ kho báu nào tới đây, tôi sẽ không dính dáng một chút nào, nhưng chúng sẽ phải để lại cùng với những người tin cậy mà hội đồng đề nghị cho tới khi tôi nhận được lệnh từ nước Anh về việc xử lý chúng như thế nào.' "

Emma ngước lên nhìn tôi và hỏi, "Nếu là anh thì anh có tới Boston để bào chữa trước một bản án treo cổ không?"

"Anh thì không. Anh là dân New York mà. Anh ngửi được mùi chuột cách xa cả cây số."

"William Kidd cũng thế. Ông ấy là dân New York, lại mang gốc Scốtlen. Nhưng ông ấy sẽ làm gì khi đó? Ông ấy là người có danh phận ở Manhattan, vợ và hai người con của ông đang ở trên chiếc tàu nhỏ, và ông ấy cảm thấy mình vô tội. Quan trọng hơn là ông có tiền - một phần ba để lại ở Caribbean và phần kia ở trên tàu *San Antonio*. Ông định sử dụng kho báu này để mặc cả đánh đổi lấy mạng sống của mình."

Tôi gật đầu. Thật thú vị, tôi nghĩ, đã ba trăm năm rồi mà có nhiều thứ chẳng thay đổi là mấy. Đó là tình huống khi chính quyền thuê một người làm thứ công việc bẩn thỉu của họ, người này làm một phần của công việc nhưng lại mắc sai lầm nên đã gây ra rắc rối về chính trị cho chính quyền, vì thế họ không chỉ muốn lấy lại tiền mà còn cả phần người ta đáng được hưởng, sau đó lừa người ta, cuối cùng là treo cổ người ta lên. Nhưng ở một thời điểm nào đó trong cả âm mưu, phần lớn tiền bạc đều trượt khỏi tay họ.

Emma nói tiếp, "Trong khi đó, Kidd liên tục di chuyển vị trí tàu và thường xuyên qua lại vùng biển Sound, từ vịnh Oyster tới đảo Gardiers và tới tận đảo Block. Chính trong thời gian này chiếc tàu của ông có vẻ như hơi nhẹ đi."

"Ông ấy tẩu tán hàng."

"Có vẻ là như thế, và đó là lí do bắt đầu cho những câu chuyện về kho báu bị chôn vùi." Nàng nói, "Một người với số hàng trị giá mươi, mười lăm triệu đô la vàng và đồ trang sức trên tàu, và biết mình có thể bị bắt trên biển bất cứ lúc nào. Ông có một con tàu nhỏ chỉ với bốn khẩu pháo. Tàu

thì nhanh, nhưng không phải là tàu chiến. Vậy, nêu là anh thì anh sẽ làm gì?"

"Anh nghĩ anh sẽ đánh bài chuồn."

"Ông ấy hầu như không còn thủy thủ nào trên tàu và thiếu các thứ đồ sinh hoạt. Vợ và con cũng đang trên tàu."

"Nhưng ông ấy có tiền, ôm tiền và chạy."

"Ông ấy không làm thế. Ông lại quyết định đến trình diện. Nhưng ông cũng không phải hạng ngu ngốc, vì thế ông quyết định giấu số hàng cướp được - nên nhớ rằng đây là phần mà Bellomont, bốn vị huân tước và nhà vua sẽ nhận được vì đã bỏ tiền đầu tư. Kho báu trở thành thứ đảm bảo tính mạng cho thuyền trưởng Kidd."

Tôi gật đầu. "Vì thế ông ấy chôn số hàng."

"Đúng vậy. Năm 1699 có rất ít người sống ngoài phạm vi Manhattan và Boston, vì thế Kidd có hàng nghìn chỗ có thể lên bờ và chôn giấu kho báu một cách an toàn."

"Chẳng hạn như *những cái cây của thuyền trưởng Kidd"*

"Vâng. Và xa hơn về phía đông có *những mỏm đá của thuyền trưởng Kidd,* nơi có lẽ là một phần của những ngọn đồi, gò sát biển vì ở Long Island làm gì có mỏm đá hay mũi đá."

Tôi ngồi thẳng lên. "Ý em là có một chỗ của những gò đồi được gọi là *những mỏm đá của thuyền trưởng Kidd* ở đâu?"

"Một nơi nào đó nằm giữa lạch Mattituck và Orient Point. Không ai biết chắc chắn cả. Đó chỉ là một phần của toàn bộ câu chuyện truyền thuyết."

"Nhưng phần nào cũng có thật. Đúng không?"

"Đúng, đó là điều làm cho câu chuyện thú vị."

Tôi gật đầu. Một trong những câu chuyện truyền thuyết - *những mỏm đá của thuyền trưởng Kidd* - đã khiến vợ chồng Gordon mua đất của bà Wiley trên gò sát biển. Khôn ngoan thật.

Emma nói thêm, "Chắc chắn thuyền trưởng Kidd giấu kho báu ở nhiều nơi, hoặc ở đây tại North Folk, hoặc ở đảo Block, hoặc đảo Fishers. Đó là những nơi mà hầu hết các câu chuyện đều nhắc tới về nơi chôn kho báu."

"Còn chỗ nào khác không?"

"Còn một chỗ mà chúng em biết có thật là đảo Gardiners."

"Gardiners?"

"Vâng. Đây là điều lịch sử có ghi chép lại. Tháng Sáu năm 1699, trong khi lang thang quanh vùng biển tìm cách thỏa thuận với huân tước Bellomont, thuyền trưởng Kidd thả neo ngoài khơi đảo Gardiners để lấy đồ phục vụ sinh hoạt. Hòn đảo khi đó có tên là đảo Wight trên bản đồ, nhưng hồi đó nó thuộc về dòng họ Gardiner và bây giờ vẫn vậy."

"Ý em là những người sở hữu hòn đảo hiện nay là thuộc dòng họ Gardiner, và dòng họ này chính là những người sở hữu hòn đảo năm 1699?"

"Vâng. Hòn đảo vẫn thuộc về một dòng họ do được vua Charles đệ nhất ban tặng năm 1639. Năm 1699, John Gardiner là người chủ thuộc thế hệ thứ ba sinh sống ở đó cùng gia đình." Nàng nói thêm, "Câu chuyện về thuyền trưởng Kidd là một phần trong lịch sử dòng họ Gardiner. Trên đảo Gardiners còn có thung lũng Kidd với một tấm bia đá đánh dấu nơi John Gardiner chôn một phần kho báu của Kidd. Toàn bộ hòn đảo là gia sản riêng, nhưng người chủ hiện nay thi thoảng có cho khách đến thăm quan." Nàng ngập ngừng, rồi nói tiếp, "Fredric và em là khách của ông ấy."

Tôi không bình luận gì về việc này mà nói, "Vậy là thực sự có một kho báu được chôn giấu."

"Vâng. William Kidd xuất hiện trên chiếc tàu *San Antonio,* và John Gardiner dùng một chiếc thuyền nhỏ bơi ra để xem ai đang đậu ngoài bờ hòn đảo của mình. Tất cả mọi ghi chép lịch sử đều nói hai bên gặp nhau một cách thân thiện và trao quà cho nhau. Hai người gặp nhau thêm ít nhất một lần nữa. Lần này Kidd đưa cho John Gardiner một lượng lớn tài sản cướp được và bảo Gardiner chôn giúp ông ấy."

Tôi nói, "Anh hy vọng là Kidd lấy được giấy biên nhận."

"Còn hơn thế, câu cuối cùng Kidd nói với John Gardiner là, 'Nếu tôi đến hỏi mà nó không còn nữa thì tôi sẽ lấy đầu ông hoặc đầu con trai ông.' "

"Hay hơn là lấy giấy biên nhận có chữ ký."

Emma nhấp một ngụm trà rồi nhìn tôi nói, "Tất nhiên, Kidd không bao giờ trở lại. Sau khi nhận được một bức thư hứa hẹn nữa từ Bellomont, ông sẵn sàng tới Boston và đối mặt với những cáo buộc, ông lên bờ ở đó vào ngày mùng một tháng Bảy. Ông được cho tại ngoại một tuần để xem có giao du với ai, sau đó bị bắt theo lệnh của Bellomont và bị tống giam. Con tàu của ông và nơi ở tại Boston bị khám xét và tìm thấy hàng túi vàng, bạc, đồ trang sức và kim cương. Có rất nhiều tài sản quý, nhưng không nhiều như người ta nghĩ Kidd hiện có, và cũng không đủ để trả chi phí cho chuyến đi."

Tôi hỏi, "Vậy còn kho báu trên đảo Gardiner thì sao?"

"Ồ, chỗ này mỗi chuyện kể một khác - bằng cách nào đó Bellomont biết được và gửi một bức thư bằng lời lẽ thân thiện tới John Gardiner với thông điệp đặc biệt..." Nàng kéo một bản sao chép về phía nàng và đọc, " 'Ngài Gardiner, tôi đã bắt giam thuyền trưởng Kidd trong nhà tù của thành phố cùng với một số thủy thủ của ông ta. Đích thân tôi và hội đồng đã chất vấn và ông ta đã thú nhận, ngoài những điều khác, rằng ông ta đã để lại chỗ của

ngài một túi vàng trong một chiếc hòm cũng với mấy chiếc túi khác. Tôi nhân danh đức vua yêu cầu ngài đưa những thứ đó đến đây cho tôi để tôi có thể đảm bảo cho đức vua sử dụng. Tôi sẽ thanh toán những chi tiêu mà ngài dùng đến để vận chuyển tới đây. Ký tên, Bellomont.' "

Emma đưa cho tôi bức thư để tôi liếc qua. Quả thật là tôi có thể đọc được phần nào bức thư. Thật không thể tin được là một thứ như thế lại có thể tồn tại được đến ba trăm năm. Tôi chợt nghĩ có lẽ một thứ tài liệu nào đó ba trăm năm tuổi nói về vị trí của một phần kho báu của thuyền trưởng Kidd đã dẫn đến cái chết của hai nhà khoa học ở thế kỷ hai mươi mốt.

Tôi nói với Emma, "Anh hy vọng John Gardiner đã gửi một lá thư hồi đáp cho Bellomont nói rằng, 'Kidd nào? Vàng nào?' "

Nàng mỉm cười. "Không, John. Gardiner không dám qua mặt viên thống đốc và nhà vua. Ông ấy tự tay mang kho báu đến Boston."

"Anh cá là ông ấy phải giữ lại một ít."

Emma đẩy một mảnh giấy về phía tôi và nói, "Đây là bản chụp danh sách liệt kê các đồ vật trong kho báu mà John Gardiner mang đến giao cho Bellomont. Bản gốc hiện đang ở Cơ quan Tư liệu công cộng ở London."

Tôi nhìn tấm giấy, nó đã thủng lỗ chỗ và hoàn toàn không thể hiểu được đối với tôi. Tôi đẩy trở lại cho Emma. "Có thật là em đọc được cái này không?"

"Em đọc được." Nàng cầm tờ giấy lên gần đèn và đọc, " 'Nhận ngày 17 tháng Bảy từ ông John Gardiner - một túi vàng cám, một túi tiền vàng và bạc, một bọc vàng cám, một túi có ba chiếc nhẫn bạc và đá quý, một túi đá chưa đánh bóng, một bọc đá trong suốt, hai chiếc nhẫn cacnelian, hai viên mã não nhỏ, hai viên thạch anh tím tất cả đựng trong cùng một túi, một túi đựng khuy bạc, một túi bạc vụn, hai túi vàng thỏi, hai túi bạc thỏi. Toàn bộ số vàng nói trên nặng một nghìn một trăm mười một aoxơ, tính theo hệ

đếm Troy. Số bạc là hai nghìn ba trăm năm mươi ba, đồ trang sức và đá quý là mười bảy aoxơ..."

Emma ngước lên nhìn tôi và nói, "Đây là một kho báu khá lớn. Nhưng nếu anh tin vào những điều viên lãnh chúa nói chính phủ Anh thì còn một lượng vàng và đồ trang sức chưa tìm thấy lớn gấp hai mươi lần so với số tìm được trên đảo Gardiners và thu giữ trên tàu San Antonio cùng nơi ở của Kidd ở Boston." Nàng mỉm cười với tôi và hỏi, "Nào, điều tra viên, vậy số hàng cướp được còn lại đang ở đâu?"

Tôi cười đáp. "Một phần ba vẫn còn ở Caribbean."

"Đúng. Kho báu được tài liệu ghi chép rất rõ đó đã biến mất và kéo theo cả trăm câu chuyện đồn đại ở Caribbean cho xứng với một trăm câu chuyện ở đây."

"Được... còn nữa, các thủy thủ lấy phần của họ trước khi tất cả bỏ đi khỏi tàu."

"Vâng, nhưng phần của tất cả các thủy thủ cộng lại cũng không thể nhiều hơn mười phần trăm của toàn bộ kho báu. Đó là thỏa thuận."

"Cộng với bảo hiểm y tế và nha khoa."

"Phần còn lại của kho báu ở đâu?"

"Chúng ta có thể đoán rằng John Gardiner đã chôm bớt một ít."

"Có thể cho là như vậy."

"Luật sư Emmot lấy phần của lão ta, chắc chắn thế."

Nàng gật đầu.

"Vậy còn lại là bao nhiêu."

Nàng nhún vai. "Ai biết được? Ước chừng là khoảng từ năm đến mười triệu đô la tính theo giá trị bây giờ. Nhưng, như em đã nói, nếu tìm được đúng vị trí, chiếc hòm hoen gỉ và tất cả mọi thứ thì giá trị có thể tăng lên

gấp hai, ba lần nếu được đưa ra đấu giá ở Sotheby." Nàng nói thêm, "Chỉ riêng bản đồ kho báu thôi, nếu nó có thật và có chữ viết tay của Kidd thì đã có thể trị giá hàng trăm nghìn đô la nếu đem ra đấu giá."

"Thế em mua mấy tấm bản đồ ở cửa hàng đồ lưu niệm giá bao nhiêu?"

"Bốn đô la."

"Chúng không phải là đồ thật à?"

Nàng mỉm cười và uống nốt cốc trà.

Tôi nói, "Ta giả định rằng Kidd đã chôn kho báu ở một hoặc nhiều vị trí làm bùa hộ mệnh để mặc cả đổi lấy tự do và thoát án treo cổ."

"Từ trước đến nay người ta đều giả định như vậy. Nếu ông ấy chôn một phần kho báu ở Đảo Gardiners thì có lẽ cũng sẽ chôn ở chỗ khác vì lí do tương tự." Nàng nói thêm, "Những cái cây của thuyền trưởng Kidd và những mỏm đá của thuyền trưởng Kidd."

Tôi nói với nàng, "Anh đã đến xem những cái cây của thuyền trưởng Kidd."

"Thật ư?"

"Anh nghĩ là anh đã tìm được nơi đó, nhưng tất cả những cây đó đều đã bị chặt rồi."

"Vâng, hồi đầu thế kỷ vẫn có một vài cây sồi lớn quanh đó. Nhưng giờ thì đã mất cả." Nàng nói thêm, "Trước đây người ta thường đào bới xung quanh các gốc cây."

Tôi nói, "Em vẫn có thể nhìn thấy một số gốc cây."

Emma cho tôi biết, "Vào thời thực dân, việc đào bới tìm kiếm kho báu trở thành một nỗi ám ảnh của cả đất nước đến nỗi Ben Franklin phải viết báo phản đối chuyện này. Đến mãi tận những năm 1930 mà người ta vẫn còn đào bới quanh đây. Sự điên rồ hầu như đã biến mất hoàn toàn, nhưng

nó đã trở thành một phần của nền văn hóa nơi đây. Đó là lí do tại sao em không muốn có ai ở quán ăn Cutchogue nghe thấy anh và em nói chuyện với nhau về kho báu bị chôn giấu. Nếu để lọt ra thì đến giờ đã có nửa thị trấn khốn khổ này bị đào lên rồi." Nàng cười toét miệng.

"Thật kinh ngạc." Tôi hỏi Emma, "Vậy kho báu chôn giấu của Kidd được cho là bùa hộ mệnh của ông ấy. Vậy sao nó không giúp ông ấy thoát được giá treo cổ."

"Vì có nhiều chuyện hiểu lầm, vận xui, rồi cả chuyện ân oán. Thí dụ một điều là không có ai ở Boston hoặc London tin rằng Kidd có thể tìm lại được số hàng ở Caribbean, và có lẽ họ đã đúng. Nó đã biến mất từ lâu. Rồi còn chuyện khiếu nại của viên lãnh chúa và sự rắc rối về chính trị. Chính Kidd cũng có tính toán khôn ngoan, ông đòi phải được nhà vua tha bổng để đổi lại việc sẽ nộp lại số hàng cướp được. Nhưng nhà vua và những người khác có thể đã cảm thấy để bảo vệ Công ty Anh - Đông Ấn họ phải trả lại số hàng cướp cho viên lãnh chúa. Vì thế họ không lợi lộc gì trong việc tha bổng cho Kidd để đổi lấy thông tin về vị trí chôn giấu kho báu. Họ thà treo cổ Kidd còn hơn, và họ đã làm như vậy."

"Kidd có nói gì về kho báu chôn giấu trong phiên tòa không?"

"Chẳng nói gì cả. Vẫn còn các biên bản của phiên tòa, anh có thể hiểu là Kidd đã nhận ra ông ta sẽ bị treo cổ bất kể có làm hay nói điều gì. Em nghĩ ông ấy đã chấp nhận điều này và quyết định hành động trả thù cuối cùng là mang theo mọi bí mật xuống mồ."

"Hoặc ông ấy nói với vợ."

"Đó là một khả năng lớn. Bà ấy có một chút tiền riêng, nhưng có vẻ sống rất rủng rỉnh sau cái chết của chồng."

"Phụ nữ nào cũng vậy."

"Đừng phát ngôn phân biệt giới tính như thế. Anh cho em biết điều gì xảy ra với kho báu đi."

Tôi đáp, "Anh không có đủ thông tin. Các manh mối đều đã cũ. Nhưng anh đoán vẫn còn một phần kho báu chôn giấu ở đâu đây."

"Anh có nghĩ là Kidd nói với vợ về tất cả các vị trí chôn không?"

Tôi suy nghĩ một chút rồi đáp, "Kidd biết rằng vợ mình cũng có thể bị bắt, và bà có thể bị ép phải khai ra. Vì thế... anh nghĩ ban đầu ông ấy không nói với vợ, nhưng khi ông ấy ngồi tù ở Boston và sắp bị đưa sang London thì có thể ông ấy cho vợ biết một vài thông tin. Giống như con số tám chữ số ấy."

Emma gật đầu. "Từ trước đến nay ai cũng cho rằng Sarah Kidd đã tìm được một phần của kho báu. Nhưng em không nghĩ là Kidd lại nói hết với vợ về tất cả các vị trí chôn giấu vì nếu bà bị bắt và bị ép phải khai ra thì hầu như không còn cơ hội cho ông ấy đánh đổi kho báu lấy mạng sống của mình." Nàng nói thêm, "Em thực sự nghĩ là ông ấy đã mang theo bí mật về vị trí kho báu xuống mồ."

Tôi hỏi, "Kidd có bị tra tấn không?"

"Không." Nàng đáp. "Và người ta luôn đặt câu hỏi tại sao lại không bị. Hồi đó người ta bị tra tấn mà chẳng cần phải có lý do gì to tát." Nàng nói thêm, "Nhiều chi tiết trong câu chuyện về Kidd không thể hiểu được."

"Nếu anh sống ở thời đó, anh sẽ hiểu được."

"Nếu anh mà sống thời đó, họ sẽ treo cổ anh lên vì anh là người chuyên gây rắc rối."

"Đừng nặng lời thế, Emma."

Tôi xử lý tất cả các thông tin này và suy ngẫm một lúc. Tôi lại nghĩ đến bức thư mà Charles Wilson gửi cho người em trai. Tôi hỏi Emma, "Em có

nghĩ là Kidd có thể nhớ được tất cả các vị trí chôn giấu kho báu không? Chuyện đó là có thể hay không?'

"Có lẽ không." Nàng nói thêm, "Bellomont quả có tìm kiếm bằng chứng về kho báu bị chôn và tìm được một số giấy tờ tại nơi ở của Kidd ở Boston và trên tàu San Antonio, nhưng không hề có bản đồ hay vị trí chôn kho báu trong đống giấy tờ đó, hoặc nếu có thì Bellomont đã giữ kín cho riêng mình. Em cũng phải nói là Bellomont chết trước khi Kidd bị treo cổ ở London, vì thế nếu Bellomont có được tấm bản đồ nào đó của Kidd thì nó cũng có thể đã biến mất khi Bellomont chết." Nàng nói với tôi, "Vì vậy, John, có rất nhiều manh mối vụn vặt và những điểm mâu thuẫn nhau. Những người quan tâm đến chuyện này đã làm việc điều tra lại lịch sử cả hàng thế kỷ rồi." Nàng mỉm cười với tôi và hỏi, "Thế anh đã tìm ra được gì chưa?"

"Chưa. Anh cần thêm mấy phút nữa."

"Anh muốn nghĩ bao lâu cũng được. Em phải uống cái gì đã. Ta đi thôi.'

"Khoan đã. Anh có thêm mấy câu hỏi."

"Được thôi. Anh hỏi đi."

"Được... Giờ anh là thuyền trưởng Kidd và anh đã căng buồm quanh vùng biển Long Island Sound trong... bao lâu nhỉ?"

"Một vài tuần."

"Đúng rồi. Anh đã ở vịnh Oyster nơi anh liên lạc được với một luật sư, vợ và con anh đã đến từ Manhattan và có mặt trên tàu. Anh đã tới đảo Gardiner... Anh nhờ ông Gardiner chôn một phần kho báu cho anh. Anh có biết ông ấy chôn ở đâu không nhỉ?"

"Không, đó là lí do tại sao không cần có bản đồ. Kidd chỉ nói với Gardiner là phải đưa kho báu ra ngay khi ông ấy trở lại, nếu không sẽ cắt đầu Gardiner."

Tôi gật đầu. "Làm thế hay hơn dùng bản đồ. Kidd thậm chí còn không phải mất công đào hố chôn."

"Đúng vậy."

"Em có nghĩ là ở những chỗ khác Kidd cũng làm thế không?"

"Làm sao em biết được. Cách làm thông thường hơn là cùng một vài thủy thủ lên bờ và bí mật chôn giấu kho báu, rồi vẽ bản đồ vị trí chôn?"

"Như vậy sẽ có người khác biết được chỗ chôn."

Nàng đáp, "Cách làm truyền thống của cướp biển để giữ bí mật là giết chết người cùng đào hố và ném xác xuống đó. Sau đó thuyền trưởng và người thân tín lấp hố lại. Người ta tin rằng hồn ma của người thủy thủ bị giết sẽ ám vào kho báu. Thực tế người ta tìm thấy những bộ xương chôn cùng với các hòm đựng báu vật."

"Chứng cứ có cơ sở về tội giết người." Tôi nói.

Nàng tiếp tục, "Như em đã nói, thủy thủ của Kidd đến lúc này chỉ còn lại sáu, bảy người. Nếu tin tưởng ít nhất một người để trông giữ tàu cùng đám thủy thủ và gia đình, ông ấy có thể dễ dàng chèo tới bất cứ vịnh hoặc lạch nước nào để tự mình chôn hòm báu vật. Việc đào hố trên nền cát không có gì khó. Phim ảnh thường chiếu cảnh một đoàn người lớn đi lên bờ, nhưng còn tùy vào kích cỡ chiếc hòm, anh chỉ cần một đến hai người."

Tôi gật đầu, "Rất nhiều quan niệm của chúng ta về lịch sử bị ảnh hưởng bởi các bộ phim không chính xác."

"Có lẽ là như vậy," Emma nói. "Nhưng có một điều mà phim ảnh mô tả chính xác - đó là việc săn tìm kho báu thường bắt đầu với việc tìm thấy một tấm bản đồ đã bị mất từ lâu. Chúng em bán chúng với giá bốn đô la ở tầng dưới, nhưng chúng đã được bán với giá cả chục nghìn đô la cho những người cả tin cả mấy thế kỷ nay."

Tôi suy tư về điều này. Có thể chính một trong những tấm bản đồ này - bản đồ thật - bằng cách nào đó đến được tay vợ chồng Tom và Judy, hoặc Fredric Tobin. Tôi nói với Emma, "Em nói là đảo Gardiner có thời được gọi là đảo Wight."

"Đúng."

"Còn hòn đảo nào khác ở đây ngày xưa có tên khác bây giờ không?"

"Có chứ. Tất cả các hòn đảo ở đây ban đầu đều có tên gọi theo tiếng của người da đỏ. Rồi sau đó mới có tên bằng tiếng Hà Lan và tiếng Anh." Nàng nói thêm, "Và rồi ngay cả những cái tên này cũng lại thay đổi theo thời gian. Tên địa danh ở Tân Thế giới là một rắc rối thực sự. Một số thuyền trưởng người Anh chỉ có các bản đồ của người Hà Lan, một số có bản đồ với tên địa danh sai về một hòn đảo hay con sông, chẳng hạn như chuyện đánh vần tên cũng đã kinh khủng. Một số bản đồ để trống tên, còn một số lại cố tình để thông tin sai lệch."

Tôi gật đầu nói, "Ví thử như đảo Robins, hay Đảo Plum. Thời của Kidd thì tên của chúng là gì?"

"Em không biết chắc về đảo Robins, nhưng Đảo Plum thì vẫn thế, chỉ có cách viết thì là P-L-U-M-B-E. Chữ này có nguồn gốc từ tên tiếng Hà Lan của Đảo Plum là P-R-U-Y-M E-Y-L-A-N-D." Nàng nói thêm, "Có thể trước đó có một cái tên khác, và một người như William Kidd trong nhiều năm chưa ra đến biển trước khi chấp nhận sứ mệnh mà Bellomont giao có thể đã có hoặc đã mua những tấm hải đồ vẽ trước đó cả mấy chục năm. Chuyện này không phải là hiếm." Nàng tiếp tục, "Một bản đồ kho báu của cướp biển được vẽ trích từ hải đồ có thể có những điểm không chính xác. Và anh phải nhớ rằng hiện không có mấy tấm bản đồ kho báu thật trên đời, vì thế rất khó để kết luận về tính chính xác nói chung của các tấm bản

đồ chôn kho báu. Nó tùy thuộc vào chính tên cướp biển. Nhiều tên quả thật thuộc loại ngu dốt."

Tôi mỉm cười.

Nàng nói tiếp, "Nếu tên cướp biển chọn cách không vẽ bản đồ thì cơ hội tìm ra kho báu từ mô tả viết tay của hắn là rất ít. Chẳng hạn, nếu anh tìm thấy một tấm da viết rằng, "Trên đảo Pruym Eyland, tôi đã chôn kho báu - từ hòn Eagle đi ba mươi bước tới hai cây sồi cạnh nhau, sau đó đi bốn mươi bước về phía nam, v.v... Nếu anh không hiểu được đảo Pruym Eyland là ở đâu thì rất khó cho anh. Nếu nghiên cứu cho biết Pruym Eyland là tên cũ của Đảo Plum thì anh phải tìm được vị trí hòn đá mà ai thời đó cũng biết tên là hòn Eagle. Và quên mấy cây sồi đi. Anh hiểu chứ?"

"Anh hiểu."

Ngừng một lát, Emma nói, "Những người làm tư liệu cũng gần giống với nghề điều tra. Em thử đoán được không?"

"Tất nhiên là được."

Nàng nghĩ một lát rồi nói, "Vâng... vợ chồng Gordon biết được một số thông tin về kho báu của thuyền trưởng Kidd, hoặc kho báu của một tên cướp biển nào đó, rồi có người khác biết được điều này và đó là lí do vợ chồng Gordon bị giết." Nàng nhìn tôi. "Em nói đúng không?"

Tôi nói, "Đại loại giống như thế. Anh đang làm rõ thêm chi tiết."

"Vợ chồng Gordon đã lấy được kho báu chưa?"

"Anh không dám chắc."

Nàng không gặng hỏi thêm.

Tôi hỏi, "Làm sao vợ chồng Gordon có được thông tin đó? Ý anh là, anh không thấy có tập tài liệu nào ở đây đề 'Bản đồ các kho báu cướp

biển.' Đúng không?"

"Đúng. Những tấm bản đồ kho báu của cướp biển duy nhất chỉ có trong cửa hàng đồ lưu niệm. Tuy nhiên, có nhiều tài liệu ở đây và ở các bảo tàng khác cũng như các hội lịch sử chưa có ai đọc đến, hoặc nếu có đọc thì cũng không nghĩ ra được ý nghĩa của nó. Anh hiểu chứ?"

"Anh hiểu."

Nàng tiếp tục, "Anh biết đấy, John, những người thường đến tìm hiểu tư liệu ở cơ quan Tư liệu công cộng ở London hay bảo tàng Anh quốc thường tìm thấy những điều mới mẻ mà những người khác đã bỏ qua hoặc không hiểu được. Vì vậy, có thể có những thông tin ở đây hoặc những nơi tập hợp khác hay trong các nhà riêng."

"Nhà riêng?"

"Vâng, ít nhất một lần mỗi năm chúng em được hiến tặng thứ gì đó tìm được trong một ngôi nhà cũ. Chẳng hạn như di chúc hay văn tự cổ. Em đoán - và chỉ là đoán thôi - rằng một ai đó như vợ chồng Gordon, không phải là người làm tư liệu chuyên nghiệp hay sử gia gì cả, tình cờ vớ được một thứ gì đó rõ ràng đến mức ngay cả họ cũng có thể hiểu được."

"Chẳng hạn như bản đồ."

"Vâng. Chẳng hạn như một tấm bản đồ về một nơi nào đó có thể nhận ra được, trên đó có các điểm đánh dấu, hướng đi, số bước chân, la bàn, đủ các loại. Nếu họ có được thứ gì đó như thế, họ có thể dễ dàng tới được địa điểm trên bản đồ và đào lên." Nàng ngẫm nghĩ một chút rồi nói tiếp, "Vợ chồng Gordon đã làm rất nhiều công việc đào bới khảo cổ trên Đảo Plum... có thể họ muốn tìm kiếm kho báu."

"Không còn chữ có thể ở đây nữa."

Nàng nhìn tôi một lúc lâu rồi nói, "Từ những gì em nghe được, họ đã đào những chiếc hố khắp trên đảo. Có vẻ như không phải họ biết chính xác

là cái gì và ở đâu-"

"Khảo cổ chỉ là cái cớ để họ có thể vác xẻng đi khắp những chỗ xa xôi trên đảo. Anh cũng sẽ không ngạc nhiên nếu phần lớn việc tìm hiểu tư liệu không phải là cái cớ che đậy việc khác."

"Tại sao?"

"Họ sẽ không được phép lấy bất cứ thứ gì tìm được trên Đảo Plum. Đó là đất của chính quyền. Vì thế họ phải bịa ra một câu chuyện cho riêng mình. Câu chuyện về Tom và Judy Gordon tìm thấy thứ gì đó trong những đống tư liệu - ở đây hoặc ở London - có nhắc đến *những cái cây của thuyền trưởng Kidd,* hay *những mỏm đá của thuyền trưởng Kidd,* và sau đó họ tuyên bố rằng việc này khiến họ nghĩ đến chuyện đi tìm kho báu." Tôi nói thêm, "Thực tế, họ đã biết kho báu có trên Đảo Plum."

"Thật không thể tin được."

"Đúng thế, nhưng em phải quay lại điểm xuất phát của vấn đề. Bắt đầu từ một tấm bản đồ thật hoặc bản viết tay hướng dẫn xác định địa điểm cất giấu kho báu trên Đảo Plum. Giả dụ em có thông tin này trong tay. Em sẽ làm gì, Emma Whitestone?"

Nàng không cần nghĩ lâu và nói, "Em sẽ đưa thông tin này cho chính phủ. Đây là một tài liệu lịch sử quan trọng, và kho báu, nếu có, cũng quan trọng về mặt lịch sử. Nếu nó nằm trên Đảo Plum thì sẽ được tìm thấy trên Đảo Plum. Nếu không làm thế thì vừa là không lương thiện, lại vừa có tội với lịch sử."

"Lịch sử đầy những lời nói dối, lừa đảo và tội lỗi. Đó là lý do vì sao lại có kho báu này. Tại sao lại không lừa dối thêm chỉ một lần nữa? Tìm được thì giữ. Đúng không?"

"Không. Nếu kho báu đang ở trên đất của người khác - kể cả của chính quyền - thì họ là người sở hữu. Nếu em tìm được vị trí của nó, em sẽ chấp

nhận một phần thưởng."

Tôi mỉm cười.

Nàng nhìn tôi. "Thế nếu là anh thì anh sẽ làm gì?"

"Ồ... với tinh thần của thuyền trưởng Kidd, anh sẽ tìm kiếm một thỏa thuận. Anh sẽ không chỉ vị trí kho báu cho người có đất đai nằm trên tấm bản đồ. Đổi bí mật để lấy phần của mình cũng là hời rồi. Đến Chú Sam cũng sẽ thỏa thuận."

Nàng suy nghĩ về điều này và nói, "Em đoán thế. Chỉ có điều vợ chồng Gordon lại không làm như vậy."

"Không. Vợ chồng Gordon có đối tác. Anh cho rằng đối tác là một người hoặc những người mưu mô hơn vợ chồng họ. Và có lẽ rất độc ác. Quả thật là chúng ta chưa biết vợ chồng Gordon làm điều gì, hoặc định làm gì, vì kết cục họ đã chết. Chúng ta có thể đoán là họ bắt đầu từ thông tin chính xác về vị trí của kho báu trên Đảo Plum, và tất cả những điều mà ta thấy họ làm sau đó là một kế hoạch có tính toán và khôn ngoan - hội Lịch sử Peconic, đào bới khảo cổ, tìm hiểu tư liệu, thậm chí cả một tuần ở cơ quan Tư liệu công cộng bên London - tất cả là để chuẩn bị cho việc vận chuyển và chôn lại kho báu từ đất của Chú Sam sang đất của Gordon."

Emma gật đầu. "Và đó là lí do vợ chồng Gordon mua mảnh đất đó từ bà Wiley làm nơi chôn lại kho báu... *những mỏm đá của thuyền trưởng Kidd*-"

"Đúng vậy. Em thấy chuyện này có lý hay anh là thằng khùng."

"Anh khùng, nhưng em vẫn thấy nó hợp lý."

Tôi lờ đi và tiếp tục nói, "Nếu có mười, hai mươi triệu đô la có thể kiếm được, em sẽ làm đúng cách. Em sử dụng thời gian, em che đậy mọi dấu vết trước khi có ai đó biết được là em đang để lại dấu vết, em dự tính có vấn đề với các nhà sử học, các nhà khảo cổ và cả chính quyền. Em sẽ không chỉ giàu mà còn nổi tiếng, sẽ trở thành trung tâm của mọi sự chú ý

để sau đó mọi việc sẽ tốt lên hoặc tệ đi. Em trẻ, đẹp, thông minh và tiền ngập đầu. Và em không muốn gặp phải bất cứ rắc rối nào."

Nàng im lặng một lúc rồi nói, "Nhưng có điều gì đó đã diễn ra không như dự tính."

"Chắc chắn rồi - và họ đã chết."

Cả hai chúng tôi đều im lặng một lúc lâu. Giờ tôi có được nhiều câu trả lời, nhưng cũng lại có thêm nhiều câu hỏi. Có những câu sẽ không bao giờ trả lời được, vì Tom và Judy Gordon, giống như William Kidd, đã mang theo nhiều bí mật xuống mồ.

Cuối cùng, Emma hỏi tôi, "Anh nghĩ ai đã giết họ?"

"Có lẽ là đối tác của họ."

"Em biết... nhưng là ai?"

"Anh cũng chưa biết. Em có nghi ngờ ai không?"

Nàng lắc đầu, nhưng tôi nghĩ nàng đã nghi ngờ một người.

Tôi đã thổ lộ rất nhiều thông tin với Emma Whitestone, người mà tôi thực sự không quen từ trước. Nhưng tôi có linh cảm rất tốt về người mà tôi có thể tin tưởng. Nếu chẳng may tôi đánh giá sai, nghĩa là nàng cũng nằm trong âm mưu này, thì điều đó cũng không quan trọng lắm vì đằng nào thì nàng cũng biết cả rồi. Còn nếu nàng đến nói với Fredric Tobin hay một người khác rằng tôi đã lần ra thì lại càng tốt. Fredric Tobin sống ở trên tháp cao, phải có rất nhiều khói mới bốc lên được đến chỗ của hắn. Còn nếu một người nào khác dính vào mà tôi lại không biết thì khói cũng sẽ tới được chỗ người đó. Trong một cuộc điều tra, có những lúc ta phải để cho nó tự bộc lộ. Nhất là khi thời gian đang sắp hết.

Tôi cân nhắc câu hỏi tiếp theo, rồi quyết định dùng lá bài cuối. Tôi nói với nàng, "Anh nghe nói một số người của hội Lịch sử Peconic đã đến Đảo Plum để khảo sát khả năng đào bới khảo cổ."

Nàng gật đầu.

"Fredric Tobin có trong số đó không?"

Nàng thật sự ngập ngừng, điều tôi đoán là do thói quen cũ không muốn phản bội. Cuối cùng, nàng nói, "Có. Ông ấy có đến hòn đảo ấy một lần."

"Và vợ chồng Gordon là người hướng dẫn?"

"Vâng." Nàng nhìn tôi và hỏi, "Anh có nghĩ... ý em là...?"

Tôi nói với nàng, "Anh có thể phỏng đoán về động cơ và phương pháp, nhưng anh không bao giờ nói ra phỏng đoán về kẻ tình nghi." Tôi nói thêm, "Em nên giữ kín chuyện này, quan trọng đấy."

Nàng gật đầu.

Tôi nhìn Emma. Có lẽ bản chất nàng giống như vẻ bề ngoài - một người phụ nữ trung thực, thông minh và hơi khùng một cách đáng yêu. Tôi thích nàng. Tôi cầm tay nàng và chúng tôi xiết chặt tay nhau.

Tôi nói, "Cám ơn em vì cho anh thời gian và kiến thức."

"Em cũng vui mà."

Tôi gật đầu. Suy nghĩ của tôi trở lại với William Kidd. Tôi nói, "Thế là họ treo cổ ông ấy lên à?"

"Vâng. Họ giam ông ấy trong tù ở Anh hơn một năm trước khi đưa ra xử ở Old Bailey, ông không được phép có người bào chữa, không nhân chứng, không chứng cứ. Ông bị khép tội và treo cổ ở Bãi hành quyết bên sông Thames. Cơ thể ông ấy bị phủ ắc ín và treo trên dây xích để cảnh cáo các thủy thủ đi qua sông. Lũ quạ ăn thịt xác thối cả mấy tháng liền."

Tôi đứng dậy. "Ta đi uống gì đi."

CHƯƠNG 23

Tôi muốn ăn món mì ống nên mời nàng đi ăn tối ở quán Claudio và Emma đồng ý.

Quán Claudio nằm ở Greenport, nơi như tôi nói là có dân số chỉ khoảng hai nghìn người, ít hơn cả số nhân viên làm việc ở trụ sở cơ quan tôi.

Chúng tôi đi về hướng đông dọc theo đường Main Road. Chúng tôi vào làng lúc khoảng bảy giờ và trời đang tối dần.

Ngôi làng không đẹp hay cổ kính như những thôn quê quanh đây. Từ trước đến nay nó vẫn là một hải cảng, một khu phố của dân đánh cá. Những năm gần đây có những thay đổi tạo ra vẻ trưởng giả của nó, những cửa hàng mọc lên, những nhà hàng kiểu cách, đủ mọi thứ, nhưng nhà hàng Claudio thì hầu như vẫn không khác nhiều so với thời tôi còn bé. Từ thời có rất ít nơi ăn uống ở North Folk này nhà hàng Claudio đã có rồi. Nó tọa lạc bên bờ vịnh ở cuối đường Main Street, gần với cảng, không có vẻ gì là đã thay đổi trong cả thế kỷ qua.

Tôi đỗ xe và chúng tôi đi bộ dọc theo bến cảng dài. Một chiếc tàu ba buồm cũ lớn đậu trong cảng, một chiếc cầu bắc ra mặt nước ở gần đó, mấy người đi tản bộ, vài chiếc tàu máy buộc vào bờ chắc là chở khách đến nhà hàng Claudio. Thêm một đêm đẹp trời, tôi cảm thấy thời tiết rất dễ chịu.

Emma nói, "Một vùng áp thấp nhiệt đới đang hình thành ở biển Caribbean."

“Dùng Prozac* có giúp được gì không?”

“Một cơn bão mới sinh.”

“Ồ, đúng rồi.” Giống như một con sư tử con. Những cơn bão cũng hay nếu ngắm chúng từ trụ sở cao tầng ở Manhattan. Còn ở đây thì không hay ho gì vì nó cao không quá mười lăm mét so với mặt nước biển. Tôi còn nhớ một cơn bão tháng Tám ở ngoài này khi tôi còn bé. Lúc đầu trông thì thích, nhưng sau đó thì đáng sợ vô cùng.

Chúng tôi đi tản bộ và nói chuyện với nhau. Thời kỳ đầu của một mối quan hệ luôn có sự phấn khích - như trong ba ngày ban đầu này - sau đó, đôi khi người ta nhận ra mình không thích người kia. Nó thường là thứ gì đó mà người kia nói ra, chẳng hạn như, “Em hy vọng anh là người tình ngọt ngào.”

Nhưng Emma cho đến lúc này vẫn rất tuyệt. Nàng dường như thích được ở bên tôi. Mà thế thật, nàng nói, “Em thích được ở bên anh.”

“Tại sao?”

“Ồ, anh không giống như những người đàn ông mà em đã gặp - tất cả những điều họ muốn là được nghe về em, nói chuyện với em, tranh luận về nghệ thuật, chính trị, triết học và xem quan điểm của em về mọi thứ như thế nào. Anh khác. Anh chỉ muốn làm tình.”

“Tôi bật cười.”

Nàng khoác tay tôi, chúng tôi cùng thả bộ xuống phía cuối cảng và ngắm nhìn những con tàu.

Nàng nói, “Em đang nghĩ... nếu Tom và Judy còn sống, họ công bố đã tìm được kho báu trong truyền thuyết kia - kho báu của cướp biển, kho báu của Kidd,- rồi các phóng viên báo chí sẽ đến chật kín, giống như khi vợ chồng họ bị giết. Họ sẽ đến khắp mọi nơi ở Southold, phỏng vấn những người họ gặp trên phố, quay phim về phố Main Street, đủ mọi chuyện.”

"Đó là công việc của họ."

"Vì thế, điều trớ trêu là họ lại đến đây để đưa tin về cái chết của vợ chồng Gordon thay vì vận may của họ."

Tôi gật đầu, "Nhận xét thật thú vị."

"Em không biết là cánh báo chí có đến hội Lịch sử Peconic để tìm hiểu câu chuyện về kho báu không."

"Có thể lắm."

Nàng nói, "Anh biết đấy, như em đã nói rồi, trước đây đã có những lần người ta phát cuồng lên đi tìm kho báu. Gần đây là thập kỷ 1930 - thời Đại suy thoái - rồi đến tận cuối những năm 1950, hội chứng điên về kho báu của Kidd vẫn còn diễn ra ở vùng này, thường bắt đầu từ một tin đồn ngu xuẩn nào đó, hoặc việc có người tìm thấy vài đồng xu trên bãi biển. Người ta đổ về từ khắp mọi nơi và đào bới khắp các bãi biển, gò đồi, trong rừng cây... lâu nay lại không thấy gì nữa. Có thể thời gian đã thay đổi." Nàng hỏi tôi, "Anh có chơi trò cướp biển khi còn bé không?"

"Anh đang nghĩ về điều này... Anh nhớ đã được nghe chuyện về cướp biển ở ngoài này khi anh còn nhỏ. Nhưng không nghe quá nhiều..." Tôi nói thêm, "Mợ anh thì lại hơi phức tạp hơn một chút. Bà ấy hay nói về người da đỏ trước khi họ đến đây."

"Gia đình em lại hay nói về những người đến định cư đầu tiên và về cuộc Cách mạng. Em còn nhớ khi nói chuyện về những tên cướp biển... Em có một người anh trai, em nhớ anh ấy chơi trò cướp biển một hai lần gì đó với bạn, em cho đó là trò của con trai. Giống như trò cảnh sát và kẻ cướp, cao bồi và người da đỏ."

"Anh nghĩ thế. Giờ trẻ con lại chơi trò cảnh sát ma túy và kẻ đi buôn." Tôi nói thêm, "Nhưng có một thằng bé - không chơi chữ đâu - ở *đất của*

thuyền trưởng Kidd Tôi kể cho Emma nghe câu chuyện về Billy kẻ săn lùng kho báu.

Nàng nhận xét, "Nó có chu kỳ đấy. Có lẽ bọn cướp biển lại sắp đến đây." Nàng hỏi tôi, "Anh đã bao giờ đọc truyện Đảo giấu vàng của Robert Louis Stevenson chưa?"

"Rồi chứ. Cả truyện Con bọ vàng của Poe nữa. Anh vẫn nhớ một manh mối không rõ ràng là hình vẽ một con dê - con dê con. Em biết chứ?"

"Em biết. Anh đã đọc *Wolfert Webber* của Washington Irving chưa?"

"Chưa bao giờ nghe đến tên đó."

"Một câu chuyện cực hay về cướp biển," nàng cho tôi biết. Nàng mỉm cười và hỏi tôi, "Đã bao giờ anh xem phim về giang hồ lãng tử của những năm 1930, 1940 chưa?"

"Anh thích loại đó."

Nàng nói, "Anh biết đấy, trong tiếng Anh có rất ít từ gợi trí tò mò và lãng mạn hơn những từ như cướp biển, kho báu được chôn giấu, tàu chiến ... còn gì khác nữa nhỉ?"

"Giang hồ. Anh thích từ đó."

"Thế còn Spanish Main?"

"Đúng rồi. Nó là cái gì cũng được."

Chúng tôi đứng trên cảng, gần chỗ chiếc tàu ba buồm cũ to lớn. Mặt trời đang lặn dần và chúng tôi cứ chơi trò đố chữ ngớ ngẩn này, nghĩ ra toàn những từ và cụm từ như tướng cướp, tiền vàng Tây Ban Nha, kiếm cong, miếng che mắt chột, chân giả, vẹt, bịt mắt đi trên ván, đảo hoang, chiến lợi phẩm, của cướp được, cướp phá, cờ Đầu lâu xương chéo, bản đồ kho báu, hòm báu vật, dấu X trên bản đồ, rồi - vét cả đáy thùng - những

cụm từ như "Đồ chết trôi" và "Ahoy, me hardies". Cả hai chúng tôi cùng cười, tôi nói, "Anh thích em."

"Tất nhiên là anh thích rồi."

Chúng tôi đi bộ trở lại dọc theo cảng về phía nhà hàng Claudio, tay trong tay, điều mà tôi đã từ lâu không làm.

Nhà hàng Claudio đang đông khách với một buổi tối ngày thường trong tuần. Chúng tôi ngồi ở quầy bar và lấy đồ uống trong lúc chờ dọn bàn.

Như tôi đã nói, đây là nơi xưa cũ, xây dựng từ năm 1830 và tự nhận là nhà hàng cổ nhất ở nước Mỹ hoạt động liên tục do một gia đình quản lý - dòng họ Claudio, từ năm 1870. Gia đình tôi thì chỉ chuyện chung bếp và nhà tắm mỗi buổi sáng cũng đã rắc rối rồi. Tôi không thể tưởng tượng được người ta sống như thế trong một trăm ba chục năm.

Theo người phục vụ nói với tôi, tòa nhà này đã có thời làm nhà nghỉ khi Greenport là cảng săn cá voi, còn quay bar chỗ Emma và tôi ngồi được vận chuyển tới đây bằng xà lan từ Manhattan năm một tám tám mấy gì đó.

Quầy bar và các giá hàng phía sau đều là gỗ gụ, kính khắc và đá cẩm thạch Italia. Nó phảng phất thứ phong cách ngoại lai và không mang vẻ gì của thời thực dân thường thấy ở vùng này. Ở đây, tôi có thể tưởng tượng tôi trở lại Manhattan, nhất là khi tôi ngửi thấy mùi thức ăn Italia từ phía sườn của nhà hàng. Đôi khi tôi cũng nhớ Manhattan và những nơi như Little Italy, ở đó đang diễn ra bữa đại tiệc của San Gennaro. Nếu tôi trở lại thành phố New York, Dom Fanelli và tôi sẽ xuống phố Mulberry đêm nay, xì xụp ở từng tiệm ăn ngoài trời và kết thúc buổi tối ở một quán cà phê. Hẳn là tôi sẽ phải quyết định về tương lai của mình.

Emma gọi một ly rượu vang trắng. Người phục vụ hỏi nàng, "Chúng tôi có sáu loại vang trắng của địa phương tính theo ly. Chị thích loại nào?"

"Ờ... Pindar." Nàng đáp.

Đó là cô gái của tôi. Chung thủy và thật thà. Nàng không uống rượu vang của tình nhân cũ trước mặt người mới. Nói thật, càng già thì bạn phải mang càng nhiều hành lý, còn sức lực để mang của bạn thì càng ngày càng kém.

Tôi gọi một cốc bia Budweiser và chúng tôi cụng nhau. Tôi nói, "Cám ơn em một lần nữa vì tất cả mọi thứ."

"Bài học lịch sử nào anh thích nhất?"

"Lịch sử về chiếc giường lông vũ."

"Em cũng thế."

Và cứ thế, cứ thế.

Trên các bức tường đầy những sự kiện ghi nhớ, những bức ảnh đen trắng về những người thế hệ trước của dòng họ Claudio, những bức ảnh cũ về các cuộc đua thuyền ngày trước, những quang cảnh thời xưa của Greenport. Tôi thích các nhà hàng cũ - chúng giống như những bảo tàng sống nơi mà ta có thể gọi một cốc bia.

Cũng chính ở nhà hàng Claudio này, hồi tháng Sáu, lần đầu tiên tôi gặp vợ chồng Gordon. Đó là một trong trong những lí do khiến tôi muốn đến đây, ngoài lí do cái dạ dày của tôi đang đòi nước sốt cà chua của món mì ống. Đôi khi cũng là tốt nếu trở lại một nơi nào đó khi ta muốn nhớ lại điều gì đã diễn ra ở nơi này.

Tôi thấy mình nhớ đến cha mẹ, em trai và em gái, đang ngồi bên những chiếc bàn này, trò chuyện về những việc làm trong ngày và dự định những điều sẽ làm cho ngày hôm sau. Đã nhiều năm nay tôi không nghĩ đến điều đó.

Tôi thoát ra khỏi những ký ức của tuổi thơ, điều chỉ nên nhớ lại khi ngồi trên ghế của bác sĩ tâm thần. Đầu óc tôi trở lại về tháng Sáu năm nay.

Tôi tới đây, chỗ quầy bar này, vì đây là một trong số ít nơi ăn uống mà tôi biết. Tôi nhớ lúc đó vẫn còn hơi yếu, nhưng không có thứ gì giống như quay bar và một cốc bia để vực dậy một gã trai.

Tôi gọi thứ đồ uống quen thuộc, một chai Bud, và ngay lập tức nhận ra một phụ nữ rất hấp dẫn đang ngồi cách đó vài hàng ghế. Lúc đó là trước mùa du lịch, một đêm đầu tuần, trời đang mưa và không có nhiêu người ở quầy bar. Ánh mắt hai người gặp nhau. Cô gái dường như mỉm cười, và tôi tiến lại. "Xin chào." Tôi nói.

"Chào anh." Cô gái nói.

"Tôi tên là John Corey."

"Judy Gordon."

"Em ngồi một mình à?"

"Vâng, không kể chồng em đang trong phòng vệ sinh."

"Ồ..." Tôi giờ mới nhận ra chiếc nhẫn cưới trên tay cô. Sao tôi không thể nào nhớ được là phải nhìn xem người ta có nhẫn cưới hay không nhỉ? Ồ, nhưng ngay cả khi cô ta có chồng rồi, và cô ta đang ở một mình - nhưng tôi đánh trống lảng. Tôi bảo, "Anh sẽ đi tìm chồng em cho em."

Cô ta cười nói, "Đừng chạy mất nhé."

Tôi đã thích rồi, nhưng vẫn tỏ ra ga lăng, "Hẹn gặp lại nhé." Tôi định quay trở lại chỗ ngồi ở quầy bar thì Tom xuất hiện và Judy giới thiệu tôi.

Tôi cáo lỗi để đi nhưng Tom nói, "Làm một chai bia nữa nhé."

Tôi nhận ra cả hai người đều nói giọng không phải người địa phương. Tôi đoán họ là khách đi du lịch sớm hoặc hạng gì đó. Họ không ăn nói thô thiển kiểu của dân New York mà tôi đã quen. Giống như chuyện đùa, một anh chàng người Trung Tây gặp một gã người New York trên đường và

nói, "Xin lỗi, thưa ngài, ngài có thể chỉ dùm tôi đường đến tòa nhà Empire State Building được không, hay là tôi cút mẹ tôi đi?"

Tôi không muốn ngồi uống cùng họ, ngượng lắm, vì tôi đã tán tỉnh vợ người ta. Nhưng vì một lí do nào đó mà tôi không bao giờ hiểu được, tôi lại ngồi uống với họ.

Bình thường tôi có thể ít nói, nhưng họ lại là những người cởi mở đến nỗi chỉ một lát sau, tôi đã kể với họ về chuyện không may của tôi mới đây, và cả hai người cùng nhớ ra đã xem chuyện đó trên ti vi. Thế là tôi trở thành người có tiếng với họ.

Họ kể rằng họ làm việc trên Đảo Plum, một điều thú vị đối với tôi, và rằng họ tới thẳng nhà hàng này sau giờ làm bằng tàu, một điều cũng thú vị. Tom mời tôi đến xem con tàu, nhưng tôi khước từ vì không mấy quan tâm đến chuyện tàu thuyền.

Rồi đến chuyện tôi có một căn nhà ở sát mặt nước, đó là khi Tom hỏi tôi ngôi nhà nằm ở đâu và trông nó thế nào từ dưới mặt nước để có dịp sẽ đến thăm. Và rồi trước sự ngạc nhiên của tôi, một tuần sau đó, Tom và Judy đã đến thật.

Chúng tôi trò chuyện rất vui vẻ trong nhà hàng Claudio này, và một giờ sau chúng tôi đã ăn tối cùng nhau. Đó là chuyện của ba tháng trước, không phải là một quãng thời gian thật dài, nhưng tôi cảm thấy như thể đã rất thân với họ. Tuy nhiên, tôi cũng phát hiện ra có những điều về họ mà tôi chưa biết.

Emma nói, "Này? John?"

"Xin lỗi. Anh đang nghĩ đến lần đầu anh gặp vợ chồng Gordon. Chính tại quầy bar này."

"Thật hả?" Nàng hỏi tôi, "Phải chăng anh rất thất vọng về..."

“Anh đã không nhận ra mình thích ở gần họ như thế nào.” Tôi nói thêm, “Anh đang đặt chuyện này với phần cá nhân nhiều hơn là anh tưởng.”

Nàng gật đầu. Chúng tôi nói với nhau chuyện này chuyện nọ. Tôi chợt nghĩ nếu nàng có thông đồng với tên giết người, hoặc là một phần trong âm mưu kia, thì nàng sẽ tìm cách để moi thông tin từ tôi. Nhưng nàng dường như muốn tránh chủ đề đó, và như thế lại tốt cho tôi.

Bàn ăn đã chuẩn bị xong và chúng tôi tới nơi giống như cái hiên kín đáo nhìn ra phía vịnh. Trời đang lạnh đi rất nhanh và tôi cảm thấy hối tiếc thấy mùa hè đã trôi qua. Tôi đã được nêm mùi cái chết của chính mình - nếm mùi đúng theo nghĩa đen khi máu trào ra từ miệng - và tôi nghĩ ngày đang ngắn dần đi cùng những cơn gió lạnh lẽo nhắc tôi rằng mùa hè của tôi đã qua, rằng cậu bé Johnny với đôi mắt mở to khi tìm thấy viên đạn súng hỏa mai cuối cùng đã trưởng thành khi nằm trong rãnh thoát nước ở phố 102 Đông với ba lỗ đạn găm trên người.

Nước Mỹ là đất nước của những cơ hội lần hai và lần ba, một nơi để hồi tỉnh lại nhiều lần. Vì thế, nếu được làm lại đầy đủ thì chỉ có một gã hoàn toàn khù khờ mới không làm được đúng cách.

Emma nói, “Hình như anh mất tập trung.”

“Anh đang phân vân không biết nên bắt đầu bằng món calamari chiên hay món scungili.”

“Đồ ăn chiên không tốt cho anh đâu.”

“Em có nhớ thành phố không?” Tôi hỏi nàng.

“Thỉnh thoảng. Em nhớ nơi không ai biết ai. Ở đây ai cũng biết anh đang ngủ với người nào.”

“Anh cũng cho là thế, nếu em trình diện tất cả bạn trai của mình trước mặt các nhân viên.”

Nàng hỏi tôi, "Anh có nhớ thành phố không?"

"Anh không biết... Anh sẽ không biết cho đến lúc anh trở về." Tôi cáo lỗi, "Anh phải vào phòng vệ sinh." Tôi ra xe lấy chiếc chậu sứ và để vào trong túi đựng quà.

Tôi đặt chiếc túi trước mặt nàng. Nàng hỏi, "Cho em đấy à?"

"Ừ."

"Ôi, John, anh không phải... Em mở luôn bây giờ được không?"

"Em mở đi."

Nàng thò tay vào trong túi và lấy ra chiếc chậu sứ quấn trong lớp giấy màu hồng. "Cái gì...?"

Tôi chợt phát hoảng. Biết đâu bà già ở cửa hàng đồ cổ lại nhầm thì sao. Biết đâu bà ấy nhầm Emma Whitestone với một ai khác thì sao. "Khoan đã." Tôi nói, "Có lẽ em không nên mở."

Những người trong quán ăn đang nhòm sang tò mò, tọc mạch và tủm tỉm cười.

Emma mở lớp giấy bọc, để lộ ra một chiếc chậu sứ màu trắng với những hình vẽ hoa hồng. Nàng cầm tay xách và giơ lên cao.

Tiếng ngạc nhiên rộ lên trong đám người xung quanh. Hay ít nhất là có vẻ như vậy. Có ai đó còn cười to.

Emma nói, "ôi, John! Đẹp quá. Sao anh biết?"

"Anh là thám tử mà." Ôi, chao ôi!

Nàng ngắm nghía chiếc chậu sứ, xoay lại để nhìn mác của chiếc chậu và mọi chi tiết.

Người hầu bàn tiến đến và nói, "Có phòng vệ sinh ở phía sau nếu ông bà muốn đi."

Cả hai chúng tôi cùng cười thầm trong bụng. Emma nói nàng sẽ trồng loài hoa hồng tiểu muội trong chiếc chậu, còn tôi bảo làm thế thì người ta sẽ không ngồi lên trên. Chúng tôi nói chuyện hài hước về chiếc chậu và gọi đồ ăn cho bữa tối.

Chúng tôi có một bữa ăn ngon, vừa nói chuyện vừa ngắm nhìn hải cảng. Nàng hỏi tôi có muốn nàng ở qua đêm với tôi một lần nữa không, tôi bảo có. Nàng mở túi xách lấy ra một chiếc bàn chải đánh răng và một đôi tất. Nàng bảo, "Em chuẩn bị đấy."

Người hầu bàn khôi hài nãy giờ xuất hiện đúng lúc và hỏi, "Ông bà có cần thêm cà phê hay phải vội về nhà?"

Trên đường lái xe về nhà ở Mattituck, một lần nữa tôi có cảm giác rất kì lạ rằng sẽ không có điều gì kết cục tốt đẹp, vụ này, câu chuyện này với Emma, chuyện với Beth, dù là gì đi nữa, và cả sự nghiệp của tôi. Cảm giác đó với tôi giống như sự im lặng đáng sợ và bầu trời trong vắt trước khi một cơn bão đổ bộ vào.

CHƯƠNG 24

Sáng hôm sau, lúc tôi đang mặc quần áo thì chuông cửa reo, và tôi đoán là Emma đang ở tầng dưới sẽ ra mở cửa.

Tôi mặc quần áo xong - quần sẫm, áo sơ mi kẻ sọc, áo khoác xanh, giầy mềm không tất: bộ đồ điển hình ở những vùng biển. Ở Manhattan, những người không đi tất thường cầm theo chiếc cốc bằng thiếc*; ở đây, thế lại là sang trọng.

Khoảng mười phút sau tôi xuống tầng dưới và thấy Emma Whitestone đang ngồi bên chiếc bàn và uống cà phê cùng với Beth Penrose. Ái chà chà.

Chính những lúc như thế này phải cần đến khả năng xử sự thật khôn khéo. Tôi nói với Beth, "Xin chào, điều tra viên Penrose."

Beth đáp, "Xin chào."

Tôi nói với Emma, "Đây là đồng sự của anh, Beth Penrose. Anh đoán là hai người đã gặp nhau rồi."

Emma đáp, "Em cũng nghĩ thế. Chúng em đang uống cà phê."

Tôi nói với Beth, giọng trách móc, "Anh cứ nghĩ là sẽ gặp em sau."

Beth đáp, "Em có thay đổi trong kế hoạch. Em đã để lại tin nhắn trên máy của anh tối qua."

"Anh không kiểm tra máy."

Emma đứng dậy. "Em phải đi làm bây giờ."

"Ồ... để anh chở em đi." Tôi nói.

Beth cũng đứng dậy và nói với tôi, "Em cũng phải đi bây giờ. Em chỉ tạt qua lấy tập giấy tờ về chi tiêu tài chính. Nếu anh có ở đây thì cho em lấy luôn."

Emma nói với cả tôi và Beth, "Cứ ngồi đi. Hai người hẳn là có việc phải làm." Nàng đi ra cửa. "Em sẽ gọi cho Warren để đi nhờ xe. Cậu ấy sống ở gần đây. Em sẽ ngồi ở phòng khách." Nàng không quay lại nhìn tôi lúc đi ra khỏi bếp.

Tôi nói với Beth, "Cô ấy là chủ tịch hội Lịch sử Peconic đấy."

"Thật à? Hơi trẻ so với vị trí ấy nhỉ."

Tôi tự rót cho mình một cốc cà phê.

Beth nói, "Em định sẽ thông báo cho anh, coi như câu chuyện làm quà."

"Em không nợ anh quà cáp gì cả."

"Ồ, anh đã giúp em rất nhiều mà."

"Cám ơn em."

Cả hai chúng tôi vẫn đứng, tôi thì uống cà phê, còn Beth lau chiếc cốc cà phê và thìa bằng giấy ăn, như thể nàng sắp ra về. Tôi nhận ra một chiếc cặp bên cạnh chiếc ghế của nàng. Tôi nói, "Ngồi đi."

"Em phải đi."

"Uống cùng anh một cốc cà phê nhé."

"Được." Nàng tự rót thêm một cốc và phê và ngồi xuống đối diện tôi. Nàng nói, "Sáng nay trông anh bảnh lắm."

"Anh đang cố thay đổi hình ảnh của mình. Chẳng có ai nghĩ nghiêm túc về anh." Nàng đang mặc một bộ đồ may riêng khác, bộ này màu xanh hải quân với chiếc áo blu trắng. Trông nàng thật ngon lành và tươi tắn, đôi mắt nàng rạng ngời. Tôi nói, "Trông em cũng rất ổn đấy."

“Cám ơn anh. Em biết cách ăn mặc.”

“Đúng thế.” Hơi nghiêm túc một chút, nhưng đó là cách nghĩ của tôi. Tôi không thể hiểu nàng nghĩ thế nào về vị khách trong nhà của tôi, nếu quả thật nàng có nghĩ đến. Ngoài chút cảm xúc nhỏ nhoi với Beth, tôi tự nhắc mình rằng nàng đã tách tôi ra trong vụ án. Và giờ nàng lại quay trở lại.

Tôi không biết có nên nói với nàng rằng tôi đã khám phá được những điều quan trọng mà không có sự hiện diện của nàng hay không, rằng tôi tin rằng mình đã tìm được động cơ của vụ giết người, và rằng phải chú ý tới Fredric. Nhưng dại gì mà tôi phải chìa cổ ra nhỉ? Tôi có thể sai. Mà kỳ thực, sau một đêm thức dậy, tôi lại ít chắc chắn hơn rằng Fredric Tobin chính là kẻ đã giết Tom và Judy Gordon. Rất có thể gã biết nhiều hơn những điều gã nói ra, nhưng dường như có khả năng nhiều hơn là một người nào khác, chẳng hạn như Paul Stevens, đã bóp cò.

Tôi quyết định thử xem nàng có thứ gì mà tôi có thể cần, nàng muốn thứ gì mà tôi có thể có. Nó giống như một trận đấu quyền anh. Hiệp một - Tôi nói, “Max đã kết thúc công việc của anh với thị trấn Southold.”

“Em biết.”

“Thế nên anh không nghĩ là anh sẽ được chia sẻ bất cứ thông tin nào của cảnh sát.”

“Có thật là anh nghĩ thế không? Hay là anh đang phật ý.”

“Cả hai, mỗi thứ một chút.”

Nàng mân mê chiếc thìa cà phê một lát rồi nói, “Em thực sự tôn trọng quan điểm và kiến thức chuyên môn của anh.”

“Cám ơn em.”

Nàng nhìn quanh bếp. “Đây là một kiểu nhà.”

"Người đàn bà tô vẽ to lớn."

"Nhà này là của cậu anh à?"

"Ừ. Ông ấy sống ở Phố Wall. Trên ấy thì thiếu gì tiền. Anh được nhắc đến trong di chúc của ông ấy đấy. Ông ấy nghiện thuốc lá nặng."

"Anh có một nơi để dưỡng thương thế này là tốt lắm."

"Đáng lẽ anh nên đến Caribbean."

Nàng mỉm cười, "Đến đó thì anh không được nhiều chuyện vui thế này đâu." Nàng hỏi, "Tiện thể em hỏi, anh cảm thấy thế nào rồi?"

"Ồ, tốt thôi. Anh thấy khỏe cho đến khi tự vắt kiệt sức mình."

"Đừng gắng sức quá."

"Anh sẽ tránh."

"Thế mấy ngày qua anh làm gì? Anh có theo đuổi điều gì không?"

"Một chút thôi. Nhưng như anh đã nói, Max đã cắt đường của anh, còn sếp anh đã thấy anh trên ti vi vào đêm xảy ra án mạng. Còn nữa, anh nghĩ anh bạn Nash của em đã nói xấu anh với cấp trên của anh. Rất nhỏ mọn."

"Anh đã chọc anh ấy mà, John. Em chắc là anh ấy hơi khó chịu với anh."

"Có thể. Cha ấy có lẽ muốn cắt mọi quan hệ xã hội của anh."

"Ồ, em không biết chuyện ấy đâu nhé."

Tôi thì biết. Tôi nói, "Quan trọng hơn là anh có lẽ sẽ phải giải thích với các sếp to ở Sở cảnh sát."

"Thế thì tệ quá. Em có thể giúp gì thì cứ nói với em."

"Cám ơn. Tất cả sẽ ổn thôi. Gây khó dễ cho một cảnh sát đã bị bắn là hình ảnh không tốt đẹp gì trước công chúng."

"Anh muốn thế nào với công việc? Tiếp tục hay là thôi?"

“Tiếp tục.”

“Anh chắc không?”

“Chắc. Anh muốn trở lại. Anh đã sẵn sàng.”

“Tốt. Trông anh cũng sẵn sàng rồi.

“Cám ơn em.” Tôi hỏi nàng, “Vậy, ai đã giết Tom và Judy Gordon?”

Nàng gượng cười. “Em tưởng anh sẽ nói điều đó với em.”

Nàng nghịch nghịch chiếc thìa một lát rồi nhìn tôi và hỏi, “Khi em gặp anh lần đầu, em không thích anh. Anh biết tại sao chứ?”

“Để anh xem nào... kiêu ngạo, hợm đời, trông lại quá ngon.”

Tôi ngạc nhiên là nàng lại gật đầu. “Đúng thế. Giờ em nhận ra anh còn có những điểm khác.”

“Không, chẳng có gì nữa đâu.”

“Có thật mà.”

“Có lẽ anh đang cố tìm lại đứa trẻ trong anh.”

“Ồ, anh làm điều đó tốt rồi. Anh nên tìm lại nửa người lớn bị kìm nén của mình.”

“Không có cách nào để nói chuyện với một người hùng đã bị thương.”

Nàng nói tiếp, “Nhìn chung, em thấy anh chung thủy với bạn bè và hết lòng vì công việc.”

“Cám ơn em. Ta nói chuyện về vụ án đi. Em muốn anh nói về những gì anh đã làm phải không?”

Nàng gật đầu. “Nếu cho rằng anh đã làm bất cứ điều gì.” Nàng nói, giọng hơi pha chút chế nhạo, “Anh có vẻ bận rộn với những việc khác nhỉ.”

“Liên quan đến công việc cả. Cô ấy là chủ tịch của-”

Emma ló đầu vào trong bếp. "Được rồi, hình như em nghe thấy tiếng còi xe bên ngoài. Rất vui được gặp chị, Beth. Em nói chuyện với anh sau nhé, John." Nàng đi ra, tôi nghe thấy tiếng mở cửa rồi đóng lại.

Beth nói, "Cô ấy được đấy." Nàng nói thêm, "Hành lý rất nhẹ."

Tôi không bình luận gì.

Beth nói, "Anh có tập giấy tờ tài chính kia cho em không?"

"Có." Tôi đứng dậy. "Ở bên phòng khách. Anh sẽ quay lại ngay."

Tôi đi vào sảnh lớn giữa nhà, nhưng không vào phòng khách mà ra cửa trước.

Emma đang ngồi trên một chiếc ghế bằng liễu gai chờ người đến đón. Chiếc Ford màu đen của Beth đỗ ở vòng cua. Emma nói, "Em cứ tưởng là nghe thấy tiếng còi. Em chờ ở đây được rồi."

Tôi nói, "Anh xin lỗi. Anh không thể chở em đi làm được."

"Không sao đâu. Warren sống gần ở đây mà. Cậu ấy đang đến rồi."

"Tốt. Anh gặp em sau được không?"

"Tối thứ sáu em đi chơi với các cô bạn gái."

"Họ làm gì?"

"Y như con trai làm thôi."

"Thế các cô ấy đi đâu?"

"Thường là Hamptons. Tất cả chúng em đều muốn tìm chồng và tình nhân giàu có."

"Cùng một lúc à?"

"Loại nào có trước cũng được. Chúng em có thỏa thuận."

"Được rồi. Anh sẽ qua chỗ cửa hàng sau." Tôi hỏi, "Cái chậu sứ của em đâu rồi?"

"Ở trong phòng ngủ."

"Anh sẽ đem đến cho em sau nhé."

Một chiếc xe chạy vào đường trong khuôn viên nhà. Emma đứng dậy và nói, "Cô đồng sự của anh có vẻ ngạc nhiên khi thấy em."

"Ồ, chắc cô ấy nghĩ anh sẽ ra mở cửa."

"Chị ấy có vẻ không chỉ là ngạc nhiên đâu. Chị ấy hơi ... lạnh nhạt. Thờ ơ. Không vui."

Tôi nhún vai.

"Anh bảo là anh chưa gặp ai khác ngoài này."

"Đúng thế. Anh mới gặp cô ấy lần đầu hôm thứ hai."

"Thì anh mới gặp em hôm thứ tư đấy thôi."

"Đúng, nhưng"

"Warren đến đây rồi. Em phải đi." Nàng đang định bước xuống bậc thì quay lại hôn lên má tôi rồi đi thật nhanh ra xe.

Tôi giơ tay vẫy Warren.

Ôi, xong. Tôi quay vào trong nhà và đi tới phòng khách. Tôi nhấn nút bật máy trả lời tự động. Tin nhắn đầu tiên là lúc bảy giờ tối qua của Beth. Nàng nói, "Em có hẹn gặp Max lúc 10 giờ sáng mai, em muốn ghé qua chỗ anh khoảng 8 giờ 30. Nếu có vấn đề gì thì gọi cho em tối nay luôn nhé." Nàng cho tôi số máy nhà riêng và nói, "Hoặc gọi cho em vào buổi sáng, nếu không thì gọi vào số máy trong xe." Nàng cho tôi số máy trong xe của nàng và bảo, "Em sẽ mang bánh rán đến nếu anh pha cà phê."

Giọng nàng rất thân thiết. Lẽ ra nàng nên gọi cho tôi từ xe của nàng sáng nay. Nhưng không sao. Kinh nghiệm nhiều năm của tôi cho thấy, cứ khi nào bỏ qua một tin nhắn thì thể nào cũng có chuyện gì đó hay ho.

Tin nhắn tiếp theo là của Dom Fanelli gọi lúc 8 giờ tối. Dom nói, "Này, cậu có nhà không? Có ở đó thì nhấc máy đi. Thôi được... Nghe này, hôm nay tôi có hai vị khách đến thăm là người của lực lượng đặc nhiệm chống khủng bố. Một gã FBI tên là Whittaker Whitebread gì đó, ăn mặc bảnh chọe, đi cùng với một tay cũng là cảnh sát, tay này ta đã gặp vài lần, đồng nghiệp cả. Cậu hiểu tôi nói gì chứ. Họ muốn biết là tôi có nghe ngóng được gì về cậu không. Họ muốn gặp cậu thứ ba này khi cậu đến gặp bác sĩ, và tôi phải đưa cậu đến gặp họ. Tôi nghĩ là FBI không tin vào tuyên bố trước báo chí của họ về vác xin Ebola. Có lẽ tôi đã ngửi thấy mùi chuyện che đậy. Này, tụi mình sắp bị lậu hết cả và phải nhìn thằng bé ỉu xìu à? Mà này, cả bọn đang định kéo nhau xuống San Gennaro tối mai đấy. Đến đây đi. Quầy bar ở nhà hàng Taormina, sáu giờ chiều. Kenny, Tom, Frank và tôi. Có thể có mấy em đấy. Tụi mình sắp ghẻ lở, ghẻ lở, ghẻ lở. Bellissimo nhé. Tuyệt đấy. Đến đi nếu khấu xúc xích tẩm hạt tiêu của cậu thấy cô đơn. Chào."

Hay đấy. Ý tôi là về lực lượng đặc nhiệm chống khủng bố. Nghe nó không giống như thể họ lo lắng về một phương thuốc màu nhiệm cho bệnh Ebola bị tuồn ra chợ đen. Rõ ràng Washington vẫn đang loạn cả lên. Tôi nên bảo họ không phải lo - đấy là chuyện kho báu của cướp biển, các ông ạ. Các bạn biết đấy, thuyền trưởng Kidd, tiền vàng Tây Ban Nha, là thứ chết tiệt gì cũng được. Nhưng cứ để cho họ truy tìm khủng bố. Biết đâu họ lại chẳng tìm được một gã. Đó cũng là bài tập huấn luyện rất tốt.

Bữa đại tiệc San Gennaro. Tôi thèm rỏ rãi nghĩ đến món calamari chiên và món calzone của Ý. Khỉ thật, nhiều khi tôi cảm giác như người sống lưu vong ở đây. Đôi khi tôi lại thích nó - thiên nhiên, tĩnh lặng, không xe cộ ồn ào, những con chim ưng biển...

Tôi có thể hình dung được ở quán Taormina sáu giờ chiều nay, dù tôi không muốn đến gần đám lửa như vậy. Tôi cần thêm một thời gian, và tôi có thời gian từ nay đến thứ ba trước khi họ túm được tôi - đầu tiên là mấy

ông bác sĩ, rồi đến Wolfe, sau đó là mấy tay chống khủng bố. Tôi tự hỏi không biết Whittaker Whitebread và George Foster có liên hệ gì với nhau hay không. Hay chỉ là một người?

Tôi lấy tập giấy tờ về tài chính ra. Trên bàn còn có chiếc túi đựng hòn gạch có vẽ hình chim ưng mà tôi mua ở chỗ vườn nho Tobin. Tôi cầm lên, rồi lại nghĩ, "không", rồi lại "có", rồi lại "không" một lần nữa, sau đó là "có lẽ để lúc khác." Tôi đặt xuống và quay lại phòng bếp.

CHƯƠNG 25

Beth Penrose lấy giấy tờ trong chiếc cặp của nàng ra trải lên mặt bàn, và tôi nhìn thấy một túi bánh rán. Tôi đưa cho nàng tập giấy tờ tài chính và nàng đặt sang một bên. Tôi nói, "Xin lỗi vì đi hơi lâu. Anh phải bật máy trả lời tự động lên nghe. Anh nhận được tin nhắn của em rồi."

Nàng đáp, "Đáng lẽ em nên gọi điện thoại từ trên xe."

"Không sao. Em được mời mà." Tôi chỉ đống giấy tờ trên bàn và hỏi, "Em có cái gì thế này?"

"Mấy tờ ghi chép. Báo cáo. Anh có muốn nghe không?"

"Tất nhiên." Tôi rót cà phê cho cả hai rồi ngồi xuống.

Beth nói, "Anh có phát hiện được gì thêm từ tập giấy tờ tài chính này không?"

"Chỉ có một số chi tiêu cao hơn thường lệ cho điện thoại, thẻ Visa và Amex sau chuyến đi Anh của họ."

Nàng hỏi tôi, "Anh có nghĩ chuyến đi Anh không chỉ vì công việc hay đi nghỉ không?"

"Có thể."

"Anh có nghĩ họ đã gặp một điệp viên nước ngoài ở đó không?"

"Anh không nghĩ chúng ta sẽ biết được họ làm gì ở Anh." Tôi khá chắc chắn, tất nhiên rồi, rằng họ dùng thời gian của tuần đó để lục tìm những thứ giấy tờ ba trăm năm tuổi, chắc chắn rằng họ đã ra vào cơ quan Tư liệu

công cộng hoặc bảo tàng Anh quốc, hoặc cả hai, để săn tìm kho báu. Tuy nhiên, tôi chưa sẵn sàng chia sẻ ý nghĩ đó.

Beth ghi lại vào sổ tay của nàng. Có lẽ một nhân viên lưu trữ nào đó sau này sẽ quan tâm đến sổ tay của một điều tra viên án giết người cuối thế kỷ 20. Tôi thường giữ một cuốn sổ tay, những tôi không thể nào đọc được chữ của mình nên việc đó cũng gần như vô tác dụng.

Beth nói, "Em bắt đầu từ đầu nhé. Trước hết, ta vẫn chưa tìm được hai viên đạn ở ngoài vịnh. Đó là việc gần như vô vọng và họ đã bỏ cuộc."

"Quyết định đúng đấy."

"Tiếp theo là dấu vân tay. Hầu hết mọi dấu vân tay trong nhà là của vợ chồng Gordon. Cảnh sát tìm người phụ nữ chuyên dọn nhà vừa dọn dẹp sáng ngày hôm đó và cũng tìm thấy dấu vân tay của người ấy."

"Thế còn dấu vân tay trên cuốn hải đồ?"

"Chỉ có vân tay của vợ chồng Gordon và của anh." Nàng nói thêm, "Em đã kiểm tra từng trang của cuốn sách đó bằng kính lúp và đèn cực tím để tìm kiếm dấu vết, lỗ châm và viết mực bí mật hay bất cứ thứ gì. Không thấy gì hết."

"Quả thực anh nghĩ là nó phải có điều gì đặc biệt."

"Không may mắn được như vậy." Nàng liếc nhìn sổ tay và nói, "Khám nghiệm tử thi cho thấy anh đoán đúng. Cả hai người chết là do tổn thương não trầm trọng do đạn bắn gây ra trên đầu của nạn nhân, hai viên đạn đều đi vào từ bán cầu não phía trước, v.v... Thuốc súng cháy tìm thấy bám trên da, chứng tỏ bắn ở tầm gần, vì thế ta có thể loại trừ khả năng hung thủ dùng súng trường bắn từ xa. Bác sĩ pháp y không cam đoan, nhưng ông ấy nói hung thủ bắn từ khoảng cách chừng mét rưỡi đến ba mét và cỡ đạn thuộc loại to - có thể là bốn bốn hoặc bốn lăm."

Tôi gật đầu. "Đó là điều mà chúng ta đã đoán được."

“Đúng vậy. Kết quả khám nghiệm còn lại...” Nàng liếc nhìn bản báo cáo. “... Hóa nghiệm - không thấy có ma túy, dù hợp pháp hay không hợp pháp. Dạ dày hầu như không có gì, có lẽ họ ăn sáng nhẹ từ sớm. Không thấy dấu vết gì trên người, không vết tiêm, không mang bệnh có thể thấy được...” Nàng nói thêm khoảng một phút rồi ngước lên và bảo, “Nạn nhân nữ mang bầu chừng một tháng.”

Tôi gật đầu. Cách chúc mừng sự nổi tiếng và giàu có đột ngột mới kinh khủng làm sao.

Hai chúng tôi không ai nói gì trong khoảng một phút. Các kết quả giám định pháp y có điều gì đó làm người ta mất cân bằng. Một trong những nhiệm vụ không mấy dễ chịu mà một điều tra viên án mạng phải làm là có mặt khi giải phẫu tử thi. Điều này liên quan đến yêu cầu về chuỗi chứng cứ và để đảm bảo tính pháp lý, nhưng tôi không thích nhìn thi thể người bị phanh ra, nội tạng bị cắt bỏ và cân lên, đại loại là như thế. Tôi biết Beth cũng có mặt khi giải phẫu thi thể vợ chồng Gordon, và tôi không biết mình có thể chịu được cảnh nhìn thấy người quen của mình bị mổ ruột và óc phanh ra hay không.

Beth sắp xếp lại mấy tờ giấy và nói, “Màu đất đỏ tìm thấy trên giày của họ có thành phần chủ yếu là đất sét, sắt và cát. Quanh khu vực này rất nhiều loại đất đó, không đáng để so sánh xác định địa điểm cụ thể.”

Tôi gật đầu và hỏi, “Trên tay họ có dấu vết gì cho thấy họ làm việc bằng tay trước đó không?”

“Quả thực là có. Tom có một vết rộp ở cườm tay bên phải. Cả hai người cùng bốc đất bằng tay, đất vẫn còn bám ở tay và trong móng tay dù họ có cố rửa sạch bằng nước mặn. Quần áo của họ cũng có những vết bẩn của cùng một loại đất.”

Tôi lại gật đầu.

Beth hỏi tôi, "Anh nghĩ là họ đang làm gì lúc trước?"

"Đào."

"Tìm cái gì?"

"Kho báu bị chôn."

Nàng coi đó như một ví dụ nữa của thái độ hợm đời của tôi và không thèm để ý đến, mà tôi biết nàng sẽ làm vậy. Nàng nói tiếp một số điểm khác trong báo cáo của bên kỹ thuật hình sự, nhưng tôi không thấy điều gì quan trọng.

Beth tiếp tục, "Khám xét nhà ở của họ từ trên xuống dưới không thấy được nhiều lắm. Họ không lưu trữ nhiều vào máy tính, trừ thông tin về tài chính và thuế má."

Tôi hỏi nàng, "Điểm khác nhau giữa một chiếc máy tính và một người phụ nữ là gì?"

"Anh nói đi."

"Máy tính sẽ chấp nhận một chiếc đĩa mềm mười phân rưỡi." Nàng nhắm mắt lại khoảng một giây, tay xoa thái dương, hít một hơi thở sâu rồi tiếp tục, "Họ có một tủ đựng giấy tờ, một số thư từ, giấy tờ về pháp lý, giấy tờ cá nhân, v.v... Cảnh sát hiện đang đọc và phân tích. Có thể có thứ gì đó đáng chú ý, nhưng đến giờ thì chưa có gì."

"Bất cứ thứ gì có liên quan hoặc chứng minh tội phạm thì đã bị lấy mất rồi." Nàng gật đầu và tiếp tục, "Vợ chồng Gordon dùng quần áo đắt tiền, ngay cả quần áo bình thường, không có phim khiêu dâm, không dụng cụ kích dục, có một tủ rượu vang mười bảy chai, bốn tập album ảnh - có mấy tấm có hình anh đấy - không có băng cát xét, một cuốn lưu danh thiếp và cảnh sát đang so sánh với cuốn ở phòng làm việc của họ, không có thứ gì đặc biệt trong tủ thuốc, không có gì trong túi quần áo mùa hè hay quần áo mùa đông cất trong tủ, không có chìa khóa lạ, dường như bị mất một chiếc

- chìa khóa nhà ông bà Murphy, nếu anh tin điều ông Murphy nói về việc đưa chìa khóa cho vợ chồng Gordon...” Nàng giở một trang và đọc tiếp. Đây là những thứ thường khiến tôi chú ý, nhưng đến lúc này vẫn chưa thấy điều gì đặc biệt.

Nàng tiếp tục, “Tìm thấy văn tự mua đất của bà Wiley. Tất cả đều theo thứ tự. Ngoài ra, không tìm thấy bằng chứng nào của một chiếc két sắt. Hay các tài khoản ngân hàng khác. Tìm thấy hai sổ bảo hiểm nhân thọ với mức 250 nghìn đô la, trong sổ của mỗi người đều ghi tên người kia là người được hưởng, những người được hưởng kế tiếp là cha mẹ và anh chị em ruột. Bảo hiểm nhân thọ chính phủ của họ cũng thế. Cũng có cả di chúc, rất đơn giản, của người này ghi tên người kia, cha mẹ và anh chị em ruột, v.v...”

Tôi gật đầu, “Làm việc rất chi tiết.”

“Đúng vậy. Thêm nữa... không có gì đặc biệt trên tường... ảnh gia đình, tranh chép, bằng cấp.”

“Thế còn luật sư?”

“Ở trên tường ư?”

“Không, Beth - luật sư... ai là luật sư của họ?”

Beth tủm tỉm nói, “Anh không thích khi người khác chọc anh đúng không? Nhưng anh-”

“Nói tiếp đi. Về luật sư ấy.”

Nàng nhún vai và nói, “Vâng, tìm thấy tên của một luật sư ở Bloomington, bang Indiana, cảnh sát sẽ liên hệ với ông này.” Nàng nói thêm, “Em đã nói chuyện với bố mẹ của cả hai người qua điện thoại... đây là phân việc mà em không thích.”

“Anh cũng thế.”

“Em thuyết phục họ không cần đến đây. Em giải thích là ngay sau khi giải phẫu xong, cảnh sát sẽ chuyển xác của họ đến bất cứ khu mai táng nào mà họ gia đình mong muốn. Em sẽ để Max nói với họ là cảnh sát có thể cần phải giữ lại rất nhiều vật dụng cá nhân cho tới khi mà chúng ta hy vọng có thể gói lại, tới tòa án và làm những chuyện khác.” Nàng nói thêm, “Thật là sốc khi có một vụ giết người... chết đã là tệ lắm rồi. Bị giết còn... ai cũng cảm thấy khủng khiếp.”

“Anh biết.”

Nàng kéo một xấp giấy tờ khác về phía nàng và nói, “Em đã hỏi bên cơ quan Chống ma túy, bảo vệ bờ biển, thậm chí cả hải quan về con tàu *Spirochete*. Điều thú vị là tất cả đều biết con tàu này - họ để ý đến những chiếc Formula. Nhưng theo mọi người cho biết thì vợ chồng Gordon không có chỗ nào đáng nghi. Họ nhớ là chưa bao giờ nhìn thấy chiếc *Spirochete* ngoài khơi Đại Tây Dương, và không có ai nghi ngờ họ hoạt động buôn lậu, vận chuyển ma túy hay làm gì đó phi pháp.”

Tôi gật đầu. “Được rồi.” Không đúng lắm, nhưng giờ chưa phải lúc nói ra.

Beth tiếp tục, “về thông tin của anh, chiếc Formula 303 SR-1 có độ sâu dưới mặt nước là tám mươi hai phân và có thể vào được vùng nước khá nông. Chiếc tàu mang theo ba trăm ba mươi lít xăng và động cơ bảy nghìn phân khối, tương đương 350 mã lực. Tàu có thể đạt tốc độ bảy mươi lăm dặm một giờ. Tàu mới thì giá chín mươi nghìn đô la, nhưng chiếc này đã cũ và vợ chồng Gordon mua nó với giá bảy mươi lăm nghìn.” Nàng ngước lên và nói, “Đây là loại tàu xịn nhất, cao hơn nhiều so với mức mà khả năng tài chính của vợ chồng Gordon có thể mua và bảo dưỡng, và quá mức cần thiết để cho họ đi làm - giống như mua một chiếc Ferrari làm xe taxi.”

Tôi nói, “Em đã phải bận rộn rồi.”

“Vâng. Thế anh nghĩ là em làm gì mấy ngày qua?”

Tôi lờ câu hỏi đi và nói, “Anh nghĩ chúng ta có thể loại trừ khả năng họ vận chuyển ma túy và những thứ như thế. Về chuyện vợ chồng Gordon mua một chiếc tàu cao tốc, có lẽ họ không cần dùng đến tốc độ lớn trong việc đi lại hàng ngày, mà chỉ cần trong trường hợp khẩn cấp.”

“Trong trường hợp nào.”

“Trường hợp họ bị rượt đuổi.”

“Ai sẽ đuổi họ? Và tại sao?”

“Anh không biết.” Tôi lấy một chiếc bánh rán và cắn một miếng. “Ngon đấy. Em làm à?”

“Vâng. Em còn làm cả bánh rán phết kem, bánh éclair, bánh rán nhân thạch.”

“Ấn tượng đấy, nhưng cái túi lại ghi hiệu bánh Nicole.”

“Anh đúng là dân điều tra.”

“Vâng, thưa quý cô. Em còn có thông tin gì nữa không?”

Nàng bới trong đống giấy tờ và nói, “Em đã lấy lệnh của ủy viên Công tố yêu cầu cung cấp danh sách cuộc gọi của vợ chồng Gordon trong hai năm vừa rồi.”

Tôi ngồi thẳng dậy. “Rồi sao?”

“Vâng, như anh sẽ đoán, nhiều cuộc gọi về nhà cho bố mẹ, bạn bè, người thân, v.v... - Tom gọi về Indiana, Judy gọi về Illinois. Nhiều cuộc gọi tới Đảo Plum, cho nhân viên điện nước, nhà hàng, v.v... Một vài cuộc gọi tới hội Lịch sử Peconic, cho bà Margaret Wiley, hai cuộc gọi tới nhà của Maxwell, một tới nhà riêng của Paul Stevens ở Connecticut, và mười cuộc gọi cho anh trong mười hai tuần vừa qua.”

“Có lẽ đúng như thế.”

“Đúng là thế. Ngoài ra, còn hai, ba cuộc gọi mỗi tháng tới xưởng rượu Tobin ở Peconic cũng như cho Fredric Tobin ở Southold và Fredric Tobin ở Peconic.”

Tôi nói, “Ông ta có một ngôi nhà nằm sát mặt nước ở Southold và có chỗ ở riêng ở xưởng rượu tại Peconic.”

Nàng nhìn tôi, “Sao anh biết những việc đó?”

“Vì Emma - chủ tịch hội Lịch sử Peconic, người vừa mới ra khỏi đây - là bạn thân của Fredric Tobin. Anh còn được mời tới dự tiệc tại dinh thự bên bờ biển của ông ấy tối mai. Anh nghĩ em nên tới đó.”

“Tại sao?”

“Đó là cơ hội tốt để nói chuyện với một số người địa phương. Max có lẽ cũng tới.”

Nàng gật đầu. “Được rồi.”

“Em đang nói về các cuộc điện thoại.”

Nàng nhìn xuống xấp giấy in ra từ máy tính và nói, “Tháng Năm năm ngoái, có bốn cuộc gọi từ London, Anh, tính tiền vào thẻ tín dụng điện thoại của họ... một tới Indiana, một tới Illinois, một tới số máy chung của Đảo Plum, và một cuộc dài bốn mươi hai phút cho Fredric Tobin ở Southold.”

“Đáng phải để tâm đấy.”

“Fredric Tobin làm sao?”

“Anh không chắc.”

“Vậy nói cho em biết phần mà anh chắc chắn đi.”

“Anh nghĩ em đang đọc báo cáo, anh không muốn ngắt lời.”

“Không, bây giờ tới lượt anh đấy, John.”

“Anh không chơi trò đó, Beth. Em cứ đọc hết đi đã, như thể em đang trình bày trong một căn phòng toàn các sếp. Sau đó thì anh sẽ nói cho em biết anh đã phát hiện được gì.”

Nàng thoáng suy nghĩ, rõ ràng là không muốn bị John Corey lừa. Nàng hỏi tôi, “Anh có thứ gì thật không đấy?”

“Anh có. Thật sự có. Tiếp tục đi.”

“Được rồi... em nói đến đâu rồi nhỉ?”

“Danh sách các cuộc gọi.”

“Vâng. Đây là danh sách cuộc gọi trong hai mươi lăm tháng, khoảng chừng một nghìn cuộc và em đang cho phân tích bằng máy tính. Em đã tìm ra một điểm đáng chú ý - khi vợ chồng Gordon tới đây vào tháng Tám năm kia, ban đầu họ thuê nhà ở Orient, gần bến phà, sau đó chỉ bốn tháng, họ lại chuyển vềcăn nhà ở Nassau Point.”

Tôi hỏi, “Ngôi nhà họ thuê ở Orient có gần mặt nước không?”

“Không.”

“Đó là câu trả lời. Trong bốn tháng tới đây, họ quyết định cần một ngôi nhà ở gần nước, một chiếc cầu tàu và một con tàu. Tại sao?”

“Đó là điều mà chúng ta đang cố tìm hiểu.”

“Đúng.” Tôi đã biết rồi. Nó chắc chắn phải có liên quan tới việc vợ chồng Gordon bằng cách nào đó phát hiện ra rằng có một thứ ở Đảo Plum phải được tìm ra và đào lên. Vậy, trở lại với hai năm trước, giai đoạn ban đầu trong âm mưu - kiếm một ngôi nhà ở gần nước, rồi một chiếc tàu - đã được thực hiện. Tôi nói với Beth, “Tiếp tục đi.”

“Vâng... Đảo Plum. Mấy người trên đó đang làm trò. Em phải găng với họ.”

“Tốt cho em đấy.”

“Em đã cho chuyển toàn bộ vật dụng trong văn phòng của vợ chồng Gordon bằng phà tới Orient Point, rồi bốc lên xe cảnh sát và đưa tới phòng thí nghiệm của quận Suffolk.”

“Những người đóng thuế cho quận sẽ vui lắm khi nghe tin đó.”

“Ngoài ra, em cũng đã cho tìm dấu vân tay trong văn phòng của họ rồi niêm phong và khóa lại.”

“Chúa ơi. Em cẩn thận quá.”

“Đây là vụ giết hai mạng người mà, John. Ở thành phố các anh giải quyết thế nào những vụ như thế?”

“Bọn anh gọi cho sở Vệ sinh. Em nói tiếp đi.”

Nàng hít một hơi thở sâu rồi nói, “Được ... em cũng đã có danh sách tất cả những người làm việc trên Đảo Plum, năm điều tra viên được cử tới để phỏng vấn họ.”

Tôi gật đầu. “Tốt. Anh muốn phỏng vấn riêng Donna Alba.”

“Em biết thế nào anh cũng thích. Nếu tìm thấy cô ta ở đâu thì cho bọn em biết với nhé.”

“Biến rồi à?”

“Đi nghỉ.” Beth nói thêm, “Đó là tại sao em bảo họ đang làm trò.”

“Đúng thế. Họ vẫn đang giấu diếm. Không thể nào bỏ được. Nó ngấm vào máu rồi.” Tôi nói, “Thế hai anh bạn thân của em đâu, Nash và Foster ấy?”

“Họ không phải là bạn thân của em, và em cũng không biết. Quanh quẩn đâu đây, nhưng không thấy mặt. Họ đi khỏi nhà nghỉ Soundview rồi.”

“Anh biết. Được rồi, tiếp đi.”

“Em đã lấy được lệnh của tòa án kiểm tra tất cả các loại vũ khí của chính phủ cấp trên Đảo Plum, trong đó có các khẩu tự động 45, một vài

khẩu côn, hơn chục khẩu M-16, hai khẩu cạc bin từ thời Thế Chiến thứ hai."

"Lạy Chúa tôi. Họ định đánh chiếm chúng ta hay sao?"

Nàng nhún vai. "Đó phần nhiều là súng của quân đội để lại, em đoán thế. Nhưng họ lại tru tréo lên về việc phải bỏ vũ khí. Em đang cho bắn thử để kiểm tra từng khẩu và sẽ có báo cáo từng trường hợp phòng khi tìm thấy được vỏ đạn."

"Suy nghĩ hay đấy." Tôi hỏi, "Khi nào thì em trả lại súng cho Đảo Plum."

"Có lẽ thứ hai hoặc thứ ba."

Tôi nói, "Anh nhìn thấy người của Thuỷ quân lục chiến ở bến phà. Anh đoán là sau khi em thu súng của lực lượng an ninh của anh chàng Steven tội nghiệp, họ cảm thấy cần phải được bảo vệ."

"Không phải chuyện của em."

Tôi nói, "Mà này, anh chắc là họ không đưa cho em toàn bộ kho súng."

"Nếu họ làm vậy, em sẽ xin lệnh bắt Steven."

Sẽ không có thẩm phán nào ra cái lệnh đó, nhưng việc này không quan trọng nên tôi bảo, "Em nói tiếp đi."

"Vâng, nói thêm về Đảo Plum. Em bất ngờ đến gặp tiến sĩ Chen tại nhà ở Stony Brook. Em có ấn tượng rất rõ là chị này đã được nói phải làm gì trước khi chúng ta đến gặp trong phòng thí nghiệm, vì chị ta không ứng khẩu được khi nói chuyện với em ở nhà riêng." Beth nói thêm, "Em thấy tiến sĩ Chen nói những câu như vâng, có thể, có lẽ, khả năng là, vợ chồng Gordon đánh cắp một loại virut hay vi trùng nguy hiểm nào đó."

Tôi gật đầu. Đây là một việc làm rất hay trong nghề cảnh sát, hay nhất trong những việc phải làm theo thủ tục. Một phần có liên quan, một phần

thì không. Như tôi được biết, chỉ có ba người dùng đến những từ "kho báu của cướp biển" khi nói về vụ này - tôi, Emma và tên hung thủ.

Beth nói, "Em phỏng vấn lại Kenneth Gibbs, cũng ở nhà riêng. Gã này sống ở Yaphank, cách văn phòng của em không xa. Gã hơi có chút đáng khinh, nhưng ngoài việc đó ra em không nghĩ gã biết nhiều hơn những điều mà gã đã nói với chúng ta." Nàng nói thêm, "Paul Stevens lại là một câu chuyện khác..."

"Cha ấy là thế thật. Em nói chuyện với hắn chưa?"

"Em đã cố... nhưng hắn lẩn như chạch." Nàng nói thêm, "Em nghĩ là hắn biết điều gì đó, John. Là phụ trách an ninh của Đảo Plum, không có mấy thứ qua được mắt hắn."

"Có lẽ thế."

Nàng nhìn tôi hỏi, "Anh có nghĩ hắn là nghi phạm không?"

"Hắn làm anh nghi ngờ, thế nên hắn là nghi phạm."

Nàng thoáng suy nghĩ rồi nói, "Điều này không được khoa học cho lắm, nhưng trông hắn y như một kẻ giết người."

"Đúng thế. Anh còn có hẳn một bài học gọi là, 'những người có bề ngoài và hành động giống những kẻ giết người."

Nàng không biết có phải tôi đang lừa nàng hay không, nhưng đúng là tôi nói thật. Nàng bảo, "Em đang kiểm tra gốc gác của hắn, nhưng những người biết nhiều thông tin nhất là FBI thì lại chậm như rùa bò."

"Thật ra thì họ cũng đã làm điều mà em yêu cầu, nhưng họ sẽ không chia sẻ bất cứ điều gì với em đâu."

Nàng gật đầu và bật ra một câu bất ngờ, "Án chết tiệt."

"Đó là điều anh đã nói với em rồi." Tôi hỏi nàng, "Thế Stevens sống ở đâu?"

“Connecticut. New London. Có phà của chính phủ từ New London tới Đảo Plum.”

“Em cho anh địa chỉ và số điện thoại của hắn đi.”

Nàng tìm thấy trong sổ tay và định ghi ra, nhưng tôi bảo, “Anh có khả năng nhớ hình ảnh rất tốt. Em chỉ cần nói thôi.”

Nàng nhìn tôi, vẻ mặt lại hơi có chút hồ nghi. Sao không có ai nghĩ nghiêm túc về tôi nhỉ? Nhưng dù thế nào, nàng vẫn đọc cho tôi địa chỉ và số điện thoại của Paul Stevens và tôi nhớ như in trong đầu. Tôi đứng dậy và nói, “Ta đi dạo một chút nhé.”

CHƯƠNG 26

Chúng tôi ra ngoài và thả bộ xuống phía dưới bờ nước. Nàng nói, "Chỗ này tuyệt thật."

"Anh bắt đầu thấy nó hay đấy." Tôi nhặt một hòn đá mỏng và lia trên mặt nước. Viên đá nảy ba lần trước khi chìm.

Beth tìm được một viên đúng ý, nàng thu tay lấy đà rồi ném mạnh, cả cơ thể đẩy theo động tác đó. Viên đá nảy lên bốn lần rồi mới chìm.

Tôi bảo, "Ái chà, ném được đấy."

"Em ở vị trí ném bóng trong đội bóng chày mềm của phòng điều tra án mạng." Nàng nhặt một hòn khác và ném vào chiếc trụ ở cuối cầu tàu. Hòn đá trượt mất mươi phân và nàng thử lại lần nữa.

Tôi nhìn nàng ném những viên đá vào chiếc cột. Điều đã khiến tôi rạo rực mấy hôm trước, giờ vẫn làm tôi có cảm giác ấy. Đó là dáng vẻ của nàng, đương nhiên rồi - nhưng còn cả vẻ lành lạnh của nàng. Tôi thích những người có thái độ ấy. Có lẽ thế. Và tôi cũng chắc rằng việc thấy Emma trong nhà tôi đã làm nàng khó xử và khó chịu. Quan trọng hơn là nàng lại ngạc nhiên khi thấy mình có cảm giác đó, và có thể đó là cảm giác ganh tị. Tôi nói, "Anh không gặp em mấy ngày. Sự xa cách làm trái tim ấm áp hơn."

Nàng liếc nhìn tôi khi ném xong một hòn và nói, "Rồi anh chắc hẳn sẽ yêu em vì đây có thể sẽ là lần cuối cùng anh gặp em."

"Đừng bỏ qua buổi tiệc ngày mai nhé."

Nàng không để ý và nói, "Nếu em có nghi ngờ một ai đó trong số những người mà chúng ta đã nói chuyện thì đó sẽ là Paul Stevens."

"Tại sao?"

Nàng ném một hòn đá nữa vào chiếc cột, lần này thì trúng. Nàng bảo tôi, "Hôm qua em gọi đến Đảo Plum cho gã, nhưng họ bảo gã đi ra ngoài mất rồi. Em vặn hỏi thì họ nói gã nhớ nhà. Em gọi về nhà thì không có ai nhấc máy." Nàng nói thêm, "Thêm một người của Đảo Plum biến mất."

Chúng tôi tiếp tục thả bộ dọc theo bờ biển đầy đá.

Tôi cũng không hài lòng gì với thái độ của Stevens trong lần gặp gần đây. Gã có thể là một nghi phạm. Như tôi đã nói, cũng rất có thể tôi hoàn toàn sai về Fredric Tobin, hoặc có thể Tobin là đồng phạm với Stevens, hoặc cả hai trường hợp đều sai. Tôi cứ tưởng khi tìm ra động cơ thì sẽ tìm được hung thủ. Nhưng động cơ hóa ra lại là vì tiền, mà khi động cơ là tiền thì tất cả mọi người và bất cứ ai cũng có thể là nghi phạm.

Chúng tôi đi bộ về hướng đông dọc theo bờ biển, qua những căn nhà bên hàng xóm. Thủy triều đang lên, nước biển táp vào bờ đá. Beth để tay trong túi sườn áo khoác, đầu nàng hơi cúi như thể đang suy nghĩ mông lung. Thỉnh thoảng nàng lấy chân đá những viên sỏi hay những chiếc vỏ sò. Thấy một con sao biển mắc cạn trên bờ, nàng cúi xuống nhặt lên rồi ném trở lại ra ngoài vịnh.

Chúng tôi bước đi trong im lặng hồi lâu, rồi nàng nói, "Về tiến sĩ Zollner, em đã có cuộc nói chuyện khá vui vẻ với ông ấy qua điện thoại."

"Sao em không cho gọi ông ấy đến?"

"Em định thế, nhưng ông ấy đang ở Washington. Ông ấy được triệu tập để trình bày trước FBI, bộ Nông nghiệp và các cơ quan khác. Sau đó ông ấy theo kế hoạch phải đi Nam Mỹ, Anh và nhiều nơi khác cần đến trình độ của ông ấy." Nàng bảo, "Họ không muốn em gặp được ông ấy."

“Vậy thì xin lệnh đòi của tòa án đi.”

Nàng không đáp.

Tôi hỏi, “Em có gặp phải sự can thiệp của Washington không?”

Nàng đáp, “Với cá nhân em thì không. Nhưng các sếp em thì có ... Anh biết là nó ra sao khi các cuộc gọi của mình không được hồi đáp, những vấn đề yêu cầu thì mất thời gian quá lâu, các cuộc gặp mà mình muốn thì bị dẹp bỏ.”

“Anh đã có lần gặp phải một vụ như thế.” Tôi khuyên nàng, “Các chính trị gia và người trong chính quyền sẽ để em phải loanh quanh cho đến khi họ biết rằng điều mà em đòi hỏi có lợi hay có hại cho họ.”

Nàng hỏi tôi, “Thật ra thì họ sợ cái gì cơ chứ, họ đang phải che đậy cái gì?”

“Những người làm chính trị sợ bất cứ thứ gì mà họ không hiểu, mà họ thì lại chẳng hiểu được thứ gì. Thôi thì cứ tiến hành công việc của vụ án.”

Nàng gật đầu.

Tôi nói, “Em đã làm việc thật xuất sắc.”

“Cám ơn anh.” Chúng tôi quay lại và thả bộ về phía nhà tôi.

Beth dường như thích làm việc ở bàn giấy, những chi tiết, những căn nhà nhỏ đã làm nên vụ án. Vẫn có những điều tra viên tin rằng có thể giải quyết được một vụ án bằng việc nghiên cứu các kết quả đã có của kỹ thuật hình sự, đạn đạo, v.v... Điều này cũng có khi đúng. Nhưng trong vụ này, câu trả lời lại bắt đầu từ nơi không ai để ý đến, và ta phải đến đó để tóm lấy nó.

Beth nói, “Phòng thí nghiệm đã hoàn tất việc kiểm tra hai chiếc xe và con tàu của vợ chồng Gordon. Tất cả dấu vân tay trên đó đều là của họ, trừ

vân tay của em, anh và Max trên con tàu. Ngoài ra, họ còn phát hiện ra một thứ rất lạ trên sàn tàu."

"Thật sao?"

"Hai thứ. Một là đất, cái mà ta đã biết. Nhưng họ còn tìm thấy những mảnh gỗ vụn nhỏ, rất nhỏ, đã bị mục nát. Không phải là thứ gỗ trôi dạt trên mặt nước. Họ không tìm thấy chất muối trong gỗ. Đây là gỗ đã chôn dưới đất, vẫn còn dính cả đất." Nàng nhìn tôi. "Anh có ý gì không?"

"Để anh nghĩ đã."

Beth tiếp tục, "Em liên hệ với cảnh sát trưởng của quận, tên là Will Parker, về các giấy phép sử dụng súng mà ông ấy đã cấp ở thị trấn Southold."

"Tốt."

"Em cũng đã kiểm tra ở phòng quản lý giấy phép sử dụng súng của quận và đã lấy được bản danh sách in từ máy tính, danh sách có 1224 giấy phép sử dụng súng được cảnh sát trưởng và quận cấp cho dân của thị trấn Southold."

"Vậy là trong số hơn hai mươi nghìn dân của thị trấn này, chúng ta có hơn một nghìn hai trăm người dùng súng có đăng kí. Đó là một con số khá lớn, sẽ phải gọi hỏi rất nhiều người, nhưng không phải là không thể làm được."

Beth cho tôi biết, "Điều trớ trêu là khi đối tượng là bệnh dịch nguy hiểm thì không có việc gì là không thể làm được. Nhưng chúng em không còn có thể đòi hỏi dùng toàn bộ ngân sách của cảnh sát cho vụ này được."

"Vợ chồng Gordon quan trọng đối với anh. Kẻ giết họ cũng quan trọng đối với anh."

"Em biết. Với em cũng thế. Em chỉ giải thích thực tế nó thế."

“Sao anh không gọi cho sếp của em để giải thích thực tế cho ông ấy nhỉ?”

“Bỏ qua đi, John. Em sẽ lo chuyện đó.”

“Được rồi.” Thực ra, trong khi cảnh sát quận đang giảm bớt tầm quan trọng của vụ việc thì các cơ quan liên bang lại đang bí mật lùng sục hung thủ theo hướng sai. Nhưng đó không phải là vấn đề của tôi. Tôi hỏi, “Ông Tobin có trong danh sách cấp giấy phép không?”

“Có. Em đã xem qua danh sách và lấy ra một số cái tên mà em biết. Tobin nằm trong số đó.”

“Còn ai nữa?”

“Ồ, Max.” Nàng nói thêm, “Anh ấy dùng một khẩu 45.”

“Đó là thủ phạm em tìm được,” tôi nói nửa đùa nửa thật. Tôi hỏi nàng, “Súng của Tobin là loại gì?”

Nàng liếc nhìn tôi rồi nói, “Hai khẩu - một khẩu Browning 9 li và một khẩu Colt 45.”

“Lạy Chúa tôi. Ông ấy sợ có kẻ ăn trộm nho à?”

“Em đoán là ông ấy mang tiền hay thứ gì đó trong người. Không cần phải có nhiều lý do để xin được giấy phép sử dụng súng ở thị trấn này nếu chơi thân với cảnh sát trưởng.”

“Hay đấy.” Việc sử dụng vũ khí được quy định rất chặt chẽ ở bang New York, nhưng vẫn có những nơi việc xin cấp giấy phép dễ hơn một chút. Việc sở hữu hai khẩu súng cũng không đồng nghĩa rằng Tobin là kẻ giết người, nhưng nó cho thấy người sở hữu thuộc dạng nào. Tôi nghĩ Freddie thuộc kiểu người với tính cách ôn hòa, như Emma đã nói, tức là không bạo lực chân tay hay mồm miệng, nhưng cũng lại là dạng có thể dí súng vào đầu người khác bóp cò nếu cảm thấy bị đe dọa dù là rất nhỏ.

Khi chúng tôi đi đến bờ nước chỗ nhà tôi, Beth dừng lại và quay ra phía vịnh. Nàng đứng đó, ngắm nhìn mặt nước - dáng đứng cổ điển, tôi thầm nghĩ, giống như một bức tranh sơn dầu có tựa đề *Người đàn bà ngắm biển*. Tôi tự hỏi không biết Beth Penrose có phải là người thích bơi trần truồng hay không, rồi quả quyết nàng chắc chắn không phải kiểu người đó.

Beth hỏi tôi, "Tại sao Fredric Tobin làm anh chú ý?"

"Anh nói với em rồi... ờ, hóa ra là ông ta thân thiết với vợ chồng Gordon hơn là anh tưởng."

"Vậy thì sao?"

"Anh không biết. Em cứ tiếp tục đi."

Nàng liếc nhìn tôi lần nữa rồi quay lại và tiếp tục bước đi. Nàng bảo, "Được rồi. Tiếp theo, chúng em đã xem xét các vùng đất ngập nước ở phía bắc ngôi nhà của vợ chồng Gordon và thấy một chỗ có thể đã có người kéo tàu vào trong bụi lau sậy."

"Thật hả? Làm việc tốt lắm."

"Cám ơn anh." Nàng nói, "Rất có thể ai đó đã đi vào đường đó bằng tàu có phần ngập nước nông. Hôm thứ hai thủy triều cao nhất lúc 7 giờ 2 phút tối, vì thế lúc 5 giờ 30 đã lên cao rồi và nước ngập khoảng sáu mươi phân ở bãi lầy cạnh nhà Gordon. Anh có thể dùng sào đẩy tàu có phần ngập nước nông đi qua đám lau sậy và không ai có thể nhìn thấy con tàu."

"Tốt lắm. Sao anh không nghĩ đến điều đó nhỉ?"

"Vì anh đang mải nghĩ đến những câu nhận xét hợm đời."

"Quả thật anh có nghĩ đến chúng đâu."

Nàng nói tiếp, "Em không chắc chắn là đã có một con tàu trong đám lau sậy đó, dù có vẻ là như vậy. Có những cây lau mới bị dập nát." Nàng nói thêm, "Lớp xác cây thối không có dấu hiệu bị đè lên, nhưng từ hôm xảy ra

vụ án thủy triều đã lên xuống cả thảy tám lần và có thể đã xóa mất dấu vết trong bùn rồi."

Tôi gật đầu. "Đây không giống một vụ giết người ở Manhattan. Nào là lau sậy, bãi lầy, bùn rác, thủy triều, rồi cả cái vịnh rộng và sâu với mấy viên đạn nằm dưới đáy. Giống như trong phim Trung sỹ Preston của vùng Yukon."

"Anh có hiểu em nói gì không đấy? Anh thật là hợm."

"Xin lỗi-"

"Được rồi, em đã nói chuyện với Max qua điện thoại, anh ấy rất khó chịu vì chuyện anh làm khó dễ với ông Tobin."

"Tiên sư Max."

Nàng nói, "Em đã dàn xếp ổn mọi chuyện cho anh với Max rồi."

"Cám ơn em nhiều."

Nàng hỏi tôi, "Anh có biết được gì từ Fredric Tobin không?"

"Có chứ. Độ che phủ của lá. Làm mềm vỏ nho với nước ép để trong thùng. Còn gì...?"

"Em có nên phỏng vấn ông ấy không?"

Tôi thoáng suy nghĩ rồi đáp, "Có, em nên làm."

"Anh có lí do nào để nói em nên phỏng vấn ông ấy không?"

"Có. Nhưng không phải lúc này. Tuy nhiên, em nên quên đi chuyện ma túy, vi trùng, vác xin hay bất cứ thứ gì liên quan đến công việc của vợ chồng Gordon đi."

Nàng im lặng hồi lâu trong lúc chúng tôi vẫn bước đi. Cuối cùng, nàng hỏi tôi, "Anh chắc không?"

"Anh biết là em không tin." Hiểu chứ?

"Vậy động cơ là gì? Cho em biết đi."

"Anh nghĩ anh đang chọc tức em rồi." Hiểu chứ?

Nàng nhìn tôi, như thể buồn cười, rồi hỏi, "Yêu đương? Tình dục? Ghen tuông?"

"Không phải."

"Mảnh đất của bà Wiley?"

"Đó là một phần."

Nàng dường như đang vắt óc suy nghĩ.

Lúc này chúng tôi trở lại đến phần đất của ông cậu tôi và dừng lại gần chiếc cầu tàu. Chúng tôi đứng gần như mặt đối mặt, cả hai đều để tay trong túi áo khoác. Tôi cố để hiểu cảm giác của mình về người phụ nữ này khi tôi đã có Emma, còn Beth đang cố suy nghĩ xem ai đã giết vợ chồng Gordon. Tôi chợt nghĩ biết đâu sau khi xong vụ này, cả hai chúng tôi sẽ phải xem lại cảm xúc của mình, và có cảm xúc đó với ai.

Beth nói, "Anh nhặt một viên đá rồi ném hết sức xem sao."

"Thi à?"

"Tất nhiên rồi."

"Giải thưởng là cái gì?"

"Đừng lo. Anh không thắng được đâu."

"Ồ, chúng ta không quá tự tin đấy chứ?" Tôi tìm được một viên đá thật tuyệt - tròn, mặt dưới phẳng, mặt trên lõm xuống - một chiếc cánh bay hoàn hảo. Tôi làm như thể đó là lần ném cuối kiểu đếm ba, hai, ném. Viên đá chạm mặt nước, nảy lên, chạm, nảy lên, chạm, nảy lên, chạm, nảy lên, chìm. Chà. "Bốn lần." Tôi nói, sợ nàng không đếm.

Nàng cũng đã tìm được một viên - tròn, hơi to hơn viên của tôi, lõm ở cả hai bên. Đó là một lý thuyết khác. Nàng cởi áo khoác đưa cho tôi. Nàng ướm thử viên đá trong tay như thể nàng đang tính choảng vào đầu tôi, rồi

có lẽ lên tinh thần với hình ảnh tưởng tượng ra cái đầu tôi đang chìa ra trên mặt nước, hàng lia mạnh.

Viên đá chạm mặt nước rồi nảy lên bốn lần và lẽ ra đã chìm, nhưng nó gặp phải một gợn sóng nhỏ và nảy lên thêm một lần nữa trước khi biến mất.

Beth vuỗi tay và lấy chiếc áo khoác trên tay tôi.

"Tốt lắm." Tôi nói.

"Anh thua rồi." Nàng mặc lại áo khoác vào và bảo, "Nói với em điều anh biết đi."

"Em là một điều tra viên tuyệt vời. Anh sẽ cho em biết những manh mối, và em có thể hiểu ra được. Nghe nhé - ngôi nhà thuê ở gần mặt nước cùng với chiếc tàu cao tốc, mẫu đất của bà Wiley, hội Lịch sử Peconic, lịch sử của Đảo Plum và những hòn đảo xung quanh, một tuần mất tăm ở Anh... gì nữa nhỉ... con số 44106818... gì nữa nhỉ?"

"Paul Stevens?"

"Có thể."

"Fredric Tobin?"

"Có thể."

"Ông ta thì có liên quan gì? Nghi phạm? Nhân chứng?"

"Ồ, Tobin và xưởng rượu của ông ta có thể trắng túi. Hoặc là anh nghe thấy nói vậy. Vì thế ông ta có thể lâm vào đường cùng. Mà người cùng đường thường làm chuyện liều."

Beth nói, "Em sẽ kiểm tra chi tiêu tài chính của ông ta. Dù sao, cám ơn anh vềnhững manh mối tuyệt vời."

Tôi đáp, "Tất cả đều ở đó thôi, bé ạ. Hãy tìm một mẫu số chung, một sợi chỉ xuyên suốt tất cả các manh mối đó."

Nàng không thích trò này và nói, "Em phải đi bây giờ. Em sẽ bảo Max là anh đã giải quyết được vụ án và anh ấy sẽ gọi cho anh." Nàng bước qua bãi cỏ đi về phía ngôi nhà. Tôi theo chân nàng.

Vào đến trong bếp, nàng thu gom giấy tờ để trên bàn.

"À này," tôi hỏi, "mấy lá cờ hiệu có nghĩa là gì?"

Nàng tiếp tục cho giấy tờ vào cặp và nói, "Các lá cờ là các chữ cái B và V. Theo vần an-pha-bê, đó là Bravo Victor - Hoan hô người chiến thắng." Nàng nhìn tôi.

Tôi hỏi, "Thế còn nghĩa khác thì sao? Nghĩa của từ ấy?"

"Cờ Bravo còn có nghĩa là hàng hóa nguy hiểm. Cờ Victor nghĩa là cần trợ giúp."

"Vậy hai lá cờ có thể có nghĩa là hàng nguy hiểm, cần trợ giúp."

Nàng đáp, "Vâng, điều đó sẽ hợp lí nếu vợ chồng Gordon đang vận chuyển các vi sinh vật nguy hiểm. Hoặc thậm chí là ma túy bất hợp pháp. Đây có thể là tín hiệu báo cho đối tác của họ. Nhưng anh lại bảo vụ này không liên quan gì đến vi trùng hay ma túy."

"Đúng là anh nói thế."

Nàng cho tôi biết, "Theo một người ở cơ quan em cũng là thủy thủ, nhiều người trên đất liền cũng treo cờ hiệu chỉ để trang trí hoặc để đùa nghịch. Trên biển thì không được phép, nhưng ở trên cạn thì không ai nói gì."

"Đúng thế. Đó là điều mà vợ chồng Gordon thường làm." Nhưng lần này... hàng nguy hiểm, cần trợ giúp... Tôi nói, "Cứ giả định rằng đó là tín hiệu để báo cho ai đó." Tôi nói thêm, "Đó là thứ tín hiệu tuyệt vời. Không có danh sách cuộc gọi, không điện thoại cầm tay, chỉ một tín hiệu bằng cờ

kiểu cổ điển. Có thể đã có ước định trước. Vợ chồng Gordon đang bảo, "Chúng tôi có hàng trên tàu, đến giúp chúng tôi cho hàng lên đi."

"Hàng gì?"

"À. Đó là câu hỏi."

Nàng nhìn tôi nói, "Nếu anh có thông tin hoặc bằng chứng mà anh lại không nói ra - mà em chắc là anh có - thì anh có thể gặp rắc rối với pháp luật đấy."

"Ấy, ấy. Đừng dọa nhau thế."

"John, em đang điều tra một vụ giết hai mạng người. Họ là bạn của anh, và đây không phải là một trò chơi"

"Thôi đi. Anh không cần em lên lớp. Anh đang ngồi ở sau nhà suy nghĩ đến công việc riêng của mình thì Max đến gặp anh với chiếc mũ cầm trên tay. Rồi cũng giờ ấy tối hôm sau anh đang đứng trên bãi đỗ xe vắng tanh ở bến phà sau một ngày trong phòng thí nghiệm sinh học đầy khó chịu. Thế mà giờ-"

"Anh thôi đi. Em đã đối xử rất tốt với anh-"

"Ồ, hay thật. Em bỏ mặc anh cả hai ngày-"

"Em bận làm việc. Còn anh thì làm gì?"

Và cứ như vậy. Sau khoảng hai phút, tôi nói "Hòa. Thế này chẳng đi đến đâu cả."

Nàng lấy lại tự chủ và nói, "Em xin lỗi."

"Em nên thế." Tôi nói thêm, "Anh cũng xin lỗi."

Chúng tôi giảng hòa như thế, nhưng không ôm hôn.

Nàng bảo, "Em không ép anh nói những điều anh biết, nhưng chính anh bảo sau khi em nói hết những điều em biết thì sẽ đến lượt anh."

"Anh sẽ nói. Nhưng không phải sáng nay."

"Tại sao lại không?"

"Em nói chuyện với Max trước đi. Sẽ tốt hơn nhiều nếu em chỉ nói cho anh ta biết những điều ghi trong sổ tay, đừng nói ra các giả thuyết của em."

Nàng nghĩ về điều đó và gật đầu, "Được. Khi nào thì em có thể nghe các giả thuyết của anh?"

"Anh chỉ cần thêm một chút thời gian nữa. Trong lúc này, em hãy nghĩ về những manh mối mà anh nói để xem em có nghĩ ra đúng điều mà anh nghĩ ra hay không."

Nàng không đáp.

Tôi nói thêm, "Điều anh sẽ hứa với em là nếu anh có được tất cả rồi, anh sẽ đưa nó cho em trên một chiếc đĩa bạc."

"Anh hào phóng quá. Vậy anh muốn được đáp lại điều gì?"

"Chẳng gì cả. Em cần thăng tiến trong sự nghiệp. Còn anh đã lên đến đỉnh cao sự nghiệp rồi."

"Anh thực sự đang gặp rắc rối và giải quyết thành công vụ này cũng sẽ không làm anh thoát ra được - nó chỉ khiến anh gặp rắc rối nhiều hơn thôi."

"Sao cũng được."

Nàng nhìn đồng hồ và nói, "Em phải đi gặp Max bây giờ."

"Anh sẽ đi cùng em ra xe."

Chúng tôi đi bộ ra ngoài rồi nàng lên xe. Nàng bảo, "Em sẽ gặp anh tối mai ở bữa tiệc của Tobin, nếu không sớm hơn."

"Đúng. Em có thể làm bạn gái của Max." Tôi mỉm cười. "Cám ơn vì đã ghé qua."

Nàng lái xe quanh vòng cua, nhưng thay vì chạy xuống đường xe trong khuôn viên, nàng vòng lại tới cửa trước ngôi nhà, đạp mạnh phanh và nói,

gần như không ra hơi, "John! Anh bảo vợ chồng Gordon đang đào tìm kho báu bị chôn. Giống như một cuộc khảo cổ quan trọng - trên Đảo Plum - đất của chính quyền - họ phải lấy cắp nó từ Đảo Plum và chôn lại trên đất của riêng - mảnh đất mua của bà Wiley. Đúng không?"

Tôi mỉm cười và giơ ngón tay cái lên rồi quay người đi vào trong nhà.

Điện thoại réo vang, tôi nhấc máy. Beth gọi. Nàng hỏi, "Họ đào cái gì lên?"

"Điện thoại không an toàn."

"John, khi nào em có thể gặp anh? Ở đâu?" Giọng nàng hào hứng. Có thế mới phải chứ.

Tôi nói, "Anh sẽ gọi cho em."

"Hứa đấy nhé."

"Hứa. Trong lúc này, tốt nhất là em nên giữ kín chỉ mình em biết."

"Em hiểu rồi."

"Chào em"

"John."

"Gì cơ?"

"Cám ơn anh."

Tôi gác máy. "Không có gì."

Tôi đi ra cửa sau của bếp và bước xuống phía cầu tàu. Tôi đã phát hiện ra đó là nơi rất tốt để suy nghĩ.

Một làn sương buổi sáng lơ lửng trên mặt nước. Một chiếc xuồng nhỏ đi xuyên qua làn hơi nước màu xám. Một chiếc tàu có buồng lái đang chạy ngang qua đường của chiếc xuồng. Người đàn ông trên xuồng nhặt cái gì đó lên, rồi tôi nghe thấy một tiếng còi lớn, tiếng còi báo khi có sương. Tôi nhớ đã nhìn thấy những bình nén khí tạo ra âm thanh của còi, như một

người nghèo dùng nó thay cho còi điện hay một chiếc chuông đồng. Đó là âm thanh quen thuộc trên mặt nước, quen đến nỗi ta không còn để ý đến nó, ngay cả khi nghe thấy nó trong một ngày nắng ráo vì bạn nhớ rằng những chiếc tàu lớn vẫn rúc còi để báo hiệu có xuồng nhỏ chở thủy thủ lên bờ sau khi thả neo ở vùng nước sâu. Và nếu nghe thấy tiếng còi tàu ở gần, có thể ta sẽ không nghe được tiếng nổ của hai phát bắn liên tiếp. Cách giảm thanh của người nghèo. Rất khôn ngoan.

Giờ tất cả đã rõ, kể cả những chi tiết nhỏ. Tôi hài lòng vì đã tìm được động cơ của vụ giết người - kho báu của thuyền trưởng Kidd. Nhưng tôi chưa thấy được quan hệ giữa Tobin, Stevens hay người nào khác với những kẻ giết người. Quả thật, trong những lúc nghi hoặc, tôi đã nghĩ có thể Max và Emma cũng có liên quan đến vụ án.

Trong điều kiện ở nơi đây, nó có thể là một âm mưu do nhiều người cùng tham gia. Nhưng kẻ trực tiếp bóp cò là ai? Tôi cố hình dung Max, Emma, Tobin, Stevens, và thậm chí có thể cả Zollner, tất cả đứng trên sân sau nhà Gordon... Hoặc có thể là người khác, một người mà tôi chưa từng gặp hoặc nghĩ đến. Cần phải hết sức thận trọng và chắc chắn trước khi gọi ai đó là kẻ giết người.

Một điều nữa mà tôi cần phải làm - không phải là vì tôi quan tâm - mà mọi người khác đều làm vậy - đó là tìm ra kho báu. Anh bạn Johnny nhỏ bé đi tìm kho báu. Nhưng chú ta phải thông minh hơn nhiều lần so với mấy tên cướp biển xấu xa và tìm được kho báu rồi nộp lại cho chính quyền. Giờ lại có một ý nghĩ làm nản lòng.

Tôi tự hỏi không biết một triệu đô la gồm vàng và đồ trang sức có làm cho tôi hạnh phúc không. Vàng làm thánh lóa mắt. Trước khi miên man về điều đó, tôi nghĩ đến tất cả những người đã chết vì khối vàng đó - có lẽ là những thủy thủ trên con tàu chở vàng khi Kidd tấn công họ, rồi đến các thủy thủ của Kidd, rồi chính bản thân Kidd khi họ treo cổ ông ở bãi hành

quyết trên bến tàu, rồi ai biết được còn bao nhiêu người đàn ông và phụ nữ đã chết hoặc khuynh gia bại sản trong ba thế kỷ qua vì đi tìm kho báu hư cấu của thuyền trưởng Kidd. Rồi cuối cùng, Tom và Judy Gordon. Tôi có linh cảm không lành rằng họ chưa phải là những người cuối cùng chết vì nó.

CHƯƠNG 27

Khoảng tầm trưa, tôi ghé qua cửa hàng hoa Whitestone để đưa cho Emma chiếc chậu sứ. Tôi không ăn sáng nên rủ Emma đi ăn trưa luôn, nhưng nàng bảo đang bận. Thứ sáu là ngày bận rộn của những người bán hoa - tiệc tùng, ăn tối, v.v... Đã vậy lại còn có ba đám tang, mà thứ này thì đương nhiên là không có kế hoạch trước. Ngoài ra, nàng còn nhận đơn đặt hàng cố định của vườn nho Tobin mua hoa cho các ngày nghỉ cuối tuần phục vụ cho nhà hàng của họ và ở phòng lớn. Và tất nhiên, còn cả bữa tiệc lớn của Fredric tối hôm sau. Tôi nói, "ông ấy có thanh toán bằng hóa đơn không?"

"Không. Đó là tại sao em thanh toán ngay với ông ấy. Tiền mặt hoặc thẻ tín dụng. Không dùng séc. Và em đã cắt phí phục vụ tại nhà."

Giọng nàng như thể nàng còn muốn cắt nhiều hơn thế. Tôi hỏi, "Anh mang bánh sandwich cho em nhé?"

"Đừng, cám ơn anh. Quả thật là em phải quay lại làm bây giờ mà."

"Gặp em ngày mai nhé."

Tôi rời cửa hàng và đi bộ một quãng trên đường Main Street. Mối quan hệ ngắn ngủi giữa chúng tôi đã có chút thay đổi. Nàng tỏ vẻ hơi lành lạnh. Phụ nữ có cách để tạo một lớp sương mờ trước mặt bạn, và nếu bạn cố tìm cách làm cho họ thân mật hơn, họ sẽ làm giảm nhiệt độ xuống. Đó là trò chơi phải có hai người để chơi, và nếu cỗ bài đã chuẩn bị sẵn, tôi bao giờ cũng chọn cách không chơi nữa.

Tôi mua một chiếc bánh sandwich và một lon bia ở cửa hàng bán đồ ăn rồi lên xe chạy về phía mảnh đất của Tom và Judy trên gò giáp biển. Đến nơi, tôi ngồi ăn trưa trên mỏm đá. Mỏm đá của thuyền trưởng Kidd. Thật không thể tin được. Và tôi chắc chắn rằng con số 44106818 đã được lịch sử biết đến sẽ được dùng để làm cho hợp với địa điểm bị xói mòn trên bề mặt ngọn gò này, nơi kho báu sẽ được tìm thấy - bốn mươi bốn bước hoặc bốn mươi bốn độ, mười bước hoặc mười độ, đại loại như thế. Bạn có thể chơi với những con số và ý nghĩa của chúng hoặc tìm ngược lại tới một điểm mà bạn đã lựa chọn. "Hai người thông minh lắm. Giá như hai người nói trước với tôi thì đâu đến nỗi phải chết như thế."

Một tiếng chim đâu đó cất lên, như thể đáp lại ý nghĩ của tôi.

Tôi đứng trên mỏm đá và dùng ống nhòm quan sát về phía nam, lướt qua những trang trại và vườn nho cho tới khi nhìn thấy ngọn tháp xấu xa của Tobin nổi cao lên trên nền đất bằng phẳng xung quanh. Nó là chỗ cao nhất ở đó: dương vật của ngài Freddie. Tôi nói to, "Đồ chết tiệt."

Tôi quyết định phải tránh xa chiếc điện thoại, ngôi nhà của tôi, Beth, Max, Emma, FBI, CIA, các sếp của tôi, thậm chí cả những người bạn thân ở thành phố. Khi tôi nhìn qua biển Sound, bên kia là Connecticut, tôi có ý nghĩ sẽ đến sòng bạc Foxwoods Resort.

Tôi xuống gò, lên chiếc xe Jeep và chạy tới bến phà Orient. Mặt nước lặng sóng, một ngày đẹp trên biển Sound. Một giờ hai mươi phút sau, tôi cùng chiếc xe Jeep đã ở New London, bang Connecticut.

Tôi chạy xe tới Foxwoods. Tổ hợp sòng bạc và khách sạn này nằm trơ trọi - thực ra là đất của tộc người Mashantucket Pequot - một nơi kiểu như Mẹ-Lũ-Da-Trắng-Chúng-Mày-Các-Ông-Sẽ-Đòi-Nợ. Tôi vào khách sạn thuê phòng, mua một ít đồ dùng cá nhân và đến phòng ở, bỏ bàn chải đánh răng ra, rồi xuống sòng bạc thử vận may.

Tôi rất may mắn với trò xì lát, đổi tiền ngay bên chiếc máy đánh xèng, mất một chút với trò xúc xắc, hao một tí ở trò quay bánh xe Rulet. Đến tám giờ tối, tôi đã mất chừng hai nghìn đô la. Thế mới vui làm sao.

Tôi cố đặt mình vào vị trí của Freddie Tobin - ôm một em trong tay, nướng khoảng mười nghìn đô cho cuối tuần, xưởng rượu đang bơm ra, nhưng không đủ nhanh. Tất cả những gì thuộc về thế giới của tôi sắp sụp đổ. Ấy thế mà tôi vẫn nhởn nhơ và thậm chí còn ăn tiêu và đánh bạc bạt mạng hơn vì tôi sắp trúng độc đắc. Không phải là độc đắc ở sòng bạc Foxwoods mà là món độc đắc đã chôn dưới lòng đất ba trăm năm nay. Tôi biết nó ở đâu, và nó ở gần đến mức như thể trêu ngươi. Tôi có thể gần như nhìn thấy nó chôn ở chỗ nào khi tôi đi qua Đảo Plum trên chiếc tàu của tôi. Nhưng tôi không thể vục được kho báu mà không có sự giúp đỡ của Tom và Judy Gordon. Tôi đã cho họ biết điều bí mật và biến họ thành đối tác. Và tôi, Fredric Tobin, đã chọn đúng. Trong số tất cả các nhà khoa học, nhân viên và người làm công trên Đảo Plum mà tôi đã từng gặp, Tom và Judy là những người mà tôi muốn chọn - họ trẻ, thông minh và điềm đạm, họ có một chút tinh ranh, và quan trọng hơn cả, họ đã thể hiện khao khát về một cuộc sống giàu sang.

Tôi đoán Tobin chọn vợ chồng Gordon không lâu sau khi họ tới đây, do việc chỉ trong bốn tháng vợ chồng Gordon đã chuyển từ ngôi nhà nằm sâu trong đất liền ở gần bến phà đến ngôi nhà hiện giờ của họ ở sát bờ nước. Đó là theo gợi ý của Tobin, và cả con tàu cũng vậy.

Rõ ràng, Fredric Tobin đã tích cực tìm cách quan hệ với người của Đảo Plum, và có lẽ đã loại bỏ một số ứng cử viên. Với tất cả những gì tôi biết, hắn đã từng có một đối tác khác trên Đảo Plum, rồi có điều gì đó diễn ra không như dự kiến, và người kia giờ đã chết. Tôi sẽ phải kiểm tra xem có nhân viên nào của Đảo Plum đã chết bất ngờ cách đây hai, ba năm hay không.

Tôi nhận ra mình có thành kiến không thể chấp nhận được đối với Fredric Tobin, rằng tôi thực sự muốn hắn chính là kẻ giết người. Không phải Emma, không phải Max, không phải Zollner, thậm chí không phải Stevens. Fredric Tobin - Fry Freddie.

Khi tôi cố đưa những người khác vào vai trò kẻ giết người thì hình ảnh Tobin lại trở lại trong đầu. Beth mặc dù không nói ra nhưng nghi ngờ Paul Stevens, và tất cả những điều khác tương đương nhau, khả năng về gã nhiều hơn so với Tobin. Ý nghĩ của tôi về Tobin gắn quá nhiều với cảm xúc của tôi với Emma. Tôi không thể thoát khỏi hình ảnh trong đầu nàng và hắn đang quấn lấy nhau. Cả chục năm nay tôi chưa hề có cảm giác ấy.

Tôi không muốn đổ riết cho hắn, nhưng tôi vẫn quyết định đi theo giả thuyết rằng hắn là thủ phạm, và để xem tôi có thể túm được hắn trong vụ này hay không.

Về Paul Stevens, rất có thể hắn liên quan trong vụ này, nhưng nếu Tobin đã chơi được với Stevens thì tại sao hắn còn cần đến vợ chồng Gordon? Và nếu Stevens không tham gia vào kế hoặc thì phải chăng hắn đã biết kế hoạch? Phải chăng hắn như một con kền kền chờ lao xuống chộp lấy phần của mình sau chuyến săn dài vất vả của kẻ khác? Hay phải chăng là Stevens hành động một mình mà không có Tobin hay bất cứ ai khác? Đương nhiên tôi có thể buộc tội Stevens, người có hiểu biết về Đảo Plum, có cơ hội, súng ống, hàng ngày ở gần nạn nhân, và trên hết, hắn mang tính cách của kẻ nuôi âm mưu và giết chết đối tác. Có thể nếu may mắn, tôi sẽ đưa cả Stevens và Tobin lên ghế điện.

Và còn đó khả năng là một người khác...

Tôi nghĩ về tất cả những điều diễn ra trước khi Tom và Judy Gordon bị bắn vỡ sọ. Tôi có thể hình dung hai vợ chồng Gordon cùng Fredric sống

quá xa hoa, tiêu pha quá nhiều, tin tưởng nhau và si cuồng về sự thành công của kế hoạch.

Họ rất tỉ mỉ trong việc tạo nền móng cho cái gọi là khám phá ra kho báu. Điều thú vị là họ quyết định không đặt nó trên phần đất ở sát biển của Tobin. Họ quyết định dựa vào một câu chuyện truyền thuyết, *Những mỏm đá của thuyền trưởng Kidd*. Tất nhiên, sau đó họ sẽ nói với cả thế giới rằng công việc nghiên cứu đã đưa họ tới điểm cụ thể đó, và họ sẽ thú nhận rằng đã lừa bà Margaret Wiley tội nghiệp. Bà già sẽ tự đá vào mông mình vì đã bán mảnh đất đi, sẽ tin rằng ông chồng Thad đang trừng phạt bà. Vợ chồng Gordon sẽ tặng bà Wiley một món đồ trang sức để an ủi.

Thông thường, trong điều tra một vụ giết người, tôi tìm cách giải thích đơn giản nhất, và cách giải thích đơn giản nhất thực sự đơn giản: đó là lòng tham. Freddie chưa bao giờ biết chia phần với ai và ngay cả khi hắn muốn chia phần, tôi cũng vẫn tự hỏi liệu kho báu có đủ lớn để trang trải nợ nần và cứu lấy vườn nho của hắn hay không. Phần của hắn đương nhiên sẽ không nhiều hơn năm mươi phần trăm, phần của chính quyền, cả liên bang lẫn của bang, sẽ tương đương với của hắn. Ngay cả khi kho báu trị giá đến mười triệu đô la, Freddie mà được hai triệu rưỡi cũng là may rồi. Không hẳn là đủ cho một gã ăn tiêu hoang tàn như Tobin. Và nếu có một đối tác khác - một người còn sống, chẳng hạn như Paul Stevens - thì đương nhiên vợ chồng Gordon phải ra đi.

Nhưng tôi vẫn còn những câu hỏi chưa trả lời được - giả sử vợ chồng Gordon đã lấy được kho báu trên Đảo Plum, liệu họ có mang tất cả về hôm họ giã biệt cõi đời ở mảnh sân sau nhà hay không? Liệu kho báu có để trong chiếc thùng đá hay không? Và chiếc hòm đựng kho báu ban đầu đang ở đâu khi phải được chôn lại để rồi được các nhà khảo cổ tọc mạch và nhân viên sở thuế phát hiện ra?

Trong lúc đang miên man với những ý nghĩ này, tôi không để ý đến chiếc bánh xe Rulet. Đó là trò chơi dành cho những người đang phải suy nghĩ điều gì đó trong đầu vì nó không bắt người ta phải để tâm. Giống như trò đánh xèng, nó hoàn toàn là may rủi. Nhưng với chiếc máy đánh xèng thì bạn có thể biết được khi nào thì mất bao nhiêu và sau một đêm chơi với đôi mắt đờ đẫn, khuôn mặt phờ phạc trước những tên kẻ cướp một tay và mất không nhiều hơn tiền tiêu vặt. Nhưng với trò quay bánh xe Rulet, bên chiếc bàn mười đô la, với một người chủ trò nhanh nhẹn và những người đỏ hơn nhanh nhẹn, túi bạn cũng vơi đi nhanh.

Tôi đứng dậy đi khỏi bàn, đổi thêm một ít tiền mặt từ thẻ tín dụng và tìm đến trò cá bài dễ chơi hơn. À, chính những thứ mà tôi làm cho công việc của tôi.

Tôi chơi khá ở bàn cá bài. Đến nửa đêm, tôi lấy lại được hai nghìn đã mất. Đang đói meo ruột, tôi lấy một cốc bia và chiếc bánh sandwich từ một cô phục vụ và chơi tiếp đến một giờ sáng, lại mất hai nghìn.

Tôi dừng chơi, đến một quầy bar và chuyển sang uống Uyt-xki. Tôi xem một đoạn tin phát lại trên ti vi và không thấy nhắc gì đến vụ giết vợ chồng Gordon nữa.

Tôi hình dung lại toàn bộ vụ án trong đầu - từ lúc Max đi vào hiên nhà tôi đến giờ và ở đây. Và trong lúc suy tư, tôi lại nghĩ đến cuộc sống tình cảm của tôi, công việc của tôi và tất cả mọi thứ, điều đó khiến tôi phải đối mặt với câu hỏi tôi đang đi về đâu.

Đến hai giờ sáng, tôi mất hai nghìn đô la, tôi đi một mình nhưng không cảm thấy *cô đơn,* mặt đã cảm thấy nóng vì rượu, tôi được cho là thương tật ba phần tư về thể chất, và có thể là một trăm phần trăm về trí óc, và có thể tôi đã cảm thấy tiếc cho chính mình. Thế nhưng tôi vẫn quay lại chỗ trò chơi quay bánh xe Rulet. Tôi đang đen tình, nên thế nào cũng phải đỏ bạc.

Đến ba giờ sáng, mất thêm một nghìn nữa, tôi đi ngủ.

Sáng thứ bảy, tôi tỉnh dậy với câu hỏi kì lạ rằng tôi đang ở đâu. Đôi khi, người phụ nữ bên cạnh sẽ trả lời cho tôi, nhưng lúc này không có người phụ nữ nào nằm bên. Hiện tại, đầu óc tôi đã tỉnh táo và tôi nhớ ra mình đang ở đâu, tôi nhớ đã bị Mashantucket Pequots lột da đầu - có lẽ tôi nên nói là đã bị những người da đỏ anh em của mình lột gần hết tiền.

Tôi tắm rửa, mặc quần áo, gói bàn chải đánh răng và ăn sáng ở sòng bạc.

Ở bên ngoài, thêm một ngày hè muộn trời đẹp, gần như một ngày mùa thu. Có lẽ đó tiết ấm của mùa thu. Tôi lên xe và hướng về phía nam tới New London.

Ở ngoại ô phía bắc của thành phố, tôi dừng lại ở một trạm xăng và hỏi thăm đường. Mười lăm phút sau, tôi đã ở trên đường Ridgefield. Đường này giống như một con phố ngoại ô nơi có những căn nhà gỗ kiểu New England tọa lạc trên những mảnh đất rộng lớn. Đây là vùng nửa nông thôn, nửa thành thị; và tôi khó mà hình dung được người ta có cần đến nhiều tiền để sống ở đây hay không. Những ngôi nhà to trung bình, những chiếc xe hơi giá trung bình, thế nên tôi đoán đó cũng là một khu vực trung bình.

Tôi dừng lại ở nhà số 17, một căn nhà gỗ màu trắng nằm cách đường khoảng ba chục mét. Nhà láng giềng ở gần nhất cũng cách một quãng xa. Tôi xuống xe, tới lối đi phía trước nhà và nhấn chuông.

Trong lúc chờ, tôi quan sát xung quanh. Không có chiếc xe nào đỗ trên đường vào nhà. Cũng không có thứ gì của trẻ con xung quanh, hẳn là Stevens chưa lấy vợ, hoặc đã lấy vợ mà chưa có con, hoặc lấy vợ và đã có con lớn, hoặc hắn đã ăn thịt cả con mình rồi. Các bạn thấy tôi suy diễn thế nào?

Tôi cũng nhận thấy nơi này quá gọn gàng, như thể có một người với đầu óc bệnh hoạn, phát xít và có trật tự sống ở đây.

Không có ai ra mở cửa. Tôi qua chỗ chiếc gara liền với nhà và ngõ qua cửa sổ bên sườn. Không có xe bên trong. Tôi đi quanh ra sân sau, nơi có thảm cỏ trải dài chừng năm chục thước tới một khu nhiều cây cối. Hiên nhà lát đá hoa đen khá đẹp, phía trước có lò nướng và những thứ đồ cắt cỏ.

Tôi ra cửa sau và ghé mắt qua cửa sổ nhìn vào. Bên trong là một chiếc bếp gọn gàng và sạch sẽ kiểu của vùng nông thôn.

Tôi định bụng đột nhập vào nhà để xem qua mọi thứ và có thể lấy cắp cái bằng tốt nghiệp của hắn để làm trò đùa, nhưng khi xem kỹ bên ngoài nhà, tôi nhận ra tất cả các cửa sổ đều có chăng dây báo động. Ngoài ra, dưới mái hiên nhô ra bên phải tôi là một máy quay camera với góc quay một trăm tám mươi độ. Cha này không vừa đây.

Tôi quay ra phía trước nhà, vào trong xe Jeep và quay số máy của Stevens. Giọng nói cài đặt sẵn cho tôi nhiều lựa chọn với máy fax nhà riêng, e-mail nhà riêng, số máy nhắn tin, địa chỉ hộp thư bưu điện, số máy văn phòng, fax văn phòng, e-mail văn phòng của hắn, và cuối cùng là có thể để lại lời nhắn sau hai tiếng bíp. Tôi chưa bao giờ có nhiều lựa chọn như vậy từ lúc tôi đứng trước một chiếc máy bán bao cao su tự động. Tôi bấm số ba trên bàn phím, lấy số máy nhắn tin của Stevens, quay số, nhắn số máy di động của tôi và chờ. Một phút sau, điện thoại của tôi đổ chuông. Tôi nghe máy, "Sở cấp thoát nước New London."

"Vâng, tôi là Paul Stevens. Ngài đã nháy máy cho tôi."

"Vâng, thưa ngài. Ống nước bị vỡ trước nhà của ngài ở đường Ridgefield. Chúng tôi muốn đưa máy bơm xuống tầng hầm của ngài để khỏi bị ngập."

"Được... Tôi đang ngồi trên xe... Hai mươi phút nữa tôi sẽ về tới nơi."

“Tốt rồi.” Tôi gác máy và chờ.

Khoảng năm phút sau - chứ không phải hai mươi phút - một chiếc Ford Escort chạy vào đường xe trong nhà, Paul Stevens bước ra, mặc quần đen và áo gió màu sẫm.

Tôi xuống xe Jeep và hai người gặp nhau trên bãi cỏ trước nhà hắn. Hắn chào tôi thân thiện bằng câu, “Mày làm cái mẹ gì ở đây?”

“Chạy xe ra ngoài một chút và ghé qua chơi thôi.”

“Biến khỏi nhà tao ngay.”

Lạy Chúa. Tôi nào nghĩ hắn sẽ chào đón thô bỉ nhường ấy. Tôi bảo, “Tôi thực sự không muốn ông nói với tôi như vậy.”

“Đồ bẩn thỉu - mày làm tao lộn ruột cả nửa buổi sáng chết tiệt.”

“Này, anh bạn-”

“Mẹ mày, thằng Corey. Cút cha mày đi.”

Quả thực đó là một Stevens khác với con người mà chúng tôi đã gặp trên Đảo Plum, hôm trước hắn ít ra cũng còn lịch sự, nếu không nói là thân thiện. Tất nhiên, lúc ấy hắn phải lịch sự. Lúc này, con hổ đang ở trong phần đất riêng của nó, còn người coi thú thì không có mặt. Tôi nói, “Nào, thôi đi, Paul”

“Mày điếc hả? Tao đã bảo là cút cha mày đi. Thằng ngu kia, có nước giếng ở đây đấy. Đi ngay.”

“Được. Nhưng tôi phải gọi người đồng sự của tôi.” Tôi đi về phía ngôi nhà. “Beth Penrose. Cô ấy đang ở đằng sau.”

“Mày lên cái xe bẩn thỉu của mày đi. Để tao kiếm nó.” Hắn quay người và bước đi, rồi ngoái lại bảo, “Tao phải báo cảnh sát bắt hai đứa chúng mày vì tội xông vào nhà người khác. May mà tao không bắn từ trên xe.”

Tôi quay người và bước về phía chiếc xe Jeep. Tôi liếc qua vai đúng lúc thấy hắn rẽ ở góc của chiếc gara.

Tôi chạy lao qua bãi cỏ, ngang qua đường xe và bắt kịp hắn khi hắn đi đến góc xa của ngôi nhà và rẽ qua sân sau. Nghe thấy tiếng động, hắn quay lại và thò tay vào bao súng, nhưng đã quá muộn. Tôi tống một quả vào cằm, hắn bật ra tiếng "ục" và loạng choạng lùi về sau, chân tay xiên xẹo, trông quả là khôi hài.

Tôi quỳ bên cạnh gã Paul tội nghiệp và ấn hắn xuống. Tôi tìm được thứ đặc biệt cho chiêu thứ bảy của hắn - khẩu Berretta 6,5 li - nhét ở túi trong của chiếc áo gió. Tôi lấy băng đạn ra, tháo hết đạn cho vào túi của tôi, lắp lại băng vào súng và nhét trở lại áo của hắn.

Tôi lục ví của hắn - một ít tiền mặt, thẻ tín dụng, giấy phép lái xe, thẻ y tế, một giấy chứng nhận nhân viên của Đảo Plum, một giấy phép của bang Connecticut cho phép sử dụng ba khẩu súng gồm khẩu Beretta, một khẩu Colt 45 và một khẩu Magnum 357. Không ảnh, không số điện thoại, không danh thiếp, không chìa khóa, không bao cao su, không vé số và không có thứ gì phải đặc biệt chú ý, trừ việc hắn sở hữu hai khẩu súng nòng cỡ lớn mà ta chưa thấy nếu tôi không khóa tay hắn và lục lọi trong ví.

Tôi nhét trả chiếc ví vào áo cho hắn, đứng dậy và kiên nhẫn chờ hắn bật đứng lên xin lỗi về thái độ của hắn. Nhưng hắn cứ nằm đó, chiếc đầu ngu ngốc lăn qua lăn lại, mồm phát ra những âm thanh đần độn. Mặt hắn không có vết máu, nhưng chỗ tôi đấm giờ đang đỏ dần lên. Rồi nó sẽ chuyển thành màu xanh, sau đó là màu tím đầy thú vị.

Tôi tìm một chiếc vòi bơm nước cuộn trong vườn, mở khóa và chĩa thẳng vào Stevens. Cái này dường như có tác dụng và hắn cố đứng dậy, miệng phun phì phì, thân hình loạng choạng chực đổ.

Tôi hỏi, "Mày có tìm thấy đồng sự của tao không?"

Hắn dường như không hiểu, làm tôi nhớ lại cảm giác của tôi sáng nay khi thức dậy thấy đầu ong ong. Tôi thông cảm cho hắn. Thật đấy.

Tôi bảo, "Nước giếng đấy. Tao chưa bao giờ nghĩ đến. Này, Paul, ai giết Tom và Judy?"

"Đ. mẹ mày."

Tôi phụt cho hắn một lần nữa và hắn lấy tay che mặt.

Tôi bỏ chiếc vòi xuống và tiến gần đến hắn. "Ai đã giết bạn tao?"

Hắn lấy vạt áo lau mặt, rồi dường như nhớ ra điều gì đó, hắn luồn tay phải vào dưới áo và rút khẩu súng ra. Hắn nói, "Đồ con hoang! Giơ tay lên."

"Được thôi." Tôi giơ tay lên đầu, dường như điều đó làm hắn dễ chịu hơn đôi chút.

Hắn xoa xoa quai hàm, chắc là đau rồi. Dường như hắn đang dần nhớ ra là đã bị lừa, bị khóa tay và phun nước vào người. Hắn có vẻ như đang nổi giận, máu sắp sôi lên. Hắn quát tôi, "Cởi áo khoác ra."

Tôi cởi áo khoác, để lộ khẩu 38 trong bao súng đeo trên vai.

"Bỏ áo xuống, từ từ cởi bao súng và để rơi xuống đất."

Tôi làm theo hắn bảo.

Hắn hỏi, "Mày còn mang súng chỗ khác không?"

"Không, thưa ngài."

"Kéo ống quần lên."

Tôi kéo ống quần lên cho hắn thấy tôi không mang súng dưới cổ chân."

Hắn bảo, "Quay người lại và kéo áo lên."

Tôi quay người, kéo áo lên cho hắn thấy tôi không mang súng bên hông.

"Quay lại đây."

Tôi quay lại đứng đối diện với hắn.

"Giơ tay lên khỏi đầu."

Tôi giơ tay lên đầu.

Bước tránh khẩu súng ra.

Tôi bước lên trước mấy bước.

"Quỳ xuống."

Tôi quỳ.

Hắn bảo, "Đồ bẩn thỉu, thằng con hoang. Mày nghĩ mày là thằng chó nào mà dám đến đây như thế rồi xâm phạm nơi ở riêng của tao, rồi cả quyền dân sự của tao?" Quả là hắn đang tức điên lên và dùng toàn những lời lẽ thô tục.

Gần như đã trở thành điều hiển nhiên trong nghề này là người có tội thì luôn mồm nói vô tội, còn những người vô tội thì nổi đóa lên và lấy pháp luật ra dọa đủ điều, ôi trời, Stevens có vẻ thuộc loại vô tội rồi. Tôi để hắn hả hê một chút.

Cuối cùng, tôi cắt ngang lời hắn và hỏi, "Được, anh ít nhất có ý nghĩ trong đầu là ai có thể đã làm việc đó không?"

"Nếu tao biết, tao cũng không nói cho mày, đồ chó."

"Có ý nghĩ nào về nguyên nhân họ bị giết không?"

"Này, đừng có hỏi tao, đồ bẩn thỉu. Im cái mồm chó của mày đi."

"Thế nghĩa là tôi không thể nhờ đến sự hợp tác của anh phải không?"

"Câm mồm!" Hắn thoáng suy nghĩ rồi nói, "Tao nên bắn mày vì tội xâm phạm nhà ở, thằng con hoang ngu đần kia. Mày sẽ phải đền vì đánh tao. Tao phải bắt mày cởi trường rồi quẳng mày vào trong rừng." Hắn lại đang lên cơn và tỏ ra sáng tạo trong nghĩ cách trả thù.

Tôi cảm thấy không thoải mái lắm với tư thế quỳ nên đứng dậy.

Stevens quát to, "Quỳ xuống! Quỳ!"

Tôi bước lại gần và hắn chĩa khẩu súng vào bụng dưới của tôi và bóp cò. Tôi vẫn nhăn mặt giả đau dù khẩu súng không còn đạn.

Hắn nhận ra đã làm điều gì đó tệ lắm, cố bắn rụng cái kia của tôi bằng khẩu súng không đạn. Hắn nhìn trân trân vào khẩu Beretta.

Lần này tôi tặng một quả móc vào bên trái vì không muốn làm bị thương lại chiếc quai hàm bên phải của hắn. Tôi hy vọng hắn sẽ phải cám ơn khi tỉnh dậy.

Hắn đổ vật ra phía sau trên bãi cỏ.

Tôi biết hắn sẽ cảm thấy rất tệ khi tỉnh dậy, rất ngu xuẩn và xấu hổ. Tôi hơi cảm thấy thương cho hắn. Ồ, mà có lẽ không. Dù sao, hắn cũng sẽ không tự nguyện cung cấp bất cứ thông tin nào sau cú nốc ao thứ hai vừa rồi, và tôi không nghĩ mình có thể lừa cho hắn nói ra. Tra tấn hắn thì không được, dù hắn làm tôi muốn làm thế với hắn.

Tôi lượm khẩu súng của tôi lên cùng chiếc bao súng và áo khoác. Rồi, vì là người khôi hài, tôi buộc dây giày hai bên của hắn với nhau.

Tôi quay ra xe và dông thẳng, hy vọng đi đủ xa trước khi Stevens tỉnh dậy và gọi cảnh sát.

Trong lúc lái xe, tôi nghĩ về Paul Stevens. Sự thật là hắn đã sắp thành kẻ điên. Nhưng phải chăng hắn là một kẻ sát nhân? Có vẻ là không phải, nhưng vẫn có điều gì đó về hắn... hắn biết chuyện gì đó. Tôi tin là thế. Và bất kể hắn biết điều gì, hắn sẽ giữ kín. Điều đó nghĩa là hắn đang bảo vệ ai đó, hoặc đang tống tiền người ta, hoặc đang tìm cách để kiếm chút đỉnh vì chuyện này. Trong bất kỳ trường hợp nào, hắn cũng là nhân chứng bất hợp tác, ít nhất là như vậy.

Thay vì đi chuyến phà New London ở lại Long Island - điều có thể khiến tôi trở thành một phần trong bản tin tổng hợp và gặp rắc rối với cảnh

sát Connecticut - tôi chạy xe về hướng tây qua những con đường với phong cảnh tự nhiên, nghêo ngao hát theo điệu nhạc phát từ đài địa phương - Ooowk-lahoma! nơi ngọn gió tràn qua những cánh đồng.

Lúc này, bàn tay phải tôi bắt đầu đau, còn tay trái thì đang cương lên. Quả thật, các khớp ngón tay bên phải đã hơi sưng lên. Chết tiệt. "Đang già rồi." Tôi rũ cả hai tay cho mềm bớt. Ái chà!

Điện thoại cầm tay đổ chuông nhưng tôi không nghe máy. Tôi đi vào địa phận bang New York, nơi tôi dễ ứng phó hơn với cảnh sát nếu họ đang truy tìm tôi.

Tôi đi qua cửa ra của cầu Throgs Neck nơi hầu hết mọi người đều phải đi qua để tới Long Island. Tôi đi tiếp và qua cầu Whitestone, cái tên có thể thích hợp đấy. "Cầu Emma Whitestone." Tôi hát, "Tôi đang yêu, tôi đang yêu, tôi đang yêu một người con gái tuyệt vời!" Tôi thích những giai điệu ướt át.

Qua bên kia cầu, tôi chạy trên đại lộ về phía đông, hướng về vùng North Folk thuộc Long Island. Đi thế này phải vòng xa vì tôi phải tránh đi phà, nhưng tôi không thể đoán được Paul Stevens sẽ làm gì với việc bị đánh ngã hai lần trên chính sân nhà mình. Đó là chưa kể ngã sấp mặt khi cố bước đi với hai chiếc giầy buộc vào nhau.

Nhưng tôi đoán hắn chưa gọi cho cảnh sát. Và nếu hắn không muốn trình báo việc bị người khác xông vào nhà và tấn công thì việc này lại ẩn chứa điều gì đó. Paul chấp nhận thua keo này và biết rằng vẫn còn keo khác. Điều khó với tôi là lần sau, hắn sẽ là người chọn thời gian và địa điểm, rồi hắn sẽ làm tôi bất ngờ. Ồ, vâng. Nếu bạn chơi bóng chày cứng, bạn phải chấp nhận có lúc chịu những quả đánh vào đầu.

Bảy giờ tối, tôi về đến North Folk sau khi lái xe chừng ba trăm dặm. Tôi không muốn về nhà nên dừng lại ở nhà hàng Olde Towne Taveme

uống một hai cốc bia. Tôi nói với người phục vụ ở quay bar, anh chàng có tên là Aidan mà tôi có quen biết, "Cậu đã bao giờ gặp Fredric Tobin chưa?"

Anh chàng đáp, "Em có lần phục vụ cho một bữa tiệc ở nhà ông ấy. Nhưng em hầu như không nói chuyện với ông ấy."

"Cậu nghe thấy người ta nói gì về ông ấy không?"

Aidan nhún vai. "Em không biết... em nghe thấy đủ thứ."

"Ví dụ?"

"Có người bảo ông ấy là đồng tính, có người bảo là loại nịnh đầm phụ nữ. Có người thì bảo ông ta túng lắm và nợ như chúa chổm. Có người bảo ông ta thuộc loại rẻ tiền, có người lại bảo ông ta chỉ đáng giá một đô. Anh biết chứ hả? Anh có một người như thế tới đây, bắt đầu tất cả mọi thứ từ con số không, anh sẽ có những nhận xét đủ loại, ông ấy giẫm lên chân một số người, nhưng lại tốt với một số khác, em đoán thế. Ông ta chơi thân với cảnh sát lắm. Anh biết chứ?"

"Tôi biết." Tôi hỏi Aidan, "Ông ấy sống ở đâu?"

"Ồ, ông ta có nhà ở Southold gần Founders Landing. Anh biết nó ở đâu chứ?"

"Không."

Aidan chỉ đường cho tôi và nói, "Không thể nào lẫn được đâu. To, to."

"Đúng rồi. Này, có người bảo tôi là quanh đây có kho báu chôn dưới đất." Aidan bật cười. "Vâng. Ông già em bảo hồi ông ấy còn bé quanh đây chỗ nào cũng thấy đào hố. Nếu có ai đó tìm được thứ gì thì người ta không nói ra đâu."

"Đúng. Sao lại phải chia với Chú Sam?"

"Không đùa đâu."

“Cậu có nghe tin gì mới về vụ giết hai mạng người ở Nassau Point không?”

“Không. Theo quan điểm cá nhân, em nghĩ hai người đó đã đánh cắp thứ gì đó nguy hiểm, còn chính quyền và cảnh sát đang bịa ra chuyện một thứ vác xin gì đó để che đậy. Ý em là, họ sẽ nói gì đây? Cả thế giới đi đến chỗ diệt vong? Không. Họ bảo, ‘Đừng lo - nó không làm tổn thương các bạn đâu.’ Vớ vẩn.”

“Đúng.” Tôi nghĩ CIA, FBI và chính quyền nói chung nên thử trước những điều vớ vẩn mà họ nói với những người phục vụ quầy bar, thợ cắt tóc, lái xe taxi trước khi tung ra cho cả nước nghe. Ý tôi là, tôi thường đưa đẩy chuyện với những người phục vụ quầy bar và thợ cắt tóc khi cần kiểm tra một thực tế nào đó, và cách này rất hiệu quả.

Aidan nói, “Này anh, thế bệnh bò điên với PMS* khác nhau chỗ nào?”

“Cái gì cơ?”

“Chẳng có gì khác nhau hết.” Anh chàng đập đập chiếc khăn lên mặt bàn và cười to. “Hiểu chứ?”

“Hiểu.” Tôi rời nhà hàng OTT, lên xe và hướng về một nơi có tên gọi là Founders Landing.

CHƯƠNG 28

Trời đang tối dần khi tôi tới Founders Landing, nhưng tôi vẫn thấy được một công viên nằm sát mặt nước ở cuối con đường. Tôi cũng thấy một tấm bia đá đề "Founders Landing* - 1640". Tôi đoán đó là nơi nhóm người từ Connecticut lần đầu tiên đặt chân đến. Nếu họ dừng chân ở Foxwoods trước, có lẽ họ chỉ còn mỗi chiếc quần đùi để mặc khi tới đây.

Phía đông của công viên là một ngôi nhà to, rất to, to hơn cả ngôi nhà của cậu Harry và làm theo kiểu của thời thực dân chứ không phải thời Victoria. Ngôi nhà vây quanh bởi một hàng rào sắt trang trí đẹp và tôi có thể nhìn thấy những chiếc xe hơi đỗ phía trước và mấy chiếc đỗ trên bãi cỏ bên sườn. Tôi nghe thấy tiếng nhạc phát ra từ phía sau nhà.

Tôi đỗ xe trên đường và đi bộ qua chiếc cổng sắt để mở. Không chắc lắm về trang phục, nhưng tôi thấy một cặp nam nữ ở phía trước tôi, người đàn ông ăn mặc khá giống tôi - áo khoác xanh, không cà vạt, đi giầy không tất.

Tôi tìm đường tới bãi cỏ sau nhà, nơi đó rộng và thấp, thoải dần tới mặt nước. Trên bãi cỏ có những chiếc lều kẻ sọc, những ngọn đèn màu chăng từ cây này sang cây kia, những ngọn đuốc bập bùng, những ngọn nến đặt trên bàn có che ô, những bông hoa của Whitestone, một ban nhạc sáu người chơi nhạc Big Band, một vài quầy bar, một chiếc bàn búp-phê dài. Đó chính là mốt thời thượng ở Bờ Đông, là thứ tốt nhất mà nền văn minh cũ có thể mang lại - cộng thêm thời tiết cũng ủng hộ. Fredric Tobin quả là may mắn.

Tôi cũng nhận ra một tấm băng rôn màu xanh trắng căng giữa hai cây sồi lớn. Trên tấm băng rôn đề, "Tiệc thường niên của hội Lịch sử Peconic."

Một người phụ nữ trẻ đẹp mặc bộ đồngày xưa bước đến chỗ tôi và nói, "Chúc buổi tối vui vẻ."

"Đến lúc này là tốt."

"Đến chọn một chiếc mũ đi?"

"Xin lỗi, gì cơ?"

"Anh phải đội một chiếc mũ thì mới lấy đồuống được."

"Thế thì tôi muốn có sáu cái mũ."

Cô nàng cười khúc khích, nắm lấy cánh tay tôi và dẫn tôi đến chỗ một chiếc bàn dài, bên trên để khoảng hai chục chiếc mũ trông rất ngớ ngẩn - những chiếc mũ ba góc nhiều màu, một số cắm lông chim, một số có viền vàng giống như mũ hải quân thời trước, có mấy chiếc mũ đen với hình đầu lâu xương chéo màu trắng. Tôi bảo, "Tôi lấy chiếc mũ cướp biển." Cô nàng lấy một chiếc và đội lên đầu tôi. "Trông anh đáng sợ thật."

"Giá mà em biết."

Từ một chiếc hộp các tông lớn, cô nàng lấy ra một thanh kiếm ngắn bằng nhựa giống như thanh kiếm mà Emma đã dùng để dọa tôi hôm trước và cài vào thắt lưng cho tôi. "Của anh đây."

Tôi chào cô gái trẻ để cô tiếp đón một nhóm người vừa mới tới. Tôi đi xa thêm trên bãi cỏ rộng mênh mông, đầu đội mũ và đeo kiếm bên mình. Ban nhạc đang chơi bản "Dạ khúc Ánh trăng."

Tôi quan sát xung quanh và thấy chưa có quá nhiều người đến, khoảng độ năm mươi, tất cả đều đội mũ trên đầu, và tôi đoán số đông sẽ đến sau khi mặt trời lặn trong nửa tiếng nữa. Tôi không nhìn thấy Max, Beth,

Emma hay người nào mà tôi biết. Tuy thế, tôi lại tìm được quầy bar gần nhất và gọi một cốc bia.

Người phục vụ quầy bar mặc đồ cướp biển nói, "Xin lỗi ngài, chỉ có rượu vang và nước uống không cồn thôi."

"Cái gì? Thật là quá đáng. Tôi cần một cốc bia. Tôi có mũ đây này."

"Vâng, thưa ngài, nhưng không có bia. Ngài dùng loại vang trắng có ga được không ạ? Nó cũng có bọt và ngài có thể tưởng tượng là bia."

"Tôi có thể đề nghị anh kiếm cho tôi một cốc bia khi tôi quay lại đây được không?"

Tôi đi lang thang xung quanh, không có bia, và quan sát mảnh đất. Từ đây tôi có thể nhìn thấy công viên nơi những người định cư đầu tiên đặt chân tới, giống như hòn Plymouth Rock của địa phương, tôi đoán thế, nhưng hầu như người ngoài vùng này không mấy người biết. Ý tôi là, có ai biết con tàu *Fortune* đã đi tiếp sau tàu *Mayflower* không? Ai thèm quan tâm đến nơi thứ hai và nơi thứ ba? Đây là nước Mỹ.

Tôi quan sát những người khách của Tobin rải rác trên khắp bãi cỏ rộng, họ đứng, đi và ngồi bên những chiếc bàn tròn màu trắng, mỗi người đội một chiếc mũ có cắm lông trên đầu, tay cầm cốc và tán gẫu với nhau. Tất cả đều trầm tĩnh, hoặc họ chỉ như vậy vào lúc còn sớm như thế này - không rượu mạnh và làm tình trên bãi biển, không bơi trần hay cởi hết quần áo đánh bóng chuyền hay điều gì đó giống như thế. Chỉ là những tiếp xúc xã giao bình thường.

Tôi thấy Tobin có một chiếc cầu tàu dài, phía cuối cầu có một chiếc nhà để tàu. Dọc theo cầu có mấy chiếc tàu buộc bên cạnh, tôi đoán đó là của khách. Nếu bữa tiệc này được tổ chức sớm hơn một tuần thì chắc chiếc *Spirochete* đã có ở đây.

Vì là người hay tò mò, tôi bước xuống cầu tàu và đi ra chỗ nhà để tàu. Ngay trước lối vào nhà là một chiếc tàu lớn có cabin, dài chừng hơn chục mét. Tên con tàu là *Autumm Gold* - và tôi đoán nó là của Tobin, được đặt tên theo một loại rượu vang mới của hắn, hoặc được đặt theo bên kho báu vẫn chưa tìm ra của Tobin. Dù là trường hợp nào. Tobin cũng thích những đồ chơi của hắn.

Tôi vào trong nhà để tàu. Bên trong khá tối, nhưng ánh sáng từ hai đầu chiếu vào đủ để thấy hai con tàu để hai bên cầu. Con tàu bên phải là một chiếc Whaler nhỏ, đáy phẳng, thuộc loại có thể đi vào vùng nước nông hoặc nơi đất ngập nước. Chiếc bên trái là tàu cao tốc, một chiếc Formula 303, giống hệt loại của vợ chồng Gordon. Một cảm giác rờn rợn xuất hiện trong tôi chừng nửa giây, rằng vợ chồng Gordon đã trở về từ cõi chết và đến bữa tiệc để dọa cho Freddie sợ vãi ra quần. Nhưng đó không phải là chiếc *Spirochete* - chiếc 303 này có tên là *Sondra,* có lẽ là đặt theo tên rượu của Fredric. Tôi đoán là việc đổi tên tàu còn dễ hơn là xóa vết xăm trên cánh tay.

Cả chiếc tàu lớn có cabin và chiếc tàu cao tốc đều không làm tôi chú ý, nhưng chiếc Whaler đáy phẳng thì ngược lại. Tôi bước xuống con tàu nhỏ xem xét. Nó có một động cơ gắn ngoài và cả cọc chèo. Hai mái chèo để nằm trên cầu tàu. Đáng chú ý hơn là một chiếc sào dài gần hai mét, loại dùng để đẩy tàu qua những bãi lau sậy nơi cả mái chèo và động cơ đều không dùng được. Ngoài ra, sàn của chiếc Whaler còn dính bùn. Ở phần đuôi tàu là một chiếc sọt nhựa để những thứ linh tinh, lẫn trong đó có một chiếc còi hơi.

"Anh đang tìm gì hay sao?"

Tôi quay lại và thấy Fredric Tobin đang đứng trên cầu tàu, tay cầm ly rượu vang, đầu đội mũ ba góc màu tía khá điệu đà cắm một chiếc lông

chim. Hắn vân vê chòm râu ngắn trong lúc nhìn chằm chặp vào tôi. Rất đểu cáng.

Tôi nói, "Tôi ngưỡng mộ chiếc tàu của ngài lắm."

"Cái tàu đó ư? Ai cũng chỉ để ý đến chiếc tàu cao tốc hoặc chiếc Chris-Craft," hắn nói và chỉ chiếc tàu lớn có ca bin đậu ngay bên ngoài nhà để tàu.

Tôi nói, "Tôi tưởng đó là chiếc *Autumm Gold*"

"Tên loại tàu là Chris-Craft."

Hắn nói với tôi với một chút cáu kỉnh trong giọng nói nhỏ mà tôi không thích. Tôi nói, "Ồ, chiếc tàu nhỏ này hợp với túi tiền của tôi hơn." Tôi nở nụ cười thành thật. Tôi thường làm thế trước khi túm cổ người nào đó. Tôi nói, "Khi tôi thấy chiếc Formule 303, tôi tưởng là vợ chồng Gordon đã trở về từ cõi chết."

Hắn không thích điều đó chút nào.

Tôi nói thêm, "Nhưng sau đó tôi biết không phải là chiếc *Spirochete* - tên nó là *Sondra,* nghe hợp hơn. Ngài biết đấy - nhanh, bóng lộn và hấp dẫn." Tôi thích chọc tức những gã đểu.

Tobin lạnh lùng nói, "Buổi tiệc đang tổ chức trên bãi cỏ, anh Corey ạ."

"Tôi thấy rồi." Tôi trèo lên cầu tàu và nói, "Ngài có chỗ này thật đẹp."

"Cám ơn."

Ngoài chiếc mũ trông đồng bóng, Tobin còn mặc một chiếc quần trắng, áo khoác ngực màu xanh và một chiếc cà vạt to màu đỏ tươi trông phản cảm. Tôi nói, "Tôi thích chiếc mũ của ngài."

Hắn nói, "Để tôi giới thiệu anh với mấy vị khách của tôi."

"Thế thì tuyệt quá."

Tôi và hắn rời nhà để tàu và đi dọc theo cầu. Tôi hỏi hắn, "Cầu tàu nhà Gordon cách đây bao xa?"

"Tôi không biết."

"Ngài đoán khoảng bao nhiêu."

"Khoảng mười tám dặm. Sao?"

"Mười dặm thì đúng hơn." Tôi nói. "Ngài phải đi quanh Great Hog Neck. Tôi đã xem bản đồ trên xe ô tô. Khoảng mười dặm."

"Anh muốn nói điều gì?"

"Chẳng có gì cả. Chỉ là câu chuyện bên bờ biển thôi."

Lên đến bãi cỏ, Tobin nhắc tôi, "Anh đừng có tra hỏi người khách nào của tôi về vụ vợ chồng Gordon bị giết đấy. Tôi đã nói chuyện với cảnh sát trưởng Maxwell và anh ấy cũng đồng ý như thế, anh ấy còn khẳng định lại là anh không có địa vị chính thức gì ở đây."

"Tôi hứa với ngài là sẽ không làm phiền bất cứ vị khách nào của ngài với những câu hỏi của cảnh sát về vụ vợ chồng Gordon."

"Hay bất cứ điều gì liên quan đến vợ chồng Gordon."

"Tôi hứa. Nhưng tôi đang thèm bia."

Tobin nhìn xung quanh và thấy một cô gái trẻ đang bưng một khay rượu vang. Hắn bảo cô gái, "Em vào nhà và lấy cho ông đây một chai bia. Rót vào cốc uống rượu vang ấy nhé."

"Vâng, thưa ông." Và cô nàng đi khỏi. Thật thú vị được làm một kẻ giàu có và nói với người khác, "Tôi cần thứ này, tôi cần thứ kia."

Tobin nói với tôi, "Anh không phải là người thích đội mũ." Hắn cáo lỗi và để tôi lại một mình. Tôi không dám đi chỗ khác vì sợ cô phục vụ mang bia tới mà không tìm thấy tôi.

Trời đã tối hẳn, những ngọn đèn màu nhấp nháy, những ngọn đuốc bập bùng, những ngọn nến cháy sáng. Một cơn gió mát lành từ đất liền thổi đám côn trùng ra biển. Ban nhạc đang chơi bài *vầng sao xa mờ*. Người thổi kèn trompet chơi rất tuyệt. Cuộc sống thật tươi đẹp. Tôi hạnh phúc thấy mình vẫn chưa chết.

Tôi quan sát Fredric làm chủ bữa tiệc. Hắn gặp hết người này đến người khác, cặp này đến cặp khác, nhóm này đến nhóm khác, cười, đùa, chỉnh mũ trên đầu họ, tra những thanh kiếm nhựa vào thắt lưng những người phụ nữ có thắt lưng. Không giống như Jay Gatsby, ông chủ của những bữa tiệc nổi tiếng nhất ở Long Island, Fredric Tobin không đứng xa để quan sát toàn bộ buổi tiệc. Ngược lại, hắn ở gần với mọi người, làm không khí nóng lên, và trở thành ông chủ tiệc hoàn hảo nhất từ trước tới giờ.

Hắn có chút điềm đạm, tôi sẽ cho hắn thứ đó. Hắn đã gần như trắng túi, nếu tôi có thể tin Emma Whitestone, và hắn còn là kẻ giết hai mạng người, nếu tôi có thể tin vào bản năng của mình, đó là chưa kể điều tôi vừa thấy trong nhà để tàu. Và chắc hẳn hắn biết rằng tôi đã biết cả hai bí mật của hắn, nhưng hắn vẫn không tỏ ra mất bình tĩnh. Hắn lo tôi làm hỏng bữa tiệc của hắn còn hơn là làm hỏng cuộc đời hắn. Một gã rất điềm đạm, quả là như thế.

Cô phục vụ ban nãy quay lại với một ly bia đặt trên khay. Tôi lấy ly bia và nói, "Tôi không thích rượu vang."

Cô mỉm cười. "Em cũng thế. Còn bia trong tủ lạnh đấy." Cô nháy mắt và đi ra chỗ khác.

Đôi khi tôi nghĩ mình được trời phú cho sự hấp dẫn, khả năng gây ấn tượng và sức hút của phần con. Có lúc, tôi lại nghĩ hẳn là tôi mắc bệnh hôi miệng hoặc có mùi mồ hôi khó chịu. Tối nay, tôi cảm thấy rất ổn, nóng

như một khẩu súng ngắn ba đô la. Tôi đội mũ lệch cho ngông, sửa lại thanh kiếm và bắt đầu tham gia buổi tiệc.

Hầu hết những người tới dự đều còn trẻ hoặc mới chớm tuổi trung niên, không có quá nhiều mệnh phụ phu nhân và những người kiểu *Con gái của cách mạng Mỹ*. Chẳng hạn là tôi không thấy có Margaret Wiley. Hầu hết họ đều đi thành cặp - thế giới này đa số là các cặp - nhưng cũng có một vài người trông có vẻ là sẽ bắt chuyện được nếu không ai trong số những tình yêu duy nhất của tôi xuất hiện.

Tôi nhìn thấy một phụ nữ mặc váy lụa trắng, đội chiếc mũ bắt buộc với mớ tóc vàng hoe dài. Tôi nhận ra đó là ả bồ của ngài Freddie mà vợ chồng Gordon đã chỉ cho tôi trong bữa tiệc nếm rượu vang. Ả đứng một mình phía bên kia bãi cỏ, tôi bước qua và nói, "Xin chào."

Ả mỉm cười. "Chào anh."

"Tôi là John Corey."

Rõ là cái tên không gợi lên điều gì ở ả, nhưng ả vẫn mỉm cười và nói, "Tôi là Sondra Wells. Bạn của Fredric Tobin."

"Vâng. Tôi biết rồi. Chúng ta đã gặp nhau hồi tháng Bảy ở vườn nho. Trong một bữa tiệc nếm rượu vang. Tôi đi cùng với vợ chồng Gordon."

Nụ cười của ả tắt ngấm. Ả nói, "Ồ, chuyện của họ thật khủng khiếp."

"Đương nhiên rồi."

"Một thảm kịch."

"Vâng. Cô thân với vợ chồng Gordon phải không?"

"Ồ... là Freddie. Tôi quý mến họ... nhưng không biết họ có quý tôi không."

"Hẳn là họ quý cô lắm. Họ lúc nào cũng ca ngợi cô." Thật ra có bao giờ họ nhắc tới ả đâu.

Cô ả lại mỉm cười.

Ả nói chuyện có duyên và tỏ ra lịch sự như thể đã được học ở một trường nào đó về những điều này. Nó quá khuôn mẫu, và tôi có thể tưởng tượng Tobin đã gửi ả đến một nơi nào đó nơi ả phải tập đi với một cuốn sách trên đầu và đọc thuộc lòng Elizabeth Barrett Browning trong khi ngậm một chiếc bút chì.

Tự tôi không thể hiểu được tại sao lại có người nào đó đổi Emma Whitestone lấy Sondra Wells. Nhưng đẹp xấu còn ở mắt người nhìn. Tôi nói với Wells, "Cô có thích đi tàu không?"

"Không. Fredric có vẻ thích."

"Tôi có nhà ở sát mặt nước ở phía tây chỗ này. Tôi thích đi tàu."

"Hay quá."

"Thật ra, tôi chắc là đã nhìn thấy ông Tobin... để xem nào, hôm thứ hai tuần trước, khoảng cuối giờ chiều, tôi đoán thế, ở trên chiếc tàu Whaler nhỏ. Hình như tôi thấy cô đi cùng ông ấy."

Ả thoáng suy nghĩ rồi bảo, "Ồ... thứ hai... tôi ở Manhattan cả ngày. Fredric cho xe và cả lái xe đưa tôi cùng người quản gia vào thành phố, tôi ở đó mua sắm cả ngày."

Tôi biết bộ óc nhỏ của ả đang làm việc, trên môi ả lộ vẻ không bằng lòng. Ả hỏi tôi, "Anh nhìn thấy Fredric trên chiếc Whaler cùng với một... một người khác à?"

"Có lẽ không phải là ông ấy, hoặc nếu phải thì chắc ông ấy đi một mình, hoặc có lẽ người kia là nam giới."

Ả lại tỏ vẻ hậm hực.

Tôi thích khuấy cho những thứ thối tha bốc mùi lên. Qua đó, giờ tôi đã biết Wells và người quản gia đang ở Manhattan vào thời gian xảy ra án

mạng. Thoải mái làm sao. Tôi hỏi ả, "Cô có chung sở thích với ông Tobin về lịch sử địa phương và khảo cổ không?"

Ả đáp, "Không. Và tôi cũng mừng là ông ấy đã bỏ những thứ ấy rồi. Trong tất cả những sở thích mà một người đàn ông có thể có, tại sao lại cứ phải là thứ ấy?"

"Có thể là có chút liên quan đến người chuyên gia tư liệu của hội Lịch sử Peconic."

Ả nhìn tôi rất lãnh đạm, đúng như thế, và chắc sẽ bỏ đi nếu Fredric không xuất hiện và nói với Wells, "Anh mượn em một chút được không. Vợ chồng Fisher muốn tới chào." Fredric nhìn tôi và hỏi, "Anh sẽ không làm phiền chúng tôi chứ?"

"Có lẽ thế, trừ khi vợ chồng Fisher muốn chào cả tôi."

Fredric nở nụ cười không mấy thân thiện, còn Wells thì hậm hực rồi cả hai cùng đi khỏi, bỏ lại vị khách cục mịch đứng ngẫm nghĩ về cách xử sự vụng về của mình.

Khoảng 8 giờ 30, tôi thấy Max và Beth. Max cũng đội một chiếc mũ cướp biển, còn Beth đội trên đầu một chiếc mũ tròn không vành trông rất ngố. Nàng mặc quần trắng, áo kẻ sọc xanh-trắng. Hôm nay trông nàng hơi khác. Tôi bước đến chỗ họ bên chiếc bàn búp phê dài. Max đang chúi đầu vào đĩa thịt lợn, món yêu thích của tôi. Chúng tôi chào nhau và tôi nhón một miếng trên đĩa của anh.

Beth nói, "Một buổi tối thật tuyệt. Cám ơn anh vì đã bảo em đến."

"Em hẳn là chưa biết sẽ học được gì từ việc lắng nghe đâu."

Max bảo tôi, "Beth đã cho tôi biết về tiến độ điều tra của cảnh sát quận Suffolk. Cô ấy đã làm rất nhiều việc trong bốn ngày qua."

Tôi liếc nhìn Beth dò xem nàng đã nói gì với Max về chuyện nàng đến nhà tôi hay không. Beth hơi khẽ lắc đầu.

Max bảo tôi, "Cám ơn cậu lần nữa vì đã giúp đỡ."

"Có gì đâu. Đừng ngại gọi tôi lần nữa."

Max nói, "Cậu chưa gọi lại cho tôi lần nào."

"Đúng, và sẽ không bao giờ."

"Tôi không nghĩ là cậu lại có lí do gì để cáu giận."

"Không ư? Thử xem lại mọi chuyện đi, Max." Tôi nói thêm, "Đáng lẽ tôi phải đá anh ra khỏi nhà tôi hôm đó."

Max đáp, "Ồ... tôi xin lỗi nếu có gì làm cậu thấy bất tiện."

"Rồi. Cám ơn."

Beth xen vào và nói với Max, "John gặp rắc rối với cấp trên vì đã giúp anh đấy."

Max nói, "Xin lỗi. Tôi sẽ gọi điện cho họ, nếu cậu cho tôi biết phải gọi cho ai."

"Không có ý coi thường anh, Max, nhưng họ không muốn nghe một cảnh sát trưởng nhà quê."

Thật ra, tôi không đến mức giận dữ như vậy với Max, mà nếu có thì cũng khó giận lâu với anh. về cơ bản, anh là người tốt, và lỗi duy nhất của anh là lúc nào cũng tìm đến Người số một. Đôi khi tôi tin rằng mỗi lần tôi tỏ ra giận dữ là người khác lại nghĩ họ nợ tôi điều gì đó. Chẳng hạn như một chút thông tin. Tôi hỏi Max, "Mà này, đã có người nào khác của Đảo Plum bị chết làm anh chú ý không? Chẳng hạn như hai, ba năm về trước?"

Anh thoáng suy nghĩ rồi nói, "Có một tai nạn chết đuối, hai năm trước, vào mùa hè. Một người... tiến sĩ gì đó... một bác sĩ thú y... hình như thế."

"Người đó chết đuối thế nào."

"Để tôi nhớ xem nào... anh ta ở trên tàu của mình... đúng rồi, anh ta đi câu đêm hay làm gì đó, rồi không thấy anh ta về. Cô vợ gọi điện cho chúng

tôi. Chúng tôi nhờ lực lượng bảo vệ bờ biển giúp và họ tìm thấy chiếc tàu của anh ta trống trơn lúc khoảng một giờ sáng. Ngày hôm sau, xác anh ta trôi vào vịnh...” Anh ta nằm quay đầu về phía đảo Trú ẩn Island. “Có bằng chứng gì của việc mưu hại không?”

“Ồ, có một vết thương ở đầu, nhưng giám định pháp y cho thấy có vẻ như anh ta bị trượt chân trên tàu, đầu đập vào thành tàu rồi ngã lộn ra ngoài.” Max nói thêm, “Nó xảy ra như thế.” Anh nhìn tôi hỏi, “Sao cậu lại hỏi chuyện này?”

Tôi đáp, “Tôi đã hứa với Tobin, và cả anh cũng thế, Max, rằng chúng ta sẽ không nhắc gì đến chuyện này trong bữa tiệc hôm nay.” Tôi nói thêm, “Tôi cần một ly bia.” Tôi đi ra chỗ khác, để lại Max với một khẩu xúc xích trên tay.

Beth bước kịp tôi và nói, “Anh thô quá.”

“Đáng đời.”

“Anh nên nhớ là em phải làm việc với anh ấy.”

“Thế thì làm việc với anh ta đi.” Tôi nhìn thấy cô phục vụ mà tôi thích, cô cũng nhìn thấy tôi. Trên chiếc khay có một ly bia, cô đưa cho tôi. Beth lấy một ly rượu vang.

Beth nói, “Em muốn anh nói cho em nghe về chuyện đào khảo cổ, về Fredric Tobin, về tất cả những điều mà anh đã tìm ra cùng tất cả các kết luận của anh. Đổi lại, em sẽ để anh có địa vị chính thức, và anh sẽ có tất cả các nguồn thông tin của cảnh sát quận. Anh nghĩ sao?”

“Nghe nhé, em hãy giữ địa vị chính thức của em, anh đã gặp đủ rắc rối rồi, nhưng anh sẽ nói hết cho em vào ngày mai. Sau đó thì anh đi khỏi đây.”

“John, đừng làm khó thế.”

Tôi không đáp.

“Anh có muốn em điện chính thức cho sếp anh không? Tên ông ấy là gì?”

“Là chánh thanh tra chết tiệt. Không phải lo chuyện đó.” Ban nhạc đang chơi bài “Khi thời gian trôi qua”. Tôi hỏi nàng, “Muốn nhảy không?”

“Không. Chúng ta nói chuyện được không?”

“Tất nhiên là được.”

“Anh nghĩ là chuyện người nhân viên của Đảo Plum kia chết đuối là có liên quan đến vụ này à?”

“Có thể. Chúng ta có thể không bao giờ biết. Nhưng anh thấy một điểm chung.”

“Điểm chung gì?”

“Em đội cái mũ ấy trông được đấy.”

“Em muốn nói về vụ án, John.”

“Không phải ở đây, và không phải lúc này.”

“Ở đâu và khi nào.”

“Ngày mai.”

“Tối nay. Anh đã nói là tối nay. Em sẽ quay lại chỗ ở của anh.”

“Ờ... anh không biết là anh có thể làm chuyện đó...”

“Này, John, em không mời anh làm tình với em đâu nhé. Em chỉ cần nói chuyện với anh. Hãy đến một quán bar hay chỗ nào đó.”

“Ờ... anh không nghĩ là chúng ta nên rời khỏi đây cùng nhau.”

“Ồ... đúng rồi. Anh đang yêu.”

“Không... ờ... có thể là anh... dù sao chuyện này cũng có thể để đến ngày mai mà. Nếu anh đúng trong vụ này, người mà chúng ta tìm đang ở ngay

kia, hắn đang làm chủ bữa tiệc. Nếu là em, anh sẽ cho theo dõi hắn từ ngày mai. Nhưng đừng đánh động hắn. Được chứ?"

"Được, nhưng-"

"Chúng ta sẽ gặp nhau ngày mai, anh sẽ cho em biết tất cả, sau đó việc của anh coi như xong. Thứ hai anh quay về Manhattan rồi. Anh có hẹn với bác sỹ và cấp trên cả ngày thứ ba. Được không? Ngày mai. Anh hứa."

"Được." Nàng cụng ly với tôi và cả hai cùng uống.

Chúng tôi nói chuyện phiếm một lúc. Trong khi nói chuyện, tôi nhìn thấy Emma ở đằng xa. Nàng đang nói chuyện với một nhóm người trong đó có Fredric Tobin, người tình cũ và là nghi phạm giết người. Không hiểu sao tôi cảm thấy khó chịu khi nhìn thấy hai người nói chuyện với nhau. Ý tôi là, tỏ vẻ bình thường đi, John. Khi cô vợ tôi có những chuyến đi dài với gã sếp Randy Dan của cô ta, tôi có bực bội gì đâu? Không nhiều lắm.

Beth nhìn theo ánh mắt tôi và nói, "Chị ấy có vẻ rất tuyệt."

Tôi không đáp.

Beth nói tiếp, "Em vô tình nhắc tên cô ấy với Max."

Đúng là tôi không có phản ứng gì.

Beth bảo, "Chị ấy từng là... bạn gái của Fredric Tobin. Em đoán là anh cũng biết chuyện đó. Em chỉ nhắc đến vì biết đâu anh không biết. Ý em là, anh nên thận trọng khi tâm sự trên giường nếu Tobin là nghi phạm. Hay đó là lí do anh làm thân với chị ấy? Để tìm hiểu thêm về Tobin? John? Anh có nghe em nói không đấy?"

Tôi nhìn nàng và nói, "Em biết đấy, Beth, có lúc anh ước một trong những viên đạn kia làm anh trở thành bất lực. Như thế anh sẽ hoàn toàn thoát khỏi vòng tay của phụ nữ."

Nàng nhận xét, "Lần sau có ngủ với cô ấy, anh sẽ không nghĩ như thế đâu." Nàng quay người bỏ đi.

Tôi nhìn quanh, một lần nữa nghĩ rằng Tom và Judy sẽ đến đây tối nay nếu họ còn sống. Tôi tự hỏi không biết kho báu theo kế hoạch có được tìm thấy tuần này trên mảnh đất kia hay không. Đến giờ họ đã thông báo với báo chí hay chưa? Hay họ sẽ thông báo ngay tối nay?

Nhưng dù thế nào, tối nay vợ chồng Gordon cũng đang nằm trong nhà xác lạnh lẽo. Kho báu đang được giấu ở đâu đó, còn kẻ giết họ đang đứng cách tôi chừng mười lăm mét và nói chuyện với người phụ nữ mà tôi rất yêu quý. Tôi nhận ra Tobin và Emma đang đứng riêng và nói chuyện tay đôi.

Tôi nhìn đã thấy đủ liền đi ra quanh sườn nhà, ném bỏ mũ và thanh kiếm trên đường đi. Chừng nửa đường qua bãi cỏ phía trước, tôi nghe tiếng gọi tên mình nhưng vẫn bước tiếp.

"John!"

Tôi quay lại.

Emma đang bước vội qua bãi cỏ. "Anh đi đâu đấy?"

"Đến chỗ nào đó mà anh có thể uống bia."

"Em sẽ đi cùng anh."

"Không. Anh không cần ai đi cùng."

Nàng cho tôi biết, "Anh rất cần người bên cạnh, bạn của em ơi. Đó là điều rắc rối của anh. Anh đã ở một mình quá lâu."

"Em viết chuyện tình cảm cho cho tờ tuần san địa phương đấy à?"

"Em không cắn câu đâu, mà em cũng không để anh rời chỗ này một mình. Anh định đi đâu?"

"Nhà hàng Olde Towne Taveme."

“Đúng chỗ em thích. Anh đã ăn món bánh khoai tây rán của họ chưa?” Nàng nắm cánh tay tôi và hai người cùng đi.

Tôi lên chiếc xe cũ của nàng và hai mươi phút sau, chúng tôi đã ngồi bên một chiếc bàn ở nhà hàng Olde Towne Taveme, tay cầm bia, bánh khoai tây rán và cánh gà sắp mang đến. Những khách hàng quen của tối thứ bảy trông không có vẻ gì là sẽ đến hoặc vừa mới về từ buổi tiệc của Freddie.

Emma nói, “Em gọi cho anh tối qua.”

“Anh tưởng em đi với các cô.”

“Lúc về em gọi cho anh. Khoảng nửa đêm.”

“Không làm ăn được gì à?”

“Không.” Nàng nói, “Em đoán là anh đang ngủ.”

“Thực ra là anh đến Foxwoods. Người đến đó có thể không còn quần mà mặc về.”

“Kể cho em nghe đi.”

Chúng tôi nói chuyện một lúc, rồi tôi bảo nàng, “Anh nghĩ là em đã không nói gì với Fredric về những điều mà chúng ta đã trao đổi.”

Nàng ngập ngừng khoảng nửa giây, rồi đáp, “Em không nói ... nhưng em có bảo ông ấy... em nói là anh với em hẹn hò với nhau.” Nàng mỉm cười, “Có phải chúng ta đang hẹn hò không nhỉ?”

“Các nhân viên tư liệu lúc nào cũng nhớ ngày* - Mùng 4 tháng Bảy năm 1776, mùng 7 tháng Mười Hai năm 1941

“Nghiêm túc đi.”

“Được, anh mong một cách nghiêm túc là em đã không nhắc gì đến anh.”

Nàng nhún vai. "Em đang hạnh phúc, và em muốn mọi người biết điều đó. Ông ấy chúc em may mắn."

"Thật là một người hào hoa."

Nàng mỉm cười. "Anh ghen à?"

"Không hề." *Mình sắp được thấy hắn chết khô trên ghế điện*. "Anh nghĩ em không nên nói về chúng ta với ông ấy, và tất nhiên không nên nói về kho báu của cướp biển."

"Được rồi."

Và chúng tôi có một bữa tối thật ngon, sau đó chúng tôi về nhà nàng, một căn nhà nhỏ trong một khu dân cư của Cutchogue. Nàng cho tôi xem bộ sưu tập chậu sứ của nàng, gồm mười cái, tất cả đều để trồng cây và đặt trên chiếc cửa sổ lớn chìa ra ngoài. Món quà tôi tặng nàng giờ đã thành chậu hoa hồng tiểu muội.

Nàng ra khỏi phòng một lát và quay vào với một món quà được gói cẩn thận cho tôi. Nàng bảo, "Em lấy trong cửa hàng đồ lưu niệm của hội lịch sử. Em không chôm đâu, nhưng em được giảm giá bốn mươi phần trăm cho chính mình."

"Em không nhất thiết phải-"

"Anh cứ mở ra đi."

Tôi mở. Đó là một cuốn sách có tựa đề *Câu chuyện về kho báu cướp biển*.

Nàng bảo, "Anh mở đến tờ để trắng đi."

Tôi mở ra và đọc, "Tặng John, gã cướp biển yêu quý của em, Emma." Tôi mỉm cười và nói, "Cám ơn em. Đây là thứ lúc nào anh cũng muốn có được."

"Ồ, không phải mọi lúc. Nhưng em nghĩ anh có thể muốn xem qua."

“Anh sẽ xem.”

Ngôi nhà nhỏ của nàng thật xinh đẹp. Nó sạch sẽ, lại không nuôi mèo, nàng uống cả rượu mạnh lẫn bia, đệm giường lại chắc. Nàng thích nghe nhạc Beatles và Bee Gees, và nàng có hai chiếc gối cho tôi. Tôi còn đòi hỏi gì hơn nữa đây? À, món bánh kem. Món này nàng cũng có.

Sáng hôm sau, chủ nhật, chúng tôi ra ngoài ăn sáng ở quán Cutchogue Diner, rồi không cần hỏi tôi, nàng lái xe tới nhà nhờ. Đó là một nhà thờ bàng gỗ xinh đẹp của hội Giám lý. Nàng giải thích, “Em không phải là người cuồng tín, nhưng đôi khi nó làm em thoải mái về tinh thần. Nó cũng không ảnh hưởng gì đến công việc.”

Thế là tôi dự lễ nhà thờ, sẵn sàng chui xuống gậm ghế nếu trần nhà sập xuống.

Sau khi ở nhà thờ, chúng tôi đến chỗ dinh thự của Tobin để lấy xe của tôi rồi Emma theo về nhà tôi.

Trong lúc Emma pha trà cho mình, tôi gọi cho Beth ở văn phòng của nàng. Nàng không có ở đấy nên tôi để lại lời nhắn cho một người cũng nói là đang tham gia điều tra vụ vợ chồng Gordon. Tôi bảo anh ta, “Nhờ anh nói với cô ấy là tôi đi vắng cả ngày. Tôi sẽ tìm cách nói chuyện với cô ấy tối nay. Nếu không thì cô ấy nên đến chỗ tôi vào sáng mai uống cà phê.”

“Được rồi.”

Tôi gọi về nhà cho Beth và chỉ thấy máy tự động trả lời. Tôi để lại lời nhắn tương tự.

Cảm thấy rằng tôi đã làm đủ những gì cần làm để giữ lời hứa, tôi vào trong bếp và bảo Emma, “Ta đi rong chơi một ngày chủ nhật nhé.”

“Nghe hay đấy.”

Nàng đi bằng xe của nàng về nhà và tôi đi theo. Sau đó chúng tôi tới Orient Point trên chiếc xe Jeep của tôi và bắt chuyến tàu thủy đi New London. Chúng tôi đi cả ngày ở bang Connecticut và Rhode Island, thăm thú những biệt thự ở Newport, ăn tối ở Mystic, rồi đi tàu thủy về nhà.

Chúng tôi đứng trên bong tàu, ngắm nhìn mặt nước và những vì sao.

Con tàu đi qua eo biển ra Đảo Plum, và tôi thấy ngọn hải đăng Orient Point ở bên phải. Bên trái, ngọn hải đăng Đảo Plum tối đen và trông đáng sợ trên nền trời đêm.

Sóng trên eo biển dập dềnh. Emma bảo, "Cơn bão đang đi theo đường này. Biển động rất lâu trước khi cơn bão đến." Nàng nói thêm, "Phong vũ biểu đang xuống thấp. Anh có cảm thấy thế không?"

"Cảm thấy cái gì?"

"Áp suất không khí tụt."

"Uh..." Tôi thè lưỡi ra. "Chưa thấy gì."

"Em cảm thấy được đấy. Em rất nhạy cảm với thời tiết."

"Điều đó tốt hay xấu."

"Em nghĩ nó là tốt."

"Anh cũng nghĩ thế."

"Anh có chắc là không cảm thấy gì không? Mấy vết thương của anh có thấy đau chút nào không?"

Tôi ấn ấn vào mấy vết thương và đúng là hơi thấy đau thật. Tôi bảo Emma, "Cám ơn em đã làm anh để ý tới việc này."

"Quan tâm đến cơ thể là việc nên làm, để hiểu được những liên quan giữa các yếu tố bên ngoài với thể chất và tinh thần của mình."

"Rất đúng."

"Thí dụ, em hơi điên điên vào ngày trăng tròn."

“Điên hơn chứ.” Tôi nói.

“Vâng. Điên hơn ngày thường. Thế còn anh?”

“Anh rất nổi hứng ngày đó.”

“Thật không? Nổi hứng vào ngày trăng tròn?”

“Trăng tròn, trăng bán nguyệt, trăng lưỡi liềm.”

Nàng bật cười.

Tôi liếc nhìn qua Đảo Plum khi chúng tôi đi ngang qua. Tôi có thể thấy một vài ánh đèn trên cột phát sóng và ở phía chân trời, một vầng sáng từ phòng thí nghiệm chính hắt lên những bóng cây. Ngoài chỗ ấy, cả hòn đảo chìm trong bóng tối như nó vẫn thế từ ba trăm năm trước. Nếu nheo mắt lại, tôi có thể tưởng tượng ra con tàu *San Antonio* của William Kidd đang thăm dò xung quanh đảo vào một đêm tháng Bảy năm 1699. Tôi có thể thấy một chiếc xuồng nhỏ được hạ xuống từ sườn tàu, trên xuồng là Kidd và có thể là một hoặc hai người khác, rồi tôi thấy có người trong chiếc tàu đang chèo vào bờ...

Emma cắt ngang suy nghĩ của tôi và hỏi, “Anh đang nghĩ gì thế?”

“Anh đang tận hưởng một đêm hạnh phúc.”

“Anh đang nhìn chăm chú đến Đảo Plum.”

“Ừ... anh đang nghĩ đến... vợ chồng Gordon.”

“Anh đang nghĩ đến thuyền trưởng Kidd.”

“Em như phù thủy ấy.”

“Em là một tín đồ tốt và là một con chó cái. Nhưng chỉ một lần mỗi tháng.”

“Và em còn nhạy cảm với thời tiết.”

“Đúng vậy.” Nàng hỏi tôi, “Anh có định nói cho em biết thêm điều gì về... về vụ giết người này không?”

“Không, anh không nói.”

“Không sao. Em hiểu mà. Nếu anh cần điều gì từ em thì cứ hỏi nhé. Em sẽ làm bất cứ việc gì có thể để giúp anh.”

“Cám ơn em.”

Con tàu cập bến, nàng hỏi tôi, “Anh có muốn ở nhà em tối nay không?”

“Ờ... anh muốn... nhưng anh phải về nhà.”

“Em có thể đến nhà anh.”

“Ờ... nói thật với em, anh phải nói chuyện hoặc gặp điều tra viên Penrose tối nay, và anh phải xem anh còn có thể làm điều đó hay không.”

“Không sao.”

Chúng tôi để câu chuyện dừng lại ở đó.

Tôi chở nàng về nhà nàng. Tôi bảo, “Anh sẽ gặp em ngày mai sau giờ làm việc.”

“Tốt. Có một nhà hàng rất hay ở sát biển mà em muốn đưa anh tới.”

“Anh mong đến lúc đó.” Chúng tôi hôn nhau bên thềm cửa rồi tôi lên xe về nhà.

Tôi có bảy tin nhắn. Tôi không có tâm trạng nào để nghe và đi ngủ luôn. Để đến sáng mai thì chúng vẫn còn đấy.

Trước khi thiếp đi, tôi cố nghĩ phải làm gì đấy với Fredric Tobin. Có những lúc trong tình huống này mà ta đã tìm được kẻ cần tìm, nhưng lại chưa tóm được hắn. Có một thời khắc cực kỳ quan trọng khi ta phải quyết định rằng ta có nên tiếp tục săn lùng kẻ kia, đối đầu với hắn, buộc hắn phải lộ mặt, hay giả vờ là không còn để ý đến hắn nữa.

Lẽ ra tôi cũng nên nghĩ rằng khi ta dồn con thú hoặc một người tới chân tường, thì họ có thể trở nên rất nguy hiểm - rằng trò chơi được cả hai bên

cùng chơi, người đi săn và kẻ bị săn, và rằng kẻ bị săn có nhiều thứ để mất hơn nhiều so với người đi săn.

Nhưng tôi đã quên không nghĩ rằng Tobin là một con thú biết nghĩ và vô cùng xảo quyệt bởi gã đã tạo cho tôi ấn tượng rằng gã là một kẻ công tử bột, cũng như cách tôi làm gã tưởng tôi là thằng khờ. Tôi và hắn, cả hai đều biết nhiều hơn, nhưng đều bị ru ngủ bởi hành động của người kia. Dù sao, tôi vẫn đổ lỗi cho mình về những điều xảy ra.

CHƯƠNG 29

Sáng thứ hai, khi tôi thức dậy trời đang mưa, cơn mưa đầu tiên trong nhiều tuần nay. Những người nông dân sẽ vui mừng, còn những người trồng nho thì không. Tôi biết có ít nhất một người trồng nho đang gặp những rắc rối lớn hơn là chuyện có mưa lớn.

Khi mặc quần áo, tôi nghe đài và biết một cơn bão có tên là Jasper đang ở ngoài khơi Virginia, gây ra tình hình thời tiết bất ổn ở xa mãi phía bắc tới Long Island của bang New York. Tôi mừng vì mình sắp trở lại Manhattan ngày hôm nay.

Hơn một tháng nay tôi không có mặt ở khu nhà trên phố Bảy mươi hai. Tôi cũng chưa động đến những tin nhắn trong chiếc máy trả lời tự động, một phần vì tôi không muốn, nhưng cái chính là tôi đã quên mất mã nhập, hình như thế.

Khoảng chín giờ sáng, tôi xuống tầng dưới, mặc quần bò và áo phông polo hàng hiệu. Tôi pha cà phê và chờ Beth gọi hoặc ghé qua.

Tờ tuần báo địa phương đặt trên bệ bếp từ hôm thứ sáu vẫn chưa đọc. Tôi không quá ngạc nhiên khi thấy vụ án mạng thứ hai tuần trước đăng trên trang nhất. Tôi mang tờ báo ra ngoài hiên phía sau cùng một tách cà phê và đọc bài của phóng viên địa phương viết về vụ án mạng đôi. Tay phóng viên viết thiếu chính xác, giọng đủ cứng, phong cách viết đủ tối để làm việc cho tờ Newsday hoặc tờ Times.

Tôi thấy một bài viết về vườn nho Tobin, trong đó trích lời Fredric Tobin nói, "Chúng tôi sẽ bắt đầu thu hoạch bất kể ngày nào từ bây giờ, và năm nay hứa hẹn sẽ là năm bội thu, năng suất có lẽ cao nhất trong mười năm lại đây, trừ trường hợp có mưa lớn."

Ồ, Freddie, trời đang mưa đấy. Tôi không biết người bị buộc tội có được phép yêu cầu rượu vang trong bữa ăn cuối cùng hay không.

Tôi quẳng tờ báo sang bên cạnh và cầm món quà của Emma lên, *Câu chuyện về kho báu cướp biển*. Tôi lật qua cuốn sách, xem những bức vẽ và thấy một tấm bản đồ Long Island, xem kĩ chừng một phút rồi tìm những chương nói về thuyền trưởng Kidd. Tôi lật hú họa một trang đến đoạn nói về việc phế truất Robert Livington, một trong những người đầu tư tiền cho Kidd. Đoạn này viết:

Nghe nói thuyền trưởng Kidd đã tới những nơi này để phụng sự sứ mệnh của đức ngài, Bá tước Bellornont, người kể chuyện nói trên đã đến thẳng từ Albany theo đường gần nhất xuyên qua rừng để gặp thuyền trưởng Kidd ở đây và phục vụ cho ông chủ của mình. Khi tới Boston, thuyền trưởng Kidd thông báo cho ông này biết rằng trên chiếc tàu nhỏ một buồm của ông ở trong cảng có bốn mươi kiện hàng, một ít đường, và nói rằng ông có khoảng ba mươi sáu cân đóng thành đĩa. Và Kidd cũng nói thêm rằng ông có mười tám cân vàng mà ông đã giấu an toàn ở một nơi nào đó trên biển Sound nằm giữa nơi này và New York, không nói cụ thể là nơi nào, và không có ai ngoài ông có thể tìm được.

Tôi nhẩm tính sơ qua trong đầu và biết mười tám cân vàng có trị giá khoảng ba trăm nghìn đô la, tiền tươi, chưa kể giá trị về lịch sử hay giá trị bằng tiền đúc, nếu theo Emma nói thì dễ tăng lên bằng bốn lần.

Tôi đọc liền cả một giờ sau đó. Càng đọc, tôi càng tin rằng tất cả những người kể chuyện, từ ngài Bellornont đến viên thủy thủ cấp thấp nhất, đều

là những người nói dối. Không có chuyện nào giống chuyện nào, giá trị và số lượng vàng, bạc và đồ trang sức thì mỗi người một ý. Điều duy nhất mà tất cả mọi người đều kể giống nhau là việc kho báu đã được đưa vào bờ ở nhiều điểm khác nhau xung quanh biển Sound. Không có chỗ nào nhắc đến Đảo Plum, nhưng còn nơi nào tốt hơn để giấu của? Như tôi đã biết từ chuyến đi tới Đảo Plum, hòn đảo này thời đó không có bến cảng, vì thế chắc sẽ không có tàu thuyền tình cờ cập vào để lấy lương thực hay nước ngọt. Hòn đảo do những người định cư da trắng sở hữu, vì thế người da đỏ không được lui tới, nhưng có vẻ như không có ai sống trên đảo. Và nếu Kidd đã để một lượng của cải có giá trị ở chỗ John Gardiner, một người mà ông không quen biết, thì tại sao ông lại không đi thêm năm, sáu dặm nữa qua vịnh tới Đảo Plum và chôn một phần kho báu ở đó? Điều này là hợp lý. Nhưng tôi vẫn băn khoăn không hiểu làm sao mà Fredric Tobin lại biết được chuyện này. Hắn sẽ vui mừng nói cho chúng ta biết trong cuộc họp báo công bố thứ hắn phát hiện được. Có lẽ hắn sẽ nói, "Tốn rất nhiều công sức, có hiểu biết về nghề trồng nho, về bảo quản, và một sản phẩm thượng hạng. Và cả sự may mắn."

Tôi mất một khoảng thời gian rất lâu ngồi dưới hiên sau nhà, đọc sách, theo dõi thời tiết, suy nghĩ về vụ án và chờ Beth. Lẽ ra giờ này nàng phải đến rồi.

Cuối cùng, tôi vào nhà qua chiếc cửa kiểu Pháp dẫn đến phòng khách và bật bảy tin nhắn trên chiếc máy trả lời tự động.

Tin nhắn thứ nhất là của cậu Harry nói rằng ông có một người bạn muốn thuê căn nhà này, vì thế hỏi tôi có muốn mua hay không, nếu không thì đi chỗ khác. Lời nhắn thứ hai là của trung úy điều tra viên Wolfe nói gọn lỏn, "Anh đang làm tôi cáu đấy." Thứ ba là tin nhắn vẫn chưa xem của Emma vào lúc gần nửa đêm hôm thứ sáu chỉ để nói lời chào tôi. Tin thứ tư là của Max vào sáng thứ bảy với những thông tin cụ thể về bữa tiệc của

Tobin và nói rằng anh đã có một cuộc nói chuyện vui vẻ với Beth, rồi bảo tôi gọi lại. Thứ năm là của Dom Fanelli, nói, "Này, anh bạn, lỡ một dịp vui đấy. Một đêm hết ý nhé. Rượu như nước, bọn này kiếm được bốn em Thụy Sĩ đi du lịch ở nhà hàng Taormina, hai em là tiếp viên hàng không, một em người mẫu, một em là diễn viên. Mà này, tôi đã gọi cho anh bạn Jack Rosen của tụi mình làm cho tờ Daily News, cu cậu sẽ viết một bài về chuyện cậu trở lại New York sau đợt nghỉ dưỡng thương ở vùng nông thôn. Người hùng bị thương đã trở về. Hay đấy. Gọi cho cu cậu vào sáng thứ hai và bài sẽ được đăng vào thứ ba, để cho mấy cha ở sở Cảnh sát đọc trước khi đá đít cậu. Tôi tốt bụng đấy chứ, chẳng phải sao? Thứ hai gọi cho tôi nhé, tụi mình sẽ đi uống buổi tối. Tôi sẽ kể cho cậu nghe về mấy em Thụy Sĩ."

Tôi mỉm cười. Bốn em Thụy Sĩ, mẹ kiếp. Tin nhắn thứ sáu là của Beth vào sáng chủ nhật hỏi rằng tôi biến đi đâu tối thứ bảy, và hỏi khi nào có thể gặp tôi. Còn tin thứ bảy là của Beth vào chiều chủ nhật, bảo rằng đã nhận được lời nhắn của tôi ở văn phòng của nàng và rằng sáng thứ hai nàng sẽ đến nhà tôi.

Vì thế, khi nghe tiếng chuông cửa lúc gần trưa, tôi không quá ngạc nhiên thấy Beth đến. Tôi nói, "Vào đi."

Nàng để chiếc ô ngoài hiên và vào nhà. Hôm nay nàng mặc một bộ đồ may riêng khác màu nâu vàng.

Tôi nghĩ mình nên nói là đang ở nhà một mình, thế nên tôi bảo nàng, "Anh ở một mình."

Nàng nói, "Em biết rồi."

Chúng tôi nhìn nhau mấy giây đồng hồ thật dài. Tôi biết nàng sắp nói điều gì. Tôi không muốn nghe, nhưng nàng vẫn nói. "Một nhân viên của Emma Whitestone phát hiện ra chị ấy chết trong nhà, có lẽ là bị giết."

Tôi không nói gì. Tôi có thể nói gì đây? Tôi đứng đó chết lặng.

Beth nắm lấy cánh tay tôi và kéo tôi vào phòng khách tới chỗ chiếc đi văng và bảo "Anh ngồi đi." Tôi ngồi.

Nàng ngồi bên cạnh tôi, tay vẫn nắm cánh tay tôi. Nàng nói, "Em không biết anh cảm thấy thế nào. Ý em là, em biết anh chắc hẳn rất yêu mến chị ấy..."

Tôi gật đầu. Lần thứ hai trong đời, tôi không phải là người thông báo tin xấu. Tôi là người được báo tin về việc sát hại một người mà tôi quan tâm. Nó làm tôi lặng người đi. Tôi không thể nắm lấy nó vì dường như nó không phải là sự thật. Tôi nói với Beth, "Anh vẫn ở bên cô ấy đến khoảng mười giờ tối qua."

Beth nói, "Chúng em chưa xác định được thời gian chết. Chị ấy được tìm thấy trên giường... có lẽ bị chết do những cú đánh vào đầu bằng thanh cời lò sưởi tìm thấy trên sàn nhà... không có dấu hiệu của việc phá cửa... cửa sau không khóa."

Tôi gật đầu. Hắn đã có một chiếc chìa khóa mà hắn không bao giờ trả lại cho nàng, còn nàng chẳng bao giờ nghĩ đến chuyện thay khóa. Hắn còn biết có một thanh cời lò.

Beth nói tiếp, "Hiện trường giống như một vụ trộm... ví tiền bị khoắng sạch, tiền mặt mất hết, hộp nữ trang cũng bị lấy sạch. Đại loại là như thế."

Tôi hít một hơi thở sâu và không nói gì.

Beth lại nói, "Còn nữa, hai vợ chồng ông bà Murphy đều đã chết. Cũng có vẻ là bị giết."

"Chúa ơi."

Beth nói, "Một cảnh sát của thị trấn Southold đi tuần trên phố khoảng một giờ một lần và để mắt tới căn nhà của ông bà Murphy, nhưng... anh ta

không thấy gì cả." Nàng nói thêm, "Khi đổi ca vào lúc tám giờ sáng, người cảnh sát thấy tờ báo để trên bãi cỏ và đến lúc chín giờ vẫn thấy ở đó. Anh này biết ông bà Murphy thường dậy sớm và mang báo vào nhà, thế nên nàng hỏi tôi, "Anh có muốn nghe chuyện này không?"

"Em nói tiếp đi."

"Vâng... nên anh này gọi điện vào nhà họ, rồi đến gõ cửa trước, sau đó đi vòng ra phía sau và thấy cửa sau của phòng xem ti vi không đóng. Anh ta vào nhà và thấy họ nằm trên giường. Cả hai đều đã chết, có lẽ từ những vết thương trên đầu do bị đánh bằng chiếc xà beng mà anh ta tìm thấy còn dính máu vứt trên sàn nhà". Nàng nói thêm, "Căn nhà đã bị lục lọi. Ngoài ra, với sự có mặt của cảnh sát trên đường phố, có thể đoán rằng hung thủ đã vào nhà từ phía dưới vịnh đi lên."

Tôi gật đầu.

Beth nói, "Anh có thể tưởng tượng là cảnh sát thị trấn Southold đang náo loạn cả lên, và chả mấy chốc cả North Fork cũng thế. Ở đây một năm mà có một vụ giết người đã là nhiều."

Tôi nghĩ đến Max, người luôn thích những gì tĩnh lặng và yên bình.

Beth nói tiếp, "Cảnh sát quận đang cử một đội công tác đặc biệt tới vì mọi người cho rằng đây là một kẻ tâm thần đột nhập vào nhà và giết chết mọi người trong nhà." Nàng nói thêm, "Em nghĩ kẻ giết vợ chồng Gordon có thể đã lấy chiếc chìa khóa của nhà ông bà Murphy từ nhà Gordon, và đó là lí do tại sao không có dấu hiệu phá cửa vào nhà và tại sao cửa sau lại không khóa. Điều này cho thấy việc làm đã có chủ tâm từ trước."

Tôi gật đầu. Tobin biết một lúc nào đó hắn có thể sẽ phải loại bỏ ông bà Murphy và đã tính trước lấy đi chiếc chìa khóa. Khi Beth nói rằng không tìm thấy chiếc chìa khóa của nhà Murphy trong nhà Gordon, đáng lẽ chúng

tôi phải cảnh giác. Lại thêm một thí dụ về việc đánh giá thấp kẻ giết người. Tôi nói, "Chúng ta đáng lẽ phải đoán trước..."

Nàng gật đầu. "Em biết." Nàng nói tiếp, "Với Emma Whitestone... hoặc chị ấy đã không khóa cửa, hoặc là kẻ giết người đã có chìa khóa... một người quen của chị ấy."

Tôi nhìn Beth và hiểu rằng cả hai chúng tôi đều biết nàng đang nói điều gì. Nàng nói, "Em đã đề nghị cho theo dõi Fredric Tobin từ sáng chủ nhật, như gợi ý của anh, và họ đã theo dõi cả ngày, nhưng một quan chức lại ra lệnh thôi theo dõi từ nửa đêm đến tám giờ sáng hôm sau... vì lí do ngân sách... thế nên nói chung là không ai để mắt đến Tobin từ sau lúc nửa đêm."

Tôi không đáp.

Nàng nói, "Em rất khó thuyết phục họ chấp nhận theo dõi Tobin. Gã không phải là kẻ bị tình nghi. Em không có lí do nào để họ cho theo dõi gã hai mươi bốn giờ trong ngày."

Tôi vẫn chú ý lắng nghe, nhưng đầu óc tôi đang trở lại với những hình ảnh về Emma, trong căn nhà của tôi, khi bơi trên vịnh, trong bữa tiệc của hội Lịch sử, trong phòng ngủ của nàng nơi người ta phát hiện ra nàng đã chết... Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi ở lại với nàng qua đêm? Làm sao lại có người biết nàng ở một mình...? Tôi chợt nghĩ Tobin sẽ giết cả tôi, nếu hắn thấy tôi ở đó đang ngủ bên cạnh nàng.

Beth nói, "À này, em gặp Fredric Tobin trong bữa tiệc, hắn rất có duyên. Nhưng em thấy hắn hơi khéo quá... Ý em là, còn một nửa khác trong con người đó... Có thứ gì đó không tốt đẹp đằng sau nụ cười của hắn."

Tôi nghĩ đến Fredric và cảnh hắn nói chuyện với Emma trên bãi cỏ trong bữa tiệc. Khi nói chuyện với nàng, hẳn hắn đã biết là sẽ giết nàng. Nhưng tôi tự hỏi không biết hắn quyết định giết nàng vì không muốn để nàng nói thêm điều gì về hắn với tôi, hay chỉ vì hắn muốn nói, "Mẹ mày,

thằng Corey. Mẹ mày thằng hợm đời. Mẹ mày vì biết tao giết vợ chồng Gordon, mày ngủ với bạn gái cũ của tao, và tao chửi mẹ mày."

Beth nói, "Em cảm thấy có phần trách nhiệm với ông bà Murphy."

Tôi buộc mình nghĩ tới nhà Murphy. Họ là những người tử tế, những công dân sẵn sàng giúp đỡ, và không may cho họ, họ đã chứng kiến quá nhiều những điều xảy ra ở nhà bên cạnh trong hai năm qua. Tôi nói, "Anh mang một tấm hình Fredric Tobin về cho ông bà Murphy xem hôm thứ tư, họ bảo đó chính là người đàn ông trong chiếc xe 'thể thao trắng... Tobin có một chiếc Porsche trắng..." Tôi kể cho nàng chuyện tôi ghé qua nhà Edgar và Agnes Murphy.

Beth nói, "Em hiểu."

Tôi nói, "Kẻ giết người là Fredric Tobin."

Nàng không đáp.

Tôi nói, "Hắn giết Tom và Judy Gordon, Edgar và Agnes Murphy, có thể cả người bác sĩ thú y của Đảo Plum, và Emma Whitestone. Và có thể thêm những người khác." Tôi nói thêm, "Anh cảm thấy bị xúc phạm ghê gớm."

Tôi đứng dậy và nói, "Anh cần hít thở một chút." Tôi ra ngoài và đứng dưới hiên nhà. Trời mưa nặng hạt hơn. Cơn mưa xám từ trên bầu trời xám đổ xuống biển màu xám. Gió thổi mạnh qua vịnh từ hướng nam.

Emma. Emma.

Tôi vẫn trong trạng thái sốc và đang ở giai đoạn vô cảm với tất cả, chuẩn bị tới giai đoạn nổi giận. Càng nghĩ tới cảnh Tobin cầm thanh sắt cời lò phang vào đầu nàng, tôi càng muốn phang vào đầu hắn cũng bằng một thanh sắt cời lò.

Giống như nhiều người cảnh sát đã va chạm trực tiếp nhiều với tội phạm, tôi muốn dùng sức mạnh và sự hiểu biết của mình để tự tôi giải quyết lấy. Nhưng một cảnh sát không thể là một đội viên dân phòng, và

một anh dân phòng thì không thể là cảnh sát. Mặt khác, có những lúc ta phải bỏ tấm thẻ cảnh sát đi và giữ lại khẩu súng...

CHƯƠNG 30

Beth để tôi đứng một mình để lấy lại tinh thần trong lúc này. Cuối cùng, nàng ra ngoài hiên sau và đưa cho tôi một cốc cà phê có pha thêm chút gì đó mùi như rượu mạnh.

Hai chúng tôi đứng yên lặng và nhìn ra vịnh. Mấy phút sau, nàng hỏi tôi, "Tất cả chuyện này là thế nào, John?"

Tôi biết mình nợ nàng một chút thông tin. "Vàng." Tôi đáp.

"Vàng?"

"Đúng."

"Và nó ở trên Đảo Plum".

"Đúng... như anh đoán, Tobin bằng cách nào đó biết được điều này, và hiểu rằng hắn không bao giờ đến được một trong những nơi khó tiếp cận nhất này ở nước Mỹ, hắn bắt đầu tìm kiếm một đối tác có thể đi lại tự do trên đảo".

Nàng suy nghĩ một lúc, rồi nói, "Tất nhiên... giờ đã có thể hiểu được tất cả... hội Lịch sử, chuyện đào khảo cổ, ngôi nhà bên bờ vịnh, chiếc tàu cao tốc... ban đầu chúng ta đều nghĩ đến giả thuyết về bệnh dịch rồi ma túy..."

"Đúng. Nhưng khi em đã hoàn toàn bác bỏ các khả năng đó, như anh đã làm vì anh biết vợ chồng Gordon không phải hạng người này, rồi em phải nghĩ lại toàn bộ vấn đề từ đầu."

Nàng gật đầu và nhận xét, "Như tiến sĩ Zollner nói hôm trước, Khi công cụ duy nhất mà anh có là chiếc búa thì mọi vấn đề trông đều giống như cái

đinh."

Tôi gật đầu.

"Anh nói cho em biết tất cả đi."

Tôi biết nàng đang muốn tôi thoát khỏi những ý nghĩ về vụ Emma bị giết, và nàng đã đúng rằng tôi phải xông vào vụ này và làm điều gì đó tích cực. Tôi nói, "Được... khi ở trên Đảo Plum, chuyện đào bới khảo cổ làm anh ngạc nhiên vì nó hoàn toàn không phải là sở thích của Tom và Judy, và họ biết anh sẽ nghĩ đến điều đó nên họ không bao giờ nhắc đến chuyện đó với anh. Anh tin rằng họ đã tính trước rằng một ngày nào đó - sau khi họ được cho là đã tìm ra kho báu trên mảnh đất riêng của họ - khi một số người có thể nhớ ra việc họ đào bới trên Đảo Plum và liên hệ hai sự việc với nhau. Vì thế, càng ít người biết càng tốt."

Beth nhận xét, "Đó sẽ không phải là lần đầu tiên một thứ có giá trị được di dời và bất ngờ được tìm thấy ở một nơi thuận tiện hơn."

"Đó là điểm mấu chốt của toàn bộ kế hoạch. Điểm X trên bản đồ của cướp biển phải được chuyển từ đất của Chú Sam sang đất của Tom và Judy."

Nàng thoáng suy nghĩ và hỏi tôi, "Anh có nghĩ vợ chồng Gordon biết đích xác địa điểm của kho báu trên Đảo Plum hay không? Hay là họ đang cố tìm kiếm? Em nhớ là không nhìn thấy nhiều chỗ mới đào trên đảo."

"Anh nghĩ thông tin của Tobin là có thể tin được, nhưng có thể không thật chính xác. Anh đã tìm hiểu được một vài điều về các bản đồ cướp biển từ Emma... và từ cuốn sách này..." Tôi chỉ cuốn sách để trên chiếc bàn nhỏ. "Và như anh biết, các kho báu này chỉ định chôn tạm thời, vì thế nhiều điểm mốc hoặc hướng dẫn hóa ra lại là những cái cây hoặc tảng đá đã biến mất từ lâu, có thể đã bị khai thác hoặc lăn xuống biển... đại loại là vậy."

Beth hỏi tôi, "Sao anh lại quyết định hỏi Emma?"

“Anh chỉ muốn tìm hiểu về hội Lịch sử Peconic. Anh định chỉ ở đó khoảng một giờ và quả thật anh không quan tâm sẽ nói chuyện với ai... rồi, anh gặp cô ấy và trong lúc nói chuyện mới biết cô ấy là bạn gái cũ của Fredric Tobin.”

Beth trầm ngâm suy nghĩ, đôi mắt nàng đăm chiêu nhìn ra vịnh. Một lúc sau nàng nói, “Vậy là, sau đó anh đến hỏi chuyện Fredric Tobin.”

“Không, anh gặp hắn trước khi gặp Emma.”

“Vậy điều gì khiến anh quyết định gặp hắn? Anh nghĩ có điểm gì chung giữa hắn với kẻ giết người?”

“Ban đầu thì không. Anh chỉ làm công việc điều tra đơn giản, nói chuyện với những người bạn của nạn nhân, chứ không phải là những người bị tình nghi. Anh đã gặp Tobin ở xưởng rượu của hắn hồi tháng Bảy cùng với vợ chồng Gordon.” Tôi kể cho nàng nghe chuyện đó và nói, “Lúc đầu anh không quan tâm tới hắn, và anh không hiểu tại sao vợ chồng Gordon lại chơi với hắn. Sau khi gặp hắn trong khoảng một tiếng hôm thứ tư, anh nghĩ hắn không có vấn đề gì, về mặt cá nhân, nhưng hắn không trả lời thật với những câu hỏi bình thường. Em hiểu chứ?”

Nàng gật đầu.

“Rồi sau khi nói chuyện với Emma, anh bắt đầu thấy được một số mối quan hệ.”

Nàng lại gật đầu và nhìn đăm đăm ra cơn mưa bên ngoài, vẻ như đang suy nghĩ. Cuối cùng, nàng nói, “Em bỏ cả hai ngày với các kết quả kỹ thuật hình sự, giám định pháp y, Đảo Plum, và tất cả những thứ như thế. Trong khi đó anh lại đi theo một hướng hoàn toán khác.”

“Một hướng rất mờ mịt, nhưng anh đâu có nhiều thứ khác để làm.”

“Anh vẫn khó chịu với cách anh bị đối xử à?”

"Đúng thế. Có thể đó là điều kích thích anh. Không sao vấn đề là, anh đang nói những điều này ra với em. Anh muốn Fredric Tobin bị bắt, kết tội và cho lên ghế điện."

Nàng nhìn tôi và nói, "Có thể điều đó không xảy ra, và anh biết thế. Trừ khi chúng ta có được chứng cứ thật sự chắc chắn, nếu không thì gã này sẽ không bị kết tội gì hết. Em thậm chí còn không nghĩ là ủy viên công tố sẽ buộc tội hắn."

Tôi biết điều đó. Và tôi cũng biết rằng khi vấn đề là một chiếc đinh thì tất cả những gì ta cần là một chiếc búa. Tôi có một chiếc búa.

Beth hỏi, "Anh còn có thêm điều gì có thể làm chứng cứ không?"

"Anh phát hiện ra một chiếc thuyền nhỏ đáy phẳng trong nhà để tàu của Tobin với một chiếc sào - thứ có thể dùng để chống qua vùng đầm lầy. Ngoài ra, còn một chiếc còi hơi". Tôi kể lại việc tối đụng với Tobin trong nhà để tàu.

Nàng gật đầu và nói, "Anh ngồi đi". Tôi ngồi vào chiếc ghế liễu gai, còn nàng ngồi lên chiếc ghế bập bênh. Nàng bảo, "Nói cho em biết đi."

Một nửa giờ sau đó, tôi cho nàng biết mọi chuyện, kể cho nàng nghe tất cả những điều mà tôi đã làm kể từ lúc chúng tôi tạm biệt nhau tối hôm thứ ba, cho tới việc cô bạn gái của Tobin là Sondra Wells cùng người quản gia đi vắng vào buổi chiều hôm xảy ra vụ án mạng của vợ chồng Gordon, thế nhưng Tobin cố làm cho tôi tin là họ ở nhà.

Beth lắng nghe tôi nói, mắt nàng vẫn nhìn ra ngoài mưa. Gió đang mạnh dần lên, thỉnh thoảng lại gào rít từng cơn.

Khi tôi kể xong, Beth nói, "Vậy là, vợ chồng Gordon mua mảnh đất của bà Wiley không phải là để đánh lừa Tobin."

"Đúng vậy. Chính Tobin bảo vợ chồng Gordon mua mảnh đất, dựa trên câu chuyện truyền thuyết về *những mỏm đá của thuyền trưởng Kidd*. Cũng

có một nơi gọi là *những cái cây của thuyền trưởng Kidd,* nhưng chỗ đó giờ đã thành công viên công cộng. Còn về mỏm đá hay vách đứng, vị trí của nó không được nhắc cụ thể trong các cuốn sách lịch sử như những cái cây, vì thế Tobin biết rằng bất cứ vách đứng sát biển nào trong vùng đều được. Nhưng hắn không muốn người khác bàn tán về chuyện hắn mua đất vô tác dụng trên những vách đứng sát biển vì điều này có thể dẫn đến những chuyện ngồi lê đôi mách và đoán già đoán non. Do đó hắn để vợ chồng Gordon mua mảnh đất bằng tiền riêng của họ, không có nhiều lắm, nhưng họ may mắn với mảnh đất của bà Wiley đó - hoặc có thể Tobin biết điều này. Kế hoạch tiếp theo là chờ đợi một thời gian trước khi chôn kho báu, rồi làm như phát hiện ra nó."

"Thật không thể tin được."

"Đúng vậy. Và vì hầu như không thể làm giả thời gian của một chiếc hố nằm ngang, nên họ định gắn chiếc hòm đựng kho báu vào sườn của vách đứng trên đỉnh gò mà anh và em đã tìm thấy, sau đó họ sẽ nói chiếc hòm lộ ra do mưa xói vào đất. Rồi khi họ cạy nó ra từ đất và cát bằng cuốc và xẻng thì hiện trường hầu như đã bị phá hủy, bản thân chiếc hòm cũng bị vỡ thành nhiều mảnh, do vậy việc phát hiện ra chiếc hòm sẽ làm cho hiện trường không thể nghiên cứu được".

Nàng lại thốt lên, "Thật không thể tin được".

"Đây là ba người rất thông minh, Beth ạ, và họ không có ý định làm hỏng chuyện. Họ sắp vớ được mười hay hai mươi triệu đô la trị giá của kho báu từ tay Chú Sam, và điều đầu tiên mà Chú Sam nghe thấy là khi báo chí đưa tin. Cơ quan Thuế vụ Nội địa sẽ vào cuộc, và họ đã chuẩn bị cho việc này." Tôi giải thích cho nàng về luật đối với kho báu tìm được, thuế thu nhập, v.v...

Nàng suy nghĩ một lát rồi hỏi tôi, "Nhưng làm sao Tobin có được tiền sau khi vợ chồng Gordon thông báo việc họ phát hiện ra?"

"Đầu tiên, ba người này tạo hình ảnh rằng họ là bạn của nhau trong gần hai năm qua. Vợ chồng Gordon đã có sở thích với rượu vang, điều mà anh không nghĩ là thật, nhưng đó là một cách hiệu quả để làm cho người khác thấy vợ chồng Gordon và Fredric Tobin bên cạnh nhau như những người bạn ở những chỗ công cộng." Tôi giải thích những điều mà tôi tìm hiểu được từ Emma về bản chất của mối quan hệ này. Tôi nói, "Tuy nhiên, điều đó lại trái với những gì mà Tobin nói với anh về mối quan hệ này. Vì thế anh thấy được sự thiếu thống nhất đáng phải lưu tâm."

Nàng gật đầu. "Làm bạn với nhau không phải là lí do để chia sẻ hàng triệu đô la giá trị của kho báu tìm được".

"Đúng thế. Vậy nên họ dựng lên toàn bộ câu chuyện đi cùng với việc phát hiện ra kho báu. Anh đoán thế này... Đầu tiên, họ giả vờ là đã hình thành mối quan tâm chung đến lịch sử địa phương, và cuối cùng mối quan tâm đó dẫn họ tới những thông tin về kho báu của cướp biển, ở điểm này, theo những điều mà họ nói ra với báo chí, họ đã lập một thỏa thuận với nhau là sẽ cùng tìm kiếm và chia chác bất cứ thứ gì họ tìm được."

Beth lại gật đầu. Tôi có thể thấy nàng hầu như bị thuyết phục với sự hình dung của tôi về những điều xảy ra trước vụ án mạng. Tôi nói thêm, "Vợ chồng Gordon và Tobin sẽ nói rằng cả ba người đã miệt mài nghiên cứu các tư liệu cũ trong nhiều hội lịch sử ở đây, mà điều này là có thật, và họ cũng làm như vậy cả ở Anh, v.v... Họ tin rằng kho báu ở trên mảnh đất của bà Margaret Wiley, và dù họ tỏ ý hối tiếc rằng đã kéo bà già ra khỏi mảnh đất đó, tất cả đều công bằng trong việc săn tìm kho báu. Họ sẽ tặng cho bà Wiley một món đồ trang sức hay thứ gì đó. Họ sẽ bảo rằng họ phải

chấp nhận rủi ro với hai mươi lăm nghìn đô la vì không thể chắc chắn một trăm phần trăm là kho báu có ở đó."

Tôi ngồi trở lại xuống ghế và lắng nghe tiếng gió gào, tiếng mưa rơi. Tâm trạng tôi chưa bao giờ tồi tệ như lúc này, và tôi ngạc nhiên thấy mình nhớ Emma Whitestone đến nhường nào. Nàng ào qua cuộc đời tôi như một cơn gió bất ngờ, rồi nàng ra đi đến một thế giới khác, có lẽ ở một nơi nào đó giữa những vì sao trên trời.

Tôi hít một hơi thở sâu rồi nói, "Anh đoán vợ chồng Gordon và Tobin đã chuẩn bị một số tài liệu giả để giải thích cho việc họ tìm ra vị trí kho báu từ những tư liệu cũ. Anh không biết họ có gì trong đầu về điều này - một bản viết giả trên tấm da, bản sao của một tài liệu gốc nào đó được cho là đã mất, hoặc đơn giản họ chỉ cần nói, 'Chúng tôi tìm được như thế nào không phải là việc của các người. Chúng tôi vẫn đang tìm thêm các kho báu khác.' Chính quyền không quan tâm họ tìm ra bằng cách nào, chỉ cần biết họ tìm thấy ở đâu và trị giá của nó là bao nhiêu." Tôi nhìn nàng. "Em thấy có hợp lý không?"

Nàng suy nghĩ rồi trả lời, "Nó hợp lý theo cách lí giải của anh... nhưng em vẫn nghĩ sẽ có người liên hệ việc đó với Đảo Plum."

"Điều đó là có thể. Nhưng nghi ngờ về nơi tìm ra kho báu và chứng minh nó lại là hai chuyện khác nhau."

"Vâng, nhưng đó là mối liên hệ rất mờ trong một kế hoạch mà nếu khác đi thì rất tốt."

"Đúng vậy. Vì thế để anh đưa ra một giả thuyết khác phù hợp với những gì xảy ra trên thực tế - Tobin không có ý định chia chác bất cứ thứ gì với vợ chồng Gordon. Hắn làm cho vợ chồng họ tin vào tất cả những điều anh vừa nói, hắn bảo họ mua mảnh đất, và ba người sẽ dựng lên toàn bộ câu chuyện về việc họ tìm thấy kho báu như thế nào và tại sao họ lại chia

phần với nhau. Trên thực tế, cả Tobin cũng lo ngại có người liên hệ chuyện đó với Đảo Plum. Vợ chồng Gordon là giải pháp cho việc tìm vị trí kho báu và đưa nó ra khỏi đảo. Rồi vợ chồng Gordon trở thành một gánh nợ, một sợi dây liên hệ mỏng, một manh mối rõ ràng về vị trí thật sự của kho báu."

Beth im lặng, người đung đưa trên ghế. Nàng gật đầu và nói, "Ba người có thể giữ được một bí mật, nếu hai trong số họ đã chết."

"Chính xác."

Tôi nói tiếp, "Vợ chồng Gordon rất thông minh, nhưng họ hơi ngây thơ, và họ chưa bao giờ gặp phải người nào thủ đoạn và lừa lọc như Fredric Tobin. Họ không bao giờ nghi ngờ vì họ đã làm hết tất cả mọi việc, mua mảnh đất, v.v... Thực tế, Tobin có ý định ngay từ đầu là sẽ giết họ. Khả năng nhiều nhất là hắn tính toán sẽ chôn lại kho báu trên đất của hắn gần Founders Landing, một địa điểm lịch sử, và phát hiện ra kho báu ở đó - hoặc hắn sẽ giấu kín kho báu, hoặc ở đây hoặc ở nước ngoài, và chiếm phần không chỉ của vợ chồng Gordon mà cả phần của Chú Sam."

"Vâng. Em nghĩ đó là một khả năng lớn, vì giờ chúng ta đã biết hắn có khả năng của một kẻ giết người lạnh lùng."

"Dù thế nào, hắn cũng là thủ phạm em cần tìm."

Beth ngồi trầm ngâm, tay chống cằm, chân móc vào thanh ngang phía trước của chiếc ghế bập bênh. Cuối cùng nàng hỏi tôi, "Anh làm sao quen được vợ chồng Gordon? Ý em là, làm sao những con người với tính toán như vậy lại dành thời gian để... Anh có nghe em nói không đấy?"

Tôi gượng cười đáp, "Em đánh giá thấp anh rồi. Nhưng đó là một câu hỏi hay". Tôi ngẫm nghĩ về câu hỏi này, không phải là lần đầu, rồi đáp, "Có thể đơn giản là họ thực sự thích anh. Nhưng, cũng có thể họ đã ngửi thấy mùi chuột và tìm cách thân quen với một người chuyên bắt chuột. Họ

còn quen với cả Max, vì thế em nên hỏi anh ấy xem họ quen nhau như thế nào."

Nàng gật đầu, rồi hỏi tôi, "Vậy anh gặp họ như thế nào? Lẽ ra em phải hỏi anh câu này từ hôm thứ hai ở hiện trường vụ án."

"Đúng thế." Tôi đáp. "Anh gặp họ ở quầy bar của nhà hàng Claudio. Em biết nhà hàng ấy chứ?"

"Ai cũng biết cả."

"Hôm đó anh định tán tỉnh Judy ở quay bar".

"Sự khởi đầu đầy triển vọng cho quan hệ bạn bè".

"Đúng. Khi đó anh nghĩ cuộc gặp là tình cờ do may mắn, và có thể là thế thật. Mặt khác, vợ chồng Gordon đã quen biết Max, Max cũng quen biết anh, và có thể đã nhắc đến chuyện tay cảnh sát bị bắn trên ti vi là bạn của Max và đang nghỉ dưỡng thương ở Mattituck. Anh chỉ có - và đến giờ vẫn chỉ có hai chỗ hay lui tới là nhà hàng Olde Towne Taveme và Claudio. Vì thế, có khả năng... nhưng cũng có thể là không... khó mà biết được. Không phải vấn đề quan trọng, trừ việc đó là điểm cần quan tâm." Tôi nói thêm, "Đôi khi mọi việc diễn ra hoàn toàn là ngẫu nhiên."

"Đúng thế. Nhưng trong nghề này, chúng ta phải tìm hiểu động cơ và những tính toán. Bất cứ điều gì không tính đến đều là do tình cờ." Nàng nhìn tôi và hỏi:

"Anh cảm thấy thế nào, John?"

"Ổn thôi."

"Anh nói thật đi."

"Hơi trùng một chút. Thời tiết này không tốt lắm."

"Anh cảm thấy đau à?"

Tôi không đáp.

Nàng cho tôi biết, "Em đã nói chuyện một lúc với người đồng sự của anh qua điện thoại."

"Dom ư? Cậu ta có bao giờ nói với anh đâu. Có thì cậu ta đã nói."

"Anh ấy không nói đấy."

"Thế em nói gì với cậu ấy."

"Nói về anh."

"Nói về anh thế nào?"

"Những người bạn của anh lo lắng cho anh."

"Họ nên lo cho thân họ nếu nói về anh sau lưng anh."

"Sao anh không bỏ cái giọng ương bướng ấy đi nhỉ?"

"Chuyển chủ đề khác đi."

"Được thôi." Nàng đứng dậy bước qua chỗ tay vịn và nhìn ra ngoài vịnh. Mặt biển bắt đầu cuộn lên những cơn sóng bạc đầu. Nàng nói, "Cơn bão đang đến gần. Có thể không tràn qua đây." Nàng quay sang tôi và hỏi, "Vậy giờ kho báu đang ở đâu?"

"Đó là câu hỏi rất hay." Tôi cũng đứng lên và nhìn ra mặt biển đang cuộn sóng. Không thấy bóng dáng con tàu nào ngoài vịnh, đương nhiên rồi, và những mảnh vụn bắt đầu bay ngang qua bãi cỏ. Mỗi khi gió ngớt đi từng đợt, tôi lại nghe thấy tiếng nước xô vào bờ đá.

Beth hỏi tôi, "Còn chứng cứ xác thực của anh đâu?"

Mắt vẫn nhìn ra ngoài trời, tôi đáp, "Câu trả lời cho cả hai câu hỏi có thể ở nhà riêng, phòng làm việc hoặc chỗ ở của Tobin."

Nàng thoáng suy nghĩ rồi nói, "Em sẽ trình tất cả những gì em biết cho trợ lí công tố viên và đề nghị văn phòng công tố viên cho lệnh khám."

"Ý tưởng hay đấy. Nếu em mà xin được lệnh khám mà không cần nguyên do thì em thông minh hơn anh nhiều đấy." Tôi nói thêm, "Các thẩm

phán sẽ do dự với việc ra lệnh khám nhà và nơi làm việc của một công dân nổi bật lại chưa bao giờ có rắc rối với pháp luật. Điều đó thì em biết rồi." Tôi nhìn gương mặt nàng trong lúc nàng suy nghĩ. Tôi nói. "Đó là điều tuyệt vời của nước Mỹ. Cảnh sát và chính quyền không thể động đến lông chân một người nào mà không tuân theo quy trình thủ tục. Và nếu đó là người giàu thì các quy trình kia còn chặt chẽ hơn so với một người bình thường."

Nàng không đáp mà hỏi lại tôi, "Anh nghĩ chúng ta... em nên làm gì tiếp theo?"

"Bất cứ điều gì em muốn. Anh không còn dính dáng gì nữa." Những cuộn nước dập dềnh ngoài khơi đã trở thành những đợt sóng bạc đầu, một điều bất thường ở quãng này trong vịnh. Tôi nhớ những điều Emma nói về ngắm nhìn mặt nước khi một cơn bão đang đến gần.

Beth bảo tôi, "Em biết em có thể ... em nghĩ em có thể tóm gã này nếu đúng hắn là thủ phạm."

"Tốt."

"Anh có chắc là hắn không?"

"Anh chắc chắn."

"Còn Paul Stevens?"

Tôi đáp, "Hắn vẫn còn là ẩn số. Hắn có thể là đồng lõa của Tobin trong vụ giết người, hoặc là kẻ tống tiền Tobin, hoặc là một con chó rừng đang chờ để vồ lấy kho báu, cũng có thể hắn chỉ là một kẻ lúc nào trông cũng đáng nghi và làm điều gì đó mờ ám."

"Chúng ta nên nói chuyện với hắn."

"Anh nói chuyện rồi."

Nàng nhướn mày hỏi, "Bao giờ?"

Tôi kể lại chuyến thăm không báo trước của tôi tới nhà Stevens ở Connecticut, chỉ không nhắc tới chuyện tôi tẩn hắn một trận. Tôi kết luận, "ít nhất là hắn có tội nói dối và âm mưu cùng với Nash và Foster."

Nàng trầm ngâm rồi nói thêm vào, "Hoặc có thể hắn liên quan nhiều hơn." Nàng nói, "À... có thể chúng ta sẽ tìm được những điểm quan trọng qua khám nghiệm hiện trường ở hai vụ án mạng mới. Đó sẽ là bằng chứng xác đáng."

"Đúng vậy. Trong khi đó, Tobin sẽ biết điều gì đang diễn ra với hắn, hắn lại có một nửa số quan chức địa phương trong tay, và biết đâu hắn có bạn bè trong đám cảnh sát thị trấn Southold.

"Chúng ta sẽ không để Max tham gia."

"Hãy làm những gì em phải làm. Chớ nên đánh động Tobin vì nếu hắn nghi ngờ thì mọi tang chứng trong tay hắn sẽ biến mất ngay."

"Chẳng hạn như kho báu?"

"Đúng. Hoặc vũ khí hắn đã sử dụng. Nếu là anh đã giết hai mạng người bằng một khẩu súng có đăng kí và bất ngờ cảnh sát ập vào văn phòng của anh, anh sẽ quẳng béng ra giữa biển và bảo là mất rồi hoặc là bị lấy cắp." Tôi nói thêm, "Em nên thông báo rằng đã tìm ra một trong các viên đạn. Điều đó sẽ đánh động hắn nếu hắn vẫn giữ khẩu súng. Sau đó em cho người theo dõi để xem hắn có tìm cách vứt khẩu súng đi hay vẫn chưa vứt".

Nàng gật đầu và nhìn tôi. Nàng nói, "Em muốn anh làm vụ này với em. Anh đồng ý không?"

Tôi nắm cánh tay nàng và kéo vào trong bếp. Tôi nhấc máy điện thoại lên và bảo, "Em gọi vào văn phòng của hắn đi, xem hắn có ở đó không?"

Nàng gọi tổng đài, xin số của xưởng rượu vang Tobin rồi quay số. "Xin cho gặp ông Tobin." Trong lúc chờ, nàng nhìn tôi và hỏi, "Em nên nói gì với hắn?"

"Cám ơn vì một bữa tiệc tuyệt vời."

Beth nói vào máy, "Vâng, tôi là điều tra viên Penrose của cảnh sát quận Suffolk. Tôi muốn nói chuyện với ông Tobin."

Nàng lắng nghe bên kia trả lời rồi nói, "Xin cứ nói là tôi gọi đến cám ơn ông ấy vì bữa tiệc tuyệt vời". Nàng nghe tiếp, rồi hỏi, "Có cách nào để liên lạc với ông ấy không?" Nàng liếc nhìn tôi, rồi nói vào máy, "Vâng. Được rồi, đó là một ý hay." Nàng gác máy và nói với tôi, "Hắn không có ở đó, không biết bao giờ về, cô ta cũng không biết hắn đang ở đâu. Họ còn sắp đóng cửa xưởng rượu vì thời tiết xấu."

"Được rồi. Gọi về nhà hắn."

Nàng lấy cuốn sổ tay của nàng từ trong túi ra, tìm được số của nhà Tobin và bấm máy. Nàng hỏi tôi, "Lại gọi đến nhà hắn để cám ơn về bữa tiệc hả anh?"

"Em đánh mất sợi dây chuyền vàng của bà em trên bãi cỏ nhà hắn."

"Được." Nàng nói vào máy, "Ông Tobin có nhà không?" Nàng nghe bên kia nói, rồi trả lời, "Thế cô Wells có nhà không?" Nàng nghe trả lời rồi bảo, "Cám ơn. Tôi sẽ gọi lại... không, không cần nhắn... không, đừng sợ. Chị nên tới nơi trú ẩn khẩn cấp... Vâng, rồi gọi cảnh sát hoặc cứu hỏa, họ sẽ đến đưa chị đi. Được chứ? Làm ngay đi." Beth gác máy. "Cô giữ nhà. Một người Đông Âu. Không thích bão."

"Anh cũng không thích thú gì bão lốc. Tobin ở đâu?"

"Hắn đi vắng mà không nói là đi đâu. Cô Wells đã đi Manhattan cho tới khi bão tan." Beth nhìn tôi. "Hắn ở đâu?"

"Anh không biết. Nhưng chúng ta biết hắn không có ở đâu."

Nàng bảo, "Mà này, anh cũng không nên ở đây. Tất cả mọi người sinh sống ở sát biển đều được khuyên nên sơ tán."

“Các chuyên gia thời tiết là những người dọa nạt chuyên nghiệp.”

Vừa nói xong thì đèn điện nhập nhòe.

Beth bảo, “Đôi khi họ nói đúng.”

“Đằng nào thì anh cũng phải quay vềManhattan hôm nay. Ngày mai anh có hẹn với những người sẽ quyết định số phận của mình.”

“Thế thì anh nên đi ngay lúc này. Thời tiết càng lúc càng xấu đấy.”

Trong lúc tôi suy nghĩ xem nên chọn cách nào, một chiếc ghế bị gió thổi bay khỏi hiên, đèn điện lại nhập nhòe. Tôi nhớ ra là phải gọi cho Jack Rosen của tờ Daily News, nhưng tôi đã lỡ mất thời hạn để anh chàng gửi bài cho báo. Dù sao, tôi cũng không nghĩ là người hùng bị thương lại về nhà hôm nay hay ngày mai. Tôi nói với Beth, “Đi nhé.”

“Đi đâu?”

“Tìm Fredric Tobin - để cám ơn hắn vềmột buổi tối tuyệt vời.”

CHƯƠNG 31

Mưa nặng hạt. Gió rít như một đoàn tàu chở hàng.

Tôi tìm được hai tấm áo choàng không tay màu vàng trong tủ quần áo và lấy khẩu .38 ra nhét vào bao súng đeo vai. Việc tiếp theo là phải ra khỏi được đường xe trong khuôn viên nhà vì nó đầy những cành cây và mảnh vỡ. Tôi khởi động chiếc xe Jeep, rồ ga và phóng qua những cành cây rơi trên mặt đất. Tôi nói với Beth, " Gầm cách mặt đất ba mươi lăm phân, chạy bốn bánh."

"Có nổi được không đấy?"

"Sẽ biết thôi."

Tôi chạy dọc theo những con đường hẹp gần bờ biển của Mattituck, chèn qua những cành cây rơi xuống đường và nắp thùng rác bị nước cuốn đi. Được một đoạn thì gặp cây to đổ chắn ngang đường. Tôi nói, "Từ hồi còn bé đến giờ anh chưa bao giờ ở nông thôn trong thời gian có bão."

Beth cho tôi biết, "Đây chưa phải là bão, John."

Tôi cho xe chạy vòng lên bãi cỏ nhà bên cạnh đường để tránh cái cây đổ và bảo, "Anh thấy nó như là bão."

"Tốc độ gió phải lên tới sáu mươi nhăm hải lý mới là bão. Bây giờ thì vẫn chỉ là áp thấp nhiệt đới."

Nàng bật đài dò kênh thời sự, và y như rằng, tin nóng nhất là về cơn bão Jasper. Phát thanh viên nói, " ... đang đi theo hướng bắc - đông bắc, tốc độ gió lên tới sáu mươi hải lý một giờ, tương đương với bảy mươi dặm.

Bão di chuyển với tốc độ mười lăm dặm mỗi giờ, và nếu giữ nguyên hướng như hiện nay, bão sẽ đổ bộ vào phía bắc của đảo Long Island khoảng tám giờ tối nay. Những cảnh báo với tàu thuyền nhỏ được phát đi ở đại dương và vùng biển Sound. Mọi người không nên đi khỏi nhà và Tôi tắt đài. "Chỉ dọa nhau."

Beth nói, "Nhà em ở khá sâu trong đất liền, nếu sau đây anh có muốn ghé qua. Từ đó đến Manhattan chưa đầy hai tiếng chạy xe hoặc đi tàu. Anh có thể đi sau khi bão ngớt."

"Cám ơn em."

Chúng tôi đi trong im lặng một lúc lâu. Cuối cùng ra đến đường Main Road, không có chướng ngại trên đường nhưng lại ngập nước. Không có nhiều xe cộ đi lại, hầu hết các cửa hàng cửa hiệu đã đóng cửa, một số còn lấy ván gỗ ốp lên cửa. Tôi thấy một căn nhà trên trang trại để không đã bị sập, một cây cột điện đổ nằm ngang, kéo theo cả đường dây điện lẫn điện thoại. Tôi nói, "Anh không nghĩ thời tiết này có lợi cho cây nho."

"Chẳng tốt cho cái gì hết."

Hai mươi phút sau, tôi đánh xe vào bãi đỗ trải sỏi của xưởng rượu Tobin. Không có chiếc xe nào trong bãi, chỉ có một tấm biển đề, "Đóng cửa."

Tôi nhìn lên ngọn tháp và không thấy ô cửa sổ nào có ánh đèn, dù trời đã gần như tối đen.

Hai bên bãi đỗ xe là những vườn nho. Những cây nho bám trên cọc đang bị quăng quật bởi những cơn gió cuồng bạo. Nếu cơn bão mạnh thêm thì có lẽ vụ nho sẽ mất trắng. Tôi nhớ đến bài học nhỏ của Tobin về tác động điều hòa của khí hậu biển - bài học khá đúng cho tới khi ta nằm trên đường đi của một cơn bão. "Jasper."

“Đó là tên gọi của cơn bão.” Nàng nhìn quanh bãi đỗ xe và xưởng rượu rồi nói, “Em không nghĩ hắn có ở đây. Em không thấy có cái xe nào, nhà cửa thì tối om. Ta thử đến nhà hắn xem sao.”

“Cứ vào văn phòng của hắn trước đã.”

“John, chỗ này đóng cửa rồi.”

“Đóng cửa chỉ là một khái niệm tương đối.”

“Không, không phải thế.”

Tôi lái xe về phía xưởng rượu, quặt mạnh sang bên phải ra khỏi bãi đỗ đến một quãng có cỏ mọc giữa xưởng rượu và vườn nho. Tôi rẽ vào phía sau tòa nhà lớn nơi mấy chiếc xe tải nằm những giữa những chiếc thùng rượu rỗng chất thành đống.

“Anh định làm gì thế?” Beth hỏi.

Tôi cho xe chạy lên tới cửa sau của chân tháp. “Xem nó có mở không.”

Beth nhìn tôi và định nói gì đó.

“Em xem nó có mở không. Cứ làm theo anh nói đi.”

Nàng xuống xe, chạy tới chỗ chiếc cửa và kéo tay nắm. Nàng nhìn tôi, lắc đầu và định lại ra xe. Tôi đạp mạnh ga và lao thẳng xe vào cánh cửa cho bật tung ra rồi tát máy và nhảy xuống. Tôi chộp cánh tay Beth và chạy vào bên trong tháp.

“Anh điên à?”

“Lên trên đỉnh ngắm cảnh đẹp lắm.” Chiếc thang máy có khóa riêng nên tôi chạy theo cầu thang bộ. Beth kéo tay tôi nói, “Đứng lại. Thế này gọi là trộm đấy, chưa kể xâm phạm quyền dân sự”

“Đây là nhà công cộng.”

“Nhưng nó đóng cửa rồi.”

“Anh thấy cửa bị phá trước.”

"John"

"Em quay lại xe đi. Anh lo chuyện này."

Chúng tôi nhìn nhau, ánh mắt nàng như muốn nói, "Em biết anh đang nổi giận, nhưng đừng làm thế này."

Tôi quay đi và một mình trèo lên cầu thang. Tới mỗi tầng, tôi đều thử mở cửa các phòng làm việc, nhưng tất cả đều khóa.

Lên đến tầng ba, nghe tiếng bước chân phía sau, tôi rút súng ra. Tôi nấp ở phía sau cầu thang chờ đợi và thấy Beth đang đi lên. Nàng ngước lên nhìn tôi.

Tôi nói với nàng, "Đây là tội nghiêm trọng của anh. Anh không cần thêm một đồng phạm."

Nàng đáp, "Cửa đã bị phá trước. Chúng ta đang điều tra."

"Chính là anh nói thế."

Chúng tôi cùng nhau đi tiếp lên tầng trên.

Trên tầng bốn, nơi có các phòng quản lý, cửa cũng bị khóa. Không có nghĩa là không có ai ở đó - các cửa thoát hiểm trong trường hợp hỏa hoạn có thể đóng từ phía này, nhưng sẽ phải mở ra từ phía bên kia. Tôi đập mạnh liên tục vào cánh cửa.

Beth nói, "John, em không nghĩ là có ai ở trong"

"Anh hy vọng là không."

Tôi chạy lên tầng năm, nàng cũng theo tôi. Tôi xoay nắm cửa, nhưng của cũng khóa nốt.

Beth hỏi, "Đây là chỗ ở của hắn à?"

"Ừ." Trên một ô kính trên tường là chiếc rìu cắt sắt và chiếc bình cứu hỏa phải có theo quy định. Tôi lấy chiếc bình cứu hỏa đập vỡ ô kính và lấy chiếc rìu ra. Tiếng kính vỡ vọng lên xuống cầu thang.

Beth gần như la lên, "Anh đang làm gì đấy?"

Tôi đẩy nàng ra phía sau và vung rìu bổ vào khóa cửa, chiếc khóa bung ra nhưng móc khóa bên trong vẫn còn tác dụng. Tôi bổ thêm mấy nhát làm tung hẳn cả móc, nhát cuối cùng làm cánh cửa bật tung vào phía trong.

Tôi hít mấy hơi thở sâu. Tôi cảm thấy khang khác trong phổi, cứ như tôi vừa mở lại thứ gì đó đã mất rất lâu mới đóng kín được.

"John, nghe em"

"Đừng nói. Nghe tiếng bước chân đi." Tôi rút khẩu súng dưới áo choàng ra, nàng cũng làm giống tôi, cả hai đứng bất động. Tôi nhòm vào bên trong căn phòng tôi vừa mở ra. Chắn trước mặt tôi là một chiếc rèm lụa Nhật Bản để che cánh cửa sắt trước con mắt sành điệu của Tobin. Căn phòng tối và im ắng.

Vẫn cầm chiếc rìu trên tay trái, tôi quăng nó qua cửa vào tấm rèm lụa. Tấm rèm rớt xuống, để lộ một không gian rộng bên trong vừa là phòng khách, vừa là phòng ăn.

Beth thì thào, "Ta không vào trong đấy được đâu."

"Chúng ta phải vào. Có người nào đó phá cửa. Quanh đây hẳn là có trộm."

Những tiếng động mà chúng tôi gây ra đủ để làm bất cứ ai ở quanh nhà để ý, nhưng tôi không nghe thấy gì cả. Tôi buộc phải đoán rằng cửa sau đã phát tín hiệu báo động, nhưng vì cơn bão đã làm báo động hàng chục chỗ ở khắp North Fork tới các trạm theo dõi. Dù thế nào, chúng tôi cũng có thể xử lý được với cảnh sát nếu họ đến - mà thật ra, chúng tôi là cảnh sát.

Tôi vào phòng khách, hai tay cầm súng, xoay vòng một đường từ trái qua giữa. Beth vòng từ bên phải sang. Nàng nói, "John, làm thế này không phải là hay. Anh bình tĩnh lại đi. Em biết anh bị sốc, em không trách anh, nhưng anh không thể làm như thế này. Chúng ta ra khỏi đây thôi và-"

“Đừng nói.” Tôi gọi to, “Ngài Tobin! Ngài có nhà không? Ngài có khách.”

Không có tiếng đáp lại. Tôi tiến sâu vào phòng, bên trong chỉ có ánh sáng của bầu trời xám xịt bên ngoài chiếu vào qua những chiếc cửa sổ lớn hình vòng cung và hai chiếc cửa thông sáng trên trần nhà cao chừng ba mét rưỡi. Beth từ từ bám theo tôi.

Đó là một chỗ ở khá đẹp - phòng khách hình bán nguyệt với bức tường vòng cung ở phía bắc. Nửa kia của ngọn tháp, tức là nửa phía nam, được chia thành ngăn bếp thông ra bên ngoài và phòng ngủ nằm ở góc tây nam. Cửa phòng ngủ để mở và tôi ngó vào trong. Không có ai ngoài chúng tôi, hoặc nếu Tobin có ở đó, hắn đã nấp dưới gậm giường hoặc trong tủ, sợ không còn hồn vía nào.

Tôi nhìn quanh phòng khách. Trong ánh sáng mờ xám, tôi nhận ra nội thất trong phòng đều theo kiểu sáng và thoáng cho phù hợp với không gian của một tòa tháp. Các bức tường được trang trí với những bức tranh màu nước vẽ phong cảnh của địa phương mà tôi nhận ra được - Ngọn hải đăng Đảo Plum, hải đăng Horton Point, một số cảnh biển, mấy căn nhà cổ ốp gỗ, và thậm chí cả khách sạn General Wayne. Tôi nói, “Chỗ ở đẹp đấy.”

“Rất đẹp.”

“Đàn ông có thể gặp may mắn với các quý cô ở trên này.”

Không có tiếng đáp lại từ Penrose.

Tôi đến bên một chiếc cửa sổ hướng ra phía bắc và quan sát cơn bão đang vần vũ bên ngoài. Tôi nhìn thấy một số cây nho bị gió quật đổ, và tôi mường tượng ra những trái nho chưa hái sẽ bị gió làm rụng hết.

Beth tiếp tục câu chuyện của tôi, nói, “Không có tên trộm nào ở đây. Ta nên đi khỏi và báo cáo lại là đã phát hiện ra bằng chứng của một vụ đột nhập ở đây.”

“Ý hay đấy. Anh sẽ kiểm tra xem thủ phạm đã chạy trốn hay chưa.” Tôi đưa cho nàng chìa khóa xe. “Em ngồi chờ trong chiếc xe Jeep nhé. Anh sẽ xuống ngay.”

Nàng ngập ngừng rồi nói, “Em sẽ đưa xe ra bãi đỗ và chờ mười lăm phút. Không lâu hơn.”

“Được rồi.” Tôi quay người và bước vào bên trong phòng ngủ.

Căn phòng trang trí lộng lẫy và mềm mại như một món quà của Chúa ban tặng cho phụ nữ mang theo những chai sâm panh. Kỳ thực, gần giường ngủ có một chiếc giá để rượu sâm panh và một chiếc xô. Sẽ là nói dối nếu tôi bảo rằng tôi không tưởng tượng được ra cảnh Emma ở trên chiếc giường này với Tobin. Nhưng điều đó có còn quan trọng gì nữa đâu. Nàng đã chết, và không lâu nữa hắn cũng sẽ chết.

Ở bên trái là một phòng tắm lớn với vòi hoa sen nhiều đầu, vòi nước phun từ dưới lên, bồn rửa và đủ loại tiện nghi. Vâng, cuộc sống đã thật dễ chịu đối với Tobin, cho tới khi hắn bắt đầu tiêu pha nhiều hơn mức kiếm được. Tôi chợt nghĩ cơn bão này sẽ nhấn chìm hắn nếu không có một kho vàng rót vào.

Trong phòng ngủ còn có một chiếc bàn, tôi mở các ngăn ra xem nhưng không tìm được thứ gì có thể làm tang chứng hay hữu ích.

Tôi lục lọi trong phòng khoảng mười phút. Quay ra phòng khách, tôi thấy một chiếc tủ lớn có khóa liền dùng cây rìu phá cửa tủ, nhưng dường như bên trong chỉ có một bộ đồ ăn bằng bạc, mấy chiếc khăn trải bàn bằng vải lanh, một tủ lạnh trong suốt có cửa kính đựng rượu vang, một hộp giữ ẩm cho xì gà, những vật dụng sang trọng khác và một bộ sưu tập phim khiêu dâm.

Tôi lục lọi bên trong, kể cả chiếc tủ rượu, nhưng cũng không tìm được gì.

Tôi đi quanh căn phòng với chiếc rìu trong tay, tìm kiếm và trút sự bực bội lên mọi thứ.

Có một khoang nhỏ trên tường, thứ mà người ta gọi là trung tâm giải trí, với một chiếc ti vi, đầu VCR, đầu đĩa CD, đủ mọi thứ, cộng thêm mấy giá đựng sách. Tôi quẳng mỗi thứ một nơi, rũ từng cuốn sách và vứt sang bên cạnh.

Chợt có một thứ làm tôi chú ý. Trong một chiếc khung mạ vàng to bằng cỡ quyển sách là một tấm da cũ. Tôi cầm lên và soi dưới ánh sáng lờ mờ từ cửa sổ chiếu vào. Đó là một tấm bản đồ vẽ bằng mực đã mờ, bên dưới có chữ viết tay. Tôi mang vào trong bếp và đặt dưới chiếc bệ gần một trong những chiếc đèn tích điện dùng khi khẩn cấp phát ra thứ ánh sáng yếu ớt. Tôi mở chiếc khung và lấy ra tấm da đã sờn mép. Lúc này tôi đã có thể nhận ra nó là cái gì - một phần của bờ biển và một con lạch nhỏ. Chữ viết rất khó hiểu, tôi ước giá như Emma có ở đây.

Ban đầu, tôi nghĩ tấm bản đồ có thể là một phần của bờ Đảo Plum, nhưng trên đảo này không có lạch nước nào mà chỉ có một bến tàu trông rất khác những gì mà tôi thấy trên bản đồ.

Sau đó tôi nghĩ có thể bản vẽ này là lạch nước Mattituck, chính là nơi có *những cái cây của thuyền trưởng Kidd*, nhưng không thấy giống lắm với lạch nước mà tôi đã thấy trên bản đồ chỉ đường và quan sát trên đường. Khả năng thứ ba là những vách đứng hay những mỏm đá bên bờ biển, nhưng một lần nữa, tôi lại không thấy giống lắm vì đường bờ biển đoạn này trên thực tế là thẳng, trong khi ở bản đồ lại cong và có lạch nước ăn sâu vào bên trong.

Cuối cùng, tôi kết luận rằng nó chẳng có ý nghĩa gì hết mà chỉ là một tấm da cũ mà Tobin đóng khung vào làm vật trang trí. Phải không nhỉ?

Không phải. Tôi lại nhìn kỹ vào đó, cố tìm cách giải nghĩa những chữ viết tay đã mờ - có hai từ mà tôi đọc được, đó là *Founders Landing*.

Khi đã định hướng được, tôi biết đây thực ra làm một tấm bản đồ vẽ khoảng một phần tư dặm bờ biển từ Founders Landing, một con lạch không tên, và nơi bây giờ là đất đai của Fredric Tobin.

Những chữ viết tay ở phía dưới rõ ràng là hướng dẫn chỉ đường, tôi thấy những con số và đọc được chữ "Cây sồi."

Chợt có tiếng động trong phòng khách, tôi rút súng.

Beth gọi, "John?"

"Ở trong này."

Beth đi vào trong bếp. Tôi nói, "Anh tưởng em đi rồi."

"Cảnh sát thị trấn Southold đã đến vì có một người nào đó gọi. Em bảo họ chỗ này hiện trong vòng kiểm soát."

"Cám ơn."

Nàng nhìn ra ngoài phòng khách và nói, "Chỗ này đã bị phá phách."

"Cơn bão John."

"Anh cảm thấy hả bớt giận chưa?"

"Chưa."

"Anh tìm được gì ở đấy không?"

"Một bản đồ kho báu. Vẽ các đường cơ bản, để trong chiếc khung vàng này."

Nàng nhìn tấm bản đồ. "Đảo Plum?"

"Không. Bản đồ Đảo Plum hay bất cứ thứ gì đưa họ tới chỗ kho báu đều đã bị hủy từ lâu rồi. Đây là bản đồ Founders Landing, và giờ là khu đất của Tobin."

"Và?"

"Anh chắc rằng đây là đồ giả. Từ những nghiên cứu về tư liệu, anh biết rằng ai cũng có thể mua một tấm da thuộc làm giả của bất kì giai đoạn này trong vài thế kỉ qua. Ở thành phố có những người chuyên trộn dầu đèn và bồ hóng với nhau để viết bất cứ thứ gì mà người ta yêu cầu."

Nàng gật đầu. "Vậy là, Tobin thuê làm tấm bản đồ này để chứng tỏ rằng có một kho báu chôn trong khu đất của hắn."

"Đúng. Nếu nhìn kỹ, em sẽ thấy dường như các dòng chữ là hướng dẫn đường. Và nếu nhìn thật kỹ... có thấy dấu X đó không?"

Nàng đưa tấm da lên cao. "Em thấy rồi." Nàng đặt xuống rồi nói, "Hắn chưa bao giờ có ý định để vợ chồng Gordon chôn cho báu trên khu đất của họ."

"Đúng vậy. Hắn định lấy kho báu từ tay họ, giết họ và chôn kho báu trên phần đất của hắn."

"Vậy là kho báu hiện giờ đang ở trên phần đất của Tobin."

"Ta đi tìm xem sao."

"Một vụ đột nhập nữa sao?"

"Còn hơn thế. Nếu tìm thấy hắn ở nhà, anh sẽ đập gãy chân hắn với chiếc rìu này, rồi dọa sẽ tra tấn nếu hắn không chịu khai." Tôi nói thêm, "Anh có thể thả em ở đâu?"

"Em sẽ đi cùng. Anh cần có người bên cạnh, còn em thì phải tìm cái mặt dây chuyền của bà em trên bãi cỏ."

Tôi đút tấm da vào áo sơ mi, bên dưới tấm áo choàng và cầm lấy cây rìu. Trên đường ra cầu thang, tôi quăng cây đèn bàn thẳng vào một trong những chiếc cửa sổ cao hình vòng cung. Một cơn gió ào vào qua cửa kính

bị vỡ và thổi bay mấy cuốn tạp chí để trên bàn uống cà phê. “Đã đủ sáu mươi nhăm hải lý chưa?”

“Gần đạt rồi.”

CHƯƠNG 32

Lái xe từ xưởng rượu Tobin tới Founders Landing thường chỉ mất hai mươi phút, nhưng hôm nay phải mất tới một tiếng do bão. Đường đi đầy những cành cây rơi và mưa nặng hạt trên kính chắn gió đến mức tôi phải đi như bò và bật cả đèn pha lên, dù lúc đó mới là năm giờ chiều. Thỉnh thoảng, một cơn gió mạnh lại đẩy chiếc xe Jeep dạt đi trên đường.

Beth bật đài, nhân viên dự báo thời tiết cho biết cơn bão chưa đủ mạnh để trở thành bão nhiệt đới, nhưng đã gần đạt tới mức đó. Bão Jasper vẫn đang di chuyển theo hướng bắc với tốc độ mười lăm dặm một giờ, mép bão còn cách bờ biển Long Island sáu mươi dặm. Cơn bão đang mang theo rất nhiều hơi nước và năng lượng từ Đại Tây Dương. Tôi nhận xét, "Mấy tay này chỉ muốn dọa người khác."

Bố em bảo cơn bão tháng Chín năm 1938 đã phá hủy hoàn toàn những khu vực rộng lớn trên đảo Long Island."

"Bố anh cũng nói với anh về cơn bão đó. Người già có vẻ hay phóng đại."

Nàng chuyển chủ đề và nói, "Nếu Tobin ở nhà, em sẽ giải quyết mọi chuyện."

"Tốt thôi."

"Em nói thật đấy. Anh phải làm theo em, John. Chúng ta sẽ không được làm điều gì khiến ta đuối lý trong vụ này."

"Chúng ta đã làm rồi. Đừng quá lo chuyện cố làm cho thật hoàn hảo một vụ án."

Nàng không đáp. Tôi gọi về máy trả lời tự động ở nhà, nhưng chỉ thấy máy đổ chuông liên tục. Tôi nói, "Ở nhà anh mất điện rồi."

"Có lẽ giờ này chỗ nào cũng mất."

"Thật kinh khủng. Anh nghĩ là anh thích các cơn bão."

"Bão nhiệt đới."

"Đúng rồi. Cả nó nữa."

Tôi chợt nghĩ rằng tôi sẽ không về Manhattan tối nay, và vì thế tôi sẽ không có cuộc gặp bắt buộc kia, và như vậy là càng gặp nhiều rắc rối cho công việc. Tôi nhận ra là mình không còn quan tâm nữa.

Tôi lại nghĩ đến Emma. Nếu nàng còn sống, cuộc đời tôi sẽ hạnh phúc hơn. Trong tất cả những mường tượng của tôi về cuộc sống nơi thành thị và nông thôn, tôi thực sự đã nghĩ đến mình sống ở đây cùng Emma Whitestone, câu cá, đi bơi, sưu tập chậu sứ, hay bất cứ điều gì mà người ta làm ở đây. Tôi cũng chợt nghĩ, vậy là tất cả những mối liên hệ của tôi với North Fork giờ đã hết - mợ June đã mất, cậu Harry sắp bán nhà, quan hệ của Max và tôi không bao giờ như trước nữa, vợ chồng Gordon đã chết, và giờ Emma cũng đã ra đi. Ngoài ra, mọi việc cũng có vẻ không suôn sẻ gì ở Manhattan. Tôi liếc sang Beth Penrose.

Nàng cảm thấy ánh mắt tôi và quay sang nhìn tôi. Ánh mắt hai người gặp nhau. Nàng nói, "Bầu trời rất đẹp sau khi cơn bão đi qua."

Tôi gật đầu, "Cám ơn em."

Khu vực xung quanh Founders Landing có rất nhiều cây cổ thụ, và không may, có nhiều cây lớn đã đổ ngang trên đường hoặc trên bãi cỏ. Phải mất thêm mười lăm phút nữa lòng vòng mới tới được nhà của Tobin.

Những cánh cửa sắt đều đóng. Beth nói, "Để em xuống xem có khóa không." Nhưng vì cần thời gian hơn, tôi lái xe lao thẳng vào cửa.

Beth nói, "Sao anh không xem anh có thể hạ bớt máu nóng xuống hay không?"

"Anh đang cố đây."

Khi chạy xe dọc theo đường vào nhà, tôi thấy bãi cỏ nơi tổ chức bữa tiệc hôm trước giờ phủ đầy những cành cây gãy, thùng rác, đồ cắt cỏ và các loại mảnh vỡ.

Con vịnh ở đầu kia bãi cỏ như đang cuồng nộ, những đợt sóng lớn ào qua bờ đá xô lên cả trên bãi cỏ. Chiếc cầu tàu của Tobin vẫn chắc chắn, nhưng nhà để tàu đã mất nhiều mảnh ván gỗ. Tôi nói, "Vui thật."

"Cái gì cơ?"

"Chiếc Chris-Craft biến mất rồi."

Beth nói, "Ồ, hẳn là nó đang ở bãi đỗ nào đó trên cạn. Ai lại đi ra biển trong một đêm như thế này."

"Đúng vậy."

Tôi không nhìn thấy chiếc xe nào để trên đường xe vào nhà, còn căn nhà thì tối om. Tôi lái về phía chiếc gara đôi nằm tách biệt bên cạnh phía sau ngôi nhà. Tôi vòng sang phải và tông thẳng chiếc xe vào cửa gara khiến chiếc cửa đổ sập xuống thành nhiều mảnh. Tôi nhìn qua cửa kính và thấy chiếc Porsche trắng ở trước mặt với một miếng cửa vỡ trên đầu, một chiếc Ford Bronco ở bên kia của gara. Tôi bảo Beth, "Hai chiếc xe ở đây - có thể thằng khốn đang ở nhà."

"Để em giải quyết với hắn."

"Đương nhiên rồi." Tôi cho xe chạy vòng và hướng về phía sau ngôi nhà, qua bãi cỏ và đỗ lại nơi có những thứ đồ đạc bị gió hất tứ tung.

Tôi cầm theo chiếc rìu ra khỏi xe, còn Beth nhấn chuông cửa. Chúng tôi đứng đợi dưới mái che ngoài cửa, không thấy ai ra, tôi dùng cây rìu để mở cửa. Beth nói, "John, vì Chúa, bình tĩnh đi."

Chúng tôi vào trong bếp. Mất điện, bên trong tối và im ắng. Tôi bảo Beth, "Em chặn ở cửa này."

Tôi vào trong sảnh chính ở giữa nhà và gọi lên cầu thang, "Ông Tobin!" Không ai trả lời. "Có nhà không, Fredric? Này, ông bạn!" *Tao sắp chặt phăng cái đầu của mày ra đấy.*

Chợt có tiếng cót két trên sàn nhà trên đầu, tôi bỏ chiếc rìu xuống và rút súng ra, chạy bốn bước một lên cầu thang. Quanh qua trụ cuốn, tôi nhằm chỗ vừa phát ra tiếng cót két xông tới. Tôi quát lên, "Giơ tay lên! Cảnh sát đây! Cảnh sát đây!"

Tôi nghe thấy tiếng động phát ra từ một trong các phòng ngủ. Tôi liền lao ngay tới vừa kịp nhìn thấy cánh cửa tủ đóng lại. Tôi kéo mạnh ra, và một người phụ nữ kêu thét lên. Chị ta khoảng năm mươi tuổi, có lẽ là người trông nhà. Tôi nói, "Ông Tobin đâu?"

Chị ta lấy tay ôm mặt.

"Ông Tobin đâu?"

Beth cũng đã có mặt trong phòng. Nàng đi nhẹ nhàng qua tôi và cầm cánh tay người phụ nữ kia. Nàng nói, "Mọi việc ổn rồi. Chúng tôi là cảnh sát." Nàng đưa chị ta ra khỏi tủ và bảo ngồi lên trên giường.

Sau khoảng một phút trò chuyện nhẹ nhàng, chúng tôi biết tên chị ta là Eva, nói tiếng Anh không tốt lắm, và biết thêm rằng Tobin không có ở nhà.

Beth bảo chị ta, "Xe của ông ấy còn ở trong gara mà."

"Ông ấy về nhà rồi lại đi."

"Đi đâu?" Beth hỏi.

"Ông ấy lấy chiếc tàu để đi."

"Chiếc tàu?"

"Vâng."

"Khi nào? Bao lâu rồi?"

"Không lâu lắm."

Tôi bảo Eva, "Chị ra đằng này cạnh cửa sổ."

Chị ta đứng lên như cái máy và đi tới bên cửa sổ.

"Chiếc tàu - chiếc tàu đi đường nào? Đường nào?" Tôi ra hiệu bằng tay.

Chị ta chỉ sang bên trái. "Đi đường kia."

Tôi nhìn ra vịnh. Chiếc Chris-Craft đã đi về hướng đông của nhà để tàu, nhưng tôi không thấy gì trên mặt nước ngoài những con sóng.

Beth hỏi tôi, "Sao hắn lại đi tàu ra biển?"

Tôi đáp, "Có thể là để quẳng bỏ vũ khí đã dùng giết người."

"Em nghĩ nếu cần hắn có thể làm thế vào một ngày thời tiết đẹp hơn thế này. Nàng quay sang Eva và hỏi, "ông ấy đi lúc nào? Mười phút? Hai mươi phút?"

"Có lẽ mười. Có lẽ hơn."

"Ông ấy đi đâu?"

Chị ta nhún vai. "Ông ấy bảo đêm nay sẽ về. Bảo tôi chờ ở đây. Không phải sợ. Nhưng tôi sợ lắm."

"Nó chỉ là một cơn bão thôi." Tôi bảo chị ta.

Beth cầm tay Eva dắt ra khỏi phòng ngủ rồi đi xuống cầu thang tới phòng bếp. Tôi đi phía sau. Beth bảo chị ta, "Chị phải ở dưới tầng trệt. Không được đến gần các cửa sổ. Được không?"

Eva gật đầu.

Beth nói, "Tìm nến, diêm, đèn pin. Nếu chị sợ thì xuống dưới tầng hầm nhé. Được không?"

Eva lại gật đầu và tới chỗ một chiếc tủ để đồ lấy mấy cây nến.

Beth suy nghĩ một lát rồi hỏi tôi, "Thời tiết thế này thì hắn đi đâu?"

Tôi nói, "Lẽ ra hắn nên ở xưởng rượu để tìm mọi cách bảo vệ gia sản của mình. Nhưng hắn không tới xưởng rượu bằng tàu." Tôi nói với Eva, "Chị có nhìn thấy ông ấy đi ra tàu không? Chị hiểu chứ?"

"Có. Tôi thấy ông ấy đi ra tàu."

"Ông ấy có cầm theo cái gì không? Tôi vừa nói vừa ra hiệu. "Trong tay ấy?"

"Có."

"Cái gì?"

Chị ta không nói gì.

Beth hỏi, "Ông ấy mang cái gì đi theo?"

"Súng?"

"Vâng. Súng to. Súng dài."

"Súng trường?" Beth ra hiệu hình một cây súng trường.

"Vâng, súng trường." Chị ta giơ hai ngón tay lên và bảo, "Hai."

Beth và tôi nhìn nhau.

Eva nói, "Và để đào." Lần này đến lượt chị ta diễn kịch câm và làm động tác đào bới. "Để đào."

"Cái xẻng?"

"Vâng. Xẻng. Trong gara."

Tôi thoáng suy nghĩ và nói với Eva, "Và hộp? Mang theo? Túi? Hộp?"

Chị ta nhún vai.

Beth hỏi tôi, "Anh nghĩ sao?"

Tôi nói, "Anh không nghĩ là Fredric Tobin lại đi câu cá với hai khẩu súng trường và một cái xẻng." Tôi hỏi Eva, "Chìa khóa. Chìa khóa ở đâu?"

Chị ta dẫn chúng tôi đến bên chiếc máy điện thoại để trên tường, bên cạnh là chiếc bảng để treo chìa khóa. Đúng là một kẻ gọn gàng đến mức thái quá, Tobin kẻ ô gắn tên cho từng chiếc chìa khóa. Tôi thấy chìa khóa của chiếc Chris-Craft đã biến mất, nhưng chìa của chiếc Formula thì vẫn còn đấy.

Trong lúc tôi còn đang tính toán phải làm gì tiếp theo, Eva bảo, "Xuống cầu thang. Xuống hầm rượu."

Cả hai chúng tôi nhìn Eva. Chị ta chỉ vào một cánh cửa ở đầu kia của phòng bếp và bảo, "Ông ấy đi xuống tầng dưới. Làm gì đó ở tầng dưới."

Beth và tôi nhìn nhau.

Rõ ràng, Tobin không phải là ông chủ của Năm, và Eva mừng vì được tố giác ông chủ của mình - dù tôi vẫn thấy sự sợ hãi trong đôi mắt chị, và tôi biết đó không chỉ là do cơn bão làm chị sợ hãi. Chắc hẳn Tobin đã giết cả chị ta nếu không phải vì sợ để lại một xác chết ngay trong nhà mình.

Tôi bước đến bên cánh cửa và vặn chiếc núm, nhưng cửa đã bị khóa. Tôi quay ra lấy chiếc rìu và đứng ở tư thế chuẩn bị bổ.

Beth nói, "Khoan! Chúng ta cần phải có lí do để làm việc đó."

Tôi nói với Eva, "Chị có đồng ý cho chúng tôi khám không?"

"Xin cứ việc."

"Cám ơn." Tôi vung cây rìu nhằm vào núm cửa bổ xuống và làm chiếc núm thụt cả vào bên trong cánh gỗ. Tôi mở cửa, bên trong là một cầu thang hẹp và tối dẫn xuống tầng hầm. Tôi bảo Beth, "Em có quyền rời khỏi đây bất cứ lúc nào."

Cô nàng Nguyên tắc dường như đã hiểu ra rằng cả hai chúng tôi đã đi hơi xa rồi, rằng chúng tôi có thể vi phạm bất cứ điều luật nào mà chúng tôi đã bỏ qua. Nàng lấy một chiếc đèn pin từ Eva và đưa cho tôi. "Anh đi trước, người hùng. Em yểm trợ."

"Đúng đấy." Tôi đi trước, một tay cầm đèn pin, tay kia cầm cây rìu. Beth rút khẩu 9 li của nàng ra và theo sau.

Đó là một tủ rượu rất cũ với khoảng trống không đầy hai mét. Móng xây bằng đá và cả nền cũng vậy. Thoạt trông, dường như không có nhiều thứ ở dưới này - nó quá ẩm thấp không thể chứa đồ, quá ghê sợ dù chỉ để làm một phòng giặt giũ. Về cơ bản, nó dường như chỉ có một chiếc lò sưởi và một chiếc bình nước nóng. Tôi không thể nghĩ ra là Eva muốn tố giác cái gì với chúng tôi.

Ánh đèn pin soi lên một bức tường gạch dài ở đầu kia tầng hầm, chúng tôi đi về phía đó.

Bức tường xây bằng gạch và hồ trông mới hơn bệ móng cổ bằng đá. Bức tường chủ yếu để chia tầng hầm thành hai nửa trước và sau, kéo lên tới tận xà nhà bằng gỗ sồi.

Ở phần chính giữa bức tường là một cánh cửa bằng gỗ sồi có chạm khắc rất đẹp. Dưới ánh đèn pin hiện ra một tấm biển bằng đồng trên cánh cửa đề "*Hầm rượu vang riêng của tại hạ.*"

Vì "tại hạ" không phải là người có khiếu hài nên tôi đoán tấm biển này là quà tặng của một người nào đó ngưỡng mộ hắn, thậm chí có thể là Emma.

Beth thì thào, "Có nên vào không anh?"

Tôi đáp, "Chỉ khi cửa không khóa. Các quy tắc khám xét và bắt giữ." Tôi đưa cho hàng chiếc đèn pin và thử kéo chiếc tay nắm to bằng đồng. Cửa khóa. Tôi trông thấy một lỗ khóa ở bên trên tay nắm. Tôi nói, "Cửa

không khóa chỉ bị kẹt thôi." Tôi vung cây rìu bổ thẳng vào lỗ khóa và khe cửa gỗ, nhưng không mấy suy suyển. Tôi bồi thêm cho mấy nhát nữa, cuối cùng nó cũng phải chịu bung ra.

Beth đã tắt đèn pin ngay khi cánh cửa bật tung vào bên trong. Hai chúng tôi đứng ở hai bên cửa, lưng quay về phía bức tường gạch, súng cầm trong tay.

Tôi quát to, "Cảnh sát đây! Giơ tay lên và đi ra!"

Im lặng.

Tôi ném chiếc rìu vào bên trong cửa. Tiếng kim loại chạm nền nhà, nhưng không thấy ai nổ súng vào chỗ đó.

Tôi bảo Beth, "Em vào trước đi. Năm nay anh đã bị bắn rồi."

"Cám ơn." Nàng khom mình và nói, "Em vào đây." Nàng lao nhanh qua cửa, tôi bám theo sang trái. Chúng tôi đứng bất động ở tư thế khom người, súng nâng cao về phía trước.

Tôi không nhìn thấy thứ gì, nhưng cảm thấy căn phòng này mát hơn và có lẽ khô ráo hơn phần còn lại của tầng hầm. Tôi quát to, "Cảnh sát đây! Giơ tay lên!"

Chúng tôi chờ thêm nửa phút, sau đó Beth bật đèn pin lên. Dưới ánh đèn hiện lên một hàng giá để rượu vang. Nàng quét đèn quanh phòng. Ở giữa phòng có một chiếc bàn, bên trên đặt hai cây đèn nến và mấy chiếc giá để nến. Trên bàn còn có mấy hộp diêm và tôi thắp chừng mươi ngọn nến. Ánh sáng rực rỡ lan tỏa quanh hầm rượu và nhảy múa trên những vỏ chai.

Khắp nơi trong phòng đều có những giá gỗ để rượu thường thấy trong một chiếc hầm như thế này. Ngoài ra còn có những chiếc sọt gỗ và hộp bằng bìa cát tông đựng rượu vang, cái thì mở, cái còn đóng, chất đống khắp mọi nơi. Sáu thùng rượu vang để trên giá lắc, cái nào cũng có vòi. Tôi thấy những cuộn ống làm lạnh trên tường được bảo vệ bằng loại ống nhựa

trong suốt Plexiglas cách nhiệt. Trần nhà trông như bằng gỗ tuyết tùng, còn sàn nhà bằng đá nhám được lát bằng đá hoa mịn gắn bằng bê tông. Tôi bảo Beth, "Anh để chai rượu vang của anh trong một cái chạn bếp."

Beth soi đèn vào mấy chai rượu bám bụi trên một chiếc giá. Nàng bảo, "Đây là rượu vang Pháp xịn."

Tôi đáp, "Có lẽ hắn để rượu của hắn sản xuất ở gara."

Nàng chiếu đèn lên bức tường móng nơi có mấy chục hộp các tông chất lên nhau. Nàng bảo, "Rượu của hắn kia kìa. Mấy chiếc thùng có dán nhãn của hắn."

"Đúng rồi."

Chúng tôi tìm kiếm một hồi, thấy một chiếc tủ đựng ly, đồ mở nút chai, khăn ăn, v.v... Đây đó lại treo một chiếc nhiệt kế, tất cả đều chỉ 60 độ F.

Rốt cuộc, tôi nói, "Eva muốn cho chúng ta biết điều gì nhỉ?"

Beth nhún vai.

Tôi nhìn Beth dưới ánh sáng của những ngọn nến. Nàng cũng nhìn tôi. Nàng bảo, "Có lẽ ta nên xem những chiếc sọt và hộp các tông kia."

"Đúng thế."

Chúng tôi dỡ những chiếc sọt gỗ và hộp các tông xuống, mở ra chỉ thấy toàn rượu vang bên trong. Beth hỏi, "Chúng ta đang tìm gì nhỉ?"

"Anh không biết. Không phải là rượu vang."

Ở một góc tường móng có một giá để các hộp rượu vang Tobin Vineyards, tất cả đều có mác "Thu Vàng." Tôi đến bên cạnh và quăng chúng ra lối đi giữa hai hàng giá rượu. Tiếng thủy tinh vỡ và mùi rượu vang tỏa khắp căn phòng.

Beth nói, "Anh không nhất thiết phải đập bỏ rượu vang ngon như thế. Nhẹ nhàng thôi. Anh đưa từng hộp cho em."

Tôi không đếm xỉa và bảo, "Tránh ra."

Tôi quăng bỏ nốt lớp hộp cuối cùng, và kìa, trong góc tường, giữa những hộp rượu là thứ gì đó không phải rượu. Một chiếc thùng nhôm. Tôi nhìn chăm chăm vào nó dưới ánh sáng của những ngọn nến.

Beth đến bên cạnh tôi. Ánh đèn pin trên tay nàng soi lên chiếc thùng. Nàng hỏi, "Có phải đó là chiếc thùng mà anh nói hôm trước không? Chiếc thùng nhôm trên tàu của vợ chồng Gordon ấy?"

"Trông thì giống lắm. Nhưng đó là loại thùng sản xuất hàng loạt, trừ khi có dấu vân tay của họ trên đó, mà anh đoán là không, còn thì chúng ta sẽ không bao giờ biết chắc được." Tôi nói thêm, "Anh đoán đây chính là nó - chiếc thùng mà ai cũng tin là đã đựng đá khô và vi khuẩn bệnh than."

"Vẫn có thể là thế." Nàng nói thêm, "Em không hoàn toàn tin chuyện kho báu cướp biển."

Tôi nói, "Anh hy vọng là các chuyên gia vân tay có thể tìm được dấu vết từ chiếc thùng nhôm đã bị quét sạch đó." Tôi quay về phía cửa và định đi ra.

"Chờ đã. Anh không định... ý em là..."

"Mở ra ư? Em điên à? Rồi làm mất chứng cứ? Chúng ta thậm chí còn không được phép đến đây. Chúng ta không có lệnh khám-"

"Thôi đi!"

"Thôi cái gì?"

"Mở chiếc thùng chết tiệt ra đi - không, em sẽ mở. Cầm lấy cái này." Nàng đưa cho tôi chiếc đèn pin và đứng khom người phía trước chiếc thùng nằm giữa hai hộp rượu vang. "Đưa cho em một cái khăn tay hay thứ gì cũng được."

Tôi đưa cho nàng chiếc khăn tay của tôi. Nàng lót tay và bật chốt, mở chiếc nắp có bản lề ra.

Tôi rọi đèn vào chiếc thùng. Chúng tôi chờ đợi được nhìn thấy vàng hay đồ trang sức bên trong, nhưng trước khi chiếc nắp mở hết, bên trong thùng hiện ra một chiếc đầu lâu người đang thao láo nhìn chúng tôi. Beth thốt lên một tiếng và nhảy lùi lại, chiếc nắp thùng rơi xuống lại đóng như cũ. Nàng đứng cách chiếc thùng mấy bước và thở hổn hển. Nàng chỉ vào chiếc thùng, mãi mới nói được thành tiếng, "Anh có nhìn thấy không?"

"Có. Tay này chết rồi."

"Tại sao...? Cái gì...?"

Tôi cúi xuống bên cạnh chiếc thùng và bảo, "Khăn tay." Nàng đưa cho tôi chiếc khăn và tôi mở nắp thùng ra. Ánh đèn pin soi xung quanh chiếc thùng nhôm to và rộng, bên trong là chiếc đầu lâu và mấy khúc xương người. Ở mỗi hốc mắt của chiếc đầu có một đồng tiền bằng đồng với lớp gỉ xanh bám dày trên bề mặt.

Beth khom người đứng bên cạnh tôi, tay quàng lên vai tôi, không biết để giữ thăng bằng hay cho đỡ sợ. Nàng đã bình tĩnh trở lại và bảo, "Đây là một phần của bộ xương người. Một đứa trẻ."

"Không, một người lớn nhưng nhỏ con. Người thời đó nhỏ hơn. Em đã bao giờ thấy một chiếc giường của thế kỷ mười bảy chưa? Anh có lần đã ngủ trên một cái giường như thế."

"Chúa ơi... Sao lại có xương người...? Còn thứ kia thì sao...?"

Tôi thò tay vào trong thùng và lấy ra một thứ sờ vào thấy ghê ghê. Tôi đưa lên trước ánh đèn. "Gỗ mục." Giờ tôi có thể nhìn thấy dưới lớp xương có mấy miếng gỗ mục nát. Nhìn kỹ hơn, tôi thấy những mảnh đồng phủ lớp gỉ xanh bên ngoài, mấy chiếc đinh bằng sắt gỉ gần hết, một tấm vải mục.

Những mảnh xương không trắng trợt mà có màu nâu đỏ, xung quanh vẫn còn lớp đất bám, chứng tỏ người chết không phải được chôn trong quan tài và đã nằm trong lòng đất một thời gian dài.

Tôi xem kỹ mọi thứ trong chiếc thùng và tìm thấy một chiếc khóa móc bằng sắt đã gỉ và bốn đồng tiền vàng, tôi đưa cho Beth.

Tôi đứng dậy và dùng khăn lau tay. "Kho báu của thuyền trưởng Kidd."

Nàng nhìn bốn đồng tiền vàng trên tay nàng. "Đây ư?"

"Một phần thôi. Anh thấy đây là một phần của một chiếc hòm gỗ, những mảnh vụn của chiếc nắp hòm bị cạy phá, anh đoán thế. Chiếc hòm được bọc trong giấy dầu hoặc vải bạt để cho khỏi thấm nước trong khoảng một năm gì đó, nhưng không phải là ba trăm năm."

Nàng chỉ vào chiếc đầu lâu và hỏi, "Đây là ai?"

"Anh đoán đó là thần giữ của. Đôi khi một người bị kết án, một người dân bản địa, một nô lệ hay một người không may mắn nào đó bị giết và quẳng xác lên trên chiếc hòm. Thời đó người ta tin rằng hồn ma của người bị giết sẽ luôn túc trực và xua đuổi bất kỳ ai đào nấm mồ của mình lên."

"Làm sao anh biết chuyện này."

"Anh đọc trong một cuốn sách." Tôi nói thêm, "Và đối với những người không mê tín, những người có thể đã nhìn thấy ai đó đang chôn thứ gì hoặc thấy vết đất mới, thứ đầu tiên mà họ thấy khi đào lên là một xác chết, và họ nghĩ đó chỉ là một nấm mồ. Khôn ngoan đấy chứ, phải không?"

"Em cũng đoán vậy. Em sẽ chẳng bao giờ dám đào thứ gì nữa đâu?"

Hai chúng tôi đứng hồi lâu trong căn hầm rượu, mỗi người theo đuổi những suy nghĩ của riêng mình. Những vật bên trong chiếc thùng nhôm bốc mùi không lấy gì làm dễ chịu. Tôi cúi xuống đóng chiếc nắp lại. Tôi

bảo Beth, "Anh đoán cái này sẽ được trưng bày cho thiên hạ xem ở một nơi nào đó, vào một lúc nào đó, cùng với vàng và đồ trang sức."

Nàng nhìn bốn đồng tiền vàng trên tay và hỏi lại, "Nhưng kho báu giờ đang ở đâu?"

"Nếu xương mà biết nói thì anh chắc người này sẽ bảo cho ta biết."

"Sao lại có đồng xu trong mắt người này?"

"Có lẽ là do chuyện mê tín gì đó."

Nàng liếc nhìn tôi và nói, "Anh đã đúng. Chúc mừng anh vì những việc đã làm."

"Cám ơn em." Tôi nói. "Ta ra ngoài lấy một chút không khí trong lành."

CHƯƠNG 33

Chúng tôi quay lên tầng trệt và thấy Eva không còn ở trong bếp. Beth nói, "Em có đủ lí do để xin lệnh khám chỗ này."

"Không đâu. Những thứ chúng ta thấy ở đây không liên quan gì đến bất cứ vụ giết người nào ngoại trừ qua bằng chứng gián tiếp. Và đây chỉ là nếu em tin vào lập luận của anh." Tôi nhắc nàng, "Ba người có thể làm chứng đã chết."

Beth nói, "Vâng... nhưng có hài cốt người chết ở đây. Đó là điểm khởi đầu."

"Đúng thế. Nó đáng giá một cuộc điện thoại." Tôi nói thêm, "Đừng nhắc chuyện bộ hài cốt có thể đã ba trăm năm tuổi."

Beth nhấc máy điện thoại trên tường. "Tịt rồi." Nàng nói.

Tôi đưa cho nàng chìa khóa xe ô tô của tôi, "Thử gọi bằng máy di động của anh xem sao."

Nàng ra ngoài cửa sau và lên chiếc xe Jeep. Tôi thấy nàng bấm máy và nói chuyện với ai đó.

Tôi đi quanh tầng trệt ngôi nhà. Nó được trang trí bằng những đồ trông có vẻ là đồ cổ thứ thiệt, nhưng cũng có thể là đồ sao chép. Phong cách và niên đại dường như hầu hết thuộc về nông thôn nước Anh giữa thế kỷ mười tám. Vấn đề là Fredric Tobin biết cách sử dụng. Hắn đã xây dựng nên cả một thế giới của sự nhàn hạ, sành sỏi và tinh tế, phù hợp với Hamptons hơn là vùng North Fork, nơi tự hào với hương vị và đặc tính

đơn giản của nước Mỹ. Rõ ràng Tobin nên sống ở Bordeaux, hay ít nhất là ở Hamptons bên cạnh nhà của Martha Stewart, trao đổi những công thức nấu ăn với bà ta để có được món lưỡi chim ruồi nhồi. Nhưng hiện tại, giống như hầu hết mọi người, hắn phải sống gần nơi làm việc, nơi rượu vang đem về tiền bạc cho hắn. Trong phòng khách có một chiếc tủ cổ bằng gỗ chạm khắc rất đẹp với lớp kính cong cắt xiên trang trí với những đồ vật trông cực kỳ đắt tiền. Tôi đẩy chiếc tủ lật nhào tạo ra tiếng va chạm lớn, tiếp theo là những tiếng loảng xoảng nhỏ hơn. Tôi thích thứ âm thanh đó. Tổ tiên tôi chắc hẳn phải là người Vandal hoặc Visigoth.

Trong phòng khách còn có một góc nhỏ để làm việc. Tôi đi xung quanh chiếc bàn của Tobin, nhưng hắn hầu như không để gì trên đó. Chỉ có vài tấm hình để trong khung, một của Sondra Wells, một của hắn đang đứng trên đài quan sát của chiếc tàu tuần dương.

Tôi tìm thấy cuốn sổ ghi địa chỉ của hắn và giở ra tìm tên Gordon. Tom và Judy có trong sổ, nhưng tên của họ đã bị gạch chéo. Tôi tìm đến Whitestone và thấy Emma cũng có một đường gạch tên nàng. Vì hắn mới giết nàng sáng nay và tin tức về vụ giết người này còn chưa được loan ra, nên việc này cho thấy đầu óc hắn cục kỳ bệnh hoạn nhưng lại có tổ chức. Đó là thứ đầu óc đôi khi phản lại chính thân chủ của nó.

Trong phòng có một chiếc lò sưởi, bên trên là hai chiếc móc treo súng, nhưng cả hai khẩu súng không còn ở đó. Eva chứng tỏ là một nhân chứng có thể tin tưởng.

Tôi quay trở lại phòng bếp và nhìn ra cửa sổ phía sau. Biển đang nổi cơn thịnh nộ, như cách nói của các thủy thủ lão luyện, nhưng chưa hẳn đã thành cuồng nộ. Tôi vẫn chưa thể hiểu được điều gì đã khiến Fredric Tobin ra khơi trong một ngày như thế này. Thật ra thì tôi đã biết đó là cái gì. Tôi phải đùa một chút với nó trong đầu.

Beth trở vào nhà. Chiếc áo choàng của nàng đã ướt khi chạy từ xe vào. Nàng đưa cho tôi chùm chìa khóa và bảo, "Có một tổ kỹ thuật hình sự đang ở nhà của ông bà Murphy, một tổ khác đang ở... hiện trường vụ kia." Nàng nói thêm, "Em không còn chỉ đạo điều tra vụ Gordon nữa."

"Đen rồi." Tôi nói thêm, "Nhưng đừng lo, em đã khám phá ra vụ này rồi."

"Anh mới là người khám phá."

"Em phải làm cho thật thuyết phục. Anh không ghen tỵ với em về công việc đó. Tobin có thể làm cho em mất việc đấy, Beth, nếu em không cẩn thận với những việc phải làm tiếp theo."

"Em biết rồi..." Nàng liếc nhìn đồng hồ và nói, "Bây giờ là 6 giờ 40. Các nhân viên kỹ thuật hình sự và điều tra án mạng đang trên đường tới đây, nhưng đang có bão thế này chắc họ phải mất một lúc lâu. Họ sẽ có lệnh khám trước khi vào nhà. Chúng ta nên ở ngoài khi họ đến đây."

"Em giải thích thế nào về việc em đã ở trong nhà này?"

"Eva dẫn chúng ta vào. Chị ấy hoảng sợ - cảm thấy mình đang gặp nguy hiểm. Em sẽ làm cách đó." Nàng nói thêm, "Anh không cần phải lo lắng về điều đó. Em sẽ nói là em xuống tầng hầm để kiểm tra đường điện."

Tôi cười. "Em đang khá lên về khoản lấp liếm đấy. Chắc hẳn em chơi thân với cánh cảnh sát đường phố."

"Anh nợ em lần này nhé, John. Anh đã phá bỏ tất cả các quy tắc trong sách vở."

"Anh mới chỉ bỏ qua trang một thôi."

"Và đó là giới hạn của anh."

"Beth, tên này đã giết ba người mà anh quý mến và một cặp vợ chồng già vô tội. Ba người sau đã không chết nếu anh hành động nhanh hơn và

suy nghĩ sâu xa hơn."

Nàng đặt tay lên vai tôi. "Anh đừng tự trách mình. Cảnh sát có trách nhiệm về vụ giết ông bà Murphy... Còn với Emma... em biết anh đã không nghĩ là chị ấy gặp nguy hiểm

"Anh không muốn nhắc đến nữa."

"Em hiểu. Này, anh không cần phải nói chuyện với cảnh sát quận khi họ tới đây. Chuồn đi, để em giải quyết."

"Ý hay đấy." Tôi tung chùm chìa khóa của tôi cho nàng. "Gặp em sau."

"Anh đi đâu mà không cần chìa khóa xe?"

"Lấy tàu đi một vòng." Tôi lấy chìa khóa của chiếc Formula trên bảng treo chìa khóa."

"Anh điên à?"

"Người phán xử đang ở ngoài đó. Hẹn gặp em sau." Tôi đi ra cửa sau.

Beth túm tay tôi. "Không, John. Ra đó anh sẽ bị giết. Chúng ta sẽ tóm Fredric Tobin sau mà."

"Anh muốn gặp hắn, ngay bây giờ, với vết máu còn tươi trên tay hắn."

"Không." Nàng xiết chặt cánh tay tôi. "John, anh còn không biết hắn đi đâu mà."

"Chỉ có một nơi duy nhất mà hắn sẽ tới trong một đêm như thế này trên một con tàu."

"Đó là đâu?"

"Em biết rồi mà - Đảo Plum."

"Nhưng tại sao?"

"Anh nghĩ kho báu vẫn còn trên đó."

"Làm sao anh biết?"

“Đoán thôi. Chào.” Tôi bước ra trước khi nàng cản tôi lần nữa.

Tôi đi qua bãi cỏ về phía con tàu. Gió gào rú. Một cành cây lớn rơi cách tôi không xa. Ánh sáng ban ngày gần như đã tắt hẳn. Thế cũng tốt. Tôi không muốn nhìn thấy mặt nước lúc này trông ra sao.

Tôi đi dọc theo cầu tàu, tay bám vào cọc và chạy thật nhanh tới chiếc tiếp theo để khỏi bị thổi bay xuống nước. Cuối cùng, tôi ra được tới căn nhà để tàu đang oằn mình vì gió. Dưới ánh sáng lờ mờ, tôi nhận ra chiếc Formula vẫn còn ở đó, nhưng chiếc Whaler đã biến mất, không biết có phải đã bị tuột ra và bị cuốn đi mất hay không. Hay Tobin đã kéo nó đằng sau chiếc Christ-Craft, vừa làm thuyền cứu sinh, vừa làm phương tiện để vào bờ ở Đảo Plum.

Tôi nhìn chiếc Formula đang trồi lên dập xuống theo những đợt sóng và va mạnh vào những chiếc giảm chấn bằng cao su trên cầu tàu. Tôi thoáng do dự, cố làm cho đầu óc tỉnh táo và tự bảo mình rằng không cần thiết phải ra biển trong lúc có bão như thế này. Tobin coi như đã hết, bằng cách này hay cách khác. Ồ... mà có thể không. Có thể tôi phải đặt dấu chấm hết cho hắn trước khi hắn tìm được sự biện hộ trước pháp luật với bằng chứng ngoại phạm và trút sự giận dữ vào việc tôi xâm phạm quyền dân sự của hắn. Người chết thì làm sao kiện được.

Tôi vẫn nhìn chăm chăm vào con tàu. Dưới ánh sáng mờ, dường như tôi nhìn thấy Tom và Judy trên boong tàu, mỉm cười và vẫy gọi tôi đến cùng họ. Rồi hình ảnh Emma chợt lóe lên trong đầu, tôi lại nhìn thấy nàng đang bơi trên vịnh và mỉm cười với tôi. Rồi tôi nhìn thấy khuôn mặt của Tobin trong bữa tiệc khi hắn nói chuyện với nàng, trong đầu đã sẵn có ý định sẽ giết nàng...

Ngoài những điều cần thiết về luật pháp, tôi hiểu rằng cách duy nhất để tôi kết thúc vụ này với cá nhân tôi là phải tự mình bắt Fredric Tobin, và sau

khi đã tóm được hắn, sẽ... mà thôi, tôi sẽ nghĩ sau.

Điều tiếp theo tôi biết mình phải làm là nhảy từ cầu xuống con tàu cao tốc.

Tôi cố lấy thăng bằng trên boong tàu đang dập dềnh và tới được vị trí ghế bên phải, ghế của thuyền trưởng.

Khó khăn đầu tiên với tôi là tìm ra ổ khóa điện. Mãi tôi cũng tìm được nó gần van tiết lưu. Tôi cố nghĩ lại xem vợ chồng Gordon đã làm thế nào và nhớ ra có lần họ đã đưa cho tôi một tấm thẻ nhựa có in chữ, đầu đề là "Thuyền trưởng bất đắc dĩ" và bảo tôi đọc. Tôi đã đọc và bụng bảo dạ rằng tôi không muốn làm thuyền trưởng bất đắc dĩ một chút nào. Nhưng giờ tôi đang ở hoàn cảnh ấy. Giá như tôi vẫn còn tấm thẻ.

Dù sao, tôi vẫn nhớ phải để cả hai cần số về số không, tra chìa khóa vào ổ, vặn tới... cái gì nhỉ...? Không thấy động tĩnh gì. Tôi nhìn thấy hai chiếc nút ghi "khởi động" và nhấn chiếc bên phải. Chiếc động cơ bên phải bắt đầu chạy. Tôi nhấn chiếc nút thứ hai và động cơ bên trái khởi động nốt. Cảm thấy hai động cơ chạy hơi bập bùng, tôi nhấn ga nhẹ để cho thêm xăng. Tôi nhớ phải để cho động cơ nóng lên khoảng vài phút. Tôi không muốn bị chết máy ở ngoài biển trong lúc này. Trong lúc động cơ nóng dần, tôi tìm được một con dao găm trong hộp để đồ phía trước và cắt sợi dây buộc tàu cùng hai sợi dây neo. Ngay lập tức, chiếc Formula trồi lên cùng một đợt sóng và va vào sườn nhà để tàu cách cầu tàu mét rưỡi.

Tôi chuyển sang số tiến và nhấn cả hai van tiết lưu. Mũi tàu hướng ra vịnh, vì thế tất cả những gì tôi phải làm là nhấn thêm ga, và tôi sẽ lao ra biển giữa cơn cuồng phong.

Ngay lúc đó, tôi nghe thấy tiếng người phía sau và ngoái lại nhìn. Đó là Beth đang gọi tôi, tiếng nàng lẫn trong tiếng gió, tiếng sóng và tiếng động cơ.

“John!”

“Gì thế?”

“Chờ đã! Em cũng đi!”

“Thế thì nhanh lên!” Tôi cài số lùi, vặn cần lái cho đuôi tàu lại gần cầu. “Nhảy đi.”

Nàng nhảy xuống và ngã trên sàn tàu đang dập dềnh đằng sau tôi.

“Không sao chứ?”

Nàng đứng dậy. Một cơn sóng lớn xô đến làm chiếc tàu chao đảo. Nàng lại ngã, rồi lại đứng dậy. “Em không sao!” Nàng lần đi đến chỗ ghế bên trái và bảo, “Đi thôi.”

“Nghĩ kỹ chưa?”

“Đi!”

Tôi nhấn ga, chúng tôi ra khỏi nhà để tàu và lao đi dưới màn mưa. Một giây sau, tôi nhìn thấy một con sóng khổng lồ đang ào tới từ bên phải và sắp sửa ập lên thành tàu. Tôi bẻ lái sang phải hướng mũi tàu về phía con sóng. Con tàu bật tung lên như thể đang lơ lửng trong không trung. Con sóng vỡ òa phía sau khiến con tàu lơ lửng trên không theo đúng nghĩa. Khi rơi, mũi tàu chạm mặt nước trước và chúi sâu xuống. Sau đó mũi tàu bật lên và đuôi tàu chạm mặt nước. Chân vịt đẩy mạnh và con tàu lao lên, nhưng bị chệch hướng. Trong khoảng giữa hai đợt sóng, tôi cho tàu quay 180 độ và hướng về phía đông. Khi ngang qua nhà để tàu, tôi nghe một tiếng động chói tai và cả căn nhà nghiêng hẳn sang bên phải rồi đổ sụp xuống mặt biển đang sôi lên. “Hú hồn.”

Beth nói to trong tiếng gầm rú của cơn bão, “Anh có biết anh đang làm gì không?”

“Có chứ. Anh đã tham gia một lớp học có tên là Thuyền trưởng bất đắc dĩ.”

“Học lái tàu ấy à?”

“Anh nghĩ thế.” Tôi nhìn nàng, và nàng cũng nhìn lại tôi. Tôi nói, “Cám ơn vì đã đi cùng.”

Nàng nói, “Chạy thôi.”

Chiếc Formula chạy ở mức ga trung bình, đó là điều phải làm để kiểm soát con tàu trong lúc có bão như thế này. Đến một nửa thời gian của chúng tôi là ở trên cao hơn mặt nước, rồi quặt sang phải hướng thẳng vào những cơn sóng đang lao đến. Chân vịt hú lên trên không rồi phụp xuống nước và đẩy con tàu lao đi như một tấm ván lướt sóng. Một điều tôi biết là phải hướng mũi tàu vào những đợt sóng đang xô tới và không để bị sóng lớn ập vào sườn tàu. Con tàu có lẽ không đắm, nhưng sẽ bị lật. Tôi đã nhìn thấy những con tàu bị lật trên vịnh sau những cơn bão yếu hơn thế này.

Beth hỏi to, “Anh có biết định hướng không?”

“Có chứ. Màu đỏ bên phải quay lại.”

“Thế nghĩa là thế nào?”

“Là giữ cho dấu đỏ ở bên phải khi quay vào bờ.”

“Nhưng chúng ta không quay vào bờ. Chúng ta đang rời bờ.”

“Ồ... thế thì nhìn xem dấu màu xanh ở đâu.”

“Em không thấy có dấu nào cả.” Nàng thông báo.

“Anh cũng không thấy.” Tôi nói thêm, “Anh sẽ luôn ở bên phải của đường vạch đôi màu trắng. Sẽ không thể nhầm được.”

Nàng không đáp.

Tôi cố để đầu óc tập trung vào chuyện lái tàu. Đó không phải là sở thích số một của tôi, nhưng tôi đã làm khách đi trên nhiều con tàu bao nhiêu năm

qua, và tôi nghĩ đã học hỏi được một số thứ từ khi còn nhỏ đến giờ. Rồi còn hồi tháng Sáu, tháng Bảy và tháng Tám, tôi đã ra biển cùng vợ chồng Gordon hàng chục lần. Tom là người nói luôn mồm, anh muốn chia sẻ sự hào hứng cùng những hiểu biết về hàng hải với tôi. Tôi thì không chú tâm lắm (vì để ý nhiều hơn tới Judy trong bộ bikini của cô), nhưng tôi chắc vẫn có một xó xỉnh nào đó trong lớp vỏ não của tôi đề là "Những con tàu." Tôi chỉ phải tìm xem nó ở đâu. Quả thật, tôi biết nhiều về tàu thuyền hơn tôi tưởng. Hy vọng là thế.

Giờ chúng tôi đã ở ngoài khơi vịnh Peconic. Con tàu nhảy chồm chồm qua những đợt sóng ầm ầm liên tiếp nhau giống như chạy xe trên những thanh tà vẹt của đường sắt. Tôi cảm thấy bụng dạ như nhộn nhạo bởi sự tung lên dập xuống của con tàu. Khi tàu xuống thì dạ dày tôi vẫn ở trên, còn khi tàu hất lên cao thì dạ dày dồn xuống thấp. Chắc là thế. Tôi không nhìn được gì qua kính chắn gió nên phải đứng dậy để quan sát. Mông tôi ghì chặt vào chiếc ghế phía sau, tay phải giữ bánh lái, tay trái bám chặt vào tay nắm trên bảng điều khiển phía trước. Tôi đã nuốt đủ nước mặn để làm tăng huyết áp lên thêm năm mươi. Nước mặn cũng bắt đầu làm cho hai mắt tôi bị xót. Tôi liếc sang Beth và thấy nàng cũng đang dụi mắt.

Nhìn sang phải, tôi thấy một chiếc thuyền buồm khổng lồ lật nghiêng trên mặt nước, nhìn thấy cả sống đáy thuyền. Cột buồm và buồm chúi ngập xuống nước. "Chúa ơi..."

Beth hỏi, "Họ có cần giúp không?"

"Anh chẳng nhìn thấy ai cả."

Tôi tiến gần đến chiếc thuyền buồm nhưng không hề thấy người nào bám trên cột buồm hay dây néo. Tôi tìm chiếc nút còi trên bảng điều khiển và bấm liền mấy lần nhưng vẫn không thấy dấu hiệu nào của sự sống. Tôi bảo Beth, "Có thể họ đã dùng xuồng cứu sinh để vào bờ."

Beth không đáp.

Chúng tôi tiếp tục đi. Tôi nhớ ra mình thuộc loại người không thích dù chỉ là một cái lắc nhẹ của chiếc phà lớn, thế mà giờ tôi đang ở trên một con tàu cao tốc dài chưa đầy chục mét và đi trong mưa bão.

Tôi đã cảm thấy tác động trên đôi chân mình, như thể có ai đó dùng gậy đập vào đế giầy, sự chấn động lan lên đầu gối và hông, những chỗ đã bắt đầu ê ẩm. Nói cách khác, quá tệ.

Tôi cảm thấy buồn nôn vì nước mặn, vì những chuyển động lên xuống và va chạm liên hồi với sóng biển, và cả vì không thể phân biệt được đường chân trời với mặt nước. Thêm vào đó là tình trạng sức khỏe sau lần bị thương chưa ổn định hẳn... Tôi nhớ Max đã cam đoan là vụ này sẽ không vất vả gì. Nếu anh ta mà ở đây tôi sẽ cột vào mũi thuyền cho mà biết.

Qua màn mưa, tôi vẫn thấy đường bờ biển ở phía bên trái cách chừng hai trăm thước. Phía trước bên phải là vệt mờ của đảo Trú ẩn. Tôi biết chúng tôi sẽ an toàn hơn một chút khi đi được vào phía chắn gió của đảo, và tôi đoán có lẽ vì thế mà nó có tên là đảo Trú ẩn. Tôi nói với Beth, "Anh có thể để em lên bờ trên đảo Trú ẩn."

"Anh có thể lái con tàu chết tiệt này đi và không phải lo đến Beth nhỏ bé yếu đuối này."

"Vâng, thưa quý cô."

Nàng nói thêm với giọng nhẹ nhàng hơn, "Em đã có lần trên biển trong lúc sóng lớn, John. Em biết khi nào thì hoảng loạn."

"Tốt. Khi nào?"

"Close." Nàng nói. "Em xuống bên dưới lấy áo phao và xem có thể tìm được gì để mặc cho thoải mái hơn không."

“Hay đấy.” Tôi nói thêm, “Rửa mắt cho sạch muối và tìm lấy một tấm hải đồ nhé.”

Nàng đi xuống cầu thang giữa hai ghế ngồi. Chiếc Formula 303 có cabin khá rộng đối với một chiếc tàu cao tốc và còn có cả chỗ đi vệ sinh, thứ có thể sẽ sớm có tác dụng, về cơ bản, đó là con tàu chắc chắn, chịu được sóng gió trên biển, và tôi luôn cảm thấy an tâm khi Tom hoặc Judy cầm lái. Cũng giống như John Corey, Tom và Judy không thích thời tiết xấu, và khi nhìn thấy cơn sóng lớn đầu tiên, chúng tôi sẽ quay vào bờ ngay. Nhưng giờ này tôi vẫn ở đây, đối mặt với một trong những nỗi sợ hãi thuộc bảng A của tôi, nhìn thẳng vào nó, và nó như đang khạc nhổ vào tôi. Nghe quả điên rồ, tôi lại thích thú với việc lái tàu - cái cảm giác của cần ga khi điều chỉnh nhiên liệu, những rung chuyển của động cơ, bánh lái trong tay. Thuyền trưởng bất đắc dĩ. Tôi đã ngồi dưới hiên sau nhà quá lâu rồi.

Tôi đứng lên, một tay giữ bánh lái, một tay bám mép trên của kính chắn gió để giữ thăng bằng. Tôi nhìn qua làn mưa dày đặc để tìm kiếm một con tàu trên mặt biển đang cuộn sóng, chính xác hơn là tìm một chiếc Christ-Craft, nhưng tôi cùng lắm cũng chỉ thấy được đường chân trời hoặc bờ biển, nói gì đến một chiếc tàu khác.

Beth leo lên cầu thang và đưa cho tôi một chiếc áo phao. “Mặc cái này vào đi.” Nàng nói to, “Em giữ bánh lái cho”, vẫn ở tư thế đứng, nàng giữ bánh lái trong lúc tôi mặc chiếc áo phao. Tôi nhìn thấy nàng đeo một chiếc ống nhòm trên cổ. Nàng mặc quần jeans dưới chiếc áo mưa choàng màu vàng, chân đi giầy thủy thủ và mặc áo phao màu cam. Tôi hỏi, “Em mặc quần áo của Fredric đấy à?”

“Hy vọng là không phải. Em nghĩ là đồ của Sondra Wells. Hơi chật một chút.” Nàng nói thêm, “Em để một tấm hải đồ trên bàn nếu anh muốn xem qua.”

Tôi hỏi nàng, "Em có biết xem hải đồ không?"

"Biết một chút. Còn anh?"

"Không vấn đề gì. Màu xanh là nước, nâu là đất liền. Anh sẽ xem sau." Beth nói, "Em đã tìm đài ở dưới đó nhưng không thấy cái nào."

"Anh cũng biết hát. Em thích bài 'Oklahoma' không?"

"John... đừng có làm trò ngớ ngẩn. Ý em là điện đài liên lạc giữa tàu và bờ. Để gửi tín hiệu xin trợ giúp."

"Ồ... ra là thế. Ở đây cũng không thấy có điện đài."

Nàng bảo, "Dưới kia có một chiếc sạc pin điện thoại di động, nhưng không thấy chiếc điện thoại nào."

"Đúng. Người ta thường sử dụng điện thoại di động trên tàu nhỏ. Còn anh, anh thích điện đài liên lạc hai chiều hơn. Dù là thế nào, điều em nói cũng có nghĩa là chúng ta mất liên lạc."

"Đúng vậy. Thậm chí còn không thể gửi tín hiệu cấp cứu."

"Những người trên tàu *Mayflower* ngày trước cũng thế. Không phải lo."

Nàng không để ý đến câu nói của tôi và bảo, "Em tìm được một khẩu súng hiệu." Nàng vỗ vỗ vào cái túi to trên áo mưa choàng.

Tôi không nghĩ lại có người nhìn thấy pháo sáng trong đêm nay, nhưng vẫn phải bảo, "Tốt. Có thể ta sẽ cần đến nó."

Tôi lại cầm lái, còn Beth ngồi trên đầu cầu thang bên cạnh. Chúng tôi nghỉ một lúc không nói to trong tiếng bão và ngồi im lặng. Cả hai đều ướt sũng, bụng dạ đã nhộn nhạo. Chúng tôi sợ. Nhưng nỗi sợ hãi phải đi trong mưa bão đã phần nào vơi đi khi chúng tôi biết rằng những cơn sóng kia sẽ không đánh chìm được con tàu.

Sau khoảng mươi phút, Beth đứng dậy và lại gần tôi để nói cho rõ. Nàng hỏi, "Anh có thật sự nghĩ là hắn đang đến Đảo Plum không?"

"Có."

"Tại sao?"

"Để lấy lại kho báu."

Nàng nói, "Sẽ không có chiếc tàu tuần tra nào của Stevens hay trực thăng của lực lượng bảo vệ bờ biển quanh quẩn trong thời tiết như thế này."

"Không có. Còn đường xá thì không thể đi lại được, vì thế cũng không có cả xe tuần tra."

"Đúng rồi..." Nàng hỏi, "Tại sao Tobin không chờ đến khi có tất cả kho báu rồi mới giết vợ chồng Gordon?"

"Anh không chắc. Có thể vợ chồng Gordon về bất ngờ trong lúc Tobin đang lục soát nhà của họ. Anh chắc chắn rằng đáng lẽ tất cả kho báu đã được tìm thấy, nhưng có sai sót gì đó."

"Thế nên hắn phải tự tay tìm ra kho báu. Hắn có biết nó ở đâu không?"

Tôi đáp, "Chắc chắn hắn biết, nếu không thì đã không tới đó. Emma cho anh biết rằng Tobin đã có lần đến Đảo Plum với một nhóm khảo sát của hội Lịch sử Peconic. Lúc đó, hắn đã muốn chắc rằng Tom hoặc Judy chỉ cho hắn vị trí thật sự của kho báu, đương nhiên đó là một trong những hố đào khảo cổ của Tom." Tôi nói thêm, "Tobin không phải là người đáng tin, và anh chắc chắn rằng vợ chồng Gordon không thích hắn, cũng không tin hắn. Họ chỉ lợi dụng nhau."

Nàng bảo, "Giữa những tên trộm bao giờ cũng có lúc phản nhau."

Tôi muốn nói rằng Tom và Judy không phải là những tên trộm, dù họ là trộm thật. Và khi họ đã vượt qua giới hạn từ những công dân tốt trở thành những kẻ mưu mô, số phận của họ cơ bản đã chấm hết. Tôi không phải là nhà đạo đức, nhưng trong nghề, tôi thấy chuyện đó hàng ngày.

Cổ họng chúng tôi đã rát vì phải nói to và vì nước mặn. Chúng tôi lại phải ngừng nói và im lặng hồi lâu.

Tôi đang đi gần đến quãng giữa của bờ biển phía nam của North Fork và đảo Trú ẩn, nhưng sóng biển dường như dữ dội hơn ở cửa eo biển. Một con sóng khổng lồ không biết từ đâu bất ngờ ập đến và dựng lên khoảng một giây bên sườn phải con tàu. Beth nhìn thấy và la lên. Con sóng vỡ òa ngay phía trên tàu, như thể chúng tôi vừa đi vào một thác nước.

Tôi thấy mình ở trên sàn, một luồng nước cuốn tôi xuống cầu thang tới boong dưới và đè lên người Beth. Cả hai lồm cồm bò dậy và tôi cố bò lên cầu thang. Con tàu không được kiểm soát, bánh lái quay tứ tung. Tôi chộp lấy bánh lái, giữ chặt và ngồi vào ghế, vừa kịp quay mũi tàu hướng vào một con sóng khổng lồ khác. Lần này con tàu bị hất lên và tôi có cảm giác kỳ lạ khi ở trên cao ba mét ở trên không với hai đường bờ biển dường như thấp hơn chúng tôi.

Con sóng đẩy chúng tôi bật lên không trung chừng nửa giây trước khi rơi xuống chỗ nước thấp. Tôi vặn lái và hướng lại về phía đông để cố đi vào vùng eo biển, nơi chắc chắn không tệ như chỗ này.

Tôi nhìn sang bên trái nhưng không thấy Beth trên đầu cầu thang bên cạnh. Tôi gọi to, "Beth!"

Beth nói to từ trong cabin, "Em đây! Đang lên!"

Nàng từ dưới cầu thang đi lên bằng cả tay và đầu gối. Tôi nhìn thấy trán nàng đang chảy máu. Tôi hỏi, "Em không sao chứ?"

"Không sao... chỉ bị va một chút. Mông hơi ê ẩm." Nàng cố gượng cười, nhưng tiếng nàng nghe như tiếng nấc. Nàng bảo, "Thật là điên khùng."

"Em xuống dưới đi. Làm một ly mác-tin khuấy, đừng lắc."

Nàng nói, “Cái óc hài hước ngớ ngẩn của anh có vẻ lại hợp với lúc này.” Nàng nói thêm, “Cabin đang bị nước vào, em nghe thấy tiếng máy bơm dưới đáy tàu đang chạy. Anh có nghĩ ra trò gì hay với cái đó không?”

“Ồ... để xem... cái em nghe thấy không phải là tiếng máy bơm đâu, đó là chiếc máy xoa bóp bằng điện của Sondra Wells ở dưới nước đây. Nghe thế nào?”

“Em nhảy lên mất thôi.” Nàng hỏi, “Máy bơm có chạy kịp với lượng nước đổ vào tàu không?”

“Anh đoán là kịp. Tùy vào có bao nhiêu con sóng vỡ phía trên boong tàu. Kỳ thực, tôi nhận ra phản ứng của con tàu khi vặn lái đã trở nên chậm hơn do tác động của lượng nước dưới đáy tàu và trong cabin.

Cả hai chúng tôi không nói gì trong khoảng mươi phút. Giữa những đợt mưa bị gió tạt đi, tôi có thể nhìn thấy khoảng không chừng năm chục thước ở đằng trước, nhưng vẫn không thấy bóng dáng con tàu tuần dương của Tobin hay bất kì con tàu nào khác giống thế, chỉ trừ hai chiếc tàu nhỏ đã bị lật và trôi giạt như một khúc gỗ bị bão cuốn đi.

Tôi nhận ra một hiện tượng khác, hay có lẽ nên gọi là một nỗi sợ mới - đó là thứ mà vợ chồng Gordon gọi là ‘biển đuổi’ mà tôi cùng họ đã gặp phải khi ở trên eo biển hôm đó. Nước biển ở phía sau tàu đang ào tới và ập mạnh vào đuôi chiếc Formula khiến con tàu mất kiểm soát với một cú lắc mạnh, gọi là bị chệch đường. Chỉ có hai điều không bị mất là chúng tôi vẫn hướng về phía đông và vẫn còn nổi trên mặt nước, dù tôi không biết là tại sao.

Tôi ngửa mặt lên để nước mưa rửa đi phần nào muối trên mặt và mắt. Và vì tôi đang nhìn lên trời, tôi nói với mình, *Con đến nhà thờ các sáng chủ nhật, Chúa ơi. Người có nhìn thấy con đến không? Nhà thờ Giám lý ở Cutchogue. Ở bên trái, hàng ghế giữa ấy. Emma ơi. Nói với Người đi. Này,*

Tom, Judy, ông bà Murphy - tôi đang làm việc này cho các người đấy. Các người có thể gặp tôi để cám ơn sau ba bốn chục năm nữa.

"John?"

"Gì thế?"

"Anh đang nhìn gì ở trên ấy?"

"Có nhìn gì đâu. Đang hứng nước ngọt."

"Để em lấy cho anh ít nước ở dưới kia."

"Chưa cần đâu. Cứ ở đây một lát nữa." Tôi nói thêm, "Anh sẽ để em lái sau để anh nghỉ một chút."

"Ý hay đấy." Nàng im lặng khoảng một phút rồi hỏi, "Anh... lo không?

"Không. Anh sợ."

"Em cũng thế."

"Đến lúc hoảng loạn chưa?"

"Chưa."

Tôi nhìn một lượt trên bảng điều khiển và giờ mới để ý đến đồng hồ báo nhiên liệu. Đồng hồ chỉ một phần tám, nghĩa là còn chưa đầy bốn mươi lít xăng. Với mức độ sử dụng của hai chiếc động cơ MerCruisers khổng lồ này chạy ga trung bình trong lúc có bão thì chúng tôi không còn nhiều thời gian và cũng không đi được bao xa nữa. Tôi tự hỏi không biết có đủ để đến Đảo Plum hay không. Đi ô tô mà hết xăng thì cũng chưa phải tệ lắm. Máy bay mà hết xăng thì nghĩa là đi sang bên kia thế giới. Đi tàu mà hết xăng giữa lúc có bão thì cũng gần như xong rồi. Tôi tự nhắc mình phải để mắt tới đồng hồ báo xăng. Tôi hỏi Beth, "Giờ đã phải là bão chưa?"

"Em không biết, John, mà em cũng không quan tâm."

"Anh hiểu."

Nàng nói, "Em cảm thấy anh không thích biển thì phải."

"Anh thích biển lúc đẹp trời. Anh chỉ không thích ở *trên* biển hoặc *dưới* biển."

"Có mấy vũng đậu tàu dọc theo đường này trên đảo Trú ẩn. Anh có muốn vào không?"

"Em thì sao?"

"Có, nhưng mà không."

"Anh hiểu." Tôi nói.

Cuối cùng, chúng tôi vào được đoạn giữa của North Fork và đảo Trú ẩn. Cửa eo biển rộng chừng nửa dặm, và đảo Trú ẩn ở phía nam đủ cao và rộng để cản phần nào sức gió. Tiếng sóng và tiếng gió ngớt đi nhiều nên chúng tôi có thể nói chuyện dễ hơn, sóng biển cũng dịu đi một chút.

Beth đứng bám chặt vào chiếc tay nắm ở bảng điều khiển phía trên đầu cầu thang. Nàng hỏi tôi, "Anh nghĩ điều gì đã xảy ra hôm đó? Hôm có án mạng ấy?"

Tôi đáp, "Ta biết rằng vợ chồng Gordon rời bến tàu trên Đảo Plum khoảng giữa trưa. Họ đi xa khỏi bờ đủ để tàu tuần tra của Đảo Plum không nhận ra được. Vợ chồng Gordon chờ và quan sát bằng ống nhòm rồi thấy chiếc tàu tuần tra đi qua. Họ cho tàu chạy thật nhanh về phía bờ. Họ có bốn mươi đến sáu mươi phút trước khi chiếc tàu tuần tra trở lại. Ta biết điều này từ chuyến đi đến Đảo Plum. Đúng không?"

"Vâng, nhưng hôm đó em nghĩ chúng ta nói về những kẻ khủng bố hoặc những người không được phép tới. Có phải là ngay lúc đó anh đã nghĩ tới vợ chồng Gordon không?"

"Gần như thế. Khi ấy anh không biết tại sao, cũng không biết họ dính vào chuyện gì, nhưng anh muốn tìm hiểu làm thế nào họ có thể mang được

thứ gì đó ra ngoài. Một vụ trộm. Hay bất cứ điều gì đó."

Nàng gật đầu. "Anh nói tiếp đi."

"Họ chạy với tốc độ thật cao vào bờ đảo. Nếu một chiếc xe tuần tra hay trực thăng phát hiện ra họ thì cũng không phải là rắc rối lớn vì khi đó mọi người đều biết họ là ai và nhận ra con tàu đặc biệt của họ. Nhưng theo Stevens, không ai nhìn thấy con tàu của họ ngày hôm đó. Đúng không?"

"Đến giờ là đúng."

"Đó là một ngày đẹp trời, biển lặng. Vợ chồng Gordon dùng xuồng cao su vào bờ vào kéo xuồng giấu vào bụi cây. Trên xuồng là chiếc thùng nhôm."

"Và cả xẻng."

"Không, họ đã lấy kho báu lên rồi và giấu ở chỗ mà họ có thể mang đi dễ dàng. Nhưng trước tiên, họ phải làm rất nhiều thứ để chuẩn bị, như tìm kiếm tư liệu và khảo cổ, mua đất của bà Wiley, vân vân."

Beth nghĩ một chút rồi hỏi lại, "Anh có nghĩ vợ chồng Gordon giấu nhẹm việc này với Tobin không?"

"Anh không nghĩ thế. Vợ chồng Gordon hài lòng với một nửa kho báu, trừ đi một nửa nộp cho chính quyền. Nhu cầu của họ không nhiều như Tobin. Hơn nữa, vợ chồng Gordon muốn được công khai và tuyên bố họ là những người tìm ra kho báu của thuyền trưởng Kidd." Tôi nói thêm, "Tuy nhiên, nhu cầu của Tobin lại khác, tính toán của hắn cũng khác. Hắn không đắn đo gì chuyện giết chết hai đối tác của mình, chiếm toàn bộ kho báu và giấu kín phần lớn, sau đó khám phá ra một phần nhỏ trên đất của hắn và tổ chức đấu giá ở Sotheby, hoàn tất mọi việc với giới truyền thông và nhân viên cơ quan Thuế vụ Nội địa ở hậu trường."

Beth thò tay vào dưới chiếc áo mưa choàng và lấy ra bốn đồng tiền vàng. Nàng chìa cho tôi và tôi cầm một đồng lên xem trong lúc vẫn lái tàu.

Đồng tiền to bằng cỡ đồng hai mươi lăm xen của Mỹ, nhưng nặng hơn - trọng lượng của vàng lúc nào cũng làm tôi ngạc nhiên. Chất vàng sáng đến kì lạ và tôi có thể thấy hình mặt nghiêng của một người trên đó cùng mấy hàng chữ trông như tiếng Tây Ban Nha. "Có thể đây là cái mà người ta gọi là đồng đublun." Tôi đưa lại cho nàng.

Nàng bảo, "Anh cầm để lấy may."

"May ư? Anh không cần thứ may mắn mà cái này mang đến cho bất cứ ai."

Beth gật đầu và nhìn một lúc vào ba đồng tiền trên tay nàng rồi ném xuống biển. Tôi cũng làm giống nàng.

Đó là một hành động ngớ ngẩn, tất nhiên rồi, nhưng lại làm cho chúng tôi cảm thấy đỡ lo phần nào. Tôi có thể hiểu điều mê tín của các thủy thủ trên khắp thế giới khi ném vật gì đó có giá trị hoặc một ai đó khỏi tàu để cầu xin biển cả thôi làm cái điều mà nó đang làm khiến người ta sợ đến vãi cả ra quần.

Chúng tôi cảm thấy đỡ lo một chút sau khi ném tiền vàng xuống biển và đúng là gió có giảm đi phần nào khi chúng tôi đi dọc theo bờ của đảo Trú ẩn, những con sóng cũng bớt cao và thưa hơn như thể món quà tặng biển đã có tác dụng.

Đất liền ở xung quanh tôi trông đen ngòm, hoàn toàn không màu sắc giống như những đống than, trong khi mặt biển và bầu trời lại xám xịt một màu kì quái. Bình thường giờ này đã nhìn thấy những ánh đèn dọc theo bờ biển, dấu hiệu về sự hiện diện của con người, nhưng có vẻ như chỗ nào cũng bị mất điện và bờ biển trông không khác gì ở một, hai thế kỷ trước.

Dù sao, thời tiết lúc này vẫn đáng sợ, nó sẽ trở thành hết sức nguy hiểm một khi chúng tôi ra khỏi đảo Trú ẩn và đi vào vịnh Gardiners.

Tôi biết lẽ ra nên bật đèn pha để đi, nhưng giờ chỉ còn duy nhất một chiếc tàu khác ở ngoài này, và tôi không muốn bị tàu đó phát hiện ra. Tôi chắc hắn cũng đi mà không bật đèn như tôi.

Beth nói, "Vậy là vợ chồng Gordon không có thời gian để quay lại lấy lần thứ hai trước khi tàu tuần tra của Đảo Plum vòng lại."

"Đúng," tôi trả lời, "một chiếc xuồng cao su chỉ mang được chừng ấy, họ không muốn để bộ xương và những thứ khác không được bảo vệ trên chiếc Formula trong khi họ trở lại vòng thứ hai."

Beth gật đầu và nói, "Vậy nên họ quyết định bỏ lại cái mà họ đã tìm được và trở lại lấy kho báu vào một lúc khác."

"Đúng. Có thể là ngay đêm đó, nếu việc để dây buộc tàu thắt hờ là một dấu hiệu." Tôi nói thêm, "Họ phải đi qua nhà của Tobin ở Founders Landing trên đường về nhà. Anh tin chắc rằng họ đã vào ngôi nhà để tàu của hắn, có thể định để lại bộ xương, chiếc thùng đã mục nát, và bốn đồng tiền vàng - như một vật kỷ niệm trong số những gì tìm được - ở nhà của hắn. Khi họ nhìn thấy chiếc Whaler không còn trong nhà để tàu, họ đoán là Tobin đã đi, thế nên họ tiếp tục về nhà mình."

"Họ làm Tobin bất ngờ phải không?"

"Đúng. Hắn đã lục soát nhà của họ để tạo hiện trường giả của một vụ trộm và để xem vợ chồng Gordon có giấu kho báu trong nhà hay không."

"Ngoài ra, hắn muốn xem còn có bằng chứng nào trong nhà chứng tỏ họ có liên quan tới hắn hay không."

"Chính xác. Thế nên vợ chồng Gordon cho tàu đỗ bên cầu tàu nhà họ, và có thể đó là lúc họ treo các lá cờ báo hiệu Hàng nguy hiểm, cần trợ giúp." Tôi nói thêm, "Anh chắc rằng họ đã treo lá cờ đầu lâu xương chéo vào buổi sáng để báo cho Tobin biết rằng đó là ngày hai bên đã thỏa thuận. Biển lặng, không mưa, đầy tự tin và hào hứng, v.v..."

“Và khi vợ chồng Gordon vào đến cầu tàu thì chiếc Whaler của Tobin đã ở trong khu đất ngập nước bên cạnh.”

“Đúng.” Tôi suy nghĩ khoảng một phút rồi nói, “Có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ biết điều gì xảy ra tiếp theo - hai bên nói gì với nhau, Tobin nghĩ có gì trong chiếc thùng, vợ chồng Gordon nghĩ Tobin có mưu mô gì. Đến một lúc, cả ba người biết rằng quan hệ của họ đến đó là chấm dứt. Tobin biết hắn sẽ không bao giờ có thêm một cơ hội nữa để giết chết hai người đối tác. Thế là... hắn nâng súng lên, ấn vào tay cầm của chiếc còi hơi, và xiết cò. Viên đạn đầu tiên trúng vào trán của Tom ở cự li gần, Judy kêu lên và quay sang chồng, viên đạn thứ hai đi vào thái dương cô ấy... Tobin thôi nhấn chiếc còi hơi. Hắn mở chiếc thùng nhôm và thấy rằng không có nhiều vàng hay đồ trang sức bên trong. Hắn đoán rằng phần còn lại của kho báu đang ở trên chiếc tàu *Spirochette,* rồi hắn đi xuống tàu lục soát. Không có gì ở đó. Hắn nhận ra rằng đã giết mất hai con ngỗng trước khi chúng đẻ trứng vàng. Nhưng chưa phải là mất tất cả. Hắn biết hoặc tin rằng tự tay hắn có thể hoàn thành nốt mọi việc. Đúng vậy không?”

Beth gật đầu, nghĩ ngợi một lát rồi nói, “Hoặc Tobin còn có một kẻ đồng lõa khác ở trên đảo.”

Tôi nói, “Đúng thế. Cho nên việc giết vợ chồng Gordon cũng không phải là sai lầm nghiêm trọng lắm.”

Chúng tôi tiếp tục hướng về phía đông qua eo biển. Phần này dài chừng bốn dặm và rộng khoảng nửa dặm ở chỗ hẹp nhất. Xung quanh tối đen - không đèn, không trăng, không sao, chỉ có mặt biển đen như mực và bầu trời đen như khói. Tôi chỉ còn nhìn thấy được những điểm mốc của eo biển, và nếu không có chúng thì tôi đã hoàn toàn bị lạc và mất phương hướng, cuối cùng là đâm vào đá ngầm hoặc bãi cạn.

Ở bên trái, tôi nhìn thấy vài ánh đèn trên bờ và hiểu rằng chúng tôi đang đi ngang qua Greenport nơi có những chiếc máy phát điện dự phòng để thắp sáng. Tôi nói với Beth, "Greenport."

Nàng gật đầu.

Hai chúng tôi đều có chung một ý nghĩ, đó là tới cảng nước an toàn này. Tôi mường tượng cảnh chúng tôi ở một quán bar nào đó trong một bữa tiệc truyền thống khi có bão với những ngọn nến lung linh và men bia ấm áp.

Đâu đó ở phía bên phải, dù tôi không thể nhìn thấy, là cảng Dering trên đảo Trú ẩn. Tôi biết ở đó có một câu lạc bộ du thuyền và tôi có thể vào nơi này trú ẩn. Greenport và cảng Dering là những mốc lớn dễ định hướng cuối cùng trước khi ra biển khơi. Tôi nhìn Beth và nhắc nàng, "Khi ra khỏi đảo Trú ẩn là sóng gió lại dữ dội hơn đấy."

Nàng đáp, "Giờ đã dữ lắm rồi." Nàng nhún vai rồi nói, "Nhìn kỹ một chút nhé. Lúc nào chúng ta cũng có thể quay lại."

Tôi nghĩ đã đến lúc phải cho nàng biết về lượng xăng còn lại trên tàu. Tôi bảo, "Chúng ta không còn nhiều xăng và khi đến chỗ nào đó trên vịnh Gardiners, chúng ta sẽ không thể quay lại được nữa."

Nàng liếc nhìn đồng hồ báo xăng và nói, "Đừng lo. Chúng ta sẽ bị lật tàu trước đó nhiều."

"Nghe giống như một điều ngớ ngẩn mà anh hay nói."

Nàng mỉm cười với tôi, một điều khá bất ngờ. Nàng đi xuống dưới và quay lên với một vật cứu mạng, tức là một chai bia. Tôi nói, "Chúa phù hộ cho em." Con tàu lắc lư mạnh và tôi không thể nào để cổ chai vào miệng mà không bị va vào răng. Tôi há miệng, ngửa cổ và đổ bia vào miệng, một nửa phần bia đổ cả lên mặt.

Beth tìm được một tấm hải đồ ép plastic, nàng trải ra trên bảng điều khiển trước mặt và bảo, "Phía trước bên trái ở đàng kia là Cleeves Point, ở

bên phải là Hays Beach Point trên đảo Trú ẩn. Khi đi qua các điểm này, chúng ta giống như ở cái phễu giữa Montauk Point và Orient Point nơi thời tiết từ Đại Tây Dương lùa thẳng vào."

"Thế là tốt hay xấu?"

"Đây không phải thứ để đùa."

Tôi làm thêm một hớp bia, thứ bia nhập khẩu đắt tiền, và đó là thứ mà tôi đoán Tobin phải có. Tôi nói, "Anh hình như thích ý tưởng lấy cắp tàu của hắn và uống bia của hắn."

Beth đáp, "Thế cái nào là vui nhất - phá nhà hay đánh đắm tàu của hắn?"

"Tàu không đắm được đâu."

"Anh nên xuống dưới mà xem."

"Không cần phải xuống. Anh cầm lái là biết." Tôi nói thêm, "Một thứ rất tốt để giữ cho tàu nặng thêm."

"Anh đúng là một thủy thủ thật sự rồi."

"Anh học nhanh lắm."

"Đúng thế. Anh nghỉ một chút đi. Để em cầm lái."

"Được." Tôi cầm tấm hải đồ, để nàng giữ bánh lái rồi đi xuống bên dưới.

Chiếc cabin nhỏ đã ngập khoảng bảy, tám phân nước, có nghĩa là lượng nước vào lớn hơn công suất của máy bơm. Như tôi đã nói, tôi không ngại một chút nước nhỏ làm tăng trọng lượng tàu để bù lại phần xăng đang vơi đi trong bình chứa. Thật là quá tệ vì động cơ không thể chạy được bằng nước.

Tôi vào trong buồng vệ sinh và ói ra đến nửa lít nước mặn. Tôi rửa mặt và tay cho sạch muối rồi đi sang cabin. Tôi ngồi lên một trong những chiếc

giường dài, xem hải đồ và tợp mấy ngụm bia. Cánh tay và vai tôi đã ê ẩm, chân và hông đã rã rời, ngực thở hổn hển, chỉ có dạ dày là cảm thấy khá hơn. Tôi xem hải đồ thêm một, hai phút rồi tới tủ lạnh và tìm thấy một chai bia nữa. Tôi cầm chai bia cùng tấm hải đồ lên boong.

Beth lái khá tốt trong gió bão khi nó không quá tệ ở phía khuất gió của đảo Trú ẩn. Nước biển dâng cao, nhưng điều này là có thể biết trước được. Gió ở phần sát mặt nước không quá mạnh khi nào chúng tôi còn có hòn đảo che chắn.

Tôi nhìn ra phía chân trời và có thể nhìn thấy đường đen mờ của hai điểm đánh dấu sự kết thúc của vùng eo biển an toàn. Tôi nói với Beth, "Để anh cầm lái. Em lấy tấm hải đồ đi."

"Được." Nàng gõ gõ lên tấm hải đồ và nói, "Phía trước khi định hướng phải có chút mẹo mực. Anh phải luôn ở bên phải ngọn hải đăng Long Beach Bar."

"Được rồi." Tôi đáp. Chúng tôi đổi vị trí cho nhau. Khi đi sát qua tôi, nàng liếc về phía đuôi tàu và la lên.

Tôi tưởng phải là một đợt sóng khổng lồ mới khiến nàng phản ứng như thế. Tôi ngoái đầu nhìn lại trong lúc tay giữ bánh lái.

Tôi không thể tin vào mắt mình - một chiếc tàu tuần dương khổng lồ, chính xác hơn là một chiếc Christ-Craft, cụ thể là chiếc *Autumm Gold*- cách đuôi tàu của chúng tôi không quá sáu mét, đang sắp đâm vào tàu tôi và tăng tốc.

CHƯƠNG 34

Beth dường như bị thôi miên bởi bóng con tàu khổng lồ đổ ập lên chúng tôi.

Tôi cũng bị bất ngờ. Tôi đã không nghe thấy tiếng của nó trong âm thanh gầm rú của gió bão và động cơ trên tàu của mình. Ngoài ra, tầm nhìn cũng bị hạn chế, còn chiếc Christ-Craft lại không bật đèn.

Dù thế nào, Fredric Tobin cũng sắp đâm vào sườn chúng tôi và tất cả những gì tôi có thể nghĩ tới là mũi tàu *Autumm Gold* chẻ đôi đuôi chiếc *Sondra,* một hình ảnh kiểu Phrớt nếu thực sự có thứ như thế.

Dù sao, có vẻ như chúng tôi sắp bị đánh đắm rồi.

Nhận ra chúng tôi đang nhìn hắn, Tobin bật chiếc loa điện báo tín hiệu lên và la lớn, "Tổ cha chúng mày."

Hắn nói thế thật đấy.

Tôi ấn van tiết lưu và khoảng cách giữa chúng tôi với hắn rộng ra. Hắn biết là không thể nào đua tốc độ với một chiếc Formula 303, ngay cả ở trên biển đang có bão như thế này. Hắn lại chào chúng tôi bằng câu, "Tổ cha chúng mày! Chúng mày chết đi! Chúng mày chết đi!"

Giọng nói của Freddie nghe chói tai, nhưng có thể đó là do chiếc loa điện tử làm đổi giọng.

Beth đã rút khẩu Glock 9 li của nàng ra từ lúc nào và núp sau ghế, lấy điểm tựa chắc chắn vào lưng ghế. Tôi nghĩ nàng nên bắn, nhưng nàng không làm thế.

Tôi liếc nhìn chiếc Christ-Craft phía sau và thấy Tobin không còn trên đài quan sát mà đang trong cabin trên boong, nơi tôi biết là có đầy đủ các thiết bị điều khiển. Tôi cũng thấy kính chắn gió phía sườn lái của cabin đã được nâng lên. Quan trọng hơn là viên hoa tiêu, thuyền trưởng Freddie, đang thò ra ngoài cửa sổ, tay phải cầm khẩu súng trường, còn tay trái thì tôi đoán là giữ lái. Vai phải hắn tựa vào thành cửa sổ, khẩu súng chĩa thẳng về phía chúng tôi.

Chúng tôi đang ở trên hai con tàu chạy liều mạng trong đêm tối không đèn đóm, gió và sóng như thế, và tôi đoán đó là lý do vì sao Tobin vẫn chưa nhả đạn. Tôi nói to với Beth, "Bắn mấy phát đi."

Nàng gọi sang, "Em không được bắn khi hắn chưa bắn."

"Bắn đi!"

Nàng làm theo. Thật ra, nàng bắn cả mười lăm phát liền, và tôi nhìn thấy kính chắn gió bên cạnh Tobin vỡ tan. Tôi cũng thấy Tobin không còn thò ra cửa sổ với khẩu súng dài nữa. Tôi bảo Beth, "Tốt lắm!"

Nàng lắp tiếp một băng mười lăm viên vào khẩu súng ngắn và hướng về phía chiếc tàu lớn.

Tôi phải để mắt ra phía sau trong khi cố kiểm soát con tàu giữa những đợt sóng biển ngày càng mạnh. Bất ngờ, Tobin thò ra ngoài cửa sổ và tôi thấy khẩu súng của hắn chớp sáng. "Nằm xuống!" Tôi thét lên. Khẩu súng trường của hắn bắn thêm ba phát nữa. Tôi nghe tiếng một viên đạn cắm vào bảng điều khiển phía trước, rồi chiếc kính chắn gió vỡ tan. Beth đang bắn trả, không vội vã như lần trước.

Tôi biết chúng tôi không thể sánh được với độ chính xác của khẩu súng trường trên tay hắn nên vội cho tàu chạy hết tốc lực và chúng tôi lao về trước, lao qua ngọn một con sóng và tách hẳn khỏi chiếc Christ-Craft. Ở khoảng cách gần hai chục mét, hai bên không còn nhìn thấy nhau. Tôi nghe

tiếng chiếc loa của hắn loẹt xoẹt phía sau, rồi thấy giọng nói yếu ớt của hắn vọng tới qua tiếng bão. "Tổ cha chúng mày! Chúng mày sẽ chết chìm! Chúng mày không sống được qua cơn bão này đâu! Tổ cha chúng mày!"

Mấy câu chửi nghe không giống chút nào là của quý ông lịch lãm mà tôi đã biết và không ưa. Đó là của một kẻ đã để mất bộ mặt giả tạo.

"Chúng mày chết đi! Hai đứa chết tiệt chúng mày chết đi!"

Tôi thật sự khó chịu khi bị chửi bởi chính kẻ vừa mới giết người tôi yêu quý. Tôi nói với Beth, "Thằng con hoang này chết đi."

"Đừng để hắn làm phân tâm, John. Hắn đã kết thúc và hắn biết điều đó. Hắn đang tuyệt vọng."

Hắn tuyệt vọng? Chúng tôi cũng đâu có hơn gì.

Beth vẫn ở tư thế bắn, mặt quay về phía sau, súng tì lên thành ghế. Nàng bảo tôi, "John, anh cua một vòng rộng, chúng ta sẽ ở phía sau hắn."

"Beth, anh không phải là John Paul Jones* và đây cũng không phải là trận chiến của hải quân."

"Em không muốn hắn ở đằng sau chúng ta."

"Đừng lo. Cứ chú ý canh chừng hắn là được." Tôi liếc nhìn đồng hồ báo xăng và thấy kim đồng hồ nằm giữa mức một phần tám và chữ E. Tôi nói, "Chúng ta không có đủ xăng để đánh trận đâu."

Nàng hỏi tôi, "Anh có nghĩ hắn vẫn sẽ tới Đảo Plum chứ?"

"Đó là chỗ để vàng."

"Nhưng hắn đã biết chúng ta đang theo hắn."

"Đó là lí do tại sao hắn vẫn cố để giết chúng ta." Tôi nói thêm, "Hoặc ít nhất là tận mắt thấy chúng ta bị lật tàu và chết chìm."

Nàng không nói gì hồi lâu rồi hỏi tôi, "Làm sao chúng ta lại ở phía trước hắn được nhỉ?"

"Anh đoán là vì ta chạy nhanh hơn hắn. Định luật của vật lý."

"Anh có kế gì không?"

"Không. Còn em?"

"Đến lúc chạy vào một cảng biển an toàn chưa?"

"Có thể. Nhưng chúng ta không thể quay lại. Anh không muốn chạy vào tầm bắn của Freddie lần nữa."

Beth tìm thấy tấm hải đồ bọc plastic trên sàn tàu và mở ra, đặt trên bàn điều khiển phía trước. Nàng chỉ và nói, "Đó chắc chắn là ngọn hải đăng Long Beach Bar ở đằng kia."

Tôi nhìn ra phía trước phía bên phải và thấy một ánh đèn nhấp nháy yếu ớt.

Nàng nói tiếp, "Nếu đi về bên trái của ngọn hải đăng, ta có thể thấy một số điểm mốc của eo biển dẫn tới Đông Marion hoặc Orient. Ta có thể đáp tàu vào một nơi nào đó và gọi cho lực lượng bảo vệ bờ biển hoặc nhân viên an ninh trên Đảo Plum để báo động cho họ."

Tôi nhìn tấm hải đồ dưới ánh sáng mờ của ngọn đèn trên bảng điều khiển. Tôi nói, "Không có cách nào để anh định hướng được trong bão để đi qua những eo biển hẹp này. Nơi duy nhất có thể đến là Greenport hoặc có thể là Dering, nhưng Freddie đã chặn đường của ta tới hai nơi đó rồi."

Nàng thoáng suy nghĩ rồi nói, "Nói cách khác, không phải là chúng ta đang đuổi hắn mà là hắn đang đuổi ta ra ngoài biển khơi."

"Em cũng có thể nói là chúng ta đang dẫn hắn vào bẫy."

"Bẫy nào?"

"Anh biết em sẽ hỏi anh câu đó. Tin anh đi."

"Tại sao?"

“Tại sao lại không?” Tôi giảm ga và chiếc Formula chạy chậm lại một chút. Tôi nói với Beth, “Quả thật là anh thích nó diễn ra theo cách này. Giờ anh đã biết chắc chắn rằng hắn ở đâu và hắn sẽ đi đâu.” Tôi nói thêm, “Anh thích đối phó với hắn ở trên bộ hơn. Chúng ta sẽ gặp hắn trên Đảo Plum.”

Beth gập tấm hải đồ lại. “Đúng thế.” Nàng ngoái lại nhìn qua vai và nói, “Súng của hắn hơn chúng ta, tàu cũng hơn của ta.”

“Đúng thế.” Tôi xác định đường đi tới bên phải của ngọn hải đăng để ra vịnh Gardiners, sau đó sẽ có đường tới Đảo Plum. Tôi hỏi nàng, “Em còn bao nhiêu viên đạn?”

Nàng đáp, “Em còn chín viên trong băng này với một băng đủ mười lăm viên trong túi.”

“Tốt rồi.” Tôi liếc sang nhìn nàng và nói, “Ở chỗ ấy bắn được đấy.”

“Cũng không hẳn.”

“Em làm hắn không dám thò ra bắn. Cũng có thể hắn đã bị trúng đạn rồi.”

Nàng không trả lời.

Tôi nói, “Anh nghe thấy viên cuối cùng bay qua tai anh trước khi xuyên qua kính chắn gió. Chết tiệt! Giống hệt như những lần trước khi ở thành phố.” Tôi hỏi nàng, như một lời muộn màng, “Em không sao chứ?”

“Ờ...”

Tôi nhìn nhanh về phía nàng. “Có chuyện gì thế?”

“Không biết...”

“Beth? Làm sao thế?” Tôi thấy tay trái nàng lùa dưới chiếc áo mưa choàng và nàng nhăn mặt. Nàng rút tay ra, bàn tay đầy máu. Nàng nói, “Chết tiệt...”

Tôi thật sự không nói được lời nào.

Nàng nói, "Buồn cười thật... em không biết là bị dính đạn... rồi em thấy ấm ấm... Nhưng không sao, chỉ bị sượt qua thôi."

"Em... em chắc không...?"

"Vâng... em cảm thấy được chỗ viên đạn đi qua".

"Để anh xem. Em lại đây".

Nàng đến gần chỗ tôi đứng trước bánh lái, quay mặt về phía đuôi tàu. Nàng nới lỏng chiếc áo phao rồi vén chiếc áo mưa và cả áo sơ mi lên. Mảng sườn của nàng ở khoảng giữa ngực với hông dính đầy máu. Tôi với tay qua và nói, "Cầm máu rồi." Tôi sờ vết thương và thở phào khi biết đó chỉ là vết đạn sượt qua gần xương sườn phía dưới. Vết thương khá sâu, nhưng chưa chạm đến xương.

Beth há miệng thở ra khi những ngón tay tôi chạm vào vết thương. Tôi bỏ tay ra và bảo, "Ổn rồi."

"Em đã nói với anh rồi mà."

"Anh đáng ăn một cái đá vì sờ tay vào vết thương do đạn bắn. Em thấy đau không?"

"Lúc nãy thì không. Giờ mới đau."

"Em xuống dưới tìm bộ đồ sơ cứu đi."

Nàng đi xuống dưới.

Tôi đánh mắt quan sát quanh đường chân trời. Thậm chí trong bóng tối, tôi vẫn nhìn được hai điểm trên đất liền ở hai bên đánh dấu sự kết thúc của phần eo biển khá yên sóng.

Một phút sau, chúng tôi đã ra ngoài vịnh Gardiners. Hai phút sau, mặt biển như có ai đó nhấn nút cho nhồi lên dập xuống. Gió hú, những cơn sóng xô ầm ầm, con tàu gần như không thể điều khiển được và tôi bắt đầu cân nhắc phải lựa chọn như thế nào.

Beth bám tay vào cầu thang đi lên từ dưới cabin rồi bám chặt vào tay nắm trên bàn điều khiển.

Tôi gọi to trong tiếng gió và sóng biển, "Em không sao chứ?"

Nàng gật đầu rồi nói lớn, "John! Chúng ta phải quay lại!"

Tôi biết nàng nói đúng. Chiếc Formula không thích hợp với việc này và cả tôi cũng vậy. Rồi tôi lại nhớ lời của vợ chồng Gordon nói với tôi khi ở hiên sau nhà trong cái đêm dường như đã xa lắm rồi. *Tàu ở trên cảng là tàu an toàn. Nhưng đó không phải là lí do người ta làm ra những con tàu.*

Quả thật, tôi không còn cảm thấy sợ trước biển hay cái chết có thể đến bất cứ lúc nào. Tâm trạng tôi bị kích thích, lòng đầy căm giận. Tôi liếc nhìn Beth và ánh mắt chúng tôi gặp nhau. Nàng dường như cũng hiểu, nhưng nàng không muốn chia sẻ sự điên loạn trong tôi. Nàng nói, "John ... nếu chúng ta chết, hắn sẽ trắng tội. Chúng ta phải vào một cảng nào đó hoặc một lạch nước kín."

"Anh không thể... ý anh là, chúng ta sẽ mắc cạn và đắm mất. Chúng ta phải đi tiếp."

Nàng không đáp.

Tôi nói, "Chúng ta có thể vào bờ ở Đảo Plum. Anh có thể cho tàu vào vũng nước kín đó. Nơi đó dễ nhận ra và có đủ ánh sáng. Họ có máy phát điện riêng."

Nàng mở hải đồ ra và nhìn chăm chú vào đó như thể đang cố tìm ra câu trả lời cho tình trạng tiến thoái lưỡng nan lúc này. Thật ra, tôi đã biết rồi, hai chiếc cảng duy nhất có thể vào là Greenport và Dering thì ở phía sau, nhưng Tobin đã chặn mất đường quay lại."

Nàng nói, "Giờ đã ở ngoài khơi, chúng ta có thể vòng lại để quay về Greenport."

Tôi lắc đầu. "Beth, chúng ta phải đi trong eo biển có dấu mốc. Nếu để mất không nhìn được các dấu mốc này thì chúng ta coi như toi rồi. Chúng ta đang ở trên một con đường hẹp và có một gã cầm súng phía sau, vì thế cách duy nhất là chạy thẳng."

Nàng nhìn tôi và tôi biết nàng không hoàn toàn tin tôi. Điều này là có thể hiểu được vì tôi không hoàn toàn nói sự thật. Sự thật là, tôi muốn giết Fredric Tobin. Khi tôi nghĩ hắn đã giết Tom và Judy, tôi sẽ hài lòng nếu được thấy chính quyền bang New York kết liễu đời hắn. Nhưng lúc này, khi hắn đã giết Emma, tôi phải tự tay mình giết hắn. Gọi cho lực lượng bảo vệ bờ biển hay an ninh của Đảo Plum sẽ không trả được món nợ này. Nói đến nợ, tôi lại tự hỏi không biết Paul Stevens ở đâu đêm nay.

Beth cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi và nói, "Năm người vô tội đã chết, John, và năm người là quá nhiều rồi. Em sẽ không để anh phí bỏ mạng sống của em và của anh. Chúng ta quay lại thôi. Đi anh."

Tôi nhìn nàng và nói, "Em định chĩa súng vào anh sao?"

"Nếu anh buộc em phải làm thế."

Tôi nhìn nàng trân trân và nói, "Beth, anh có thể đối phó được với thời tiết này. Anh biết anh làm được mà. Chúng ta sẽ không sao đâu. Tin anh đi."

Nàng nhìn lại tôi hồi lâu rồi nói, "Tobin đã giết chết Emma Whitestone ngay trước mũi anh và nó làm tổn thương lòng tự trọng của người đàn ông trong anh, một sự sỉ nhục đối với hình ảnh về đấng nam nhi và cái tôi của anh. Đó là điều khiến anh hành động như thế này. Đúng không?"

Nói dối cũng chẳng ích gì, tôi bảo, "Một phần là thế."

"Vậy còn phần kia là gì?"

"Ờ... anh đã yêu cô ấy."

Beth gật đầu. Nàng dường như suy tư một lúc rồi nói, "Được rồi... nếu anh định để cho chúng ta bị giết thì có thể anh cũng nên biết toàn bộ sự thật."

"Toàn bộ sự thật nào?"

Nàng đáp, "Kẻ giết Emma Whitestone... em đoán là Tobin... đã hiếp chị ấy."

Tôi không đáp. Tôi cũng không hoàn toàn bị sốc.

Có một nửa thuộc về bản năng của tất cả mọi đàn ông, kể cả những gã công tử bột như Fredric Tobin, và cái nửa tối này, một khi lấn át nửa kia, nó sẽ thể hiện ra một cách có thể thấy trước được và rất đáng sợ. Có thể nói tôi đã thấy tất cả những chuyện ấy - hãm hiếp, tra tấn, bắt cóc, gây thương tích, giết người, và bất cứ điều gì có trong luật hình sự. Nhưng đây là lần đầu tiên một kẻ xấu gửi đến một lời thách thức cho chính tôi. Và tôi đã không xử lí nó với sự tỉnh táo thường thấy. Hắn đã hiếp nàng. Và khi làm điều đó với nàng, hắn đã làm điều đó với chính tôi - hoặc nghĩ rằng gã đang làm thế.

Hai chúng tôi không nói gì một lúc lâu. Thật ra, tiếng ồn của động cơ, của gió và sóng biển khiến nói chuyện cũng khó. Thế lại tốt cho tôi.

Beth ngồi trên ghế trái, tay nàng bám chặt mỗi khi con tàu nhồi lên dập xuống, chệch đường hay bất cứ điều gì, chỉ trừ có lộn nhào và chìm sâu xuống biển.

Tôi vẫn đứng trước bánh lái, ép chặt thân người vào ghế. Gió thổi qua chiếc kính chắn gió đã bị vỡ thốc thẳng vào người, mưa xối xả từ mọi hướng. Xăng không còn nhiều, tôi đã cảm thấy lạnh, ướt sũng, mệt mỏi và dường như không thể chịu được hình ảnh Tobin làm điều đó với Emma. Beth dường như cũng im lặng một cách kì lạ, cơ thể gần như cứng đơ, mắt nhìn thẳng về phía trước nơi những con sóng đang ầm ầm lao tới.

Cuối cùng, nàng dường như sực tỉnh và ngoái lại nhìn về phía sau. Không nói một lời, nàng rời ghế và đi về phía đuôi tàu. Tôi liếc nhìn và thấy nàng đang quỳ ở phía đuôi tàu, khẩu súng ngắn 9 li cầm trên tay. Tôi nhìn ra biển phía sau chúng tôi nhưng chỉ thấy những cột sóng cao ngất đang đuổi theo con tàu. Rồi khi chiếc Formula bị nâng lên cao bởi một con sóng lớn, tôi có thể thấy đài quan sát của chiếc Christ-Craft phía sau, cách chưa đầy hai chục mét và đang tiến gần hơn. Tôi quyết định giảm ga xuống đến mức chỉ đủ để điều khiển tàu. Nghe tiếng động cơ chậm lại, Beth liếc nhìn về phía tôi và gật đầu hiểu ý. Nàng hướng về phía chiếc Chris-Craft và lấy đường ngắm. Chúng tôi buộc phải đối mặt với tên khốn kia.

Tobin đã nhận ra sự thay đổi tốc độ đột ngột của tàu chúng tôi và trước khi hắn hiểu ra, chiếc Christ-Craft chỉ còn cách chúng tôi chưa đầy mười hai mét, mà hắn thì chưa kịp đặt súng vào vị trí để bắn. Trước khi hắn chuẩn bị xong, Beth bắt đầu bắn từng phát chắc chắn vào cái bóng đen trên cửa sổ cabin. Tôi quan sát tất cả, vừa điều khiển cho mũi tàu hướng về phía những con sóng, vừa ngoái lại nhìn để xem Beth có hề hấn gì không.

Tobin dường như mất dạng trong cabin, không biết có phải đã trúng đạn hay không. Nhưng rồi bất thình lình đèn pha đặt trên mũi tàu Christ- Craft bật sáng, ánh đèn rọi thẳng vào chiếc Formula và thấy rõ cả Beth đang quỳ ở phía đuôi tàu. “Chết tiệt.” Beth đang lắp băng đạn cuối cùng vào khẩu Glock, còn Tobin đã trở lại bên kính chắn gió, hai tay nâng súng và thả hẳn cho bánh lái quay tự do.

Tôi rút vội khẩu .38, quay người lại và tì lưng lên bánh lái để giữ chặt trong lúc ngắm bắn. Khẩu súng trường của Tobin đang chĩa thẳng vào Beth từ khoảng cách chưa đến bốn mét ruỡi.

Trong nửa giây, dường như tất cả mọi thứ đều ngừng chuyển động - cả hai con tàu, Beth, Tobin, tôi, và cả sóng biển. Khẩu súng trường của Tobin đang chĩa vào Beth đột nhiên quay ngoắt về phía tôi, ánh lửa đạn lóe lên đúng lúc con tàu Christ-Craft không người điều khiển chao mạnh sang trái khiến đường bắn của Tobin bị chệch đi. Lúc này chiếc Christ- Craft đang ở vị trí vuông góc với đuôi tàu Formula và tôi nhìn thấy Tobin ở cửa sổ bên sườn của cabin. Hắn cũng nhìn thấy tôi, ánh mắt hai bên gặp nhau. Tôi bắn thêm ba phát vào cabin và cửa sổ bên sườn vỡ tan. Khi tôi nhìn lại thì hắn đã biến mất.

Tôi nhận ra kéo phía sau tàu Christ-Craft là chiếc thuyền Whaler nhỏ mà tôi đã thấy trong nhà để tàu hôm trước. Tôi chắc chắn Tobin định dùng chiếc Whaler để lên bờ Đảo Plum.

Chiếc Christ-Craft đổi hướng tứ tung, chắc hẳn là không có ai giữ bánh lái. Chính lúc tôi tự hỏi hay là hắn đã trúng đạn, chiếc tàu của hắn hướng mũi về phía chúng tôi có chủ ý, đèn pha của tàu lại rọi thẳng về phía chúng tôi. Beth bắn luôn vào chiếc đèn, đến phát thứ ba thì chiếc đèn nổ tung thành một chùm đốm sáng và thủy tinh.

Tobin không chịu thua, hắn mở tốc lực cho động cơ tàu Christ-Craft. Mũi tàu của hắn tiến gần đến đuôi tàu Formula và đã đâm thẳng vào nếu Beth không kịp rút khẩu súng hiệu trong túi ra và bắn thẳng vào kính chắn gió trên tàu hắn. Một tiếng nổ kèm theo ánh sáng chói lòa của chất phốt pho. Chiếc Christ-Craft đột ngột đổi hướng khi Tobin, như tôi đoán, đã bỏ bánh lái rất nhanh để hụp xuống và che người. Có thể hắn bị bỏng, bị mù, hoặc đã chết.

Beth thét lên, "Chạy đi! Chạy đi!"

Tôi nhấn ga và chiếc Formula lao lên phía trước.

Tôi nhìn thấy những đốm lửa cháy trên đài quan sát của chiếc Christ-Craft. Beth và tôi nhìn nhau, cả hai tự hỏi phải chăng chúng tôi đã gặp may. Nhưng khi chúng tôi nhìn lại chiếc tàu của Tobin phía sau, những đám lửa đã yếu dần. Ở khoảng cách chừng mười hai mét, tôi lại nghe thấy tiếng loẹt xoẹt của chiếc loa và gã con hoang kia lại có cái để chửi.

"Corey! Tao sắp tóm được mày rồi! Cả mày nữa, đồ chó cái! Tao sẽ giết cả hai đứa chúng mày. Tao sẽ giết!"

Tôi nói với Beth, "Anh nghĩ hắn nói thật đấy."

"Hắn dám gọi em là đồ chó cái."

"Ồ... đương nhiên là muốn chọc tức em. Hắn không quen em thì làm sao hắn biết em là chó cái? Ý anh là, nếu em có là chó cái thật."

"Em biết anh muốn nói gì."

"Đúng đấy."

"Cẩn thận, John. Hắn lại đến gần đấy."

"Đúng rồi." Tôi tăng thêm ga, nhưng tốc độ lớn khiến chiếc Formula liệng mạnh. Con tàu húc phải một con sóng lớn mạnh đến mức mũi tàu dựng hẳn lên và tôi tưởng chúng tôi ngã ngửa ra phía sau. Tôi nghe thấy tiếng Beth kêu to và nghĩ chắc nàng đã bị ngã ra sàn tàu. Nhưng khi con tàu thăng bằng trở lại, nàng lăn qua sàn và rơi xuống giữa cầu thang trước khi nàng dừng lại được. Nàng nằm trên cầu thang, tôi gọi to, "Em không sao chứ?"

Nàng gượng dậy bằng cả chân lẫn tay và lồm cồm bò lên cầu thang. "Em không sao..."

Tôi giảm bớt ga và nói, "Em xuống dưới nghỉ một lát đi."

Nàng lắc đầu và đi tới khoảng giữa ghế ngồi với bảng điều khiển phía trước. "Anh để ý đường đi và các dấu mốc trên eo biển, còn em canh

chừng Tobin."

"Được." Tôi có ý nghĩ rằng có lẽ Beth nói đúng, và tôi nên vòng lại đi phía sau hắn, chứ không nên để hắn đuổi phía sau lần nữa. Có thể nếu hắn đang ngồi trong chiếc cabin khô ráo của tàu Christ-Craft, hắn sẽ không nhìn thấy chúng tôi và chúng tôi có thể vòng ra sau. Nhưng nếu để hắn nhìn thấy, chúng tôi sẽ lại phải chịu trận với khẩu súng trường kia lần nữa.

Lợi thế duy nhất của chúng tôi là tốc độ, nhưng chúng tôi không thể tận dụng được lợi thế đó trong điều kiện thời tiết như thế này.

"Tôi nói với Beth, "Đi khôn khéo. Ý tưởng hay đấy."

Nàng không đáp.

"Em còn quả pháo sáng nào nữa không?"

"Còn năm quả."

"Tốt rồi."

"Không hẳn đâu. Em để mất khẩu súng bắn pháo sáng rồi."

"Em có muốn quay lại để tìm không?"

"Em chán ngấy mấy trò đùa của anh rồi?"

"Anh cũng thế. Nhưng đó là tất cả những gì chúng ta có."

Vậy là chúng tôi tiếp tục đi trong im lặng, đi trong mưa bão ngày càng dữ dội.

Cuối cùng, nàng bảo, "Em tưởng là em toi rồi."

Tôi đáp, "Chúng ta không được để hắn đến gần như thế lần nữa."

Nàng nhìn tôi và nói, "Hắn bỏ em để bắn anh đấy."

"Đó là câu chuyện của đời anh. Cứ khi nào ai đó chỉ còn một viên đạn, người ta sẽ chọn anh để bắn."

Nàng gần như mỉm cười rồi biến mất ở phía dưới. Chưa đầy một phút sau, nàng quay lên và đưa cho tôi một chai bia nữa. Nàng bảo, "Mỗi lần làm việc gì xuất sắc, anh được một chai bia."

"Anh không còn nhiều mánh nữa đâu? Em có bao nhiêu chai bia?"

"Hai chai."

"Thế là tốt rồi".

Tôi cân nhắc mọi lựa chọn và biết rằng đất liền hầu hết đã trôi qua mất rồi. Giờ chỉ còn hai nơi có thể đến - bến phà ở Orient Point và vũng nước kín trên Đảo Plum. Orient Point có lẽ đã ở gần phía trước bên trái, còn Đảo Plum thì xa hơn hai dặm. Tôi nhìn đồng hồ báo xăng. Kim đã chỉ sang vùng màu đỏ nhưng chưa chạm đến chữ E.

Biển động mạnh tới mức tôi thậm chí còn không thấy được những điểm mốc đánh dấu eo biển trong một quãng lâu. Tôi biết rằng Tobin đang ngồi ở vị trí cao trên cabin có thể quan sát các điểm mốc và cả chúng tôi dễ dàng hơn. Khi nghĩ đến đó, tôi chợt giật mình nghĩ rằng chắc chắn hắn phải có ra đa, chẳng thế mà hắn tìm được chúng tôi. Và chắc hẳn hắn cũng có thiết bị đo độ sâu, vì thế việc định hướng cũng dễ dàng hơn cho hắn nếu bị mất tầm nhìn tới các điểm mốc của eo biển. Tóm lại, chiếc *Sondra* không thể sánh được với chiếc *Autumm Gold*. "Chết tiệt."

Mỗi lần có đợt sóng đến dồn dập hơn lại có một con sóng vỡ ngay trên mũi tàu hoặc hai bên sườn, và tôi lại cảm thấy chiếc Formula như nặng hơn. Tôi chắc hẳn đáy tàu đang ngập sâu thêm. Trọng lượng nước đổ vào tàu khiến chúng tôi bị giảm tốc độ và phải sử dụng nhiều nhiên liệu hơn. Tôi hiểu Tobin có thể bắt kịp chúng tôi với tốc độ hiện thời. Tôi cũng nhận ra rằng chúng tôi đã thua trong trận chiến với biển cả, cũng như trong trận đánh với đối phương.

Tôi liếc nhìn Beth, nàng cũng cảm thấy ánh mắt tôi đang nhìn nàng và quay sang. Nàng nói, “Nếu chúng ta có bị lật tàu hoặc đắm, em muốn anh biết một điều rằng em thật sự thích anh.”

Tôi mỉm cười đáp, “Anh biết rồi.” Tôi nhìn nàng và nói, “Anh xin lỗi. Anh không bao giờ nên-"

“Lái đi và ngậm miệng lại.”

Tôi hướng tâm trí trở lại chiếc bánh lái. Tàu Formula đang đi chậm đến mức sóng biển phía sau đang tràn lên cả đuôi tàu. Chẳng bao lâu nữa, chúng tôi sẽ bị nước vào đầy, hoặc buồng máy sẽ bị ngập, có thể Tobin sẽ ở ngay phía trên đầu chúng tôi và lần này thì không thể chạy nhanh hơn hắn được nữa.

Beth vẫn để tâm quan sát Tobin và tất nhiên, nàng nhìn thấy nước biển tràn qua đuôi tàu. Nàng không thể không nhận ra con tàu đang ngày càng thấp xuống so với mặt nước. Nàng nói, “John, tàu sắp bị ngập rồi.”

Tôi lại nhìn đồng hồ báo xăng. Cơ hội duy nhất của chúng tôi lúc này là mở thốc ga để xem có chuyện gì. Tôi đặt tay vào van tiết lưu và đẩy hết về phía trước.

Chiếc Formula bật lên, ban đầu còn chậm, sau đó lấy được tốc độ. Chúng tôi ít bị nước tràn vào đuôi tàu hơn, nhưng con tàu lại va mạnh vào những con sóng phía trước. Quả thật là mạnh đến mức như thể lao vào tường cứ năm giây một lần. Tôi nghĩ chắc con tàu sẽ vỡ mất, nhưng vỏ tàu bằng sợi thủy tinh vẫn tỏ ra chắc chắn.

Beth bám chặt vào ghế ngồi, người hất lên và giật xuống mỗi lần tàu gặp một con sóng.

Việc để tàu chạy hết tốc lực cũng có tác dụng, kiểm soát được tàu và giữ cho nó khỏi bị nước vào, nhưng không tiết kiệm được nhiên liệu cho lắm. Tuy nhiên, tôi không còn lựa chọn nào khác. Tôi đã đánh đổi việc chắc

chắn bị chìm ngay lập tức với việc chắc chắn một lúc nữa sẽ hết xăng. Đổi thế vẫn là hời to.

Nhưng kinh nghiệm của tôi với những chiếc đồng hồ báo xăng - từ khi tôi gặp phải với chiếc ô tô đầu tiên của tôi - là kim đồng hồ thường chỉ nhiều hơn hoặc ít hơn mức thực tế còn lại trong bình. Tôi không biết chiếc đồng hồ nào sai số đến đâu, nhưng cũng sẽ sớm được biết thôi.

Beth hỏi, "Xăng thế nào rồi?"

"Còn khá."

Nàng cố lấy giọng nhẹ nhàng và bảo, "Anh có muốn dừng lại để đổ xăng và hỏi thăm đường đi không?"

"Không. Đàn ông đích thực không bao giờ hỏi đường, và chúng ta còn đủ xăng để đến Đảo Plum."

Nàng mỉm cười.

Tôi nói với nàng, "Em xuống dưới một chút đi."

"Nếu tàu bị lật thì sao?"

"Giờ nó quá nặng, không thể lật được đâu. Chúng ta sẽ đắm. Nhưng em sẽ được cảnh báo sớm. Nghỉ đi."

"Được rồi." Nói xong, nàng đi xuống bên dưới. Tôi lấy tấm hải đồ từ ngăn để đồ ra và vừa xem, vừa lái tàu. Ở phía xa bên trái, tôi thấy loáng thoáng một ánh đèn nhấp nháy sáng, hẳn đó phải là ngọn hải đăng Orient Point. Tôi nhìn vào hải đồ. Nếu tôi rẽ sang hướng chính bắc, có lẽ tôi sẽ tìm được bến phà ở Orient Point. Nhưng có nhiều đá và bãi ngầm giữa bến phà với ngọn hải đăng đến nỗi phải có một phép màu nào đó mới giúp vượt qua được. Khả năng còn lại là đi tiếp chừng hai dặm nữa và tìm cách vào vũng nước kín của Đảo Plum. Nhưng điều đó có nghĩa là phải vào eo Ruột Plum, nơi ngay cả lúc thủy triều và gió bình thường cũng đã đầy nguy hiểm rồi. Trong một cơn bão, nó sẽ là... thách thức, ít nhất là thế.

Beth từ dưới cầu thang đi lên, người lắc lư từ bên này sang bên kia, xô về trước rồi giật về sau. Tôi cầm tay nàng kéo lên. Nàng chìa cho tôi một thanh sô-cô-la đã bóc. Tôi nói, "Cám ơn."

Nàng nói, "Nước ở dưới đã ngập đến mắt cá chân. Máy bơm đáy tàu vẫn đang chạy."

"Tốt. Tàu đang nhẹ hơn một chút."

"Tốt quá. Anh nghỉ một chút đi. Để em cầm lái."

"Anh không sao. Vết thương của em sao rồi."

"Ổn rồi. Còn bộ óc nhỏ bé của anh thì sao?"

"Anh để trên bờ rồi." Tôi giải thích cho nàng những lựa chọn còn lại trong lúc ăn thanh sô-cô-la.

Nàng hiểu rõ những cơ hội của chúng tôi và nói, "Vậy là chúng ta có thể đâm vào đá ngầm ở Orient Point hoặc bị đắm ở eo Ruột Plum?"

"Đúng vậy." Tôi chỉ đồng hồ xăng và nói, "Chúng ta đã đi qua khá xa nơi có thể quay trở lại Greenport."

"Em nghĩ chúng ta đã bỏ mất cơ hội ở đó rồi."

"Anh đoán thế..." Tôi hỏi nàng, "Thế nào? Orient hay Đảo Plum?"

Nàng nhìn vào tấm hải đồ một lát rồi nói, "Có quá nhiều nguy hiểm từ đây đến Orient." Nàng nhìn ra bên trái và nói thêm, "Em thậm chí còn không nhìn thấy bất cứ phao mốc nào dẫn đến Orient. Không ngạc nhiên lắm nếu một số đã bị đánh vỡ và trôi đi mất rồi."

Tôi gật đầu. "Đúng thế..."

Beth nói, "Quên eo Ruột Plum đi. Chỉ có tàu viễn dương mới có thể qua được nơi ấy trong gió bão như thế này". Nàng nói thêm, "Nếu chúng ta có nhiều xăng hơn thì có thể cứ đi như thế này ra ngoài cho tới khi mắt không

thấy gì nữa". Nàng ngẩng đầu lên và nói, "Chúng ta không còn lựa chọn nào cả."

Có lẽ là đúng. Tom và Judy có lần đã nói với tôi rằng bản năng hướng về phía đất liền trong khi có bão thường là sai lầm. Bờ biển đầy những nguy hiểm, những con sóng bạc đầu có thể đập tan hoặc lật úp con tàu, hoặc xô ta vào đá ngầm. Thật ra cứ ở ngoài biển với bão lại an toàn hơn khi vẫn còn nhiên liệu và đi về phía trái. Nhưng chúng tôi thậm chí không có được lựa chọn đó vì một gã có súng trường và ra đa đang ở phía sau chúng tôi. Chúng tôi không còn cách nào khác là phải đi tiếp và xem Chúa và thiên nhiên dành cho chúng tôi điều gì. Tôi nói, "Chúng ta sẽ giữ nguyên đường đi và tốc độ."

Nàng gật đầu. "Được rồi. Đó là tất cả những gì ta có thể làm... Cái gì"

Tôi quay sang và thấy nàng đang nhìn chăm chú về phía đuôi tàu. Tôi nhìn về phía sau nhưng không thấy gì cả.

Nàng bảo, "Em đã thấy hắn... em nghĩ là em đã nhìn thấy hắn." Beth nhảy lên trên ghế và cố giữ thăng bằng trong một giây trước khi ngã xuống sàn tàu. Nàng bò dậy và la to, "Hắn ở ngay đằng sau ta rồi!"

"Chết tiệt!" Tôi biết tên khốn kia rõ ràng là có ra đa. May mà tôi không cố đi vòng ra phía sau hắn. Tôi nói với Beth, "Không phải là chúng ta không may mà là hắn có ra đa. Hắn đã biết ta ở đâu ngay từ ban đầu."

Nàng gật đầu và nói, "Không có chỗ chạy, không có chỗ nấp."

"Chắc chắn là không có chỗ nấp, nhưng cứ cố chạy xem sao."

Tôi mở hết ga và con tàu chạy nhanh hơn.

Hai người chúng tôi không nói gì khi chiếc Formula nhọc nhằn hứng chịu những cơn sóng biển. Tôi đoán chúng tôi chạy với tốc độ khoảng hai mươi hải lý một giờ, tức là bằng một phần ba tốc độ tối đa của con tàu này trong điều kiện biển lặng và không bị nước vào đáy - một cabin nước biển.

Chiếc Christ-Craft chắc cũng có thể chạy với tốc độ ít nhất hai mươi hải lý trong thời tiết như thế này, đó là tại sao hắn bắt kịp chúng tôi. Beth nói, "John, hắn đang tiến gần đến chúng ta."

Tôi nhìn về phía sau và thấy chiếc bóng mờ của con tàu tuần dương khi một đợt sóng khổng lồ đẩy nó lên cao cách chúng tôi khoảng mười hai mét. Chỉ khoảng chưa đầy dăm phút nữa, chúng tôi sẽ lọt vào tầm bắn chính xác của khẩu súng trường trên tay hắn, trong khi khẩu .38 của tôi và khẩu 9 li của Beth quả thật là không làm được gì, chỉ trừ có ăn may mới bắn trúng. Beth hỏi tôi, "Anh còn bao nhiêu viên nữa?"

"Để xem... trong ổ có năm viên... anh đã bắn bốn... như vậy, tay cảnh sát còn bao nhiêu viên trong-"

"Đây không phải chuyện đùa ngớ ngẩn!"

"Anh chỉ muốn cho đỡ căng thẳng thôi mà."

Tôi nghe thấy những từ bốn chữ cái văng ra từ cái miệng đoan trang của nàng Penrose, rồi nàng hỏi tôi, "Anh có thể cho cái thứ chết tiệt này chạy nhanh hơn nữa được không?"

"Có thể. Lấy vật gì đó nằng nặng ở bên dưới và đập vỡ kính chắn gió đi."

Nàng xuống phía dưới và quay lên với một chiếc bình cứu hỏa và dùng nó đập vỡ kính chắn gió phía trước. Xong xuôi, nàng ném luôn chiếc bình xuống biển.

Tôi nói, "Với tốc độ như thế này, chúng ta sẽ không bị nước vào nhiều và các máy bơm sẽ dần làm tàu nhẹ bớt, lúc đó ta sẽ chạy nhanh hơn." Tôi nói thêm, "Và cũng đốt hết số nhiên liệu làm nặng tàu."

"Em không cần bài học môn vật lý."

Nàng nổi cáu. Thế còn tốt hơn sự im lặng bao trùm lúc trước. Cũng là tốt khi bị cả người và thiên nhiên hợp lại làm ta nổi cáu.

Beth đi thêm mấy vòng xuống dưới, mỗi lần mang được vài thứ để ném xuống biển, trong đó không may lại có cả bia để trong tủ lạnh. Nàng cố mang được một chiếc ti vi xách tay lên cầu thang và ra thành tàu để ném. Nàng còn quăng cả một số quần áo và giầy dép khỏi tàu, và tôi chợt nghĩ nếu chúng tôi để xổng Freddie, hắn có thể gặp những vật dụng kia nổi lềnh phềnh trên mặt nước và yên trí rằng chúng tôi đã chìm dưới biển sâu.

Chúng tôi chạy nhanh thêm được một chút, nhưng chiếc Christ-Craft vẫn đang tiến đến gần và không thể tránh được việc hắn sắp nhả đạn đến nơi rồi. Tôi hỏi Beth, "Em còn bao nhiêu viên?"

"Chín."

"Em chỉ có ba băng thôi ư?"

"Chỉ có? Anh thì đang chạy với một thứ đồ chơi có năm viên và không có lấy một viên dự phòng, và anh lại bị thần kinh. Nàng đột nhiên hụp xuống sau ghế và rút súng ra. "Em vừa nhìn thấy chớp đạn."

Tôi liếc nhìn về phía sau và rõ ràng, gã Freddie chết tiệt không biết sợ đang ở tư thế ngắm bắn. Chớp đạn lại lóe lên. Bắn nhau từ trên hai con tàu đang bị bão làm cho nghiêng ngả thật là dễ, bắn trúng mới là khó, vì thế tôi vẫn chưa đến mức quá lo lắng, nhưng sẽ có lúc khi cả hai con tàu đều ở trên đỉnh sóng, và Tobin có được lợi thế ở vị trí cao hơn cùng chiếc nòng súng dài.

Beth vẫn khôn ngoan chưa bắn vội.

Tôi nhìn thấy ngọn Hải đăng Orient Point ở chính diện bên trái và gần hơn trước rất nhiều. Tôi hiểu rằng mình đã bị gió đẩy sang hướng bắc mặc dù luôn nhằm phía đông để đi. Tôi cũng nhận ra điều duy nhất còn lại để làm, và tôi làm. Tôi bẻ lái cho tàu quặt sang trái và hướng vào eo Ruột Plum.

Beth la to, "Anh làm gì thế?"

“Chạy tới eo Ruột Plum.”

“John, chúng ta sẽ chết chìm ở đấy!”

“Hoặc là thế, hoặc là bị Tobin bắn chết, hoặc là hắn xô cho vỡ tàu và đánh đắm ta rồi cười nhạo khi nhìn chúng ta chìm dần.” Tôi nói thêm, “Nếu có chết ở eo Ruột Plum, hắn có thể sẽ chết cùng ta.”

Nàng không đáp.

Cơn bão đi tới từ phía nam, và khi tôi quay mũi tàu về phía bắc, con tàu tăng tốc ngay. Một phút sau, tôi đã thấy bóng dáng của Đảo Plum ở phía trước bên phải. Bên trái là ngọn hải đăng Orient. Tôi nhằm vào điểm giữa của ngọn hải đăng và bờ của Đảo Plum, chạy thẳng vào eo Ruột Plum.

Đầu tiên Tobin bám theo, nhưng khi sóng biển to hơn và gió thổi giữa hai bên đất liền đột ngột mạnh lên thì chúng tôi không còn nhìn thấy hắn. Tôi đoán hắn đã bỏ cuộc. Tôi biết chắc hắn sẽ làm gì tiếp theo và sẽ đi đâu. Tôi hy vọng mình vẫn còn sống được thêm mười lăm phút nữa để xem có đúng như vậy hay không.

Giờ chúng tôi đã ở trong eo Ruột Plum, nằm giữa Orient Point ở phía tây và Đảo Plum ở phía đông, vịnh Gardiners ở phía nam và biển Long Island Sound ở phía bắc. Tôi nhớ lại Stevens có nói rằng một cơn bão lớn cách đây mấy trăm năm đã làm cho đáy biển ở đây sâu thêm, và tôi có thể tin được chuyện này. Nó giống như một chiếc máy giặt với đủ mọi thứ được cuộn lên hạ xuống từ đáy biển - cát, rong biển, cây cối cùng đủ loại hổ lốn. Tôi không còn kiểm soát được con tàu nữa. Chiếc Formula cũng chỉ như một vật trôi giạt bị dòng nước cuốn đi. Chiếc tàu quay như chong chóng và chúng tôi thấy mình hết ở nam rồi sang đông và tây nhiều lần. Cơn bão vẫn đẩy chúng tôi về phía bắc tới biển Sound, chính là nơi mà tôi muốn đến.

Ý tưởng cố đến vũng nước kín của Đảo Plum đã trở nên không tưởng khi tôi đã thấy nơi này khủng khiếp đến nhường nào.

Beth cố bám để đi đến phía tôi. Nàng ép chặt thân mình vào thành ghế sau lưng tôi. Chân tay nàng xiết chặt lấy tôi trong lúc tôi cố giữ bánh lái vì mạng sống của mình. Gần như là không thể nói chuyện được, nhưng nàng vùi mặt vào cổ tôi và tôi nghe nàng nói, "Em sợ."

Sợ ư? Tôi cũng sợ đến mất mật rồi còn gì. Đây có lẽ là trải nghiệm tồi tệ nhất trong đời, nếu không tính lúc tôi tìm đường xuống cõi chết.

Chiếc Formula bị quay chong chóng đến mức tôi đã hoàn toàn mất phương hướng. Có những lúc tôi biết mình đang ở trên không theo đúng nghĩa, và tôi biết rằng con tàu, dù đã chứng tỏ sự chắc chắn ở dưới nước, sẽ bị lộn nhào và lật úp ở trên không. Tôi nghĩ chỉ có phần nước ở đáy tàu mới giữ cho chúng tôi khỏi bị lật trong những lần bị hất lên không trung.

Tôi còn tỉnh táo để giảm ga hết mức ngay lúc nhìn thấy chân vịt ở trên không nhiều hơn là dưới nước. Máy chạy ở chế độ lâu dài, còn tôi đang ở trong một tình huống ngắn ngủi, mà biết đâu.

Beth đang bám chặt, và nếu không phải rằng chúng tôi đang gần kề cái chết, tôi đã cảm thấy dễ chịu lắm. Tôi hy vọng sự tiếp xúc giữa hai cơ thể lúc này sẽ khiến nàng yên tâm hơn. Tôi biết với tôi cũng vậy. Nàng lại nói vào tai tôi, "Nếu rơi xuống nước, hãy ôm em thật chặt."

Tôi gật đầu. Tôi lại nghĩ đến việc Tobin đã giết năm mạng người như thế nào và giờ này sắp gây ra cái chết cho thêm hai người nữa. Không thể tin được tên khốn này lại có thể gây ra tất cả những chết chóc và đau khổ đó. Giải thích duy nhất của tôi là những gã lùn với đôi mắt giảo hoạt và tham vọng lớn thường độc ác và nguy hiểm. Trong đầu những gã đó có sẵn ý muốn đối đầu với cả thế giới. Các bạn biết điều đó chứ? Vâng, có thể nhiều hơn thế nữa.

Chúng tôi bị thổi qua eo Ruột Plum giống như một viên bi lăn qua chiếc ống hút. Điều nghịch lý, tôi nghĩ, là chính sự cuồng bạo của cơn bão đã đưa chúng tôi thoát ra an toàn, và chúng tôi có lẽ đang được thủy triều đẩy vào bờ. Sóng biển, gió và thủy triều đều nhằm về hướng bắc đã làm mất tác dụng của những đợt gió giật và thủy triều trên eo biển. Nó giống như sự khác nhau giữa việc bị rơi vào chiếc bồn toa lét khi giật nước và bị ngập trong đống chất thải bẩn thỉu, nếu theo cách suy luận như thế.

Giờ chúng tôi đã ở vùng biển Long Island Sound, sóng biển và gió đã dịu bớt. Tôi mở ga và hướng mũi tàu về phía đông.

Beth vẫn bám phía sau tôi, nhưng không chặt như trước.

Phía trước bên phải chúng tôi là bóng đen của ngọn hải đăng Đảo Plum cũ. Tôi biết nếu chúng tôi ở phía sau của mũi đất thì sẽ được chắn bớt gió và sóng biển, giống như khi ở phía khuất gió của đảo Trú ẩn. Đảo Plum không cao như đảo Trú ẩn và lại hứng gió từ Đại Tây Dương nhiều hơn, nhưng dù sao vẫn sẽ che chắn được phần nào cho chúng tôi.

Beth nói, "Ta còn sống ư?"

"Đương nhiên." Tôi nói thêm, "Em dũng cảm lắm. Rất bình tĩnh."

"Em sợ đến mức không còn biết gì."

"Không sao." Tôi bỏ một tay khỏi bánh lái và nắm chặt tay phải của nàng đang ôm chặt vào bụng tôi.

Chúng tôi đã đến được phía khuất gió của Đảo Plum và đi qua ngọn hải đăng ở bên phải. Giờ tôi đã có thể nhìn được bên trong lồng đèn của ngọn hải đăng, và cái mà tôi thấy là một chấm màu xanh lá cây, dường như đang dõi theo chúng tôi. Tôi chỉ cho Beth thấy, nàng bảo, "Thiết bị quan sát ban đêm. Chúng ta đang bị nhân viên của Stevens theo dõi."

"Đúng thế." Tôi đồng tình. "Đó là tất cả những gì mà lực lượng an ninh có thể làm trong một đêm như thế này."

Gió đã phần nào bị chắn bởi Đảo Plum, biển cũng lặng bớt một chút. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng sóng vỗ vào bờ cách đó chừng một trăm thước.

Qua làn mưa, tôi vẫn thấy ánh sáng của những ngọn đèn phía sau những cành cây. Tôi hiểu đó là ánh đèn bảo vệ từ tòa nhà thí nghiệm chính. Điều này có nghĩa là các máy phát điện vẫn đang hoạt động, tức là các máy lọc không khí cũng đang chạy. Sẽ thật không công bằng nếu chúng tôi sống sót được qua con bão, đặt chân lên Đảo Plum và rồi chết vì bệnh than. Đúng là như thế.

Beth rời tôi ra và đứng bên cạnh, tay bám vào chiếc tay nắm trên bảng điều khiển. Nàng hỏi tôi, "Anh nghĩ đã xảy ra chuyện gì với Tobin?"

"Có lẽ hắn tiếp tục đi vòng ra đầu phía nam của hòn đảo. Anh nghĩ hắn tưởng chúng ta đã chết."

"Có thể lắm." Beth đáp. "Em cũng tưởng thế."

"Đúng. Trừ khi hắn có liên lạc điện đài với một người nào đó trên Đảo Plum và người này lại được người trên ngọn hải đăng cho biết là chúng ta đã tới đây."

Nàng thoáng suy nghĩ rồi hỏi, "Anh có nghĩ rằng hắn có kẻ đồng lõa trên Đảo Plum hay không?"

"Anh không biết. Nhưng chúng ta sắp được thấy rồi."

"Được... vậy giờ Tobin đang đi đâu?"

"Chỉ còn một nơi duy nhất mà hắn có thể đến và nó lại ở ngay đây, ở phía này của hòn đảo."

Nàng gật đầu. "Nói cách khác, hắn đi vòng lại từ hướng khác và chúng ta sẽ gặp hắn đi đến đây."

"Anh sẽ cố tránh điều đó. Nhưng chắc chắn hắn sẽ phải đến phía khuất gió của hòn đảo nếu định thả neo và lên bờ với chiếc Whaler đó."

Nàng nghĩ một chút rồi hỏi, "Chúng ta sẽ lên đảo chứ?"

"Anh hy vọng là thế."

"Bằng cách nào?"

"Anh sẽ cho tàu chạy cho thật nhanh lên bãi biển."

Nàng lại lấy tấm hải đồ ra và nói, "Dọc bờ biển này đầy đá và bãi ngầm."

"Em tìm một chỗ không có đá hay bãi ngầm gì đi."

"Em sẽ tìm."

Chúng tôi hướng về phía đông đi thêm chừng mười phút nữa. Tôi nhìn đồng hồ báo xăng và thấy kim đã chỉ đến chữ E, nghĩa là hết. Tôi biết mình nên chạy lên bờ ngay lúc này vì nếu hết xăng thì chúng tôi chỉ còn nước phó mặc số phận cho thiên nhiên, hoặc sẽ bị đẩy ra ngoài khơi, hoặc sẽ bị cuốn va vào đá. Nhưng tôi muốn ít ra phải thấy được bóng con tàu của Tobin trước khi lên bờ.

Beth nói, "John, tàu sắp hết xăng rồi. Anh nên cho tàu vào đi."

"Một phút nữa thôi."

"Chúng ta không có đủ một phút. Bờ còn cách cả trăm mét. Vào đi."

"Em nhìn xem có thấy chiếc Christ-Craft ở phía trước không."

Chiếc ống nhòm vẫn còn đeo trên cổ. Nàng nâng ống nhòm lên và hướng về phía mũi tàu. Nàng nói, "Không, em không thấy chiếc tàu nào. Anh vào bờ đi."

"Một phút nữa thôi."

"Không. Ngay bây giờ. Mọi việc từ trước đều làm theo ý anh. Giờ phải theo ý em."

“Được...” Nhưng trước khi tôi bắt đầu hướng về phía bờ biển, gió đột ngột giảm xuống, một bức tường kì lạ dựng lên bởi những đám mây bốc lên phía trên chúng tôi. Khó tin hơn, tôi còn nhìn thấy bầu trời đêm trên đầu, xung quanh là một vòng tròn hình thành bởi những bức tường mây, giống như thể chúng tôi đang ở dưới đáy giếng. Rồi tôi thấy những ngôi sao, thứ mà tôi không bao giờ nghĩ sẽ được thấy lại lần nữa.

Beth nói, “Mắt bão đang đi qua chỗ ta.”

Gió yếu đi rất nhiều, mặc dù những cơn sóng vẫn còn rất mạnh. Ánh sáng của những ngôi sao chiếu qua cái lỗ tròn và chúng tôi có thể thấy được bờ và mặt biển.

Beth nói, “Vào đi, John. Chúng ta sẽ không còn cơ hội như thế này nữa đâu.”

Và nàng nói đúng. Tôi có thể nhìn thấy những con sóng bạc đầu và những tảng đá nhô lên khỏi mặt nước. Tôi cũng thấy những chỗ sóng phủ nông, đó chính là những bãi cạn và dải cát.”

“Vào đi!”

“Một phút thôi. Anh thật sự muốn thấy tên khốn lên bờ ở chỗ nào. Anh không muốn để mất hắn trên đảo.”

“John, sắp hết xăng rồi.”

“Còn khối. Nhìn xem có thấy chiếc Christ-Craft không.”

Beth dường như ngán ngẩm với sự ương bướng của tôi, nàng nâng ống nhòm lên và quét một lượt qua đường chân trời. Sau khoảng thời gian dài tưởng chừng như nửa giờ, nhưng thực ra chỉ khoảng một, hai phút, nàng chỉ tay và la lên, “Kia rồi!” Nàng đưa ống nhòm cho tôi.

Tôi nhìn vào khoảng tối trong mưa bão và thấy hiện lên phía chân trời là hình thù chiếc đài quan sát của tàu Christ-Craft, cũng có thể đó chỉ là

một khối đá.

Khi chúng tôi đến gần thêm chút nữa, tôi nhận ra đó chắc chắn là chiếc Christ-Craft. Con tàu nằm bất động, hẳn là Tobin đã thả ít nhất hai dây neo, một ở mũi và một ở đuôi tàu. Tôi đưa cho Beth chiếc ống nhòm. "Được rồi. Ta vào thôi. Khoan đã. Em quan sát đá và bãi ngầm nhé."

Beth quỳ xuống ghế và đưa người về trước, hai tay nắm chặt phía trên khung kính chắn gió. Mỗi khi nàng cử động, tôi lại nhận ra nét đau đớn trên gương mặt nàng do bị thương.

Tôi bẻ lái cho chiếc Formula quay 90 độ sang phải và hướng mũi tàu vào bờ. Sóng bắt đầu vỡ phía đuôi tàu và tôi nhấn thêm ga. Tôi cần đủ nhiên liệu thêm một phút nữa.

Bờ biển đã ở gần hơn và hiện ra rõ hơn. Những con sóng lao tràn lên cát trông thật đáng sợ, tiếng réo càng lớn khi chúng tôi vào gần thêm. Beth la to, "Dải cát ở ngay đằng trước kìa."

Tôi biết rằng không thể bẻ lái kịp nên cho tàu chạy hết tốc lực và chúng tôi xẻ một đường qua dải cát.

Bờ còn cách chưa đầy năm chục thước, tôi nghĩ chúng tôi thực sự có cơ hội. Bất ngờ chiếc Formula va phải thứ gì đó cứng hơn rất nhiều so với một dải cát. Tôi nghe thấy âm thanh không thể lẫn được của sợi thủy tinh bị rách. Nửa giây sau, con tàu nhấc lên khỏi mặt nước rồi rơi thẳng xuống.

Tôi liếc nhìn Beth và thấy nàng vẫn bám chặt.

Con tàu giờ đã rệu rã lắm rồi. Tôi có thể tưởng tượng được nước đang tràn vào qua vỏ tàu bị thủng. Động cơ dường như vẫn đang hoạt động ở tốc độ tối đa. Những con sóng ùa tới đang đẩy chúng tôi về phía bờ, nhưng nước rút ra sau mỗi đợt sóng lại kéo chúng tôi trở lại. Trong khi đó, nước vẫn tràn vào tàu. Kì thực, tôi đã thấy nước mấp mé ở bậc dưới cùng của cầu thang.

Beth la to, "Không đi được nữa rồi! Bơi vào đi!"

"Không! Cứ ở trên tàu. Chờ đợt sóng to."

Và chúng tôi chờ, mắt quan sát đường bờ biển đang gần thêm rồi lại lùi xa sau sáu đợt sóng. Tôi nhìn về phía sau và quan sát những cuộn nước đang dâng lên. Cuối cùng, thấy một con sóng khổng lồ dựng lên phía sau, tôi giảm hết ga chiếc Formula gần như đã ngập đầy nước. Con tàu lùi lại về sau một chút và bắt được con sóng lớn ngay dưới đỉnh của nó. Tôi hét to, "Ngồi xuống, bám chặt vào!"

Nàng thụp xuống và ôm chặt vào thành ghế.

Cơn sóng đẩy chúng tôi đi như một chiếc ván lướt sóng trên đỉnh của nó với một lực mạnh khiến chiếc Formula nặng ba tấn rưỡi cộng với cả tấn nước bên trong giống như một chiếc rổ nan giữa dòng nước hung hãn. Tôi đã đoán tàu sẽ lên bờ theo kiểu đổ bộ, nhưng nó sắp thành một cú rơi từ trên không.

Khi tàu lao nhanh theo sóng về phía bờ, tôi đủ tỉnh táo để tắt hết động cơ để nếu chúng tôi thực sự thoát được khi đổ bộ thì chiếc Formula không phát nổ vì lượng nhiên liệu còn lại. Tôi cũng sợ sẽ bị hai chiếc chân vịt chặt bay đầu chúng tôi. "Bám chặt đi!" Tôi thét lên.

"Tuyệt quá!" Nàng đáp.

Mũi tàu đáp xuống bãi biển trước, sau đó lật nghiêng sang bên sườn. Hai chúng tôi nhảy ra khỏi tàu ngay lúc một con sóng khác xô vào. Tôi thấy một mỏm đá nhô lên cao và một tay ôm vội vào đó, tay kia quờ được cổ tay Beth. Con sóng vỡ tan và rút đi, chúng tôi đứng lên và chạy thực mạng lên chỗ cao hơn. Beth một tay ôm sườn, chỗ bị thương.

Chúng tôi đến trước một vách đất bị xói lở và trèo lên. Cát, đất và chất ô xít sắt ướt nhoẹt rơi xuống từng mảng lớn. Beth nói, "Chào mừng đến với Đảo Plum."

“Cám ơn.” Cuối cùng, chúng tôi cũng lên được đỉnh gò và nằm vật ra trên bãi cỏ. Chừng một phút sau, tôi đứng dậy và nhìn xuống bãi biển. Chiếc Formula đã bị lật. Tôi còn nhìn thấy vỏ tàu trắng bị chẻ toác ra. Con tàu bị lật lại lần nữa khi nước biển rút kéo theo nó ra ngoài. Nước sâu khiến nó trở lại thế thẳng đứng chừng một phút rồi lại bị lật. Một con sóng khác đẩy nó về phía bờ. Tôi nói với Beth, “Anh không muốn ở trên con tàu đó nữa.”

Nàng đáp, “Vâng, và em cũng không muốn ở trên hòn đảo này.”

“Tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa.”

“Tại anh đấy.” Nàng đáp.

“Vẫn còn ý tưởng về chiếc áo phông,” tôi nói. “Anh bị nghe trộm trên Đảo Plum. Em hiểu chứ?”

“Anh có thể câm miệng lại lấy năm phút được không?”

“Được thôi.”

Kỳ thực, tôi muốn có được sự im lặng tương đối sau nhiều giờ với gió, mưa và động cơ của con tàu. Tôi thật sự nghe thấy tiếng tim mình đập, tiếng máu bơm trong tai và lá phổi đang khò khè. Tôi cũng nghe thấy một giọng nói nhỏ trong đầu rằng “Coi chừng với những gã nhỏ con và mang súng lớn.”

CHƯƠNG 35

Chúng tôi ngồi nghỉ trên cỏ cho đầu óc ổn định và lấy lại sức. Tôi ướt sũng, mệt mỏi, lạnh và rệu rã, cộng với lá phổi từng bị thủng đang lên cơn đau. Tôi đã để mất đôi giày. Nhìn sang Beth, tôi thấy nàng cũng đi chân đất. Nhìn theo cách lạc quan, chúng tôi vẫn còn sống, tôi vẫn còn khẩu .38 trong bao đeo vai. Tôi rút khẩu súng ổ quay ra để chắc chắn rằng viên đạn còn lại đang ở vị trí bắn tiếp theo. Beth sờ vào túi nàng và thông báo, "Được rồi... súng của em còn đây."

Chúng tôi vẫn mặc áo mưa choàng và áo phao, nhưng tôi nhận ra Beth đã để mất chiếc ống nhòm đeo trên cổ nàng.

Chúng tôi nhìn ra biển và những đám mây vần vũ xung quanh mắt bão. Trời vẫn mưa nhưng không còn nặng hạt và bị gió tạt. Khi đã bị nước mưa ngấm vào tận xương thì một chút mưa nhỏ đâu còn đáng kể gì. Điều tôi lo là cơ thể bị mất nhiệt nếu chúng tôi ngồi quá lâu.

Tôi nhìn sang Beth và hỏi, "vết rách trên trán em thế nào rồi?"

"Không sao." Nàng nói thêm, "Em đã ngâm nó trong nước mặn."

"Tốt. Thế còn vết thương do đạn bắn?"

"Nó tuyệt lắm, John."

"Còn những chỗ bị rách và bầm dập khác thì sao?"

"Chỗ nào cũng có cảm giác hay lắm."

Tôi nghĩ mình đã nhận ra một chút mỉa mai trong giọng nói của nàng. Tôi đứng dậy và cảm thấy chao đảo.

Beth hỏi tôi, "Anh có sao không?"

"Anh không sao." Tôi chìa tay xuống để nàng nắm và kéo nàng đứng lên. Tôi nói, "Chúng ta đã tránh được vỏ dừa, nhưng chưa ra được khỏi rừng."

Nàng nói với tôi bằng giọng nghiêm túc, "Em nghĩ Tom và Judy Gordon sẽ tự hào về tài lái tàu của anh."

Tôi không đáp. Còn một câu bỏ lửng không nói ra, đó là "Emma sẽ hài lòng với những gì anh đã làm cho chị ấy."

Beth nói, "Em nghĩ chúng ta nên quay lại theo hướng của eo Ruột Plum và tìm tòa nhà thí nghiệm chính."

Tôi không trả lời.

Nàng nói tiếp, "Chúng ta không được để mất ánh đèn. Ta sẽ nhờ lực lượng an ninh của Đảo Plum đến giúp. Em sẽ gọi điện hoặc liên lạc bằng điện đài về cơ quan em."

Một lần nữa, tôi không trả lời.

Beth nhìn tôi. "John?"

Tôi nói, "Anh không tới tận đây để nhờ vả Paul Stevens."

"John, chúng ta đang yếu thế, mà giờ chỉ còn năm viên đạn. Giầy cũng không có. Đến lúc phải gọi cho cảnh sát thôi."

"Em có thể đến khu nhà chính nếu em muốn. Anh sẽ đi tìm Tobin." Tôi quay đầu và bước đi về phía đông dọc theo mép gò, hướng đến nơi tôi đã nhìn thấy chiếc tàu của Tobin thả neo cách chừng nửa dặm dưới bãi biển.

Nàng không gọi với theo tôi, nhưng nửa phút sau, nàng đã bước đi bên cạnh. Chúng tôi đi trong im lặng. Cả hai vẫn mặc áo phao, phần để giữ ấm, phần là để phòng, biết đâu lại có lúc dùng đến.

Cây cối mọc trên gò và những bụi nhỏ chen nhau dày đặc. Không có giầy, chúng tôi phải đi rón rén và không dễ chịu chút nào.

Gió tĩnh lặng trong mắt bão. Không gian im ắng. Tôi còn nghe thấy cả tiếng chim kêu. Tôi biết áp suất không khí đã xuống đến mức cực thấp bên trong mắt bão, và dù không nhạy cảm lắm trước biến đổi của áp suất, tôi cũng thực sự cảm thấy như ... cáu kỉnh, có thể là hơi khùng nữa. Thật ra, có lẽ cảm giác của tôi là bực mình và lòng đầy sát khí.

Beth hỏi tôi bằng giọng thì thào, "Anh có kế hoạch gì chưa?"

"Tất nhiên rồi."

"Thế kế hoạch là gì, John?"

"Là cứ bình tĩnh."

"Kế hoạch hoàn hảo thật."

"Đúng." Một chút ánh trăng lọt qua những đám mây màu khói và chúng tôi có thể nhìn được khoảng cách ba mét phía trước. Dù vậy, đi dọc theo mép của vách đất cũng hơi nguy hiểm bởi những rãnh xói. Vì thế, chúng tôi đi sâu vào bên trong và thấy con đường sỏi mà chiếc xe của Paul Stevens đã đưa chúng tôi đi qua để đến đầu phía đông của hòn đảo. Con đường hẹp đầy những thân cây đổ bật gốc và cành cây rơi ngổn ngang, thế nên chúng tôi cũng không lo bất ngờ gặp xe tuần tra.

Chúng tôi ngồi nghỉ trên một thân cây đổ. Hơi thở của hai người như khói trắng trong không khí ẩm ướt. Tôi cởi chiếc áo phao và áo mưa choàng, rồi bỏ nốt cả bao súng đeo vai và áo phông. Tôi cố xé chiếc áo phông làm đôi rồi quấn cả hai mảnh quanh bàn chân Beth. Tôi nói, "Anh sắp cởi quần lót ra đấy. Đừng có liếc."

"Em không liếc đâu. Nhìn thẳng có được không?"

Tôi cởi bỏ chiếc quần bò chật đã ướt nhoẹt, rồi cởi quần lót ra và xé làm đôi.

Beth nói, "Boxers à? Em cứ tưởng anh thích dùng đồ của Jockey."

Penrose có vẻ đang trong tâm trạng vui vẻ vì lí do gì đó. Trạng thái phởn phơ của người sống sót sau hoạn nạn, tôi đoán thế. Tôi buộc hai mảnh vải quanh bàn chân.

Beth nói, "Em xin góp cả đồ lót của em, nhưng nó bị ướt khi em thay trên tàu rồi, em không ngại mặc lại đâu. Anh có cần áo của em không?"

"Không. Cám ơn. Thế này được rồi." Tôi kéo chiếc quần bò lên, đeo lại bao súng vào vai trần, mặc áo mưa và áo phao. Tôi cảm thấy lạnh và đã bắt đầu run.

Chúng tôi kiểm tra vết thương của Beth. Có một chút máu đang rỉ ra, nhưng dường như không nghiêm trọng gì.

Chúng tôi tiếp tục đi dọc theo con đường sỏi. Bầu trời lại tối dần, và tôi biết mắt bão đang di chuyển về phía bắc. Không lâu nữa nửa sau của cơn bão sẽ đi qua đây, và nó cũng mạnh không kém gì nửa trước. Tôi nói thầm với Beth, "Đây là đoạn mà Tobin thả neo. Từ chỗ này phải thận trọng và giữ im lặng."

Nàng gật đầu. Hai chúng tôi rời con đường đi về hướng bắc, xuyên qua những đám cây cối xuống tới mép của vách cao. Và đúng như tôi đoán, chiếc Chris-Craft đang đậu cách bờ biển chừng năm chục thước. Chiếc tàu căng lên bởi những đợt sóng và hai sợi dây neo thả ở mũi và đuôi tàu. Trong ánh sáng mờ, chúng tôi nhìn thấy chiếc Whaler trên bãi biển phía dưới, hẳn là Tobin đã lên bờ. Một sợi dây từ chiếc Whaler kéo lên vách cao và cột vào một cái cây ngay gần chỗ chúng tôi.

Hai chúng tôi đứng bất động, nghe ngóng và căng mắt nhìn vào bóng tối. Tôi khá chắc chắn là Tobin đã đi sâu vào bên trong đảo. Tôi thì thầm

với Beth, "Hắn đi tìm kho báu rồi."

Nàng gật đầu bảo, "Chúng ta không thể lần theo hắn được. Ta cứ ở đây chờ hắn quay lại." Nàng nói thêm, "Em sẽ bắt hắn."

"Cô nàng Đạo đức."

"Nghĩa là thế nào?"

"Nghĩa là, thưa cô Penrose, không ai lại bắt một người đã ba lần cố giết mình."

"Anh không định giết hắn đấy chứ?"

"Muốn cá không?"

"John, em đã liều mạng để giúp anh trên con tàu rồi. Giờ anh nợ em một lần." Nàng nói thêm, "Em vẫn có nhiệm vụ, em là cảnh sát, và chúng ta phải làm theo cách của em."

Tôi không thấy có lý do nào để tranh cãi một điều mà tôi đã quyết định trong đầu rồi.

Beth bảo nên cởi bỏ sợi dây đi và để sóng cuốn chiếc Whaler ra ngoài, như thế Tobin sẽ không còn đường lùi. Tôi chỉ cho nàng thấy rằng nếu Tobin ra gần đến bãi biển phía dưới và nhìn thấy chiếc Whaler bị mất thì hắn sẽ biết là hắn đang bị theo dõi. Tôi nói với Beth, "Em chờ ở đây yểm hộ cho anh."

Tôi túm lấy sợi dây và tụt chừng bốn mét rưỡi xuống chiếc Whaler đang nằm trên bãi biển đầy đá. Ở đuôi thuyền có chiếc thùng nhựa mà tôi đã nhìn thấy khi ở trong nhà để tàu của Tobin. Trong thùng có một mớ những đồ linh tinh, nhưng tôi thấy chiếc còi hơi đã biến mất. Fredric Tobin có thể đã đoán ra là tôi đã biết mọi chuyện và quẳng hết những thứ liên quan đi. Không sao - sẽ không có một bồi thẩm đoàn mười hai người dành cho hắn.

Tôi tìm được một chiếc kìm và dùng nó tháo bỏ chiếc chốt giữ chân vịt với trục lái. Tôi thấy mấy chiếc chốt sơ cua khác để trong thùng và bỏ cả vào túi. Tôi cũng tìm thấy một con dao nhỏ dùng để đánh vảy và xẻ thịt cá trong thùng liền cầm theo. Tôi tìm đèn pin nhưng không thấy chiếc nào để trên thuyền.

Tôi bám vào sợi dây leo lên, hai bàn chân bọc trong quần lót đạp sâu vào lớp đất cát. Lên đến đỉnh, Beth chìa tay ra kéo.

Tôi nói, "Anh đã tháo bỏ cái chốt ở chân vịt."

Nàng gật đầu. "Tốt. Anh có giữ nó để phòng lúc cần đến không đấy?"

"Có. Anh nuốt rồi. Trông anh ngớ ngẩn lắm à?"

"Trông anh không ngớ ngẩn. Nhưng anh làm những điều ngớ ngẩn."

"Đó là một phần mẹo mực của anh." Tôi đưa cho nàng mấy chiếc chốt, còn con dao thì giữ lại."

Beth nói một câu làm tôi ngạc nhiên, "Anh này, em xin lỗi vì mấy câu khó chịu của em. Em hơi mệt và căng thẳng."

"Đừng lo."

"Em lạnh. Chúng ta... rúc vào nhau được không?"

"Ôm ư?"

"Rúc. Người ta rúc để lấy lại thân nhiệt."

"Đúng rồi. Anh đã đọc điều này ở đâu rồi. Được..."

Hơi một chút ngượng ngập, chúng tôi sát vào nhau, hay gọi là ôm nhau cũng được. Tôi ngồi lên một thân cây to bị đổ, còn Beth ngồi trong lòng tôi, hai tay nàng ôm quanh người, mặt vùi vào ngực. Chúng tôi cảm thấy ấm hơn một chút, dù quả thật đó không phải là cảm giác rạo rực, vì cái tình thế của chúng tôi bấy giờ. Đó chỉ là sự tiếp xúc giữa con người với con người, là sự nương tựa lẫn nhau để duy trì sự sống. Chúng tôi đã đi cùng

nhau qua nhiều biến cố, và giờ đã gần tới đích. Có lẽ cả hai cùng cảm thấy một điều gì đó đã thay đổi giữa hai người kể từ khi xảy ra cái chết của Emma.

Dù sao, chuyện này cũng rất giống với Robinson Crusoe, hay đảo Giấu vàng, hay gì đó. Và có lẽ, tôi đang thích thú với nó như cánh mày râu của mọi thời đại vẫn thích được thử thách trước cả con người và thiên nhiên. Tuy nhiên, tôi có cảm nhận rất rõ rằng Beth Penrose không chia sẻ một chút nào cái máu trai trẻ của tôi. Phụ nữ thường thực tế hơn một chút. Họ không mấy khi tìm thấy sự thích thú với việc dìm mình trong bùn. Còn nữa, có lẽ đi săn và giết chóc không hấp dẫn nhiều với phụ nữ. Mà đó lại là điều thực sự đang diễn ra lúc này - đi săn và giết chóc.

Chúng tôi ngồi đó sưởi ấm cho nhau một lúc, nghe tiếng gió, tiếng mưa. Tôi nhìn chiếc tàu Chris-Craft trồi lên dập xuống theo những đợt sóng, hai sợi dây neo căng lên. Tôi cũng để mắt xuống bãi biển phía dưới và lắng nghe để phát hiện tiếng bước chân đi trong rừng.

Cuối cùng, sau khoảng mười phút, chúng tôi rời nhau. Tôi đứng lên rũ các khớp cho đỡ tê cứng và chợt nhận ra một chỗ bị cứng khác không mong muốn là chiếc trục các đăng cũ.

Tôi bảo Beth, "Anh thấy ấm hơn rồi."

Nàng ngồi thu lu bên gốc cây bị đổ, hai tay ôm gối. Nàng không đáp.

Tôi nói, "Anh đang cố đặt mình vào giầy của Tobin để hiểu suy nghĩ của hắn."

"Ít nhất thì hắn cũng có giầy."

"Đúng. Chắc rằng hắn đang đi sâu vào đảo về nơi cất giấu kho báu. Đúng không?"

"Tại sao lại là sâu trong đảo? Tại sao không ở ven bãi biển."

"Kho báu có thể được tìm thấy ban đầu ở gần bãi biển, có thể trên một trong những mỏm đá - có thể đây là những *mỏm đá của thuyền trưởng Kidd* - nhưng khả năng nhiều nhất là vợ chồng Gordon đã chuyển kho báu khỏi cái hố mà họ đã tìm ra nó, vì cái hố rất dễ bị sập và họ phải đào lại. Đúng không?"

"Có thể như vậy."

"Anh đoán là vợ chồng Gordon đã giấu kho báu ở đâu đó bên trong hoặc xung quanh pháo đài Terry hoặc khu công sự pháo mà chúng ta đã thấy lần trước đến đây."

"Có thể."

"Vậy, nếu cho là Tobin biết kho báu đang ở đâu, thì giờ hắn phải lấy ra, mang qua rừng và trở lại đây. Có thể phải mất hai hoặc ba chuyến tùy theo trọng lượng của kho báu. Đúng không."

"Có thể."

"Vậy, nếu là hắn, anh sẽ đi lấy kho báu, mang nó trở lại đây, rồi đưa xuống chiếc thuyền Whaler. Anh sẽ không cố đưa chiếc Whaler trở ra chỗ chiếc Christ-Craft trong thời tiết như thế này, hay cố chuyển kho báu trên những con sóng kia. Đúng không?"

"Đúng."

"Vì vậy, hắn sẽ chờ trên chiếc Whaler cho tới khi cơn bão đi qua, nhưng hắn muốn đi khỏi trước khi trời sáng, trước khi trực thăng và tàu tuần tra lượn ra. Đúng không?"

"Cũng lại đúng. Vậy thì sao?"

"Vậy thì chúng ta phải lần theo và chộp hắn khi hắn đang lấy kho báu ra. Đúng không?"

"Đúng - không, không đúng. Em không theo cách suy luận này."

“Nó phức tạp, nhưng lô gíc.”

“Nó vớ vẩn thì có, John. Lô gíc bảo chúng ta phải ở đây. Tobin kiểu gì cũng phải quay lại đây, và chúng ta sẽ chờ hắn.”

“Em có thể chờ hắn. Anh sẽ lần theo thằng chó chết này.”

“Không, không được. Hắn có vũ khí mạnh hơn anh, mà em không đưa súng của em cho anh đâu.”

Chúng tôi nhìn nhau, tôi nói, “Anh sẽ tìm ra hắn. Anh muốn em ở đây, và nếu thấy hắn đến mà không thấy anh đâu”

“Thì có thể là hắn đã giết anh. Ở đây đi, John. Ở đây an toàn hơn nhiều.” Nàng nói thêm, “Tỉnh táo đi.”

Tôi lờ đi và quỳ xuống cạnh nàng. Tôi cầm tay nàng và nói, “Em xuống chỗ chiếc Whaler đi. Ở đó em có thể thấy hắn nếu hắn đi dọc theo bờ biển hoặc tụt xuống theo sợi dây. Em nấp vào chỗ nào đó phía sau những tảng đá. Khi hắn tới gần đủ để em nhìn thấy rõ hắn trong bóng tối thì bắn phát đầu tiên vào người hắn, sau đó lao đến gần và cho hắn một viên vào đầu. Được không?”

Nàng không nói gì khoảng mấy giây, rồi gật đầu. Nàng mỉm cười nói, “Sau đó em sẽ nói: ‘Đứng im, cảnh sát đây!’”

“Đúng. Em học khá lắm.”

Nàng rút khẩu Glock 9 li ra và đưa cho tôi. Nàng nói, “Em chỉ cần bắn một phát nếu hắn quay lại đây. Anh cầm lấy. Còn bốn viên trong súng. Đưa súng của anh cho em.”

Tôi cười, “Cái hệ đo bằng mét anh không thạo lắm. Anh sẽ dùng khẩu súng lục .38 sáu viên đúng của Mỹ này.”

“Năm viên.”

“Đúng rồi. Anh phải nhớ điều đó mới được.”

“Em có thể bảo anh đừng đi được không?”

“Không.”

Lúc này hôn nhanh một cái chắc là được, nhưng cả hai chúng tôi đều không còn bụng dạ nào nghĩ đến. Tôi nắm chặt tay nàng và nàng cũng xiết chặt lại. Tôi đứng dậy, quay người và bước đi qua những đám cây rời xa chỗ vách đứng đầy gió, rời xa Beth.

Năm phút sau tôi đến được con đường sỏi. Được rồi, giờ tôi là Fredric Tobin. Có thể tôi có một chiếc la bàn, nhưng dù có hay không thì tôi cũng đủ khôn ngoan để biết rằng phải đánh dấu bằng cách nào đó trên một trong những cái cây này cho nhớ vị trí trên đường tương ứng với chỗ tôi đã lên bờ trên bãi biển.

Tôi nhìn quanh và đúng rồi, tôi thấy một đoạn dây màu trắng buộc giữa hai cái cây cách nhau chừng ba mét. Tôi đoán đây là kim la bàn của Tobin, và mặc dù không có la bàn, cũng không có ai trên tòa nhà Empire State Building dẫn đường, tôi chắc rằng Tobin đã đi theo hướng chính nam. Tôi lần mò tìm đường qua rừng cây và cố giữ theo hướng đó.

Kỳ thực, nếu tôi không may mắn và không phát hiện ra điều gì cho biết Tobin đã đi đâu thì có thể tôi đã quay lại chỗ Beth. Nhưng tôi có cảm giác - đến mức gần như là chắc chắn - rằng có thứ gì đó đang lôi kéo tôi, đang đẩy tôi về phía Fredric Tobin và kho báu của thuyền trưởng Kidd. Tôi đã hình dung rõ ràng tôi, Tobin và kho báu đang ở một chỗ, và trong bóng tối xung quanh chúng tôi là những người đã chết - Tom và Judy, ông bà Murphy, Emma và cả chính thuyền trưởng Kidd.

Mặt đất dốc lên cao và chẳng mấy chốc tôi thấy mình đứng ở rìa của một khoảng trống. Ở rìa bên kia, tôi có thể nhận ra bóng hai tòa nhà nhỏ nổi lên trên nên trời tối. Tôi nhận ra đó chính là pháo đài Terry bị bỏ hoang.

Tôi tìm xung quanh xem có dấu vết gì không và phát hiện ra một đoạn dây buộc vào thân cây. Đây là chỗ đi ra của Tobin từ trong rừng, và đây sẽ là chỗ hắn đi vào khi quay lại. Có vẻ như hệ thống định hướng bằng bản năng trong đầu tôi đang hoạt động khá tốt. Nếu là một chú chim di cư đang bay về phương Nam, tôi sẽ đi đúng đường tới Florida.

Việc Tobin tới pháo đài Terry không có gì đáng ngạc nhiên. Hầu như tất cả các con đường lớn nhỏ trên Đảo Plum đều hội cả về đó, và có hàng trăm chỗ cất giấu kín đáo giữa những tòa nhà bỏ hoang và các công sự pháo gần đó.

Tôi biết, nếu chờ ở đây, tôi sẽ phục kích được hắn khi hắn quay lại. Nhưng tôi đang trong tâm trạng của một kẻ đi săn quyết tìm con mồi chứ không phải một người kiên nhẫn ngồi phục.

Tôi chờ một vài phút và tính toán xem có ai đó với một khẩu súng trường đang chờ tôi ở phía xa bên kia khoảng trống. Từ hàng trăm bộ phim về chiến tranh, tôi biết mình không nên đi qua một khoảng trống mà phải đi vòng. Nhưng nếu làm thế, hoặc tôi sẽ để mất Tobin, hoặc chính tôi sẽ bị lạc. Tôi phải đi theo đường hắn đã đi. Mưa đang ngày càng nặng hạt, gió cũng mạnh lên. Thật thảm hại cho tôi. Tôi ngửa đầu ra sau, há miệng để cho nước mưa tràn lên mặt và chảy vào cổ họng. Nước mưa làm tôi dễ chịu hơn.

Tôi đi vào giữa khoảng đất trống theo hướng nam. Miếng vải quấn dưới chân đã rách te tua, hai bàn chân đau buốt và chảy máu. Tôi tự nhủ mình là người gan lì hơn nhiều so với cái gã Tobin công tử bột kia, và tất cả những gì tôi cần là một viên đạn và một con dao.

Tôi đến đầu bãi phẳng và nhìn thấy một hàng cây mỏng phân cách phần bãi và khu đất rộng xung quanh pháo đài Terry. Tôi không còn cách nào để biết hắn đã đi đâu, và cũng không có thêm vết đánh dấu nào vì giờ các tòa

nhà đã trở thành điểm mốc cho hắn. Tất cả những gì tôi có thể làm là đi tiếp.

Tôi chạy đích dắc từ tòa nhà này sang tòa nhà kia và tìm dấu vết của Tobin. Sau khoảng mười phút, tôi thấy mình đang ở gần tòa nhà chỉ huy cũ. Tôi biết đã để mất dấu hắn, và rằng hắn có thể đã đi tới bất kì nơi nào từ đây - theo phía nam tới bãi biển hải cẩu, hoặc về phía tây tới tòa nhà chính, hướng đông trên miếng xương sườn lợn. Hoặc, có thể hắn đang nấp đâu đó chờ tôi tới gần hơn. Hoặc, có thể tôi đã để mất hắn giống như lúc trên biển, và hắn đang ở sau tôi. Không hay rồi.

Tôi quyết định đi tìm nốt những khu nhà còn lại trong khu này. Tôi vừa bước chân chạy lom khom tới chỗ chiếc nhà thờ nhỏ thì bất thình lình có tiếng súng nổ, tôi vội hụp người nằm xuống. Tôi hiểu ra mấy phát bắn không phải nhằm vào mình.

Tôi chạy thật nhanh đến bên sườn của nhà thờ gỗ và nhìn về hướng vừa có tiếng súng. Cách đó chừng năm chục thước là trạm cứu hỏa. Có lẽ là bắn ở bên trong nên tiếng súng không đanh.

Tôi vừa định chạy về phía trạm cứu hỏa thì bất ngờ một trong những cánh cửa lớn ở phía trên mở tung ra và tôi vội nằm xuống. Cánh cửa hình như đang dao động với một biên độ ngắn, như thể có ai đã mở nó bằng một sợi dây kéo, và tôi đoán ở trong này mất điện. Kỳ thực, bên trong những cửa sổ ở tầng trên, tôi nhìn thấy ánh sáng của một ngọn nến hay đèn dầu gì đó đang bập bùng.

Và trước khi tôi phải quyết định sẽ làm gì tiếp theo, một chiếc xe cứu thương lớn không bật đèn chạy ra khỏi gara và rẽ ra đường, hướng về phía đông nơi có dải đất hẹp với những ụ pháo đã đổ nát.

Chiếc xe có gầm cao và chạy khá dễ dàng qua những vật chướng ngại nguy hiểm trên đường. Chỉ một loáng, nó đã mất hút trong bóng tối.

Tôi chạy hết sức bằng chân đất về phía trạm cứu hỏa, rút súng ra và lao vào qua chiếc cửa gara đang mở. Tôi nhận ra có ba chiếc xe cứu hỏa trong gara.

Tôi đã đi dưới mưa lâu đến mức có cảm giác hơi là lạ ở nơi tạnh ráo trong chừng mươi giây đầu, nhưng tôi quen với nó cũng rất nhanh.

Khi mắt đã quen với bóng tối, tôi nhận ra một chiếc cột của lính cứu hỏa ở phía cuối của gara, và ánh sáng bập bùng từ phòng ngủ ở tầng trên lọt xuống qua chiếc lỗ ở trên trần. Ở bên trái cột là một cầu thang rộng. Tôi tới chỗ cầu thang và leo lên những bậc gỗ cọt kẹt, súng lăm lăm phía trước. Tôi biết không còn nguy hiểm gì với mình, và biết sắp được thấy điều gì.

Trên đầu cầu thang là căn phòng ngủ, bên trong thắp đèn dầu. Dưới ánh sáng của những ngọn đèn, tôi nhìn thấy hai người đàn ông nằm trên giường, không cần đến gần cũng biết là họ đã chết. Vậy là số người chết dưới tay Tobin đã lên đến bảy người. Rõ ràng là không cần phải có một phiên tòa ngớ ngẩn để kết thúc vụ này.

Bên cạnh mỗi chiếc giường có ủng và tất chân. Tôi ngồi lên chiếc ghế dài và xỏ lấy một đôi tất dày cùng một đôi ủng cao su mạ kẽm khá vừa vặn. Mấy chiếc tủ có khóa kê sát tường. Trên bức tường khác có áo mưa và áo cổ chui dài tay treo trên móc. Nhưng tôi chỉ mặc những đồ của người chết vừa đủ mức mình muốn. Không phải vì tôi là người mê tín.

Ở phía sau phòng ngủ của trạm cứu hỏa là một phòng bếp nhỏ, giống như kiểu bếp trên tàu biển. Trên bệ bếp có một hộp bánh sô-cô-la và tôi lấy một chiếc ra ăn.

Tôi xuống cầu thang và ra ngoài con đường chạy dọc theo hướng đông-tây phía trước trạm cứu hỏa. Tôi nhằm về phía đông đi lên dốc theo hướng của chiếc xe cứu hỏa hồi nãy. Những cành cây gãy nằm trên đường nơi chiếc xe chèn qua.

Tôi đi bộ khoảng nửa dặm, và dù trong bóng tối, tôi vẫn nhớ con đường này từ lần Stevens dẫn đi vòng quanh đảo. Mưa nặng hạt. Gió lại bắt đầu giật gãy những cành lá khỏi thân cây. Lúc lúc, tôi lại nghe một tiếng roác như thể tiếng súng trường làm tim đập thình thịch, nhưng âm thanh là từ những cành cây bị gãy và rơi xuống qua những cành bên dưới.

Con đường bị nước từ nền cao hai bên tràn xuống xối xả. Đường rãnh thoát nước dọc theo đường đã ngập không kịp chảy khi tôi cố đi ngược dốc qua những đống bùn lở và cành cây gãy. Thứ này hẳn là tệ hơn cả khi tuyết rơi dày thành đống trước trụ sở cơ quan tôi. Thiên nhiên thật đáng sợ. Đôi khi, thiên nhiên cũng nổi giận.

Đúng là tôi cũng không chú ý lắm đến phía trước vì khi nhìn lên, chiếc xe cứu thương đứng sừng sững ngay trước mặt, chưa đầy năm mét. Tôi khựng lại, rút súng ra và quỳ một chân xuống đất. Qua làn mưa, tôi nhận ra một cây to khổng lồ đổ chắn ngang trên đường phía trước chiếc xe.

Chiếc xe chiếm gần hết bề ngang của con đường hẹp. Tôi đi vòng qua phía trái, dòng nước chảy từ rãnh thoát nước ngập đến đầu gối. Tôi đi đến sườn cửa bên lái và ngó vào trong, nhưng không có ai trong cabin.

Tôi định làm cho chiếc xe không nổ máy được nữa, nhưng cửa cabin lại bị đóng, còn nắp che động cơ lại bị chốt từ phía trong. *Chết tiệt*. Tôi bò xuống dưới gầm cao của xe và rút dao ra. Tôi không biết nhiều lắm về cơ khí ô tô, còn Jack và Ripper* lại không biết nhiều về cấu tạo máy. Tôi cắt mấy ống dây, hóa ra là ống dẫn nước và hơi nước. Rồi để cho chắc ăn, tôi cắt luôn mấy sợi dây điện. Khá chắc chắn là đã làm vô hiệu hóa động cơ, tôi chui ra khỏi gầm và đi tiếp lên đường dốc.

Lúc này tôi đã ở giữa khu công sự pháo, xung quanh toàn bê tông, đá và những đống gạch vỡ phủ đầy dây leo và những khóm cây, trông giống như khu thành đổ nát Mayan. Tôi đã có lần đến khu rừng ở ngoại ô Cancun.

Thật ra, đó là lần tôi đi trăng mật. Còn lúc này không phải trăng mật. Càng không phải là trăng mật của tôi.

Tôi vẫn theo đường chính để đi dù đã nhìn thấy những con đường nhỏ hơn và những đoạn trải bê tông. Tôi đi theo hình dích dắc, qua phải, rồi qua trái. Rõ ràng là Tobin đã có thể theo một trong những lối đi này để vào khu công sự pháo. Tôi hiểu rằng cũng có thể tôi đã để mất hắn. Tôi dừng bước và khom người sát vào bên một bức tường bê tông giáp ngay bên đường. Đúng lúc đang định quay lại, tôi hình như nghe thấy tiếng gì đó ở đằng xa vọng lại. Tôi cố nín hơi thở nặng nhọc để lắng nghe và lại thấy âm thanh đó lần nữa, thứ âm thanh sắc và giống như tiếng hú. Cuối cùng, tôi nhận ra đó là tiếng còi vọng đến từ rất xa và chỉ vừa đủ nghe được trong tiếng ầm ào của mưa gió. Nó vọng đến từ hướng tây, rít lên từng hồi dài, giữa các hồi là một khúc ngắn bằng thứ âm cao vọt lên. Đúng là tiếng còi báo động, còi điện, và có lẽ phát ra từ tòa nhà chính.

Hồi còn nhỏ, tôi đã biết nhận ra tiếng còi báo động tập kích trên không, nhưng đây không phải thứ âm thanh đó. Nó không phải là tiếng còi xe cứu hỏa, cứu thương hay của xe cảnh sát, cũng không phải tín hiệu rò rỉ phóng xạ mà tôi đã có lần nghe thấy trong một bộ phim huấn luyện cho cảnh sát. Vì thế, một phần bằng cách loại trừ, một phần vì tôi cũng không đến nỗi đần độn lắm, nên tôi biết - dù tôi chưa bao giờ nghe thấy thứ tín hiệu này - rằng cái tôi nghe thấy là tiếng còi báo rộng rò rỉ nguy hiểm sinh học. "Đức Giê-su..."

Nguồn điện từ trong đất liền bị mất và chắc hẳn chiếc máy phát điện ở gần tòa nhà chính đã bị sự cố, các máy bơm không khí áp suất âm ngừng hoạt động và các máy lọc không khí điện tử bị đánh thủng. "Ma-ri..."

Ở đâu đó, một chiếc còi lớn chạy bằng pin đang phát tín hiệu báo tin dữ, và tất cả những người đang trực bão trên đảo giờ phải mặc những bộ đồ

chống nguy hiểm sinh học và chờ đợi. Tôi không có bộ đồ nào như thế. Chết tiệt, tôi còn không có cả quần lót. "... và Giô-xép. Amen."

Tôi không hoảng loạn vì tôi biết chính xác phải làm điều gì. Chuyện này giống như hồi ở trường, chúng tôi xuống tầng hầm khi tiếng còi báo động có không kích hú vang và người ta cho là những quả tên lửa đang hướng về phía Fiorello H. La Guardia High.

Nhưng, có thể mọi chuyện không xấu đến như vậy. Gió đang thổi mạnh từ phía nam theo hướng bắc... hay phải không nhỉ? Thật ra, cơn bão đang *di chuyển* về hướng bắc, nhưng *gió* lại thổi ngược chiều kim đồng hồ, vì thế bất cứ thứ gì mà gió mang đi ở phòng thí nghiệm chính ở đâu phía tây của hòn đảo có thể sẽ đến được đầu phía đông này. "Chết tiệt."

Tôi đứng đó trong mưa và nghĩ về tất cả mọi chuyện - những vụ giết người, chuyện đuổi nhau trong bão và thoát chết trong gang tấc, tất cả - và sau sự dại dột chết người này, sự tự phụ ngu ngốc, tham lam và lừa lọc, giờ Thần Chết đã bước vào và chuẩn bị bàn ăn. *Biến*. Y như vậy.

Tôi biết chắc rằng nếu các máy phát điện gặp sự cố thì toàn bộ phòng thí nghiệm sẽ rò ra tất cả những gì bên trong nó. "Mình đã biết! Mình đã biết điều này sẽ xảy ra!" Nhưng tại sao lại là hôm nay? Tại sao nó lại xảy ra yào ngày thứ hai trong cả cuộc đời tôi có mặt trên cái hòn đảo ngớ ngẩn này?

Dù sao, điều mà tôi quyết định phải làm là chạy càng nhanh càng tốt trở lại bãi biển, tìm Beth, lên con thuyền Whaler, lên tàu Christ-Craft, và biến đi thật nhanh khỏi Đảo Plum, hy vọng điều tốt nhất sẽ đến. Ít nhất chúng tôi sẽ có một cơ hội, và Thần Chết sẽ định đoạt số phận của Tobin cho tôi.

Một ý nghĩ khác thoáng qua trong đầu, nhưng đó không phải là ý nghĩ hay ho - điều gì sẽ xảy ra nếu Beth sau khi nhận ra tiếng còi báo động phát đi tín hiệu gì đã dùng chiếc thuyền Whaler để ra tới tàu Christ- Craft và rời

khỏi đảo? Tôi cân nhắc một chút, rồi quả quyết rằng một người phụ nữ dám nhảy lên một con tàu nhỏ trong bão để đi cùng tôi thì sẽ không thể bỏ tôi trong lúc này. Nhưng... bệnh dịch còn có thứ gì đó đáng sợ hơn cả biển khơi trong bão tố.

Trong lúc chạy hối hả xuống con đường dốc về phía chiếc xe cứu thương, tôi chợt nhận ra mấy điều: thứ nhất, tôi đã đi quá xa và không thể bỏ chạy kịp; thứ hai, tôi không muốn biết điều mà Beth đã quyết định; thứ ba, tôi phải tìm ra Fredric Tobin và giết hắn; thứ tư, đằng nào thì tôi cũng là người chết. Chợt cảm thấy xấu hổ vì đã để mất đi sự tỉnh táo, tôi quay lại về phía khu công sự để đối mặt với số phận. Tiếng còi vẫn tiếp tục hú.

Khi lên tới đỉnh của con đường, tôi chợt thấy một chớp sáng - đúng hơn là một luồng sáng, quét qua đường chân trời phía bên phải khoảng một giây rồi vụt tắt.

Tôi tìm kiếm trong khu vực xung quanh con đường và phát hiện ra một lối đi hẹp bằng gạch xuyên qua những đám cây. Có ai đó đã đi qua đây không lâu. Tôi tìm cách vượt qua những bụi cây và cành gãy rơi trên lối đi. Cuối cùng, tôi đến một chỗ giống như cái sân trũng xuống, xung quanh là những bức tường bê tông với những cánh cửa sắt dẫn vào các kho chứa đạn dưới lòng đất. Ở trên đỉnh của những ngọn gò chạy vòng quanh, tôi có thể nhìn thấy những ụ pháo bằng bê tông. Tôi nhớ ra đã đứng trên đỉnh của những ụ pháo này khi đến đây lần trước và nhìn xuống cái sân này.

Vẫn đứng khom người trong những bụi cây, tôi dòm qua phần sân của những ụ bê tông đã rạn nứt, nhưng không thấy động tĩnh gì và cũng không thấy ánh đèn khi nãy.

Tôi rút súng và di chuyển thận trọng vào trong sân, đi vòng ngược chiều kim đồng hồ xung quanh sao cho bức tường bê tông phủ đầy cây địa y luôn ở sau lưng.

Tôi tới chỗ chiếc cửa lớn đầu tiên có hai cánh bằng thép. Cửa đóng. Nhìn vào bản lề, tôi biết hai cánh cửa mở ra phía ngoài. Thấy gạch vụn và mảnh vỡ nằm lăn lóc phía trước, tôi biết lâu nay không có ai mở cửa ra.

Tôi tiếp tục đi vòng theo đường cung của chiếc sân và nhận ra rằng tôi là một con vịt ngồi, một con vịt chết, một con vịt luộc, nếu có ai đó đứng ở trên bờ công sự quan sát xuống khoảng trống này. Tôi tới chiếc cửa thứ hai và thấy cũng như chiếc cửa đầu tiên - những cánh cửa cũ bằng sắt đã hoen gỉ có vẻ như chưa từng được mở cả mấy chục năm nay.

Đến bức tường thứ ba trên sân nằm ở hướng nam, một trong những chiếc cửa hai cánh lại khép hờ. Những mẩu gạch đá vụn đã bị gạt sang bên khi cánh cửa mở ra trước đó. Tôi nhìn qua khe hở chừng mươi phân nhưng không nhìn hay nghe thấy thứ gì.

Tôi kéo cánh cửa về phía ngoài thêm một chút và tiếng bản lề kêu két két rất to. *Chết tiệt*. Tôi đứng im và dỏng tai nghe ngóng, nhưng chẳng có gì ngoài âm thanh của gió và mưa. Tiếng rít từ xa vọng lại của còi báo động đang nói với mọi người rằng điều không thể tưởng tượng được đã xảy ra.

Tôi hít một hơi thở sâu và lách người qua khe cửa.

Tôi đứng thật im lặng khoảng hơn một phút và cố huy động mọi giác quan để xem chỗ này là thế nào. Một lần nữa, cũng giống như khi ở trong trạm cứu hỏa, tránh được mưa đã là tốt lắm rồi. Tôi chắc rằng đó là điều tốt cuối cùng ở nơi này.

Nơi này có cảm giác ẩm ướt, mùi ẩm ướt, như một nơi không có ánh sáng, chưa bao giờ.

Tôi bước nhẹ nhàng sang bên trái với sải chân dài và chạm vào một bức tường. Tôi sờ soạng. Bức tường bằng bê tông và cong. Tôi bước bốn bước theo hướng ngược lại và cũng gặp một bức tường bê tông cong. Tôi đoán rằng mình đang ở trong một đường hầm giống như chúng tôi đã gặp trong

chuyến đi lần đầu tiên tới đây - đường hầm dẫn tới chỗ ở của những người ngoài hành tinh Roswell và phòng thí nghiệm các bác sĩ Đức quốc xã.

Nhưng tôi không có thời gian cho các vị Đức quốc xã, cũng không quan tâm đến người ngoài hành tinh. Tôi phải quyết định xem đây có phải là chỗ Tobin đã đi không. Và nếu đúng, phải chăng hắn tới vì kho báu? Hay hắn đã biết tôi ở đâu và dẫn tôi vào cái bẫy này? Tôi không thực sự cần biết hắn muốn làm gì nếu hắn đã ở đây.

Tôi không nhìn thấy ánh đèn pin phía trước, chỉ có bóng tối dày đặc bao quanh dưới lòng đất này. Mắt người không thể nào quen được với bóng tối này, vì thế nếu Tobin có ở đây, hắn sẽ phải bật đèn pin lên để tìm tôi và lấy đường bắn. Và nếu hắn làm thế, tôi sẽ bắn thẳng vào hướng ánh đèn. Sẽ không có phát bắn thứ hai trong tình huống như thế này.

Chiếc áo mưa choàng và đôi ủng cao su phát ra tiếng động khi di chuyển, vì thế tôi bỏ cả hai thứ ra cùng với chiếc áo phao. Giờ trên người tôi là một bao súng đeo vai bằng da rất hợp mốt, quần bò, không đồ lót, một con dao găm cài ở thắt lưng, và đôi tất len của người chết. Tôi bắt đầu đi dò dẫm trong bóng tối đen kịt, chân nhấc cao để tránh những miếng gạch đá vỡ hay bất cứ thứ gì. Tôi nghĩ đến dơi, chuột, bọ và rắn, nhưng tôi đẩy những ý nghĩ ấy ra khỏi đầu; những loài ấy không phải thứ đáng sợ với tôi. Thứ đáng sợ là vi khuẩn bệnh than trong không khí phía sau, và một gã tâm thần với một khẩu súng trong bóng tối đâu đó phía trước.

Đức mẹ Ma-ri... Tôi xưa nay lúc nào cũng một lòng sùng đạo, rất thành kính. Chỉ là tôi không nói hoặc nghĩ nhiều về nó khi mọi chuyện diễn ra suôn sẻ. Ý tôi là, khi tôi đang nằm trên đường thoát nước, máu chảy xối xả chờ chết, tôi gọi tên Chúa không phải vì tôi đang trong cơn hoạn nạn. Chỉ là vì đó có lẽ là lúc và là nơi thích hợp để cầu nguyện, khi dường như không còn thứ gì khác đang diễn ra xung quanh... *Người sinh ra Chúa*...

Chân phải tôi giẫm lên thứ gì đó trơn tuột và suýt mất thăng bằng. Tôi khom người xuống và dò dẫm xung quanh chân. Tay tôi chạm vào một vật kim loại lạnh ngắt. Tôi thử lay nhưng nó không hề nhúc nhích. Tôi sờ với sang bên kia và cuối cùng nhận ra đó là đường ray gắn trên nền bê tông. Tôi nhớ Stevens đã nói rằng có một đường ray hẹp trên đảo này để vận chuyển đạn dược từ tàu thuyền trong vũng đậu vào các công sự pháo. Hẳn đây là đường ray ngầm dẫn đến kho đạn.

Tôi tiếp tục đi, chân bám theo đường ray. Sau khoảng vài phút, tôi rờ thấy đường ray rẽ sang phải, rồi cảm thấy thứ gì đó thô nhám. Tôi quỳ xuống và sờ xung quanh. Chỗ này có một cái ghi, đường ray chia làm hai nhánh sang phải và trái. Ngay lúc tôi nghĩ là Tobin và tôi đã đến gần cuối đường hầm thì lại có cái ngã ba chết tiệt này. Tôi vẫn quỳ và căng mắt nhìn vào bóng tối ở cả hai hướng, nhưng không thể nhìn thấy hay nghe thấy thứ gì. Tôi chợt nghĩ nếu Tobin tưởng hắn chỉ có một mình thì hắn đã bật đèn lên, hoặc ít nhất hắn sẽ bước đi những bước nặng nề gây ra tiếng động. Vì không thể nhìn hay nghe thấy hắn, tôi đã có một trong những suy đoán quan trọng nhất của mình, rằng hắn biết hắn không chỉ có một mình. Hoặc có thể hắn đang ở quá xa phía trước tôi. Hoặc có thể hắn còn không có ở đây... *hãy che chở cho những kẻ tội lỗi chúng con*.

Tôi nghe thấy tiếng động ở bên phải, giống như tiếng một mảnh bê tông hoặc một viên đá rơi chạm mặt sàn. Tôi lắng nghe kỹ hơn và thấy hình như là tiếng nước. Tôi chợt nghĩ đường hầm này có thể có những lỗ thông và với trời mưa... *giờ này, vào thời khắc*...

Tôi đứng lên và bước sang hướng bên phải theo đường ray. Tiếng nước rơi nghe to hơn, không khí dễ chịu hơn.

Vài phút sau, tôi có cảm giác rằng đường hầm đã kết thúc và tôi đang ở một trong một không gian rộng lớn hơn - kho chứa đạn. Mắt tôi bị hút lên

phía trên và tôi nhìn thấy một khoảng trời nhỏ tối ở trên đầu. Nước mưa rơi qua chiếc lỗ xuống mặt sàn. Tôi nhìn thấy cái gì đó giống như dàn giáo bắc cao lên chiếc lỗ, và tôi nhận ra đó là chiếc thang máy của kho đạn nơi các quả đạn pháo được tời lên tới các ụ súng bên trên. Đây đã là cuối đường hầm, và tôi biết Tobin đang ở đây, hắn đang chờ tôi... *cái chết của chúng con. Amen.*

CHƯƠNG 36

Fredric Tobin có vẻ như không vội vã thông báo sự có mặt của hắn, và tôi chờ đợi, tai lắng nghe tiếng nước rơi. Một lúc sau, tôi g`ần nghĩ chỉ có một mình mình, nhưng tôi cảm thấy được sự có mặt của một người khác ở trong h`ầm. Sự có mặt của ác quỷ. Đúng thế.

Rất chậm rãi, tôi đưa tay trái lên thắt lưng và rút con dao găm ra.

Hắn biết, tất nhiên, rằng đó là tôi. Và tôi biết đó là hắn. Hắn đã dẫn tôi vào chỗ này, nơi hắn định làm nấm m`ồcho tôi.

Hắn cũng biết rằng nếu hắn cử động hoặc gây ra tiếng động, hoặc bật đèn pin thì ngay lập tức tôi sẽ bắn ngay. Hắn hiểu rằng phát bắn đ`ầu tiên của hắn trong bóng tối nên là phát bắn tốt nhất vì đó sẽ là phát bắn duy nhất của hắn. Vì thế cả hai đứng bất động, giống như mèo và chuột, mỗi người đ`ều cố hiểu xem ai là mèo.

Cái tên khốn này cũng có th`ần kinh thép, tôi phải thừa nhận như vậy. Tôi sẵn sàng đứng đó cả một tu`ần nếu bắt buộc phải đứng, và hắn cũng thế. Tôi nghe tiếng mưa và gió bên ngoài, nhưng tránh nhìn lên cái lỗ trên tr`ần để tránh bị mất khả năng nhìn trong bóng tối mà tôi đã quen d`ần được.

Tôi đứng đó trong căn phòng ẩm ướt giống như chiếc hang, hơi lạnh đang thấm qua đôi tất, thấm qua cánh tay, ngực và lưng ở tr`ần. Tôi cảm thấy cơn ho kéo đến, nhưng đã ghìm lại được.

Khoảng năm phút trôi qua, có thể chưa đến, cũng có thể là hơn. Tobin hẳn giờ cũng đang tự hỏi phải chăng tôi đã lặng lẽ rút ra bên ngoài. Tôi

đang đứng giữa hắn và lối vào của hầm ở phía sau. Tôi không nghĩ hắn có thể đi qua tôi nếu hắn mất cả trí khôn và muốn ra ngoài.

Cuối cùng, Tobin cũng chớp mắt, nói một theo cách bóng bẩy. Hắn ném vật gì đó như là mảnh bê tông vào bức tường phía xa. Âm thanh dội lại trong chiếc kho chứa khổng lồ. Nó làm tôi giật mình, nhưng chưa đủ để tôi nổ súng. *Trò ngớ ngẩn lắm, Freddie*.

Và cả hai lại cùng đứng trong bóng tối. Tôi cố nhìn qua màn đen dày đặc, cố nghe hơi thở của hắn, đánh hơi sự sợ hãi của hắn. Tôi nghĩ mình đã nhìn thấy tia sáng trên mắt hắn, hoặc của thép, phản chiếu vầng sáng mờ của chiếc lỗ trên trần nhà. Tia sáng ấy đang ở phía trái, nhưng tôi không thể cảm giác được khoảng cách trong bóng tối.

Tôi nhận ra rằng con dao của tôi cũng có thể phản chiếu ánh sáng, vì thế tôi chuyển nó sang sườn bên trái để tránh nguồn sáng mở trên đầu.

Tôi cố nhìn lại tia sáng kia lần nữa, nhưng nó đã biến mất. Nếu nhìn thấy nó lần nữa, tôi quyết sẽ lao đến và làm một loạt các động tác với dao - đâm, chém, gạt, sọc, cho tới khi tôi chạm vào xương thịt. Tôi chờ đợi.

Càng cố nhìn vào nơi lúc trước có tia sáng thì mắt tôi càng hoa lên. Tôi nhìn thấy những khoang sáng như lân tinh nhảy múa trước mắt, rồi chúng tụ lại thành hình những chiếc đầu lâu đang ngoác miệng. *Chà*. Thật đúng là trí tưởng tượng.

Thật khó để thở không thành tiếng, và nếu không có âm thanh của gió và nước ở bên trên thì Tobin đã nghe thấy tôi, và tôi cũng đã nghe thấy hắn. Thêm một cơn ho nữa kéo đến, nhưng tôi vẫn kìm được.

Cả hai chờ đợi. Tôi đoán hắn biết tôi chỉ có một mình. Tôi cũng đoán hắn biết tôi có ít nhất một khẩu súng ngắn. Tôi chắc rằng hắn cũng có súng ngắn, nhưng không phải khẩu .45 mà hắn đã dùng để giết Tom và Judy. Nếu mang súng dài, hắn đã bắn tôi ở bên ngoài từ khoảng cách an toàn khi

nhận rằng John Corey đang bám theo hắn. Dù sao, ở đây súng dài cũng không tốt hơn gì súng ngắn. Cái tôi trừ ra là súng săn.

Tiếng nổ bất ngờ của khẩu súng săn làm ù tai trong kho kín và tôi suýt nhảy dựng lên. Nhưng ngay khi tôi nhận ra rằng mình chưa trúng đạn, ngay khi nhận biết được hướng của phát bắn - cách khoảng ba mét ở bên phải - và trước khi Tobin có thể thụp xuống để chuẩn bị bắn thêm phát nữa, tôi nổ phát súng duy nhất về nơi tôi đã nhìn thấy chớp lửa đạn.

Tôi quẳng súng và lao đến, đâm chém loạn xạ vào khoảng không trước mặt, nhưng tôi không chạm được vào thứ gì và cũng không đạp phải một xác người nằm trên sàn. Sau vài giây, mũi dao chạm vào tường. Tôi dừng lại và đứng im.

Một giọng nói phát ra từ phía sau tôi, "Tao đoán là mày chỉ có một viên duy nhất."

Tôi không đáp.

Giọng người kia nói tiếp, "Nói với tao đi chứ."

Tôi từ từ quay lại phía giọng nói của Fredric Tobin.

Hắn nói, "Tao nghĩ là tao đã nghe thấy khẩu súng của mày chạm xuống sàn."

Tôi nhận ra mỗi lần nói, hắn lại dịch chuyển. Khôn ngoan thật.

Hắn nói, "Tao có thể nhìn thấy mày dưới ánh sáng từ chiếc lỗ phía trên."

Tôi hiểu ra rằng việc tôi lao đến phía tiếng nổ đã khiến tôi ở gần hơn khoảng sáng mờ.

Một lần nữa, giọng nói lại di chuyển, "Nếu mày chùn, tao sẽ giết mày."

Tôi không hiểu tại sao hắn không bắn nữa, nhưng tôi biết hắn có dự định gì đó. Lợi dụng điều này, tôi di chuyển xa khỏi bức tường và nói, "Đ. mẹ

mày, Freddie."

Đột nhiên, một luồng sáng chiếu đến từ phía sau. Tôi nhận ra hắn đã đi vòng ra sau, và tôi đứng ngay trước ánh đèn của hắn. Tobin nói, "Đứng im, không tao bắn. Đứng im!"

Vậy là tôi đứng đó, lưng quay về phía hắn, đèn pin của hắn chiếu lên người, một nòng súng không nhìn thấy đang chĩa vào mông. Tôi giữ con dao ở sát người để hắn không nhìn thấy, nhưng hắn lại bảo, "Giơ tay lên đầu."

Tôi thả con dao vào trong cạp quần và giơ tay lên đầu, lưng vẫn quay lại phía hắn.

Hắn nói, "Tao muốn mày trả lời tao mấy câu hỏi."

"Rồi mày sẽ để tao sống. Đúng không?"

Hắn cười to. "Không, Corey. Mày sẽ chết. Nhưng dù sao vẫn phải trả lời câu hỏi của tao."

"Đồ chết tiệt."

"Mày không thích thua, đúng không?"

"Không thích nếu đó là mạng sống của tao."

Hắn lại cười to.

Tôi nói, "Mày cũng không thích thua. Mày bị lột sạch ở Foxwoods. Mày là loại cờ bạc vịt."

"Câm mồm."

"Tao sắp quay lại đây. Tao muốn nhìn mấy cái răng bịt và bộ tóc giả của mày."

Khi quay người lại với hai tay vẫn ở trên đầu, tôi hơi thót bụng và lắc nhẹ để cho cả phần cán dao thụt vào trong chiếc quần bò chật. Đó không phải là nơi tôi muốn để, nhưng tránh được để hắn nhìn thấy.

Giờ tôi và hắn đứng mặt đối mặt, cách nhau khoảng ba mét. Ánh đèn của hắn chĩa vào thân người tôi chứ không phải là mặt, và tôi có thể nhận ra một khẩu súng ngắn tự động ở tay phải hắn chĩa theo ánh đèn. Tôi không nhìn thấy khẩu súng săn.

Chiếc đèn hắn cầm là loại đèn halogen với luồng sáng hẹp được dùng để đánh tín hiệu ở khoảng cách xa. Ánh sáng đèn không tỏa rộng, và căn phòng vẫn tối như trước, chỉ trừ tia sáng chiếu vào người tôi.

Tobin chiếu đèn từ đầu tới chân tôi và bảo, "Mất một ít quần áo, tao thấy rồi."

"Đồ chết tiệt."

Ánh đèn dừng lại trên chiếc bao súng đeo vai của tôi. Hắn hỏi, "Súng của mày đâu?"

"Tao không biết. Thử tìm xem."

"Câm mồm."

"Thế thì đừng hỏi tao nữa."

"Đừng có làm tao cáu, Corey, không tao cho một viên vào háng bây giờ."

Chúng ta có ai lại muốn thằng nhỏ Willie "kẻ Chinh phục" bị bắn bao giờ, nhưng tôi không biết làm thế nào để không khiến Tobin cáu. Tôi hỏi hắn, "Khẩu súng săn của mày đâu?"

Hắn bảo, "Tao kéo búa đập rồi quăng sang bên kia phòng. May sao súng nổ và tao không dính đạn. Nhưng mày lại bị lừa. Mày ngu lắm."

"Khoan đã - mày mất mười phút đứng trong bóng tối để tay lên mông mới nghĩ ra được cách ấy. Ai mới là đồ ngu?"

"Tao bắt đầu chán cái kiểu mỉa mai của mày rồi đấy."

“Thế thì bắn đi. Mày giết hai người nhân viên cứu hỏa trong lúc họ ngủ có khó khăn gì đâu.”

Hắn không đáp.

“Tao đứng chưa đủ gần à? Thế lúc bắn Tom và Judy thì mày đứng cách bao xa? Đủ gần để thuốc súng dính vào người họ. Hay mày thích đập vỡ đầu tao như đã làm với ông bà Murphy và Emma?”

“Tao thích như thế hơn. Có lẽ tao sẽ làm mày bị thương trước, rồi sẽ đập vỡ đầu mày ra bằng khẩu súng săn.”

“Làm đi. Làm tao bị thương đi. Mày sẽ ăn đạn, đồ ngu ạ. Rồi tao sẽ chộp mày như diều hâu chộp gà con. Làm đi.”

Hắn không làm, cũng không đáp lời. Hẳn là hắn còn những điều gì đó muốn tìm hiểu. Cuối cùng, hắn hỏi, “Còn ai khác biết về tao? Về tất cả chuyện này?”

“Tất cả mọi người.”

“Tao nghĩ mày nói dối. Cô bạn của mày đâu?”

“Ngay đằng sau mày ấy?”

“Nếu mày thích làm trò với tao, Corey, mày sẽ chết sớm hơn nhiều và đau đớn hơn nhiều.”

“Mày sẽ bị quay trên ghế điện. Thịt của mày sẽ cháy, tóc mày tóe lửa, bộ răng giả của mày sẽ thành màu đỏ, râu mày sẽ bóc khói, con ngươi sẽ chảy nhão ra trong mắt. Khi chết, mày xuống địa ngục và sẽ bị thiêu thêm lần nữa.”

Tobin không nói gì.

Cả hai đứng đó, tôi thì tay giơ trên đầu, hắn thì tay trái cầm đèn pin, tay phải cầm súng. Hiển nhiên là hắn đang lợi thế. Tôi không nhìn thấy mặt

hắn, nhưng tôi tưởng tượng ra nó trông phải rất độc ác và khó coi. Cuối cùng, Tobin nói, "Mày đã phát hiện ra phần về kho báu, đúng không?"

"Tại sao mày giết Emma?"

"Trả lời câu hỏi của tao đi."

"Mày trả lời trước."

Hắn nghĩ khoảng mấy giây rồi nói, "Cô ta biết quá nhiều và đã nói ra quá nhiều. Nhưng cái chính, đó là cách tao cho mày biết tao đã cực kỳ khó chịu đến nhường nào vì sự mỉa mai và thích xen vào chuyện người khác của mày."

"Mày là thằng đê tiện vô nhân tính."

"Hầu hết mọi người đều nghĩ rằng tao lịch lãm. Emma cũng thế. Cả vợ chồng Gordon cũng thế. Giờ trả lời câu hỏi của tao. Mày có biết về kho báu không?"

"Có. Kho báu của thuyền trưởng Kidd. Chôn ở đây, trên Đảo Plum này. Sẽ được mang đến một nơi khác và để phát hiện ra ở đó. Margaret Wiley, hội Lịch sử Peconic, đại loại thế. Mày không thông minh như mày nghĩ đâu."

"Cả mày cũng thế. Mày gặp may thôi." Hắn nói thêm, "Nhưng vận may của mày hết rồi."

"Có thể. Nhưng tao vẫn còn tóc và nguyên bộ răng thật."

"Đúng là mày đang làm tao khó chịu đấy."

"Tao còn cao hơn mày, và Emma bảo chuối của tao to hơn của mày."

Tobin quyết định không phản ứng gì trước những câu châm chọc của tôi. Rõ ràng hắn muốn nói chuyện trước khi cho tôi ăn đạn.

Tôi nói, "Mày có tuổi thơ không hạnh phúc, đúng không? Một người mẹ bạo ngược và một người cha lạnh nhạt? Trẻ con có gọi mày là thằng ẻo lả

và trêu chọc đôi tất kẻ ô của mày không? Nói đi. Tao muốn chia sẻ nỗi đau của mày."

Tobin không nói gì một lúc dường như thật lâu. Chiếc đèn trên tay hắn đang rung lên, cả khẩu súng cũng vậy. Có hai điều có thể làm khi một người đang chĩa súng vào người mình - một là tỏ ra ngoan ngoãn và chịu hợp tác. Cách còn lại là chọc tức hắn, gọi hắn bằng những cái tên mỉa mai, để cho hắn giận quá mất khôn. Cách thứ nhất giờ đã thành chuẩn mục với cảnh sát. Còn cách thứ hai bị coi là nguy hiểm và điên rồ. Rõ ràng là tôi thích cách thứ hai hơn. Tôi nói, "Sao mày run?"

Cả hai cánh tay hắn đưa lên, chiếc đèn pin ở tay trái, khẩu súng bên tay phải, và tôi nhận ra hắn đang lấy đường bắn. Ôi, mẹ ơi. Quay lại cách thứ nhất thôi.

Cả hai đứng nhìn nhau và tôi có thể thấy hắn đang phân vân xem có nên xiết cò hay không. Tôi thì đang cân nhắc có nên hét một tiếng thật kinh hoàng và lao đến trước khi hắn kịp bắn hay không.

Cuối cùng, hắn hạ khẩu súng và cây đèn xuống. Tobin nói, "Tao sẽ không để mày làm tao nổi cáu."

"Tốt cho mày đấy."

Hắn lại hỏi tôi, "Penrose đâu?"

"Cô ấy chết chìm rồi."

"Không, nó chưa chết. Nó đâu rồi."

"Có lẽ cô ấy đến phòng thí nghiệm chính và gọi người tiếp viện. Có lẽ mày đã hết cách rồi, Freddi. Có lẽ mày nên đưa súng cho tao."

Hắn ngẫm nghĩ điều tôi nói.

Trong lúc hắn đang suy nghĩ, tôi nói, "Mà này, tao đã tìm thấy cái thùng và bộ xương cùng những thứ linh tinh trong tầng ngầm nhà mày, bên dưới

các hộp rượu vang. Tao đã gọi cho cảnh sát rồi."

Tobin không đáp. Mọi hy vọng rằng những bí mật của hắn sẽ đi theo tôi về cõi chết giờ đã không còn nữa. Tôi chờ đợi một viên đạn bất cứ lúc nào, nhưng Fredric Tobin, vốn là tay giỏi thỏa hiệp, hỏi tôi, "Mày có muốn chia đôi không?"

Tôi cười to. "Chia đôi ư? Vợ chồng Gordon nghĩ họ sẽ được chia phần, nhưng hãy xem mày đã làm gì với họ đấy."

"Chúng nó xứng đáng nhận như thế."

"Tại sao?"

"Chúng nó bị lương tâm cắn rứt. Không thể tha được. Chúng nó muốn nộp kho báu cho chính quyền."

"Nhưng nó thuộc về chính quyền."

"Thuộc về ai không quan trọng. Cái chính là ai có thể tìm ra nó và giữ nó."

"Nguyên tắc vàng theo Fredric Tobin - người nào có vàng được quyết định luật chơi."

Hắn cười khùng khục. Có lúc tôi làm hắn tức điên lên, có lúc tôi lại làm hắn cười. Khi không có mặt của một người cảnh sát nào khác, tôi phải vừa làm cảnh sát tốt, vừa làm cảnh sát tồi. Nó đủ để làm người ta loạn đầu óc.

Tobin nói, "Vợ chồng Gordon đến gặp tao và hỏi tao cân nhắc việc tìm cách thỏa thuận với chính quyền để chúng tao có được một phần kha khá của kho báu coi như phí trả cho người tìm ra, phần còn lại sẽ được dùng đầu tư vào các thiết bị thí nghiệm hiện đại nhất với một ít tiền dành lại cho một cơ sở giải trí của Đảo Plum, một trung tâm y tế trên đất liền dành cho con cái của các nhân viên, một ít cho việc làm sạch môi trường trên đảo, phục hồi di tích lịch sử và các dự án đáng giá khác trên Đảo Plum. Chúng tao sẽ thành người hùng, thành nhà hảo tâm và được pháp luật thừa nhận."

Tobin dừng lại một giây rồi nói tiếp, "Tao bảo chúng nó rằng đó là một ý tưởng tuyệt vời. Tất nhiên, đến lúc đó, chúng nó coi như đã đáng chết rồi."

Tội nghiệp Tom, tội nghiệp Judy. Họ hoàn toàn không mưu mô gì khi thỏa thuận với Fredric Tobin. Tôi nói, "Vậy là Trung tâm vui chơi trẻ em Fredric Tobin cũng không hấp dẫn với mày à?"

"Không hề."

"Ồ, Freddie, mày cứng rắn quá. Tao cá là mày có trái tim của một thiếu niên." Tôi nói thêm, "Tao cá là mày để nó trong một cái bình đặt trên bệ lò sưởi."

Hắn lại cười khùng khục. Giờ là lúc làm thay đổi tâm trạng của hắn và để hắn mải để tâm đến cuộc nói chuyện. Tôi nói, "Mà này, cơn bão đã phá hủy vườn nho của mày cùng cái nhà để tàu rồi. Tao cũng đập nát cả hầm rượu vang và chỗ ở của mày trên tháp Tobin. Tao chỉ muốn mày biết điều đó.

"Cám ơn vì đã cho tao biết. Mày không được ngoại giao cho lắm, đúng không?"

"Ngoại giao là nghệ thuật nói những thứ khốn nạn cho dễ nghe, cho đến khi tìm được một hòn đá."

Hắn bật cười, "Mày hết đá rồi, Corey, và mày cũng biết điều đó."

"Mày muốn gì, Tobin?"

"Tao muốn biết kho báu ở đâu?"

Điều này gần như làm tôi ngạc nhiên. Tôi đáp, "Tao tưởng nó ở đây."

"Tao cũng thế. Nó còn ở đây hồi tháng Tám khi vợ chồng Gordon đưa tao đi trong một chuyến thăm khảo cổ trên hòn đảo này. Nó ở ngay đây, trong căn phòng này, chôn bên dưới các thùng đạn cũ. Nhưng giờ nó không còn ở đây." Hắn nói thêm, "Có một lời nhắn lại."

“Một lời nhắn? Kiểu như lời nhắn đồ-con-lợn?”

“Đúng, một lời nhắn đồ-con-lợn từ vợ chồng Gordon rằng chúng nó đã chuyển kho báu đi chỗ khác, và nếu chúng nó có mệnh hệ nào thì kho báu sẽ không bao giờ tìm lại được.”

“Thế thì mày đúng là đồ con lợn rồi. Tốt đấy.”

Tobin nói, “Tao không thể tin là chúng nó không chia sẻ bí mật này với một người nào đó tin cậy.”

“Có thể.”

“Một người giống như mày. Phải chăng đó là lí do mày biết vụ này không liên quan gì đến vũ khí vi trùng? Mày biết về kho báu của thuyền trưởng Kidd? Là lí do mày biết tao nhúng tay? Trả lời đi, Corey.”

“Tự tao khám phá ra mọi chuyện.”

“Và mày không biết gì về nơi cất giấu kho báu?”

“Không hề biết.”

“Quá tệ.”

Khẩu súng trên tay hắn lại nâng lên ở vị trí sẵn sàng bắn.

“Ờ,” tôi nói, “tao có thể có một hai manh mối.”

“Tao nghĩ là mày có thể có. Chúng nó gửi thư tuyệt mệnh cho mày à?”

Không, nhưng giả như họ làm như vậy. Tôi nói, “Họ chỉ cho tao một số gợi ý mà tao không hiểu gì hết, nhưng với mày thì có thể.”

“Ví dụ?”

“Ờ... mà này, mày nghĩ nó đáng giá bao nhiêu?”

“Đáng giá với mày? Hay trị giá tổng cộng?”

“Tổng cộng. Tao chỉ cần mười phần trăm nếu tao giúp mày tìm ra.”

Hắn chĩa ánh đèn pin vào ngực tôi, ngay phía dưới cằm, và chăm chú nhìn tôi một lát. Hắn hỏi tôi, "Mày đang làm trò với tao phải không, Corey?"

"Không phải tao."

Tobin im lặng hồi lâu. Hắn bị giằng xé giữa ý muốn đang bùng lên được giết tôi ngay lập tức và hy vọng mong manh rằng tôi có thể thực sự biết điều gì đó đã xảy ra về kho báu. Hắn đang cố bám vào những hy vọng dù nhỏ nhoi nhất, và dù biết điều đó, nhưng hắn không thể nào chấp nhận sự thật rằng toàn bộ kế hoạch của hắn đã bị đổ bể, rằng hắn không chỉ sạch túi mà cả kho báu giờ cũng biến mất, nhiều năm công sức của hắn giờ đổ xuống sông xuống biển, và hắn đang có cơ hội rất lớn sẽ bị ra tòa vì tội giết người, kết án và nướng chín trên ghế điện.

Cuối cùng, Tobin nói, "Thật là khó tin. Không chỉ có những đồng tiền vàng mà còn cả đồ trang sức... những món đồ trang sức của toàn quyền Ấn Độ... đá rubi, sapphire và ngọc trai đặt trong những chiếc khung bằng vàng tinh xảo nhất... và hàng túi đá quí... Phải có đến mười, hai mươi triệu đô la đồ trang sức... có thể là hơn..." Hắn khẽ thở dài và nói với tôi, "Tao nghĩ mày biết tất cả chuyện này. Chắc vợ chồng Gordon đã tin tưởng mày và cho biết điều bí mật, hoặc đã để lại cho mày một bức thư".

Tôi thực sự ước gì họ đã làm một trong hai việc đó, mà việc trước thì tốt hơn. Tuy nhiên, họ lại không làm, dù có thể họ đã có ý định như thế. Nhưng như tôi đã nghi ngờ, vợ chồng Gordon đã tạo cho Tobin ấn tượng rằng John Corey của sở Cảnh sát New York đã biết ít nhiều về chuyện này. Họ tưởng làm như vậy sẽ giúp họ tránh được cái chết, nhưng không phải. Nó đang giúp cho tôi giữ được mạng sống trong lúc này, nhưng cũng không được lâu nữa. Tôi nói với Tobin, "Mày biết tao là ai khi tao tới gặp mày ở vườn nho."

“Tất nhiên là tao biết. Mày tưởng mày là thằng duy nhất thông minh trên thế giới này à?”

“Tao biết tao là người thông minh duy nhất trong phòng này.”

“Ồ, nếu mày thông minh thế, Corey, thì tại sao mày lại đứng đó giơ tay lên đầu và tại sao tao lại có súng?”

“Nói hay đấy?”

“Mày đang làm mất thì giờ của tao. Mày có biết kho báu ở đâu không?”

“Có và không.”

“Đủ rồi. Mày có năm giây để nói cho tao biết. Một. Hắn chĩa thẳng súng về trước.

“Biết kho báu ở đâu thì có ích gì? Mày sẽ không bao giờ mang được kho báu đi và thoát tội giết người.”

“Tàu của tao trang bị đủ để chạy đến Nam Mỹ. Hai”

“Thực tế đi, Freddie. Nếu mày đang nghĩ đến cảnh trên bãi biển với các em người địa phương bón xoài cho mày ăn thì quên đi. Đưa súng cho tao, mày sẽ không bị thiêu trên ghế điện. Tao thề với Chúa là mày sẽ không lên ghế điện.” *Tự tay tao sẽ giết mày.*

“Nếu biết điều gì thì mày nên cho tao biết. Ba”

“Tao nghĩ Stevens đã phát hiện ra phần nào của chuyện này. Mày nghĩ sao?”

“Có thể. Mày có nghĩ hắn có kho báu không? Bốn”

“Freddie, quên cái kho báu chết tiệt ấy đi. Nói thật, nếu mày ra ngoài và nghe cho kỹ sẽ thấy tiếng còi báo động nguy hiểm sinh học. Đã có chuyện rò rỉ. Tất cả chúng ta đều phải đến bệnh viện trong vài giờ nữa, không sẽ chết.”

“Mày nói dối.”

"Không, tao không nói dối. Mày không nghe thấy tiếng còi à?"

Hắn im lặng một lúc lâu rồi nói, "Tao đoán là hết rồi, cách này hay cách khác."

"Đúng. Ta thỏa thuận nhé."

"Thỏa thuận kiểu gì?"

"Mày đưa cho tao khẩu súng, tao và mày ra khỏi đây, lên tàu của mày, thật nhanh, rồi tới một bệnh viện. Chúng ta sẽ nói chuyện với công tố viên về việc mày tự thú và được đóng tiền thế thân để tại ngoại, rồi một năm sau, chúng ta ra tòa và bất kể ai cũng có cơ hội để nói dối. Được chứ?"

Tobin im lặng.

Tất nhiên, cơ hội được đóng tiền thế thân để tại ngoại trong trường hợp bị buộc tội giết nhiều mạng người là hoàn toàn không có. Cũng xin nhớ là tôi không dùng những từ như bị bắt hay giam giữ hay bất cứ điều gì tiêu cực như thế. Tôi nói, "Tao thật sự sẽ giúp mày nếu mày tự đầu thú với tao." *Đúng đấy*. "Thật sự. Tao hứa."

Hắn dường như đang cân nhắc lời đề nghị của tôi. Đây là thời khắc đầy nhạy cảm vì hắn phải lựa chọn giữa đương đầu, chạy trốn, hay đầu hàng. Tôi phải nhớ trong đầu rằng Tobin là tay cờ bạc ngờ nghệch liều mạng với cái tôi quá lớn không bao giờ chịu bỏ cuộc khi đang thua.

Hắn nói, "Tao nghĩ mày đến đây không phải vì chức trách luật pháp."

Tôi lo hắn đã biết điều đó.

"Tao nghĩ tất cả những gì mày làm là vì cá nhân. Rằng mày muốn làm với tao như tao đã làm với Tom, Judy, vợ chồng Murphy và Emma..."

Tất nhiên, hắn hoàn toàn đúng, và điều đó khiến tôi đằng nào cũng chết. Thế là tôi lao vụt sang trái, thoát khỏi ánh đèn và cuộn vai lộn một vòng trên sàn. Tobin quay ngoắt đèn theo và nổ súng, nhưng tôi đã di chuyển xa

hơn nhiều so với hắn nghĩ. Tôi lộn thêm một vòng nữa theo hướng ngược lại khi âm vang phản hồi tiếng súng át đi tiếng di chuyển của tôi. Tôi rút con dao trong quần ra trước khi nó cắt phéng mất cái vật đàn ông của mình. Luồng sáng hẹp của chiếc đèn vung loạn xạ khắp căn phòng, khẩu súng trên tay hắn bắn từng phát hú họa, đạn đập vào tường bê tông nảy ra cùng với tiếng súng nổ dội vào bóng tối.

Một lần tia sáng đèn quét qua tôi, nhưng khi Tobin nhận ra và quét trở lại thì tôi đã biến mất. Chơi trò đuổi bắt với một cây đèn và những viên đạn thì không được thú vị lắm, nhưng lại dễ dàng hơn ta nghĩ rất nhiều, nhất là trong một không gian rộng như thế này lại không có vật chướng ngại gì.

Tôi quờ quạng khắp mọi chỗ để tìm khẩu súng săn mỗi lần lộn một vòng hoặc trườn người đi, nhưng vẫn chưa hề chạm được tới nó. Cho dù không có súng nhưng lúc này lợi thế lại đang thuộc về tôi, và chỉ cần tên đần độn kia cứ bật đèn và bắn như thế thì tôi vẫn biết hắn đang ở đâu. Rõ ràng, gã Freddie đã để mất tỉnh táo.

Tuy nhiên, trước khi hắn nhận ra là nên tắt đèn đi, tôi lao đến như một cầu thủ hậu vệ về phía hắn. Hắn nghe tiếng di chuyển của tôi vào giây cuối cùng và chĩa ánh đèn cùng khẩu súng tới cùng lúc tôi húc vào hắn.

Hắn kêu lên một tiếng giống như trái bóng bị vỡ và đổ ụp xuống như một con ky trong môn bowling. Không một chút kháng cự. Tôi đoạt khẩu súng trên tay hắn khá dễ dàng và chĩa ánh đèn pin vào hắn. Tôi quỳ đầu gối lên ngực hắn, một tay cầm đèn pin chiếu lên mặt, tay kia chẹn lưỡi dao vào cổ hắn.

Tobin ngẹn cổ những vẫn cố nói, "Được... Được... Mày thắng..."

"Đúng đấy." Tôi cầm chúc chuôi dao xuống mũi hắn và đập mạnh vào sống mũi. Tôi nghe tiếng gãy dập và nhìn thấy máu phun ra từ hai lỗ mũi

khi hắn kêu thét lên. Những tiếng kêu của hắn dần biến thành tiếng khóc. Hắn nhìn tôi với đôi mắt mở to rồi bật ra một tiếng rên rỉ. "Không... đừng... đủ rồi..."

"Chưa, chưa, chưa đủ, chưa đủ." Phát dập thứ hai bằng cán dao làm vỡ cả bộ răng của hắn. Sau đó tôi đổi chiều dao và cắt vào đường chân của bộ tóc giả của hắn và giật phăng ra. Hắn lại thốt lên một tiếng rên rỉ nữa, nhưng hắn chỉ một nửa choáng váng và chưa phản ứng hoàn toàn trước sự hung dữ của tôi. Tôi nghe thấy tiếng mình gào lên trong bóng tối, "Mày đã đập vỡ đầu cô ấy! Mày hiếp cô ấy! Đồ con hoang chết tiệt!"

"Không... ôi, không"

Tôi biết tôi không còn lý trí gì nữa, và tôi nên ra ngay khỏi đó. Nhưng hình ảnh của những người đã chết quả thật đang lởn vởn trong bóng tối, và đến lúc này, sau sự kinh hoàng lúc đi tàu trên biển, cuộc truy đuổi trên Đảo Plum, chuyện rò rỉ ở phòng thí nghiệm sinh học, và chạy tránh đạn trong đêm tối, John Corey đã trở lại với điều gì đó tốt nhất chỉ nên giữ trong bóng tối. Tôi đập thật mạnh chuôi dao vào trán hắn hai lần nhưng không thể làm hắn vỡ sọ.

Tobin hét lên một tiếng dài thảm thiết. "Khô ô ô ô ô ng..."

Tôi thực sự muốn đứng dậy và chạy khỏi nơi này trước khi tôi làm điều gì đó xấu xa không thể cứu vãn được, nhưng cái nửa đen tối ẩn sâu trong mỗi con người đã thức dậy trong tôi.

Tôi với tay cầm dao ra phía sau và rạch một đường qua chiếc quần của Tobin vào phần bụng dưới của hắn, một nhát rạch sâu cắt qua phần cơ và làm đứt bộ ruột của hắn khỏi ổ bụng.

Tobin kêu thét lên, nhưng rồi câm bặt và im lặng đến kỳ lạ, cơ thể không nhúc nhích như thể đang cố hiểu chuyện gì đã xảy ra. Hẳn là hắn phải cảm thấy được hơi ấm của máu, nhưng những biểu hiện sống của hắn

vẫn còn, và có lẽ hắn đang cảm ơn Chúa rằng hắn vẫn còn sống. Tôi sẽ sớm kết thúc điều đó thôi.

Tôi với tay phải về sau chộp một mớ ruột đang ấm và lôi ra. Sau đó, tôi ném cả mớ ruột lòng thòng lên mặt hắn.

Đôi mắt hắn gặp phải cái nhìn của tôi trong ánh phản chiếu của cây đèn. Hắn nhìn tôi, cái nhìn như khó hiểu. Nhưng vì hắn không biết gì về cái thứ đang bốc hơi nằm vắt qua mặt hắn, nên hắn cần tôi nói một tiếng. Tôi bảo, "Ruột của mày."

Hắn gào lên dữ dội, hai tay đập lia lịa lên mặt.

Tôi đứng lên, lau tay vào quần và bước đi. Những tiếng gào thét và kêu khóc của Tobin vọng lại trong căn phòng lạnh lẽo.

CHƯƠNG 37

Tôi không mong gì đi quay lại đoạn đường dài qua căn hầm tối. Mà tốt hơn hết là không nên quay lại nơi mình đã đi tới, biết đâu có người đang chờ phục ở đó.

Tôi nhìn lên khoảng trống trên đầu. Bầu trời tối trong khi có bão chưa bao giờ trông mời gọi đến thế. Tôi đi tới chiếc dàn bằng thép bắc từ sàn nhà tới trần của kho đạn. Như tôi đã nói, đây là chiếc thang máy đã có thời dùng để tời những quả đạn pháo khổng lồ và thuốc súng tới các công sự bên trên, vì thế tôi đoán nó được lắp đặt khá vững. Tôi bước lên bậc đầu tiên và thấy chắc chắn. Tôi bước thêm mấy bước nữa và nhận ra nó đã khá hoen rỉ, những vẫn còn chắc.

Những hạt mưa xuyên qua lỗ hở bên trên rơi xuống mặt. Tiếng kêu gào của Fredric Tobin vọng lên từ bên dưới. Hẳn bạn sẽ nghĩ rằng người ta chỉ gào được một lúc thôi. Ý tôi là, sau khi nỗi khiếp sợ ban đầu qua đi, gã kia sẽ bình tĩnh lại và nghĩ đến việc nhồi mớ ruột trở lại vị trí cũ của nó rồi câm miệng lại.

Càng trèo lên cao, không khí càng dễ chịu. Khi lên được khoảng bốn mét ruỡi, tôi cảm thấy được gió thổi qua chiếc lỗ. Đến độ sáu mét thì tới được miệng lỗ. Mưa tạt ngang xối xả; cơn bão đã trở lại.

Giờ tôi thấy miệng lỗ bên trên được vây quanh bằng một hàng rào dây thép gai, rõ ràng là được đặt để tránh cho động vật khỏi rơi xuống hố khi các công sự pháo được dùng làm nơi nhốt động vật. “Chết tiệt.”

Tôi đứng trên bậc trên cùng của chiếc thang, một nửa người nhô lên khỏi lỗ. Tiếng gió và mưa đã át đi tiếng gào thét của Tobin.

Tôi nhìn hàng rào dây thép gai cao mét hai vây quanh tôi và suy tính. Tôi có thể trèo qua hàng rào hoặc leo xuống và đi ra qua đường hầm. Tôi nghĩ tới Tobin ở bên dưới đang gào thét chờ chết với mớ ruột lòng thòng khắp sàn nhà. Nếu hắn bình tĩnh trở lại và tìm được một trong hai khẩu súng thì sao? Đã đến thế này rồi, tôi quyết định vượt qua mét hai cuối cùng bên trên.

Đau đớn chỉ là vấn đề của cảm giác, thế nên tôi xua đi mọi cảm giác trong đầu và trèo lên hàng rào thép gai và nhảy sang bên kia. Tôi nằm đó một lát để thở, xoa xoa những vết đứt ở chân tay và mừng vì các bác sĩ ở bệnh viện đã tiêm phòng uốn ván cho tôi phòng trường hợp ba vết thương do đạn bắn bị dính bẩn.

Tôi cố nén đau đứng dậy và quan sát xung quanh. Tôi đang ở trong một công sự pháo hình tròn với đường kính khoảng chín mét. Công sự xây sâu vào sườn đồi và vây quanh bằng một bức tường bê tông cao đến vai dùng để bảo vệ khẩu pháo lớn bên trong. Gắn trên nền bê tông là một bệ xoay bằng thép thời đó dùng để quay hướng pháo một góc 180 độ. Tôi nhìn thấy ở phía bên kia của công sự là một đoạn dốc thoải bằng bê tông dẫn tới cái gì đó trông như đài quan sát. Tôi đoán mình đang ở sườn phía nam của pork chop bone, và khẩu pháo ở đây chĩa về phía nam, hướng ra biển. Tôi có thể nghe thấy tiếng sóng xô vào bờ ở gần đó.

Tôi có thể thấy những công sự này dùng làm nơi nhốt động vật tốt đến nhường nào, và điều ấy lại làm tôi nhớ ra rằng không khí ở đây giờ mang theo đầy rẫy bệnh tật. Không phải là có thể dễ dàng quên đi chuyện ấy, mà có lẽ tôi đang cố xua đuổi nó ra khỏi đầu. Cái chính là tôi có thể nghe được âm thanh rền rĩ của tiếng còi báo động nếu tập trung lắng nghe. Tôi cũng

có thể nghe được những tiếng gào thét của Tobin - không phải theo nghĩa đen, mà là trong đầu tôi, và tôi biết tôi sẽ nghe thấy nó thêm một thời gian nữa.

Vâng, tôi lúc đó là như thế - Tobin ở trong đầu, tiếng còi báo động ở bên tai, gió và mưa trên mặt, lạnh, run, khát, đói, mình đầy vết rách và ở trần. Tôi cảm thấy như đang trên đỉnh của thế giới. Tôi reo một tiếng nhỏ và nhảy cẫng lên. Tôi hét lên trong gió, "Còn sống! Còn sống!"

Rồi một giọng nói trong đầu tôi vang lên, "Không lâu đâu."

Tôi dừng điệu nhảy chiến thắng. "Cái gì?"

"Không lâu đâu."

Giọng nói quả thật không phải phát ra trong đầu mà từ phía sau. Tôi quay lại.

Đứng trên bức tường cao mét rưỡi là một bóng người to lớn đang nhìn xuống tôi. Người đó mặc bộ áo mưa tối màu có mũ trùm đầu chỉ còn hở khuôn mặt. Trông bộ dạng ấy như thể Thần Chết đang đứng đó trong cơn bão và mỉm cười. *Sởn gai ốc*. Tôi hỏi, "Ông là ai?"

Người kia - dáng vóc và giọng nói thì là một người đàn ông - không đáp.

Có lẽ tôi cảm thấy hơi ngượng vì bị bắt quả tang đang nhảy múa dưới trời mưa và hú lên vì mừng. Nhưng tôi có cảm giác rất rõ rằng đó chỉ là điều ít rắc rối nhất của tôi lúc này. "Ông là ai?"

Vẫn không đáp. Nhưng giờ tôi nhìn thấy người kia đang cầm vật gì đó ngang ngực. Một chiếc lưỡi hái của Thần Chết? Hy vọng là thế. Với lưỡi hái thì tôi đối phó được. Nhưng, không được may mắn như thế. Cái người kia cầm là một khẩu súng dài. *Chết tiệt*.

Tôi tính toán mấy lựa chọn. Tôi đang đứng dưới một chiếc hố tròn sâu mét rưỡi và một người cầm súng dài đang đứng trên tường gần đoạn dốc

thoải đi ra. Nói ngắn gọn, tôi đang đứng trong một cái lỗ sâu, tròn và hẹp. Quá bất lợi cho tôi.

Người kia cứ đứng đó nhìn chằm chặp xuống tôi từ khoảng cách chín mét - cự ly bắn dễ dàng với một khẩu súng trường. Hắn đứng quá gần lối ra. Cơ hội duy nhất là chiếc lỗ mà tôi vừa chui lên, nhưng điều đó nghĩa là phải chạy phải chạy một quãng hơn bốn mét về phía hắn, nhảy qua hàng rào dây thép gai và lao bừa xuống chiếc thang. Làm như thế sẽ mất khoảng bốn giây, và cái gã cầm súng kia có thể ngắm và bắn hai lần trong bốn giây. Nhưng biết đâu gã chẳng gây hại gì cho tôi. Có thể đó là một nhân viên Chữ thập đỏ vừa uống rượu. Đúng rồi. Tôi nói, "Này, anh bạn, điều gì khiến anh ra ngoài trong đêm như thế này?"

"Mày."

"Tôi?"

"Đúng, mày. Mày và Fredric Tobin."

Giờ tôi đã nhận ra giọng người ấy. Tôi nói, "Ồ, Paul, tôi đang đi khỏi đây mà."

"Đúng," Stevens đáp, "mày đang ra đi."

Tôi không thích cái cách hắn nói câu ấy. Tôi đoán hắn vẫn căm giận tôi về chuyện bị tôi nện ở bãi cỏ sau nhà hắn, chưa kể tất cả những điều tệ hại mà tôi gây cho hắn. Và giờ, ở đây, trong tay hắn là khẩu súng trường. Đời đôi khi cũng vui.

Hắn nói lần nữa, "Mày sắp đi rồi."

"Tốt. Tôi cũng đang đi qua, và-"

"Tobin đâu?"

"Ngay sau lưng ấy."

Stevens liếc nhanh ra phía sau, rồi lại nhìn tôi. Hắn nói, "Hai chiếc tàu được phát hiện từ ngọn hải đăng - một chiếc Christ-Craft và một chiếc tàu cao tốc. Chiếc Christ-Craft quay lại ở đoạn eo biển, còn chiếc tàu cao tốc thì đi qua."

"Đúng, chính là tôi trên chiếc tàu cao tốc. Chỉ đi dạo một vòng thôi mà." Tôi hỏi, "Sao anh biết chiếc Christ-Craft là của Tobin."

"Tao biết tàu của hắn. Tao đợi lâu rồi."

"Tại sao?"

"Mày biết rồi còn gì." Hắn nói thêm, "Các máy cảm biến và micrô nhận ra ít nhất hai người ở pháo đài Terry, cộng thêm một chiếc xe. Tao đã kiểm tra và thế là tao đến đây." Hắn nói, "Có người đã giết hai nhân viên cứu hỏa. Mày phải không?"

"Không phải tôi." Tôi nói, "Này, Paul, cổ tôi đang cứng đơ vì phải nhìn lên cao và tôi đang bị lạnh. Tôi sẽ lên lối dốc kia và chúng ta sẽ quay về chỗ phòng thí nghiệm uống một chút cà phê -"

Paul Stevens nâng khẩu súng lên và chĩa vào tôi. Hắn nói, "Nếu mày nhúc nhích, tao giết."

"Hiểu rồi."

Hắn nhắc tôi, "Tao nợ mày việc mày làm với tao."

"Anh phải giải quyết sự giận dữ bằng cách phù hợp - "

"Câm mồm."

"Được." Bằng bản năng, tôi biết Paul Stevens nguy hiểm hơn Fredric Tobin. Tobin chỉ là một tên giết người hèn nhát, và nếu cảm thấy nguy hiểm, hắn sẽ bỏ chạy. Còn Stevens, tôi chắc hắn là một kẻ giết người lạnh lùng hơn, thuộc kiểu người sẵn sàng đối chọi tay đôi. Tôi nói, "Sao anh biết Tobin và tôi ở đây?"

Vẫn chĩa súng vào tôi, hắn nói, "Tất nhiên là tao biết. Kho báu của thuyền trưởng Kidd."

Tôi nói, "Tôi có thể giúp anh tìm ra kho báu."

"Không, mày không thể. Kho báu trong tay tao."

Ôi, trời. Tôi nói, "Làm thế nào mà - "

"Mày tưởng tao ngu lắm à? Vợ chồng Gordon tưởng tao ngu. Tao đã biết đích xác chuyện gì đang diễn ra đằng sau việc đào bới khảo cổ ngớ ngẩn ấy. Tao đã theo dõi mọi bước đi của chúng nó. Tao không biết chắc về kẻ cùng mưu mô với chúng nó cho đến tháng Tám khi Tobin đến đây với tư cách là đại diện của hội Lịch sử Peconic."

"Điều tra tốt đấy. Tôi đảm bảo là anh sẽ được bằng khen của chính phủ về làm việc hiệu quả -"

"Câm cái mồm chó của mày đi."

"Vâng. Mà này, anh không đeo mặt nạ hay thứ gì đó à?"

"Tại sao?"

"Tại sao ư? Chẳng phải là còi báo động nguy hiểm sinh học sao?"

"Đúng. Đó là thử nghiệm. Tao đã ra lệnh báo động thử. Tất cả mọi người trực bão trên đảo đều đang ở trong phòng thí nghiệm và mặc đồ phòng độc để diễn tập."

"Nói cách khác, không phải chúng ta sắp chết?"

"Không. Chỉ có mày là sắp chết."

Tôi sợ hắn nói điều ấy. Tôi nói với hắn bằng giọng trịnh trọng, "Bất kể điều gì anh làm từ trước đến nay cũng không nghiêm trọng bằng tội giết người."

"Tao thực sự chưa bao giờ phạm tội gì, và giết mày sẽ làm tao hả dạ."

"Giết một cảnh sát là –"

“Mày là kẻ xâm phạm, và với tất cả những điều tao biết, một tên phá hoại, một tên khủng bố, một kẻ giết người. Xin lỗi vì tao không nhận ra mày.”

Tôi gồng người chuẩn bị tư thế để lao xuống cái lỗ, biết rằng đó là cố gắng chẳng mang lại kết quả gì, nhưng tôi buộc phải thử.

Stevens nói tiếp, “Mày làm tao gãy mất hai cái răng và trầu môi. Cộng với việc mày đã biết quá nhiều.” Hắn nói thêm, “Tao giàu, còn mày sẽ chết. Tạm biệt.”

Tôi chửi hắn, “Đ. mẹ mày, đồ chó chết.” Tôi lao về phía chiếc lỗ, mắt không nhìn vào hàng rào thép gai mà nhìn vào hắn trong lúc chạy. Hắn giương súng lên và nhắm bắn. Chắc không thể nào trật được.

Một tiếng nổ vang lên, nhưng không thấy chớp lửa đạn phía trước khẩu súng trường của hắn, cũng không có cảm giác đau đớn của đường đạn xuyên qua cơ thể. Khi tới được hàng rào, chuẩn bị nhảy qua lớp dây thép gai và lao đầu xuống chiếc lỗ, tôi nhìn thấy Stevens nhảy xuống bên trong hố để kết thúc tôi. Ít nhất đó cũng là điều mà tôi nghĩ. Nhưng hắn lại đổ về phía trước và ngã sấp mặt xuống nền bê tông. Tôi đụng vào hàng rào thép gai và đứng khựng lại.

Tôi đứng như trời trồng trong giây lát và nhìn hắn. Thân thể hắn co giật một hồi như thể đã bị trúng đạn vào cột sống, về cơ bản là toi rồi. Tôi nghe thấy tiếng ực ực không thể lẫn được của người sắp chết. Cuối cùng, những cử động co giật và tiếng ực ực cũng thôi hẳn. Tôi ngước lên trên tường. Beth Penrose đang nhìn xuống Paul Stevens bên dưới, khẩu súng ngắn chĩa vào người hắn.

Tôi nói, “Làm sao em tới được đây?”

“Đi bộ.”

“Ý anh là –”

“Em đi tìm anh. Dọc đường gặp hắn và em đi theo.”

“May cho anh quá.”

“Không được may cho hắn,” nàng đáp.

Tôi nói, “Quát lên ‘Đứng im, cảnh sát đây!’ đi chứ.”

Nàng đáp, “Vớ vẩn.”

“Anh gặp em rồi.” Tôi nói thêm, “Hắn đang định giết anh.”

“Em biết.”

“Em có thể bắn sớm hơn một chút.”

“Hy vọng anh không chê em bắn.”

“Không. Bắn tốt lắm.”

Nàng hỏi tôi, “Anh có sao không?”

“Không sao. Còn em?”

“Em ổn mà. Tobin đâu rồi?”

“Hắn... không có ở đây.”

Nàng nhìn xuống Stevens và hỏi tôi, “Hắn là thế nào?”

“Chỉ là kẻ phỗng tay trên.”

“Anh đã tìm thấy kho báu chưa?”

“Chưa, nhưng Stevens đã tìm thấy.”

“Anh có biết nó đang ở đâu không?”

“Lúc nãy anh đang định hỏi hắn.”

“Không, John, hắn định cho anh ăn đạn thì có.”

“Cám ơn em đã cứu mạng anh.”

“Anh nợ em chuyện này nhé.”

“Đúng rồi. Vậy là xong - vụ án kết thúc.” Tôi nói.

“Trừ kho báu. Và Tobin. Hắn đang ở đâu?”

“Ồ, hắn đang ở đâu đó quanh đây.”

“Hắn có súng không? Hắn có nguy hiểm không?”

“Không,” tôi đáp, “hắn không có ruột.”

Chúng tôi trú bão trong một boongke bằng bê tông. Tôi và nàng ôm nhau cho ấm, nhưng vẫn cảm thấy lạnh không thể nào ngủ được. Chúng tôi nói chuyện trong đêm tối, xoa chân tay cho nhau để khỏi bị mất nhiệt.

Beth hỏi tôi về Tobin. Tôi kể cho nàng nghe câu chuyện có thêm bớt về cuộc đối mặt trong kho chứa đạn, bảo rằng tôi đã đâm hắn bị thương nặng sắp chết.

Nàng nói, “Ta có nên cứu hắn không?”

Tôi đáp, “Tất nhiên. Điều đầu tiên phải làm vào sáng mai.”

Nàng không nói gì khoảng vài giây rồi đáp, mỗi một tiếng, “Tốt.”

Trước khi trời sáng, chúng tôi tìm đường trở lại bãi biển.

Cơn bão đã đi qua và trước khi trục thăng hay tàu tuần tra tới, chúng tôi lắp chiếc chốt vào chân vịt con thuyền Whaler và dùng nó ra chỗ tàu Christ-Craft. Tôi tháo chiếc nút tự xả nước của chiếc Whaler và để nó chìm dần xuống biển. Sau đó tôi dùng con tàu tuần dương của Tobin tới Greenport. Đến nơi, tôi gọi cho Max. Anh đến gặp chúng tôi ở cầu tàu và đưa chúng tôi về trụ sở cảnh sát cho tắm rửa và mặc quần áo ấm. Một bác sĩ ở địa phương kiểm tra sức khỏe cho chúng tôi và đề nghị dùng thuốc kháng sinh, ăn thịt muối xông khói và trứng, những thứ nghe rất được.

Chúng tôi ăn sáng trong phòng họp của Max và tường trình mọi việc với anh chàng cảnh sát trưởng. Max hết ngạc nhiên lại nghi ngờ, bực mình, vui vẻ, ganh tỵ, thở phào, lo lắng, vân vân. Anh cứ nhắc đi nhắc lại, “Kho báu của thuyền trưởng Kidd? Cậu chắc không?”

Khi tôi ăn suất sáng thứ hai, Max hỏi, "Vậy là chỉ có Stevens biết vị trí của kho báu này?"

Tôi đáp, "Tôi nghĩ thế."

Anh nhìn tôi rồi lại nhìn Beth và nói, "Cậu không định giấu tôi đấy chứ?"

Tôi đáp, "Tất nhiên là tôi sẽ giấu. Nếu chúng tôi mà biết hai mươi triệu đô la vàng và đồ trang sức đang ở đâu thì anh sẽ là người được biết cuối cùng, Max. Nhưng quả thực là kho báu lại mất tích lần nữa." Tôi nói thêm, "Tuy nhiên, chúng tôi đã biết là nó tồn tại thật và Stevens đã có nó trong tay một thời gian ngắn. Vì vậy, có thể nếu may mắn thì cảnh sát hoặc các cơ quan liên bang có thể tìm thấy nó."

Beth nói thêm, "Kho báu đó đã gây ra cái chết cho nhiều người đến mức em thực sự nghĩ nó đáng nguyền rủa."

Max nhún vai đáp, "Nguyền rủa hay không, tôi cũng muốn tìm được nó." Anh nói thêm, "Vì những lí do lịch sử?"

"Đúng như vậy."

Max có vẻ như không thể hiểu hết toàn bộ các chi tiết và xử lí nó. Anh cứ nhắc đi nhắc lại những câu hỏi đã được trả lời.

Tôi nói, "Nếu đây đang trở thành một cuộc thẩm vấn thì tôi buộc lòng phải gọi cho luật sư hoặc tẩn cho anh một trận."

Max gượng cười và nói, "Xin lỗi... chỉ vì chuyện này quá li kỳ..."

Beth nói, "Cám ơn bọn em vì đã làm việc tốt đi."

"Cám ơn các bạn đã làm việc tốt." Anh nói với tôi, "Tôi rất vui vì đã thuê cậu."

"Anh đã sa thải tôi."

“Tôi ư? Thôi quên nó đi.” Anh hỏi tôi, “Tôi đã nghe cậu nói là Tobin chết rồi thì phải?”

“Ờ... lần cuối cùng tôi nhìn thấy hắn thì chưa... Ý tôi là, lẽ ra tôi phải nói sớm hơn với anh rằng anh cần chăm sóc y tế cho hắn.”

Max nhìn tôi rồi hỏi, “Căn phòng dưới lòng đất ấy chính xác là ở đâu?”

Tôi chỉ đường cho anh theo trí nhớ tốt nhất của mình. Max vội vàng chạy biến đi gọi điện thoại.

Beth và tôi nhìn nhau qua chiếc bàn trong phòng họp của Max. Tôi bảo nàng, “Em sắp thành một điều tra viên giỏi đấy.”

“Em *là* điều tra viên giỏi.”

“Ừ, đúng thế. Anh phải trả ơn cứu mạng của em thế nào nhỉ?”

“Một nghìn đô la được không?”

“Mạng của anh giá ngần ấy sao?”

“Thế thì năm trăm.”

“Anh mời em đi ăn tối nay nhé?”

“John...” Nàng nhìn tôi và mỉm cười vẻ như bâng khuâng rồi nói, “John... em rất quý mến anh, nhưng... Chuyện này quá... phức tạp... Ý em là với tất cả những cái chết kia... Emma...”

Tôi gật đầu, “Em nói đúng.”

Điện thoại trên bàn reo vang. Tôi nhấc máy, nghe bên kia nói và trả lời, “Được rồi... tôi sẽ nói với cô ấy.” Tôi đặt ống nghe xuống vào bảo Beth, “Chiếc limousine của cảnh sát quận đã đến đây đón cô, thưa cô.”

Nàng đứng lên và đi ra. Khi tới cửa, nàng quay lại phía tôi và nói, “Gọi cho em trong vòng một tháng. Được chứ? Anh sẽ gọi chứ?”

“Được, anh sẽ gọi cho em.” Nhưng tôi biết tôi sẽ không làm thế.

Ánh mắt hai người gặp nhau, tôi nháy mắt, nàng nháy lại, tôi hôn gió, nàng cũng làm theo. Beth Penrose quay ra và đi khỏi.

Vài phút sau, Max quay lại và nói với tôi, "Tôi đã gọi cho Đảo Plum. Nói chuyện với Kenneth Gibbs. Cậu nhớ anh chàng ấy chứ? Trợ lý của Stevens. Các nhân viên an ninh đã tìm thấy sếp của mình. Chết. Gibbs có vẻ không lấy gì làm đau khổ hay thậm chí quá tò mò."

"Chưa bao giờ phải cân nhắc quá nhiều trước cơ hội thăng tiến không đợi mà có."

"Ừ. Ngoài ra, tôi cũng bảo anh ta tìm Tobin ở trong các phòng kho chứa đạn dưới lòng đất. Đúng không nhỉ?"

"Đúng. Không nhớ được là phòng nào. Trời lúc đó tối quá."

"Đúng thế." Anh thoáng suy nghĩ rồi nói, "Thật là hỗ lốn. Phải làm cả tấn công việc bàn giấy đây -"Anh nhìn quanh phòng và hỏi, "Beth đâu?"

"Cảnh sát quận đến đón đi rồi."

"Ồ... không sao..." Anh cho tôi biết, "Tôi vừa nhận được fax trông có vẻ là văn bản chính thức từ sở Cảnh sát New York đề nghị tôi tìm xem cậu ở đâu và trông chừng cậu cho tới lúc họ đến, khoảng trưa nay".

"Ồ, tôi ở đây."

"Cậu sẽ lại trốn tôi?"

"Không."

"Hứa đi. Hoặc là tôi sẽ cho cậu một căn phòng có song sắt."

"Tôi hứa."

"Được rồi."

"Anh cho người đưa tôi về nhà. Tôi cần một ít đồ."

"Được thôi."

Anh đi ra và một sỹ quan mặc quân phục, lại anh bạn Bob Johnson hôm trước, ló đầu vào phòng và hỏi, "Cần đi phải không?"

"Đúng."

Tôi đi ra cùng Bob và anh đưa tôi về ngôi nhà của cậu Harry. Tôi mặc bộ quần áo dễ chịu không có dòng chữ "Cảnh sát thị trấn Southold" bên trên, lấy một chai bia và ngồi ra hiên phía sau nhà, ngắm nhìn bầu trời đang trong xanh trở lại và mặt vịnh hiền hòa.

Bầu trời mang màu xanh chói chang thường thấy sau khi có bão với những chất ô nhiễm bị thổi tan đi và không khí được làm sạch. Đây là bầu trời của một trăm năm trước, thời còn chưa có những con tàu và xe tải chạy dầu diesel, những chiếc xe hơi và tàu biển, những lò luyện kim dùng dầu và máy xén cỏ, chất hóa học và thuốc trừ sâu, rồi ai mà biết còn thứ gì đang trôi nổi trong không khí.

Bãi cỏ trở thành một nơi hỗn độn vì cơn bão, nhưng căn nhà không hề hấn gì, dù điện vẫn mất và bia trong tủ đã mất lạnh, tệ thật, nhưng có tin mừng là tôi không mở được máy trả lời tự động.

Có lẽ tôi nên chờ người của sở Cảnh sát New York đến như đã hứa với Max, nhưng thay vào đó, tôi lại gọi taxi ra ga tàu ở Riverhead và đi tàu về Manhattan.

* * *

Trở lại nơi ở của tôi trên phố Bảy mươi hai đông sau những ngày tháng nghỉ dưỡng, tôi nhận được ba mươi sáu lời nhắn từ chiếc máy trả lời tự động, máy chỉ lưu được có thế.

Chị dọn nhà thuê đã chất đống thư lên chiếc bàn trên bếp, tất cả khoảng bốn cân rưỡi.

Trong đám giấy tờ nhăng nhít ấy có quyết định cho ly hôn cuối cùng của tòa án. Tôi đính nó lên thành tủ lạnh bằng một chiếc nam châm.

Khi tôi định bỏ đi trước đống thư không chờ đợi thì một chiếc bì thư màu trắng trơn làm tôi chú ý. Thư đề địa chỉ bằng chữ viết tay, còn địa chỉ người gửi là của vợ chồng Gordon, mặc dù dấu bưu điện là ở bang Indiana.

Tôi mở bì thư và lấy ra bên trong ba tờ giấy kẻ ngang, mỗi tờ đều viết kín hai mặt với nét chữ gọn gàng viết bằng mực xanh. Tôi đọc:

John thân mến, Khi anh đọc những dòng này, nghĩa là chúng em đã chết - vậy, gửi lời chào tới anh từ bên kia thế giới.

Tôi đặt bức thư xuống, tới tủ lạnh lấy một chai bia. Tôi nói, "Xin gửi lời chào từ mảnh đất của những người chết đang sống."

Tôi đọc tiếp:

Anh có biết kho báu của thuyền trưởng Kidd chôn gần đây không nhỉ? Ồ, đến lúc này chắc là anh có biết. Anh là người thông minh, và chúng em chắc hẳn rằng anh đã khám phá ra phần nào của việc này. Nếu không, đây là toàn bộ câu chuyện.

Tôi nhấp một ngụm bia và đọc ba trang thư tiếp theo nói đến thời gian chi tiết của các sự kiện có liên quan đến kho báu của Kidd, Đảo Plum, và quan hệ của vợ chồng Gordon với Fredric Tobin. Không có điều gì đáng ngạc nhiên trong bức thư, chỉ có một số chi tiết mà tôi đã bỏ qua. Về những điều mà tôi phỏng đoán, chẳng hạn như việc tìm ra vị trí của kho báu trên Đảo Plum như thế nào, vợ chồng Gordon viết:

Không lâu sau khi tới Long Island, chúng em nhận được lời mời của Fredric Tobin tham dự một bữa tiệc nếm rượu vang. Chúng em tới vườn

nho Tobin để dự tiệc và gặp Fredric Tobin lần đầu tiên. Tiếp theo đó là những lời mời dự tiệc tùng.

Chuyện Fredric Tobin lôi kéo vợ chồng Gordon đã bắt đầu như thế. Theo bức thư, một hôm, Tobin cho họ xem một tấm bản đồ vẽ phác họa trên một tấm da nhưng không cho họ biết làm sao hắn có được. Tấm bản đồ là của "Pruym Eyland", tên tiếng Hà Lan của Đảo Plum, với những kim la bàn chỉ hướng, số bước đi, các điểm mốc, và một chữ X lớn. Phần còn lại của câu chuyện là có thể đoán được, và không lâu sau, Tom, Judy và Fredric đã lập một thỏa thuận ma quỷ.

Vợ chồng Gordon nói rõ rằng họ không tin Tobin và hắn có thể sẽ là nguyên nhân gây ra cái chết cho họ, ngay cả khi nó được dựng lên cho giống một tai nạn hoặc do điệp viên nước ngoài gây ra, hay là cái gì đó. Tom và Judy cuối cùng đã hiểu được Fredric Tobin, nhưng họ phải mất quá lâu và khi hiểu được thì đã quá muộn. Trong thư không nhắc gì tới Paul Stevens, người mà họ hoàn toàn không hay biết gì.

Tôi chợt nghĩ Tom và Judy cũng giống như những con vật mà họ làm thí nghiệm - vô tội, không nói được thành lời và chịu số phận bi đát từ ngay phút đầu tiên họ đặt chân lên Đảo Plum.

Phần cuối của bức thư viết:

Cả hai chúng em đều quý anh và rất tin anh, John, và chúng em biết anh sẽ làm mọi thứ có thể để mang lại công lý. Thân, Tom và Judy.

Tôi đặt bức thư xuống và nhìn vào khoảng không hư vô trước mặt hồi lâu.

Nếu bức thư này đến với tôi sớm hơn thì một tuần vừa qua trong cuộc đời tôi đã rất khác rồi. Emma sẽ vẫn còn sống, dù có thể tôi chẳng bao giờ gặp được nàng.

Một thế kỷ trước, người ta thi thoảng mới phải đứng trước những ngã ba của cuộc đời và phải chọn lấy một hướng đi. Hôm nay, chúng ta sống bên trong một tấm vi mạch với hàng triệu con đường mở ra và đóng lại trong mỗi một phần tỉ giây. Điều tệ hơn là có ai đó đang bấm những chiếc nút.

Sau khoảng nửa giờ trầm ngâm suy nghĩ về ý nghĩa của cuộc sống thì chuông điện thoại reo và tôi nhấc máy. Đó là mấy tay cảnh sát thô lỗ từ Phòng Nội bộ có vẻ như khó chịu với tôi vì lí do gì đó. Tôi xuống trụ sở sở Cảnh sát New York cùng họ để giải thích lý do tại sao tôi không gọi lại trả lời các cuộc điện thoại chính thức và tại sao tôi bỏ hẹn, đó là chưa kể việc làm thêm cho cảnh sát thị trấn Southold. Sếp tôi, trung úy Wolfe, có mặt ở đó, thật khó chịu, nhưng Dom Fanelli cũng ở đó và chúng tôi có cuộc hội ngộ với những tiếng cười vui vẻ.

Các sếp đòi làm cho xong tất cả những rắc rối mà tôi gặp phải, thế là tôi gọi cho luật sư của mình và đại diện của hiệp hội Điều tra viên tài năng. Đến đêm thì chúng tôi đã gần đạt được thỏa thuận.

Cuộc sống là vậy. Ý nghĩa của cuộc sống không liên quan gì nhiều đến chuyện tốt hay xấu, đúng hay sai, trách nhiệm, danh dự, đất nước, hay những điều như thế. Nó là chuyện đạt được một thỏa thuận đúng.

CHƯƠNG 38

Tuyết rơi trắng sáng trên đại lộ số mười. Từ trên tầng sáu, tôi nhìn thấy những bông tuyết bay lả tả trước những ánh đèn đường bên dưới.

Các học viên trong lớp đang vào phòng, nhưng tôi không quay lại nhìn. Đó là buổi học đầu tiên của học kỳ mới. Tôi đoán sẽ có khoảng trên dưới ba mươi học viên, dù tôi chưa xem danh sách cụ thể. Tên của khóa học là Tư pháp 709 - Điều tra tội giết người. Sẽ có mười lăm buổi học, mỗi buổi hai giờ, tập trung mỗi tuần một lần vào các ngày thứ tư, cộng thêm các cuộc thảo luận. Khóa học được tính ba tín chỉ. Chương trình học sẽ là về nghiệp vụ bảo vệ hiện trường, xác minh, thu thập và bảo vệ chứng cứ, về quan hệ công tác với các chuyên gia khác như chuyên gia về vân tay, giám định pháp y, cùng với các kỹ năng thẩm vấn. Bốn buổi học cuối cùng sẽ trình bày một số vụ án mạng nổi tiếng. Sẽ không có vụ giết nhiều mạng người ở North Fork của đảo Long Island. Tôi sẽ nói rõ điều ấy ngay từ đầu.

Học viên trong lớp học của tôi thường từ những người muốn học đòi làm cảnh sát tới các điều tra viên dự thính ở New York dưới cái vỏ của ai đó, một số cảnh sát mặc đồng phục cả trong thành phố lẫn ngoại ô luôn mơ tưởng đến tấm phù hiệu màu vàng, hoặc muốn đặt được một chân lên cao trong các cuộc sát hạch thăng chức. Thỉnh thoảng cũng có một luật sư biện hộ muốn tìm ra cách làm thế nào để các khách hàng xấu xa của họ được tuyên trắng án vì một chi tiết nhỏ trong luật pháp.

Có lần, trong lớp học có một anh chàng không bao giờ nghỉ học, luôn lắng nghe từng từ tôi nói, đạt điểm A trong khóa học, sau đó giết chết bố của vợ mình. Anh ta nghĩ mình đã thực hiện một hành động hoàn hảo, nhưng một nhân chứng tình cờ đã giúp cho anh ta có được một chỗ trong phòng giam xa chiếc ghế điện. Dù sao, tôi nghĩ anh ta vẫn xứng đáng điểm A.

Tôi đã viết tên tôi trên tấm bảng đen, bên dưới là tên của khóa học dành cho các Sherlock Holmes tương lai, những người cần thêm những điều khác ngoài tên của giảng viên và số phòng mới biết chắc là mình đang ở đúng nơi cần đến.

Một phần trong thỏa thuận của tôi với sở Cảnh sát New York là sự chấp nhận của họ về tình trạng thương tật ba phần tư của tôi, thôi không truy cứu trách nhiệm tất cả những cáo buộc với tôi, và sự giúp đỡ của sở để tôi có một chân giảng dạy thêm và hợp đồng hai năm với trường Tư pháp John Jay. Giữa sở Cảnh sát New York và trường John Jay có một mối quan hệ gắn bó, vì thế đây không phải là việc quá khó đối với họ. Về phần tôi, tất cả những gì tôi phải làm là nghỉ hưu và có những lời nói tốt đẹp với người khác về sở Cảnh sát và các cấp trên của tôi. Tôi đang đi đến những ngày cuối cùng của sự nghiệp. Mỗi ngày, khi ở trên tàu điện ngầm, tôi nói to lên với mọi người rằng "Sở Cảnh sát New York thật tuyệt vời. Tôi yêu mến trung úy Wolfe."

Tiếng chuông reo vang, tôi rời cửa sổ quay ra bục giảng. Tôi nói, "Xin chào. Tôi là John Corey, nguyên điều tra viên của sở Cảnh sát New York. Trên bàn của các bạn là nội dung chính của khóa học, danh mục các tài liệu phải đọc và tham khảo thêm, cùng với các chủ đề gợi ý để viết tiểu luận nghiên cứu". Tôi nói thêm, "Tất cả các bạn sẽ trình bày trên lớp về tiểu luận nghiên cứu của mình". Điều này sẽ bớt cho tôi rất nhiều thời gian, đỡ phải đứng giảng cả ba mươi tiết học.

Tôi huyên thuyên một lúc về khóa học, về đánh giá kết quả và việc đến lớp, v.v... Tôi bắt gặp ánh mắt của mấy học viên ngồi trên dãy bàn đầu, tuổi của họ từ mười tám đến tám mươi, khoảng một nửa là nam, một nửa là nữ, da trắng có, da đen có, người gốc Á, người gốc nói tiếng Tây Ban Nha, một anh chàng quấn khăn kiểu người Hồi Giáo, hai phụ nữ mặc quần áo xa-ri của người Hin-du, một vị mục sư với chiếc áo kiểu tu sĩ. Toàn người sống ở New York. Tôi đoán điểm chung của tất cả các học viên này là mối quan tâm đến hoạt động điều tra các vụ án mạng. Giết người là điều gây sự cuốn hút và đáng sợ. Đó là một điều cấm kỵ lớn, một loại tội phạm mà có lẽ mọi nền văn hóa ở mọi thời đại đều lên án, coi nó là loại tội phạm số một chống lại xã hội, bộ tộc, dòng họ, cá nhân.

Tôi nhìn thấy những ánh mắt sáng lên, những cái đầu gật gật trong lúc tôi đang nói. Có lẽ tất cả mọi người đều muốn đến đây, điều không phải bao giờ cũng đúng trong phòng học.

Tôi nói, "Chúng ta cũng sẽ tìm hiểu một số cách tiếp cận không khoa học trong điều tra như linh cảm, bản năng, trực giác. Chúng ta sẽ tìm cách định nghĩa các -"

"Xin lỗi, thưa điều tra viên."

Tôi nhìn lên và thấy một bàn tay giơ lên vẫy vẫy ở hàng ghế cuối cùng. *Chết tiệt*. Ít ra thì cũng phải chờ cho đến khi tôi nói xong đã chứ. Bàn tay ấy nối với một cơ thể, tôi đoán thế, nhưng người phụ nữ sở hữu bàn tay ấy lại ngồi đằng sau một anh chàng to lớn và tôi chẳng thấy gì ngoài bàn tay vẫy vẫy. Tôi nói, "Vâng?"

Beth Penrose đứng lên và tôi suýt ngã xuống sàn. Nàng nói, "Điều tra viên Corey, ngài có trình bày các vấn đề về khám xét và thu giữ hợp pháp, các quyền của nghi phạm liên quan đến khám xét trái pháp luật, và làm thế nào để làm việc cùng với đồng sự mà không làm cho họ nổi cáu không?"

Cả lớp cười ồ lên. Tôi chả thấy gì là buồn cười.

Tôi hắng giọng và nói, "Tôi... Mọi người nghỉ giải lao năm phút trong lớp, tôi sẽ quay lại ngay." Tôi ra khỏi phòng và bước xuống phía sảnh lớn. Tất cả các lớp học khác đều đang trong giờ và hành lang rất yên tĩnh. Tôi dừng lại trước đài phun nước và lấy một ngụm uống.

Beth Penrose đứng nhìn tôi cách mấy bước. Tôi đứng thẳng lên và nhìn nàng. Nàng mặc chiếc quần bò bó sát, đi giầy đi bộ, áo sơ mi nỉ kẻ ô vuông, tay áo xắn cao, mấy chiếc cúc áo để mở. Trông nàng mang vẻ nghịch ngợm của con trai hơn tôi nghĩ. Tôi hỏi nàng, "vết thương đạn bắn thế nào rồi?"

"Không vấn đề gì. Chỉ xây xát thôi, nhưng cũng để lại sẹo."

"Hãy kể cho các cháu của em nghe về nó."

"Vâng."

Chúng tôi đứng nhìn nhau.

Cuối cùng, nàng nói, "Anh chưa gọi cho em bao giờ."

"Đúng, anh chưa bao giờ gọi."

"Dom Fanelli rất tốt bụng đã cho em biết mỗi khi có điều gì về anh."

"Cậu ta ư? Gặp cậu ta anh phải tống cho một quả vào mũi."

"Không, đừng. Em thích anh ấy. Tiếc là lại có vợ rồi."

"Đó là điều cậu ấy nói. Em đăng ký vào học trong lớp này à?"

"Chắc chắn rồi. Mười lăm buổi, mỗi buổi hai tiết, thứ tư hàng tuần."

"Và em đi từ... em sống ở đâu nhỉ?"

"Hungtington. Đi ô tô hoặc đi tàu chưa đến hai tiếng. Lớp học kết thúc lúc chín giờ nên em vẫn về kịp tới nhà để xem bản tin mười một giờ." Nàng hỏi tôi, "Còn anh thế nào?"

“Anh sẽ về đến nhà để xem bản tin lúc mười giờ.”

“Ý em là anh đang làm công việc gì ngoài giảng dạy.”

“Chừng ấy là đủ rồi. Ba lớp ban ngày, một lớp buổi tối.”

“Anh có nhớ công việc không?” Nàng hỏi.

“Có lẽ... có. Anh nhớ công việc, những người đồng nghiệp, cái... cảm giác được làm gì đó... nhưng tất nhiên anh không nhớ nhưng gì cái thói hành chính vớ vẩn. Cũng đến lúc phải thay đổi công việc. Còn em thế nào? Vẫn hăng chứ?”

“Tất nhiên. Em là người hùng. Họ yêu mến em. Em là niềm tự hào của cảnh sát và nữ giới.”

“Anh là niềm tự hào của nam giới.”

“Chỉ nam giới các anh nghĩ thế.” Nàng bật cười.

Rõ ràng cuộc nói chuyện thú vị với nàng hơn là với tôi.

Nàng chuyển chủ đề và nói, “Em nghe nói anh có ra ngoài ấy nói chuyện với văn phòng công tố viên của quận Suffolk vài lần.”

“Ừ. Họ vẫn đang cố tìm hiểu những điều đã xảy ra.” Tôi nói thêm, “Anh cố hợp tác trong khả năng có thể với cái đầu bị thương thường gây ra chứng quên có chọn lọc.”

“Em có nghe rồi. Phải chăng đó là lí do anh quên gọi cho em.”

“Không. Anh không quên.”

“Vậy...” Nàng bỏ lửng câu nói và hỏi tôi, “Đã lần nào anh ra North Fork kể từ - ”

“Chưa. Và anh sẽ không bao giờ tới đó nữa. Còn em?”

“Em có lẽ đã phải lòng với nơi đó. Em đã mua một căn nhà nhỏ để nghỉ cuối tuần ở Cutchogue trên khu đất rộng vài mẫu, xung quanh là trang trại. Nó làm em nhớ đến trang trại của bố em hồi em còn nhỏ.”

Tôi định nói nhưng lại thôi. Tôi không biết chuyện này sẽ đi tới đâu, nhưng tôi đoán Beth Penrose không mất ba, bốn tiếng đồng hồ mỗi tối thứ tư tới đây chỉ để nghe những lời nói của ông thầy, những lời mà nàng đã nghe và bác lại một phần hồi tháng Chín. Hiển nhiên là Penrose còn chuyện gì khác ngoài ba tín chỉ đại học. Còn tôi thì lại đang quen dần với việc sống một mình.

Nàng nói, "Nhân viên nhà đất ở đó nói với em là cậu anh đã bán căn nhà đi rồi."

"Ừ. Nó cũng làm anh hơi buồn."

Nàng gật đầu. "Anh có thể đến thăm em ở Cutchogue bất kỳ ngày cuối tuần nào."

Tôi nhìn nàng và nói, "Nhưng anh nên gọi trước cho em."

Nàng đáp, "Em ở một mình. Còn anh?"

"Cậu đồng nghiệp cũ của anh nói gì với em rồi?"

"Anh ấy bảo anh ở một mình."

"Nhưng không cô đơn?"

"Anh ấy chỉ nói là anh chưa có ai đặc biệt."

Tôi không đáp, mắt liếc nhìn đồng hồ.

Nàng chuyển chủ đề và cho tôi biết, "Nguồn thông tin của em ở văn phòng công tố viên nói vụ án sắp đưa ra xử. Không bàn cãi gì về biện hộ của bị cáo. Họ muốn buộc tội giết người với mức án tử hình."

Tôi gật đầu. Có lẽ tôi chưa nói việc này, nhưng cái gã Fredric Tobin bị moi ruột và tróc tóc vẫn còn sống. Tôi không quá ngạc nhiên vì tôi biết mình chưa gây ra cho hắn vết thương đến mức làm chết người ngay. Tôi đã tránh những động mạch lớn của hắn, tránh găm lưỡi dao vào tim hay cắt cổ hắn, như điều có lẽ tôi nên làm. Từ trong tiềm thức, tôi không thể nào

giết người, mặc dù nếu trong lúc tôi khuất phục hắn, hắn có chết vì sốc hoặc do mất máu thì cũng chẳng sao. Giờ hắn đang ngồi trong phòng biệt giam của quận, ngẫm nghĩ về một án chung thân sau song sắt với Bubba, hoặc cho điện giật gây sốc hệ thần kinh trung ương. Hoặc có thể là tiêm thuốc độc. Tôi ước sao chính quyền này sẽ quyết định cuối cùng. Tôi thì ủng hộ hành quyết Tobin bằng ghế điện, và tôi sẽ là một trong những nhân chứng chính thức được chứng kiến khói bốc ra từ trong tai hắn.

Tôi không được phép vào thăm gã tồi nhỏ con kia, nhưng tôi tìm cách để hắn có được số máy nhà của tôi. Hắn gọi cho tôi hai tuần một lần từ trong trại giam. Tôi nhắc cho hắn nhớ rằng cuộc sống của hắn với rượu vang, phụ nữ, những bài hát, những chiếc xe Porsche, tàu cao tốc và những chuyến đi đến Pháp đã chấm hết, và rằng một ngày không xa, hắn sẽ được đưa khỏi trại giam trước khi trời sáng và bị hành quyết. Còn hắn nói rằng hắn sẽ thoát, rằng tôi nên cẩn thận một khi hắn trở lại. Gã đần độn này có cái tôi vĩ đại thật.

Beth nói, "Em đã đến thăm mộ Emma Whitestone."

Tôi không đáp.

Nàng nói, "Họ mai táng chị ấy trong một nghĩa trang cũ xinh đẹp giữa các ngôi mộ khác của dòng họ Whitestone. Một số ngôi đã ba trăm năm tuổi."

Tôi vẫn lặng thinh.

Beth nói tiếp, "Em chỉ gặp chị ấy có một lần ở trong phòng bếp nhà anh, nhưng em thích chị ấy, nên em muốn mang một ít hoa đặt lên mộ. Anh cũng nên làm như thế."

Tôi gật đầu. Tôi nên tới cửa hàng hoa Whitestone và nói lời chào, và đáng lẽ tôi nên tới đám tang nàng, nhưng tôi đã không đến. Không thể đến.

"Max có hỏi thăm anh,"

“Là cái chắc. Anh ấy vẫn nghĩ anh đang ngồi lên trên hai mươi triệu đô la vàng và đồ trang sức.”

“Có thật thế không.”

“Hẳn là thế. Đó là tại sao anh tới đây để kiếm thêm tiền phụ vào khoản lương thương tật.”

“Phổi của anh sao rồi?”

“Ổn.” Tôi nhìn thấy một số học viên trong lớp của tôi đã không thể ngồi yên và đi lang thang ra ngoài sảnh, đi vệ sinh hoặc hút thuốc. Tôi nói với Beth, “Anh phải quay về lớp.”

“Vâng.”

Chúng tôi bước chầm chậm cùng nhau qua hành lang. Nàng nói, “Anh có nghĩ họ sẽ tìm thấy kho báu của thuyền trưởng Kidd không?”

“Không. Anh nghĩ cái gã Paul Stevens hoang tưởng đã giấu kho báu đủ kín để nó nằm đó thêm ba trăm năm nữa.”

“Có lẽ anh nói đúng. Quá tệ.”

“Có thể không. Có thể nó cứ nên ở nguyên nơi đó.”

“Anh có mê tín không?”

“Trước đây thì không. Nhưng bây giờ thì không biết chắc như thế.”

Chúng tôi tới cửa phòng học.

Nàng nói, “Em phát hiện ra có một cái bể bơi trong tòa nhà này. Đã bao giờ anh bơi ở đó chưa?”

“Thỉnh thoảng.”

“Tuần sau em sẽ mang theo đồ bơi. Được chứ?”

“Được... Beth?”

“Sao cơ?”

"Ồ... thế này có bất tiện không nhỉ?"

"Không. Em hy vọng được điểm A trong khóa học."

Tôi mỉm cười.

"Em sẽ làm tất cả những gì phải làm."

"Không hối lộ anh được đâu."

"Dám cá không?"

Một vài học viên trong lớp đang nhìn chúng tôi, họ tủm tỉm cười và thì thào với nhau.

Chúng tôi đi vào lớp, tôi đi trước, Beth theo sau.

Tôi nói với cả lớp, "Chúng ta có thêm một điều tra viên án giết người nữa trong lớp, điều tra viên Beth Penrose của cảnh sát quận Suffolk. Tên của điều tra viên Penrose có thể đã quen thuộc với các bạn về một vụ án giết người gần đây ở vùng North Fork của Long Island." Tôi nói thêm, "Tôi đã làm việc với cô ấy trong vụ án, và chúng tôi đã học được ở nhau cách làm việc và nghiệp vụ điều tra. Ngoài ra, cô ấy đã cứu mạng tôi, vậy nên để trả ơn, tôi sẽ mời cô ấy đi uống một chút sau buổi học hôm nay."

Tất cả mọi người vỗ tay.

Ngày nghỉ lễ ở Mỹ vào thứ hai cuối cùng của tháng Năm, để tưởng niệm những người lính Mỹ đã chết trong chiến tranh-ND.

Nghĩa là Quán Rượu Phố Cũ, tên tiếng Anh thường chỉ là Old Town Tavern, không có chữ E ở cuối - ND.

Hệ thống điện tử lắp đặt trên ô tô - ND.

Retrovirus là các loại virut RNA có vỏ bọc bên ngoài, sau khi xâm nhiễm, gen của virut này được sao chép ngược thành DNA sợi kép, hợp nhất vào gen của tế bào chủ và biểu hiện thành protein - ND.

1920-1933 (ND).

Bệnh Lyme: Một loại bệnh do vi khuẩn gây ra. Vi khuẩn này lây nhiễm vào cơ thể do bị côn trùng nhỏ như ve, bét đốt và có thể dẫn đến những rối loạn ở hệ tim mạch, khớp và hệ thần kinh - ND.

Tiếng Pháp: *Cửa phía đông của bạn đã mở* - ND.

Một tỉnh của Canada chủ yếu nói tiếng Pháp - ND.

Câu chửi tục, tiếng Pháp - ND.

Pinocchio: Tên một nhân vật trong phim hoạt hình của Walt Disney dựa trên một câu chuyện của người Italia về một con rối biến thành một cậu bé, mỗi khi cậu bé nói dối là mũi lại dài ra-ND.

Khoảng 33,6 hecta - ND.

Tiếng Đức nghĩa là Chỉ huy cao cấp thời Hitle, ở đây muốn ví Stevens như một tên phát xít- ND.

Edgar Allan Poe: nhà văn Mỹ (1809-1849), được coi là người viết truyện trinh thám hiện đại đầu tiên - ND.

Hình ảnh trong phim *Indiana Jones và Ngôi đền chết* của đạo diễn Steven Spielberg, sàn xuất năm 1984-ND.

Vật thể bay không xác định.

Phòng làm việc của tổng thống Mỹ tại Nhà Trắng - ND.

June tiếng Anh nghĩa là tháng Sáu - ND

Họa sĩ người Bỉ, sống ở Anh (1599-1641) -ND.

Diễn viên người Mỹ (1909-1995) từng đoạt giải Oscar-ND.

Biệt danh của Harland David Sanders (1890-1980), người sáng lập ra các nhà hàng Gà Quay Kentucky (KFC).

Những nơi đã từng xảy ra sự cố lò phản ứng hạt nhân - ND.

Tên một tiểu thuyết của nhà văn Mỹ Richard Russo, phát hành năm 1997 - ND.

Tên một bộ phim hài của đạo diễn người Mỹ Stanley Kubrick - ND.

Tên một loài ruồi lớn ở châu Phi có thể truyền bệnh khiến người hoặc động vật bị cắn ngủ thiếp đi cho đến chết - ND.

Tên một tờ nguyệt san nổi tiếng ở Mỹ, phát hành trên 70 quốc gia bằng 21 thứ tiếng - ND.

Hòn đảo của tiến sĩ Moreau: tên một tiểu thuyết khoa học viễn tưởng nổi tiếng của nhà văn người Anh H. G. Wells, năm 1896, tiểu thuyết đã được dựng thành phim ba lần - ND.

Tên một chương trình khách mời nổi tiếng của đài truyền hình CBS do Montel Williams thực hiện-ND.

Tên hai nhân vật trong bộ truyện tranh cùng tên nổi tiếng ở Mỹ.

Martha Stewart: Doanh nhân, nhà văn, biên tập viên có vị trí hàng đầu ttong ngành xuất bản ở Mỹ, đã từng được bầu chọn là người phụ nữ quyền lực thứ ba nước Mỹ năm 2001 - ND.

Ba mươi ba và ba: tên một con đường ở thành phố New York, thường được dùng để nhại giọng người New York - ND.

Tên con tàu nổi tiếng đưa những người truyền giáo Anh tới Plymouth, Massachusetts năm 1620.

Jay Leno: Nhân vật hài nổi tiếng của Mỹ dẫn chương trình *The Tonight Show* trên kênh truyền hình NBC.

Xin chào (tiếng Pháp).

Vùng đất có hình cánh tay vươn ra biển ở bang Massachusetts, Mỹ - ND.

Thuộc bang California, nổi tiếng về rượu vang - ND.

Tên địa danh, nghĩa là cổ Lợn To.

Tên một loại thuốc chữa bệnh trầm cảm.

Chỉ người ăn xin.

Hội chứng căng thẳng ở phụ nữ trong thời gian sắp có kinh nguyệt - ND.

Nơi những người khám phá ra miền đất lên bờ lần đầu tiên.

Trong tiếng Anh, động từ *to date* có nghĩa là hẹn hò, có quan hệ tình cảm với ai đó, nhưng cũng có nghĩa là ghi nhớ ngày của một sự kiện - ND.

Đô đốc hải quân nổi tiếng của Mỹ (1747-1792) trong thời kỳ Chiến tranh Cách mạng - ND.

Biệt hiệu của những kẻ giết người hàng loạt, ở đây là Tobin - ND.